PHẬT LỊCH 2552 -2008

ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO TỤC BIÊN

(Quyển Thượng)

印光法師

文鈔續編

(上)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh & hiệu đính: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC QUYỂN THƯỢNG

Lời Tựa Ấn Tống Ấn Quang Văn Sao Tục Biên

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao [không gì] ra ngoài [phạm vi của nó] được, như trời che khắp, như đất nâng đều. Không một pháp nào chẳng được kiến lập từ pháp này, không một ai chẳng được pháp này un đúc. Do hết thảy các pháp Đại, Tiểu Thừa đức Như Lai đã nói trong suốt một đời đều là tùy theo căn tánh của chúng sanh mà nói, hoặc khế lý nhưng chẳng thể khế hợp khắp mọi căn cơ; hoặc khế cơ nhưng chẳng thể khế hợp chí lý (lý tột cùng) một cách triệt để. Vì thế, bản hoài xuất thế độ sanh của đức Như Lai bị khuất lấp chưa được thông suốt, đại pháp khiến cho chúng sanh được liễu thoát ngay trong đời này còn bị ẩn kín chưa được tỏ bày. [Pháp hội] Hoa Nghiêm tuy đã hướng dẫn về Tây Phương, nhưng hàng Nhân, Thiên, Quyền Thừa [Bồ Tát] chưa được nghe. Các kinh cũng nhiều phen nói đại lược những đầu mối tốt lành, nhưng cương yếu pháp môn chưa được đặt để. Do vậy, đức Như Lai khởi lòng Vô Duyên Từ, vận tâm Đồng Thể Bi, trong hội Phương Đẳng, đặc biệt nói ba kinh Tịnh Độ Di Đà, độ khắp ba căn, thâu trọn chín giới, xiển dương đạo mầu thành thủy thành chung của Như Lai, dạy cho chúng sanh quy mô vĩ đại *"tâm làm, tâm là"*. Cơ lẫn lý đều khế hợp, phàm lẫn thánh đều được nhờ, như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh, như mười phương hư không bao hàm trọn muôn hình tượng, khiến cho khắp thánh - phàm đều thành tựu đạo nghiệp trong đời hiện tại, tỏ bày thông suốt bản hoài xuất thế độ sanh của Như Lai! Nếu đức Như Lai chẳng nói pháp này thì chúng sanh đời Mạt Pháp không một ai có thể liễu thoát sanh tử ngay trong một đời này.

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh nhằm nơi đoạn diệt Phật pháp, mới sanh được nửa năm, lại mắc bệnh mắt nhắm nghiền sáu tháng. Đến tuổi đi học, bao lượt gặp cảnh giặc cướp, binh đao quấy nhiễu. Vừa có chút hiểu biết, lại trúng phải chất độc báng Phật của bọn Trình - Châu. May là học thức hoàn toàn chẳng có gì, chẳng thể tạo nghiệp đọa A Tỳ ngay trong khi còn sống. Nếu tài trí được như bọn họ, ắt đến nỗi tạo tội khiên mười phương hư không chẳng dung. Do ý ác ấy, mắc bệnh khổ lâu dài, cả mấy năm hệt như phế nhân. Một ngày nọ mới biết mình lầm lạc, bèn xuất gia làm Tăng mong diệt tội lỗi. Tông - Giáo lý sâu không có sức nghiên cứu, Tịnh Độ đạo lớn quyết chí tuân hành, toan làm một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, chỉ lo tự độ, chẳng mộng hoằng pháp lợi sanh! Năm ba mươi ba tuổi, đến chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, Trụ Trì là hòa thượng Hóa Văn biết Quang chỉ biết ăn cơm, không làm chuyện chi khác được, bèn cho làm thực khách thường xuyên, chẳng giao phó chút việc cỏn con gì. Hơn hai mươi năm qua cũng khá được an lạc, suốt năm không ai đến thăm, không nhận được lá thư nào.

Năm Tuyên Thống thứ ba (1911), tờ Phật Học Tùng Báo được phát hành tại Thượng Hải, ông Cao Hạc Niên mấy lần gởi báo qua bưu điện cho xem. Thấy những văn tự được in trong báo ấy phần nhiều hợp công đạo, nhưng những điều lạm bàn về chánh trị trong báo có chỗ hơi thiên vị, tôi trộm sợ rằng có người sẽ viện vào chuyện ấy để chê cười Phật pháp, bèn dùng cái tên Vân Thủy Tăng Thích Thường Tàm để gởi thư xin nhà báo hãy lập luận cho công bình, đừng để ngọc đẹp có vết, nhưng những vị biên tập chẳng thèm để mắt đến. Về sau, ông Hạc Niên lên núi này, tôi kể đầu đuôi; ông ta bèn đem mấy thiên cảo văn đăng báo, ký tên là Thường Tàm, chẳng một ai biết đến.

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Từ Úy Như nhận được ba lá thư từ bạn hữu, bèn in ra năm ngàn bản, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Tín Cảo (bản thảo thư từ của pháp sư Ấn Quang) tặng cho mọi người. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông thâu thập được hơn hai mươi bức thư nữa, đem in tại Bắc Kinh, đặt tựa là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đem sách ấy đến Phổ Đà xin quy y. Quang bảo ông ta quy y với ngài Đế Nhàn. Năm Dân Quốc thứ tám (1919), lại in bộ Tục Biên. Mùa Thu năm ấy, mẹ ông mất tại nơi cư ngụ ở đất Thân (Thượng Hải). Tang ma xong xuôi, bèn nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán ghép bộ Sơ Biên và Tục Biên thành một. Năm Dân Quốc 12 (1923), Quang bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán in riêng bản Tăng Đính, chia làm bốn quyển, lưu bản[1]. Lần đầu, in hai vạn bộ. Năm Dân Quốc 14 (1925), lại cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng, vẫn chia thành bốn quyển. Từ đấy, bất luận văn tự gì cũng đều nhất loạt không lưu lại bản nháp nữa, một là để khỏi lãng phí tiền tài thí chủ, hai là chẳng đến nỗi làm gai mắt huệ của người thông sáng. Năm Dân Quốc 19 (1930), yểm quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu, vị Đương Gia[2] [chùa ấy] là thầy Minh Đạo cho người sao trộm. Năm Dân Quốc 24 (1935), thầy ấy qua đời mới thôi.

Năm Dân Quốc 26 (1937), Quang tỵ nạn tại Linh Nham Sơn, người chép lại bèn giao bản cảo cho vị Đương Gia [chùa Linh Nham] là thầy Diệu Chân. Thầy Diệu Chân lại cho sao lục, đăng tải trong những tờ bán nguyệt san. Quang biết, nhưng lọt vào thế không làm gì được, chỉ đành giảo duyệt kỹ càng để in, hòng mãn nguyện thầy ấy. Quang lúc nhỏ kém học vấn, lớn lên

---

[1] Tăng Đính Bản về sau được bổ sung thêm một số bài nữa nên gọi là Tăng Quảng Chánh Biên, hay Ấn Quang Văn Sao Sơ Biên. "Lưu bản" là giữ lại bản in. Thuở ấy, thường in theo lối mộc bản, bản gỗ khắc chữ để in rất cồng kềnh nên nếu không yêu cầu, nhà in sẽ không giữ lại mộc bản.

[2] Đương Gia theo nghĩa gốc là vị quản gia của một dinh thự hoặc một phủ viện. Nhà chùa cũng dùng chữ Đương Gia để chỉ vị Tăng quản trị một ngôi chùa. Sư Diệu Chân làm Đương Gia từ khi hòa thượng Chân Đạt trụ trì Linh Nham.

chẳng biết gì, văn cực vụng về, chất phác, chẳng đáng lọt vào mắt. Nhưng những điều Quang nói đều dựa theo ý kinh Phật, lời Tổ rồi tùy cơ nói giản lược đó thôi, chẳng dám vọng sanh ý kiến gây lầm lạc cho người, lại thêm vào đó những gì mình đã từng trải hơn năm mươi năm. Nếu chịu bỏ qua văn để nắm lấy ý nghĩa, ắt có thể coi như một cái mốc gỗ để chỉ thẳng chuyện Tây quy (trở về Tây Phương Cực Lạc) cũng chẳng ngại gì! Xin hãy dốc sức về Tây, dũng mãnh tiến thẳng lên phía trước. Chớ vì cột mốc gỗ này xấu hèn mà chẳng muốn thấy lộ trình về Tây thì người dựng mốc lẫn người quy Tây đều cùng chẳng tiếc nuối.

Thêm nữa, bộ Sơ Biên tuy đã in hơn mười vạn bộ, nhưng bậc đại thông gia thấy sách này chỉ chuyên nói đến chuyện "tín nguyện niệm Phật, nhân quả báo ứng, giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, giáo dục gia đình", toàn là những lời văn nôm na khuyên đời, hoàn toàn chẳng phải là những lời lẽ "vén mây thấy trăng, mở cửa thấy núi", mở rộng tâm mục cho người, tỏ bày thông suốt bản hoài của Phật, cho nên coi như đồ bỏ. Cũng có những người cùng một căn tánh như Quang, xem [bộ sách này] như diệu bảo. Do đây mà người bỏ mê theo ngộ, bỏ tà về chánh, sống giữ vẹn luân thường, mất sanh về Cực Lạc đông lắm. Bộ Tục Biên ngoài những điều đã nói như trong bộ Sơ Biên, còn thêm những chuyện như "[khuyên] sản phụ niệm Quán Âm, sữa độc giết chết con cái". Đấy đều là những điều cao tăng, thầy thuốc xưa nay chưa hề nói đến mà Quang cứ nhắc đi nhắc lại.

Cổ nhân nếu chẳng phải là tướng giỏi thì cũng là lương y, chỉ mong giúp đời, cứu sống người. Quang là ông Tăng vô tri vô thức chỉ biết đến cơm cháo, do một mình ông Từ Úy Như lan truyền cái hư danh, rốt cuộc muôn người nhận tiếng hư, đón tiếng vang, cho là thật, xem như thiện tri thức. Họ đã "đem sai ngoa truyền sai ngoa", Quang chẳng ngại "dùng lầm lạc đáp tạ lầm lạc", dạy người sống có nơi nương tựa, lúc mất có chỗ quy túc, sanh nở không ách nạn, con chẳng chết ngang, để tận hết tấm lòng tôi. Dẫu gai con mắt huệ của bậc thông hiểu, nhưng vì có ích cho người, không gây hại cho đời, nên bèn tùy thuận ý của hai thầy Minh Đạo, Diệu Chân cho lưu thông [sách này] và lược thuật duyên khởi. Hiểu tôi hay bắt tội tôi, đều không kể đến vậy!

Năm Dân Quốc 28 (1939), Kỷ Mão, đầu Hạ, Thường Tàm Quý Tăng Thích Ấn Quang kính soạn (năm 79 tuổi)

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao
Quyển Thượng

I. THƯ TỪ

1. Một lá thư gởi khắp

(lời lẽ tuy vụng về chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ kinh Phật. Nếu chịu hành theo, lợi lạc vô cùng. Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Pháp môn Tịnh Độ, độ khắp ba căn, lợi - độn trọn thâu, chính là đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy thượng thánh hạ phàm khiến cho họ liễu sanh tử ngay trong một đời này. Đối với pháp này chẳng tin, chẳng tu, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn này lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông[3]. Tín là tin thế giới chúng ta đây là khổ, tin thế giới Cực Lạc là vui. Tin ta là nghiệp lực phàm phu, quyết định chẳng thể cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh thoát tử. Tin A Di Đà Phật có đại thệ nguyện; nếu có chúng sanh niệm danh hiệu Phật, cầu sanh cõi Phật, người ấy lúc mạng chung, Phật ắt rủ lòng từ tiếp dẫn sanh về Tây Phương. Nguyện là nguyện mau thoát lìa thế giới khổ sở này, nguyện mau vãng sanh thế giới Cực Lạc kia. Hạnh là chí thành khẩn thiết, thường niệm Nam Mô (âm đọc là Nạp-mạc[4]) A Di Đà Phật, thời thời khắc khắc chớ để tạm quên. Sáng tối đối trước Phật lễ bái, trì tụng, tùy theo bản thân rảnh rỗi hay bận bịu mà lập một khóa trình[5]. Ngoài ra, [trong lúc] đi - đứng - ngồi - nằm và làm những chuyện chẳng phải dùng đến tâm thì đều khéo niệm. Lúc ngủ nên thầm niệm, chẳng nên niệm ra tiếng. Chỉ nên niệm bốn chữ A Di Đà Phật để khỏi bị nhiều chữ khó niệm. Nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc đang lúc rửa ráy, đại tiểu tiện, hoặc đến chỗ không sạch sẽ đều nên niệm thầm. Niệm thầm có

---

[3] Tông: Tông ở đây là ý nghĩa chủ yếu của một bộ kinh, hay chủ trương, giáo nghĩa chánh yếu được xiển dương bởi một bộ kinh. Hiểu theo nghĩa rộng, Tông là giáo nghĩa căn bản, chủ đạo của một pháp môn. Theo Thiên Thai Tông, Tông chính là nội dung nhất quán của một bộ kinh hay một pháp môn.

[4] Do chữ Nam Mô 南無 nếu đọc theo giọng Quan Thoại thông thường sẽ thành Nán-wú nên ở đây Tổ ghi âm bằng chữ Nạp-mạc 納 莫 (âm Quan Thoại là Nà-mó) để chỉ cách đọc mô phỏng âm Namo trong tiếng Phạn.

[5] Khóa trình: Thời gian tu tập nhất định trong một ngày, thường dùng để chỉ một thời tụng kinh, niệm Phật hay tọa thiền.

cùng một công đức [như niệm ra tiếng], niệm ra tiếng không hợp lễ. Bất luận niệm lớn tiếng hay niệm nhỏ tiếng, niệm Kim Cang (niệm có tiếng nhưng người bên cạnh không nghe được), niệm thầm trong tâm, đều phải niệm cho rõ ràng rành rẽ trong tâm, miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ. Như thế thì tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, vọng tưởng dần dần dứt, Phật niệm dần dần thuần, công đức rất lớn!

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ tâm không giết (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu Thập Thiện nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si). Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là "thiện nhân". Thiện nhân niệm Phật cầu sanh Tây Phương chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn được!

Lại phải nên khuyên cha mẹ, anh em, chị em, thê thiếp, con cái, xóm làng, thân hữu đều cùng thường niệm "nam-mô A Di Đà Phật" và "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" (mỗi ngày nếu niệm một vạn câu Phật hiệu thì niệm năm ngàn câu Quán Âm, nhiều hay ít chiếu theo đây mà gia giảm). Bởi chuyện này lợi ích rất lớn, nỡ nào để người sanh ra ta và quyến thuộc của ta cũng như thân hữu chẳng được hưởng lợi ích này hay sao? Huống chi hiện tại đang là lúc cõi đời hoạn nạn lớn lao, tai họa xảy đến không cách gì đối phó được. Nếu thường niệm Phật và niệm Quán Âm, chắc chắn được Phật từ che chở, gặp dữ hóa lành. Dẫu không tai nạn cũng được nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng. Huống chi, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho kẻ phàm phu thành Phật, công đức rất lớn! Dùng công đức này hồi hướng vãng sanh, ắt được mãn nguyện.

Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân - thiên trong đời sau. Hễ có tâm ấy sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh

Độ liễu thoát ngay trong một đời, khó như lên trời! Phật dạy người niệm Phật cầu sanh Tây Phương là để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân - thiên đời sau thì là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? Người ngu niệm Phật chẳng cầu sanh Tây Phương, cầu phước báo nhân thiên đời sau cũng chẳng khác gì!

Người niệm Phật chẳng được lạm tu con đường tham cứu của nhà Thiền, bởi người tham cứu chẳng chú trọng nơi tín nguyện cầu sanh; dẫu có niệm Phật cũng chỉ chú trọng khán câu *"người niệm Phật là ai?"* để cầu khai ngộ mà thôi! Nếu sanh Tây Phương thì không một ai chẳng khai ngộ! Nếu khai ngộ mà Hoặc nghiệp hết sạch thì có thể liễu sanh tử. Nếu Hoặc nghiệp chưa hết sẽ chẳng thể cậy vào Tự Lực để liễu sanh tử. Lại do không có tín nguyện nên chẳng thể cậy vào Phật Lực để liễu sanh tử. Tự Lực lẫn Phật Lực cả hai đều không nhờ cậy được, muốn thoát luân hồi há có được chăng? Phải biết: Pháp Thân Bồ Tát lúc chưa thành Phật đều phải cậy vào oai lực của Phật, huống chi nghiệp lực phàm phu phí công bàn chuyện Tự Lực, chẳng cậy Phật Lực ư? Lời lẽ tuy cao siêu, nhưng hạnh thật hèn tệ. Phật Lực, Tự Lực lớn - nhỏ, nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Nguyện đồng nhân[6] đều hiểu nghĩa này.

Người niệm Phật chớ nên bắt chước kẻ ngu, làm những *"Phật sự"* như hoàn thọ sanh[7], gởi kho v.v… bởi chuyện "hoàn thọ sanh" chẳng phát xuất từ kinh Phật, mà do người đời sau ngụy tạo. "Gởi kho" là nguyện chết đi làm quỷ, chuẩn bị sẵn tiền tiêu dùng trong quỷ đạo. Đã có tâm nguyện làm quỷ sẽ khó thể vãng sanh. Nếu chưa làm, hãy chớ có làm. Nếu trót đã làm hãy bẩm rõ cùng Phật: *"Đệ tử tên là… chỉ cầu vãng sanh, tiền trước kia gởi kho nơi cõi âm, đều dùng chẩn tế cô hồn hết"* thì mới chẳng gây chướng ngại cho việc vãng sanh. Phàm những kinh như Thọ Sanh, Huyết Bồn, Thái Dương, Thái Âm, Nhãn Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa[8]

---

[6] Đồng nhân: Những người có cùng căn cơ với ta.

[7] Đây là một quan điểm mê tín của người dân Trung Hoa thời xưa. Họ tin rằng khi sanh làm người, ai nấy đều bị thiếu nợ một khoản tiền dưới âm phủ, nếu không đốt tiền giấy van vái trả nợ dần dần sẽ bị tổn phước giảm thọ, gặp nhiều tai nạn, ác mộng, ba hồn bảy phách bị suy bại nên chết yểu. Khoản tiền giấy vàng bạc đốt để trả nợ gọi là Hoàn Thọ Sanh (quan điểm này được đề cao qua ngụy kinh Thọ Sanh). "Gởi kho" là đốt tiền giấy, vàng bạc để tích trữ sẵn dưới âm ty như một hình thức gởi tiền tiết kiệm để dùng sau khi chết.

[8] Thọ Sanh Kinh là một kinh do Đạo giáo ngụy tạo. Nội dung kinh nói năm Trinh Quán thứ 13 đời Đường, ngài Huyền Trang duyệt Đại Tạng Kinh, thấy

nói rõ mỗi người khi được đầu thai làm người đều thiếu một khoản nợ lớn tại âm phủ, vị quan chủ mạng của âm phủ sẽ truy tìm người ấy trong nhân gian để đòi nợ. Người nào không chịu trả khoản nợ ấy bằng cách đốt tiền giấy, vàng mã trả nợ cho âm phủ, đêm ngủ sẽ gặp nhiều ác mộng, ba hồn bảy phách vất vưởng, suy bại, sẽ bị mười tám thứ tai ương như đi đường bị trộm cắp, sanh nở khó khăn, chết bất đắc kỳ tử, bị trúng phong mà chết, bị chết vì dịch tật, tai nạn xe cộ, bị vu cáo, bắt bớ, giam cầm, tàn tật v.v… Nếu người nào siêng năng trả tiền nợ thọ sanh sẽ được đủ mọi sung sướng, không tai dịch, không bị sao xấu chiếu, ba đời giàu sang, không bao giờ bị nghèo khổ, khẩu thiệt v.v…

Kinh Huyết Bồn (tên gọi đầy đủ là Phật Thuyết Đại Tạng Chánh Giáo Huyết Bồn Kinh) nói ngài Mục Kiền Liên đến huyện Truy Dương ở Vũ Châu thấy một địa ngục có hình dáng một cái chậu máu lớn rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần, đủ mọi khí cụ hành hình. Trong ngục có nhiều nữ nhân tóc tai rũ rượi, bị ngục tốt bắt uống máu mỗi ngày ba lần. Nếu không chịu uống sẽ bị quỷ sứ dùng gậy sắt đánh đập tàn nhẫn. Hỏi đến nguyên cớ, quỷ sứ đáp: "Do người nữ lúc sanh nở hoặc khi có kinh, máu dơ thấm đất, xúc phạm thần đất. Hoặc tắm gội khiến nước sông, nước suối bị nhiễm máu dơ. Người khác không biết dùng nước ấy đem nấu trà cúng thánh hiền, Thiên đại tướng quân bèn ghi tội kẻ ấy. Sau khi chết bèn đọa ngục này. Muốn cứu giúp vong linh của mẹ thì phải tụng kinh này ba năm, lập Huyết Bồn thắng hội, thỉnh Tăng chúng tụng kinh này, hồn mẹ sẽ được giải thoát!"

Kinh Thái Dương (tên gọi đầy đủ là Thái Dương Tinh Quân Bảo Cáo), có nội dung tán tụng thần mặt trời, xin trích một đoạn như: *"Đồng dương chí thánh, viêm minh thượng chân, chủ Nam cực chi dương khuyết, chưởng nhân thân chi hồn phách, quang huy thạnh đại, hành vi vạn tượng chi tôn đức cao minh, chủ thế chiếu chúng sanh chi mạng, chiếu hồi thiên địa thần quang trú dạ tuần hành, khu nữu âm dương, viêm phách oai thí hách liệt, phàm mông quang chiếu, thực lại sanh thành, đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn"* (tạm dịch: Đức Nhật Cung Thái Dương Ân Quang Phổ Chiếu Thiên Tôn đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, là bậc chí thánh, dương khí thông suốt, là bậc chân thật tột bậc về mặt nóng sáng, làm chủ cửa Dương nơi mặt cực Nam, nắm giữ hồn phách của con người, rực rỡ vô cùng, có đức cao vời hơn mọi vật, chủ trì việc chiếu soi sanh mạng của chúng sanh, ngày đêm đi tuần hành chiếu soi trời đất, duy trì âm dương. Ngài có bản chất ấm nóng, oai dũng ban bố sự chói ngời, phàm những gì được chiếu soi đều nhờ Ngài mà sanh thành). Tiếp đó là bài kệ thần Thái Dương tự khoe công đức: *"Trên trời không ta không ngày đêm, dưới đất không ta chẳng tăng trưởng, thần nào*

cũng có người tôn kính, chẳng ai kính ta thần Thái Dương! Mười chín tháng Giêng Thái Dương sanh. Nhà nhà niệm Phật thắp đèn hồng, ai truyền được kinh Thái Dương này, cả nhà già trẻ không bị sao hạn. Ai không truyền tụng kinh Thái Dương, địa ngục cửa mở ngay trước mắt…."

Kinh Thái Âm có tên gọi đầy đủ là Thái Âm Tinh Quân Thánh Kinh, câu cú lủng củng, lộn xộn, có toàn văn như sau: *"Thái Âm Bồ Tát đi về phương Đông, mười tầng địa ngục chín tầng mở, mười vạn tám ngàn chư Bồ Tát, chư Phật, Bồ Tát xếp hàng hai bên, chư tôn Phật kính trọng, đất không mây, hoa sen vọt khỏi mặt nước nở đầy đất, đầu đội tháp châu báu bảy tầng, Sa Bà thế giới nhãn quang minh, một Phật báo trọn ân thiên địa, hai Phật báo đáp ân phụ mẫu, cha mẹ còn sống tăng phước thọ, cha mẹ đã mất sớm siêu thăng. Nam-ma Phật, nam-ma Pháp, nam-ma A Di Đà Phật, thiên la thần, địa la thần, người lìa nạn, nạn lìa thân, hết thảy tai ương hóa thành bụi. Có ai niệm được bảy biến kinh Thái Âm, sống chết chẳng đến cửa địa ngục".*

Kinh Nhãn Quang rất ngắn, chỉ gồm mấy câu như sau: *"Phật nói kinh Nhãn Quang, mắt sáng là đèn tâm, hai bên tháp xá-lợi, hằng sa hậu thế Đại Tạng kinh. Ngàn mắt ngàn tay tỏ rõ trong đời. Đại Trí Bồ Tát phóng hào quang, Văn Thù Bồ Tát cưỡi sư tử, Phổ Hiền cưỡi voi chúa. La Hán đầy khắp hư không đại địa, sương mù che phủ mắt bị quét sạch ngay!"*

Nội dung kinh Táo Vương (dân gian thường gọi là kinh Ông Táo) như sau: Kinh này do chính đức Phật nói ra ở Ấn Độ, được các vị Tam Tạng pháp sư truyền qua Trung Hoa (sic!), ông Táo có danh xưng là Đông Trù Tư Mạng, theo dõi hành vi của mọi người trong gia đình, ngày Ba Mươi mỗi tháng tấu lên thiên đình, tùy theo hành vi thiện ác, trời sẽ giáng phước hay ban họa. Sinh nhật của ông Táo là ngày mồng Ba tháng Tám, gia chủ phải thắp hương, đốt đèn cúng tế mới được phước thọ, tụng niệm kinh này thì học trò sẽ đỗ đạt, người buôn bán hưng vượng v.v… Cầu đảo ông Táo chí thành sẽ thọ đến chín mươi tuổi. Kinh cũng khuyên phải giữ bếp cho sạch sẽ, không được khua khoắng nồi xoong trong bếp, không được cởi trần trước bếp, không được khạc nhổ, không được mắng chửi trong bếp, không đem dép dính phân súc vật vào bếp, không đem vỏ tỏi, lông xương gà vịt vào bếp v.v…

Thai Cốt Kinh là kinh nói về sự hình thành con người trong thai mẹ, bắt chước thô thiển vụng về kinh Báo Ân nhà Phật. Xin trích một đoạn: *"Tháng thứ tư, thai tăng trưởng, tứ chi đã định, sanh chân trước, sau sanh tay, thu hạ xuân đông, sanh hai tay, khi sanh hai tay, rút rỉa huyết mạch của mẹ. Khi sanh hai chân, thấu đến huyệt Huyền Quan, mạch máu nhảy mạnh, [người mẹ] đi trên đất bằng như trèo núi cao, đầu gối đau nhức"…*

Kinh Diệu Sa rất ngắn, kinh văn lộn xộn, câu cú không hoàn chỉnh, nội dung như sau: *"Diệu Sa Quán Thế Âm ngồi thuyền qua biển cả, thuyền chở ngập*

v.v… đều do những kẻ lầm lạc ngụy tạo, chớ nên niệm. Kẻ ngu chẳng biết niệm kinh Đại Thừa (tức là các kinh A Di Đà Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Tâm Kinh, Kim Cang, Dược Sư, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm v.v...) Ngả lòng tin theo các thứ ngụy kinh ngụy tạo mù quáng ấy, ắt phải làm những chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ mới an tâm được! Có người hiểu lý nói những kinh ấy là ngụy tạo, cũng chẳng chịu tin. Phải biết: Làm Phật sự thì chỉ có niệm Phật là công đức lớn nhất. Nên dùng tiền làm chuyện hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ[9] để thỉnh vị Tăng có chánh niệm niệm Phật thì lợi ích lớn lắm.

Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai, hoặc Thập Trai (mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mồng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, đừng sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, [điều này] quan trọng lắm! Do vậy, phải kiêng sát sanh trong nhà.

---

sâu năm trăm (không rõ năm trăm cái gì? Năm trăm tấc chăng?), *biển cả dậy sóng gió, thỉnh được kinh Diệu Sa. Phật, Phật, Phật, ba mươi sáu vạn ức Phật, hai mươi chín ngàn vô số Phật, năm trăm tạng hằng hà sa số Phật, tám vạn thông minh trí huệ Phật, niệm đức Đương Lai Di Lặc Phật, hết thảy các Phật trong Tinh Tú thiên cung, Phật nhiều như những hạt bụi nhỏ nhặt trên mặt đất, Phật nhiều như những hạt mưa li ti trong bảy ngày bảy đêm, Phật nhiều như số cát đọng hai bên bờ sông, Phật nhiều như số lá trong vườn thiên hạ, cành cành lá lá quang minh Phật, đức Phật Thế Tôn trong pháp hội Linh Sơn, ông bà cha mẹ bảy đời Phật, hết thảy Phật trong ba đời, có ai trì niệm kinh Diệu Sa, hiềm rằng trên cầu thấy phân minh! Bốn quyển Diệu Sa là một tạng, thiên hạ quỷ thần chẳng dám xâm phạm, Di Đà đồng tử cầm chuông vàng, lắc liền mấy tiếng địa ngục trống rỗng, Diêm La thiên tử được thành Phật, hết thảy chúng sanh lìa địa ngục”.* Chúng tôi không tìm được tài liệu về bản kinh Phân Châu.

[9] Phá địa ngục, phá huyết hồ là những lễ lạc do tà sư Trung Hoa bày ra. Họ làm những mô hình địa ngục, hồ máu bằng giấy, rồi tăng chúng đọc kinh, vẽ bùa, đốt bùa, chạy quanh đàn tràng, hô hoán điều động quỷ thần, dùng tích trượng đục thủng địa ngục, hồ máu, cho rằng làm như thế sẽ cứu được vong linh ra khỏi địa ngục.

Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhưng muốn cho cha mẹ lúc lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương mà không nói sẵn cho quyến thuộc biết về việc trợ niệm lâm chung, và lợi - hại của việc phô trương mù quáng và khóc lóc sẽ chẳng thể được! Vì vậy, muốn cho cha mẹ khi lâm chung được hưởng sự lợi ích do quyến thuộc trợ niệm, chẳng bị cái hại phá hoại chánh niệm, nhưng lúc thường ngày không nói cho họ biết sự lợi ích của việc niệm Phật, khiến cho ai nấy đều thường niệm, sẽ không thể được! Như thế chẳng những có ích cho cha mẹ mà thật sự còn có ích cho những quyến thuộc hiện đời, con cháu đời sau. Lâm chung trợ niệm bất luận già - trẻ đều nên như vậy, xem cuốn Sức Chung Tân Lương[10] sẽ tự biết (Thượng Hải Phật Học Thư Cục, chùa Báo Quốc ở Tô Châu đều có bán cuốn ấy).

Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, [nếu] mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gấp, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khẩn thiết niệm ra tiếng rõ ràng *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát",* chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức nhỏ, nên cảm ứng cũng nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đứa con ra, nếu thầm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết niệm chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đứa con mắc các chứng kinh phong v.v… Dẫu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dẫu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc

---

[10] Sức Chung Tân Lương (những hướng dẫn trong việc lo liệu cho người lâm chung) là một tác phẩm do ông Lý Viên Tịnh soạn với nội dung hướng dẫn cách thức chuẩn bị cho thời khắc lâm chung và phương pháp trợ niệm nhằm đảm bảo người tu Tịnh nghiệp lúc lâm chung không bị phá hoại chánh niệm. Sách này chia làm bốn phần:

1) Sức Chung Chương Trình: người tu Tịnh Độ phải dặn dò gia đình, bạn bè cách xử trí như thế nào khi người ấy lâm chung, cách thức trợ niệm, an táng sao cho người chết giữ được chánh niệm.

2) Sức Chung Ngôn Luận: Tập hợp những lời dạy về chuẩn bị lâm chung của các cổ đức.

3). Dự Tri Lợi Hại: những phân tích về lẽ lợi hại khi lâm chung như không nên khóc lóc, sát sanh, không bày vẽ phô trương như buộc người chết ngồi xếp bằng, thay áo, tắm rửa trong khi người sắp chết còn đang thở hắt ra.

4) Sức Chung Thật Hiệu: Những bằng chứng vãng sanh do dự bị chu đáo cho phút lâm chung.

liền được an nhiên sanh nở. Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự để luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dẫu là con gái ruột, con dâu cũng chẳng dám nhìn đến, huống chi là dám dạy họ niệm Quán Âm ư? Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lõa lồ, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ức đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về thệ nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bất tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được).

Nữ nhân từ mười hai, mười ba tuổi cho đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi đều có kinh nguyệt. Có kẻ nói “trong lúc có kinh không được lễ bái, trì tụng!” Lời ấy chẳng thông tình lý. Người có kinh ngắn ngày thì hai ba ngày là hết, có người kéo dài đến sáu bảy ngày mới hết. Người tu trì ắt phải niệm niệm không gián đoạn, lẽ đâu vì một tật nhỏ trời sanh ấy để rồi bỏ bê việc tu trì ư? Nay tôi nói: Trong lúc có kinh, chỉ nên lễ bái ít hơn (nên ít lễ bái, chứ không phải là tuyệt đối chẳng được làm lễ), niệm Phật, tụng kinh đều theo như lệ thường. Nên thường thay vải dơ (băng vệ sinh). Nếu tay sờ vào vải dơ, hãy nên rửa sạch, chớ dùng tay đã chạm đồ dơ để lật kinh và thắp hương. Phật pháp thì pháp nào cũng viên thông, ngoại đạo chỉ chấp vào lý ngoài rìa. Người đời đa phần chỉ tin lời ngoại đạo, chẳng biết đến chánh lý trong Phật pháp. Vì thế, khiến cho hết thảy đồng nhân chẳng thể được nhuần thấm lợi ích nơi pháp.

Quán Thế Âm Bồ Tát thệ nguyện rộng sâu, theo tiếng cứu khổ. Nếu gặp phải những hoạn nạn như đao binh, nước, lửa, đói kém, sâu rầy, châu chấu, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại…. mà có thể phát tâm sửa lỗi hướng thiện, tự lợi lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm không gián đoạn, chắc chắn sẽ được Ngài từ bi che chở, chẳng bị nguy hiểm gì. Nếu vẫn giữ tấm lòng chẳng lành, dẫu có xưng niệm, chẳng qua chỉ tạm gieo căn lành cho vị lai, chẳng được cảm ứng trong hiện thời. Bởi lẽ Phật, Bồ Tát đều là thành tựu thiện niệm cho người, trọn chẳng thành tựu ác niệm cho người. Nếu chẳng phát tâm sửa lỗi hướng thiện, lầm lạc muốn niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát để mong thành tựu ác sự cho mình thì quyết định không được cảm ứng, chớ có dấy lên cái tâm điên đảo ấy!

Niệm Phật khẩn yếu nhất là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp. Có sức làm được thì tích

cực làm, chẳng thể làm được thì cũng phải phát thiện tâm ấy, hoặc khuyên người có sức làm, hoặc thấy người khác làm bèn phát tâm hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng là thuộc về công đức nơi tâm và miệng. Nếu chẳng thể tự làm được, thấy người khác làm bèn sanh ganh ghét, liền thành ra tâm hạnh tiểu nhân gian ác, chắc chắn bị tổn phước, giảm thọ, chẳng được kết quả tốt lành, hãy nên thống thiết răn dè. Chẳng được làm chuyện giả dối để được tiếng, buôn danh chuốc dự, tâm hạnh ấy quả thật bị thiên địa quỷ thần đều cùng ghét. Nếu có thì phải sửa đổi, nếu không thì càng thêm cố gắng.

Trong đời có kẻ nữ chẳng hiểu chí lý (lý tột cùng), hoặc chẳng hiếu đối với cha mẹ chồng, lừa dối, khinh miệt chồng, nuông chiều con cái mù quáng, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ kế ngược đãi con cái đời vợ trước, chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy con cái, rộng rãi với tôi tớ, nuôi dạy, chăm sóc con cái vợ trước, [chẳng biết những điều ấy] quả thật là đạo thánh hiền trong thế gian, mà cũng là pháp vun bồi cái gốc trong nhà Phật. Đầy đủ công đức này, do tu tập Tịnh nghiệp chắc chắn danh dự ngày càng cao, phước tăng, tuổi thọ lâu dài, lâm chung được Phật tiếp dẫn lên thẳng chín phẩm sen. Phải biết: Có nhân chắc chắn có quả. Nếu mình đã gieo cái nhân hiếu kính từ ái, sẽ tự hưởng cái quả hiếu kính từ ái. Vì người chính là vì mình, hại người còn tệ hơn tự hại mình. Vì thế, phải tận hết chức phận của chính mình để mong Phật - trời cùng soi xét.

Trẻ nhỏ từ lúc có sự hiểu biết, liền dạy cho chúng đạo hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, và những sự nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo khiến cho chúng biết tâm của chính chúng nó trong từng hơi thở đều thông với tâm của trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát. Khởi lên một niệm bất chánh, làm một chuyện bất chánh đã sớm bị trời, đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát thấy biết tường tận, như đối trước gương sáng đều hiện ra hình bóng xấu không thể trốn tránh được, ngõ hầu chúng nó biết kiêng sợ, gắng làm người lương thiện. Bất luận là ai, dẫu là tôi tớ, trẻ nhỏ, cũng chẳng được phép đánh chửi. Dạy chúng tôn kính bậc tôn trưởng, giữ phận người dưới. Phải chú trọng dạy chúng nó kính tiếc giấy có viết chữ, yêu tiếc ngũ cốc, y phục, đồ đạc, thương tiếc che chở trùng kiến, cấm ngặt ăn vặt để khỏi bị bệnh. Dạy được như thế thì phần đông chắc chắn trở thành người hiền thiện. Nếu lúc nhỏ để mặc theo thói quen, điều gì cũng chẳng giáo huấn, lớn lên không thành hạng tầm thường cũng thành phường trộm cướp. Lúc ấy có hối cũng chẳng có ích gì! Cổ nhân nói: *"Giáo phụ sơ lai, giáo nhi anh hài"* (Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về), bởi lẽ do huân tập sẽ trở thành bản tánh nên phải cẩn thận ngay từ đầu. Thiên hạ yên hay loạn đều bắt nguồn từ đây; chớ nghĩ lão tăng nói chuyện viễn vông, không quan hệ, khẩn yếu chi!

Quang đã già rồi, tinh thần ngày càng suy yếu, không có sức trả lời thư gởi đến. Chỉ vì đường bưu điện thuận tiện khiến cho xa - gần nghe lầm hư

danh, thường gởi thư đến hỏi mãi. Nếu nhất loạt chẳng phúc đáp, cũng cảm thấy phụ lòng người hỏi đến. Nếu phúc đáp từng thư một, thật chẳng có đủ tinh thần [làm như vậy]. Vì thế, cho in bức thư dài này, phàm những gì liên quan đến chuyện tu trì và đạo lập thân, xử thế, thờ cha mẹ, dạy con, đều nói đại lược. Sau này có ai gởi thư đến, dùng thư này gởi lại. Nếu có một hai chuyện chi đặc biệt liền phê vào thư gởi đến mấy chữ để đôi bên thấu hiểu tình nhau, chẳng đến nỗi nhọc nhằn quá đáng. Nếu muốn thông hiểu sâu xa kinh giáo, xin hãy thỉnh giáo nơi những bậc pháp sư thông hiểu sâu xa dựng cao tràng pháp. Nên biết rằng: Người thông hiểu sâu xa kinh giáo chưa chắc đã liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, hãy nên chú trọng nơi tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

2. Thư gởi cư sĩ Quách Trang Ngộ

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Nhận được thư của thầy Minh Đạo, biết cư sĩ có chí lớn. Nếu muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này thì Quang chẳng ngại làm cái mốc chuẩn để nặn đất, chạm gỗ. Nếu muốn thông hiểu sâu xa kinh giáo và triệt ngộ tự tâm thì [cái mốc chuẩn để] nặn đất, chạm gỗ của Quang chẳng dùng được! Nay "đem sai lầm đáp tạ sai lầm", đặt pháp danh cho cư sĩ là Huệ Trang. Trang là kính. Một pháp Kính chính là căn bản để học đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu chẳng trọng lòng kính, giữ lòng thành, dù có sở ngộ, vẫn chẳng thể được lợi ích thật sự. Hễ rơi vào cuồng huệ, chắc chắn khó thể sự lý viên dung. Thiên chấp lý tánh, chẳng trọng tu trì, tuy thấy lý chẳng lầm, cũng chẳng khác gì tà ma, ngoại đạo cho mấy! Huống chi đã chấp lý phế sự thì cái lý được ngộ cũng khó thể thích đáng. Do vậy, nói: *"Bất quý tử kiến địa, chỉ quý tử hành lý"* (Chẳng quý chỗ kiến địa của ông, chỉ quý chỗ ông thực hiện). Đấy chính là bẫy sập lớn cho người thông minh trong cả cõi đời; chẳng mắc phải bệnh này mới đáng gọi là thông minh. Nếu không, thông minh lại bị thông minh làm cho lầm lạc, biến thành hạng người tự lầm, lầm người. Quang đã già rồi, chẳng nên thường gởi thư đến nữa. Hễ gởi thư đến chỉ dùng bức thư dài đã in để hồi đáp, nhất loạt chẳng giải thích cho riêng ai để khỏi mệt nhọc quá đỗi, mà cũng chẳng có lợi gì cho người. Không lâu nữa, sẽ có sách Tịnh Độ Thập Yếu bản mới in và bức thư dài gởi đến, không cần phải viết thư nữa. Ngoài nguyên bản sách Thập Yếu ra, còn có kèm thêm mấy cuốn sách cần thiết khác, thật sự là những sách vở quan trọng nhất cho việc tu Tịnh nghiệp.

3. Trả lời thư cư sĩ Châu Mạnh Do hỏi về bốn câu "Sắc bất dị Không" trong Tâm Kinh

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Mấy câu này chính là Đại Sĩ đem tướng của Ngũ Uẩn Đều Không do chính Ngài đã thấy thấu suốt (chiếu kiến) để dạy người. Sắc đứng đầu Ngũ Uẩn, vì thế giảng tường tận trước. Nói *"Sắc bất dị Không"* (Sắc chẳng khác Không) là vì Sắc tuy có hình tướng có thể thấy được, nhưng đó là tướng huyễn vọng. Dùng trí Bát Nhã sâu xa để quán chiếu thì bản thể của Sắc là "bất khả đắc" (trọn chẳng thể được), tuy có mà giống như hư không. Chẳng riêng gì bản thể của Sắc là "trọn chẳng thể được", mà Không cũng "trọn chẳng thể được!" Do vậy, lại nói *"Không bất dị Sắc"* (Không chẳng khác Sắc). Ở đây, lại sợ người ta hiểu lầm Thế Gian Không chính là tướng của Sắc Không nên nói: "Không cũng chẳng có thực tế để được, cũng như Sắc trọn chẳng thể được!" Ấy là vì Không cũng là pháp thế gian, tuy không có hình tướng, rỗng rang, trống lỗng, nhưng vẫn có tướng Không. Trong Ngũ Uẩn, cái Không của Sắc Uẩn chẳng phải là cái Không của hư không. Do vậy, liền nói tiếp: *"Không bất dị Sắc"* (Không chẳng khác Sắc). Vì lìa trọn vẹn cái Không của tướng Không nên nói: *"Không bất dị Sắc"* (Không chẳng khác Sắc). Nói đến cái Không của Không này cũng giống như Sắc "trọn chẳng thể được", chẳng thể hiểu là cái Không trống lỗng, rỗng rang.

Vẫn sợ chưa hiểu nên lại nói: *"Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc"* (Sắc tức là Không, Không tức là Sắc), nghĩa là: *"Sắc tức thị Không"* chẳng thể được, *"Không tức thị Sắc"* chẳng thể được! Sắc - Không này tịch chiếu cùng hiển lộ, cùng diệt mất. Sắc - Không "cùng chính là" và "cùng lìa" Sắc Không. Nếu thấy được điều này sẽ đích thân chứng được Chân Như Phật Tánh. Sắc Uẩn đã như thế thì bốn uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức cứ theo đó mà biết; cho nên không cần nói nữa, chỉ nói *"diệc phục như thị"* (cũng giống như thế). Ngũ Uẩn đã như thế thì hết thảy pháp cũng như thế. Cho nên lại nói: Năm Uẩn này đều là tướng Không, là tướng Không của hết thảy các pháp, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm, bản thể của chúng là như thế, chẳng cần phải ước theo thánh - phàm, chúng sanh - Phật để nói nữa! Do nó vốn chẳng sanh, do đâu mà có diệt, cũng như có nhơ, sạch, tăng, giảm nữa ư? Vì thế, trong tướng Không của các pháp, không có năm uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, không có sáu căn "mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý", không có sáu trần "Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp", không có sáu thức là Nhãn giới (dưới chữ Nhãn lược bỏ chữ Thức), cho đến không có Ý Thức giới. Đấy là không có lục phàm pháp giới.

"Vô vô minh, nãi chí vô lão tử" (Không vô minh cho đến không lão tử) là mười hai nhân duyên thuộc Lưu Chuyển Môn. *"Diệc vô vô minh tận, nãi chí diệc vô lão tử tận"* (cũng không có hết vô minh cho đến không có hết già chết): Đấy chính là mười hai nhân duyên thuộc Hoàn Diệt Môn. Đây là

không có Duyên Giác pháp giới. *"Vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo"*, là không có Thanh Văn pháp giới. *"Vô Trí"*: Trí là độ cuối cùng trong Lục Độ, cho nên [Vô Trí] là không có Bồ Tát pháp giới. *"Diệc vô đắc"* (Cũng không có đắc): *"Đắc"* chính là Bồ Đề, Niết Bàn, [tức là] không có Phật pháp giới. Có kẻ hiểu cái Không trong câu *"Sắc bất dị Không"* là Thật Tướng của Chân Không. Thoạt nhìn có vẻ hợp lý, nhưng xét kỹ hình như không trọn vẹn. Vì sao vậy? Đã là không có Ngũ Uẩn, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, tức lục phàm pháp giới của thế gian; lại không có Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Trí, Đắc, đó chính là bốn thánh pháp giới xuất thế gian. Hết thảy các pháp thánh - phàm đều không, lẽ đâu cái Không của thế gian lại chẳng không? Do phàm tình lẫn thánh kiến đều không, cho nên có thể viên mãn Bồ Đề, trở về cái *"không có gì để được"* (vô sở đắc). Do *"không có gì để được"* nên *"tâm vô quái ngại, khủng bố, viễn ly điên đảo, mộng tưởng, cứu cánh Niết Bàn"* (tâm không vướng mắc, sợ hãi, xa lìa điên đảo, mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn).

Pháp này chính là pháp rốt ráo thành Phật của tam thế chư Phật, do trong tướng Không của các pháp chẳng có những pháp thánh - phàm, chúng sanh - Phật v.v… cho nên có thể từ phàm đến thánh tu nhân chứng quả, chứng trọn vẹn pháp này. Ví như dựng nhà phải có chỗ trống thì người mới ở được. Nếu nhà chẳng có chỗ trống, người ta làm sao ở được? Do Không, nên mới có thể chân tu thực chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này. Do trong trí Bát Nhã sâu chẳng thấy tướng của những thứ tình kiến này nên là Vô, chớ hiểu lầm chẳng tu là Vô. Nếu hiểu chẳng tu là Vô sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, chắc chắn bị đọa mãi trong A Tỳ địa ngục, hãy nên suy nghĩ cặn kẽ! Thuyết này của Quang có chỗ chẳng phù hợp cách giải thích của người xưa, nhưng ý nghĩa chánh yếu chẳng trái nghịch kinh Phật, cũng có thể nói là một loại kiến giải *"thấy rặng, thấy đảnh, thấy nhân, thấy trí"*[11] vậy.

4. Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi

Tôi thường nói: *"Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính liền tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ"*. Nếu chẳng cung kính mảy may thì

---

[11] Câu này dựa theo thành ngữ: *"Một dãy Lô sơn nhìn ngang là rặng, nhìn dọc thấy đảnh"* và câu *"người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí"*, cùng ngụ ý: Bản thể là một, nhưng tùy theo sự hiểu biết của mỗi người mà lãnh hội khác biệt.

tụng kinh niệm Phật tuy chẳng phải là không được mảy may lợi ích nào, nhưng trước hết phải chịu cái tội khinh nhờn, đọa lạc trong tam đồ bao nhiêu kiếp! Tội trả hết rồi, sẽ nhờ vào nhân lành ấy lại được nghe pháp tu đạo, ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Nếu đời này cạn lòng thành, dốc hết lòng kính thì trong đời này có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa các khổ, chỉ hưởng những sự vui vậy! Con người tu phước hay tạo nghiệp nói chung chẳng ngoài sáu căn, ba nghiệp. Sáu căn chính là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Năm căn trước thuộc thân nghiệp, Ý căn sau cùng thuộc về tâm, tức Ý nghiệp. Ba nghiệp là:

1) Một là Thân Nghiệp gồm ba thứ, tức sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba sự này tội nghiệp cực nặng.

a. Người học Phật nên ăn chay, yêu tiếc sanh mạng. Phàm là động vật đều biết đau đớn, đều tham sống, sợ chết, chẳng nên sát hại. Nếu giết để ăn sẽ kết thành một sát nghiệp. Đời kế, đời sau ắt phải bị chúng giết lại.

b. Hai là trộm cắp, phàm những vật của người khác, chớ nên "không cho mà lấy". Trộm vật rẻ tiền là đánh mất nhân cách của chính mình. Trộm vật đáng giá chính là hại thân mạng người ta. Trộm cắp vật của người khác tợ hồ chiếm được tiện nghi, [nhưng thật ra] tổn phước thọ của chính mình, đánh mất những thứ trong mạng mình lẽ ra phải có so với những thứ ăn trộm còn nhiều gấp bội lần. Nếu dùng mưu chiếm đoạt, hoặc dùng oai thế hiếp đáp cướp lấy, hoặc trông coi [tài sản] cho người khác rồi giở thói xấu chiếm lấy đều gọi là "trộm cắp". Kẻ trộm cắp ắt sanh ra con cái phóng đãng, người liêm khiết ắt sanh con hiền thiện. Đấy chính là thiên lý nhân quả nhất định!

c. Ba là tà dâm. Phàm với những kẻ chẳng phải là thê thiếp của chính ta, bất luận kẻ ấy hiền lương hay hạ tiện, đều chẳng được cùng họ hành dâm. Hành tà dâm là hoại loạn nhân luân, tức là dùng thân người làm chuyện súc sanh. Đời hiện tại đã thành súc sanh thì đời kế tiếp phải làm súc sanh. Người đời coi chuyện con gái lén lút cùng người khác là nhục, chẳng biết con trai tà dâm thì cũng [đáng nhục] giống hệt như con gái. Kẻ tà dâm ắt sanh ra con cái chẳng trinh khiết, ai muốn con cái của chính mình chẳng trinh khiết? Tự mình đã làm chuyện ấy trước, con cái bẩm thụ khí phận của chính mình, quyết khó thể đoan chánh chẳng tà! Không những chẳng được tà dâm với bóng sắc bên ngoài, mà ngay cả trong sự chánh dâm giữa vợ chồng cũng nên có giới hạn. Nếu không, chẳng chết sớm thì cũng tàn phế. Kẻ tham ăn nằm khó có con cái, dù có sanh ra cũng khó thành người. Dẫu có thành người thì cũng yếu đuối, chẳng thành tựu gì! Người đời coi hành dâm là vui, chẳng biết chỉ sướng một khắc, khổ suốt cả đời, khổ lây con cái, cháu chắt!

Ba điều này chẳng làm thì chính là thiện nghiệp nơi thân, nếu làm thì chính là ác nghiệp nơi thân.

2) Khẩu Nghiệp gồm có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều.

a. Nói dối là nói lời không chân thật. Đã không nói chân thật thì tâm cũng chẳng chân thật, đánh mất nhân cách rất lớn.

b. Nói thêu dệt là nói những lời phong lưu tà vạy, khiến cho kẻ khác khởi ý niệm dâm đãng. Kẻ thiếu niên vô tri nghe lâu ngày ắt sẽ bị tà dâm chôn vùi nhân cách, hoặc thủ dâm tổn hại thân mạng. Tuy kẻ ấy chẳng tà dâm cũng sẽ đọa đại địa ngục. Từ địa ngục ra, hoặc làm lợn nái, chó cái. Nếu sanh trong loài người, thường làm gái ăn sương, thoạt đầu trẻ tuổi xinh đẹp, còn chưa khổ sở lắm. Lâu ngày bệnh phong tình phát ra, khổ chẳng nói nổi. May có được cái miệng này, sao lại khổ sở tự chuốc lấy họa ương cho cả ta lẫn người, chẳng tạo hạnh phúc cho cả mình lẫn người vậy?

c. Ác khẩu là nói lời hung bạo như đao, như kiếm, khiến cho người ta khó chịu đựng nổi.

d. Nói đôi chiều là đòn xóc hai đầu khêu gợi thị phi, nhỏ thì gây rối người khác, lớn thì loạn nước.

Bốn điều này không làm thì là thiện nghiệp nơi miệng, nếu làm thì là ác nghiệp nơi miệng.

3) Ý Nghiệp gồm ba thứ, tức tham dục, sân khuể, ngu si.

a. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ đạc đều mong gom hết về mình, càng nhiều càng hiềm rằng ít.

b. Sân khuể là bất luận chính mình đúng hay sai, nếu người khác chẳng thuận ý ta bèn nổi cơn thạnh nộ, chẳng chấp nhận lý lẽ của người ta.

c. Ngu si không phải là trọn chẳng biết gì, mà dẫu là kẻ đọc hết sách vở thế gian, vừa qua mắt liền nhớ, mở miệng thành chương, nhưng chẳng tin nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là con người chết đi thần hồn diệt mất, không còn có đời sau v.v… đều gọi là ngu si! Thứ tri kiến ấy rối nước hại dân còn hơn nước lũ, mãnh thú!

Chẳng làm ba điều này thì là thiện nghiệp nơi ý, làm ba điều này thì là ác nghiệp nơi ý. Người Thân - Khẩu - Ý ba nghiệp đều thiện thì công đức do tụng kinh niệm Phật so với người ba nghiệp đều ác lớn gấp trăm ngàn lần.

Người học Phật nên giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành. "Giữ tấm lòng tốt lành" là phàm những ác niệm nghịch trời trái lý, tổn người lợi mình đều chẳng cho khởi lên. Nếu khởi lên bèn lập tức sanh lòng hổ thẹn, sám hối khiến cho nó tiêu diệt ngay. Phàm những tâm hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, lợi người, lợi vật đều thường gìn giữ, hễ sức làm được bèn sốt sắng làm. Chẳng thể làm thì tâm cũng thường nghĩ đến điều ấy. "Nói lời tốt lành" là phải nói những lời có ích cho người, hữu ích cho vật; chứ không phải là muốn cho người khác nghe xong vui sướng mà gọi là lời tốt lành! Như giáo huấn con cái và khuyên người làm lành, khuyên

người kiêng ác, khuyên người giữ vẹn luân thường, khuyên người tu phước v.v… "Làm việc tốt lành" là tích cực làm những chuyện hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính anh, hòa thuận với họ hàng, sửa đổi phong tục [cho tốt đẹp hơn]. Phàm tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, bái sám, các Phật sự đều phải thân tâm cung kính!

Người học Phật ban đêm đừng ngủ trần truồng, phải mặc áo, quần đùi, tâm thường như đối trước Phật. Ăn cơm chớ nên quá mức. Cơm ngon đến đâu đi nữa chỉ ăn đến mức tám chín phần [là tối đa]. Ăn mười phần đã chẳng có ích cho người; ăn mười mấy phần ắt tạng phủ bị thương tổn. Thường ăn như thế nhất định bị đoản thọ. Hễ ăn quá nhiều, tâm hôn trầm, thân mỏi mệt, tiêu hóa chẳng kịp, ắt phải trung tiện. Chuyện trung tiện là chuyện tệ nhất, là chuyện gây nên tội lỗi lớn nhất. Nơi Phật điện, tăng đường, đều phải cung kính; như thắp hương chẳng qua để biểu lộ tấm lòng, chứ xét rốt ráo ra, chẳng có loại nào đáng xem là hương cả! Nếu ăn nhiều, vãi trung tiện hết sức hôi thối, khiến cho hơi thối ấy xông sực Tam Bảo, tương lai ắt sanh làm loài giòi trong hầm phân. Chẳng ăn quá mức sẽ chẳng phóng trung tiện!

Nếu như dùng chất lạnh, cảm thấy không ổn, hễ vô sự bèn đi ra chỗ trống xả ra, đợi đến khi tan mùi lại quay vào trong thất. Nếu có việc chẳng ra ngoài được, hãy nên dùng sức kềm lại, chưa đầy một khắc nó sẽ tan mất trong bụng. Có người nói chẳng phóng ra sẽ thành bệnh; lời lẽ này còn nặng tội hơn chuyện phóng trung tiện, vạn phần chớ nghe theo. Đức Phật chế giới luật chưa nhắc đến sự này; có lẽ cổ nhân thân thể khỏe mạnh, lại không tham ăn, không có chuyện này, cho nên không nói đến. Nếu có, ắt Phật phải nói. Chớ nói Phật không cấm cho nên cứ việc phóng, đấy chính là tự cầu đọa lạc, Phật cũng khó cứu!

Khổng Tử dùng tư cách của bậc thánh nhân triều kiến bậc quốc quân (vua một nước) phàm phu, khi sắp lên điện, ở dưới thềm, còn chẳng dám thở mạnh, huống chi lúc đã vào điện gặp mặt vua! Vì thế, sách Luận Ngữ chép: *"Nhiếp tề thăng đường, cúc cung như dã. Bình khí tự bất tức dã"* (Nâng vạt áo lên điện, khom mình như thế đó, nín hơi như không thở) (Nhiếp 攝: Nâng. Tề 齊, đọc như Tư 咨[12], nghĩa là vạt áo. Cúc 鞠: uốn cong. Bình 屏: giấu kín. Tức 息: hơi thở từ trong mũi. Khổng Tử triều kiến vua, lúc sắp lên điện, trước hết đi khom mình. Do khom mình nên vạt áo trước dài hơn, cho nên phải nâng hai mép vạt áo lên cách mặt đất khoảng chừng một thước mới chẳng đến nỗi đạp lên áo, vấp té, thất lễ. Nghiêm túc đến cùng cực, cho nên hơi thở trong mũi tựa hồ chẳng thoát ra. Hãy thử xem Ngài kiêng dè đến mức độ nào? Người đời nay so với Khổng Tử kém xa lắm, vua khi ấy so với Phật lại kém thật xa nữa! Phóng trung tiện so với thở ra lại càng khác xa lắm. Im lặng suy nghĩ, khác gì đại địa chẳng có chốn dung thân, há chẳng cực lực lưu tâm ư?) Chúng ta là nghiệp lực phàm phu ở trong Phật điện của bậc Thánh Trung Thánh, Thiên

[12] Âm Quan Thoại cùng đọc hai chữ này gần giống nhau.

Trung Thiên (thánh của các thánh, trời của các trời), nơi có đủ Tam Bảo, sao dám chẳng kiềm chế, mặc tình trung tiện ư? Tội lỗi ấy lớn nhất không gì sánh bằng!

Có lắm kẻ do chẳng xem nhiều trước thuật của cổ đức, nên tưởng là cổ đức không nói đến. Chẳng biết cổ đức nói rất khéo, gọi đó là *"tiết hạ khí"* (hơi rỉ ra từ bên dưới). Họ cũng chẳng hiểu câu đó có nghĩa là gì, chẳng thèm để ý. Ba mươi, bốn mươi năm trước, Quang thường nói đến chuyện này, sau thử hỏi lại, người ta chẳng biết là chuyện gì! Do vậy, tốt nhất cứ nói thẳng là "trung tiện". Trong tuồng hát, hễ chửi người khác nói buông tuồng bèn nói: "Lời ngươi nói như thả rắm". Phàm có chuyện gì kinh sợ, đều chẳng dám thở mạnh, làm sao còn đánh trung tiện được? Do buông tuồng không kiêng dè, nên mới trung tiện! Chớ có nói "nhắc đến chuyện trung tiện nghe không nhã", thật ra, tôi vì muốn tạo cách cứu người khỏi bị làm giòi trong hầm phân!

Sáng dậy và lúc đại tiểu tiện xong, phải rửa tay. Phàm sờ lên thân, mò xuống chân đều phải rửa tay. Những tháng mùa Hạ ống quần chớ buông thùng thình, phải bó lại. Tùy tiện khạc đàm hỉ mũi là chuyện tổn phước lớn lắm! Đất Phật thanh tịnh, chẳng những trong điện đường chẳng được khạc nhổ, hỉ mũi, mà ngay cả trên cuộc đất sạch phía ngoài điện đường cũng chẳng nên khạc nhổ, xỉ mũi. Nhổ trên đất sạch sẽ tạo thành vẻ dơ bẩn! Có kẻ luông tuồng chẳng kiêng dè, khạc bừa ra đất hay khạc lên vách trong phòng! Một gian phòng đẹp đẽ mà khắp đất, đầy tường toàn là đàm. Kẻ ấy khạc đàm để ra vẻ hống hách, lâu ngày thành bệnh, hằng ngày thường khạc; tinh hoa của đồ ăn thức uống đều biến thành đàm hết. Nếu chịu nuốt đàm xuống, lâu dần không còn đàm nữa. Đấy là cách hay nhất để dùng đàm diệt đàm. Nếu chẳng thể nuốt xuống nên bỏ một cái khăn lau đàm trong tay áo, khạc lên đó xong lại bỏ vào trong tay áo. Cách này cũng vừa mệt người, lại không sạch sẽ, chẳng bằng nuốt xuống, vừa không mệt người, vừa chẳng ô uế, lại vĩnh viễn không bị bệnh đàm. Đây là cách hay nhất để trị bệnh đàm.

Người học Phật nhất cử nhất động đều phải lưu tâm. Đối với việc niệm Phật phải chí thành. Nếu khi nào trong tâm khởi lên đau buồn, đấy cũng chính là tướng thiện căn phát hiện, chớ nên để thường xảy ra như thế. Nếu không, sẽ bị ma bi thương dựa vào. Phàm có chuyện gì thích ý, chớ nên hoan hỷ quá mức. Nếu không, ắt bị ma hoan hỷ dựa. Lúc niệm Phật, mí mắt nên rủ xuống, chớ nên căng thẳng tinh thần quá mức đến nỗi tâm hỏa bốc lên, rất có thể bị những chứng bệnh ngứa đầu, đau đầu v.v... cần phải điều hòa cho thích đáng. Niệm lớn tiếng thì chẳng được cố sức quá mức để khỏi bị bệnh. Lần chuỗi niệm có thể ngừa được sự lười nhác, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì ngón tay động nên tâm chẳng định được, lâu ngày ắt thành bệnh.

Xem kinh luận và các loại sách vở chớ nên vội vã. Phải xem nhiều lần, xem gấp rút sẽ chẳng thể ngưng lặng được, khó lòng thấu đạt ý chỉ. Kẻ hậu sinh hơi thông minh, được một bộ kinh sách bèn quên ăn bỏ ngủ để xem, coi một lần là xong liền. Lần thứ hai không còn hứng thú xem nữa. Dù có xem, cũng giống như vẻ mất hồn ngơ ngẩn. Những loại người này đều chẳng thể thành tựu, hãy nên tận lực ngăn ngừa! Tô Đông Pha nói: *"Cựu thư bất yếm bách hồi độc. Thục độc thâm tư tử tự tri"* (Sách cũ trăm lần xem chẳng chán; đọc kỹ, nghĩ sâu ắt tự biết).

Khổng Tử là bậc thánh thông minh thiên phú còn đọc kinh Dịch đến độ ba lần đứt lề sách. Với tư cách của Khổng Tử, vừa qua mắt liền thuộc lòng, cần gì phải nhìn vào văn để đọc nữa? Do vậy, ta biết: Nhìn vào văn có điểm rất tốt. Đọc thuộc thì phần lớn là miệng đọc qua trơn tru, còn xem văn thì mỗi chữ, mỗi câu đều biết được chỉ thú. Chúng ta nên học theo cách này, chớ nên tỏ vẻ chính mình thông minh, chuyên đọc thuộc lòng. Thời Khổng Tử không có giấy. Hễ viết thì viết trên tấm gỗ hoặc viết trên thẻ tre (trúc giản 竹簡, tức là thẻ bằng tre). Sáu mươi tư quẻ Dịch do Phục Hy[13] vạch ra. Phần Thoán[14] mở đầu sáu mươi bốn quẻ do Văn Vương soạn. [Ý nghĩa của] sáu hào trong mỗi quẻ do Châu Công định ra. Ngoài ra, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Thượng Kinh, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Hạ Kinh và phần Văn Ngôn của hai quẻ Càn Khôn, Hệ Từ Thượng Truyện, Hệ Từ Hạ Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tự Quái Truyện, Tạp Quái Truyện[15],

---

[13] Phục Hy: Còn được gọi là Bào Hy, hoặc Thái Hạo, theo truyền thuyết sống vào khoảng 8.000 hoặc 7.500 trước Công Nguyên, là một trong ba vị thánh vương (Tam Hoàng, tức Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông) của Cổ Trung Hoa. Ông và bà Nữ Oa (có thuyết nói họ là anh em, nhưng thường được hiểu là vợ chồng) được coi là thủy tổ của nhân loại trong văn hóa Hoa Hạ. Theo đó, cả ông và Nữ Oa đều có nửa thân dưới là rắn. Ông ta đóng đô tại Uyển Khưu (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam). Theo thần thoại, Phục Hy lên đàn hình vuông, nghe tiếng gió thổi đến từ tám phía, bèn nghĩ ra Bát Quái.

[14] Trong Kinh Dịch, mỗi quẻ có một lời giảng tổng quát ý nghĩa của quẻ ấy gọi là Thoán. Lời giải thích ý nghĩa mỗi một Hào (tức một vạch liền hoặc đứt) trong một quẻ gọi là Hào Từ (tương truyền do Châu Công soạn).

[15] Kinh Dịch được chia thành hai phần: Thượng Kinh gồm 30 quẻ đầu, Hạ Kinh gồm 34 quẻ sau. Thập Dực có nghĩa là mười cái cánh. Đa phần các nhà chú giải cho rằng: Phần Thoán và phần Hào giống như con chim đã trọn vẹn hình rồi, thêm Thập Dực như chắp cánh thêm lông cho con chim được thêm toàn vẹn. Thời cổ, chữ Truyện có nghĩa là lời giải thích kinh điển. Thoán Truyện là lời giải thích cho rõ ý nghĩa phần Thoán Từ. Tượng Truyện là

được gọi chung là Thập Dực đều do Khổng Tử biên soạn. Nếu chỉ xét theo số lượng chữ thì phần biên soạn của Khổng Tử gấp mười mấy lần phần trước tác kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công. Nhưng Khổng Tử đọc kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công rốt cuộc đến nỗi dây buộc sách bằng da thuộc bị mòn đứt ba lần, đủ biết số lần đọc chẳng thể tính đếm xuể! Chúng ta hằng đọc kinh Phật, trì Phật danh giống như Khổng Tử đọc kinh Dịch ắt sẽ có thể dùng lời Phật, phẩm đức của Phật mà un đúc cái tâm nghiệp thức của chính mình trở thành trí huệ tạng của Như Lai. Pháp tắc để chuyên tu Tịnh Độ gồm có Tịnh Độ ngũ kinh, Tịnh Độ Thập Yếu và các trước thuật Tịnh Độ, ở đây không ghi đầy đủ nữa!

5. Thư gởi thầy Minh Bổn

(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Căn bệnh chung của cả cõi đời hiện thời là nhờ công để lợi tư, khiến cho dân cùng khốn, nước nguy ngập, chiến tranh liên miên. Chúng ta xuất gia làm đệ tử Phật, cố nhiên phải lấy lòng bình đẳng đại từ, đại bi của đức Phật làm chí hướng, chẳng nên giữ mãi thói kiêu mạn tự đại của người tại gia, coi thường hết thảy, mặc tình xử sự, chẳng tuân theo lề lối cũ. Phải nghĩ chúng ta được trời che đất chở, được cha mẹ giáo dục, nếu chẳng bắt chước tấm lòng của trời đất, cha mẹ, sẽ thành kẻ nghịch trời trái lý, gây nhục sâu xa cho đấng sanh thành. Linh Nham[16] là đạo tràng cổ đã một ngàn một trăm năm,

---

phần giải thích ý nghĩa của Tượng được biểu thị bởi mỗi quẻ (Đại Tượng), phần giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu Tượng. Theo cụ Nguyễn Hiến Lê, Tượng có nghĩa là hình thái, như câu *"tại thiên thành tượng, tại địa thành hình"* (trên trời thành tượng, dưới đất thành hình); nó còn có ý nghĩa là biểu tượng như câu *"Thiên thùy tượng, kiến cát, hung; thánh nhân tượng chi"* (Trời hiện ra hình tượng, thấy điềm lành, điềm dữ, thánh nhân phỏng theo đó lập nên biểu tượng). Hệ Từ truyện thường được hiểu là phần giải thích chung cho mỗi quẻ và hào. Văn Ngôn Truyện là phần giảng về lời kinh văn, nhưng chỉ chú trọng vào ý nghĩa hai quả Thuần Càn và Thuần Khôn. Thuyết Quái Truyện giảng về ý nghĩa tám quẻ đơn (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Tự Quái Truyện giải thích về thứ tự các quẻ (lý do tại sao lại sắp các quẻ theo thứ tự đó). Tạp Quái Truyện giải thích linh tinh về một số quẻ.

[16] Chùa Linh Nham tên gọi đầy đủ là Linh Nham Sơn Tự, thuộc Ngô Huyện, Tô Châu. Khởi đầu từ Tư Không Lục Ngoạn biến nhà riêng thành chùa, nhưng rất nhỏ. Đến niên hiệu Thiên Giám (502-519) thời Lương Vũ Đế, chùa mới được mở rộng và mang tên là Tú Phong Tự. Theo kinh Đại Ai

sau cơn biến loạn trở thành chốn hoang tàn. Tuy còn một ít kiến trúc, nhưng không có người chống đỡ, vẫn suy tàn như cũ. May là vào cuối thời Quang Tự, vị đại hộ pháp họ Nghiêm nghe tiếng thầy Chân[17] bèn nghênh thỉnh. Ấy là vì mong Sư sẽ khôi phục đạo tràng vậy. Thầy Chân tuy tiếp nhận, hiềm rằng các sự ràng buộc, chẳng thể đích thân trụ trì. Năm ngoái, Giới pháp sư[18] đến đây, Sư mừng tìm được người bèn giãi bày mọi lẽ, đích thân đưa lên núi để làm Trụ Trì. Lại còn thỉnh vời quan viên, thân sĩ, lên tiếng minh xác biến chùa này thành chốn thập phương thường trụ. Thầy Giới phẩm đức, học nghiệp, tiếng tăm đều xuất sắc, thật đáng làm khuôn phép cho hàng hậu học. Nay thầy đã đáp ứng lời thỉnh cầu [thuyết giảng một khoảng thời gian tại] Ngu Sơn, ông hãy nên hết sức gắng công thay thầy Giới lãnh chúng tu trì, chớ nên lẩn tránh, lười nhác, mong được an nhàn.

Phàm những ai đến núi này ở lại đều là người phát tâm tu đạo, ai nấy đều phải tích cực dụng công, khuyến khích, cổ vũ lẫn nhau, hòng được sự lợi ích

---

(ngài Trúc Pháp Hộ dịch), đây chính là đạo tràng ứng hóa của Trí Tích Bồ Tát. Vào thời Thiên Bảo (742-755) đời Đường Huyền Tông, tổ trung hưng tông Thiên Thai là ngài Đạo Tuân từng tu Pháp Hoa tam-muội tại chùa này. Đầu đời Tống, chùa trở thành học viện giới luật của Luật Tông. Vào thời Nguyên Phong (1078-1085), chùa trở thành thiền viện. Chùa bị cháy rụi chỉ còn sót lại một cái tháp đá vào năm Vạn Lịch 18 (1600) đời Minh Thần Tông. Sau khi được trùng tu, chùa lại bị loạn quân Thái Bình Thiên Quốc đốt phá một lần nữa. Mãi đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), hòa thượng Chân Đạt mới đứng ra dựng lại chùa như hiện nay.

[17] Thầy Chân (Chân sư) ở đây chính là hòa thượng Chân Đạt, vị trụ trì có công đứng ra trùng tu Linh Nham vào năm Tuyên Thống thứ ba (1911).

[18] Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khưu, tự là Địch Ngô, xuất gia năm mười chín tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu Thiền. Sau Sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, Sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp Ban Châu Niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), Sư đến mở Hoa Nghiêm Đại Học tại Hàng Châu. Về sau, Sư bế quan tại chùa Phật Thản ở Thường Thục, ngầm tu Tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v… lập Hoa Nghiêm Đại Học tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm Trụ Trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạp 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huấn, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v…

“lệ trạch”[19], chẳng được rong chơi, chuyện gẫu, cũng như chẳng tuân theo quy củ nhà chùa, tự làm theo ý mình. Chùa này đã là chùa thập phương, con cháu của Tam Thánh Đường[20] sống ở đây cũng phải tu chung với đại chúng, đều cùng hưởng nhọc nhằn hay nhàn nhã, đều đồng cam cộng khổ. Nếu không, sẽ trở thành kẻ quấy loạn Thường Trụ, khinh dối thầy Chân. Đã là đồ đệ của thầy Chân thì hãy nên vô cùng đúng pháp để khỏi đến nỗi vì chính mình chẳng đúng pháp mà khiến cho người ta nói động đến thầy Chân. Nay dạy giản lược đại khái để làm căn cứ hòng duy trì tiền đồ vậy:

1) Thời thế bất ổn, chỉ nên nhất tâm tu đạo, chớ nên vọng động tính xây dựng. Nếu bất đắc dĩ thì chỉ nên xây dựng thêm nho nhỏ, cốt vừa đủ dùng là được, chớ nên xây cất nhiều, mong cho thật rộng lớn. Không những vì tài lực không đủ mà còn là để khỏi vì lẽ đó mà bị chuốc họa!

2) Đường đời gian nan, cơm áo ai nấy đều nên tiết kiệm. Chi phí cho Thường Trụ phải dựa theo thâu nhập mà chi tiêu. Nếu chẳng tiết kiệm, sau này khó duy trì được. Tất cả các khoản thâu vào chi ra đều phải phân minh, chớ nên mua sắm những vật phù phiếm, xa hoa: Một là phí tiền, hai là chuốc lấy tiếng chê bai. Phải dành dụm chỗ dư ra để bồi đắp chỗ thiếu hụt [sau này], chẳng được nói: “Có thầy Chân tiếp tế, cứ mặc tình tiêu xài phù phiếm”.

3) Khóa tụng hằng ngày nơi Phật đường nên y theo quy củ đã định hiện thời, tu trì thiết thực, nhưng chớ nên một mực chuyên chú dụng công nơi sự tướng, mà hãy nên tâm tâm niệm niệm đối trị những căn bệnh tập khí của chính mình. Làm được như thế thì mới thật sự là người niệm Phật. Nếu không, sẽ như bọt nước vỗ vào tảng đá, hoàn toàn chẳng có tâm đắc chi! Chỉ nên căn cứ theo quy củ Tịnh Độ thông thường, chớ có bày vẽ kiểu cách hoa dạng nào khác. Nếu có kẻ muốn lập dị, như đốt ngón tay, [dùng thân] đốt đèn, hãy thỉnh người đó đến chùa A Dục Vương[21] mà làm, núi này vĩnh viễn chẳng bày ra thói ấy.

---

[19] Kinh Dịch có câu *“Lệ Trạch Đoài, quân tử dữ bằng hữu giảng tập”* (Lệ Trạch Đoài: quân tử cùng bè bạn nghiên cứu, tu tập) nên chữ “lệ trạch” thường dùng để chỉ bạn bè thân thiết, tốt lành cùng nhau học hỏi, nghiên cứu.

[20] Tam Thánh Đường tức Tây Phương Tam Thánh Đường, chỉ Niệm Phật Đường. “Con cháu Tam Thánh Đường” là những vị Tăng chuyên tu Tịnh nghiệp.

[21] Chùa A Dục Vương ở trên núi A Dục Vương thuộc huyện Cận tỉnh Chiết Giang. Theo truyền thuyết, vào năm Thái Khang thứ hai (281) đời Tấn Vũ Đế, có người tên là Lưu Tát Ha xứ Tinh Châu bị hôn mê trên núi, mộng thấy một vị tăng người Ấn Độ, cho biết tội ông ta sẽ đọa địa ngục, rồi khuyên ông ta nên đến đảnh lễ tháp của A Dục Vương (tháp thờ xá-lợi đức Phật do vua

4) Giới pháp sư đã nhận lời giảng dạy một thời gian ở Ngu Sơn, sợ rằng khó thể trở về ngay được, nhưng danh vị Trụ Trì vẫn thuộc về thầy Giới, chuyện lãnh chúng tu trì ông tạm thay thế. Phải nên hết sức siêng năng, cẩn thận, khiêm cung, chẳng nên tự đại tự cao. Ông là vãn bối, thay thầy ấy trông nom mọi việc, chẳng được nói năng dường như [chính mình là] vị Trụ Trì để đại chúng khâm phục tấm lòng rỗng rang của ông, đạo tâm càng thêm chân thành, thiết tha.

5) Phàm xử sự tiếp vật hãy nên khiêm hòa công bình, chẳng được cố chấp ý kiến của chính mình, mạt sát chánh lý. Cần nhất là mọi người khích lệ, khuyên lơn lẫn nhau tu ròng Tịnh nghiệp. Thường giảm lỗi mình, đừng bàn lỗi người, cực lực đối trị căn bệnh tập khí. Tập khí khử được một phần thì đạo nghiệp mới tăng được một phần. Chẳng được kiêu ngạo, luông tuồng, hãy chú ý giữ cho đúng chừng mực. Nói chung, phải chịu thương, chịu khó, an bần thủ phận.

6) Chùa này là chùa thập phương, dù ông mang vật gì đến cũng thuộc về thập phương, nên giữ tinh thần chí công vô tư. Phàm con cháu của Tam Thánh Đường trụ trong núi này cũng phải đả phá tình cảm riêng, đặt mình vào địa vị của mười phương Tăng chúng, chẳng được tự tiện cậy vào ý riêng để được hưởng sự ưu đãi, mặc sức phóng túng, hủy hoại quy củ đã thành lập. Nếu không, sẽ trở thành tội nhân trong Phật pháp, là oan gia của thầy Chân, hãy cho kẻ đó ra đi để khỏi bị người khác chê cười.

Thời sự gian nan, tiền đồ đáng lo, nếu chẳng có cách tốt đẹp thì sao trở thành đạo tràng cho được? Chỉ sợ ông có lẽ chưa nghĩ tới, cho nên mới dài dòng một phen. Lúc đầu vốn muốn nói chung chung, sau lại muốn cho rõ ràng dễ xem nên chia thành sáu điều, chẳng qua nhằm biểu thị tấm lòng ngu thành của Quang nhằm bảo vệ đạo tràng Linh Nham, xin chớ vì *"vượt chén thay thớt"*[22] mà chê cười thì Linh Nham may mắn lắm, mà thầy Chân cũng may mắn lắm!

A Dục kiến tạo, sai quỷ thần đem chôn trong các nơi khắp Nam Thiệm Bộ Châu, khi nào Phật giáo hưng thạnh nơi ấy, tháp sẽ tự động trồi lên) để sám hối các tội. Ông này thức dậy bèn xuất gia, đổi tên là Huệ Đạt. Sư đi tìm tháp khắp nơi, nhưng không thấy, đau lòng than khóc. Một đêm, bỗng nghe dưới đất có tiếng chuông vẳng lên. Ba hôm sau, bảo tháp và xá-lợi từ dưới đất cùng vọt lên. Huệ Đạt bèn dựng chùa miếu phụng thờ tháp. Đó là căn nguyên của chùa A Dục Vương. Những người phỏng theo phẩm Dược Vương Bổn Sự trong kinh Pháp Hoa thường đến trước tháp xá-lợi lễ bái đốt ngón tay hay đốt cánh tay để cúng dường.

[22] *"Việt tôn đại trở"* (vượt chén rượu, thay đổi thớt) là một thành ngữ, thường dùng dưới dạng thông dụng hơn là *"việt bào đại trở"* (vượt quyền

6. Thư trả lời cư sĩ Giác Minh
(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Hôm qua nhận được thư bà và thư của cư sĩ Phạm Cổ Nông, biết bà đời trước vốn có thiện căn, nhưng do tập khí văn nhân chưa trừ được, nên gần như chẳng được lợi ích thật sự! Nay tu tập mà vẫn chưa biết mối tương quan rất lớn giữa tự lợi và lợi tha. Đừng nói chi người ngoài, ngay cả chồng, con, dâu, cháu v.v… của chính mình đều nên dạy họ thường niệm Phật hiệu. Một là khiến cho bọn họ cùng gieo thiện căn; đang trong khi cõi đời đại loạn này, nếu chẳng nương tựa vào Phật thì nguy hiểm đáng lo lắm. Hai là nếu lúc bình thường chẳng dạy bọn họ uốn nắn tập khí thì một mai kia lúc bà sắp mất, bọn họ sẽ thuận theo tri kiến thế tục, tính chuyện phô trương, khóc lóc mù quáng, dẫu bà có công phu Tịnh nghiệp có thể tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn, nhưng gặp phải những hành động đó phá hoại tịnh niệm, chắc chắn vẫn ở lại trong cõi Sa Bà, từ trần sa kiếp này cho đến trần sa kiếp khác vẫn bị luân hồi trong sáu nẻo. Do vậy, khuyên quyến thuộc niệm Phật chính là một đại sự khẩn yếu nhất.

Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, chẳng thể làm cho bà được hưởng lợi ích nơi diệu lý của kinh giáo, chỉ có mỗi một việc này do từng trải mấy mươi năm là có thể làm cho bà đích thân được lợi ích trong đời này. Nếu bà làm theo được, sẽ chẳng khác gì cầu Phật tiếp dẫn bà và quyến thuộc cùng con cháu đời sau. Nay tôi đặt pháp danh cho bà là Triều Giác, có nghĩa là chính bà, quyến thuộc và những người quen biết đều cùng quy hướng A Di Đà Phật Đại Giác Thế Tôn vậy. Hiện thời, phạm vi [hoạt động] của nữ giới được nới lỏng, nếu chẳng dùng Phật pháp để duy trì thì sau này chẳng biết biến đổi thành ra tình cảnh như thế nào nữa! Bà xưa đã có huệ căn, há chẳng dùng chuyện tự lợi lợi tha này để Tịnh nghiệp của chính mình được thuần thục, cao đăng thượng phẩm hay sao?

Nay tôi gởi cho bà một bộ Tịnh Độ Thập Yếu, đây là loại nguyên bản chứ không phải là loại trích yếu giản lược đang được lưu hành, một bộ Tịnh

---

đầu bếp mà thay cái thớt). Tổ dùng thành ngữ này với ý tự khiêm, đối với Linh Nham, Ngài chỉ là một vị trưởng lão danh dự, không phải là Đương Gia hay Trụ Trì, không có tư cách gì lên mặt chỉ dạy vị quyền Trụ Trì là thầy Minh Bổn. Ngài khuyên dạy những lời này thì cũng giống như kẻ tự tiện vượt quyền, dạy dỗ người khác, cắt đặt quy củ theo ý mình, nên mới nói là “việt tôn đại trở”.

Độ Thánh Hiền Lục, một bộ Cứu Kiếp Biên[23], một bộ Quán Âm Tụng in theo lối mộc bản (Quán Âm Tụng do một đệ tử bỏ tiền in, nhờ một vị Tăng ở Nam Kinh giảo chánh. Vị này có học thức, giảo chánh khá tốt. Cho đem khắc tại Dương Châu, nhưng do vì chiến tranh, đường bưu điện thường chẳng thông suốt. Đến khi khắc xong, do đường bưu điện không thông nên phải đình lại lâu ngày, sắp đem bản khắc gởi đi thì am của vị Tăng đó bị kẻ có thế lực đoạt mất. Tâm tình đã loạn, nên chẳng thể xét duyệt, thẩm định được nữa. Về sau, đem in ra bốn trăm bộ. In xong xem lại, mới biết sai ngoa khá nhiều. Do vậy, phải in riêng một bản đính chánh ghép vào. Xin hãy chú ý dựa theo bản đó mà sửa cho đúng), một bộ Lịch Sử Thống Kỷ[24] in bằng lối mộc bản (hai bộ này không có người lưu thông vì phí tổn lớn quá) và các thứ khác xếp cho đầy bưu kiện, đều có liên quan đến nhân tâm thế đạo. Lại kèm thêm một lá thư gởi cho khắp mọi người, đúng là của báu truyền đời của mọi người, văn tự tuy nông cạn, hời hợt, nhưng chẳng có một chữ nào vô dụng. Năm ngoái, Phật Quang phân xã ở Vụ Nguyên được thành lập, một đệ tử xin Quang viết lời tựa. Quang một mực không giữ lại bản thảo, nhưng với bài ấy đặc biệt sao lại đem gởi đi, muốn gởi cho Phật Học Đặc San Xã, nhưng chần chừ chưa gởi. Nay đem gởi tới cho bà, xem xong xin chuyển cho cư sĩ Phạm Cổ Nông, bảo với ông ta tôi đã đặt pháp danh cho bà để Quang khỏi phải viết thư cho ông ta nữa. Quang già rồi, do sức túc nghiệp, sanh ra mới được sáu tháng liền bị bệnh mắt, suốt sáu tháng không mở được mắt, không ngớt tiếng khóc. Nay đã hơn bảy mươi tuổi rồi, gần đây mục lực rất yếu, từ mùa Đông năm ngoái hễ có thư từ gì gởi đến đều dặn sau này đừng gởi thư nữa, thư gởi đến quyết không phúc đáp, để khỏi bị ôm nỗi đau Tây Hà[25].

---

[23] Cứu Kiếp Biên tên gọi đầy đủ là Phật Học Cứu Kiếp Biên, do ông Hứa Chỉ Tịnh biên soạn. Nội dung tập hợp những giáo huấn trọng yếu để khuyến thiện tu Tịnh Độ, bao gồm các huấn thị về Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, cải ác hướng thiện, tín nguyện niệm Phật, Phổ Hiền Hạnh Nguyện v.v…
Quán Âm Tụng tên gọi đầy đủ là Quán Thế Âm Bồ Tát Bổn Tích Cảm Ứng Tụng, cũng do ông Hứa Chỉ Tịnh biên soạn. Nội dung trích thuật kinh luận nêu rõ những duyên khởi, sự phát tâm, thị hiện cảm ứng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông Hứa Chỉ Tịnh soạn cuốn này theo yêu cầu của Tổ Ấn Quang.

[24] Tên gọi đầy đủ là Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do ông Nhiếp Vân Đài biên soạn, Hứa Chỉ Tịnh ghi lời bàn định. Nội dung thâu thập những câu chuyện trong lịch sử, trích từ các bộ sử nổi tiếng của Trung Hoa từ Sử Ký cho đến Minh Sử, khởi đầu bằng chuyện vua Thuấn, kết thúc bằng chuyện Cáp Lập Ma (tức Karmapa của Phật giáo Tây Tạng) thời Vĩnh Lạc nhà Minh.

[25] Tử Hạ, tên thật là Bốc Thương, người xứ Ôn nước Tấn (nay là huyện Ôn, tỉnh Hà Nam) thời Xuân Thu, là một đệ tử nổi tiếng của Khổng Tử, được thờ phối hưởng trong Văn Miếu. Ông không thích làm quan, nhưng vâng lời thầy ra làm quan ở nước Cử (nay là huyện Cử tỉnh Sơn Đông). Sau khi

7. Thư trả lời Huyễn Tu đại sư
(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Tông chỉ niệm Phật là sanh lòng tin chân thật (tức Tín), phát nguyện thiết tha (tức Nguyện), chuyên trì Phật hiệu (tức Hạnh. Tín - Nguyện - Hạnh là tông chỉ của Niệm Phật). Phương pháp dụng công niệm Phật hay nhất chính là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. *"Nhiếp trọn sáu căn"* chính là cái tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật, tức là thâu nhiếp ý căn. Miệng phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, tức là thâu nhiếp thiệt căn. Tai phải nghe cho rõ ràng, rành rẽ, tức là thâu nhiếp nhĩ căn. Gom ba căn này vào Phật hiệu thì chắc chắn mắt chẳng thể nhìn loạn. Lúc niệm Phật, mắt phải khép hờ, tức là rủ mí mắt xuống, đừng có mở to mắt. Mắt đã nhiếp thì mũi cũng chẳng ngửi loạn, tức là mũi cũng được nhiếp. Thân phải cung kính, tức là thân cũng được nhiếp. Sáu căn đã nhiếp chẳng tán loạn thì tâm không vọng niệm, chỉ nghĩ đến Phật thì mới là tịnh niệm. Sáu căn chẳng nhiếp thì dù có niệm Phật, vọng niệm trong tâm vẫn tưng bừng, khó được lợi ích thật sự! Nếu có thể thường nhiếp trọn sáu căn để niệm thì gọi là "tịnh niệm tiếp nối". Thường giữ được tịnh niệm tiếp nối chính là nhất tâm bất loạn, dần dần sẽ đạt được Niệm Phật tam-muội.

8. Trả lời thư cư sĩ Vương Đức Châu ở Vân Nam (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

1) Thư tuyên ngôn của Cư Sĩ Lâm ngôn từ lẫn lý lẽ châu đáo, rất hay. Chương trình hoạt động đại lược cũng hết sức nghiêm chỉnh, châu đáo, trọn vẹn. Đủ thấy được tình trạng giáo hóa Phật pháp hưng thạnh ở Vân Nam vậy. Nhưng hãy nên tận lực vâng giữ bổn phận, đừng học theo thói ham cao chuộng xa. Ví như mặc áo, ăn cơm, đều phải căn cứ theo kích cỡ thân thể, sức ăn của mỗi người, mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn thì dưỡng được thân tâm. Làm sái cách thì thân lẫn tâm đều bị thương tổn, chứ nào phải uống, ăn, áo vải mỏng, áo cừu là tốt hay chẳng tốt, mà là do người có khéo dùng hay không? Bất luận tư cách như thế nào, đều

---

Khổng Tử mất, ông bèn từ quan, sang sống tại Tây Hà, huyện Đào, mở trường dạy học. Học trò ông thành đạt rất đông, có nhiều người rất nổi tiếng như Can Mộc, Ngụy Văn Hầu, Ngô Khởi v.v… Tuổi già, người con trai duy nhất đột nhiên lăn ra chết, ông thương tâm khóc đến nỗi mù mắt, do đó mới có thành ngữ *"Ôm nỗi đau Tây Hà"*. Tổ mượn thành ngữ này với ngụ ý: Tránh viết lách quá nhiều đến nỗi mắt bị mù.

phải giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại phải nên chuyên chú nơi pháp môn Tịnh Độ vì cậy vào Phật từ lực so với ỷ vào tự lực khó - dễ thật cách biệt vời vợi như trời với đất! Gần đây có những hạng người luôn phô phang sự giải thoát đầng miệng, cho người niệm Phật là hủ bại đợi chết, xin chớ bị những tà thuyết ấy mê hoặc. Trong thời thế hiện nay, dẫu là bậc cổ Phật đã thành Chánh Giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đề xướng gì khác ngoài chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh Độ! Dẫu cho Đạt Ma đại sư thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cậy vào Phật lực để dạy dỗ. Thời tiết, nhân duyên thật sự là căn bản. Trái nghịch thời tiết, nhân duyên cũng giống như mùa Đông mặc áo vải mỏng, mùa Hạ mặc áo cừu, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà lại còn thành hại!

Chánh nghĩa của Phật giáo hoàn toàn khế hợp luân thường đạo lý. Trong đời có kẻ ngoại đạo thường hay xén trộm những danh từ Phật giáo để thực hành đạo vận khí, luyện đan, rồi gọi hoa mỹ là Tam Giáo Đồng Nguyên (Nho, Thích, Đạo cùng nguồn). Nguồn cố nhiên là đồng, nhưng ngành nhánh thì khác! Nếu chấp nhận kiểu "đồng nguyên" ngoài miệng của bọn dị kiến là nguồn cội của Tam Giáo sẽ đắc tội lớn với thánh nhân Tam Giáo. Nay dốc sức nơi luân thường và pháp môn Tịnh Độ thì tương lai ở bất cứ nơi đâu cũng sẽ gặp được nguồn. Nếu bỏ điều này, coi pháp bí mật truyền dạy cách luyện đan là nguồn cội, sẽ trở thành vĩnh viễn mê mất nguồn cội chân thật, đi mãi trong nẻo tà! Hãy nên đem điều này nói với những tín sĩ có túc căn nhưng chưa biết cội nguồn của Phật pháp thì lợi ích lớn lao lắm.

Cảnh Kỳ Xương pháp danh là Đức Xương, Hàn Thọ Sơn pháp danh là Đức Sùng. Phải biết: Vốn có tánh đức rất sáng suốt, lại cực cao quý, chỉ vì chẳng biết nên đâm ra tối tăm, hèn kém. Nếu chịu kiểm điểm hết thảy khởi tâm động niệm sẽ tự có thể khôi phục gốc, trở về nguồn, đích thân được thụ dụng, nhưng không thể không tận lực chuyên chú giữ vẹn luân thường và niệm Phật. Dùng cách này để tự hành, lại còn để dạy người, thì gọi là Phật Tử. Đối với tất cả các sách của Hoằng Hóa Xã hãy nên bảo họ gởi cho một hai phần để những lâm hữu (thành viên của Cư Sĩ Lâm) xem đọc, cũng như bảo họ gởi kèm theo thư mục để tiện việc muốn thỉnh sách nào có lợi cho người thì cứ theo danh sách đó mà thỉnh.

Hiện nay có bộ Tăng Tu Lịch Sử Thống Kỷ đã in xong, chẳng bao lâu giảo đính hoàn thành, tôi sẽ gởi một hai bộ để kết duyên. Phổ Đà Sơn Chí có thể xuất bản vào cuối Thu hoặc đầu Đông. Bộ Chánh Tín Lục của ông La Lưỡng Phong cũng có thể được xuất bản vào đầu Thu. Nguyên văn bộ Tịnh Độ Thập Yếu sẽ được xuất bản vào mùa Hạ hay mùa Thu năm sau. Bộ sách này rất hữu ích cho Tịnh nghiệp hành nhân. Do có những việc như vậy nên

Quang chưa thể cự tuyệt hết thảy, tuy mang tiếng bế quan nhưng vẫn bận bịu đủ chuyện. Đợi đến khi những việc ấy xong xuôi, ắt sẽ cự tuyệt hết thảy để mong đến ngày Ba Mươi tháng Chạp không bị chướng ngại, theo Phật vãng sanh. Sau này, không có chuyện cần thiết thì chớ nên gởi thư đến, bởi tôi chẳng đủ tinh thần, không có sức đáp ứng.

2) Nói ngày Ba Mươi tháng Chạp nghĩa là nói chuẩn bị sẵn, chứ không phải là biết trước lúc mất sẽ nhằm ngày Ba Mươi tháng Chạp. Ba Mươi tháng Chạp là ngày năm cùng tháng tận cho nên cổ nhân thường mượn từ ngữ này để ví cho lúc chết. Nếu bình thường chẳng sớm chuẩn bị sẵn, đến lúc ấy chắc chắn tay chân cuống quít. Nhóm bảy người các ông Trần Chánh Am v.v... đã muốn quy y thì hãy nên dựa theo Văn Sao, Gia Ngôn Lục để tu trì thì mới chẳng phụ cái tâm ấy. Hiện nay các nơi ngoại đạo rất nhiều, bọn họ đều coi "luyện đan, vận khí, cầu thành tiên, sanh lên trời" là chuyện tột bậc. Đã quy y Phật pháp thì chớ nên kiêm tu những pháp ấy nữa! Tà - chánh xen tạp thì chánh cũng thành tà. Lại nữa, ai nấy đều nên giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, ắt phải lấy nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi làm nhiệm vụ trọng yếu để vun đắp quốc gia khiến cho ai nấy đều hành theo những điều này thì lẽ đâu thiên hạ chẳng tự được thái bình! Nay thiên hạ loạn lạc, cội nguồn đều do chẳng bàn đến sự giáo dục trong gia đình, chẳng nhắc đến nhân quả báo ứng, nên mới ươm thành [mối họa] vậy.

Nay tôi gởi bảy bộ Tăng Tu Lịch Sử Thống Kỷ mới được in, bốn bộ Chánh Tín Lục, nhận được xin hãy châm chước mà phân phối. Chánh Tín Lục phá được thiên kiến hẹp hòi, câu nệ bậc nhất. Thiện căn của người đọc sách bị những vị tiên sinh bên Lý Học đoạn dứt, nhưng các tiên sinh bên Lý Học đều trộm lấy những nghĩa lý của Phật pháp để tự xưng hùng, lại sợ người đời sau học [Phật] bèn ra sức bài xích hòng ngăn lấp hàng hậu học để họ chẳng biết đến Phật pháp; nhưng làm sao ngăn trở được người có chút túc căn! Chẳng qua là dùng mánh khóe ấy để người căn tánh trung hạ không cách nào đích thân được gội nhuần pháp trạch vậy!

Nay tôi đặt pháp danh cho mỗi người trong bọn họ, xin hãy chia thư ra giao cho họ, hoặc đem những ý chánh yếu trong thư này [viết lại gởi đi] để mỗi người tự sao lấy. Không có hình [gởi kèm theo], chỉ mong lễ Phật niệm Phật, dùng hình tôi nào có ích chi? Cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa không lúc nào nhiều hơn lúc này. Trong thời thế này, mọi người đều phải phát tâm cảm kích, ai nấy phải nỗ lực tu đạo làm người trong luân thường và ứng xử hằng ngày, kiêm tu pháp môn Tịnh Độ. Đấy gọi là *"tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo, Phật pháp lẫn thế pháp đều cùng hành*". Nếu trong những kiếp xưa chẳng gieo căn lành, danh

hiệu Phật còn khó được nghe! Nếu chẳng tích cực tu trì sẽ trở thành lên núi báu trở về tay không, cô phụ ân Phật và tánh linh của chính mình quá lắm!

9. Trả lời thư cư sĩ Châu Tụng Nghiêu

(đính kèm nguyên văn thư hỏi, năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nay con có một nghi vấn, thỉnh cầu lão pháp sư từ bi khai thị. Đệ tử ăn chay niệm Phật đã nhiều năm. Nhân vì người tin Phật được mười phương tam thế chư Phật hộ niệm, thiên long bát bộ, đại lực thần vương thường theo ủng hộ, ác nghiệp những đời trước cũng dần dần được tiêu diệt, dù có oán đối cũng chẳng thể hại được. Đấy chính là điều kinh Phật đã nói, quyết chẳng phải là lời nói dối. Vậy mà trong tháng Ba, con nhận được tin từ mẹ con ở Thượng Hải gởi đến, cho biết có bà Trương hết sức tin Phật, ăn chay đã hơn hai mươi năm, thường đến Cư Sĩ Lâm nghe kinh, gặp ai cũng khuyên niệm Phật ăn chay, tâm hết sức từ bi làm lành. Nào ngờ một bữa kia, mang đồ chay đến cho một vị sư huynh nọ, đi đường bị xe hơi tông chết. Sau đó, sở cảnh sát giao thông đem xác về, đến ba bữa sau con cháu trong nhà mới biết chuyện, đến lãnh về tẫn liệm. Con nghe chuyện này xong, trong tâm hết sức kinh hãi, đến nay ngờ vực không giải quyết được! Hơn nữa, những người trong Phật hội nghe như vậy cũng đều bất an. Vì thế, con mới đặc biệt dâng thư này, khẩn cầu lão pháp sư chỉ bày nguyên do vì sao bà ta lâm chung lại khổ sở đến thế? Rốt cuộc bà ta có được vãng sanh Tây Phương hay chăng? Xin hãy giảng minh bạch điều này khiến cho mọi người an tâm niệm Phật, cảm tạ ân đức khôn cùng.

Nhận được thư, biết các hạ đối với đạo lý Phật pháp còn chưa thật sự hiểu rõ. Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Giả sử ác nghiệp hữu thể tướng giả, thập phương hư không bất năng dung thọ"* (Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không cũng chẳng thể chứa đựng được). Phải biết: Người tu trì nếu chân thành, không dối trá thì có thể chuyển được nghiệp, chuyển quả báo nặng nề ở đời sau thành quả báo nhẹ trong đời này. Phàm phu mắt thịt chỉ thấy được những sự thực cát - hung hiện thời, chẳng thể biết nhân quả quá khứ và vị lai như thế nào! Như bà cụ ấy tu tập tinh ròng nhiều năm, một bữa kia chết thảm, có thể là do khổ báo ấy sẽ tiêu diệt được quả báo trong tam đồ ác đạo đã tạo, được sanh trong thiện đạo. Nếu lúc sống có tín nguyện chân thật thì cũng có thể vãng sanh Tây Phương. Nhưng chúng ta đã không có Tha Tâm đạo nhãn, chẳng dám ức đoán là quyết định vãng sanh hoặc quyết định chẳng vãng sanh. Chỉ có thể nói quyết định: *"Làm lành ắt được báo lành, làm ác quyết mắc báo ác"*.

Làm lành mà mắc ác báo thì chính là quả báo của ác nghiệp đời trước, chứ không phải là quả báo của thiện nghiệp trong đời hiện tại. Các ông trông thấy cụ già đó bị quả báo ấy, trong lòng chắc là có tà kiến "làm lành vô phước, điều thiện chẳng đáng làm", cho nên mới kinh hoảng ngờ vực. Tri kiến như vậy thì có khác gì người chưa được nghe Phật pháp đâu? Nếu tin sâu lời Phật, quyết chẳng vì chuyện này mà có thái độ kinh hoảng ngờ vực ấy; bởi lẽ chuyện nhân quả trùng điệp vô tận. Nhân này chưa [kết thành] quả báo, quả kia đã chín trước. Giống như trồng lúa vậy, thứ lúa chín sớm thâu hoạch trước; giống như thiếu nợ, kẻ có sức mạnh lôi đi trước.

Thời xưa có kẻ suốt đời làm lành, khi lâm chung chết thảm để tiêu túc nghiệp, đời sau lại được phú quý tôn vinh. Như một vị Tăng ở chùa Dục Vương (chùa A Dục Vương) đời Tống, muốn tu bổ điện thờ xá-lợi, nghĩ Nghi Thân Vương có thế lực, bèn đến quyên mộ, quyên chẳng được mấy, phát phẫn quá mức, bèn dùng búa chặt tay trước điện thờ xá-lợi, chảy máu đến chết. Ngay khi đó, vương gia sanh được một đứa con cứ khóc mãi không ngừng. Vú em bồng đi chơi, đến bên chỗ có treo hình tháp xá-lợi liền nín, đi khỏi lại khóc, [bà vú] bèn lấy bức hình ấy xuống. Bà vú thường cầm bức hình ấy giơ ra trước mặt thì vĩnh viễn không khóc. Vương nghe vậy, lấy làm lạ, bèn sai người qua chùa Dục Vương hỏi tin vị Tăng ấy thì ngày sanh của đứa con đó đúng vào ngày [ông Sư ấy] chặt tay chảy máu đến chết. Vương bèn một mình tu bổ điện xá-lợi. Đến năm [đứa con ấy tròn] hai mươi tuổi, Ninh Tông băng, không có con, bèn cho chàng trai ấy nối ngôi, làm hoàng đế bốn mươi mốt năm, tức là Tống Lý Tông (1225-1265) vậy! Cái chết của ông Tăng ấy cũng là thảm tử. Nếu chẳng thường khóc không ngừng, thấy bức vẽ xá-lợi bèn nín, ai biết được đứa bé ấy chính là hậu thân của vị Tăng đã chặt tay chết thảm? Chuyện này chép trong A Dục Vương Sơn Chí. Năm Quang Tự 21 (1895), Quang đến lễ xá-lợi mấy chục ngày, đọc được [chuyện này].

Người hiểu lý gặp bất cứ hoàn cảnh như thế nào, quyết chẳng nghi nhân quả có sai lầm, hoặc lời Phật có dối! Người không rõ lý chấp chết cứng vào quy củ, chẳng biết nhân quả phức tạp đến nỗi lầm lạc nẩy sanh nghi ngờ, bàn bạc; nói chung là do tâm không có chánh kiến. Như nói người niệm Phật có Tam Bảo gia bị, long thiên che chở, đấy là lý nhất định, hoàn toàn chẳng hư vọng. Chỉ vì chưa hiểu rõ lý *"chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ đời này"* nên chẳng khỏi bàn bạc nghi ngờ không hợp lẽ như thế. Xưa kia, Giới Hiền luận sư[26] ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lẫy lừng Tứ Trúc (bốn xứ

---

[26] Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị Luận Sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du Già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na Lan Đà ở tại nước Ma Kiệt Đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng

Thiên Trúc[27]). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng xuống, bảo: *"Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương não hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu. Ông nên gắng chịu đựng, xứ Đại Đường có một vị Tăng tên là Huyền Trang, ba năm nữa sẽ đến đây học pháp".* Giới Hiền luận sư nghe xong, ráng chịu đau sám hối, lâu ngày lành bệnh. Đến ba năm sau, ngài Huyền Trang đến đó, ngài Giới Hiền bảo đệ tử thuật lại tình trạng đau khổ của căn bệnh. Người kể lại nỗi khổ nghẹn ngào, ứa lệ, đủ thấy sự khổ ấy rất lớn. Nếu chẳng hiểu rõ nhân trong đời trước, người ta sẽ nói Giới Hiền chẳng phải là vị cao tăng đắc đạo, hoặc sẽ nói bậc đại tu hành như vậy mà vẫn bị bệnh thảm như thế, Phật pháp linh cảm lợi ích ở chỗ nào? Những gì trong tâm các ông biết nhỏ nhoi quá, nên thấy chút tướng lạ liền sanh kinh nghi. Người không có thiện căn bèn thoái thất đạo tâm. Nếu [thấy] người tạo ác hiện tại được phước báo thì cũng sẽ khởi tâm tà kiến như thế; chẳng biết đều là tiền nhân hậu quả và chuyển quả báo nặng nề trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời, cũng như chuyển quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời thành quả báo nặng nề trong đời sau v.v… đủ mọi lẽ phức tạp khác nhau!

---

gia Samatata ở Đông Ấn, hiếu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na Lan Đà, Sư gặp được Hộ Pháp Bồ Tát, nghe ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, Sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na Lan Đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du Già Sư Địa Luận v.v… chia Phật giáo thành ba thời là Hữu, Không, Trung, lập ra thuyết Ngũ Chủng Tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, Sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của Sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi Sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng.

[27] Thiên Trúc chính là Ấn Độ. Do thời cổ, các âm Trúc, Độc đọc giống nhau. Vì vậy, cổ thư còn phiên Thiên Trúc là Thiên Độc, Thiên Đốc, Thân Độc. Theo các nhà nghiên cứu, đây đều là những âm đọc sai của chữ Hindustan. Trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 85, pháp sư Huyền Trang ghi: *"Danh xưng Thiên Trúc, nhiều ý kiến bàn bạc khác biệt. Thời cổ gọi là Thân Độc, hoặc gọi là Hiền Đậu. Nay theo chánh âm, nên đọc là Ấn Độ… Ấn Độ, Hán dịch là Nguyệt (mặt trăng). Mặt trăng có nhiều tên, đây là một tên!"* Ấn Độ chia thành năm xứ (Ngũ Trúc), ngoại trừ phần Trung Ương, bốn khu Đông, Tây, Nam, Bắc, được gọi chung là Tứ Trúc.

10. Thư trả lời cư sĩ Đức Sướng

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Nhận được thư ông và thư thầy Minh Đạo, biết đứa con thứ ba mới hai mươi tuổi chợt bị chết yểu, khôn ngăn than thở. Huống chi ông nuôi dạy bấy nhiêu năm, phí ngần ấy tinh thần, tiền của, trong lòng sao khỏi cảm thương! Tuy nhiên, chớ nghĩ chính mình một lòng sốt sắng làm chuyện công ích, quy y Phật pháp, sao chẳng được Phật che chở, rồi đâm ra oán hận! Phải biết: Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, hoặc ta thiếu nợ người, hoặc người thiếu nợ ta, hoặc ta thiếu mạng người, hoặc người thiếu mạng ta. Do đôi bên thiếu nợ nhau nên sanh ra đủ loại con cái khác nhau. Có đứa trả nợ, có đứa đòi nợ, có đứa báo đức, có đứa báo oán. Trong đời này, tuy ông khởi tâm xử sự mọi chuyện rất tốt, há lẽ nào nhiều đời nhiều kiếp đều hoàn toàn không có tội nghiệp gì ư? Vì thế, gặp cảnh ngộ bất như ý, con người chỉ nên phát tâm sám hối tội nghiệp, chẳng nên sanh ý tưởng oán trời trách người. Nếu có thể phát tâm sám hối, chẳng sanh oán hờn, đó là *"gặp nghịch cảnh vâng chịu, phước về sau khó thể suy lường được"*. Đứa con này của ông đại khái là do đòi nợ mà đến. Đòi đủ nợ rồi bèn lìa đời. Chủ nợ đã đi rồi, sao ông không sanh ý tưởng giải thoát nghiệp lụy, lại nẩy sanh lòng oán trời trách Phật, trở thành điên đảo vậy ư?

Năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Vương Chi Tường ở Bắc Thông Châu, tên tự là Thiết San, có một đứa con rất thông minh, rất hiếu thuận. Đứa lớn mắc bệnh thần kinh, tâm ông Thiết San mong mỏi đứa nhỏ này sẽ kế thừa tiếng tăm gia đình. Năm nó hai mươi mốt, hai mươi hai tuổi, đã cưới vợ, sanh được một gái, một ngày nọ bệnh nặng sắp chết. Thiết San đau khổ cùng cực, gào lên: "X… ơi! Ngươi đã đến làm con ta, sao lại muốn bỏ đi trong khoảnh khắc này?" Đứa con ấy trừng mắt, nói giọng Quảng Tây: "Tao nào phải là con nhà mày, tao là người thứ mười bốn!" Nói xong, chết liền. Trước kia, lúc ông Thiết San giữ việc binh bị ở Quảng Tây, lập kế giết mười ba tên đầu lĩnh giặc cướp ra hàng, trước hết dùng cách đối đãi thật chiều chuộng, nồng hậu để xoa dịu, mời chúng ăn cơm. Lại còn mời những người có danh vọng lớn đến bồi tiếp, thưởng cho mỗi tên hai mươi bốn đồng, bảo chúng: "Ban ngày bận lắm, không thể chuyện trò cặn kẽ cùng các ngươi được, tới tối hãy đến, sẽ xếp đặt chức vụ cho mỗi người trong bọn ngươi!" Mười ba người đó chẳng biết ông muốn giết họ, lại kéo một người bạn thân cùng đi, cho rằng [ông Thiết San] sẽ nể tình, cũng xin cho người ấy được một chức vụ tốt. Tối hôm ấy họ đến, cứ qua một cửa liền khóa ngay cửa ấy lại, đặt phục binh trong hoa sảnh. Bọn họ đến nơi, Thiết San rút đao đang

đeo ra chém, phục binh cùng ùa ra giết, chặt được mười bốn cái đầu lâu, cũng chẳng biết tên họ là gì. Nào biết người ấy chính là đứa con này. Uổng công hơn hai mươi năm nuôi dạy nhọc nhằn, đến lúc chết lại trừng mắt quát tháo, chẳng nhận Thiết San là cha!

Nói chung, cái nhân trở thành con cái trong cõi đời chẳng ngoài bốn nghĩa "đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán". Đứa con này do đời trước ông đã thiếu nợ nó, sạch nợ liền đi. Nếu là trả nợ và báo ân thì sẽ được nó hiếu dưỡng. Hơn nữa, ông đã quy y Phật pháp, phải hiểu thế gian mọi sự vô thường. Nếu chẳng cực lực niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ theo nghiệp luân hồi trong tam đồ lục đạo làm sao ngưng ngớt cho được! Với cái chết của đứa con này, càng phải biết hết thảy mọi sự đều không nương cậy được, chỉ có Tây Phương A Di Đà Phật chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hết thảy chúng sanh bọn ta. Từ đấy phát tâm cảm kích, phát tâm tinh tấn, đem những công đức ta đã làm và công đức niệm Phật đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương. Ông làm được như thế thì cái chết của đứa con này chính là lời nhắc nhở, thúc đẩy ông, tránh cho ông khỏi bị mê muội bởi phước báo quyến thuộc thế gian [đến nỗi] chẳng sanh lòng nhàm lìa Sa Bà, cũng như không sanh lòng ưa muốn Cực Lạc. Vì thế, giáng cho ông một gậy vào đầu đau buốt, hóa ra ông chẳng quán sát nhận hiểu nơi bản thân, lại sanh khởi đủ mọi ngu kiến oán trời oán Phật, trở thành "mê gốc chạy theo ngọn", chẳng biết tự phản tỉnh!

Người đời thường hay khoe khoang, kiêu căng bởi những công đức chính mình đã tạo, dễ dãi đối với những tội lỗi chính mình đã gây. Con người ai không tội? Đừng nói chi quá khứ, nếu chỉ nói trong đời này thì đã giết đủ loại chúng sanh cho sướng miệng bụng! Chúng nó nào phải gỗ, đá, chẳng biết đau khổ, chẳng muốn sống, chỉ mong người ta giết ăn ư? Ông đã giết ăn nó, tương lai nó nhất định cũng muốn giết ăn ông. Suốt một đời, con người không biết đã ăn bao nhiêu sanh linh, có nên lớn lối bảo "ta vô tội, bị trời phạt lầm" hay chăng? Do vậy, nói chung thường nhân chẳng thấy được bản thân có lỗi, nói chung thánh nhân chẳng thấy chính mình có đức. Chẳng thấy có lỗi thì tội chất như núi. Chẳng thấy có đức thì đức cao tầy trời. Ông chớ có nói như kẻ ngu si, hãy cực lực làm lành, nỗ lực niệm Phật, tất cả hết thảy công đức thiện sự lợi người đều nên hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì tâm hạnh trong đời hiện tại sẽ khế hợp với tâm hạnh của thánh hiền, đến khi lâm chung, chắc chắn được A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh. Đấy chính là lúc gặt hái công lao, kết quả vậy. Nếu chẳng sanh Tây Phương thì chuyện lành đã làm sớm hay muộn đều hưởng quả báo, nhưng quả báo do giết ăn chúng sanh cũng khó khỏi phải trả, đáng sợ lắm thay!

11. Thư trả lời cư sĩ Hứa Hy Đường

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Lạc Huệ Bân đến cầm theo thư ông và danh sách những người khác xin quy y. Biết cư sĩ niên kỷ đã sáu mươi lăm, một con một cháu đều bị chết yểu. Luận theo nhân tình thế gian, thật đáng đau lòng. Nếu luận theo pháp môn Tịnh Độ liễu sanh tử thì thật là nhân duyên tối thắng để siêu phàm nhập thánh! Người thế gian sanh ra chẳng biết từ đâu đến, chết đi không biết sẽ về đâu, thật là một đại sự trọng yếu trong đời người; chỉ vì tâm niệm coi trọng con cháu nên đâm ra coi thường, bỏ qua đại sự sanh tử của chính mình. Nếu con cháu của cư sĩ trường thọ, làm quan, chắc sẽ bị phú quý phước lộc làm mê, sợ rằng khó phát được cái tâm "quy y Tam Bảo, xin thọ Ngũ Giới" này, bất quá chỉ mong "phước, thọ, chết tốt lành" là cùng, đối với Pháp Thân huệ mạng vẫn không nghe không tin! Nếu như chuyện gì cũng vừa ý, há có thể nào vượt ra ngoài chuyện sống uổng chết phí được hay chăng?

Cảnh ngộ hiện thời chẳng tốt đẹp, biết đời người không gì chẳng phải là khổ, lại được đọc tường tận các sách Tịnh Độ, biết chúng ta vốn sẵn có chốn quê cũ An Lạc để yên thân lập mạng, suốt ngày chỉ nghĩ đến Phật, chỉ cầu Tịnh Độ, mãi cho đến khi lâm chung, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đến tột cùng đời vị lai hưởng diệu lạc thù thắng. Do vậy, mới nói *"con ấy, cháu ấy quả thật đã thành tựu đại sự liễu sanh tử cho ông nên mới mất trước!"* Hãy nên sanh tâm cảm kích lớn lao, nguyện dùng công đức niệm Phật của chính mình để tiêu trừ tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn cho họ, ngõ hầu họ cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương khiến cho người con, người cháu ấy chẳng uổng công chết sớm! Người khéo đạt lợi ích thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện lợi ích; người cam lòng chịu bị tổn hại thì không chuyện gì chẳng phải là chuyện tổn hại, tùy theo kiến giải của mỗi người như thế nào!

Ông đã phát tâm quy y, nay tôi đặt pháp danh cho ông là Đức Hy, nghĩa là: Dùng đại Bồ Đề tâm mong cho dù ta hay người đều được gội từ quang của Phật, sanh về Tịnh Độ của Phật. Tất cả những nghĩa lý Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện đã giải thích đại lược trong bộ Văn Sao, nên không ghi lại nữa. Đối với việc tự thệ thọ giới, nơi thư gởi cho bà Từ trong bộ Văn Sao[28] cũng đã có nói qua, nên cũng không cần phải nhắc lại. Điều đáng nói là phải chăm chú, coi trọng thật hành. Nếu người học Phật chẳng chú trọng tận tụy thực hành thì có khác gì kép hát trong cõi đời đâu! Trên sân khấu khổ - sướng, buồn - vui diễn cho thật giống như đúc, nhưng thật ra cũng chẳng có

[28] Tức là lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền, đánh số 33 trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, tập 1.

mảy may gì liên quan đến ta. Như vậy thì sẽ trở thành gã si ham danh ghét thật, tâm muốn lừa người dối Phật, thật sự chỉ tạo thành cái lỗi lừa người dối Phật. Người còn chẳng nên lừa, huống gì là Phật? Phải chú trọng thật sự thực hiện thì mới nên.

Đối với việc tu trì, hãy nên chuyên chú Tịnh Độ, bởi ông đã gần đến tuổi cổ hy (bảy mươi tuổi), ngày tháng không còn được mấy. Nếu muốn đọc rộng rãi các kinh luận Đại Thừa sẽ không đủ tinh thần, không đủ tri thức, mà lại chẳng có đủ thời gian! Chỉ một pháp sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương là pháp môn vô thượng thắng diệu bậc nhất. Hãy nên chết sạch cái tâm mong ngóng, một vai gánh vác, quyết định ngay trong đời này giã biệt ngũ trược, cao đăng chín phẩm. Lại nên phát tâm đại từ bi vì hết thảy những người quen biết nói lợi ích của pháp môn này, khiến cho bọn họ đều cùng tu tập thì công đức của chính mình càng thêm rộng lớn. Đối với người ngoài còn như thế, huống gì đối với vợ, con dâu, cháu dâu của chính mình, nỡ để họ chẳng được hưởng ích lợi nơi pháp ư? Một là để an ủi vợ ông trong cảnh già, hai là để an ủi nỗi thê lương của con dâu, cháu dâu, khiến họ cũng do pháp này được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử thì thật là có công hiệu lợi người.

Thêm nữa, người niệm Phật nếu đã chứng đạo thì lúc lâm chung mặc cho dao cắt, hương bôi, trọn chẳng hề có chuyện động niệm, nên không có những cái được gọi là tổn hại hay lợi ích. Nếu chỉ có sức tu trì, chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, khi lâm chung được người khác trợ niệm sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu gặp phải quyến thuộc vô tri, ngay trước khi chưa chết đã tắm rửa, thay quần áo sẵn khiến cho [người sắp mất] bị dời động, chịu khổ. Dù chẳng bị khổ, nhưng vừa bị dời động thì tâm chẳng thể quy nhất nơi Phật (do thân thể bị động, tâm liền chẳng thể triệt để thanh tịnh thuần nhất). Nếu lại còn đối trước [người sắp mất] khóc lóc thì chính người [sắp mất] ấy cũng sanh ái luyến, nên chẳng tương ứng cùng Phật, muốn được vãng sanh chẳng có cách nào! Do vậy, lúc thường ngày phải làm cho họ biết lợi - hại, phải thường bảo với họ để đến khi chính mình lâm chung, bọn họ chính là người trợ đạo, không chỉ có ích cho ta mà đối với bọn họ đều có lợi ích lớn lao. Nếu chỉ biết tự mình tu trì, trọn chẳng thuật lẽ lợi - hại cùng bọn họ, lúc ông lâm chung, chắc chắn bọn họ sẽ là kẻ phá hoại chánh niệm, chắc chắn chẳng giúp cho ông tịnh tâm để được vãng sanh.

Ông đã tin Quang, Quang chẳng thể không vì ông tính kế. Do Quang từng trải năm mươi hai năm, biết rất kỹ lẽ lợi - hại tại đâu. Nếu chẳng nói với ông sẽ chẳng trọn hết phận mình! Em trai ông là Tiếp Khanh cũng đã sáu mươi rồi, cũng nên đưa thư này cho xem. Phải biết trong Phật pháp, pháp môn vô lượng; nếu muốn cho phàm phu nghiệp lực đầy thân được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này mà lìa pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây

Phương này thì đức Phật cũng chẳng nói được pháp môn thứ hai nào khác! Hết thảy các pháp môn khác đều phải tu đến mức nghiệp tận tình không mới có phần liễu sanh tử. Nếu như còn mảy may nào chưa tận thì sanh tử vẫn y như cũ, chẳng giải quyết xong! Nếu luận về "nghiệp tận, tình không" thì hiện thời sợ rằng cả cõi đời cũng khó kiếm được một hai kẻ. Nếu do tín nguyện niệm Phật cầu sanh thì vạn người chẳng sót một ai!

Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, thương xót hết thảy, yêu tiếc sanh mạng loài vật, kiêng giết, ăn chay, rộng hành phương tiện, ngõ hầu tâm này thường tương ứng với tâm Phật thì mới nên! Nếu bề ngoài làm ra vẻ tu trì, bên trong không có tâm chân thật, đó là người giả thiện. Kẻ giả thiện làm sao đạt được lợi ích chân thật? Thêm nữa, bà Đàm nhà họ Lạc (là thúc tổ mẫu (bà thím) của ông Bân Chương) tám mươi mốt tuổi, Bàng Tài Phương sống ở ngõ Ải Nhãn, cửa Đông, hai người này cũng đều cầu thọ Tam Quy Ngũ Giới, xin hãy đem ý này bảo lại cho họ. Những điều khác đã nói cặn kẽ trong bộ Văn Sao, ở đây không nhắc lại nữa.

Nay cõi đời hiện thời đã loạn đến cùng cực, thiên lý nhân luân gần như bị phế bỏ hoàn toàn để trở về cái thời con người chẳng khác gì cầm thú! Xét đến nguồn cội gây ra nông nỗi này đều là do chẳng xem nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi là những lý thực, sự thực. Do vậy, điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt, khiến cho tâm không có chỗ nương tựa, nên bị một trận gió Âu Tây thổi qua, từ đấy cái gốc bèn bị biến đổi dữ dội, rốt cuộc trở thành hiện tượng như hiện thời. Nay muốn đẩy lùi con sóng cuồng loạn, nếu chẳng lấy việc đề xướng nhân quả báo ứng làm tiêu chuẩn thì dù có phương cách hay ho cũng chẳng có hiệu quả thật sự gì!

12. Thư trả lời hòa thượng Quảng Diệu
(năm Dân Quốc hai mươi - 1931)

Hình Tam Thánh do [Trương] Miện Đường vẽ tuyệt khéo, tiếc là vẽ bằng móng tay, nên có những chỗ tỉ mỉ chẳng thể vẽ được. Nếu dùng bút [để vẽ] sẽ trang nghiêm hơn. Còn lời tán tụng như đã nói, tính soạn hơn một trăm chữ, nhưng vì chẳng hề luyện chữ nên viết không được. Do vậy, chỉ chép lại bản thảo, xin tọa hạ hãy viết, rồi hoặc ghi tên của tọa hạ, hoặc dùng tên của Ấn Quang, như thế nào cũng được. Núi mây xa cách, may được chuyện trò; nay gởi Văn Sao, Gia Ngôn Lục, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Tăng Tu Lịch Sử Thống Kỷ, mỗi thứ hai phần, một phần xin Ngài tự giữ, một phần chuyển cho ông Trương [Miện Đường]. Quang đã già rồi, tinh thần chẳng đủ, từ đây về sau xin đừng đem chuyện bút mực nhờ cậy, ngay cả hỏi về những chuyện trong pháp môn cũng xin tìm hỏi với những bậc dựng cao tràng pháp

khác, ngõ hầu mỗi chuyện đều được hợp lẽ (bài ca tụng hạnh đẹp của ông Trương xin xem trong chương Tán Tụng).

13. Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hiện tượng Hoàng Hậu Giác khá có ích lớn lao cho người học Phật. Bất luận là rốt cuộc ông ta vãng sanh hay đọa lạc, thôi đừng bàn đến! Nếu người niệm Phật biết được hiện tượng khi lâm chung của ông ta chắc chắn chẳng dám theo đuổi pháp liễu sanh tử một cách hời hợt nữa! Xem hành vi, cử chỉ của ông ta dường như rất chí thành, nhưng coi những cảnh tượng được biểu hiện khi ông ta lâm chung thì trong lúc thường nhật, ông ta chưa hề nỗ lực dụng công nơi tâm địa, cũng như có lẽ trước kia ông ta có những nghiệp như keo tiếc tiền của khiến cho người khác bị mất mạng, hoặc keo tiếc lời nói khiến cho người khác táng mạng v.v…mà thành ra như vậy (*"Keo tiếc lời nói khiến cho người khác mất mạng"* là như ta biết chỗ có giặc cướp và biết chỗ có thể trốn tránh được, nhưng vì tâm không từ bi, thích thấy người khác mắc họa cho nên chẳng chịu nói. Chuyện ấy, tâm ấy khiến cho thiên địa quỷ thần rất phẫn nộ. Do vậy, lúc lâm chung chẳng nói được, cũng như có chuyện như ghét nghe tiếng niệm Phật v.v…) Hiện ra tình cảnh không chết trong khi ấy (tức không chết trong khi đang có người niệm Phật để trợ niệm) và khi người trợ niệm đi rồi thì không lâu sau liền chết; điều này hoàn toàn tương đồng với chuyện keo kiệt tiền của, keo kiệt lời nói khiến cho người khác bị tổn mạng. Tuy không đọa làm ngạ quỷ, nhưng tánh khí ấy là tánh khí của ngạ quỷ.

Có người nói ông ta được vãng sanh là nhờ vào chú lực của ông Dịch Tử Tuấn. Chú lực cố nhiên chẳng thể nghĩ bàn, nhưng với người nghiệp lực nặng nề thì cũng chẳng dễ gì được hưởng lợi ích! Do vậy, nếu biết [chắc chắn ông ta] đã được vãng sanh Tây Phương thì may ra mới có chuyện đó. Đã không có chứng cứ, chớ nên đoán mò. Có người nói: [Ông ta] đã đọa vào ngạ quỷ đạo; căn cứ vào những gì đã nói và những biểu hiện thì tựa hồ [lời đoán ấy] có căn cứ. Nhưng không chừng do ông ta trong tâm sám hối, hoặc do mọi người và con cái thành khẩn nên được giảm nhẹ, chẳng đến nỗi đọa thẳng vào ngạ quỷ. Phương kế hiện thời là con cái và các quyến thuộc ai nấy đều hãy nghĩ đến nỗi khổ của ông ta, cùng phát tâm tự lợi lợi tha niệm Phật cho ông ta, cầu Phật rủ lòng từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu thật sự thành khẩn thì [ông ta được] vãng sanh là điều có thể dự đoán được. Do cha con có mối tương quan tự nhiên, tâm Phật hễ cảm bèn ứng. Nếu quyến thuộc thực hiện hờ hững, lơ là thì khó thể tiêu nghiệp chướng để được Phật tiếp dẫn vậy! Ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ cực nặng!

Phàm là người niệm Phật ai nấy hãy chuyên chú thật sự đối trị tập khí của chính mình, tạo thuận tiện cho người khác. Chuyện gì nên nói, dù người ta có thù với mình cũng phải nói, khiến cho người ta hướng lành, lánh dữ, lìa khổ được vui. Thường luôn nói thẳng thắn, rành rọt với người khác những chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và đạo niệm Phật liễu sanh thoát tử, dạy dỗ con cái lập nền tảng thái bình, tâm như sợi dây đàn thẳng tắp, lời nói chẳng lấp lửng, tâm niệm có thể phô bày thẳng thắn cùng quỷ thần, quyết chẳng làm chuyện trái nghịch thiên lý thì đến lúc lâm chung, chắc chắn chẳng có những hiện tượng đáng thương đáng xót ấy. Như vậy, Hoàng Hậu Giác chính là tiếp dẫn đạo sư của mọi người; nhờ ông ta mọi người sẽ được lợi ích lớn lao trong tương lai. Ông ta cũng sẽ nhờ vào tâm lực của mọi người mà diệt tội, vãng sanh. Lời Quang nói đây chẳng phải là lời nói huề vốn[29] mà chính là lời bàn luận quyết định chẳng khi dối vậy. Nếu chẳng nghĩ là đúng, xin hãy thỉnh vấn nơi bậc pháp sư cao minh và những bậc thánh nhân đại thần thông!

14. Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Tế

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Không ai chẳng mong sanh ra con cái tốt lành, nhưng mười người hết tám chín người dạy con cái ngoan thành hư, về sau bại hoại tiếng tăm gia đình, phá tan tổ nghiệp, trở thành hạng tầm thường, bướng bỉnh, hoặc thành phường giặc cướp, tệ hại. Đặt sai căn bản, nói chung là do chẳng biết cách yêu thương con. Từ nhỏ mặc kệ cho nó quen thói thì lớn lên chuyện gì cũng tự tung tự tác, chẳng nghe răn dạy, đa phần cặp kè, gần gũi bọn xấu xa, gây hại cho xã hội. Thiên tai nhân họa hiện thời phần nhiều là do những người chẳng biết cách làm cha mẹ ươm thành! Nếu như những kẻ không được dạy dỗ đó, từ thuở ban đầu được cha mẹ hiền khéo dạy thì những kẻ làm hại [cho xã hội] đều là những người tạo lợi ích [cho nước nhà], những kẻ chỉ vẽ điều ác đều thành những người khuyến thiện hết, cõi đời chẳng mong thái bình mà tự thái bình. Đấy chính là đạo căn bản trọng yếu để thất phu, thất phụ dự vào việc bồi đắp cho cõi đời bình yên vậy. Lúc ông đề xướng Phật pháp, hãy nên vì hết thảy những người hữu duyên nói kèm thêm nghĩa này cho tường tận, khiến cho bọn họ ai nấy đều tự trọn hết đạo làm cha mẹ thì lợi ích lớn lao lắm! Con gái càng quan hệ lớn hơn nữa, trọn chẳng được nuôi mà không dạy khiến cho hiện thời nó gây trở ngại cho gia đình nó ("không dạy" là để cho

---

[29] Nguyên văn là "thủ thử lưỡng phụ" là một thành ngữ hàm nghĩa do dự, không quyết định, đón gió xuôi chiều, nói cách nào cũng được. Chúng tôi tạm dịch là "nói huề vốn".

anh em, chị em đều chẳng tuân theo quy củ, mặc lòng phóng túng), tương lai quấy rối nhà chồng. Về sau, dạy hư con cái, khiến cho con cháu nhiễm phải thói xấu ấy. Nghĩa lý này nhiều người coi thường chẳng xét đến. Muốn gia đạo tốt lành, con cháu tốt lành, đều phải tìm ở chỗ khéo dạy con cái!

15. Thư trả lời cư sĩ Lý Trọng Hòa

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con gái xuất giá, giảm nhẹ gánh nặng rất nhiều. Xin hãy khuyên nó: "Nên trọn hết đạo làm vợ, hiếu với bố mẹ chồng, kính trọng chồng, hòa thuận với chị em dâu, rộng rãi với tôi tớ, vẫn giữ đạo niệm Phật, chớ lấy chồng rồi bỏ luôn [không niệm]. Lại phải mềm mỏng khuyên chồng niệm Phật và Quán Thế Âm để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Làm được như thế thì người tôn kính, thần che chở, chẳng gặp tai chướng, điều phước chuyện lành đều cùng tụ họp. Chẳng những chính ngươi được vẻ vang mà người ta cũng vì ngươi mà kính trọng lây cả cha mẹ sanh ra ngươi; cho là nhà ấy có gia giáo, cho nên cô gái ấy từ nhỏ đã quy y Phật pháp, ăn chay, niệm Phật, nay được tốt lành như thế. Nào phải chỉ cha mẹ được nở mày nở mặt, mà vị thầy [ngươi] quy y cũng được vẻ vang! Nếu chẳng hiền hiếu, ắt ngươi bị người ta ghét; đấy vẫn còn là chuyện nhỏ! Ắt người ta sẽ nói cha mẹ ngươi không có đức hạnh nên mới sanh ra đứa con gái chẳng hiền chẳng hiếu ấy, ắt cha mẹ ngươi thường bị người khác nhục mạ, vị thầy ngươi quy y cũng bị người ta chê trách là chẳng thể giáo hóa ngươi hành hiếu kính". Mong cho bọn họ hiện tại làm con gái hiền, xuất giá làm vợ hiền của người ta, sau này trở thành hiền mẫu của người khác thì may mắn nào hơn!

Xin hãy sáng suốt suy xét, bảo tường tận cùng bọn họ: Kinh Địa Mẫu[30], kinh Thái Dương, kinh Thái Âm, kinh Táo Vương, kinh Nhãn Quang, kinh Thọ Sanh, kinh Huyết Bồn, kinh Diệu Sa, kinh Phân Châu v.v… đều là ngụy tạo. Hiềm rằng nữ nhân hiểu biết nông cạn nên thường tín phụng, chỉ nên

[30] Kinh Địa Mẫu có tên gọi đầy đủ là Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu Huyền Hóa Dưỡng Sanh Bảo Mạng Chân Kinh, có nội dung ca ngợi Mẹ Đất, kêu gọi người đời phải kính trọng Địa Mẫu vì Địa Mẫu sanh thành muôn vật, muôn hình tượng, ngay cả kim thân của chư Phật cũng do Địa Mẫu tạo ra (sic!). Địa Mẫu rất được sùng bái tại Trung Hoa. Hỗn Độn Cổ Phụng Cung (miếu thờ Địa Mẫu ở trấn Ngọc Lý, huyện Hoa Liên, Đài Loan) thậm chí còn coi Địa Mẫu tương ứng với Thượng Đế sáng tạo trong thần thoại phương Tây, và xem những danh hiệu Hồng Mông Lão Tổ, Hỗn Độn Lão Tổ, Vô Cực Chí Tôn, Vô Cực Lão Mẫu đều là những biệt danh của Địa Mẫu Nương Nương.

dạy họ niệm Phật. Nếu muốn niệm kinh, hãy nên niệm Tâm Kinh, văn ít, nghĩa lý phong phú, công đức vô lượng vô biên. Những thứ kinh ngụy tạo kia, xét theo lý, tụng chúng còn bị mắc tội; chẳng qua bọn họ dùng tâm chí thành niệm nên cũng chẳng thể nói là hoàn toàn không có công đức, chỉ được công đức do thành tâm nhưng rất nhỏ nhoi; sao bằng niệm Phật, niệm Tâm Kinh thù thắng hơn! Niệm Phật, niệm Tâm Kinh công đức như biển cả. Niệm kinh ngụy tạo chỉ được một giọt, hoặc chưa được một giọt!

16. Thư trả lời cư sĩ Vương Thọ Bành (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

1) Tất cả những người xin quy y, đều viết pháp danh trên đơn gởi lại. Do nhiều người quá nên cũng chẳng nói nguyên do [của mỗi pháp danh] cho từng người được. Chỉ mong ông bảo với họ nên chú trọng giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, quyết định niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng thẹn làm đệ tử Phật. Hiện nay thủy tai không xứ nào chẳng có, hoặc nếu không bị tai nạn này lại bị tai nạn kia, nói chung là do nhân tâm quá hèn kém mà ra. Chúng ta là đệ tử Phật, nên lấy việc sửa sang cho đúng những thói tệ hiện thời làm nhiệm vụ, chớ nên thuận theo trào lưu, khiến cho [cõi đời] càng bị suy hãm không có mức cùng tột!

Ba người con của ông đều thông minh, nếu khéo dạy sẽ thành chánh khí (hạng người có căn tánh tốt đẹp, chánh trực). Nếu không, càng thông minh càng dễ tự lầm, làm cho người khác lầm lạc. Do vậy, tôi đặt pháp danh cho Kiến Quốc là Huệ Lập, nghĩa là: Lập được thân thì hết thảy mọi sự đều có thể kiến lập được. Thân chính là căn bản của thiên hạ quốc gia và đạo Bồ Đề. Chẳng lập được thân thì trong đạo nghĩa chẳng thành được một sự nào! Đứa con thứ là Huệ Tuyền, thiên tư thông minh, dĩnh ngộ, đáng mừng mà cũng đáng lo. Do vậy, đặt pháp danh là Huệ Thao. Nếu có thể giữ kín tài năng, nhũn nhặn, chẳng phô phang tài hoa, thì có thể thành chánh khí, có thành tựu lớn. Nếu thiếu hàm dưỡng, cứ ra vẻ ngạo nghễ, khoe khoang, ắt chẳng hưởng phước, chẳng đạt thành tựu lớn lao được! Cô con út là Thúy Na cũng rất có túc căn, đặt pháp danh là Huệ Diệu. Diệu nghĩa là hợp lẽ, thích đáng. Nếu sử dụng trí thông minh vào chuyện vô ích tổn hại thì trở thành trí huệ hèn tệ, chẳng gọi là Diệu Huệ. Nếu áp dụng trí ấy hợp lẽ thì mới gọi là Diệu Huệ. Những người thông minh hiện thời thường đem trí thông minh của chính mình sử dụng trong [việc viết ra] những chuyện tiểu thuyết khêu gợi trộm cắp, dâm dật, vượt lý, khinh miệt luân thường để khoe khoang văn tài, chẳng biết: Một hơi thở ra không hít vào được, thân sau trải qua bao nhiêu kiếp chẳng biết có được nghe những danh từ "thiên địa phụ mẫu" hay không?

Nếu những kẻ đó không có cái trí huệ hèn tệ ấy, sao lại đến nỗi khổ sở cùng cực như thế? Vì vậy, hãy nên vun quén sao cho cô ta nhất cử, nhất động đều hợp với chánh đạo, đối với địa vị mẫu nghi chốn khuê các hay bậc thầy nêu gương cho nữ giới trong tương lai đều có thể dự đoán được từ nơi đây. Huệ Diệu có nghĩa là như vậy đó.

Quang đã già rồi, chẳng kịp thấy chúng thành tựu, nhưng hy vọng chúng sẽ được như thế ấy. Ông cũng nên thường bảo với chúng những lời ấy ngõ hầu chúng nó nhìn vào cái tên nghĩ đến ý nghĩa, đều đáp ứng được lòng mong mỏi vậy!

2) Phan Mậu Xuân đã muốn quy y tự viết thư xin, sao chẳng có lấy một lời khẩn cầu, mà cũng chẳng có chữ nào tỏ vẻ nhún nhường? Nếu bảo là ông ta không biết thì ông cũng không biết hay sao? Trong thế gian, đi đường muốn hỏi đường người ta, còn phải chắp tay tỏ vẻ cung kính, huống gì quy y Tam Bảo, muốn nhờ vào đó để liễu sanh thoát tử, rốt cuộc lại xem như chuyện đối xử với người bình thường thì thật là không thông hiểu sự việc quá sức! Quang nói lời này không phải là mong được người khác cung kính, mà là về lý thì phải nên như thế. Nếu không nói, suốt cả đời ông ta cũng chỉ là một người không hiểu chuyện vậy.

Hoàng đế Thuận Trị nhà Thanh lễ Ngọc Lâm thiền sư làm thầy, được đặt pháp danh là Hành Si. Vua viết thư cho đồ đệ của ngài Ngọc Lâm là Hành Sâm, còn ký tên là *"pháp đệ Hành Si hòa-nam"*. Hòa-nam (vandana) là rập đầu vậy. Hoàng đế đối với đồng môn còn như thế, huống là đối với thầy ư? Quy củ thơm thảo ấy há nên chẳng biết ư? Cổ nhân nói: *"Hạ nhân bất thâm, bất đắc kỳ chân"* (Chẳng hạ mình trước người thật sâu, chẳng đạt được lẽ thật); chứ không nói: *"Thâm hạ ư nhân, nhân tắc tận tâm giáo đạo"* (Hạ mình trước người thật sâu, người sẽ tận tâm dạy dỗ). Bởi lẽ chính mình chẳng thể sanh tâm cung kính, dù người ta có chịu dạy, nhưng trong tâm chính mình có những điều ngạo mạn gây chướng, chẳng được lợi ích! Ví như trên đỉnh núi cao chẳng đọng một giọt nước, nên [cây cối] chẳng thể sum xuê được! Không riêng gì học Phật phải như thế, mà ngay cả học lấy một tài một nghề trong thế gian cũng phải như thế. [Nghề nghiệp] trong thế gian chỉ là cách kiếm sống bằng thân hay bằng miệng, còn Phật pháp chính là nguồn cội của Tánh đạo. Mối quan hệ nặng - nhẹ cố nhiên khác biệt vời vợi một trời một vực. Xin hãy đem lời này đưa cho ông ta xem.

Nhưng tôi nay chỉ quan tâm đến cái tâm, chẳng quản đến vẻ ngoài, đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Mậu. Nghĩa là dùng trí huệ để mình tự cố gắng, khuyến khích người khác, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sanh tín phát nguyện, niệm thánh hiệu của Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Làm được như thế thì chính là chân Phật tử. Nếu

không, chỉ có cái tên, chẳng được lợi ích thật sự. Những điều khác đã nói tường tận trong bộ Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Xin hãy nói với ông ta để luôn tận hết bổn phận vậy.

17. Thư trả lời cư sĩ Du Huệ Úc

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Như nói *"gặp phải đại họa, do công hạnh cạn mỏng, không có gì để nắm níu, rất có thể hoảng sợ quẫn trí, đánh mất chánh niệm"* thì chỉ nên tin tưởng sâu xa rằng Phật lực, pháp lực, tự tánh công đức lực, sức trì tụng chí thành đều chẳng thể nghĩ bàn. Đừng nói là không có tai họa, dẫu gặp đại họa cũng chẳng đến nỗi quẫn trí, vì có những lực ấy gia bị! Phàm là con người hãy nên hành xử đúng theo địa vị thì chẳng đến nỗi do cảnh ngộ không tốt đẹp mà bị quẫn trí. Phàm những kẻ quẫn trí vì gặp cảnh ngộ không tốt đẹp phần lớn là do không có tín lực sâu xa, lại kèm thêm có ý niệm tiếc nuối cảnh trước, chẳng chịu buông xuống mà ra. Như lúc gặp nạn, chỉ nghĩ cách tránh né, những chuyện khác đều chẳng lo liệu tới, nhất loạt chẳng bận lòng nghĩ đến. Do bận tâm vương vấn chẳng cởi gỡ được nên bị tổn hại vô ích. Do vậy, nói: *"Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn, quân tử vô nhập nhi bất tự đắc yên"* (Gặp cảnh hoạn nạn sống theo hoạn nạn; không trong hoàn cảnh nào, người quân tử chẳng được tự tại) (Chữ Nhập (入) nên đọc là Như (如), có nghĩa là "đã qua". Sách Trung Dung ghi "nhập" nên vẫn ghi theo đúng như sách ấy, chứ thật ra là chữ Như). Chúng ta nương dựa một câu Phật hiệu, càng khổ càng tích cực niệm, quyết chẳng đến nỗi lo "bị quẫn trí không làm gì được!" Nếu thường ôm giữ nỗi sợ ấy, lâu ngày sẽ thành bệnh (tâm bệnh khó trị nhất), chẳng thể không biết [điều này]!

18. Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm ở Dịch Huyện

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Phật giáo lấy Hiếu làm gốc, kinh Đại Thừa tỏ rõ [điều này] rất nhiều. Những kinh nói rõ ràng, tường tận, rõ ràng nhất là kinh Phật Báo Ân[31], kinh

---

[31] Phật Báo Ân Kinh có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, được dịch vào thời Hậu Hán, mất tên người dịch. Bản kinh này được đánh số 156 và xếp vào phần Bổn Duyên, thuộc tập 3 của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh. Kinh này chủ yếu trần thuật những chuyện xả thân báo hiếu khi đức Phật còn tu hạnh Bồ Tát, như chuyện thái tử Tu Đạt Noa cắt thịt dâng cho cha mẹ trong khi bôn đào, cũng như giảng giải một số vấn đề về

Địa Tạng, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh Phạm Võng. Một chữ Hiếu [hiếu] theo nghĩa hạn hẹp là thờ cha mẹ; luận theo nghĩa rộng thì phàm những gì thuộc về Lý, về Tâm mà chẳng trái nghịch thì đều gọi là Hiếu. Nếu không, đều là bất hiếu. Người học phải tu [đạo hiếu] hạn hẹp lẫn rộng rãi thì mới có thể gọi là "tận hiếu". Chúng sanh nhập đạo đều phải xem túc nhân như thế nào. Không riêng gì kẻ si độn khó thể giáo hóa, ngay cả người đại thông minh, đại học vấn nhưng lắm khi không bằng kẻ si độn [vì kẻ si độn] còn gieo được chút thiện căn, chẳng sanh hủy báng! Chúng ta chỉ tùy phận tùy lực khuyên dạy họ. Nếu muốn tất cả mọi người đều tuân theo sự giáo hóa của Phật thì tuyệt đối chẳng có nhân duyên tốt đẹp như vậy đâu! Chỉ có thể tùy duyên tận tâm mà thôi! Giới là căn bản của hết thảy thiện pháp, hãy nên xem Tại Gia Luật Yếu[32], nhưng kinh văn của giới luật khá nhiều, e khó thể đọc tường tận, nhớ cặn kẽ được! Chỉ cần trong tâm thường giữ tấm lòng *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*. Phàm khởi tâm động niệm chẳng để cho một niệm bất thiện nẩy mầm, như thế thì các giới đều giữ trọn vẹn được. Nếu chỉ tìm tòi, suy xét trên mặt sự tướng, dù chẳng phạm một giới nào nhưng vẫn chưa thể gọi là người trì tịnh giới được, bởi trong tâm vẫn có tướng phạm giới, khó khăn như thế đó!

Ông Cừ Bá Ngọc đến năm 20 tuổi biết 19 năm trước là sai, đến năm 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái, muốn giảm bớt lỗi nhưng vẫn chưa thể được!

---

giới luật. Kinh này đã được Hòa Thượng Quảng Độ dịch ra Việt Văn vào trước năm 1975.

[32] Tại Gia Luật Yếu có tên đầy đủ là Tại Gia Luật Yếu Quảng Tập, do ngài Ngẫu Ích soạn, Nghi Nhuận và Trần Hy Nguyện tăng đính. Đây là một tổng tập các kinh luận liên quan đến giới luật của hàng Phật tử tại gia. Sách này bao gồm một phần trích lục bộ Tứ Phần Luật, Ưu Bà Tắc Thọ Tam Quy Ngũ Giới Pháp Hội Thích (tổng hợp các lời giải thích về cách thọ Tam Quy Ngũ Giới), Tam Quy Ngũ Giới Từ Tâm Yểm Ly Công Đức kinh, Quán Đảnh Tam Quy Ngũ Giới Đới Bội Hộ Thân Chú Kinh, Sa Mạt Nẵng Pháp Thiên Tử Thọ Tam Quy Hoạch Miễn Ác Đạo Kinh, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, Phật Thuyết Giới Tiêu Tai Kinh, Phật Thuyết Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Tướng Kinh Thiển Yếu, Phật Thuyết Trai Kinh Chú (chú giải kinh Phật nói về trai giới), phẩm Quán Tâm và phẩm Phát Bồ Đề Tâm của Đại Thừa Bổn Sanh Tâm Địa Quán Kinh, Ngoại Đạo Vấn Thánh Đại Thừa Pháp Vô Ngã Nghĩa Kinh, Ưu Bà Tắc Giới Kinh Thọ Giới Phẩm Thiển Yếu (giải thích sơ lược về những điều quan trọng trong phẩm Thọ Giới của kinh Ưu Bà Tắc Giới), Bồ Tát Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Oai Nghi Kinh, trích yếu phần sớ giải Phật Thuyết Phạm Võng Kinh Tâm Địa Phẩm Bồ Tát Giới, Phạm Võng Kinh Sám Hối Hành Pháp v.v…

Khổng Tử tuổi đã bảy mươi còn mong trời cho sống thêm vài năm để học kinh Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Những vị này đều là vì tâm chưa thể hoàn toàn phù hợp khít khao với lẽ trời nên coi là lỗi, chứ không phải việc làm, hành vi của họ còn phạm lỗi. *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"* là nghĩa trọng yếu trong giới kinh của Phật pháp. Người độn căn đời sau phải nên dốc sức nơi đây thì mới có thể khế lý khế cơ. Lúc lễ Phật nên tưởng như đích thân đối trước Phật làm lễ sẽ tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước. Ở mức cao hơn thì nên y theo bài kệ lễ Phật trong sách [Tịnh Độ] Thập Yếu để quán tưởng, lại càng hay hơn! Tâm Bồ Đề là tâm tự lợi, lợi tha. Nguyện sanh Tây Phương phải lấy tâm Bồ Đề làm gốc thì mới mong cao đăng thượng phẩm. Nếu chỉ có tâm nguyện cầu sanh mà không có tâm Bồ Đề thì công đức hèn nhỏ, khó lên được thượng phẩm!

19. Trả lời thư cư sĩ Trần Trọng Vi

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Chỉ có cung kính, chí thành mới hoàn toàn đạt được lợi ích thật sự nơi Phật pháp. Ngoài ra, tùy theo lòng thành lớn hay nhỏ mà được lợi ích lớn hay nhỏ. Nếu chỉ phô trương, màu mè giả dối hầu sướng mắt khoái tai người khác thì rất có thể lại mắc tội khinh nhờn. Ông muốn làm việc công đức để cầu siêu cho cha mẹ, thật là có lòng hiếu, sao còn phải hỏi việc ấy có công hiệu hay chăng? Hỏi như vậy cho thấy tín tâm của ông chưa chân thật, thiết tha! Chí thành khẩn thiết niệm Phật, niệm đến cùng cực thì có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cho đến rốt ráo thành Phật. Huống chi ông dùng cái tâm hiếu vì cha mẹ đã khuất mà niệm lại chẳng có công hiệu ư? Chỉ sợ tâm ông chẳng hết sức chân thành thì cha mẹ ông đạt được lợi ích cũng chẳng cao trỗi lớn lao cho lắm. Thấy ông vì làm công đức để cầu siêu cho cha mẹ, viết thư hỏi tôi, mà vẫn chưa chịu nhún mình, chỉ kính một cái rồi thôi thì biết tâm vì cha mẹ của ông cũng hời hợt mà thôi! Hãy nên phát tâm chân thật thì mới có thể quyết định cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương!

20. Thư trả lời cư sĩ Trần Dật Hiên

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Xưa nay rất nhiều vị đại anh hùng hào kiệt, cũng có người gánh vác Phật pháp, dốc chí tu trì, mà cũng có người học rộng nghe nhiều nhưng cả đời chẳng biết đến Phật pháp nghĩa lý như thế nào, cũng có người hoàn toàn chẳng thông hiểu, nhưng cũng chẳng tán dương mà cũng không hủy báng. Có kẻ tuyệt đối chẳng biết gì về Phật pháp, nhưng tùy tiện dựa theo ý mình

chê bai xằng bậy. Lại có kẻ trong tâm bội phục Phật pháp sâu xa, đã trộm lấy [Phật pháp] để lập môn đình xưng hùng, nhưng lại cố ý phỉ báng hòng ngăn lấp hết thảy mọi người học Phật pháp. Tri kiến của chúng sanh biến huyễn lạ lùng! Cứ hễ nghĩ đến, khôn ngăn người ta thở dài đau đớn. Các ông hãy lấy chuyện gặp khổ để làm hướng dẫn nhập pháp. Nếu chuyện gì cũng như ý, chỉ sợ suốt đời làm kẻ đứng ngoài cửa, lại còn tưởng mình thấu đạt cùng cực, không ai hơn được! Họa - phước trong thế gian dấy lên hay ẩn lấp chỉ là do đương nhân có khéo dụng tâm hay không?

Vợ ông có thể nói là đời trước có thiện căn, cô ta chỉ khuyên ông niệm tam thánh kinh[33], chẳng khuyên ông niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, tức là chưa biết Phật pháp. Nếu thật sự biết, há lại chịu trong lúc sanh tử không đảm bảo này mà quy y nơi tam thánh kinh ư? Tam thánh kinh cố nhiên có sự cảm ứng lớn lao, nhưng so với việc niệm Phật, niệm Quán Âm bảo là giống nhau sao được? Lúc cô ta lâm chung, cũng dường như tu Tịnh nghiệp đã lâu, biết trước lúc mất. Nếu không phải là bịa chuyện thì chính là do thiện căn tịnh nghiệp đời trước chín muồi mà ra. Trong ngục dặn dò ông, lúc lâm chung dặn dò người nhà, nhưng từ đầu đến cuối chưa hề dặn dò niệm Phật, có lẽ sẽ do "từ, thiện, nhân, hiếu" mà được sanh lên cõi trời. Nếu vãng sanh Tây Phương, quyết chẳng đến nỗi lúc lâm chung không tự niệm và không khuyên người nhà niệm. Nay tốt nhất là nên niệm Phật giùm cho cô ta, cầu mong cô ta chưa được vãng sanh bèn vãng sanh, đã vãng sanh sẽ nâng cao phẩm vị.

Ông gởi thư đến lời lẽ khá khẩn thiết, nhưng vẫn còn có tập khí khinh Tăng mạn pháp. Tập khí ấy thật sự chướng ngại cho việc học đạo. Nếu đích thân đến quy y, [pháp sư truyền giới] thăng tòa [thuyết giới] thì phải dập đầu chừng hai mươi, ba mươi lượt trở lên; dẫu nói dễ dãi thì cũng phải dập đầu mấy lượt. Ông gởi thư xin quy y, chỉ nói "chắp tay khải thỉnh" rồi thôi. Chắp tay vái chào là nghi thức giữ lễ của người đi đường hỏi thăm đường. Ông muốn quy y Tam Bảo để giúp cho chuyện liễu sanh thoát tử, lại muốn báo đáp ân đức của hiền thê và độ thoát hết thảy chúng sanh. Kỳ vọng rất lớn, nhưng lại khuất mình rất ít, hơi mắc cái tệ nhân quả chẳng phù hợp! Xưa kia, hoàng đế Thuận Trị viết thư cho môn nhân của Ngọc Lâm quốc sư còn dùng [từ ngữ] *"pháp đệ Hành Si hòa-nam"* (Hành Si là pháp danh của Thuận Trị). Đem

---

[33] Tam thánh kinh là những thiện thư được coi trọng nhất tại Trung Hoa từ thời Minh - Thanh trở đi, gồm Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn và Giác Thế Kinh (theo tiến sĩ Du Tử An thuộc đại học Hương Cảng). Giác Thế Kinh chính là Quan Thánh Đế Quân Giác Thế Chân Kinh (tương truyền do Quan Công giáng cơ) có nội dung khuyến thiện, nêu tỏ lẽ nhân quả nên cũng rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

đây - kia so sánh nhau, chẳng khác biệt như trời với đất ư? Quang hoàn toàn chẳng phải vì cầu người khác cung kính mà nói như vậy.

Nếu dựa theo lý tánh thì cố nhiên không có tướng nhân - ngã để được, huống chi từ vô thủy đến nay, lần lượt làm cha mẹ, anh em v.v… của nhau, tương lai đều cùng thành Phật để độ chúng sanh! Do vậy, nói: *"Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai"*, cung kính còn không xuể, sao còn dám trách móc những thiếu sót của người ta ư? Nhưng duy trì Phật pháp mà không lập ra nghi lễ nghiêm túc thì không sao khiến cho người khác sanh lòng kính ngưỡng, tận lực tu trì được! Do vậy, trong Luật [quy định] *"hễ thỉnh pháp mà thiếu nghi thức cung kính thì chẳng nói!"* Ngài Thường Bất Khinh thấy người khác liền lễ bái, người ta dùng roi, gậy, ngói, đá đánh ném, vẫn chạy tránh ra xa lễ bái, đấy chính là căn cứ trực tiếp trên bản thể để gieo chủng tử, chứ không phải là lề lối duy trì pháp đạo của kẻ phàm phu. Chỉ sợ ông chấp vào danh nghĩa ấy, cho là cái nhìn của Quang hẹp hòi, nên mới trình bày đại lược cùng ông, đó cũng là một cách để trừ khử phiền não vậy! Mạn là căn bản phiền não, học Phật dùng cách này đối trị phiền não hữu ích lắm, cho nên không thể không bảo cùng ông.

Nay đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, đặt pháp danh cho ông là Đức Khiêm. Khiêm có nghĩa là chẳng tự thỏa mãn, cho là đủ. Kinh Kim Cang nói: *"Phát độ tận nhất thiết chúng sanh tâm, linh kỳ nhập Vô Dư Niết Bàn, nhi bất kiến nhất chúng sanh đắc diệt độ giả"* (phát tâm độ trọn hết thảy chúng sanh khiến cho họ đều nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng chẳng thấy một chúng sanh nào được diệt độ). Ví như trời che đất chở, chỉ tận hết bổn phận sanh thành, chẳng hề cậy mình có công lao sanh thành. Đây thật sự đúng là "không có các tướng ta, người, chúng sanh, thọ giả". Đấy gọi là bậc quân tử khiêm nhường, được kết cuộc tốt lành. Khiêm tốn thì sẽ gánh vác được hết thảy những gì nên gánh vác. Dẫu đạt đến địa vị thánh hiền vẫn luôn biết người khác đều hơn mình, như biển dung nạp các sông, như hư không chứa đựng mọi hình tượng, trọn không cự tuyệt một vật nào chẳng dung nạp, chẳng bao gồm. Ông khéo hiểu được nghĩa này thì dù thân mệt nhọc nhưng tâm vẫn thường nhàn nhã, lợi ích ấy ông sẽ tự biết. Những điều khác nên xem trong bộ Văn Sao và các sách Tịnh Độ, ở đây không ghi đầy đủ.

Văn Sao, nhất là đối với người mới phát tâm, là một quyển sách không thể không đọc, bởi lẽ ngôn từ nông cạn, gần gũi, tường tận, lại còn có nhiều chỗ phát huy sự - lý "sống trong cõi trần học đạo, tu chân trong cõi tục". Do học Phật cho nên căn bản của chí thành, chánh tâm thành ý, tu tề trị bình đều nắm được! Phật pháp thật tích cực, bác ái, kẻ không biết lại ngược ngạo cho là tiêu cực, tự tư, tự lợi, coi pháp rốt ráo độ người thoát khổ của Phật là pháp ngu xuẩn, mê hoặc kẻ ngu tục. Do đó, dần dần tích tập đến nay, trở thành

những thảm kịch như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường v.v… chẳng nỡ thấy nghe! Nếu như ai nấy đều biết nhân quả báo ứng, biết chết đi thần thức bất diệt, tùy theo tội phước mà thăng trầm, lẽ nào đến nỗi có tình trạng như vậy?

21. Trả lời thư các cư sĩ Viên Hiếu Cốc và Tào Tung Kiều

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Thư [các ông] gởi đến chẳng nỡ đọc hết, vì sao đồng bào chúng ta lại gặp phải đại kiếp này! Nước lụt vừa rút, đê đập chưa sửa, nước lại trào dâng, càng thêm thảm khốc. Huống chi nạn giặc cướp chưa dẹp yên, tai vạ chiến tranh lại dấy lên, khiến cho dân đen không còn lẽ sống! Gần đây nghe nói những thứ tiền cứu trợ, quần áo đã được liên tục chở đến tặng, nhưng ai chịu bỏ những thứ trang sức phù phiếm để làm công đức? Gần đây, có những phụ nữ tuy có những chiếc nhẫn đeo tay hay xuyến vàng đã chê là lỗi thời, nhưng bảo họ đem đóng góp cứu trợ, nhìn vào tình hình thì [thấy họ] vẫn không chịu bỏ ra. Ngày hôm qua, Đương Gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân đến nơi, toàn thể đại chúng trong chùa giảm bớt tiền chi dụng, góp lại được hai trăm hai mươi tám đồng, hôm nay đã gởi đến Tào Phủ để cứu trợ miền Giang Bắc.

Lần trước, sau khi Hán Khẩu mắc nạn lụt, Linh Nham đã đóng góp hơn một trăm hai mươi đồng, gởi lên Thượng Hải giao cho hội Cứu Trợ Thiên Tai Hán Khẩu. Sự bố thí của các sư có thể nói là trọn hết tấm lòng không thiếu sót vậy. Những người có tiền trong cõi đời vẫn chẳng chịu nghĩ thương những người dân bị tai nạn, đáng gọi là những kẻ si, uổng công tích cóp tiền tài cho con cháu tiêu xài phí phạm! Đấy gọi là “vứt bỏ công đức để chuốc lấy tội lỗi”, khiến người mắt sáng xót thương. Sợ rằng người ấy đời sau nếu gặp phải tai nạn sẽ trọn chẳng gặp được người khác cứu giúp, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng xót ư? Chỉ mong chư vị được Phật gia bị, thân tâm nhẫn nại nhọc nhằn, ngõ hầu dân chúng đang bị tai ương được chở che, chẳng đến nỗi không được cứu giúp, không nơi nương nhờ. Mười ngày trước đây, do đê vỡ, viện mồ côi cũng bị nước tràn vào, còn độ hơn hai mươi gian phòng chưa ngập. Về sau, nước lại dâng cao hơn, chỉ còn hơn mười gian. Tường trong viện bị sụp đổ rất nhiều, những bông vải, hoa quả, rau cỏ đã trồng đều bị nước nhận chìm. Tổn thất lần này cũng chẳng ít, biết làm sao bây giờ? Nỗi khổ của người dân bị tai ương có thể nói là đến mức cùng cực, hãy nên dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm. Do nhân duyên ấy mà gieo thiện căn, cũng là một cách cứu tế từ căn bản vậy! Trong cơn đau khổ lớn lao này, thấy quý vị chẳng tiếc tinh thần lo cứu tế, dạy họ niệm Phật sẽ khiến họ tin nhận dễ dàng.

22. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương

(hai lá thư. Ông này vốn tên là Tự Xương)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

1) Ông Lưu Hán Vân có thể nói là xưa đã có thiện căn, nhưng đã tin tưởng Phật pháp nhiều năm, lẽ ra phải sớm ăn chay, sao lại đợi đến tuổi hoa giáp (sáu mươi) mới phát tâm vậy? Do đây biết rằng: Thói quen thế tục chẳng dễ thay đổi! Nay đã đổi được, cũng đáng gọi là có nghị lực mạnh mẽ. Ông ta đã thường xem Văn Sao thì cố nhiên tâm đã hiểu rõ ràng phương pháp tu trì. Điều quan trọng nhất là phải quyết định cầu đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Muốn sanh Tây Phương thì thường ngày phải dốc sức nơi tin sâu, nguyện thiết, chí thành niệm Phật, ưa thích sự tịnh diệu của Tịnh Độ, nhàm chán sự trược ác cõi Sa Bà. Tự hành như thế mà dạy người cũng giống như thế. Chẳng được có một tâm niệm cầu mong đời sau được hưởng phước báo nhân - thiên, ắt sẽ có thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, quyết định có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nay tôi đặt cho ông ta pháp danh là Huệ Vân, nghĩa là dùng vầng mây đại trí huệ tuôn trận mưa pháp cam lộ để nhuần đượm cả mình lẫn người (đấy chính là *"huệ vân pháp vũ"*), tức là *"thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tin sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương"*.

Ông ta lại từng thương xót siêu độ những cô hồn chết vì băng huyết khi sanh nở. Nhưng đối với hết thảy nữ nhân cũng nên lập cách sao cho họ vĩnh viễn không bị băng huyết khi sanh nở, khiến cho họ được lìa khổ hưởng vui ngay trong đời này. Cách đó ra sao? Phàm là con gái thì từ bé hãy nên niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để cầu tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước thọ. Nếu bình thời thường niệm sẽ tự có thể tiêu diệt được tai nạn trong khi sanh nở này. Như đang lúc sanh nở, vẫn nên chí thành khẩn thiết niệm *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"* chắc chắn sẽ dễ sanh, chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc bình thường hoàn toàn chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm, nhưng lúc sanh nở chịu niệm thì cũng nhất định được sanh nở bình an. Nếu có ai khó sanh, hãy dạy kẻ ấy niệm và những người săn sóc chung quanh cùng nhau niệm cho người ấy, cũng quyết định liền được sanh nở bình an.

Chớ nói "đang khi sanh nở lõa lồ, ô uế, niệm [danh hiệu Bồ Tát] sẽ bị tội!" Phải biết: Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể dùng đạo lý lúc bình thường để luận định được. Lúc bình thường, phàm là người niệm Phật nếu áo mũ không chỉnh tề, hoặc ngủ nghỉ, tắm giặt, đại tiểu tiện v.v… chỉ nên niệm thầm trong tâm, chẳng nên niệm ra tiếng rõ ràng. Còn khi sanh sản, chớ nên niệm thầm trong tâm, mà phải niệm ra tiếng rõ ràng, bởi niệm

thầm sức yếu, nếu trong tâm gắng sức sẽ rất có thể bị bệnh. Niệm rõ tiếng thì hơi thở thông suốt, hết sức hữu ích, chớ nên nói "niệm sẽ mắc tội!" Phải biết: Bồ Tát xem hết thảy chúng sanh đều giống như con ruột. Nếu con cái ngã vào nước - lửa, cầu cứu cha mẹ, cha mẹ nghe thấy liền cứu ngay, quyết chẳng vì lý do áo mũ không chỉnh tề, thân thể không sạch sẽ mà chẳng cứu! Nếu lúc bình thường cũng niệm giống như khi [vì chẳng đặng đừng mà phải] lõa lồ ấy thì tội chẳng nhỏ. Cần phải luận theo sự, đừng chấp chết cứng! Có kẻ chẳng hiểu lý, hễ trong nhà có người sanh nở, họ bèn lánh đi nơi khác hơn cả tháng mới dám quay về, cho rằng hễ bị huyết tanh xông nhằm thì những kinh, chú, Phật hiệu đã niệm từ trước đều trở thành không có công đức gì! Những kẻ ngu ấy đáng thương xót tột bậc! Hãy nên đem lời Quang bảo với khắp mọi người, ắt sẽ chẳng còn ai bị chết vì sanh sản nữa!

2) Nội công (công phu tu hành bên trong) là tự tu; ngoại công là rộng hành các phương tiện, như: giúp đỡ kẻ ngặt nghèo, cứu người khốn đốn, cứu giúp tai nạn v.v… Đấy gọi là Trợ Đạo. Những điều này nên dựa theo sức lực, khả năng của chính mình [mà làm]. Nếu không có sức thì hoặc dùng lời nói để chỉ điểm cho kẻ mê, hoặc dùng lời lẽ khuyên lơn đại chúng, khiến cho mọi người đều thành tựu chuyện của họ. Nếu do được người ta thỉnh mà niệm kinh, niệm Phật thì phần nào vẫn là kẻ lười nhác, mang hành vi dựa dẫm vào Phật để kiếm sống. Sao ông lại chen lẫn vào đó, chẳng sợ đánh mất phẩm cách của chính mình hay sao? Chỉ có một sự đáng làm, nhưng ông đã có nghề nghiệp, nên cũng chẳng thuận tiện lắm; [tức là] hễ [gặp lúc] có người thường ngày niệm Phật, hoặc con cháu người ấy tin Phật, khi người ấy lâm chung, thỉnh các vị cư sĩ đến trợ niệm, lợi ích ấy rất lớn. Hãy xem sách Sức Chung Tân Lương sẽ tự biết.

Người niệm Phật hãy thường đối trước cha mẹ của chính mình và những quyến thuộc khác nói cho họ nghe [lợi ích của sự trợ niệm], để đến khi có người mạng chung, quyến thuộc trong nhà đều cùng niệm Phật thì người [sắp mất] ấy ắt nương theo Phật lực sanh về Tây Phương. Dẫu chẳng sanh Tây Phương, ắt cũng sanh vào đường lành, có lợi ích rất lớn, chẳng tổn thương mảy may! Nếu chẳng biết điều này, khi chưa chết đã lo tắm rửa, thay quần áo sẵn, nếu do bị dời động mà đau đớn, sân tâm liền nổi lên. Dẫu chẳng đến nỗi nổi sân, nhưng qua một phen dời động, tâm cũng chẳng được thanh tịnh. Nếu là người bình thời niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trải qua một phen như thế, chắc chắn bị mất chánh niệm, chẳng được vãng sanh! Nếu chưa chết đã khóc lóc trước khiến cho người [sắp mất] ấy sanh tâm ái luyến thì cũng là lôi kéo khiến cho người ấy bị đọa lạc. Một cửa ải lâm chung khẩn yếu tột bậc, do vậy phải nên trợ niệm. Người trợ niệm cần đọc kỹ sách Sức Chung Tân Lương, bảo con cái quyến thuộc trong nhà đều tuân theo chỉ dạy của người trợ niệm, mới hòng chẳng đến nỗi do tâm hiếu lại đâm ra làm cho

cha mẹ phải chịu nỗi khổ đọa lạc! Ngoài việc trợ niệm ra, mọi chuyện đều chẳng nên làm. Nếu phong cách này (tức cách ứng phó này) được lưu hành thì chuyện thiện nam tín nữ niệm Phật chẳng trở thành một nếp xử sự phổ biến hay sao? Người hiểu lý chọn lấy chuyện tốt lành để làm, người không hiểu lý chỉ thấy lợi bèn theo, người có nghề nghiệp lỡ làng công việc, kẻ lười nhác bèn dựa vào đó để chòng ghẹo, chẳng những gây trở ngại cho Tăng chúng mà còn gây trở ngại cho chính tang gia.

23. Trả lời thư cư sĩ Thang Văn Huyên (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm qua thầy Minh Đạo đem thư ông tới. Đọc những lời ông phát lộ sám hối, có thể gọi là bậc hữu chí, nhưng hằng ngày phải mở rộng [cái tâm sám hối ấy] ra, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến sức công đức Phật tánh thành căn cứ để tạo ác nghiệp chịu sự khổ cùng cực. Tội lớn tầy trời chẳng thể cự lại một chữ Hối. *"Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được niệm bèn thành thánh"*. Tâm Nghiêu, Thuấn, Phật, Bồ Tát và tâm chúng ta có cùng một giác thể; nhưng do chúng ta nghịch tánh mà tu nên chìm đắm trong loài chúng sanh nghiệp khổ. Ông đã biết sai, hãy nên tận lực sửa lỗi. Đối với mọi chuyện, đều có thể tận lực sửa đổi sẽ đạt đến chỗ không còn lỗi lầm. Nếu chỉ sanh lòng hổ thẹn tạm thời, rồi cứ lần chần chẳng tự tu trì thì vẫn lặn hụp trầm luân trong biển tội nghiệp y như cũ, không thể thoát ra được! Xin hãy đọc cặn kẽ các sách thì sẽ lần lần đạt đến chỗ khá hơn, ngõ hầu chẳng đến nỗi sống uổng chết phí, sống như gỗ, đá, cầm thú trong vòng trời đất, sống đã vô ích cho người, mà lại còn có hại cho người!

Về chuyện quy y, hãy để thong thả. Nếu ông vẫn chẳng thay đổi lề thói cũ thì quy y lại trở thành tội lỗi. Vì sao vậy? Chẳng quy y thì khi tạo nghiệp chẳng mắc lỗi hoại pháp. Quy y xong vẫn tạo nghiệp, ắt người ta sẽ dựa vào chuyện đã quy y rồi mà vẫn tạo nghiệp, do đó họ sẽ phỉ báng Phật pháp là tệ hại. Hơn nữa, ông muốn quy y lại hoàn toàn chẳng chịu nhún mình, làm sao thỏa mãn ý nguyện của ông cho được? Người đi đường hướng về người khác hỏi lối, còn phải chắp tay để biểu thị ý cung kính. Nay muốn quy y Tam Bảo vẫn chẳng chắp tay kính trọng, tức là tập khí tự cao tự đại vẫn chưa chiết phục được mảy may nào, làm sao cho ông quy y được? Nếu đích thân đến xin quy y, [pháp sư] lên tòa nói pháp quy y, [người xin quy y] phải dập đầu ba bốn mươi lần, quỳ lâu chừng một giờ. Dẫu nói dễ dãi cũng phải dập đầu mười mấy cái! Ai dám tự chuốc lấy tội khinh pháp để cho ông quy y? Quy y giống như bái sư trong thế gian, há những kẻ bái sư trong đời cũng chẳng theo lễ nghi chắp tay hay sao? Nếu luận từ đằng gốc thì hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, lễ bái, cúng dường còn

chẳng xuể, nào dám trách ai thiếu lễ! Nếu luận trên hình tích duy trì pháp đạo, phàm những kẻ chẳng chịu tự nhún mình mà cứ cho họ quy y thì chính mình cũng mắc tội lỗi rất nặng!

2) Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu, Thuấn, chẳng thể thành Phật là vì chẳng lập chí mà ra. Không có chí sẽ chẳng sanh hổ thẹn, yên phận phàm ngu, luân hồi trong tam đồ lục đạo cả kiếp dài lâu, không thể thoát được! Ông đã phát lòng hổ thẹn, phát tâm mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, cố nhiên là do thiện căn đời trước tạo thành. Hãy nên "mỗi ngày một mới" để hoàn toàn vứt bỏ mọi ý nghĩ, hành vi chẳng chánh đáng trước kia. Một nhát dao chặt đứt làm đôi, chớ có "dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng", vương vấn, do dự, ắt đến nỗi chẳng mấy chốc lại quay về nẻo cũ, vùi lấp trong mười thứ ác nghiệp y như cũ, khiến cho Phật tánh "sáng tỏ Minh Đức" sẵn có đều bị chướng lấp chẳng thể hiển hiện, dùng tư cách thành thánh, thành Phật để nằm tù Diêm La, đối diện ngục tốt[34], chẳng đáng buồn ư?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Chấn, nghĩa là dùng trí huệ đánh động, dẹp dứt, ngõ hầu mình lẫn người đều siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, thoát khỏi đời ác ngũ trược, vượt lên cõi sen chín phẩm. Những sách đã gởi lần trước đều có thể nương theo đó để tu trì, nhưng Văn Sao, Gia Ngôn Lục là trọng yếu nhất. So với Văn Sao, Gia Ngôn Lục đọc đỡ mất công hơn, xin hãy lắng lòng đọc thì phương pháp tu trì thế gian và xuất thế gian sẽ đều hiểu trọn vẹn, ở đây không viết chi tiết nữa! Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, chẳng nên thường gởi thư đến, hễ gởi đến sẽ chẳng phúc đáp. Đại cương của pháp môn Tịnh Độ là ba món Tín - Nguyện - Hạnh, cốt lõi tu trì là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*, không cần phải nói nhiều. Nương theo đó tận lực thực hành sẽ đích thân đạt được lợi ích. Nếu muốn làm một vị đại thông gia chắc sẽ đến nỗi gạt pháp liễu sanh thoát tử ngay trong đời này qua một bên thì đáng thương xót lắm thay!

24. Thư trả lời cư sĩ Ngô Thương Châu (ba lá thư)

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

1) Bệnh dịch đang lan truyền, vợ con đều mắc bệnh, hãy dạy bọn họ ai nấy đều chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu ông có thể niệm chú Đại Bi thì hãy gia trì nước Đại Bi cho họ uống, sẽ tự được lành bệnh, không cần phải miệt mài chữa trị. Những điều ông nói tợ hồ nắm được đại ý, nhưng chỉ là nói xuông, hoàn toàn chẳng dùng được mảy may gì! Phật pháp có vô lượng pháp môn, nhưng đều phải tu đến khi nghiệp tận tình

---

[34] Ngục tốt: cai ngục, lính canh ngục. Ở đây là các quỷ sứ canh giữ địa ngục.

không thì mới có thể liễu sanh thoát tử! Nếu không, dù có sở đắc, vẫn cứ y như cũ, chẳng làm gì được sanh tử! Như trong hiện thời, sợ rằng khắp cõi đời cũng khó được một hai người đạt đến địa vị nghiệp tận tình không! Chỉ có một pháp Niệm Phật nếu đầy đủ tín chân, nguyện thiết, chí thành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dù toàn thân là nghiệp lực, vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ấy gọi là "đới nghiệp vãng sanh". Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Vì thế, thiện tri thức đời Mạt phần nhiều đều chuyên chú Tịnh Độ; bởi lẽ Tịnh Độ thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt được hiệu quả nhanh chóng.

Thường có những kẻ thông minh, hơi hiểu giáo nghĩa, hoặc biết đôi chút lẽ Thiền, bèn tự cho mình là bậc thông suốt, miệt thị niệm Phật, cho niệm Phật là chuyện để bọn ngu phu, ngu phụ làm! Đấy đều là những kẻ chẳng biết tự xét, là hạng cuồng đồ, cứ tưởng "hiểu nghĩa lý theo văn tự chính là thật chứng", chắc chắn là hạng "nói không, làm có", dùng thân báng pháp, tương lai ắt đọa tam ác đạo, được những ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót nhưng chẳng thể cứu vớt! Ông đã nguyện quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thương, ngụ ý: Đổi tên chẳng đổi thể[35], nhưng chữ Thương trước kia (tức chữ Thương trong tên thật) có nghĩa là cả mình lẫn người đều chìm đắm mênh mông, nay nương theo Phật pháp tu trì, liền trở thành cả mình lẫn người đều được lợi lạc mênh mông. Tuy cùng [có nghĩa] là mênh mông, nhưng sự khác biệt giữa nguyên do [của hai thứ] mênh mông ấy cố nhiên nào phải chỉ giống như [sự khác biệt] giữa trời với vực!

Phương pháp tu trì niệm Phật cùng với giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện v.v… thì Văn Sao, Gia Ngôn Lục đều đã nói đầy đủ cả rồi, ở đây không viết cặn kẽ. Đã thấy hình chụp của ông, còn hình chụp của Quang [dĩ nhiên là] chẳng có! Vì Quang một bề chẳng thích phô trương. Phàm những chuyện trình diễn, phô phang sáo rỗng đều chẳng thích làm. Ông nói xưa kia ở chỗ của Hám Sư Trưởng[36] tìm được tiểu sử của Quang, lời ấy cũng chẳng phải là chuyện thật. Ông Hám cố nhiên tin Phật, nhưng chưa từng hỏi Quang câu nào, e rằng ông ta nghe được mấy câu từ nơi Trần Đại Tâm, nhưng Quang một mực chẳng kể cùng người khác những chuyện trước kia. Những lời ông ta nói chắc là chuyện gần đây. Nếu là chuyện trước khi xuất gia thì

---

[35] Vị cư sĩ này tên là Thương Châu, Tổ dùng ngay chữ Thương trong tên để đặt pháp danh nên nói: *"Đổi tên chẳng đổi thể"*.

[36] Hám Sư Trưởng ở đây chính là ông Hám Ngọc Côn, người cầm đầu sư đoàn trấn giữ Tung Huyện ở Thiểm Tây (đoàn quân này thường được gọi tắt là Trấn Tung Quân).

đều là thêm thắt. Gần đây, do phát chẩn[37] [ông ta] đến thôn tôi thì những tiểu sử do người trong thôn chép lại cho ông ta cũng không đích xác, bởi Quang rời nhà đã năm mươi hai năm, những kẻ hậu sinh nghe nói lại chỉ biết được một hai chuyện. Ông ta bảo Quang bổ túc, Quang nại cớ kỳ chết đã gần, chẳng muốn lưu tiếng xuông cho đời nên chẳng bổ túc. Về sau, ông ta lại viết thư bảo bổ túc, Quang gởi cho ông ta một gói sách, nhưng vẫn chẳng trả lời thư ấy. Tôi nói với ông điều này vì ông nói là ông biết tiểu sử của Quang vậy.

2) Quý quyến đều chịu niệm Phật, có thể nói là xưa đã có duyên với Phật, cho nên mới được làm quyến thuộc với nhau. Ông nói chẳng bao lâu nữa sẽ cùng lệnh phu nhân đến đất Tô, trộm cho rằng không cần thiết. Nếu có thể chí thành khẩn thiết niệm Phật thì nào có thiếu sót gì! Dẫu không gặp Ấn Quang cũng hoàn toàn chẳng mất mát gì cả! Dẫu gặp mặt, ngoài Văn Sao ra, há còn có diệu pháp "khẩu truyền, ngầm trao" nào nữa ư? Nếu thật sự có diệu pháp "khẩu truyền, ngầm trao" thì kẻ ấy chính là ma vương, ngoại đạo, nên tránh xa còn không kịp, huống là lại muốn cầu pháp đó nơi kẻ ấy ư? Huống chi, nay đang lúc đói kém, nếu những người chủ chốt trong nhà đều đi xa mấy ngày, rất có thể kẻ nhỏ nhen, tệ hại sẽ thừa cơ trộm cắp. Nếu vạn nhất có chuyện ấy, chẳng những vợ chồng ông bị người ta chê là mê tín, mà người ta còn nói Quang thiếu đức khiến cho người khác mắc họa! Cư sĩ Triệu Vân Bằng quy y với pháp sư Ứng Từ[38], cực hay, cực tốt; cần gì phải

---

[37] Phát chẩn: Đi cứu trợ, tặng phẩm vật cứu tế cho nạn nhân thiên tai, chiến cuộc.

[38] Pháp sư Ứng Từ (1873-1965), quê ở tỉnh An Huy, pháp tự Hiển Thân. Năm Quang Tự 24 (1898), xuất gia tại Tam Thánh Am ở Nam Kinh. Bốn năm sau thọ Cụ Túc Giới tại chùa Thiên Đồng ở Triết Giang do ngài Bát Chỉ Đầu Đà làm Hòa Thượng Truyền Giới. Sau Sư theo học với ngài Dã Khai ở chùa Thiên Ninh. Năm Quang Tự 34 (1908), cùng với Nguyệt Hạ pháp sư được truyền pháp bởi Dã Khai Hòa Thượng. Về sau, Sư được ngài Nguyệt Hạ giao nhiệm vụ lãnh đạo Pháp Giới Học Viện. Năm Dân Quốc 12 (1923), Sư yểm quan tại chùa Bồ Đề ở Hàng Châu, không lâu sau đứng ra mở Thanh Lương Học Viện. Sư suốt đời lấy việc hoằng dương kinh Hoa Nghiêm làm chí nguyện, lấy Thiền làm tâm tông, đề xướng khắc in ba thứ bản dịch kinh Hoa Nghiêm cũng như các tác phẩm chú giải kinh Hoa Nghiêm như Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương của ngài Pháp Tạng, Hoa Nghiêm Đại Sớ Diễn Nghĩa Sao của ngài Trừng Quán, và các bản sớ giải của kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Lăng Già v.v… Sư thị tịch năm Dân Quốc 54 (1965) tại Thượng Hải, thọ 93 tuổi. Khi Tổ Ấn Quang viết lá thư này thì pháp sư Ứng Từ đã 58 tuổi.

quy y với Quang nữa? Nếu cứ nhất quyết muốn quy y, nào có danh hay không danh để nói đây? Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), ông Từ Úy Như và Quang chưa từng gặp mặt lần nào, nhưng do trong năm đầu Dân Quốc (1911) thấy Phật Học Tùng Báo đăng tải mấy bài của Thường Tàm (đây không phải là tên tôi, chỉ là tên tùy tiện dùng vì chẳng muốn người khác biết tên vậy), chẳng biết là Tăng hay tục, nên thường nghe ngóng. Đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), đã nghe biết được rồi, bèn cậy bạn ngỏ lời muốn thư từ qua lại thưa hỏi, Quang cự tuyệt không bằng lòng. Đến năm Dân Quốc thứ bảy (1918), đem hơn hai mươi thiên văn sao in thành sách. Ông ta theo mẹ đến Phổ Đà, xin quy y, Quang dạy ông ta quy y với ngài Đế Nhàn (ông ta rời núi, bèn thỉnh pháp sư Đế Nhàn lên kinh đô giảng kinh). Năm Dân Quốc 17 (1928) gởi thư đến nói: "Trước kia con muốn quy y, thầy dạy quy y với ngài Đế Nhàn, mười năm qua trong lòng vẫn trọn cảm thấy không thỏa ý, vẫn xin thầy chấp nhận cho con quy y". Quang trả lời ông ta: "Ông quyết ý muốn quy y, thôi thì cũng được, nhưng pháp danh thì vẫn dùng pháp danh do ngài Đế Nhàn đã đặt[39], cần gì phải đặt pháp danh khác?'

Ông Triệu đã quy y với sư Ứng Từ, nếu vẫn muốn thờ Quang làm thầy thì hãy nên luận theo phương pháp tu trì Quang đã nói, chứ đừng luận trên pháp danh! Pháp được thầy Ứng nói chính là pháp Đại Thừa, còn pháp Quang đã nói chẳng phải Đại, chẳng phải Tiểu, vừa là Đại, vừa là Tiểu, là pháp mà trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến phàm phu sát đất đều cùng tu cùng chứng, cố nhiên phải nên chú trọng pháp này. Nếu hời hợt coi nó giống như hết thảy các pháp Đại Thừa thì chuyện liễu sanh thoát tử chắc là lâu lắc lắm! Ông nói "vứt bỏ hết để được độ thoát", xét đến cùng là chỉ lợi ích cho một người, là mặc kệ ba đứa con. Vì thế, hãy nên thong thả đã!

3) Phàm phu chưa từng đích thân chứng được Phật Tánh, tất cả công đức của Tự Tánh hoàn toàn chẳng được phát hiện và thọ dụng, nên hết thảy phải thuận theo nghiệp. Cái sắc thân trong đời hiện tại gọi là Báo Thân, tức là quả báo của những điều thiện hay ác đã tạo trong đời trước. Người niệm Phật tuy không còn tạo nghiệp sanh tử nữa, nhưng túc nghiệp chưa hết, làm sao có thể được vãng sanh ngay lập tức? Nếu tâm nhàm chán thế gian thiết tha, kiệt lòng thành, tận lòng kính, chuyên chí niệm Phật, cầu Phật rủ lòng từ sớm đến tiếp dẫn thì cũng có người [sớm được vãng sanh]! Nếu tự hủy hoại mạng sống để mong vãng sanh liền thành uổng tử quỷ (quỷ chết oan)! Do người ấy công phu chưa đạt mà tự hủy mạng thì khi đang hủy mạng, tâm đã mất chánh niệm, huống chi nỗi khổ do tự hủy mạng không thể thí dụ được! Tâm mất chánh niệm thì làm sao tương ứng với Phật, được Phật tiếp dẫn? Thứ tà

---

[39] Ông Từ Úy Như tên thật là Văn Úy, Úy Như là pháp danh do pháp sư Đế Nhàn đặt cho ông.

kiến này tự lầm, lầm người, gây hại tột bực! Chớ nói lời ấy để kẻ vô tri khỏi bị hại!

Người có quyền lực thì cứu người cứu đời dễ dàng, mà hại người hại đời cũng dễ lắm! Nếu dùng quyền lực có được do hại người hại đời để mong cứu người cứu đời thì dĩ nhiên chẳng bằng dốc lòng từ thiện, tùy phận tùy sức để cứu người cứu đời, sẽ có ích, không bị tổn hại! Nếu hâm mộ quyền lực, muốn có quyền lực để cứu người cứu đời, xin hãy suy xét kỹ: Có thể nào đạt được quyền lực lớn lao ấy mà không phải trả giá hay chăng? Nếu tâm chân thật tu hành, dù không có quyền lực vẫn có thể cứu người, cứu đời, chỉ không thể rộng lớn như [người] có quyền lực mà thôi! Nếu có quyền lực lại có thể làm chuyện cứu người, cứu đời, chỉ muốn chuyên chú nơi đạo, chẳng tạo ác nghiệp thì hiện nay không có hạng người ấy đâu! Phú quý làm cho con người mê hoặc đáng sợ vô cùng! Người bình thường nếu tiền chuyển giao qua tay, tuy còn chưa phải là vật của chính mình, mà tâm niệm đã biến đổi, làm các điều ác, huống chi thật sự có quyền lớn lao mà tâm chẳng thay đổi thì có được mấy ai? Chớ nên hiểu lầm thì chính mình may mắn lắm, mà Phật pháp cũng may mắn lắm vậy!

25. Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn

(năm Dân Quốc 20 - 1931, ông này vốn có tên là Chí Vũ)

Lễ Phật, Bồ Tát, trong tâm thầm niệm, hoặc xưng niệm ra tiếng đều được. Niệm Tâm Kinh trước hay sau kinh Di Đà cũng đều được. Vì mở đầu kinh bèn niệm *"Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát"* ba lượt cho nên niệm kinh Di Đà, chú Vãng Sanh xong rồi mới niệm Tâm Kinh. Chữ Đỏa (埵) đọc giống chữ Đóa (朵), Hoạch (獲) là được.

Vô Sanh Nhẫn là đối với hết thảy cảnh giới thiện - ác, phàm - thánh, trọn không có một niệm "sanh tâm động niệm có tướng để đạt được". Kinh Kim Cang dạy: *"Tam tâm liễu bất khả đắc, tức thị Vô Sanh Nhẫn"* (ba tâm trọn chẳng thể được chính là Vô Sanh Nhẫn) chính là phần cước chú cho Vô Sanh Nhẫn. Cũng đừng nói "đối với hết thảy cảnh giới trọn chẳng có một niệm sanh tâm động niệm sẽ thành cây khô, tro lạnh". *["Đối với hết thảy cảnh giới trọn chẳng có một niệm sanh tâm động niệm*"] hàm ý: Vắng lặng bất động, giống như gương sáng trống không chẳng có vật gì, nhưng hễ cảm bèn thông, giống như gương sáng hễ có hình bèn hiện bóng. Ngay trong lúc có hình bèn hiện bóng ấy vẫn rỗng rang không có vật gì. Chỉ vì "rỗng rang không có vật gì" nên "hễ có hình liền hiện bóng". Vô Sanh Nhẫn hơi giống như vậy, mong ông hãy khéo hiểu. Chứng được điều này sẽ dự vào địa vị Đại Bồ Tát, đây chẳng phải là điều ông và tôi có khả năng đạt được.

Nhiễu Phật nên giống như mặt trời, mặt trăng từ phương Đông sang Nam, qua Tây, lên Bắc, đừng từ Đông lên Bắc, qua Tây, xuống Nam, vì thuận nhiễu (nhiễu theo đúng chiều) có công đức, nghịch nhiễu mắc tội lỗi. Tây Vực coi trọng nhất cách "vi nhiễu" (đi nhiễu quanh), họ coi vi nhiễu tương đương với lễ bái, mang ý nghĩa tùy thuận đức Phật. Lúc niệm Phật bèn niệm Quán Âm luôn, không cần phải bắt đầu niệm bài Quán Âm Tán riêng. Niệm Phật hiệu xong liền niệm tiếp Quán Âm là được rồi. Đại Sĩ[40] chính là biệt hiệu của Bồ Tát, hết thảy Bồ Tát đều có thể gọi là Đại Sĩ, chứ không riêng gì đức Quán Âm.

Thường dạy bảo, trọn chẳng có ích gì! Thường có thể suy xét, thấu hiểu thì một câu cũng lợi ích có thừa; không thể suy xét, thấu hiểu thì đem kinh giáo trong Đại Tạng viết hết cả ra cũng vô ích! Tình thế bây giờ chẳng phải là tình thế như trước tháng Sáu năm nay. Giang Nam, Giang Bắc đều bị ngập lụt, nghe đau đớn cõi lòng! Thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, hãy thường dạy người nhà cùng niệm Quán Âm để dự phòng vậy!

26. Thư trả lời các cư sĩ Lưu Hán Vân và Dương Huệ Xương

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Gặp phải lúc tai nạn lớn lao xảy ra này, nên tùy theo sức mình lập cách cứu tế hòng trọn hết thiên chức của chính mình thì lợi ích lớn lắm. Quang một mực chẳng làm gì, phàm tất cả những tiền của được [người khác] bố thí đều đem in sách, hoặc dùng để cứu trợ tai ương. Tháng Sáu năm nay, Hán Khẩu xảy ra thủy tai trước tiên, thầy Minh Đạo lên Thượng Hải, thay mặt quyên tặng một trăm đồng. Về sau, nước càng dâng cao, lại quyên tặng một trăm đồng nữa. Một đệ tử do vùng Vu Hồ bị thủy tai, gởi thư [xin Quang đứng ra tổ chức] lạc quyên cứu trợ. Quang trả lời ông ta: Quang một mực không quyên mộ, huống gì đang lúc bế quan, ông đã nguyện mỗi năm cho tôi hai trăm đồng để làm tiền chi dụng, xin hãy đem món tiền ấy cứu trợ, sau này vĩnh viễn không cần phải cho tiền tôi nữa! Tùy ông quyên tặng hai trăm cũng được, mà bốn trăm, sáu trăm, tám trăm hay một ngàn cũng được hết. Sau đấy, một đệ tử là ông Tào Tung Kiều lên Giang Bắc cứu trợ tai ương, đánh điện khuyên Quang đóng góp, Quang gởi một ngàn tiền in sách để cứu trợ. Ông Cao Hạc Niên gởi thư xin cứu trợ tai nạn, Quang sai người giao cho

[40] Đại Sĩ chính là dịch nghĩa chữ Ma Ha Tát (Mahasattva). Theo Pháp Hoa Văn Cú, do Bồ Tát tự lợi lợi tha, có đại nguyện, đại hạnh, nên được xưng tụng là Đại Sĩ. Đôi khi, theo một số kinh, như trong Tạp A Hàm, quyển 48, chữ Đại Sĩ được dùng để dịch chữ Mahāpurusa (thường dịch là Vô Thượng Sĩ), nghĩa là bậc sĩ phu tối thắng, tức một trong mười tôn hiệu của đức Phật.

ông ta hai trăm ba mươi đồng. Năm nay đã đóng góp cứu trợ tai ương như thế, Quang nói lời này không phải là tự khoe công, mà là muốn cho các vị đều cùng phát tâm, tùy phận tùy sức cứu tế. Có sức ra sức, không có sức thì dùng lời nói khuyên người có sức, đấy cũng là chuyện tốt lành.

Lại nữa, nữ nhân hiện thời, đồ trang sức trên đầu, xuyến đeo tay, hoa tai, nhẫn đều chớ nên đeo, hễ đeo sẽ chuốc họa. Nếu để lại cho con cái sẽ gieo họa cho con cái. Nếu chết đi chôn theo ắt sẽ gặp nông nỗi đào mồ lộ thây, nhục lắm! Nếu chịu [đem những món trang sức ấy] cứu trợ tai nạn thì chính là "đưa họa đi, đón phước tới" vậy. Xin hãy bày tỏ ý nghĩa này với hết thảy mọi người. Nếu hàng phụ nữ chịu bố thí như vậy thì khoản tiền ấy lớn lắm. Đừng cho lời tôi là viễn vông, mà đây là lời chí lý chí tình. Những người giàu có ở Cao Bưu, Thiệu Bá[41] trước kia có lúc nào chẳng nghĩ đến con cháu, chẳng chịu [bố thí] cứu tế chút nào, nước lũ dâng lên, nhà cửa, đồ đạc, người nhà đều tan đàn xẻ nghé, mười phần chẳng còn được một! Mỗi thôn mấy chục nhà tìm một cái nồi, một cái lò cũng không ra. Ông Tào Tung Kiều ở Dương Châu mua nồi, bếp, gạo, củi, cứ mấy chục nhà biếu một cái nồi, dùng thuyền to chở đến. Trong mỗi thôn dùng thuyền nhỏ để đưa tới. Nói đến [chuyện này] khiến người ta rơi nước mắt. Có nhà chưa sập thì rắn lẫn rết đều cuộn đầy bên trên, người ta có muốn vào nhà cũng chẳng dám vào. Trên cây cũng vậy, đáng thương vô cùng! Nếu những phụ nữ vẫn muốn giữ những vật chuốc họa, chẳng chịu dùng để cứu tế, e rằng đời sau họ cũng gặp phải tai họa này, không có ai chịu cứu vớt!

27. Thư trả lời cư sĩ Lưu Đức Hộ

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Lệnh chánh[42] đã biết cầu Tăng niệm Phật hầu tăng tuổi thọ, hãy nên tự mình thường niệm Phật để cầu vãng sanh. Nếu chỉ dựa vào người khác để cầu sống lâu, chẳng biết cầu A Di Đà Phật để khi tuổi thọ của chính mình chấm dứt được tiếp dẫn vãng sanh thì chính là "thấy điều nhỏ, đánh mất chuyện lớn". Nếu chịu chí thành niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì lúc còn sống và mất đi đều có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Hôm qua, một nữ đệ tử đến đây, đem giùm những thứ thức ăn của một nữ đệ tử họ Uông [gởi biếu cho Quang], kể: Họ Uông hai tháng trước đây, một hôm mới vừa xẩm tối, đột nhiên hơn hai chục tên cường đạo đều cầm súng đến cướp. Trong căn nhà lầu ấy, tầng trên, tầng dưới có [tổng cộng] bảy gia đình cư ngụ. Họ

---

[41] Cao Bưu, Thiệu Bá đều là những thành phố nằm ở phía Nam Trường Giang (sông Dương Tử), thuộc địa phận tỉnh Giang Tô.

[42] Lệnh chánh: Danh xưng tỏ ý tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác.

[Uông] ở trên lầu, do vậy, bèn tắt đèn điện đi, vợ chồng họ quỳ trước Phật cầu nguyện, nhưng đèn thắp trước bàn Phật dường như có ai thổi tắt đi. Bọn cường đạo đập cửa không mở được, bèn không đập nữa. Sáu nhà kia đều bị cướp, chỉ mình họ chẳng mất vật gì. Đủ biết: Người niệm Phật lúc bình thường còn có thể gặp dữ hóa lành, huống gì lúc lâm chung! Lợi ích vãng sanh Tây Phương so với chuyện này còn lớn lao gấp bội lần, chẳng thể nói trọn hình tướng được. Nên khuyên bà ta thường niệm thì may mắn lắm thay!

28. Thư trả lời một cư sĩ ở Diêu Duy

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Mỗi người nhập đạo đều có nhân duyên. Nếu duyên đã đến sẽ có sự cơ cảm mầu nhiệm không thể diễn tả được. Quang là một ông Tăng vụng về, yên phận, chỉ biết cơm cháo, xuất gia từ năm Quang Tự thứ bảy (1881) đến nay, chỉ muốn tự giải thoát mà thôi, trọn chẳng có một niệm dám có lòng tạo điều lợi cho người. Từ năm Quang Tự thứ mười chín (1893) đến Phổ Đà chẳng làm chuyện gì, chỉ làm một ông Tăng ăn cơm chùa Pháp Vũ. Nếu ngẫu nhiên được sai khiến làm chuyện gì dính đến bút mực, trọn chẳng dùng hai chữ Ấn Quang. Ngay cả chuyện do chính mình tự làm cũng dùng tên khác. Vì thế, hơn hai mươi năm khá được yên vui, suốt năm không một ai đến thăm, không một lá thư nào gởi đến.

Đến năm đầu Dân Quốc (1911), ông Cao Hạc Niên đem mấy bản thảo đăng trên Phật Học Tùng Báo, nhưng không dùng tên thật nên cũng không ai biết. Trong khoảng thời gian ấy, có một hai kẻ đa sự nghe ngóng. Đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), ông Từ Úy Như đã biết tới, muốn gởi thư, cậy người bạn dọ ý, Quang chẳng bằng lòng. Đến năm Dân Quốc thứ sáu (1917), [ông Từ] đem ba lá thư của Quang gởi cho bè bạn in ra mấy ngàn bản để biếu tặng. Năm sau, lại sưu tập được hai ba chục lá thư, đem in ở Bắc Kinh, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao. Từ đấy, cái tên Ấn Quang thường trái tai gai mắt người ta, hạnh phúc tự tại trước kia hoàn toàn bị mất đi! Từ ấy, thư từ ngày một nhiều, thậm chí có tháng đến hơn trăm lá, nhưng Quang một mực chẳng muốn nhờ vả người khác, cứ bóc ra, viết, bỏ vào phong bì, dán lại, hoàn toàn tự làm. Huống chi lại còn chuyện tình nghĩa qua lại, cảm thấy khá khổ sở. Vì thế, năm trước đã chấp thuận lời thỉnh của mấy đệ tử ở Hương Cảng, quyết ý muốn đi qua đó, do ngôn ngữ chẳng thông, lánh mình nơi hải đảo hòng được yên vui cho xong kiếp thừa! Do Phổ Đà Sơn Chí chưa được biên soạn hoàn thành, bạn bè cực lực giữ lại, liền bế quan ở Tô Châu.

Năm ngoái, lo in riêng Lịch Sử Thống Kỷ bản Tăng Tu, nay đã in xong, chắc là ông đã thỉnh được rồi. Phổ Đà [Sơn] Chí sắp được in, khoảng chừng

tháng Mười sẽ in xong. Hiện thời có sách Chánh Tín Lục đã in xong. Sách này đả phá tà kiến hẹp hòi, câu nệ. Nay lại còn in nguyên văn Tịnh Độ Thập Yếu, so với bản trích tuyển của Thành Thời đại sư[43] nhiều hơn hai phần năm, lại còn kèm thêm mấy bài văn quan trọng để bổ túc cho Thập Yếu rất nhiều. Ước chừng mùa Xuân năm sau sẽ in xong.

Quang bình sinh chất phác, giữ phận ngu, trọn chẳng dám ăn nói lớn lối phô trương rỗng tuếch để lầm mình, lầm người. Những gì được nói trong Văn Sao đều là những điều ai cũng có thể làm được, lại còn tự được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu ai chê Quang vô tri vô thức, chỉ đem chuyện ngu phu, ngu phụ [có thể] làm được để dạy người thì cũng chẳng tiếc! Nhưng có người cho là hợp với cơ nghi của chính mình, do đây sanh lòng tin tu trì, [những người như vậy] cũng chẳng thiếu.

Phải biết: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, muốn nương theo [những pháp môn ấy] để tu trì hòng liễu sanh thoát tử, ắt phải đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không" thì mới được. Nếu không, có mộng cũng mộng chẳng được! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, lại thêm chí thành khẩn thiết niệm Phật bèn có thể nương theo Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh là đã liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu chẳng nương vào pháp này, tu những pháp môn khác thì chắc chắn khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Đời này đã gặp được pháp này mà chẳng chú ý, tương lai há thể lại được gặp pháp này để liền chú ý tu trì hay sao? Do vậy, hãy nên sớm chú ý nơi pháp này.

Pháp môn Tịnh Độ chẳng trở ngại hết thảy sự vụ thế gian, chỉ cần ai nấy tận hết bổn phận, như cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành là được rồi! Ông là kẻ tại gia, tu hành rất hợp, thường giữ tấm lòng "trừ bạo an lương" (trừ khử kẻ bạo tàn, khiến

---

[43] Thành Thời (không rõ năm sinh, mất năm 1678), là cao tăng đời Minh, người huyện Hấp, Huy Châu, pháp hiệu Kiên Mật. Sư thuở nhỏ học Nho, xuất gia năm 28 tuổi. Thoạt đầu học Thiền và Giáo, sau y chỉ ngài Trí Húc Ngẫu Ích, sống trong Ngưỡng Sơn, các loài mãnh thú đều quy phục. Sư tự soạn Trai Thiên Pháp Nghi (nghi thức cúng dường chư Thiên). Về sau, Sư qua Giang Ninh trụ tích tại chùa Thiên Giới, hoằng dương Pháp Hoa, siêng tu Tịnh nghiệp. Công khóa mỗi ngày dù nóng hay lạnh, bận hay rảnh đều chẳng hề biếng trễ. Sư san khắc Tịnh Độ Thập Yếu cho lưu truyền rộng rãi, khuyên người thật tu, lại còn tự viết lời tựa. Sư thị tịch vào tháng Mười năm Khang Hy 70 (1678), không rõ tuổi thọ. Còn để lại những trước tác như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sơ Tâm Tam Muội Môn, Thọ Trì Phật Thuyết A Di Đà Kinh Hạnh Nguyện Nghi...

cho người lương thiện được an vui), coi nhân dân như người nhà của chính mình, coi binh sĩ như anh em của chính mình, ắt sẽ mong mỏi anh em bảo vệ người nhà. Hễ đi đến đâu đều răn nhắc binh sĩ giữ tấm lòng trung hậu, khoan thứ, chẳng được cướp bóc, gian dâm chút nào. Dẫu con người không biết, nhưng thiên địa quỷ thần ghi công chép tội! Hoặc trong đời này, hoặc trong đời sau, quyết định phải chịu quả báo thiện hay ác, quyết định chẳng thể "có nhân, không quả"!

Năm Dân Quốc thứ tám, thứ chín (1919-1920), một quân nhân họ Dương là người hết sức trung hậu, ưa điều thiện, làm sĩ quan trong quân đội trấn giữ Tung Huyện của đất Thiểm Tây, ăn chay trường, tụng thuộc lòng kinh Kim Cang, mỗi ngày niệm mấy biến. Trong quân ngũ mười năm, giao tranh hơn bốn trăm trận, khắp thân chưa hề mang một vết thương lớn hay nhỏ. Thoạt đầu, ông ta muốn xin giải ngũ; do Lưu Trấn Hoa, Hám Ngọc Côn đều là đồng hương, chẳng cho ông ta giải ngũ. Một năm nọ, do kéo quân sang Hà Nam đánh nhau với Triệu Thích[44], ông ta bèn đào ngũ. Từ đó triều bái Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa, Phổ Đà. Đến Phổ Đà, ở chùa Pháp Vũ, trò chuyện cùng Quang về tâm hạnh của ông ta, tiếc là thiếu học vấn, chưa thể xiển dương đại pháp, tùy cơ lợi người.

Pháp niệm Phật thì trong Văn Sao đã có [giảng] cặn kẽ, ở đây không viết chi tiết nữa. Với quyến thuộc trong nhà đều nên dạy họ chí thành niệm Phật, lợi ích ấy lớn lắm. Đời có kẻ ngu chẳng biết vì sao Phật là Phật, thường chấp chết cứng lẽ cung kính, chẳng biết biến - thông, [chẳng hạn] như ăn mặn thì chẳng dám niệm. Lại như nữ nhân khi có kinh nguyệt hoặc sanh nở bèn chẳng dám niệm. Phải biết: Ăn chay là tốt nhất, nhưng ăn mặn cũng vẫn niệm được. Có kinh nguyệt thì thường rửa ráy sạch sẽ, đừng dùng tay bẩn chưa rửa chạm vào kinh, tượng và thắp hương v.v… Hễ rửa ráy sạch sẽ thì chẳng ngại gì. Nữ nhân khi sanh nở phải niệm *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"* ra tiếng, chắc chắn chẳng đến nỗi bị sanh khó. Dẫu bị sanh khó mà chịu chí thành niệm cũng chắc chắn sanh ngay. Điều này trước kia Quang không nói, sau này nghe rất nhiều người hoặc mấy ngày mới sanh được, hoặc phải mổ, hoặc do sanh nở mà chết, nên thường nói với hết thảy mọi người: Nếu khi sanh nở mà niệm thì không ai bị khó sanh!

Lúc bình thường ắt phải cung kính, khiết tịnh; lúc ấy lõa lồ bất tịnh vốn là chuyện bất đắc dĩ, [là chuyện] có liên quan đến tánh mạng. Chỉ cần trong tâm chí thành, chẳng cần phải luận trên hình tướng bề ngoài. Nếu là lúc bình thường, ắt cần phải mũ áo tề chỉnh, tay lẫn mặt đều sạch sẽ thì mới được niệm ra tiếng. Nếu không, chỉ niệm thầm trong tâm thì công đức vẫn giống

[44] Triệu Thích là một gã quân phiệt thời Dân Quốc, chiếm lãnh tỉnh Hà Nam, tự xưng là Đốc Quân.

hệt như vậy. Vì thế, lúc ngủ nghỉ, tắm rửa, tiêu tiểu, hoặc đến chỗ không sạch sẽ, đều niệm thầm trong tâm. Chỉ khi nữ nhân đang sanh nở thì cần phải niệm ra tiếng vì niệm trong tâm thì sức yếu, khó thể cảm thông. Nếu lại gắng sức, sợ bị thương tổn. Vì thế, nên niệm ra tiếng. Ông đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Tông Từ. Tông là chủ, lấy tâm từ bi làm chủ để làm chuyện tự lợi, lợi tha thì mới không uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này.

Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiền Tông, Tướng Tông[45], Mật Tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ[46] nhà Thiền, sự tinh vi của pháp tướng trong Tướng Tông, oai thần rộng lớn của Mật Tông, nhưng chẳng biết: Thiền dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chưa hết sạch Phiền Hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được! Với Tướng Tông thì nếu không phá sạch Ngã Chấp và Pháp Chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng[47], cũng giống như "kể chuyện ăn, đếm của báu", rốt cuộc có ích gì đâu! Với Mật Tông thì tuy nói là có thể "thành Phật ngay nơi thân hiện tại", nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu được! Phàm phu lầm sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người [bị như vậy]. Do vậy, hãy nên chuyên chí vào một môn Niệm Phật là pháp tắc vô thượng bậc nhất ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy!

29. Thư trả lời cư sĩ Vương Hiểu Hy

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Thủy tai năm nay từ xưa đến nay chưa hề nghe thấy. Tiền đồ nguy hiểm vạn phần, nếu ông đắc thần thông của Đại Lạt Ma thì chẳng cần phải lo. Nếu không, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để làm kế dự phòng. Một pháp Mật Tông thật sự chẳng thể nghĩ bàn, nhưng tiểu trượng

---

[45] Tướng Tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức Tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng Tông.

[46] Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyển ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiến tánh, chẳng hạn như "Phật là gì?" Thiền Sư bèn đáp "con mèo trèo lên cây cột".

[47] Danh là tên gọi của sự vật, Tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là "danh tướng". Một cách giải thích khác: Những gì nghe được thì gọi là Danh, thấy được thì gọi là Tướng. Danh và Tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

phu dùng đến chưa chắc được lợi ích mà sẽ bị tổn hại trước. Xin đừng vói quá cao, may ra sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu không, hơi bị nguy hiểm đấy! Sư Hiển Ấm[48] được chân truyền của Mật Tông, lại thông hiểu [giáo nghĩa] tông Thiên Thai, đã là bậc Quán Đảnh Đại A-xà-lê hiển mật viên thông[49]. Phàm ai được thọ quán đảnh từ nơi sư đều có thể thành Phật ngay trong thân này, nhưng Hiển Ấm khi mất rất hồ đồ (Sư chết tại Cư Sĩ Lâm, một đệ tử đích thân chứng kiến), chú cũng chẳng niệm được, mà Phật cũng chẳng thể niệm, cho nên biết: Pháp ấy chẳng bằng pháp Niệm Phật ổn thỏa, thích đáng hơn nhiều!

30. Thư trả lời cư sĩ Mẫn Tông Kinh

(năm Dân Quốc 20 - 1931. Ông này vốn có tên là Vĩnh Liêm)

Đọc thư ông gởi cho thầy Minh Đạo, biết rõ tấm lòng vì dân, vì pháp, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Phàm khi phán xử kẻ phạm pháp, nên chiếu theo tội trạng và phải cân nhắc khả năng của hắn. Nếu hắn không có tài lực, phạt quá nặng thì hắn do trót sa chân sẽ vĩnh viễn không ngoi lên được[50], cũng

---

[48] Hiển Ấm (1902-1925), pháp tự Đại Minh, người huyện Côn Minh, tỉnh Giang Tô, là đệ tử xuất gia của ngài Đế Nhàn. Thiên tư thông mẫn, thông suốt kinh tạng, văn chương lỗi lạc. Do có tài văn chương, Sư từng giữ các chức vụ biên tập các tờ nguyệt san của Cư Sĩ Lâm, đăng rất nhiều bài viết trên tờ Hải Triều Âm. Năm Dân Quốc 12 (1923), Sư vượt biển sang Nhật đến Thiên Đức Học Viện trên Cao Dã Sơn (Koyasan) để học Mật Tông và được truyền Quán Đảnh. Năm Dân Quốc 14, Sư trở về Hàng Châu truyền thọ Mật Pháp, nổi danh lừng lẫy. Tháng Năm cùng năm đó, Sư mất, chỉ hưởng thọ được 24 tuổi! Do quá thông minh, Sư thường có những bài viết đề xướng Mật Tông là pháp vô thượng, chê bai tất cả các pháp môn khác, cũng như nêu lên rất nhiều ý kiến cực đoan, võ đoán. Sư Đế Nhàn cũng không tán thành quan niệm của Hiển Ấm, nhưng không làm gì được!

[49] A Xà Lê (Acarya): Dịch nghĩa là Giáo Thọ, có nghĩa là vị thầy có đủ giới đức, hành vi đoan nghiêm có thể dạy dỗ học trò đúng khuôn phép. Trong Mật Tông, vị sư đầy đủ giới đức có sự hiểu biết uyên thâm về mật pháp, thông hiểu đàn pháp, ấn khế, đã được quán đảnh và tu trì, đủ tư cách để truyền dạy Mật Pháp cho người khác mới được gọi là A Xà Lê. Tiêu chuẩn để được xưng là A Xà Lê trong Mật Tông được giảng rất rõ trong phẩm A Xà Lê của kinh Tô Tất Địa. Theo đó, những điều kiện để xứng danh là một vị Mật Tông A Xà Lê rất khó và rất cao. "Hiển Mật viên thông" là Hiển giáo lẫn Mật giáo đều thông hiểu sâu xa, viên dung.

[50] Nguyên văn *"nhất quyết bất chấn"* là một thành ngữ, ngụ ý: Do bị vấp ngã, phạm sai lầm một lần, không cách nào hồi phục được nữa.

chưa khỏi thương tổn đạo nghĩa [của một người] "làm cha mẹ của dân". [Kẻ phạm tội] có tài lực thì [có thể phạt nặng] được, không có tài lực thì răn đe mà thôi, sao cho ổn thỏa đôi đàng. Còn về chuyện xoay hướng cửa chùa, dựng điện thờ khác, tượng đá của đức Bổn Sư trong điện cũ chẳng dời được, cần gì phải lo nghĩ? Chánh điện đã thờ Bổn Sư thì điện phụ há chẳng thể thờ Bổn Sư nữa hay sao? Cố nhiên, chẳng cần quá lo nghĩ về chuyện này! Ông đã từ chức, nếu cấp trên không bằng lòng thì cố nhiên nên sửa sang theo lề lối cũ, chỉ cần giữ sao cho giản dị, chất phác, đừng chuộng hoa mỹ. Chỉ mong mọi người thật lòng tin tưởng thật sự tu hành, chẳng cần phải lập bất cứ kiến trúc, hay bầy vẽ bất cứ quang cảnh nào.

Một pháp Tịnh Độ ai ai cũng tu được, hễ tu đều có cảm ứng. Người thời nay phần đông ham cao chuộng xa, đến nỗi có thể là vì bầy vẽ bề ngoài mà đâm ra gây trở ngại cho lợi ích thật sự. Con người bây giờ hễ ra công [tu hành] liền nói đến chuyện xây dựng trước, chẳng biết duyên do của Tịnh Độ, lại muốn nghiên cứu rộng khắp kinh luận Đại Thừa, hoặc hâm mộ sự huyền diệu của Thiền Tông, hoặc hâm mộ sự tinh vi của Tướng Tông, hoặc hâm mộ thần thông của Mật Tông, xem pháp "cậy vào Phật lực để liễu sanh tử" như chuyện vô ích. Thiền Tông dù có ngộ, nhưng ai đạt đến địa vị nghiệp tận tình không? Tướng Tông dẫu có thể nhớ rõ ràng danh tướng, nhưng ai có thể thật sự phá được Ngã Chấp và Pháp Chấp? Thần thông của Mật Tông và "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này) thì quả thật cũng có chuyện ấy, nhưng chẳng phải là chuyện để hạng căn tánh như ông và tôi mong mỏi được. Nếu muốn được thần thông, muốn được thành Phật ngay, thì do đấy bị ma dựa phát cuồng rất nhiều! Sư Hiển Ấm đã thông hiểu [giáo nghĩa] tông Thiên Thai lại được chân truyền của Mật Tông, đã là bậc Quán Đảnh Đại A-xà-lê. Phàm ai được ông ta quán đảnh đều có thể thành Phật ngay trong thân này. Đến lúc ông ta chết thì chú cũng chẳng niệm được, mà Phật cũng không niệm được. Trong lúc bình thường, qua ý tứ của những lời Sư nói, trong lòng Sư thường nghĩ ta là bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Đến lúc lâm chung, còn thua bà cụ già một chữ không biết nhưng thật thà niệm Phật có thể an nhiên niệm Phật qua đời nhiều lắm!

Ở Thành Đô có Lưu X… lầm tưởng một người nữ đã chứng quả nên chỉ nghe lời một mình người nữ ấy. Hễ ai bài bác, liền tuyệt giao không gởi thư nữa. Một lạt-ma[51] ở Trùng Khánh nói là nương theo pháp của ông ta trong

---

[51] Lạt Ma là dịch âm của chữ Lama trong tiếng Tây Tạng. Lạt Ma có nghĩa là Thượng Sư, Thượng Nhân. Có lẽ đây là cách dịch chữ Uttara hoặc Guru của tiếng Phạn sang tiếng Tây Tạng. Thoạt đầu, tại Tây Tạng danh xưng này chỉ dùng để tôn xưng bậc Trưởng Lão hay Thượng Tọa trong nhà Phật, sau trở thành tiếng gọi chung các tăng lữ.

bảy ngày sẽ được vãng sanh. Hễ vãng sanh liền thành Phật, trọn chẳng cần phải tu tập nữa. Những thứ tri thức ấy nên kính nhi viễn chi, đừng thân cận ngõ hầu khỏi đến nỗi chưa được lợi ích ấy mà đã bị tổn hại trước! Nếu không, chỗ bị tổn hại là điều chắc chắn, còn chỗ lợi ích sợ rằng tại năm nảo năm nao! Nếu năm sau là năm nảo năm nao thì cũng còn may mắn lắm, sợ rằng năm sau cũng vẫn chưa phải, chắc sẽ đến nỗi tuyệt vọng!

31. Thư trả lời sư Truyền Đức
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hiện thời là lúc tình thế nguy hiểm nhất. Ông phát tâm bế quan, nhưng theo tôi thấy, chẳng bằng không bế quan hay hơn! Ông ở trong quan phòng chẳng thể lo liệu việc bên ngoài. Nếu có cường đạo đến trộm hoặc cướp, ông làm như thế nào đây? Nay các nơi lụt lội, dân bị thiên tai lưu lạc bốn phương, không biết là bao nhiêu (nỗi nguy hiểm sau này nào phải chỉ có thế, sợ rằng sẽ còn có cuộc chiến tranh lớn nữa). Bên trong có bọn giặc thì khó tránh khỏi có thứ hành vi sai trái ấy. Nếu bế quan, gặp phải chuyện ấy, sẽ dàn xếp như thế nào đây? Ví như lại do bế quan cho nên mời mọc thí chủ đến [dự lễ] khóa cửa quan phòng, một cổng lại khóa nhiều lần, bọn cướp ắt cho là hòa thượng đang bế quan này có tiền, ắt sẽ nẩy sanh ý niệm bất lương. Các ổ khóa ở cánh cổng quan phòng chính là căn cứ để chuốc họa đấy!

Ông đã thiếu học vấn, chỉ nên chí thành khẩn thiết, sáng chiều tụng niệm. Ngoài ra, lập ra mấy thời niệm kinh (tùy theo khả năng của chính mình). Đối với việc niệm Phật, có thể chiếu theo thời mà niệm cũng được. Nếu không, suốt ngày thừa dịp thuận tiện [mà niệm], chẳng luận đi - đứng - ngồi - nằm (hễ nằm thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng). Nói chung, lấy niệm Phật làm chánh. Nhưng cần phải sanh lòng tin, phát nguyện, cầu sanh Tây Phương, vạn phần chớ nên cầu phước báo đời sau. Nếu cầu phước báo đời sau thì chính là phá giới trái pháp, vì pháp môn niệm Phật chính là pháp môn dạy người cầu sanh Tây Phương. Ông đã niệm Phật, chẳng cầu sanh Tây Phương, lại muốn cầu đời sau, tức là chẳng tuân lời Phật dạy. Đấy là pháp Phật dạy người như thế, phải nhất định tuân theo, ông chẳng chịu tuân theo, nên gọi là "phá giới, trái pháp". Nếu đời này còn có tu trì, đời sau chắc chắn có phước thế gian để hưởng. Hễ hưởng phước, chắc chắn phải tạo ác nghiệp (nay cõi đời loạn lạc đến như thế, quá nửa là do những kẻ đời trước tu si phước ươm thành). Đã tạo ác nghiệp thì khổ báo về sau chẳng nỡ nói ra. Quang nói như vậy, nghe theo hay không tùy ông. Sau này đừng gởi thư đến nữa vì Quang già rồi, chẳng thể thù tiếp được!

32. Trả lời thư cư sĩ Ninh Đức Hằng và Ninh Đức Phục

(năm Dân Quốc 20 - 1931. Hai người này đều là em trai ông Đức Tấn)

Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực. Phàm đạo đức, nhân nghĩa, hiếu, từ, liêm khiết, tiết nghĩa do thánh hiền truyền thuật đều bị vứt bỏ. Phàm những chuyện xưa kia chẳng nỡ thấy nghe, chẳng chịu nhắc đến, [bây giờ] đều cực lực đề xướng, mong sao nhất trí tiến hành. Những nơi chốn hay nhà trường để cho nam nữ tự do luyến ái, lõa thể ôm nhau khiêu vũ chẳng biết nổi con số! Trong trường đại học vẽ hình lõa thể để mong mỹ thuật tiến bộ. Mỹ thuật cố nhiên tiến bộ, nhưng hoàn toàn chẳng lo nhân đạo thụt lùi, súc sanh đạo tiến bộ ư? Các con đều đang độ tuổi thiếu niên, phải biết tốt - xấu, chớ trúng phải độc khí của những thứ tà thuyết diệt luân diệt lý ấy, thì sau này còn có thể tự lập trong vòng trời đất, không hổ thẹn. Nếu không, dẫu tài cao học rộng, đối với mình, đối với người nào có ích chi?

Các con phải biết nhân quả báo ứng trọn không sai xẩy. Tuy nhất thời chưa thể thấy được, nhưng sau mấy chục năm, chắc chắc không gì chẳng thấy! Huống chi chết đi, đời sau và những đời kế tiếp phàm phu có biết được hay chăng? Ngày nay thế đạo bại hoại là vì Nho gia phần nhiều chẳng tin nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi. Những nhà Lý Học ấy trộm lấy ý nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương Nho tông, ngược ngạo coi đạo phổ độ chúng sanh của đức Phật là mê hoặc ngu xuẩn bọn phàm tục ngu ngốc, chê bai, bài bác đến nỗi hễ là nhà Nho thì chẳng chịu dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để khuyên dạy, mọi người đều cho là [nhân quả, luân hồi] dường như có, dường như không. Vì vậy, thế đạo ngày càng tệ bạc! Những kẻ trọn đủ khí khái đội trời đạp đất chẳng bị xoay chuyển bởi thói phàm tục thì chẳng được mấy người. Một cơn gió Âu vừa thổi tới, hùa nhau theo gió biến đổi tận gốc càng dữ dội hơn. Bởi vậy, thế đạo ngày nay, tình người như nước, lễ pháp như đê; bỏ cái đê lễ pháp đi há ngăn được lòng ham muốn của con người hoành hành?

Lòng ham muốn của con người đã tung hoành thì sẽ ra sức trừ bỏ lễ pháp. Do vậy, [lòng ham muốn dữ dội của con người] cảm vời nước lũ dâng khắp nơi, đê đập trên sông ngòi nơi nơi bị vỡ, biết bao nhân dân bị chết chìm. Những kẻ chưa chết thì không áo, cơm, chỗ ở, than lạnh, rên đói, chẳng nỡ thấy nghe! Dẫu có bậc chuộng điều thiện ra sức quyên góp, nhưng vì người đông, khoản đóng góp ít, khó thể giúp trọn khắp được! Nhưng càng phải nên quyên góp nhiều hơn để tu bổ đê đập trên sông ngòi. Nếu không tu bổ thì từ nhỏ sẽ thành lớn, nước tràn dâng khắp cùng. Nếu tu bổ thì thật sự không có được tài lực ấy. Huống chi giặc cướp bạo tàn, Nam - Bắc thù nghịch, nước ngoài ngang ngược lấn hiếp. Người dân trong lúc này thật có thể nói là đáng thương xót quá, nhưng không biết kêu gào vào đâu!

Hai đứa tụi con tuổi còn trẻ, hãy nên tận lực vâng giữ nếp đạo đức cũ. Tám chữ *"hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ"* chính là quy củ, mực thước để làm người. Nếu ai chẳng tận sức nơi tám chữ ấy chính là đã mất đi tám chữ. Tám chữ đã mất thì là loài cầm thú đội mũ mặc áo! Người tuổi còn trẻ thì cái khó chế ngự nhất là tình dục. Thế đạo hiện thời chuyên lấy việc hướng dẫn khêu gợi dâm dục làm mục đích. Các con tuy có âm đức của tổ tiên, chẳng đến nỗi sa đà lắm, nhưng cần phải dè dặt tự giữ gìn mới hòng chẳng thẹn với cha ông. Nếu chẳng dốc sức tạo lập phẩm hạnh, bị dâm dục khống chế, sau này quyết định chẳng có thành tựu, hoặc đến nỗi đoản mạng mà chết. Nay ta gởi cho các con hai bộ Lịch Sử Thống Kỷ – đây là những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng trích từ hai mươi bốn bộ sử ra, hai cuốn Gia Ngôn Lục – đây chính là đạo trọng yếu để học Phật, là quy củ thường hằng để tu thân, hãy nên đọc kỹ!

Câu "nam-mô A Di Đà Phật" như đã nói chính là diệu pháp để tiêu nghiệp chướng, chuyển phàm thành thánh, nếu có thể thường niệm thì tâm địa tự nhiên mở mang, thông suốt, tri kiến tự trở về chánh lý, học hành, làm việc đều có lợi ích lớn. Huống nay đang lúc thế đạo hoạn nạn, niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành chuyện may, lợi ích chẳng thể nói trọn hết, các con hãy nên hành theo Gia Ngôn Lục. Đọc Thọ Khang Bảo Giám, Thanh Niên Bảo Thân v.v… thì chẳng đến nỗi buông lung theo tình dục hoặc thủ dâm. Thiếu niên hiện thời quá nửa mắc chứng thủ dâm. Đấy thật sự là một con dao thật sắc giết hại cái thân vậy, hãy nên đau đáu răn dè.

Anh các con là Đức Tấn mong mỏi các con sẽ do Phật pháp mà giữ vẹn hạnh nhà Nho, đã sớm xin Quang viết thư khuyên lơn các con. Quang sợ các con bị nhiễm theo trào lưu thời thượng, trái nghịch Phật pháp, uổng phí tâm ta, vô ích cho các con, nên không viết thư ngay. Nay các con đã biết tấm lòng sâu đậm của anh mình, gởi thư xin dạy dỗ, nên ta chỉ nói những điều khẩn yếu. Những điều khác hãy tự mình chịu tận lực thực hiện, lâu ngày sẽ chẳng khó gì mà dần dần biết được! Phải biết con người và trời đất cùng xưng là Tam Tài. Trời đất cao dầy ai có thể biết được; con người với tấm thân sáu thước sao lại có thể cùng trời cao đất dầy khôn lường cùng xưng [là Tam Tài] cho được? Ấy là vì con người có thể kế tục bậc thánh đời xưa, mở lối cho hàng hậu học đời sau, dự phần vào cuộc sanh thành, dưỡng dục của trời đất vậy. Con người không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành thì đã mất cái danh nghĩa con người, huống hồ kẻ chuyên ôm lòng mưu mẹo, dối trá, ỷ mạnh nuốt yếu ư? Người như thế còn thua kém sài lang, hổ, báo, rắn độc, rết dữ nữa, còn có thể gọi là người được ư?

Thường nghĩ đến lời ta đừng quên thì sẽ dần dần tự có thể dự vào bậc thánh, hưởng được phước nhân từ, sống thọ. Cuốn sách Chánh Tín Lục

chuyên vì những Nho sĩ câu nệ mà viết ra, nay cũng gởi đến, mong hãy đọc kỹ. Chịu tin sâu, tận lực làm thì sẽ chẳng thẹn với trời đất quỷ thần, làm người hoàn toàn trong thế gian. Công danh phú quý vốn chẳng mong mà trời thường vì người lành, chắc cũng chẳng đến nỗi trắc trở, khốn khó. Các con hãy khéo suy nghĩ thì chẳng uổng cuộc đời này, uổng dịp gặp gỡ này!

33. Thư trả lời cư sĩ Phan Trọng Thanh

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Năm ngoái Huệ Viên đến đây nói ông tu trì không lười nhác, tôi mừng vui, an ủi vô cùng. Nay nhận được thư, biết Hồ Nam có lắm người vốn sẵn túc căn; tiếc là thiếu người đề xướng, nên quá nửa chẳng vào được cửa của đức Phật ta. Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, đáng than thở khôn cùng! Ngô Thiệu Di trước kia không tin Phật pháp, do đọc những sách như Nhân Sanh Chỉ Tân[52] v.v… bèn trái trần hiệp giác, sanh lòng tin phát nguyện, tận lực tu Tịnh nghiệp. Nếu chẳng phải đã trồng thiện căn từ trước, sao đạt được như vậy? Ông ta đã muốn quy y, tôi sẽ đặt pháp danh cho ông ta, bảo ông đối trước Phật, tự thệ quy y là được rồi, cần gì phải từ đất Tương sang đất Ngô[53], bôn ba mấy ngàn dặm để mong gặp mặt Quang một phen? Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ông ta đã từng đọc rồi, dẫu gặp mặt, há có diệu pháp bí mật “miệng truyền, tâm trao” nào ngoài Văn Sao nữa ư? Nếu thật sự có pháp “miệng truyền, tâm trao” thì chính là ma vương, ngoại đạo. Tránh xa kẻ ấy còn không xuể, há nên tự khinh tự nhục để gặp gỡ ma vương ngoại đạo đó ư? Huống hồ thời cuộc hiện nay, nguy ngập vô cùng, há nên đi xa?

Chỉ mong ông ta có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, đề xướng nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi, ngõ hầu những kẻ phóng túng không kiêng nể sẽ biết báo ứng thiện ác như bóng theo hình: Hoặc đời này làm thiện hay làm ác sẽ hưởng phước mắc họa ngay trong đời này, hoặc đời này làm thiện tạo ác, đời sau mới chịu thiện báo hay ác báo. Hoặc ba đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn vạn ức đời mới chịu quả báo ấy! Lý Học vay mượn những nghĩa uyên áo của Phật pháp để hoằng dương đạo Nho, sợ người đời sau đều theo vào cửa Phật, liền bài bác xằng bậy, bảo nhân quả ba

---

[52] Nhân Sanh Chỉ Tân là một tác phẩm do ông Nhiếp Vân Đài biên soạn, bao gồm những hướng dẫn về thái độ, quan niệm sống cũng như những nguyên tắc đại cương để sống trọn vẹn luân thường, trọn hết bổn phận.

[53] Tương là tên riêng của tỉnh Hồ Nam, do sông Tương nằm trong cương vực tỉnh này nên Hồ Nam còn gọi là đất Tương. Ngô là vùng Giang Tô, do đất này thuộc lãnh thổ nước Đông Ngô thời Tam Quốc nên còn gọi là Ngô.

đời và lục đạo luân hồi do đức Phật đã nói đều là lời lẽ dối trá lừa gạt thế tục ngu độn, nào thật sự có cái gọi là luân hồi ư? Do hình chất đã hư diệt, thần hồn cũng phiêu tán, còn ai để chịu khổ, còn ai để luân hồi nữa ư? Từ đấy, quân tử lười tự tu, tiểu nhân dám tạo nghiệp! Do Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết sạch, cần gì phải suốt ngày miệt mài gắng sức tu trì để cầu cái tiếng xuông sau khi chết đi? Do vậy, nhà Nho phần nhiều đều coi nhân quả luân hồi là chuyện hoang đường, quái đản. Dẫu có người biết là thật sự có, cũng chẳng dám đề xướng, sợ người khác chê là tục nho, trái nghịch bậc tiên triết!

Lại hoặc là có người có chút thành đạt đáng dự vào Văn Miếu, nếu đề xướng chuyện ấy thì chuyện được dự vào Văn Miếu sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy, mọi người nếu chẳng cực lực bài bác thì cũng trọn chẳng nhắc đến. Cho đến gần đây, gió Âu dần dần thổi sang Đông, ngả rạp theo gió, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, chỉ sợ con người khác với cầm thú, chỉ sợ con người lỡ có kẻ hiểu biết luân thường, đạo lý! Xét đến cội nguồn hiện tượng ấy quả thật bắt nguồn từ học thuyết "bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi" của bọn Lý Học. Họ mong mỏi dùng chuyện "tận hết tình nghĩa, tận hết bổn phận, chánh tâm thành ý" để làm căn cứ hòng giáo hóa dân chúng, tạo thành phong tục, nhưng đã hoàn toàn phế bỏ rồi lại còn hủy báng, chê trách [nhân quả, luân hồi] là phương tiện khiến cho hết thảy mọi người chẳng thể không trọn hết tình nghĩa, bổn phận, chánh tâm thành ý! Ví như sông cái Trường Giang, do có đê đập nên chẳng ngập lụt. Tánh tình con người như nước, sự lý nhân quả ba đời luân hồi lục đạo cũng giống như đê. Sông cái Trường Giang mà bỏ đê đập đi, chắc chắn sẽ ngập lụt. Tánh tình con người nếu không có nhân quả luân hồi mà vẫn còn dùng lễ để tự ràng buộc thì trong ngàn vạn người, khó được một hai kẻ! Trừ bậc thượng trí ấy ra, ai chẳng nghĩ buông lung tình ý là vui? Do vậy, hiện tại muốn cho thiên hạ, quốc gia tốt đẹp mà không đề xướng nhân quả luân hồi sẽ chẳng được! Điều này không phải là chuyện sức chúng ta không thể làm được, trong gia đình nên cực lực đề xướng, ngõ hầu dần dần được lưu truyền rộng rãi, cũng như ngừa cho con cái khỏi bị những tư tưởng cuồng vọng dụ dỗ, mê hoặc, mong hưởng thụ hết thảy phước tự do.

Nghĩa lý *"thật sự vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, dùng đấy để tự hành lại còn dạy người"* đã ghi chép tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết chi tiết. Nay đặt pháp danh cho Ngô Thiệu Di là Huệ Di, ngụ ý: Dùng Phật pháp để tự hành, dạy người. Đặt pháp danh cho Bành Đức Tôn là Huệ Tôn, ngụ ý: Dùng pháp môn Tịnh Độ để khiến cho dù mình hay người đều cùng siêu phàm nhập thánh. Đặt pháp danh cho La Viễn Chú là Huệ Chú, ngụ ý: Dùng mưa pháp cam lộ "một đời thành Phật" để thấm nhuần khắp hết thảy thiện căn của mình lẫn người. Sợ rằng những sách [Lịch Sử Cảm Ứng] Thống Kỷ loại mới, Chánh Tín Lục

mới được in gần đây ba vị ấy chưa được xem, nên nay tôi gởi bốn bộ Thống Kỷ, ông tự giữ một bộ, những bộ khác gởi cho ba người ấy. Chánh Tín Lục hơn mười cuốn, hãy ước lượng mà gởi. Sách này phá được những kiến giải lệch lạc, câu nệ của họ mạnh nhất. Ở chỗ ông nếu có sao chép [thư này] thì nên bảo [người chép] sao [toàn văn] cho Thiệu Di, hai người kia chỉ sao chép những điều thông thường, chỉ sao lục lại [ý nghĩa] của pháp danh và gởi sách mà thôi. Sự nguy hiểm hiện thời giống như trứng chồng, bất luận là ai đều nên chí tâm niệm "nam-mô A Di Đà Phật" và "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" để làm kế dự phòng. Nếu có thể khẩn thiết chí thành ắt sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn vậy!

34. Thư gởi cư sĩ Tạ Dục Hoài
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm qua nhận được thư ông Phan Trọng Thanh nói ông và mẹ cùng em gái đều muốn quy y. Đã phát tâm quy y thì hãy nên sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại do mẹ ông tuổi cao, nên tích cực khuyên cụ buông xuống hết thảy, nhất tâm niệm Phật. Như tới lúc lâm chung, chớ nên làm theo cách làm của thế tục. Nên đọc kỹ Sức Chung Tân Lương hòng khỏi đến nỗi làm hỏng đại sự vãng sanh của cụ. Ông và cô em gái cũng nên lấy chuyện vãng sanh Tây Phương làm trọng, đừng chỉ cầu phước lạc hiện đời và phước báo đời sau! Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Huệ Kính, đã Kính lại thêm Huệ thì có thể mau đoạn được phàm tình. Phàm tình chẳng dấy thì chánh niệm rỡ ràng, chắc chắn có thể vãng sanh Tây Phương! Đặt pháp danh cho ông là Huệ Tịnh, nghĩa là dùng Huệ để tưới tắm thì ý niệm trần tục tiêu diệt, chánh niệm thanh tịnh. Đặt pháp danh cho em gái ông là Huệ Hinh, ngụ ý: Tâm giữ chánh niệm, thơm sạch, vi diệu như hoa sen. Nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục thì phương pháp tu trì và giáo huấn con cái cùng đạo lý "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận" sẽ tự hiểu rõ.

Sách Sức Chung Tân Lương nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung. Lời tựa cho Đạt Sanh Thiên[54] nêu rõ chuyện niệm Quán Thế Âm khi sanh nở. Do hai chuyện sanh và tử là chuyện lớn nhất trong đời người, nhưng nỗi khổ sanh nở quả thật là nỗi khổ lớn nhất của nữ nhân. Trước kia, Quang chẳng nói đến chuyện này, sau này do biết chuyện khó sanh rất đáng thương, nên đề xướng rộng rãi (Lúc sanh nở phải niệm ra tiếng. Nếu niệm thầm

[54] Đạt Sanh Thiên là một thiên sách nói về cách đoạn dục để dưỡng thai do cư sĩ Cức Trai biên soạn, xin xem chi tiết trong "Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu" được đánh số 37 trong phần Tự của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ.

trong tâm, chẳng những sức yếu khó thể cảm thông mà còn sợ rằng có thể vì gắng sức mà đến nỗi bị tổn thương). Phàm những ai tuân theo mà niệm thì không một ai chẳng được an nhiên sanh nở. Nguyện các vị dạy hàng nữ nhân thường ngày niệm Phật sẽ tự không bị nỗi khổ ấy. Dẫu là người chẳng niệm, nhưng lúc đang sanh nở chịu niệm thì cũng liền thấy hiệu nghiệm lạ lùng. Lúc ấy chỉ nên chí thành, chớ đừng vì lõa lồ bất tịnh mà ngại ngần, cũng chớ nên nghi bị tội mà chẳng dám niệm thì cả mẹ lẫn con đều hưởng lợi ích không gì lớn hơn!

35. Thư gởi cư sĩ Quách Vũ Tam

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

[Ngôi vị] Thành Hoàng[55] chính là do người thông minh chánh trực trong cõi đời đảm nhiệm. Luận theo Phật pháp thì họ vẫn thuộc trong số những kẻ bị đọa lạc, nhưng nhìn theo thế tục, họ đã rất phi thường rồi. Ông buồn vì [nghĩ Thành Hoàng] chẳng được kể tên vào tế điển[56] là điều bất hạnh ư? Hết thảy thánh hiền đạo đức đều bị gã cuồng kia phế bỏ, lẽ nào thánh hiền đều trở thành kẻ khốn cùng không nơi nương tựa hay sao? Cha ông bẩm tánh rất thật thà, e rằng vẫn chưa hiểu sâu xa nguyên do của pháp Niệm Phật. Nếu biết sâu xa, ắt sẽ chẳng đến nỗi có chuyện trở thành Thành Hoàng! Nếu cụ là Thành Hoàng thì há lẽ nào vì bị kẻ cuồng trong đời phế bỏ mà do đó không có chức vị, trách nhiệm của Thành Hoàng nữa hay sao? Thành Hoàng có lớn, có nhỏ, giống như các quan địa phương ở tỉnh, phủ, huyện. Do họ hưởng huyết thực[57], nắm quyền thưởng phạt, nên người biết Phật pháp quyết chẳng chịu làm. Nếu huệ lực sâu thì còn có thể tiến tu, nếu huệ lực cạn thì chẳng

---

[55] Theo nghĩa gốc, Thành Hoàng là một vị thần có nhiệm vụ bảo vệ một thành trì. Về sau, được hiểu là một vị thần chưởng quản cõi Âm lẫn cõi Dương của một vùng. Dưới vị thần này có nhiều viên công sai chuyên ghi chép những chuyện thiện - ác, họa - phước của người dân địa phương để trình tấu thiên đình. Thành Hoàng có nguồn gốc từ thần Thủy Dung thời cổ. Thoạt đầu Thành Hoàng chỉ được thờ trên một nền đất đắp, sau phát triển thành miếu thờ tráng lệ, trang nghiêm. Phong tục thờ Thành Hoàng thạnh hành nhất ở Hoa Lục, Đài Loan và Tân Gia Ba.

[56] Tế điển: Sách ghi tên các vị thần được triều đình công nhận và quy định cúng tế hằng năm.

[57] Huyết thực: Theo lệ xưa, các vị thần thường được cúng bằng heo bò làm thịt để nguyên con chưa nấu nướng dâng lên tế. Hiểu theo nghĩa rộng, do thần thánh thường được cúng tế bằng động vật nên gọi là "hưởng của huyết thực".

phải là điều tốt lành cho lắm vì phàm phu trọn đủ Hoặc nghiệp, do tâm sân khuể nặng nề nên chẳng thể gọi là chuyện tốt đẹp được!

Nếu ông có thể chí tâm niệm Phật hồi hướng cho cha khiến cho cụ chưa nhận chức Thành Hoàng liền sanh về Tây Phương, còn nếu đã nhận chức Thành Hoàng thì khi mãn chức sẽ vãng sanh, đấy mới là thờ cha mẹ đến mức rốt ráo. Phải biết vãng sanh Tây Phương còn vượt trỗi chư thiên cõi trời Phi Phi Tưởng[58] bao nhiêu lần chẳng thể tính được, huống gì là Thành Hoàng? Hễ vãng sanh bèn siêu phàm nhập thánh, còn Thành Hoàng chỉ là một chức vụ nắm quyền thưởng phạt trong quỷ thần đạo mà thôi, vẫn ở trong Dục Giới! Chức vụ đã mãn thì hoặc là được thăng chức, hoặc sanh lên trời, hoặc sanh vào nhân gian, đều tùy theo nghiệp lực mà thọ các thứ quả báo cao hay thấp vậy!

36. Thư trả lời cư sĩ Trần Phụng Ngô

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Đời người khổ nhất là từ thuở bé không gặp được thầy lành bạn tốt, đến nỗi mặc tình buông lung, gây các ác nghiệp, như câu nói: *"Duy thánh võng niệm tác cuồng dã"*, có nghĩa là: Tâm tánh về bản thể có thể làm bậc thánh, nhưng do không tu tỉnh, nên trở thành cuồng ngu! Nay ông đã biết năm mươi sáu năm qua, ba nghiệp thân - miệng - ý đều chẳng thanh tịnh, nhưng ý nghiệp nặng nề hơn cả. Ấy là vì ý nghiệp làm chủ, do ý nghiệp dấy lên cái niệm thiện hay ác nên thân - miệng bèn nói những lời thiện - ác và làm những chuyện thiện - ác. Nay đã biết hổ biết thẹn, muốn quy y Phật pháp để làm căn cứ cho tiền đồ tu trì thì cố nhiên phải nên tích cực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh lòng tin, phát nguyện niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ bèn có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Có câu: *"Duy cuồng khắc niệm tác thánh dã"* (Cuồng mà chế ngự được ý niệm bèn thành thánh). Thành cuồng hay thành thánh chỉ do đánh mất ý

---

[58] Phi Phi Tưởng Thiên, gọi đầy đủ là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên (Naiva-samjñānāsamjñāyatan), đôi khi còn dịch là Vô Tư Tưởng Diệc Vô Tư Tưởng Thiên, Hữu Tưởng Vô Tưởng Trí Thiên, hay Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ Thiên, là tầng trời cao nhất trong Vô Sắc Giới. Tên tầng trời này được gọi theo môn Thiền Định của chư thiên trong tầng trời ấy. Định tâm của họ cực kỳ vi diệu, không còn có thô tưởng nữa nên gọi là Phi Tưởng, nhưng vẫn còn những Tưởng vi tế, nên gọi là Phi Phi Tưởng. Do tầng trời này cao nhất trong Tam Giới nên đôi khi còn gọi là Đảnh Thiên.

niệm hay chế ngự được ý niệm mà thôi. Từ nay trở đi, hãy nên đau đáu tự gìn giữ, phàm ý niệm bất hảo vừa dấy lên liền sanh lòng hổ thẹn lớn lao, hệt như lõa lồ trước bao người đông đúc, hổ thẹn muốn chết! Lâu ngày như thế thì ý niệm xấu sẽ tự nhiên chẳng dấy. Ý nghiệp được tịnh thì thân - miệng cũng tịnh theo. Ba nghiệp thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, công đức ấy càng rộng lớn chẳng thể diễn tả được! Nhưng ba nghiệp chưa tịnh thì càng phải hết sức chí thành niệm Phật để cầu được thanh tịnh. Chớ nên hiểu lầm, cho rằng ba nghiệp chẳng tịnh thì niệm Phật không có công đức chi cả! Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tịnh, ngụ ý: Dùng niệm Phật để đối trị ba nghiệp thân - miệng - ý cho được thanh tịnh, để mong nghiệp chướng hiện đời tiêu diệt, phước huệ tăng trưởng, lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương hòng khôi phục Chân Như Phật Tánh sẵn có! Đã hành như thế rồi lại càng phải dùng điều này khuyên dạy hết thảy, trong là quyến thuộc, ngoài là bạn bè. Công đức khuyên người khác sẽ thành tựu đạo nghiệp cho chính mình. Ông hãy nên gắng lên nhé!

37. Thư gởi cư sĩ Trần Ngạn Thanh
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Gần đây chắc là thân thể ông đã lành mạnh lắm rồi. Tuổi ông đã già suy, con cháu thật đông, hãy nên đem chuyện nhà, chuyện tiệm giao cho lũ con trông nom, còn chính mình làm một người nhàn tản chẳng bận tâm một việc gì, ngày đêm trong tâm thanh tịnh niệm *"nam-mô A Di Đà Phật"* và *"nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát",* chắc chắn sẽ được thân tâm an lạc trong hiện tại, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Chuyện nữ sắc còn gây trở ngại cho tuổi thanh niên, huống chi tuổi đã già suy? Ông đã quy y Phật pháp, muốn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hãy nên đoạn ái dục! Bất luận vợ già hay hầu non đều coi như bạn đạo, trọn chẳng nghĩ như vợ chồng, dạy họ hằng ngày bầu bạn niệm Phật cùng ông thì ông chính là vị thầy hướng dẫn của bọn họ, mà họ cũng là bạn hữu ích cho ông. Đôi bên giúp đỡ nhau, lợi ích rất lớn. Tương lai cùng sanh về Tây Phương, cùng thân cận A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. Lại còn cùng chứng Chân Như Diệu Tánh, cùng phổ độ các chúng sanh trong thế giới, may mắn nào bằng!

Lại nữa, nếu như khí lực suy yếu, hãy nên bảo vợ cả, vợ lẽ, và con, dâu, cháu, hễ rảnh rỗi bèn chia ban bầu bạn niệm Phật với ông. Mỗi người niệm một giờ, cũng chẳng nhọc nhằn đâu! Ông niệm theo được thì niệm theo. Nếu không, nghe tiếng họ niệm. Chẳng những ông được hưởng điều lợi ích ấy mà khắp cả bọn họ cũng được tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ. Huống chi hiện tại đang nhằm tình thế hoạn nạn, nếu dùng pháp này khiến

cho bọn họ ai nấy đều hành hiếu thuận để gieo căn lành lớn, thì đó mới là đạo lý yêu thương con cháu và quyến thuộc chân thật. Đấy là thân ông tuy bệnh nhưng thật ra lại hướng dẫn cho cả nhà không bệnh, yên vui! Những lời này chính là lời chí lý, chí tình. Nếu chẳng tin tưởng, xin hãy sốt sắng làm thử xem, sẽ tự biết là lời chân thật vậy!

38. Thư trả lời cư sĩ Vương Thận Trai
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Chồng bà Triệu Lãnh Cô bỏ vợ mê gái làng chơi, luận theo tình cảm thế gian thì số mạng Lãnh Cô mỏng manh, bất hạnh; còn luận theo Phật pháp thì thật là may mắn lớn! Nếu chồng chẳng ruồng rẫy thì tình ái vợ chồng, con cái ràng buộc, suốt ngày bận bịu, càng khó niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay do chồng bỏ mà được chuyên tâm niệm Phật, để đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Lợi ích ấy hoàn toàn do bị chồng bỏ, hãy răn nhắc bà ta đừng sanh lòng oán hận, mà hãy nên sanh lòng cảm kích. Lại nên đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho chồng, khiến cho ông ta mau thoát khỏi nẻo mê, mau tìm lối giác. Có lòng dạ như vậy thì hai lòng yêu - ghét đều chẳng thể sanh, niệm Phật càng được hiệu quả lớn lao.

Nay đặt pháp danh cho bà ta là Huệ Băng, ngụ ý nên giữ tấm lòng như băng thanh khiết, trọn không bị trần lụy. Hãy nên đem những pháp luyện đan vận khí trước kia hoàn toàn vứt bỏ đi hết, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này. Đối với pháp Niệm Phật, nếu bà ta đọc được sách thì nên bảo xem Gia Ngôn Lục và những sách dễ hiểu, gần gũi. Nếu không, hãy giảng đại lược cho bà ta. Hiện tại, vận nước nguy ngập, thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống. Hãy nên khiến cho hết thảy mọi người cùng niệm Phật hiệu và niệm danh hiệu Quán Thế Âm để làm kế dự phòng.

39. Thư trả lời cư sĩ Hùng Huệ Dực
(năm Dân Quốc 20 -1931)

Sách Lễ Ký chép: *"Nghĩ nhân tất ư kỳ luân"* (Nếu là con người ắt phải trọn luân thường), huống gì là bậc thánh nhân Trung Quốc tái lai ư? Kiểu ăn nói ấy sau này chớ nên sử dụng nữa! Hễ dùng đến thì đôi bên đều bị lỗi, ông phải cẩn thận! Cha mẹ ông tuổi đã cao, đúng là lúc nên mềm mỏng khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Đã biết đến pháp môn này, nỡ nào để cha mẹ ta chẳng được hưởng lợi ích hay sao? Hãy nên làm cho anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, họ hàng, bạn bè và hết thảy những

người quen biết cùng tu Tịnh nghiệp. Đem công đức ấy hồi hướng cho cha mẹ ông, chắc chắn họ có thể cao đăng chín phẩm. Ông muốn quy y, nhưng ở chỗ ký tên, tuyệt chẳng thấy một chữ nào nhún mình! Chiếu theo lý, quyết chẳng thể chấp nhận, bởi chấp thuận sẽ tạo thành cái tội mạn pháp (khinh thường pháp) cho cả đôi bên. Phải biết: Quy y giống như bái sư trong thế gian. Thế gian bái sư há chỉ nói *"cẩn khải"* (kính xin) là xong ư?

Xưa kia, Thanh Thế Tổ gởi thư cho môn nhân của Ngọc Lâm Quốc Sư là Lữu Khê [Hành] Sâm[59] còn ghi: *"Pháp đệ Hành Si* (tức pháp danh của Thế Tổ) *hòa-nam".* Ông ta là hoàng đế gởi thư cho đồng môn mà còn như thế đấy! Ông muốn quy y mà chỉ nói *"cẩn khải"* với vị thầy mà ông tính quy y thì thất lễ đến cùng cực! Đi đường hỏi lối còn phải chắp tay, hoặc vái chào, huống chi muốn nhờ vào [chuyện quy y] này để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, mà chỉ *"cẩn khải"* rồi thôi, há có được ư? Người thật sự tin tưởng Phật pháp thấy hết thảy các vị Tăng còn kính lễ, huống gì đối với vị thầy quy y ban đầu ư? Nếu đích thân [đến] quy y, phải dập đầu mấy chục

---

[59] Hành Sâm (1614-1677) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người huyện Bác La (Quảng Đông), hiệu là Lữu Khê, biệt hiệu là Từ Ông. Mẹ ngài sắp đến ngày sanh, nằm mộng thấy ánh sáng trắng chiếu vào bụng, tỉnh dậy bèn sanh ra ngài. Sư dáng mạo hùng vĩ, tuấn tú. Năm bảy tuổi, bị bệnh, đang nằm dựa vào gối, chợt nghe tiếng trống liền nhận biết túc căn bèn quyết chí xuất gia với ngài Tông Bảo, rồi tham học với ngài Tuyết Kiều Viên Tín của tông Vân Môn. Sau ngài yết kiến Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư Ngọc Lâm Thông Tú, được thấu hiểu tâm yếu. Ngài Ngọc Lâm thường sai Sư thay mặt mình thuyết pháp, tiếp dẫn hải chúng. Quốc sư còn phó chúc truyền thừa pháp hệ. Năm Thuận Trị mười bảy (1660), ngài Ngọc Lâm vâng thánh chỉ vào kinh, Sư theo hầu, rất được vua Thuận Trị coi trọng, thậm chí xưng tụng Sư là Đại Thông Phật. Vua nhiều lần toan hạ chiếu phong tước hiệu, nhưng Sư đều tìm cách khéo léo từ chối. Sau khi từ núi Ngũ Đài trở về, xin vua cho phép được ẩn cư tại Long Khê Am ở Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Vua bèn hạ chiếu biến Long Khê thành Viên Chiếu Tự, ân sủng rất hậu. Năm Khang Hy 16 (1677), Sư thị tịch tại chùa Hoa Nghiêm thuộc Ngô Sơn, thọ 64 tuổi. Năm Ung Chánh 11 (1733), hoàng đế lại sắc phong cho Sư thụy hiệu Minh Đạo Chánh Giác Thiền Sư. Những câu nói của sư được thâu thập vào Ngự Tuyển Ngữ Lục quyển thứ 11. Quyển này về sau được lưu hành riêng trong cõi đời với tên gọi Lữu Khê Sâm Thiền Sư Ngữ Lục.

lượt, quỳ hơn một tiếng đồng hồ. Dẫu nói dễ dãi, không thăng tòa[60] thì cũng phải dập đầu mười mấy lượt.

Nhưng xem thư ông lời lẽ khá kiền thành, nên bỏ qua, nhưng vẫn phải nói rõ cho ông, chứ không phải mong được ông cung kính, mà là muốn cho ông biết Phật pháp tôn quý, ngõ hầu ông tự được lợi ích thật sự. [Tượng] đức Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, nếu cung kính như đức Phật thật thì liền có thể siêu phàm nhập thánh. Nếu coi là đất - gỗ y như cũ thì tội ấy chẳng kham nói được! Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, nên hướng đến sự cung kính mà cầu. Ông có thể hành theo đây thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật biết được. Nay đặt cho ông pháp danh là Huệ Dực, nghĩa là vốn sẵn Phật Tánh, nhưng không có Huệ sẽ không sao biết được[61]. Nếu thường dùng trí huệ để giúp sức thì sẽ dần dần đoạn được phiền não, dần dần hiển hiện được Phật Tánh. Nhưng muốn đoạn, muốn hiển, chỉ có một pháp Niệm Phật là thẳng chóng nhất. Nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao v.v… thì sẽ tự biết được cách tu trì.

Phải biết: Muốn học Phật thì trước hết phải bắt đầu từ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Nếu việc làm, tâm tư trái nghịch với Phật, dẫu suốt ngày niệm Phật, lợi ích rất nhỏ! Như gieo hạt lúa tốt nơi đất cát mặn, khó trúng mùa lớn. Nhưng thường niệm Phật sẽ trọn chẳng có nuối tiếc gì. Cõi đời hiện thời nguy hiểm tột bực, nếu chí tâm thường niệm Phật hiệu và niệm kèm thánh hiệu Quán Âm, thảy đều gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành may. Chịu lắng lòng đọc Văn Sao v.v… thì cũng có thể hiểu đạo tu trì một cách đầy đủ vậy!

40. Thư trả lời cư sĩ Châu Nam Phố
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Chú Đại Bi nếu khẩn thiết, chí thành niệm sẽ có cảm ứng chẳng thể lường được! Nếu hướng đến người học Mật Tông để cầu cách đọc thì cũng chẳng phải là không được, nhưng người học Mật Tông phần nhiều chẳng chú trọng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chỉ sợ bị họ đoạt mất chí hướng vãng sanh trong đời này, để mong "được thành Phật ngay nơi thân này". Thành Phật ngay nơi thân này, nói dễ dàng sao! Nếu cho là điều ấy [bản thân ông] chắc chắn thật sự làm được, sợ rằng còn chưa thành Phật mà đã thành

---

[60] "Thăng tòa" ở đây có nghĩa là vị pháp sư truyền giới lên tòa, trước hết dạy người muốn quy y sám hối, phát nguyện quy y Tam Bảo, đảnh lễ cầu giới, phát nguyện thọ giới.

[61] Dực có nghĩa là giúp đỡ.

ma trước rồi. Những kẻ đem phàm lạm thánh, bộp chộp, lầm lạc, khoe khoang rỗng tuếch, phần nhiều phạm phải căn bệnh này, chẳng thể không biết! Bế quan tu hành tuy tốt, nhưng tại gia cố nhiên nên tùy duyên tùy phận, tự hành dạy người là hợp với căn cơ nhất, cần gì coi trọng bế quan? Nếu vướng bận gia đình mà cứ cưỡng muốn bế quan, sẽ đâm ra trở thành chướng ngại.

Nếu nói "ban sẵn thứ quý báu, bí mật" [tức là] chẳng biết pháp môn Tịnh Độ trọn chẳng có gì là bí mật! Nếu có bí mật "truyền miệng, trao [ngầm] bằng tâm" ("cạn lòng thành, tận lòng kính" chính là bí pháp vô thượng để học Phật, hãy nên nói với mọi người! Chẳng nỗ lực nơi pháp này chính là bỏ gốc theo ngọn vậy) liền thành tà ma, ngoại đạo, chẳng phải là con Phật. Mật Tông thì có bí truyền, nhưng chẳng thẳng, chóng, ổn thỏa, thích đáng bằng Tịnh Độ! Ông chớ lấy những lời lẽ lớn lối "thành Phật ngay nơi thân này" làm điều tự mong, mà phải cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Nếu muốn thành Phật ngay nơi thân này, sợ rằng Phật chẳng thể thành, mà cũng chẳng được vãng sanh, đôi đằng đều thành không, đáng lo lắm!

Trâu Hoa Lệ, Hoa Tùng đã dốc sức tu Tịnh nghiệp, đấy là trước đã có thiện căn Tịnh Độ. Nay đặt pháp danh cho hai người ấy: Hoa Lệ pháp danh là Huệ Vinh, Hoa Tùng pháp danh là Huệ Trinh. Trí huệ sáng rạng thì có thể tự lợi, lợi tha, trí huệ kiên trinh thì chắc là chẳng đến nỗi bị những tư tưởng khác lạ dời động. Người thông minh trong thế gian phần nhiều chẳng tự lượng, coi pháp môn Tịnh Độ là lười nhác, muốn nương theo các pháp môn thâm diệu cậy vào tự lực hòng được lợi ích lớn lao, rốt cuộc chỉ biết giáo nghĩa, chưa thể tâm đắc! Dẫu có tâm đắc, cũng chẳng thể thực hiện trọn khắp. Bỏ dễ cầu khó, biến khéo thành vụng, người thông minh mười kẻ hết chín phạm phải tâm bệnh này! Chẳng bị xoay chuyển bởi những thứ tri kiến ấy, lại còn giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, chính là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể liễu sanh thoát tử trong đời này. Xin đem lời này đưa cho họ xem.

41. Thư trả lời cư sĩ Lý Tự Sơ

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ông đã thọ giới, đã có Văn Sao, Gia Ngôn Lục, hãy nương theo đó tu trì mới hòng khỏi phụ bạc cuộc đời này, cần gì phải hỏi đạo nơi minh sư chi nữa? Phải biết: Phật pháp ví như biển cả, ai có thể một bước đạp đến tận đáy, một miệng hút sạch được? Chỉ nương theo Tín - Nguyện - Hạnh trong pháp môn Niệm Phật thì chắc chắn sẽ có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì đã được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập

thánh. Pháp này chính là vô thượng đại pháp để đức Như Lai phổ độ hết thảy dù phàm hay thánh. Nếu chẳng chuyên tu pháp này mà muốn liễu sanh tử bằng các pháp môn như Thiền, hay Giáo, hay Mật, hay Luật, đừng nói là đời này chẳng được liễu thoát, thật sợ rằng ngàn đời vạn kiếp vẫn khó liễu thoát! Do các pháp môn ấy đều phải đoạn hết sạch phiền não thì mới có phần được liễu sanh tử.

Ông nói "gởi thư qua lại hòng được chỉ dạy rõ ràng con đường chánh cho hết thảy chuyện tu hành" thì Văn Sao, Gia Ngôn Lục há chẳng phải đã chỉ ra con đường rồi ư? Chỉ cần nương theo đó mà tu là được rồi, cần gì phải dùng thư từ để chỉ đi dạy lại nữa? Các sách như Văn Sao v.v… ông còn chẳng y theo, làm sao có thể dùng thư từ để hỏi lại, nói lại được? Hóa ra ông chỉ chịu nương theo lời nói ít ỏi nhất! Nếu ông y theo Văn Sao tu hành, đảm bảo vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này! Nếu ngoài pháp này ra mà muốn đạt được lợi ích liễu sanh thoát tử thật sự, dù có mơ cũng mơ chẳng được! Ông chịu tuân theo lời tôi tức là chẳng khác gì quy y, cũng không cần phải đặt pháp danh mới là quy y vậy. Phàm nêu tên người trên, do chẳng dám gọi thẳng [tên họ người ta ra] nên mới nói là "thượng X… hạ Y…". Ông tự xưng pháp danh mà cũng nói là "thượng Thường hạ Lạc" thì thành ra ăn nói nhảm nhí, tự cao tự đại, không thể không biết [điều này]! Quang đã già rồi, chẳng thể thường trả lời thư ông, chớ thường gởi thư đến nữa! Nếu muốn đọc kinh sách, nên thỉnh nơi Hoằng Hóa Xã.

42. Thư gởi cư sĩ La Thế Phương
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Giữa tháng Tám, đại sư Liễu Nguyện từ Phước Châu đến, nói cư sĩ là con em nhà giàu có, tuổi chớm đôi mươi, chẳng bận lòng về thanh sắc, của cải, khá thích Phật pháp, tiếc chưa gặp được bậc tri thức chân thật, xin tôi gởi thư cũng như gởi cho ông tất cả những sách quan trọng đã được lưu thông, ngõ hầu ông hiểu được đường nẻo, Quang bằng lòng. Rồi nghĩ người ta chưa từng viết thư cho mình, mình gởi thư ngay cho người ta, chắc họ sẽ nghĩ mình tính dựa dẫm nên chưa gởi. Gần đây, thầy ấy từ Thượng Hải đến nói ông cho thầy ấy biết: Quang chưa gởi thư cho ông, lại còn xin Quang gởi thư. Do vậy, chẳng thể không viết thư cho ông. Người quy y ở Phước Châu có ba bốn chục vị, Quang tuyệt đối chẳng vô cớ gởi thư cho họ, cũng chẳng quyên mộ họ làm công đức. Chỉ có La Khanh Đoan nhiều lần thỉnh sách, là có gởi thư qua lại. Ngoài ra, đều chỉ là [do họ] xin quy y, Quang bèn gởi thư trả lời dặn dò mà thôi.

Con người đức hạnh sung mãn, lập được sự nghiệp, đầu mối là do lúc thiếu niên có lập được chí hay không? Ông sanh trưởng trong nhà giàu có,

nên hết lòng bỏ sạch tập khí phú quý thì mới có phần học đạo liễu sanh tử. Nếu không, thanh, sắc, của cải, bạn bè ăn nhậu, tà vạy thừa cơ chen vào. Tuy mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, nhưng chẳng thể được! Muốn học Phật pháp, trước hết phải tận hết chức trách, bổn phận của chính mình. [Nếu] không thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, dù có học Phật pháp cũng khó được lợi ích lớn lao, bởi tâm địa chưa được lương thiện vậy! Nếu làm được [những điều] như vừa nói trên đây thì gọi là "thiện nhân". Như nền tảng kiên cố, lầu cao vạn trượng mặc lòng xây cất, chắc chắn chẳng bị sụp đổ. Chúng sanh đời Mạt căn cơ kém hèn, toan dùng tự lực để ngộ hiểu tâm tánh, đoạn sạch Phiền Hoặc, hòng liễu sanh tử, ngàn người chưa được một! Hãy nên y theo pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Đấy là pháp môn *"vạn người tu, vạn người đến"* thẳng chóng, ổn thỏa, thích đáng nhất!

Trước hết, phải thấu hiểu được nguồn cội của pháp môn này, tâm hiểu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thảy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. Nếu chưa hiểu rõ nguyên do của pháp môn này, lại tùy ý nghiên cứu các kinh luận khác và thân cận tri thức các tông để làm bậc đại thông gia và gieo thiện căn cho đời vị lai thì quả thật là có như thế, nhưng muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, sợ rằng có mộng cũng mộng chẳng được! Quang một mực nói thẳng, lòng dạ thẳng tuột, mong sao có ích cho người, cũng chẳng sợ người khác nói tôi vô tri vô thức, chỉ biết niệm Phật! Vì thế, với kẻ hữu duyên đều bảo họ như vậy. Tuy không quen biết ông, nhưng do thầy Liễu Nguyện đôi ba lượt cầu xin, nên cũng nói với ông [như vậy].

Nay tôi bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho ông những sách đã lưu thông mỗi thứ một bộ. Ông bằng lòng xem thì giữ lại để tự xem. Nếu không, đưa cho người có học vấn biết cung kính xem thì cũng rất tốt, chẳng ép ông phải xem! Nếu muốn thỉnh để tặng cho người khác thì cũng có thể tự thỉnh từ Hoằng Hóa Xã. Những sách do Hoằng Hóa Xã đã thỉnh từ bên ngoài, chỉ tính tiền giấy và tiền công thợ in, hết thảy chi phí khác đều chẳng tính vào đó. Nếu không biết, hãy hỏi Khanh Đoan sẽ tự biết rõ. Gần đây tai họa khôn lường, nếu có thể chí tâm niệm Phật và niệm Quán Âm, chắc chắc sẽ có thể gặp dữ hóa lành. Mong đem những lời này nói với hết thảy mọi người thì lợi ích lớn lắm!

43. Thư trả lời cư sĩ Quách Giới Mai (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

1) Nhận được thư và bộ Vụ Bổn Tùng Đàm[62] biết các hạ có lòng với thế đạo nhân tâm, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Nói đến những chuyện ngoa truyền trong cõi tục, nói chung là do thiện căn cạn mỏng, ác nghiệp sâu nặng mà ra. Người cõi tục trong làng quê vô tri, chỉ muốn chết đi chẳng chịu tội, có tiền xài, đến nỗi có kẻ tục Tăng không hiểu giáo lý, ngụy tạo kinh Thọ Sanh khớp với điều họ ưa chuộng, thành ra những kẻ vốn sẵn lòng hèn kém tham tiền và chỉ cầu tự lợi, bèn chẳng tiếc nhiều tiền bạc để trả nợ tiền Thọ Sanh! Lại còn gởi kho để mong chết đi được thọ dụng, chẳng biết thọ sanh tùy thuộc nghiệp thiện hay ác, há có thể nhờ tiền để chuộc mạng nơi các quan ở âm tào ư? Lúc còn sống chịu tu thiện thì chết đi sẽ tự được thọ dụng. Nếu chẳng tu thiện, dẫu con cháu vì người [đã mất] ấy đốt y phục, tiền tài, cũng chẳng thọ dụng được, sẽ bị kẻ mạnh bạo có sức mạnh cướp đoạt mất. Đây là nói về người bình thường chẳng biết niệm Phật.

Nếu là người niệm Phật, lúc sống nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung sẽ tự được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, sao chẳng cầu sanh Tây Phương, chỉ mong chết đi làm quỷ vậy? Đúng là chẳng biết tự trọng, toan tính làm chuyện thấp kém, muốn vĩnh viễn ở trong biển khổ sanh tử, chẳng muốn thoát lìa, sao mà ngu cùng cực đến như thế?

Lại nữa, hàng nữ nhân thường nghi sanh sản là có tội, hàng Tăng sĩ kém cỏi, vô tri bèn ngụy tạo Huyết Bồn Kinh, Huyết Bồn Sám. Nữ nhân nghe vậy, mừng rỡ quá đỗi, ai nấy đều muốn niệm Huyết Bồn Kinh, lạy Huyết Bồn Sám, phá huyết hồ. Đúng là lấy trò đùa của trẻ con để làm căn cứ diệt tội, thoát khổ, đáng than quá đỗi! Cái tội của nữ nhân là [ở chỗ] phạm lỗi "chẳng hiếu với cha mẹ và bố mẹ chồng, chẳng kính trọng chồng, chẳng đối xử nhân hậu với tôi tớ, chẳng dùng thiện đạo để dạy con, và chẳng tắm rửa đúng lúc". Nếu do chí thành, cung kính niệm Phật để mong tiêu diệt nghiệp xưa, tẩy lòng, rửa ý, chẳng tạo tội khiên về sau nữa, do Sa Bà dấy động lắm tội khiên bèn quyết chí vãng sanh Tây Phương, đấy mới là chánh lý. Sao chẳng sám hối tội lỗi trong tự tâm mà chuyên dựa vào ngụy kinh để sám diệt tội lỗi vậy?

Đã tin Phật là bậc cứu độ, sao chẳng niệm kinh Đại Thừa do đức Phật đã nói như Kim Cang Kinh, Di Đà Kinh, Tâm Kinh, Đại Bi Chú, Vãng Sanh Chú và Pháp Hoa Kinh, Lăng Nghiêm Kinh v.v… để mong diệt tội tăng

---

[62] Vụ Bổn Tùng Đàm là một cuốn sách do ông Quách Giới Mai biên soạn với nội dung khuyến cáo những người làm cha mẹ chú trọng vun bồi đức hạnh, luân thường của chính bản thân rồi áp dụng vào việc giáo dục con cái, cũng như những điều cần tránh để tạo thành những thói xấu cho trẻ.

phước? Diệm Khẩu[63] là pháp trọng yếu để cứu vớt cô hồn, lại ngược ngạo chẳng tin, xúm nhau phá huyết hồ, phá địa ngục, coi đó là những "Phật sự" không thể không làm! Chính mình chẳng được lợi ích chân thật, đâm ra làm cho kẻ hiểu lý thế gian nhưng không biết Phật pháp tưởng đó chính là Phật pháp. Do đó, nẩy sanh đủ mọi lời lẽ báng pháp bừa bãi, còn tự cho là đúng. Những kẻ mù quáng đâm ra tuân phụng [những ý kiến sai lạc ấy], coi như khuôn thước. Như trong Cổ Văn, qua bài văn "Thư Lưu Vũ Trù Hành Hiếu Truyện Hậu" (Viết Cuối Sách Hành Hiếu Truyện của Lưu Vũ Trù) của Lưu Bá Ôn[64], đủ thấy kẻ ngụy tạo Huyết Bồn Kinh tội lớn ngập trời!

---

[63] Đây là một khoa nghi thí thực cho cô hồn ngạ quỷ dựa theo lời dạy trong kinh Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni Kinh. Theo kinh đó, ngài A Nan nhập định trong rừng, thấy một ngạ quỷ mặt bốc lửa bừng bừng, hình hài khô khảo, đầu tóc rối bù, bụng to như trống, họng bé như kim, nên có tên là Diệm Khẩu. Quỷ cho biết kiếp trước keo kiệt, tham lam không biết chán đủ nên bị đọa vào loài ngạ quỷ. Quỷ cũng báo trước A Nan sau ba ngày nữa sẽ chết, đọa làm ngạ quỷ. A Nan kinh sợ vội chạy đến cầu cứu đức Phật. Nhân đó, Phật dạy cách thí thực, vận tâm từ bi, quán tưởng và chú lực để thí khắp hằng hà sa số ngạ quỷ và chư tiên, công đức vô lượng, tăng trưởng thọ mạng, thoát báo ngạ quỷ. Nguyên tắc chủ yếu là dùng đồ chứa sạch sẽ, đựng nước ăn, chút ít thức ăn dùng tay phải đè lên trên, tụng chú bảy biến, xưng danh hiệu thất Phật (Đa Bảo, Diệu Sắc Thân v.v…) rồi rải khắp bốn phương, khảy ngón tay bảy lần. Đem món ăn ấy đổ xuống chỗ đất sạch để ngạ quỷ hưởng dụng. Về sau, khoa nghi nguyên thủy được biên soạn dựa theo Du Già Tập Yếu Cứu A Nan Đà La Ni Diệm Khẩu Nghi Quỹ Kinh (do ngài Bất Không dịch) đã chịu ảnh hưởng nhiều của Mật Tông Tây Tạng nên trở thành dần dần quá phức tạp, rườm rà. Vì thế, để thuận tiện cho việc hành trì, cao tăng các đời đều lưu tâm chỉnh lý. Hiện thời, khoa nghi Diệm Khẩu phổ biến nhất là bản Thiên Cơ Diệm Khẩu (tức Tu Tập Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi do ngài Thiên Cơ đời Minh tu chỉnh các khoa nghi Diệm Khẩu sẵn có từ trước). Bản Thiên Cơ lưu hành hiện thời đã được tổ Liên Trì tu chỉnh tạo thành Tu Thiết Du Già Tập Yếu Thí Thực Đàn Nghi (nhưng vẫn quen gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu). Kế đến là bản Hoa Sơn Diệm Khẩu do ngài Đức Cơ núi Bảo Hoa tu chỉnh bản của ngài Liên Trì một lần nữa, đặt tên là Du Già Diệm Khẩu Thí Thực Tập Yếu.

[64] Lưu Bá Ôn (1311-1375), tên thật là Lưu Cơ, tự là Bá Ôn, thụy hiệu Văn Thành, người Nam Điền, huyện Văn Thành, Ôn Châu, là một nhà quân sự và chính trị gia lỗi lạc đồng thời là một thi nhân nổi tiếng cuối đời Nguyên, đầu đời Minh. Ông rất giỏi về binh pháp và sách lược, phù tá Châu Nguyên Chương sáng lập cơ nghiệp nhà Minh. Ông được hậu thế xưng tụng "tài trí

Đối với người niệm Phật, khi lâm chung mọi người đồng thanh niệm Phật, khiến cho [người ấy] chánh niệm rõ ràng, liền được theo Phật vãng sanh. Cần gì phải đối trước thần Thổ Địa dâng cơm ba ngày để mong họ đối xử nương tay [với người chết], chẳng trị tội khắc nghiệt? Đúng là trở thành kẻ si vậy! Như người đã được Đại Tổng Thống tuyển dụng, người ta có còn phải hướng về cảnh sát cầu xin rộng lòng hậu đãi hay chăng, há chẳng phải là lời lẽ tức cười đó ư? Chúng sanh nghiệp nặng chướng sâu, phàm là pháp do Phật, Bồ Tát, thiện tri thức đã nói thì phần nhiều chẳng tín phụng, còn những pháp do tà ma ngoại đạo nói thì lại như ruồi bâu theo hơi thối, [xúm xít] như kiến bu, chim đậu ùa nhau hùa theo. Xét đến kết quả, nếu được phước báo nhân thiên nhỏ nhoi đã là muôn vàn may mắn rồi! Phần nhiều coi tà đạo là Phật pháp, chê Phật pháp là tà đạo, dẫu trong đời này chẳng vướng phép nước thì chết đi sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục, vạn người chẳng sót một ai, chẳng đáng buồn ư? Nguyện các hạ lớn tiếng kêu gào để họ được tỉnh giấc mộng.

2) Giở sách xem qua loa, chưa thể đọc kỹ, [đã thấy] trong ấy cũng có lắm chỗ lầm lẫn, còn những điều khác tôi chưa để ý đến. Nơi trang hai mươi hai, trong dòng ba và dòng bốn ở cuối trang, viết chữ Tình (情) của từ ngữ "tình trạng" thành Hình (形) là đã bỏ gốc chạy theo ngọn vậy! "Tình" là tâm thức, còn "trạng" là hình tướng. Đây có lẽ là vì không nhớ rõ mà ra. Lại nữa, trong trang ấy và trang kế đó, chữ Hồi (迴) trong luân hồi (輪迴) phần nhiều bị viết [sai] thành Huýnh (迥)[65] (ở đây là do người sắp chữ không chú ý, người giảo chánh cũng không duyệt kỹ), nên giảo chánh lại, sửa cho đúng thì in lần sau mới có lợi ích hơn.

Hơn nữa, phàm là trong văn Bạch Thoại, hễ dẫn kinh Phật hay sách Nho, trước hết nên trích nguyên văn, rồi mới dùng từ ngữ Bạch Thoại để diễn giải thì có căn cứ rõ ràng, người đọc dễ lãnh hội. Nếu dùng ngay văn Bạch Thoại để nói tuy vẫn có lợi, nhưng người ta khó lòng chấp nhận. Do vậy, mới nói:

---

vượt hẳn Gia Cát Lượng!" Châu Nguyên Chương từng khen ngợi: "Ông là Tử Phòng (Trương Lương) của ta". Do ông quá tài giỏi, trong dân gian đã lưu truyền nhiều truyền thuyết tô vẽ Lưu Cơ như một bậc đạo sĩ tu chứng trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, thấu hiểu huyền cơ, có thể thấy trước vận mạng đất nước vài trăm năm!

[65] Tuy tự dạng khá giống nhau, nhưng hai chữ này ý nghĩa khác nhau rất xa. Hồi (迴) là quay trở về, còn Huýnh (迥) là xa cách. Do đó, viết luân hồi (輪迴) thành luân huýnh (輪迥) vừa sai âm vừa sai nghĩa quá nhiều.

"Ngôn nhi vô văn, hành chi bất viễn"[66] (nói năng không có sắc thái văn chương thì không lan truyền được xa). Gần đây, Quang bị đủ mọi chuyện bận bịu, chẳng thể vì các hạ nhọc công dò theo từng hàng mực được[67], nhưng cái tâm giảo chánh cố nhiên là ân cần thiết tha, vì thế trình bày đại lược một hai điều vậy!

44. Thư trả lời cư sĩ Tề Dụng Tu

(năm Dân Quốc 20 -1931)

Bài văn của Phật Quang Xã ý nghĩa dường như chấp nhận được, nhưng văn từ hơi vụng về, chưa trau chuốt, thầy Dịch[68] và ông đều cho là hay, chắc là vì tình người yêu mến, dù văn không hay nhưng vẫn cho là hay đó chăng? Còn như nói đến chuyện quy y, rất sợ sau này ông sẽ hối hận, nên chẳng dám chấp thuận. Nay tôi lại nói: Chỉ đành đem lầm lạc đáp tạ lầm lạc, đến khi biết kỹ càng là lầm lạc thì chẳng ngại gì coi nhau như người đi đường, hoặc chống đối lại vị thầy đã từng theo đuổi cũng chẳng sao cả[69]!

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng trí huệ để tự cố gắng, khích lệ người khác cố gắng, mong sao giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh lòng tin phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu thật sự làm được như thế thì chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình, là bậc hướng đạo trong một làng, làm kim chỉ nam cho hàng hậu học, may mắn nào hơn!

45. Thư gởi tiên sinh Thích Hữu Khanh

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

---

[66] Đây là một câu thành ngữ vốn trích từ một bài hát cổ mang tên Giác Điệu Khúc trong những ca từ do Yến Tạ soạn. Cả câu là *"ngôn nhi vô văn, hành chi bất viễn, nghĩa nhi vô lập, cần tắc vô thành"* (nói năng không có sắc thái văn chương thì không lan truyền được xa, nghĩa không được lập, dù có siêng năng cũng chẳng thành công). Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của Hán Điển Thành Ngữ.

[67] Ý nói: Dò theo từng dòng chữ để giảo chánh.

[68] Tức cư sĩ Giang Dịch Viên, ông Tề Dụng Tu là môn sinh của Giang Dịch Viên.

[69] Ở đây, Tổ đã thấy trước thầy trò Giang Dịch Viên về sau mê man cầu cơ, tin theo ngoại đạo, chống đối những lời dạy của Tổ.

Hôm trước Trần Dự Đường gởi thư cho biết hai cha con ông đều muốn quy y, xin đặt pháp danh và dạy pháp tắc tu hành. Lại nói ông giỏi nghề y và Địa Lý[70], bẩm tánh nhân hậu. Con gái ông giữ lòng trinh lương tu hành, nay con gái ông đã đón ông đến am cô ta tu hành. Ông đã bảy mươi, tháng ngày chẳng còn nhiều, hãy nên sốt sắng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Phàm những chuyện lo toan trong gia đình và chuyện của con cháu đều nên gác ra ngoài. Giả sử ta ngoài sáu mươi liền chết thì không phải là con cháu ấy vẫn sống bình thường hay sao? Nay ta chỉ quan tâm niệm Phật để liễu sanh tử, bọn họ đã chẳng thể liễu sanh tử thay cho ta được, ta há có nên vì họ mà làm hỏng đại sự của ta chăng? Nếu nghĩ được như vậy, tự nhiên sẽ có thể nhất tâm niệm Phật. Con gái ông là Mai Cúc, giữ lòng trinh tu hành, đón ông về am, đôi bên giúp đỡ nhau cùng tu Tịnh nghiệp ngõ hầu cùng sanh Tây Phương.

Phải biết: Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, nhưng đều phải đạt đến nghiệp tận tình không mới có thể liễu sanh thoát tử, khó cũng như lên trời. Hiện thời trên cả thế giới, sợ rằng cũng khó có mấy người làm được! Nếu chí thành khẩn thiết niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận là ai đều chắc chắn được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Chỉ có kẻ chẳng sanh lòng tin, chẳng phát nguyện là không thể vãng sanh! Nếu có lòng tin thật sự, nguyện thiết tha, không một ai chẳng được sanh! Một pháp này chính là hoàn toàn cậy vào Phật từ lực gia bị, tiếp dẫn vậy. Ví như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, nhờ vào sức tàu, chứ không phải là bản lãnh của chính mình. Hai cha con ông nên thuận theo lời tôi thì chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Khánh. Ông tên là Dư Khánh (điều vui mừng có thừa), ấy chính là điều vui mừng trong thế gian. Nay niệm Phật cầu sanh Tây Phương tức là lấy Phật đức để nương về, đấy là điều vui mừng mà ngoài đức Phật ra chẳng ai tuyên nói được. Mai Cúc có pháp danh là Đức Tịnh, nghĩa là dùng ba nghiệp thân - miệng - ý thanh tịnh để niệm Phật, mong vãng sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn lìa các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui. Ấn Quang Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc là có người đã tặng cho ông, hãy nên đọc kỹ, y theo đó mà tu. Nếu không có, nên gởi thư sang Hoằng Hóa Xã của chùa Báo Quốc ở [góc đường] Hộ Long và Xuyên Tâm để thỉnh. Nay tôi gởi kèm theo một bản danh sách để ông tự xem, hoặc cho người khác xem.

---

[70] Địa Lý ở đây là thuật xem hướng mộ phần, chọn đất an táng để mong con cháu được vinh hiển, phú quý.

Lại nữa, bà họ Thích nhà họ Nguyễn[71], chắc cũng là em gái ông, nay đặt pháp danh cho bà ta là Đức Chánh, nghĩa là quyết định niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ấy là con đường chánh đại quang minh nhất để liễu sanh thoát tử, đừng nghe những tà tri tà kiến "luyện đan, vận khí, cầu trường sanh" và "trả nợ tiền Thọ Sanh, gởi kho, cầu làm quỷ" của kẻ thiếu hiểu biết để rồi uổng mất công phu, đánh mất lợi ích thật sự. Những lời vừa nói trên xin hãy bảo cho bà ta biết. *"Nhân sanh thất thập cổ lai hy"*[72] (Người sống được bảy mươi tuổi xưa nay hiếm) chính là câu nói vào thời Đường từ hơn một ngàn năm trước. Người bảy mươi tuổi, đừng coi thường, hờ hững chuyện niệm Phật thì mới có thể quyết định được vãng sanh.

46. Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ông đã biết lợi ích của việc niệm Phật thì từ rày hãy nên gắng công hơn để tự được nhất tâm. Nhưng một pháp niệm Phật chú trọng vào ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh, chỉ biết niệm nhưng không sanh lòng tin và phát nguyện, dù có đắc nhất tâm cũng chưa chắc được vãng sanh. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt nhất tâm bất loạn, vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh. Những người tu hành ngoài rìa phần nhiều cầu giác ngộ, cầu được các thứ cảnh giới, chẳng lấy chuyện quyết định cầu sanh làm chánh yếu, đấy gọi là "bỏ gốc chạy theo ngọn" vậy! Vì sao? Vì ngộ đến cùng cực, nhưng nếu chưa đoạn hết sạch Phiền Hoặc, vẫn là kẻ luân hồi trong lục đạo. Nếu được vãng sanh, so với chuyện ngộ đến mức cùng cực nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, lẽ cao - thấp khác biệt dường như trời với vực! Ông muốn sớm biết cái nhân mầu nhiệm thì cũng là cái tâm tốt lành, nhưng cũng là do chẳng hiểu sâu xa pháp môn Tịnh Độ, nên nói chuyện tu hành ngoài rìa. Ông hãy chết lòng trọn ý niệm đi, sẽ tự được lợi ích chân thật. Nhưng chính mình đã may mắn nghe được pháp này, nỡ nào chẳng làm cho cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, bè bạn, và hết thảy mọi người đều cùng nghe, cùng tu, cùng được vãng sanh ư?

---

[71] Đây là cách gọi các phụ nữ đã có chồng khi xưa. Bà này họ Thích, về làm dâu họ Nguyễn nên được gọi là "Nguyễn môn Thích thị".

[72] Đây là một câu thơ trích từ bài thơ Khúc Giang của Đỗ Phủ đời Đường. *"Tửu trái tầm thường hành hữu xứ, nhân sanh thất thập cổ lai hy"* (nợ nần chè rượu thường luôn thấy, sống đến bảy mươi dễ kiếm đâu!) Về sau, câu thơ này trở thành một thứ ngạn ngữ phổ biến trong dân gian để nói về sự hiếm hoi của những người sống thọ trên bảy mươi.

Cư sĩ Giáp Tam, xưa có huệ căn, vừa nghe ông nói đến Tịnh Độ và đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, liền có thể tin nhận phụng hành, nhưng vẫn lấy chuyện chưa gặp được Quang làm điều tiếc nuối. Đấy vẫn là hiện tượng tin đạo nhưng chưa chuyên dốc vậy. Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn vừa cực khó vừa cực dễ. Nói là khó thì [là do vì] bậc đại triệt đại ngộ thâm nhập kinh tạng còn chẳng tin được. Nói là dễ [là do vì] ngu phu, ngu phụ chí thành khẩn thiết niệm, liền có thể lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sanh Tây Phương. Những vị đại triệt đại ngộ, thông hiểu sâu xa kinh luận kia còn chẳng mong ngang vai bằng lứa với họ! Ấy là vì một đằng bỏ Phật lực, chuyên cậy vào tự lực; một đằng chuyên cậy vào Phật từ lực, lấy Phật lực dẫn phát tự lực. Do Phật lực, pháp lực, sức sẵn có trong tự tâm, ba pháp khế hợp, nên được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Pháp này quan trọng nhất là Tín - Nguyện. Có Tín - Nguyện sẽ chắc chắn chịu tích cực tu trì. Chịu tu trì liền được lợi ích vãng sanh. Chẳng giống như Thiền Tông, Mật Tông phải thường có thiện tri thức chỉ dạy. Nếu không, sợ rằng sẽ đi vào đường ma, ngay cả đức Phật cũng khó cứu! Nhưng hành theo lời Quang đã nói, chắc chắn chẳng bị nguy hiểm và chẳng lo không được lợi ích thật sự. Nếu [cư sĩ Giáp Tam] tuổi trẻ, nhà giàu, thời cuộc thái bình thì xuôi Nam cũng được. Đã vừa già vừa nghèo, lại nhằm lúc loạn lạc, cứ đi thì đâm ra có chướng ngại lớn cho sự tu trì, đấy chính là dấu vết thật sự của chuyện *"chẳng hành xử thuận theo địa vị"* vậy!

47. Thư trả lời cư sĩ Hồ Phụng Trần

(năm Dân Quốc 20 - 1931. Ông này còn có tên là Sư Viễn)

Người học Phật nên thấy xa trông rộng. Nếu chỉ biết chuyện thuộc phạm vi ba thước trước mắt thì không khỏi đường cùng nẻo tận. Nước ta suốt hai mươi năm tàn sát lẫn nhau, rốt cuộc ai là giặc, ai chẳng phải là giặc? Giết người ta, há người ta mặc kệ cho ông giết ư? Hy sinh tánh mạng dân, quân đôi bên hòng giành cái danh xuông "vì nước, vì dân"! Người khác đều như thế, ta cũng như vậy, còn quý báu gì mà học Phật nữa cơ chứ? Nước ta tàn sát lẫn nhau, vẫn còn là [nhìn từ] mặt ngoài, chứ thật ra là tự chặt chân tay và đầu sọ của chính mình mà còn hiềm rằng chưa giúp cho được lẹ làng hơn nữa kia! Danh thì vang rền, kinh tai cõi tục, nhưng bản chất thì đau buốt tan nát lòng trời! Chớ nên hùa vào giúp cho chuyện náo nhiệt này!

Còn như nói "thổ phỉ nhiều như lông, nếu chẳng trang bị [vũ khí], chẳng thể sống yên được" thì có thể bảo người trong vùng hợp thành một đoàn tự vệ. Phàm những người tuổi trẻ mạnh dạn, đều dạy cho họ biết đây là chuyện nhằm phô trương oai thế để thổ phỉ nghe tiếng không dám đến. Nếu hăng máu giết thổ phỉ ắt sẽ kết thành mối thù sâu; sau này chúng nó ắt sẽ tàn sát

thôn chúng ta, đào tung phần mộ tổ tiên mỗi nhà trong làng ta. Bất luận già - trẻ - trai - gái đều thường niệm Quan Thế Âm Bồ Tát để mong được ngầm che chở. Nếu mọi người biết tốt - xấu, chịu tuân theo biện pháp này thì đề phòng giặc cướp chính là tu đạo, công đức lợi ích há thể nghĩ bàn? Nếu mọi người đều dùng tâm sân, thủ đoạn độc ác hòng mong vui sướng một chốc thì dẫu muốn khóc cũng chẳng thể ứa lệ được! Quang có ý kiến như thế, chẳng biết cư sĩ nghĩ như thế nào? Sau này đừng gởi thư bàn bạc chuyện này, bởi người ngoài cuộc làm sao có thể bày kế hoạch cho người khác ý [với ta] cho được?

"Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại" (bất hiếu có ba điều, không có con nối dõi là [điều bất hiếu] lớn). Đây chính là nói về kẻ chẳng trọn hết phận sự con người vậy. Nếu đã lấy vợ, nhưng không sanh nở được, cố nhiên chẳng phải là "không trọn hết phận sự con người". Một vị cư sĩ ở quê tôi không con, cầu khấn nhiều cách đều chẳng thỏa nguyện, bèn cưới một người thiếp, nhưng thê thiếp bất hòa, nẩy sanh xích mích, vẫn không có con. Một người bạn bày kế, tính sang làng xa cưới một người thiếp nữa, chẳng rước về nhà, mỗi năm người ấy qua lại một đôi lượt để mong sanh con. Đem chuyện ấy thưa với Quang, Quang nghe xong khôn ngăn than thở cảm khái. Gần đây lòng người bại hoại đến cùng cực, trai gái tự do luyến ái gần như trở thành công khai. Một cô gái tuổi nhỏ, ở một mình ngoài mấy trăm dặm, cô gái ấy chẳng sanh chuyện bên ngoài thì chính là bậc đại hiền, sợ rằng trong trăm ngàn người, cũng khó được mấy kẻ! Huống chi cô gái ấy tự sống thành một nhà, lại cần phải thuê đầy tớ, phí tổn cũng khá. Nếu may mắn sanh được con thì kẻ ưa gièm pha ắt sẽ có kẻ nói xấu miệt thị là làm chuyện ám muội. Nếu chẳng may vẫn không sanh được con thì cô gái ấy suốt đời cô đơn quạnh quẽ, người chồng phải chu cấp suốt đời, đúng là tự gieo mình vào lao ngục, làm nô lệ cho cô gái ấy, chẳng đáng buồn ư? Kế hoạch ấy nói chung là vì cái danh mà bày ra, vì cho rằng không con là thiếu đức, có con thì người ta chẳng nói mình thiếu đức. Cái danh gây lụy cho con người đến nỗi như thế đấy!

Ta chỉ trọn hết phận ta, hết thảy [những chuyện khác] không tính đến thì mới là *"biết vui theo mạng trời"*. Số mạng vốn không có con thì phải tích đức mà cầu, cầu không được thì có gì tiếc nuối đâu? Nay [những kẻ] đả đảo giềng mối "cha - con, vợ - chồng" để tự do luyến ái, nam nữ lõa lồ ôm nhau khiêu vũ, chẳng phải là những đứa con do cha mẹ sanh ra hay sao? Không có những đứa con như thế thì tốt hơn! Anh em Quang ba người, Quang bé nhất, hai anh đều không con, dòng họ tuyệt tự. Quang nghe xong, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi, bởi sau này chẳng còn có con cháu tạo ác nghiệp làm nhục tổ tiên nữa! Chuyện như vậy, đâu phải chỉ riêng quê tôi mới có, có lẽ có người mang cảm giác đồng tình với quê tôi, cũng có thể giải bớt nỗi lo buồn

vậy! Huống chi, người tu hành chẳng mong huyết mạch được tiếp tục. Bàng cư sĩ con trai chẳng lấy vợ, con gái chẳng gả chồng. Ông Bành Nhị Lâm suốt đời hoằng pháp tu Tịnh nghiệp, vợ sanh được hai con gái, không có con trai cũng chẳng cưới thiếp, cũng chẳng nuôi cháu nối dòng, do ông chí tại vãng sanh Tây Phương, chẳng muốn tiếp tục dâm dục hòng sanh con đẻ cháu. Chúng ta dù chẳng dám vói cao [muốn được như] Bàng cư sĩ, nhưng gương thơm của Bành Nhị Lâm chúng ta nên tự giữ. Cần gì phải lập ra kế hoạch cực nguy hiểm ấy để mong đạt cho được vậy?

Nếu nói: "Ông nói như vậy, quá bất cận nhân tình, nỡ để phần mộ tổ tiên không người lễ bái, quét dọn, cúng tế ư?" thì thưa: "Do lấy thiếp mà bị người gièm pha là làm chuyện ám muội, sao bằng đến viện mồ côi, ẵm lấy một đứa bé mũm mĩm, trông có phước phận về làm con thì tốt đẹp đôi bề, không ai nuôi nó, ta nuôi làm con, tức là cứu mạng nó, nó cũng có thể thay thờ phụng tổ tiên, mà cũng làm cho tổ tiên của nó chẳng đến nỗi đau lòng vì con cháu bị vùi lấp nơi khe rãnh vậy. Nghĩa cử ấy người ta cho là nuôi tò vò, nhưng nuôi tò vò có thẹn gì cơ chứ?

48. Thư trả lời cư sĩ Bào Xung Sĩ

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Tai họa, bệnh tật trùng trùng, nói chung là do ác nghiệp đời trước sâu đậm, do hành vi hiện thời chẳng cẩn thận mà ra. Đời người muốn được không bệnh khỏe mạnh ắt phải cực lực tiết dục. Hễ lắm dục sự thì đủ mọi bệnh tật đều phát sanh. Người đời cho làm chuyện dâm dục là vui, chẳng biết vui chỉ trong khoảng khảy ngón tay, khổ cả đời thường chịu! Ông nên lắng lòng niệm Phật và niệm Quán Âm, coi thê thiếp của chính mình như bạn đạo, kính trọng như khách, chẳng để một dục niệm dấy lên. Lâu ngày như thế thì các chứng bệnh đều được lành hẳn. Nếu đã lành bệnh hoàn toàn, vẫn chẳng nên ăn nằm ngay. Phải là sau khi khỏe mạnh hoàn toàn rồi, vì để có kẻ nối dõi thì vừa chung đụng nhau ắt sẽ có con, [đứa con] lại mũm mĩm, thông minh, không mắc các bệnh tật, do Tiên Thiên[73] được vun bồi vậy. Nếu không biết nghĩa này thì thê thiếp của chính mình và con cái sanh ra đều chẳng được hạnh phúc mạnh khỏe, không bệnh hoạn. Cũng nên nói với thê thiếp lời này, đây chính là "cầu nơi chính mình vậy", còn như niệm Phật là cầu nơi chư Phật. Chính mình không tiết dục, Phật cũng chẳng dễ gì gia hộ được. Chính mình chịu tiết dục, lại thêm chí thành niệm Phật thì chắc chắn các bệnh chẳng sanh.

[73] Tiên Thiên ở đây là những gì được bẩm thụ từ cha mẹ. Những gì có được do nuôi dưỡng sau khi đẻ ra thì gọi là Hậu Thiên.

Nói về ăn chay thì vốn là thương chúng nó đau khổ, nuôi dưỡng lòng nhân từ của ta. Mỡ và thịt nào có phân biệt chi, nước súp thịt cũng chớ nên ăn. Nhưng chúng sanh căn tánh khác nhau, nếu ăn chay trường được thì dạy họ trường trai. Nếu không, dạy họ giữ Thập Trai, Lục Trai, ăn những món rau ở cạnh thịt[74]. Đấy chính là pháp phương tiện cho [những ai] không ăn chay trường được, chứ không phải là thật nghĩa! Ông đã khổ vì bệnh, hãy nghĩ thương nỗi khổ của chúng sanh, nên ăn đồ chay thanh tịnh, đừng để miệng bụng làm lụy tâm tánh. Phàm những thứ có tri giác đều chẳng nên ăn. Tuy không có tri giác nhưng có mầm sống như các loại trứng cũng không nên ăn. Uống sữa bò thì không trở ngại gì, nhưng sữa cũng là lấy chất bổ béo của bò để bồi bổ thân thể ta; do vậy, cũng không nên dùng. Đậu nành, dầu đậu nành có nhiều chất bổ nhất, hãy nên thường dùng. Trong cháo ăn điểm tâm nên bỏ thêm đậu nành đã xay vỡ. Với loại dầu để thường ăn thì chuyên dùng dầu đậu nành, so với mỡ heo, [dầu đậu nành] có nhiều chất bổ hơn, sao lại khổ sở đem tiền chuốc họa để mong được bồi bổ ư? (bởi ăn thịt sẽ mắc nợ giết chóc, nên nói là *"chuốc họa"*). Người ăn mặn nếu chịu ăn chay chắc chắn ít bệnh, khỏe mạnh, bởi ăn thịt gây trở ngại cho phép dưỡng sinh, ăn chay có tác dụng dưỡng sinh.

Mắm tôm độc nhất, muôn vàn chớ có ăn, vì lúc làm, người ta đào một cái hố to bên bờ biển, trong vòng năm sáu tháng, đánh bắt các loài tôm và những thứ cá nhỏ, đổ vào trong hố, phơi dưới nắng gắt, cả hố trở mùi, thối suốt mấy dặm[75]. Những loài ruồi, kiến, rắn v.v… ưa mùi đó đều tự gieo mình chết ngủm trong hố. Đến khi mắm đã ngấu, bèn cà nhuyễn, đựng trong sọt đem bán. Người ăn mặn coi như món hàng quý báu, đáng thương quá chừng! Đây là do một vị Tăng trông thấy cách làm kể cho Quang nghe. Ông đã ăn chay, nếu chẳng thể làm cho cả nhà ăn chay thì bảo họ hãy bớt ăn [mặn] đi, chớ mua con vật còn sống về giết trong nhà, trong nhà hằng ngày giết chóc sẽ trở thành chỗ giết hại, xui xẻo lắm đấy!

49. Trả lời thư của cư sĩ Dương Thọ Chi (bốn lá thư)

(năm Dân Quốc 20 -1931)

---

[74] Ở đây, Tổ Ấn Quang nhắc lại chuyện Lục Tổ Huệ Năng do bị truy đuổi trong vấn đề giành giật y bát được truyền thừa từ Ngũ Tổ đã phải trốn tránh, sống lẫn trong đám thợ săn. Đến mỗi bữa ăn, Tổ đem các thứ rau bỏ vào nồi rồi chỉ gắp ăn những lá rau ấy, chứ không ăn thịt.

[75] Đây là cách người Tàu làm mắm. Người Việt làm mắm hơi khác, nhưng cũng theo một nguyên tắc dùng muối để làm cho cá, tôm phân hủy, lên men, và dĩ nhiên các lu khạp làm mắm cũng không được giữ gìn sạch sẽ.

1) Quang chẳng có hành trạng gì, năm Quang Tự thứ bảy (1881) lìa khỏi nhà đến nay đã là năm mươi năm, vẫn là cái tôi y hệt như cũ: Nghiệp chướng chưa tiêu, đạo nghiệp chưa thành, không mặt mũi nào quay về quê cũ. Tuy trước kia được hai Đốc Soái Trần Bá Sanh và Lưu Tuyết Á[76] gởi thư khuyên nên về lại đất Tần (Thiểm Tây), nhưng tự thẹn quả thật chẳng kham nổi, chẳng đành vâng lệnh. Thậm chí phần mộ tổ tiên và phần mộ cha mẹ đều chưa thể lễ bái lần nào. Cái tội bất hiếu quả thật không thể sám hối được. Mỗi phen nghĩ đến, mồ hôi đẫm lưng. Cư sĩ ôm tấm lòng đau đáu cứu tế, hành pháp hạnh bình đẳng, chẳng khinh rẻ nhà tôi nghèo khó, một mực chăm nom, có thể nói là *"lòng thành thương đến cả loài quạ làm tổ trong nhà"*[77], lại còn trông coi mộ tổ của Quang, có thể nói *"lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão"*[78] (tôn kính cha mẹ, người bề trên của chính mình rồi mở rộng ra thành lòng tôn kính cha mẹ, người bề trên của kẻ khác). Quang đọc đến đây, khôn ngăn ứa lệ, thảm thiết hồi lâu. Nhưng Quang làm người trọn chẳng muốn lưu hư danh làm bẩn tai gai mắt người khác, chỉ mong lâm chung nương vào Phật từ lực vãng sanh là thỏa nguyện rồi. Đối với những sự từng trải [của chính mình] nào đáng tốn bút mực [để ghi chép lại], mà cũng chẳng hề trước thuật.

Văn Sao là do ông Từ Úy Như sau khi đem in xong, bèn tùy thuận lòng người mà lưu truyền. Từ năm Dân Quốc 15 (1926), Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng Văn Sao hoàn chỉnh. Từ đấy trở đi, tất cả những viết lách tùy tiện để trao đổi đều nhất loạt chẳng giữ lại bản nháp. Những người cùng

---

[76] Trần Bá Sanh là một tướng quân phiệt, chiếm giữ tỉnh Thiểm Tây dưới thời Dân Quốc, Lưu Tuyết Á là tỉnh trưởng Thiểm Tây, cũng là một gã quân phiệt thời ấy.

[77] Nguyên văn *"ốc ô thôi thành"*: "Ốc ô" là loài quạ làm tổ dưới mái nhà, còn "thôi thành" là một thành ngữ được rút gọn từ *"thôi thành trí phúc"* (vận dụng lòng thành đến tận tâm can), đôi khi còn nói là *"thôi tâm trí phúc"*, có nghĩa là dùng lòng chân thành đối xử với người khác.

[78] Đây là câu nói trích từ sách Mạnh Tử. Mạnh Tử sang nước Tề, gặp vua nước ấy là Tuyên Vương. Tuyên Vương thấy kẻ hầu sắp giết một con trâu để cúng tế, con trâu sợ hãi, run lẩy bẩy, bèn hạ lệnh thả trâu, dùng dê để tế. Mạnh Tử khen ngợi vua dùng vương đạo để trị dân. Nhân đó, vua hỏi đến cách thực hiện vương đạo cho thập phần mỹ mãn. Mạnh Tử khuyên: *"Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu"* (tôn kính cha mẹ, người bề trên của chính mình rồi mở rộng thành lòng tôn kính cha mẹ, người bề trên của kẻ khác, yêu thương con cái của chính mình thành lòng yêu thương con cái của người khác). Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích.

quê với tôi đều mất cả rồi, Triệu Sĩ Anh là kẻ thuộc lớp sau, chỉ nghe lời đồn đại, mà bài kệ *"nhất phiến minh nguyệt chiếu cửu châu"* (một vầng trăng sáng soi chín châu) cũng chẳng phải do Quang viết. Quang làm người chẳng kiêu ngạo, chẳng siểm nịnh, coi hết thảy người có thế lực và người không thế lực đều hệt như nhau. Bài ký của Triệu Sĩ Anh do cư sĩ đã chép nay tôi cũng gởi lại, cũng chẳng sửa đổi, vì chẳng muốn lưu dấu tích xấu xa ấy lại cho đời. Nếu đem bài ấy xé nát đi, lại sợ cư sĩ nói tôi "bất cận nhân tình".

Con người hiện thời thường cầu các bậc danh nhân soạn các truyện ký cho cha mẹ của chính mình và bản thân để mong lưu danh sau khi chết đi, Quang coi đó là chuyện xấu hổ! Không những Quang chẳng cầu cạnh người khác viết về mình, mà ngay đến cha mẹ Quang, Quang cũng không tự viết, huống là cầu cạnh người khác ư? Dù danh trùm thiên hạ thì có dùng chuyện ấy để liễu sanh tử được hay không? Vì thế, tấm lòng cầu danh của Quang nguội lạnh cùng cực. Hễ thấy những kẻ cầu cạnh người khác soạn văn, lòng liền bức rức, cho nên thường nói: "Người thế gian phần nhiều đều là chuộng danh ghét thật". Nào có phải là Quang ghét danh đâu? Mà là vì cái danh mà không có thực chất thì thật là đại nhục, cho nên chẳng muốn có cái danh xuông ấy.

2) Phàm mọi việc nên chiếu theo chức trách, bổn phận của chính mình để suy tính. Đã biết rõ điều gì không nên làm mà cứ thường muốn làm, há chẳng phải là vô sự sanh sự, luống nhọc tâm thần, có ích gì chăng? Chuyện ông hỏi ông đã tự biết là chẳng thể, sao còn hỏi tôi chi nữa? Há tôi có nên vượt lý để bảo ông [cứ làm] hay chăng? Huống chi hiện nay học Phật hết sức thuận tiện, chẳng giống như thuở xưa: "Nếu không xuất gia bèn khó được nghe pháp tu hành!" Hiện nay bưu điện rất thuận tiện, kinh ở mọi nơi đều có thể thỉnh được, tri thức trong thiên hạ đều có thể thỉnh giáo, cớ gì phải xuất gia mới tu hành được?

Phải biết xuất gia ngày nay, đâm ra chẳng hữu ích bằng cư sĩ tại gia. Do pháp yếu ma mạnh, ác đồ tà đảng thường ôm lòng khi dễ Tăng, chiếm đoạt tài sản. Nếu sống ở chỗ núi rừng vắng lặng thì tiểu nhân chỉ vì đoạt mấy thưng gạo, mấy chiếc áo, mấy đồng tiền mà đánh giết, sự nguy hiểm ấy xưa kia chẳng hề có! Nếu ở tại thành thị cũng khó tránh chuyện qua lại với người ta. Ai có thể không làm chuyện gì mà nhận cúng dường yên ổn ư? Do Quang là kẻ không có khả năng gì, ở Phổ Đà hơn hai mươi năm, chỉ theo đại chúng ăn cơm mà thôi! Từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918), sau khi Từ Úy Như in Văn Sao, cũng là suốt ngày bị người khác làm rộn. Ông tưởng xuất gia là không có chuyện gì hết ư? Chẳng biết xuất gia mà nếu phải duy trì đạo tràng, hoằng dương Phật pháp thì công việc càng nhiều nữa. Nếu là kẻ chỉ lo tự giải thoát thì cơm áo cần dùng đều phải lo toan. Ba bữa cơm mỗi ngày đều

phải lo liệu. Nếu chẳng tu trì, còn nhàn hạ lắm, chứ nếu siêng năng tu trì thì bận rộn không rảnh được chút nào.

Ông muốn được quy y, nên đối trước Phật lễ bái tự thọ. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng Phật pháp để tự mình cố gắng, khiến người khác cố gắng, mong giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, chẳng trái nghịch Nhân Thừa, Thiên Thừa do đức Phật đã dạy, tín nguyện niệm Phật, thực hành pháp môn Hoành Siêu của Phật dạy. Dẫu cho Phật, Bồ Tát hiện thân, cũng chẳng chịu lìa khỏi hai con đường này, tu pháp nào khác. Tuy chưa thể đạt được Phật tâm, nhưng đã thật sự cậy vào Phật từ lực. Chúng sanh đời Mạt chẳng dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khó liễu sanh tử vạn phần! Lại nữa, đừng coi chuyện không thể nghiên cứu trọn khắp kinh luận Đại Thừa, thông suốt trọn khắp Thiền, Giáo, Luật, Mật là điều thiếu sót! Nếu bỏ một pháp Tịnh Độ, dẫu có hiểu sâu xa trọn khắp các kinh luật, thông suốt trọn khắp các pháp môn, chỉ e chuyện liễu sanh thoát tử vẫn là chuyện chẳng biết bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp trong vị lai [mới có thể xảy ra]! Đừng nói cha mẹ chấp nhận hay không, Quang một mực chẳng tán thành người khác xuất gia. Huống chi hiện nay là đời loạn lạc, quá nửa đều là kẻ tục dối làm Tăng ư?

Đối với chuyện thọ giới, cũng chẳng ngại gì đối trước Phật sám hối cho nhiều, tự thệ thọ giới như đã nói trong lá thư gởi cho bà [Từ] Phước Hiền trong bộ Văn Sao. Nhưng bất luận thọ giới hay không thọ giới, đã quy y Tam Bảo, ắt phải giữ năm chuyện ấy, chẳng dám vi phạm thì mới là đệ tử chánh tín của Phật. Nếu do chưa thọ giới mà đối với năm giới ấy chẳng cần chú ý đến thì còn chưa đáng là bậc chánh nhân quân tử, huống là đệ tử Phật? *“Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hết thảy thiện pháp đều nên tu, hết thảy ác pháp đều nên đoạn”* chính là giới kinh đại lược do Phật dạy. Thế đạo hiện thời suy bại đến cùng cực vì thuyết “bài xích nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho Phật pháp là lừa dối kẻ ngu, người tục” của nhà Nho. Vì thế, nhà Nho đều chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi để giáo huấn, đến nỗi điều thiện không được khuyến khích, điều ác không bị trừng phạt. Đến khi gió Âu thổi qua đều ùa nhau theo. Nếu mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì đâu đến nỗi tàn sát lẫn nhau, đến nỗi sát kiếp vĩnh viễn không có lúc chấm dứt. Ô hô, buồn thay!

3) Anh ông là Lập Điền thiên tư thật tốt, tiếc là chưa học nên đã hơn nửa đời người rồi mà không thể thành tựu. Chỉ nên nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông ta vọng tưởng quá lớn, muốn tu hành một hai năm liền đắc Ngũ Nhãn, Lục Thông, lại muốn biết cha mẹ rốt ráo sướng hay khổ. Lời lẽ ấy tuy do tấm lòng một niềm mộ đạo báo ân, nhưng nếu không nói cho tan biến [cái tâm ấy] đi, sau này chắc sẽ bị ma dựa, đáng sợ cùng cực! Ông ta đã muốn báo ân cha mẹ, hãy nên nhất tâm niệm Phật, thay cho cha mẹ sám hối

nghiệp chướng, cầu Phật gia bị, khiến cho thiện căn được tăng trưởng, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Tự mình lại nên nhiều cách kính khuyên, hai thứ minh (tức là cầu đức Phật gia bị), hiển (tức sự khuyên lơn của chính mình), tâm chân thành, lời lẽ chân thành, ngõ hầu cha mẹ sanh lòng tin niệm Phật. Chịu niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì lúc lâm chung cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, tức là đã siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử rồi! Chẳng biết vì cha mẹ mưu tính như vậy, mà cứ muốn biết khổ - vui để tính toán thì làm sao lo liệu trước khi mất cho được? Người thật thà chỉ nên làm cư sĩ tại gia, tùy phần tùy sức tu trì. Nếu xuất gia thì càng chẳng thể tu trì. Mong hãy nói tường tận với ông ta!

Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Úc, Úc cũng là gắng sức. Dùng những chuyện như giữ vẹn luân thường v.v… và tín nguyện niệm Phật v.v… để tự gắng, thúc đẩy người khác cố gắng, công đức lợi ích ấy vô lượng vô biên. Chớ nên vọng tưởng đắc đạo, đắc thần thông, chỉ nhất tâm niệm Phật rồi lại dùng điều này khuyên người, thì tuy chẳng đắc đạo mà còn hơn đắc đạo! Do lợi ích đạt được bởi vãng sanh lớn hơn đắc đạo nhiều, huống chi tu mù luyện đui phần nhiều bị ma dựa phát cuồng đó ư? Mong hãy tích cực nói kỹ với ông ta. Nếu không, chắc là sẽ có nguy hiểm đấy!

4) Thời thế Mạt Pháp, tà ma ngoại đạo nhiều vô kể. Gã ma con họ Hàn ấy chẳng cần biết hắn tu trì ra sao, chỉ nội bốn chữ "Ngũ Giáo Đại Đồng" liền biết tận ruột gan rồi! Ngoại đạo đều cậy vào huyễn thuật để lừa đời dối người, những kẻ có mắt không tròng thấy chúng thần thông rộng lớn bèn dốc thân mạng quy y. Nếu là người thật sự biết đạo lý sẽ tránh xa còn không kịp, huống còn vui thích, hâm mộ, hoài nghi muốn quy y hay sao? Đây chính là mười loại ma thuộc về Tưởng Ấm trong kinh Lăng Nghiêm vậy. Kẻ ngu chốn quê cho chuyện có thể thấy được thần, thấy được quỷ là hiếm lạ, chẳng biết hắn làm những tà thuật đó để mê hoặc người ta. Ông còn muốn hỏi chuyện đời trước nơi gã ma con ấy, tức là ông bị hắn thu hút rồi. Những gì Hoàng Quan nói cũng là ma nói dối. Ông đã từng theo Hoàng Quan, sao từ đầu chẳng ưa thích chuyện tu luyện của gã? Ông nên biết yêu ma quỷ quái đều có "thần thông" (tức là yêu thông (thần thông của ma quái), chứ không phải là thần thông chân chánh). Kẻ ngu thấy hắn có thần thông, liền cho hắn là Bồ Tát, bèn sa vào lưới rập ma của hắn. Đã là thật sự có thần thông, thì sao người theo học với hắn lại sanh bệnh cuồng như vậy? Huống chi những gì hắn nói và những danh từ do hắn lập ra đều chẳng có trong Phật pháp. Hắn nói [pháp của] hắn thật sự là Phật pháp, chính là căn cứ chung cho hết thảy ngoại đạo dùng để lừa dối người. Nói lời ấy đủ biết hắn chính là ma!

Phật nói vô lượng pháp môn, pháp nào cũng đều thật. Thiện tri thức tùy theo sở tri sở đắc của chính mình mà đề xướng, chỉ là phù hợp căn cơ hay không. Nếu nói "pháp của ta là thật, các pháp khác đều chẳng thật", không

hỏi cũng biết kẻ ấy là ma! Trong tâm ông quả thật chẳng có chủ ý, may là bọn chúng đã hiện tướng xấu mà trong tâm vẫn còn ngờ vực chẳng quyết đoán được! Nếu kẻ học [đạo] ấy chẳng hiện tướng xấu xa, há ông chẳng bái kẻ ấy làm thầy, muốn đạt được thần thông diệu đạo của hắn ư? Thầy X… đã học viên dung, dạy người khác ăn thịt, đánh Phật, cho đó là viên dung, tức là dạy người ta ăn thịt của chính mình, đánh chính mình, cũng là do sức ma phát hiện. Huống chi loài bị giết kia cũng chẳng chịu nói như vậy (ăn thịt ta, đánh ta) đó ư? Phải biết: Người truyền bá, hoằng dương Phật pháp phải nương theo cấm giới của Phật, đã chẳng trì giới làm sao dạy người khác tu trì?

Hắn thấy Chí Công, Tế Điên đều có chuyện ăn thịt, nhưng Chí Công, Tế Điên chưa từng mang chức trách hoằng dương Phật pháp, chẳng qua gặp cảnh chạm duyên, đặc biệt chỉ dạy, thị hiện sự lý cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, nhưng người giữ nhiệm vụ [hoằng dương] pháp đạo muôn vàn chớ nên học theo! Hơn nữa, họ ăn vào thứ chết, ói ra thứ sống, còn bọn X… kia ăn thứ chết vào, ngay cả từng miếng từng khối còn nguyên dạng vẫn chẳng thể ói ra được. Ham học xằng lại còn dạy người khác nữa ư? Người duy trì Phật pháp, nếu chẳng y theo những điều Phật chế định thì chính là loài ma! Huống chi, gã ma con kia là quyến thuộc của ma vương, hoàn toàn chẳng phải là Phật pháp đó ư? Nay loại này đâu đâu cũng đều có, nhưng kẻ không có mắt như ruồi bu theo hơi thối, dẫu không vui cũng chỉ có thể đi theo chúng. Vì sao vậy? Bọn chúng thế mạnh người đông, nếu nói ra sự thật thì chẳng mắc họa rõ ràng ắt cũng mắc họa ngầm. Khuyên người cũng chỉ có thể khuyên ai có thể khuyên được mà thôi! Hắn đã mất trí phát cuồng, khuyên lơn sẽ bị cắn lại. Nếu ông đọc mười loại ma thuộc Tưởng Ấm trong kinh Lăng Nghiêm (cảnh Ngũ Ấm Ma chỉ có Tưởng Ấm nhiều nhất, là chuyện bọn ma con đời sau sẽ làm) thì đối với những cảnh tượng do gã ma con ấy hiện ra, há nào có chuyện động tâm hoài nghi nữa ư? Nhưng ông cũng có khí phận của ma, chẳng trừ khử khí phận ấy thì sau này cũng sẽ phát sanh ma sự!

Một là tánh tự thị, ông viết công văn cho người khác, viết những chữ [khiến cho] khá nhiều người kém học vấn đều chẳng nhận được mặt chữ, đấy có còn là tâm hạnh lợi người lợi vật nữa chăng? Nếu tôi không nói toạc ra thì sẽ suốt đời cứ như thế, chẳng biết phải hỏng bao nhiêu chuyện! Dẫu chẳng hỏng chuyện nhưng khiến cho người khác phải phí hết tâm tư để suy đoán thì chính mình cũng đã tổn phước rồi phải không? Ông Phùng Mộng Hoa là một vị cựu Thám Hoa[79], từng làm đến chức Tuần Phủ[80] tỉnh An Huy,

---

[79] Thám Hoa là danh xưng của người đậu Tiến Sĩ hạng thứ ba trong cuộc thi Đình. Người đỗ đầu gọi là Trạng Nguyên, người đậu hạng nhì gọi là Bảng Nhãn. Theo các nhà nghiên cứu, danh xưng này bắt nguồn từ đời Đường, các

về sau chuyên lo cứu tế tai nạn. Những chữ ông ta viết, người tầm thường chẳng hiểu được một nửa. Một năm kia viết thư cho tôi, tôi liền nói toạc lỗi ấy ra. Sau này, viết thư cho tôi, [ông ta] toàn dùng lối chữ Khải[81], nhưng hỏi đến người khác thì [khi viết cho người khác, ông ta] vẫn cứ y như cũ. Người ấy khá chăm đạo hạnh, nhưng con cháu đều chết sạch, đứa cháu nuôi để nối dõi cũng chết luôn. Ông ta tám mươi bốn tuổi mới mất, lúc mất đứa chắt mới được ba bốn tuổi. Cả một đời muốn dùng chữ nghĩa để ra vẻ ăn trên ngồi chốc, lại còn nhiều năm lo phát chẩn, rốt cuộc chỉ còn lại một nhà năm sáu bà góa, chỉ có một đứa chắt ba bốn tuổi, chẳng đáng buồn ư?

Hai là ngã mạn kiêu căng. Trước kia, ông viết thư xin quy y cho anh của ông, ký tên cuối thư chỉ ghi là *"cẩn khải"* (kính thưa). Vì sao coi nhẹ chuyện quy y như chuyện chẳng đặng đừng, chẳng đáng tỏ vẻ cung kính, rồi đâm ra tỏ thái độ thua cả sự lễ phép của người đi đường hỏi lối như vậy? Người đi đường hỏi lối còn phải vòng tay thưa hỏi. Ông thay mặt xin quy y, chỉ viết

---

ông tân tiến sĩ được vua đãi yến và đi thăm Thượng Uyển, gọi là "thám hoa viên" (thăm vườn hoa), nhưng danh hiệu này cho đến tận đời Bắc Tống vẫn chưa có. Vào thời Bắc Tống, người đỗ đầu gọi là Trạng Nguyên, người đậu thứ hai và thứ ba đều gọi là Bảng Nhãn với hàm ý: Hai người này là tả hữu của Trạng Nguyên, giống như hai con mắt trên khuôn mặt vị Thủ Khoa. Mãi đến cuối đời Tống, mới gọi người đậu Tiến Sĩ hạng thứ ba là Thám Hoa.

[80] Tuần Phủ là một chức quan xuất hiện từ khoảng năm 1371 thời Minh. Dưới đời Minh, do Tể Tướng Hồ Duy Dung cấu kết các thế lực địa phương định làm phản triều đình nên chức Tể Tướng bị phế bỏ, đồng thời Châu Nguyên Chương phân tán quyền hành các quan mỗi tỉnh để tránh nguy cơ các quan địa phương phản loạn. Do đó, lập ra chức Tuần Phủ làm người đứng đầu tỉnh lãnh đạo ba ty trực thuộc là Đô Chỉ Huy Sứ Ty (coi về binh bị), Thừa Tuyên Bố Chánh Sứ Ty (coi việc nội trị và trị an), và Đề Hình Án Sát Sứ Ty (coi việc xét xử, kiêm nhiệm cai quản nhà tù). Chức trách nhiệm vụ chủ yếu của quan Tuần Phủ là thâu thuế, lo việc trị an, chứ không trực tiếp cầm quân, tuy có thể điều động quân binh trong tỉnh nếu cần. Đến đời Thanh, cả nước Trung Hoa chỉ có mười sáu quan Tuần Phủ.

[81] Khải Thư là một trong bốn lối viết chữ Hán (Hành, Khải, Triện, Thảo). Khải Thư còn được gọi là Chân Thư. Đặc trưng của lối viết này là vuông vắn, ngay ngắn, đầy đủ nét, rõ ràng, không viết tắt, được coi là lối viết chữ Hán tiêu chuẩn bắt buộc trong các công văn. Theo các nhà nghiên cứu, Khải có nghĩa là "khải mô" (khuôn phép, mẫu mực). Các lối chữ Hành, Triện, Thảo đòi hỏi phải dụng công nghiên cứu và tập quen mới đọc được do nét chữ tung hoành, bớt nét, phá thể, nhiều khi khác hẳn tự dạng trong lối chữ Khải.

"cẩn khải", hệt như hỏi đường không vòng tay, chỉ nói "xin hỏi" mà thôi! Đấy chính là coi chuyện quy y và người thầy để ta quy y dẫu một đồng cũng chưa đáng! Nay đem chuyện của gã ma con ra hỏi, lại là "cẩn khải". Nếu tôi không nói toạc ra, suốt cả đời ông cứ ngã mạn, ngạo nghễ, mà vẫn chẳng biết là sai. Lâu ngày chầy tháng, ắt đến nỗi bị ma dựa! Ông lễ phép, tôi chẳng thêm được gì; ông vô phép, tôi cũng chẳng suy suyển gì! Nhưng do ông đã thờ tôi làm thầy, há nhẫn tâm chẳng trị bệnh cho ông, thiếu sót trách nhiệm của tôi ư? Vì thế, nói như vậy. Nếu nghĩ là tôi muốn được cung kính nên quở trách ông thì ông sẽ bị ma dựa chẳng lâu lắc gì nữa đâu! Thư này đừng để cho người khác xem để bọn đồ đệ ma khỏi tạo khẩu nghiệp (đây là thư trả lời cho lá thư đầu tiên).

50. Thư trả lời cư sĩ Lý Ấn Tuyền

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Buổi sáng hôm qua thư đưa đến, vừa bóc ra xem qua, liền viết thư phúc đáp ngay và đóng năm gói sách đưa cho người đem thư đến. Sau đó đem sách của ông gởi trả lại mới biết bên trong có hình ông. Quang nghĩ hai chữ Xuyên Tâm rất hay. Nếu đổi thành Truyền Tâm, tuy ý nghĩa có lẽ hay hơn, nhưng Quang cho là tự phụ, vọng tưởng mình là người truyền tâm ấn của Phật thì đâm ra không còn tốt đẹp nữa! Điều Quang thiếu sót chính là tâm bị nghiệp chướng, trọn chẳng thể xuyên được. Nếu có thể xuyên được thì xuyên chính mình và còn làm cho hết thảy mọi người đều xuyên theo, lại còn không có dấu vết. Nếu ông ham cái nghĩa ấy thì tôi cũng không có chỗ nào để chõ miệng vào cả!

51. Thư gởi cư sĩ Cao Khế Lý

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Mẹ ông đã bảy mươi mốt tuổi rồi, ngày tháng không còn nhiều nữa. Hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà: "Mọi người hằng ngày hãy thay phiên nhau niệm Phật trước mẹ". Vì sao vậy? Do bọn họ lúc thường ngày nếu không niệm Phật thì tới lúc mẹ ông sắp mất, họ cũng sẽ chẳng chịu niệm. Lúc bình thường đã quen niệm, đến lúc ấy sẽ niệm được. Phải thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương gởi về nhà cho bọn họ đọc, ngõ hầu hiểu được người đến lúc lâm chung phải nên [làm] như thế nào thì mới hữu ích, như thế nào sẽ bị tổn hại. Đã biết những điều thế tục thường làm đều là chuyện *"đã bị té xuống giếng còn bị quăng đá"* sẽ chẳng đến nỗi cứ nghĩ những chuyện ấy mới là hiếu, khiến cho mẹ chẳng được vãng sanh, ngược lại càng bị đọa lạc hơn.

Nay đặt pháp danh cho mẹ ông là Đức Siêu, nghĩa là: Do nhất tâm niệm Phật, liền có thể siêu xuất tam giới, cao đăng chín phẩm sen báu. Hãy răn nhắc [bà cụ] đừng cầu phước báo trời - người trong đời sau. Nếu có cái tâm mong cầu cho đời sau, chắc chắn chẳng được vãng sanh Tây Phương! Chuyện này khẩn yếu tột bậc! Giúp cho cha mẹ được vãng sanh thành công chính là giúp cho cha mẹ thành Phật! Công đức ấy cực lớn, không thể sánh tầy! Nếu phá hoại chánh niệm của cha mẹ khiến cho họ chẳng được vãng sanh thì tội lỗi ấy cũng cực lớn không thể sánh tầy! Ông hãy dốc chí nhé!

52. Trả lời thư cư sĩ Lý Thọ Đường

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm trước, thư ông được Bắc Bình Khắc Kinh Viện chuyển đến đây, [xem thư] biết ông khá có tín tâm. Nay đặt cho ông pháp danh là Huệ Ấm, nghĩa là dùng trí huệ để bẩm thọ pháp môn Niệm Phật của đức Như Lai hòng tự che chở, che chở cho người, khiến cho những chúng sanh bị nhiệt não[82] bức bách kia cùng được che rợp, được mát dịu trong đời hiện tại, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Chỉ y theo Gia Ngôn Lục tu trì, chắc chắn sẽ được lợi ích rốt ráo. Đừng nên học theo những pháp luyện đan[83], vận khí v.v… của ngoại đạo. Nếu trước kia đã từng học, hãy hoàn toàn bỏ đi thì mới có lợi ích.

---

[82] Nhiệt não: Những sự khổ não dày vò thân tâm, khiến chúng sanh bức rức, bồn chồn, đau đớn như bị nung nấu nên gọi là "nhiệt não". Phẩm Nhập Pháp Giới kinh Hoa Nghiêm có câu: *"Như chiên-đàn trắng nếu đem bôi lên thân sẽ trừ được hết thảy nhiệt não, khiến cho thân tâm được mát dịu trọn khắp"*.

[83] Luyện Đan: Còn gọi là Ngoại Đan để phân biệt với Nội Đan. Nội Đan là tập luyện bằng các phương pháp dưỡng sinh, hít thở để hấp thụ tinh hoa của nhật, nguyệt, trời đất (thường được gọi là "vận khí" hay Khí Công), thiền định, quán tưởng để kết "thánh thai" nhằm biến đổi xác phàm thành tiên v.v.. Ngoại Đan là phương pháp dùng những dược vật, hóa chất nung luyện thành những loại thuốc tiên (kim đan) để uống vào sẽ thành tiên. Luyện đan có thể coi như tiền thân của ngành hóa học hiện đại. Phối hợp với quan điểm Âm Dương Ngũ Hành cũng như những đặc tính được Đạo Gia gán cho những kim loại nặng (chẳng hạn thủy ngân chính là mẹ của bạc, chì là mẹ của các kim loại), các nhà luyện đan thường nấu chì, thủy ngân, vàng, lưu huỳnh… thành thuốc trường sanh bất lão theo những phương cách bí truyền trong một ngày giờ nhất định, dĩ nhiên kiêm thêm tụng chú, ếm bùa, cầu đảo để thuốc tiên được linh nghiệm. Rất nhiều loại "tiên đan" chứa những chất cực độc nên người uống vào hộc máu chết tươi!

Lại nên dạy bảo quyến thuộc trong nhà và hết thảy những kẻ hữu duyên bên ngoài khiến cho họ đều chí thành niệm Phật. Nếu chịu chân thật niệm thì trong đời này ắt gặp dữ hóa lành, lâm chung quyết định vãng sanh Tây Phương; lợi ích ấy làm sao diễn tả được? Ai nấy lại cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, đề xướng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo, khiến cho hết thảy mọi người đều giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành. Người niệm Phật làm được như thế thì là đệ tử thật sự của Phật. Ông từ mấy ngàn dặm gởi thư đến mà sao ghi địa chỉ vẫn viết tháu, chẳng cẩn thận, đúng lề lối, có thể làm hỏng chuyện vậy? Chỉ một chuyện này đủ biết ông làm việc phần nhiều chẳng nghiêm túc rồi!

53. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thiên Tây và Trịnh Viên Oánh

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Ba bốn hôm trước nhận được thư và hối phiếu (money order) một trăm đồng, đã nhận rồi, đừng lo. Ngay hôm ấy, Hoằng Hóa Xã đã gởi hơn ba chục bộ sách cho các vị, chắc là đã nhận được rồi. Do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa phúc đáp được. Trộm nghĩ: Chúng sanh đời Mạt Pháp căn cơ cạn mỏng, nếu không cậy vào Phật lực, chắc chắc khó thể liễu thoát. Do vậy, phải giữ chắc một môn "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ" thì mới có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm sen kia. Nếu lầm lẫn cho mình là cao quý, muốn cậy vào sức chính mình để tu các pháp môn Thiền, Giáo, Mật hòng liễu sanh tử thì phần nhiều sẽ là "có nhân, không quả". Vì sao vậy? Dù có thể triệt ngộ tự tâm, thâm nhập kinh tạng, nhưng chưa đoạn hết sạch Phiền Hoặc, chắc chắn chẳng có phần liễu sanh tử, huống hồ kẻ chưa thể triệt ngộ tự tâm và chưa thể thâm nhập ư? Mật Tông đề xướng "thành Phật ngay trong thân này" cũng chẳng phải là điều ai cũng có thể làm được! Người học Mật Tông thường bị ma dựa, đều là do chẳng biết tự lượng, lầm lạc muốn đắc thần thông và thành Phật mà ra!

Quý vị đã trọn đủ tín tâm, nên y theo pháp môn Tịnh Độ mà Quang đã nói để tu. Nên biết: Pháp này chính là pháp được hoằng dương bởi chư Phật, chư Tổ, chư đại thiện tri thức, Quang bất quá dựa theo ý nghĩa của lời chư Phật, chư Tổ, chư đại thiện tri thức mà truyền thuật lại. Đừng nói: "Ông là hạng người gì mà dám bảo người khác bỏ những pháp môn Thiền, Giáo, Mật do đức Phật đã nói để chuyên y theo lời ông nói đó mà tu ư?" Nếu nói như vậy chính là chẳng y theo lời Phật dạy, bởi những gì Quang đã nói chính là những gì mười phương ba đời chư Phật đều cùng nói. Há có nên vì Quang bất tài mà chẳng tin tưởng ư? Hiện thời tà ma, ngoại đạo nhiều khôn kể xiết, họ đều nói chính họ mới thật là bậc nhất. Quý vị chớ bị những loài ma con

ấy mê hoặc. Nếu trước kia đã từng dự vào môn hộ của chúng, hãy nên bỏ sạch hết đi. Chớ nói "lúc nhập môn đã thề độc, sợ bỏ đi chắc sẽ mắc họa!" Phải biết: Bỏ tà theo chánh, sao mắc họa được? Chẳng những không mắc họa, lại còn có công đức. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết chi tiết.

Những sách đã gởi đến đó, cứ chiếu theo khả năng của người ta mà trao ra, đừng nhất định phải trao sách theo đúng số tiền người ta đã trả. Nay tôi gởi một trang danh mục sách của Hoằng Hóa Xã, nếu có ai thỉnh nhiều để tặng cho người khác hòng kết duyên thì cứ dựa theo giá tiền trong danh sách mà thỉnh. Nếu có gởi tiền thì trên bưu phiếu xin đề rõ là Bưu Cục ngõ Dưỡng Dục, Tô Châu sẽ đỡ mất công nhiều lắm. Nếu chỉ viết là Tô Châu thì phải đưa về Tổng Cục [bưu điện], cách chùa Báo Quốc khoảng bốn dặm, gởi đi giao về khá bất tiện. Sợ người đưa tiền ghi tên [sách] không rõ ràng, xin hãy đem danh mục gởi lại kèm theo thư để khỏi đến nỗi chẳng thỉnh được sách rồi đâm ra nghi ngờ!

54. Trả lời thư cư sĩ Trầm Di Sanh

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nói đến chuyện làm câu đối để treo hai bên chữ "Phật" lớn, nay tôi soạn một cặp liễn, không biết có dùng được hay không? *"Mê ngộ tình không chứng tự tánh. Thánh phàm kiến tận hiển duy tâm"* (Mê, ngộ, tình không, chứng tự tánh, thánh phàm Kiến[84] hết tỏ duy tâm). Nếu viết theo lối tám chữ thì là "*mê ngộ tình không, viên minh tự tánh; thánh phàm kiến tận, triệt chứng duy tâm".* Lối văn tám chữ ý nghĩa cũng hay, tùy ý sử dụng. Phàm phu đang mê, tam thừa tuy ngộ, nhưng chưa đạt đến địa vị "mê lẫn ngộ đều mất" cho nên chưa thể chứng tự tánh rốt ráo viên mãn. Phàm phu có tình kiến phàm phu, thánh nhân có tình kiến thánh nhân, chỉ có đức Phật không có cả hai thứ kiến ấy. Do vậy, [đức Phật] triệt để tỏ lộ lý thể Duy Tâm.

Niệm Phật nhắm mắt dễ bị hôn trầm. Nếu không khéo dụng tâm rất có thể gặp cảnh ma! Chỉ buông hờ mí mắt (tức là như mắt các tượng Phật vậy) thì tâm sẽ lặng xuống, chẳng sôi động, cũng chẳng bị hỏa bốc lên đầu. Nếu ông niệm Phật mà trên đầu [dường như] có vật gì rờ đụng, hoặc lôi kéo v.v… là vì suy tưởng trong lúc niệm Phật khiến cho sóng tâm thức dâng trào đến nỗi tâm hỏa bốc lên. Nếu buông rủ mí mắt và hướng tâm suy tưởng xuống phía dưới thì tâm hỏa chẳng bốc lên, bệnh ấy sẽ mất đi. Chớ nên lầm tưởng [hiện tượng] ấy là công phu [đã đạt đến mức], cũng đừng sợ đấy là ma cảnh, chỉ chí thành nhiếp tâm mà niệm, và tưởng bản thân đang ngồi hoặc đứng trên

[84] Kiến ở đây là Kiến Hoặc.

hoa sen, nhất tâm tưởng ta đang ngồi hay đứng trên hoa sen thì hiện tượng ấy sẽ tự nhanh chóng biến mất (Nếu chẳng dám tưởng đang ngồi hay đứng trên hoa sen, sợ rằng có thể gặp ma sự, hãy chỉ nghĩ đến phía dưới bàn chân thì tâm hỏa lẫn hơi nóng trên đầu đều chẳng phát sanh nữa). Hiện nay tà ma ngoại đạo rất nhiều, chớ nên ôm lòng thăm dò, tu thử chút nào! Nếu có cái tâm ấy, ắt sẽ bị chúng dụ dỗ. Hễ lọt vào tròng của chúng, ắt sẽ đến nỗi mất trí phát cuồng. Nghe nói một vị pháp sư rất có tiếng tăm nay đã tự mình ăn thịt, dạy người khác ăn thịt, lại còn dạy người khác hủy hoại tượng Phật, ông ta đã hiện rõ tướng ma rồi đấy!

55. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Bài Tây Quy Tụng của Tử Kiến Ông[85] gồm một trăm sáu mươi chữ, ý nghĩa gần như chấp nhận được, nhưng văn từ còn vụng về, thiếu lưu loát, chỉ làm cho xong chuyện mà thôi. Cư sĩ [Khuất] Văn Lục đã ăn chay, trong khi tang ma, tế thần, đãi khách đều nên dùng đồ chay để khởi nguồn phong hóa cho địa phương. Muôn phần chớ nên thuận theo tục cũ, phô trương bày vẽ, sát sanh, tấu nhạc, biến đám ma thành tiệc tùng vui chơi, ngõ hầu đối với cha mẹ, đối với chính mình, đối với khách khứa, đối với xóm giềng đều có lợi ích. Hiện nay vận nước nguy ngập, bất luận là ai đều nên niệm Phật, niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Ngoại trừ cách này ra, làm bất cứ cách nào, chẳng lay chuyển được nghiệp nào, chỉ thành uổng công nhọc nhằn mà thôi. Mong hãy đem điều này nói với hết thảy những người hữu duyên.

56. Thư trả lời cư sĩ Đàm Thiếu Phủ
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được tin cáo phó lần trước, tính nói gốc - ngọn cùng ông ngõ hầu có ích cho cha mẹ, chẳng tổn hại chính mình, nhưng vì bận bịu không rảnh rỗi, rốt cuộc chưa thể trả lời thư được. Lần này nhận được thư ông là do Vi Nghiễm gởi từ chỗ anh ông ta tới, cũng đã gần mười ngày rồi. Nên biết: Người trong thế gian chỉ biết chú ý đến thân xác, đến nghi thức, chứ đối với hai phương diện tâm thức và lợi ích đều bỏ qua không xét đến. Dường như là muốn làm chuyện lợi ích, nhưng thật ra chỉ là làm chuyện sướng tai khoái mắt người đời, chẳng làm vì linh hồn của vong linh. Ông đã quy y Phật pháp,

---

[85] Tử Kiến Ông chính là cư sĩ Khuất Tử Kiến. Trong phần Tụng của Ấn Quang Văn Sao Tục Biên có lời đề từ cho bài Tây Quy Tụng này do chính tổ Ấn Quang viết.

hãy nên dốc cạn lòng thành niệm Phật, hồi hướng cho cha mẹ và dạy quyến thuộc trong cả nhà đều nén đau thương niệm Phật thì đối với cha mẹ, đối với chính mình đều có lợi ích lớn.

Hiện thời, vận đời nguy ngập, nếu có thể chí thành niệm Phật, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Nếu không, họa hại trong hiện thời khác hẳn khi trước, đúng là [muốn] tránh né nhưng không thể nào tránh né được, [muốn] ngăn ngừa nhưng không thể nào phòng ngừa được, cuộc sống người dân lúc này đáng thương đến cùng cực. Hãy nên nói cặn kẽ với quyến thuộc thì người còn lẫn kẻ mất đều hưởng lợi ích. Chùa miếu ở Quảng Châu đều bị hủy bỏ, mà cũng chẳng có Tăng chúng rất chân thật tu hành; gần đây càng thêm điêu linh thì chẳng có cách nào tìm được chân tăng! Chỉ có chính mình đem lòng chí thành niệm Phật, so với việc thỉnh tăng sĩ ăn thịt uống rượu đến niệm kinh, bái sám, công đức lớn hơn nhiều lắm! Niệm Phật là chuyện quan trọng nhất trong đời người, không phải là vì cha mẹ mất rồi mới niệm, còn lúc bình thường chẳng niệm! Làm đám tang cho cha mẹ [thoạt trông thì dường như chỉ] vì cha mẹ, nhưng thật ra, chính do cái chết của cha mẹ đã dẫn khởi các ông cùng chứng đại sự "muôn kiếp chẳng chết" vậy. Phải biết cảm ơn, hãy sốt sắng niệm Phật để báo ân.

57. Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lôi

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Trong lúc cõi đời loạn lạc này, mọi việc nên đơn giản là hay nhất. Nếu bày thêm chuyện phụ thuộc thừa thãi "có cũng được mà không cũng chẳng sao" thì sẽ gây phiền phức lớn lắm. Quán Âm Linh Thiêm[86] rất hay, nhưng nên cầu nơi chính mình. Nếu chân thành, thiết tha, không dối trá sẽ tự được Bồ Tát gia bị. Nếu cái tâm cầu nơi chính mình không chân thành, Bồ Tát

---

[86] Quán Âm Linh Thiêm (hay bị đọc trại thành Quán Âm Linh Sâm, hay Quán Âm Linh Xăm) thường được người Việt biết đến dưới tên gọi Xăm Quán Âm, gồm một trăm quẻ. Mỗi quẻ có hình thức như sau: Thứ tự của quẻ, quẻ tốt hay xấu, thuộc cung nào trong 12 chi, một điển tích trong văn học Trung Hoa, rồi lời bàn. Chẳng hạn như: *"Quẻ thứ hai, xăm Hạ Hạ, cung Tý, Tô Tần hỏng thi, thơ rằng..."* rồi đến lời bàn và lời nhận định chung cho toàn quẻ. Đây là một thứ hình thức bói toán bằng cách rút thăm do người Hoa chế ra, hầu như bất cứ vị tiên, thánh nào cũng đều có xăm, như Quan Thánh Đế Quân Linh Thiêm, Thiên Hậu Linh Thiêm, Đại Tiên Linh Thiêm, Tế Công Linh Thiêm, Lã Tổ Linh Thiêm… Ở đây, dựa theo niềm tin tưởng phổ biến vào sự bói toán, xin xăm của người Trung Hoa, Tổ đã khuyên dạy "hãy nên chí tâm niệm Phật, tận hết sức mình để sửa đổi vận mạng".

cũng khó gia bị được. Sách Lịch Sử Thống Kỷ tôi đã bảo thầy Minh Đạo chiếu theo [thư yêu cầu] gởi đi, lại còn bảo gởi hai bộ Phổ Đà Chí, tổng cộng là bốn bộ. Một bộ ông tự giữ, một bộ đưa cho Hồ Phụng Trần, hai bộ kia tùy theo cơ duyên mà tặng.

Sanh con không khó, dạy con rất khó. Rất nhiều kẻ chẳng hiểu việc, không có con bèn cầu Bồ Tát, đến khi có con chỉ biết quý báu; do đấy nuôi thành hạng hư hỏng nhiều lắm. Ví như trồng lúa, chỉ biết tìm hạt giống tốt và ươm cho lên mạ rồi thôi, tất cả những chuyện trừ cỏ dại, bón, tưới v.v… đều nhất loạt chẳng ngó ngàng tới. Giống lúa ấy tuy tốt, còn mong chi thâu hoạch được chăng? Như Quang hiểu biết, đến chín mươi chín phần trăm những kẻ không con và đông con đều là loại kết quả này. Chỉ có mình cha của Diêm Đan Sơ (Kính Minh) là người thương yêu con bậc nhất từ xưa đến nay. Cho nên nhờ các vị hương thân trưởng thượng [kềm cặp] khiến cho con ông được bổ vào Hàn Lâm, rồi làm quan to. Ông dạy con nghiêm ngặt cũng là thiên hạ xưa nay chưa hề có. Một mặt vun bồi đức hạnh, một mặt tận lực dạy dỗ. Nguyên do là vì yêu thương con thật sự. Lòng thương yêu của những kẻ khác thường là còn tệ hơn giết con, bởi giết con thì chỉ có một người chết. Đứa con không dạy dỗ sẽ chẳng nghiệp gì không làm, vĩnh viễn đọa trong tam đồ ác đạo. So với nỗi thảm khốc của một lần chết nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Sợ ông chẳng tránh khỏi [như vậy] nên tôi phải nói toạc ra trước để đề phòng!

58. Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được thư ông, biết đạo tâm chưa lui sụt, chí hướng vẫn cao, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Hãy nên biết: Học thánh, học Phật đều lấy *“giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành”* làm gốc. Lại còn phải giữ phận khiêm nhường, ẩn giấu tài năng, noi theo cổ nhân, tận tụy dõi theo đường lối thực tiễn. Làm được như vậy thì học vấn lẫn phẩm hạnh đều vượt trỗi những kẻ tầm thường. Thông thường những kẻ thông minh đều kiêu căng, khoe khoang, phô tài, chua ngoa, khắc bạc, tâm hoàn toàn thiếu sự hàm dưỡng. Kẻ ấy nếu không suốt đời trắc trở, ắt sẽ chết yểu lúc trẻ! Ông đời trước nhiều may mắn, vun bồi được thiện căn này, hãy nên dốc hết sức vun bồi ngõ hầu có thành tựu.

Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục, nên thường giữ tâm kiêng sợ, đừng để nẩy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn

chẳng dám làm quấy, huống gì là đối trước chỗ Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư? Mạnh Tử nói: *"Sự thục vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thục vi đại? Thủ thân vi đại"* (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn). Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đấy chính là bất hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng Tử lúc sắp mất, mới nói: *"Phóng tâm vô lự"* (tâm thảnh thơi không lo lắng). Kinh Thi chép: *"Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt, đề phòng, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng Tử còn như vậy, huống gì là lũ phàm tục, tầm thường chúng ta ư?

Nay gởi cho ông một bộ Lịch Sử Thống Kỷ, hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám, ba cuốn Gia Ngôn Lục. Thống Kỷ thì ông tự giữ để biết [cõi đời] bình trị hay loạn lạc, biết gương nhân quả. Thường xem Thọ Khang Bảo Giám thì chẳng đến nỗi phạm tà dâm và thủ dâm v.v... tự hại cuộc đời, tự hao phước thọ, chẳng bị tàn phế và chết chóc. Hãy nên tặng một cuốn sách này cho ông Lý Hồng Nghiệp, còn Gia Ngôn Lục thì ông với ông Cổ, ông Lý, mỗi người một cuốn. Y theo đó tu trì thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian đều biết được cương lãnh trọng yếu.

Cổ Vệ Sanh, Lý Hồng Nghiệp đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho Vệ Sanh là Huệ Sanh, nghĩa là dùng trí huệ cầu sanh Tây Phương, vĩnh viễn chứng đạo bất sanh bất diệt để tự bảo vệ mình, bảo vệ người, cùng được bất tử. Đặt pháp danh cho Hồng Nghiệp là Huệ Nghiệp, nghĩa là dùng trí huệ để đoạn trừ ác nghiệp thế gian, tu trì Tịnh nghiệp vãng sanh Tây Phương. Sự nghiệp như thế mới là "hồng nghiệp" (sự nghiệp vĩ đại). Tu thân lập nghiệp cho đến thành thánh, thành hiền trong thế gian nếu đem so với sự nghiệp vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử thì nhỏ bé vô cùng! Xin hãy đem đoạn thư này chép lại cho hai người ấy đọc, hoặc đem cả lá thư chép lại cho họ xem. Dẫu họ đã đến tuổi hoa giáp (sáu mươi) cũng được lợi ích, huống chi họ là hàng hậu sinh vừa mới qua tuổi đôi mươi!

59. Thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Trong đời trước, con người nghiệp nào chẳng tạo? May mắn được nghe Phật pháp, hãy nên sốt sắng tu trì để mong tiêu trừ túc nghiệp, siêu độ oan gia. Tất cả oan gia tuy khó cởi gỡ nhưng nếu chịu phát tâm Bồ Đề và thành tâm siêu độ sẽ không có [mối oán kết nào] chẳng cởi gỡ được! Ông niệm

Phật bị nghẹn hơi chẳng phải vì thân thể yếu đuối mà là do nghiệp chướng tạo ra, ông chỉ nên khẩn thiết, chí thành niệm. Nếu niệm không được thì tâm hãy thường tưởng nhớ. Nếu niệm được thì vẫn cần phải dùng miệng để niệm, không thể niệm được thì chỉ tâm chuyển, tâm nhớ, lâu ngày nghiệp ấy sẽ tiêu. Từ rày, phàm khởi tâm làm việc đều phải hướng theo phương diện ăn ở cho có tình nghĩa nồng hậu mà làm. Ăn ở trọn vẹn tình nghĩa thì thêm phước, ăn ở bạc bẽo thì chẳng đạt được phước gì! Nếu lại còn khắc nghiệt, hiểm độc, gian xảo thì giống như đảnh núi chót vót, mưa đẫm cách nào cũng không nhận được, bất cứ cây cỏ gì cũng không mọc được!

60. Thư trả lời cư sĩ Cát Chí Lượng
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hôm trước nhận được thư, khôn ngăn mừng - thẹn đến cùng cực. Vui là vì dường như cư sĩ đã có cơ chuyển biến, chẳng còn cậy mình thông minh như trước, nói bừa đạo lý, tôn sùng khoa học, miệt thị Phật pháp. Thẹn là vì tôi là một ông Tăng vô tri vô thức, tầm thường chỉ biết cơm cháo, nếu ai học theo tôi đều thành thân phận ngu phu ngu phụ. Muốn làm bậc đại thông gia, hãy nên bái một vị đại pháp sư dựng cao tràng pháp để khỏi uổng cái tâm quy y. Nếu thờ Quang làm thầy, sau này do Quang vô tri vô thức sẽ hối hận, bỏ đi, hóa ra là một phen làm chuyện vô ích! Nhưng Quang là kẻ thẳng tánh, ăn nói thẳng tuột, ông đã lầm lẫn gởi thư cho Quang, cố nhiên Quang không dám chấp nhận, nhưng cũng chẳng ngại trao đổi mấy câu để giúp cho việc lập thân hành đạo, liễu sanh thoát tử mai sau. Như kẻ không chân chỉ đường, dẫu chẳng thể đi được một bước, nhưng chẳng ngại gì hỏi tới để nhờ đấy mà về được nhà.

Những gì ông nói đều toàn là cậy vào ý kiến của chính mình, chẳng lấy thật lý, thật sự làm chuẩn. Nay ông đã biết sai, ắt phải cực lực đối trị tập khí ấy. Không trừ được tập khí ấy thì mỗi một cử động đều có thể tổn phước, chuốc họa. Câu nghi vấn đầu tiên của ông chính là lời hủy báng, chứ tuyệt đối chẳng phải là nghi vấn! [Dùng chữ] "nghi vấn" chính là chơi chữ để che đậy. So với chuyện nói thẳng thừng là không tin, lỗi lầm ấy còn lớn hơn nữa. Nếu vẫn cứ giữ thói ấy, chẳng biết sửa đổi ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng! Thuốc hay đắng miệng, không biết cư sĩ có chịu uống hay không?

61. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Thiền
(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Mẹ ông đã có thể niệm Phật thì hãy nên bảo các cô con dâu cùng bầu bạn niệm Phật với mẹ. Lại nên khuyên cụ ăn chay trường để trợ thành đạo

nghiệp cho mẹ, đó là hiếu. Nếu chỉ nghĩ "đừng niệm Phật, sợ nhọc nhằn tâm lực; đừng ăn chay, sợ rằng chẳng hợp phép dinh dưỡng" là hiếu thì lòng hiếu ấy giống như La Sát nữ yêu thương con người vậy. Lòng hiếu ấy phá hoại đạo nghiệp của mẹ, khiến cho cụ vốn có thể liễu sanh thoát tử lại đâm ra ở mãi trong sanh tử. Lòng hiếu ấy chính là lòng hiếu "đã xô xuống giếng, lại còn quăng đá", khiến cho mẹ ông chẳng được siêu sanh, đọa lạc suốt kiếp. Hiếu thì có hiếu đấy, nhưng chẳng biết [hiếu như vậy] hóa ra là ngỗ nghịch! Ông đã làm công chức, về mặt hình tích chẳng cần phải thể hiện vẻ tu trì, nhưng trong tâm địa há chẳng thể thường ức niệm ư? Giống như ông nhớ mẹ, ai cấm ông trong tâm thường nhớ nghĩ mẹ? Ông nêu ra những sự trở ngại ấy, hoàn toàn là luận trên hình tích, chứ không phải luận trên tâm địa!

Hiện nay thời cuộc nguy ngập như thế, nếu vẫn chẳng chịu thầm niệm Phật trong tâm, chuyện tương lai rốt cuộc chẳng biết giải quyết ra sao? Ông đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, những gì nói trong ấy chẳng đủ để giải quyết mối nghi [của ông], cứ cần phải có một lá thư vài trăm chữ mới thỏa lòng mong ngóng, đều là do thường ngày chẳng chịu thể hội, quán sát mà ra. Hãy nên dùng lòng chân hiếu để khuyên lơn các nàng dâu, và thường xuyên tự hành mật niệm (niệm thầm) thì lợi ích lớn lắm!

62. Thư trả lời cư sĩ Ngô Huệ Di và La Huệ Chú

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh Độ chú trọng nơi Tín - Nguyện, có kẻ chẳng biết cho nên hoặc cầu phước báo nhân thiên, hoặc cầu đời sau làm Tăng để hoằng dương Phật pháp, độ thoát chúng sanh. Những loại tâm niệm ấy đều phải trừ khử sạch sẽ; nếu có mảy may sẽ chẳng thể vãng sanh! Vãng sanh là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Không vãng sanh thì tuy một đời, hai đời chẳng mê, chắc chắn khó lòng vĩnh viễn chẳng mê. Hễ mê thì do có phước tu trì, bèn tạo nghiệp đáng sợ lắm! Ác nghiệp đã tạo, ác báo tự xảy đến, cầu thoát tam đồ chỉ sợ chẳng có ngày đâu!

Lại nữa, người niệm Phật phải nên khuyên quyến thuộc trong nhà cùng sanh tín tâm, cùng thường niệm Phật để chuẩn bị cho cha mẹ và các quyến thuộc trong nhà người ấy hễ có ai mạng chung liền trợ niệm cho. Nếu không, chẳng những không thể giúp cho [người sắp chết giữ được] chánh niệm, mà trái lại còn làm cho [người ấy] sanh khởi những tâm sân hận, ái luyến v.v… (tắm rửa sẵn, thay áo làm mất chánh niệm. Nếu dời động khiến cho [người sắp mất] bị đau đớn bèn sanh sân hận. Sân hận thì có thể đọa vào loài độc trùng. Nếu đối trước [người sắp mất] khóc lóc, người ấy liền sanh ái luyến. [Những chuyện này] đều làm mất chánh niệm, vĩnh viễn không mong chi được vãng sanh, buồn thay!) Người không niệm Phật còn chẳng đến nỗi bị tổn hại lớn, chứ người niệm Phật hễ bị phá

hoại, chánh niệm mất sạch, muốn được vãng sanh trọn không thể được! Từ đấy luân hồi trong lục đạo suốt kiếp dài lâu, đều là do bị bọn quyến thuộc ấy gây nên.

Nếu bọn họ chẳng phát tâm thì nên đem chuyện thời cuộc nguy hiểm, hễ chí thành niệm Phật chắc chắc gặp dữ hóa lành ra khuyên lơn. Nếu là nữ nhân mà chịu niệm Phật thì chắc chắn không bị đau khổ trong khi sanh nở. Nếu nữ nhân lúc bình thường chẳng biết niệm Phật, khi sanh nở hết sức đau khổ mà chịu chí thành niệm "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát", chắc chắn lập tức an nhiên sanh nở. Điều này linh cảm tột bậc, hãy nên nói với hết thảy bạn bè và những người quen biết, khiến cho họ ai nấy đều được sanh con tốt lành, lại còn làm cho cả mẹ lẫn con đều được yên vui, cùng gieo thiện căn. Có kẻ ít hiểu biết cho rằng lúc sanh nở lõa lồ bất tịnh, hễ niệm sẽ bị tội, chẳng biết đây là chuyện liên quan đến tánh mạng, chớ nên đem nghi thức lúc bình thường vô sự mà bàn. Ví như con cái té trong lửa, nước, vừa gọi cha mẹ, cha mẹ liền đến cứu giúp ngay, chắc chắn chẳng vì [con cái] mũ áo không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ mà không cứu! Nếu do vậy mà chẳng cứu thì cũng chẳng đáng gọi là Phật, Bồ Tát! Nếu là lúc bình thường, cố nhiên nên cạn lòng thành, tận lòng kính, chẳng được lấy chuyện trong khi sanh nở làm lệ.

Con người chẳng có ai không yêu thương con cái, nếu dạy con cái niệm Phật, niệm Quán Âm từ nhỏ, sẽ tiêu trừ được nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn mà chẳng hay chẳng biết. Huống chi kẻ tự mình thường niệm Phật, lúc lâm chung ắt càng chẳng nên khuấy rối, càng phải dùng niệm Phật để giúp đỡ ngõ hầu [người ấy] quyết định vãng sanh Tây Phương. Trong hiện thời, niệm Phật, niệm Quán Âm, gặp dữ hóa lành là điều chắc chắn. Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, chỉ nên đọc kỹ Văn Sao, y theo đó tu hành sẽ liền được lợi ích, đừng nên thường xuyên gởi thư để khỏi tự phiền, phiền người!

63. Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Người đang độ thiếu niên nếu chẳng gặp được thầy lành bạn tốt, ngày ngày qua lại với lũ bạn nhậu nhẹt, tà vạy sẽ nguy hiểm muôn phần. Nặng thì không bao lâu sẽ chết, nhẹ thì cũng thành yếu ớt, hoặc thành tàn phế. Xét đến nguyên do, đều là do chúng cứ nghĩ tìm hoa hỏi liễu là vui, chẳng biết là chuyện thảm khốc, hoặc giống như giết người, hoặc giống như giết hại con cháu đời đời. Những kẻ ham ăn chơi thường mắc bệnh phong tình, con cái sanh ra lúc nhỏ còn chưa thấy gì, đến khi mười hai, mười ba tuổi, tới lúc dậy thì sẽ thấy rõ. Con lại truyền cho con, cháu truyền cho cháu, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng đau đớn ư? Cha ông là Châu Tử Quyền bán thân bất

toại sợ rằng cũng là do tham sắc mà ra. Chớ nên tham tà sắc, dẫu vợ chồng sống với nhau cũng chớ nên tham đắm. Hễ tham thì sẽ bị một bề mất mạng hay sanh bệnh!

Người ấy đã phát tâm muốn quy y, hãy nên chí thành niệm thánh hiệu "nam-mô A Di Đà Phật" và "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát", hết thảy tạp niệm trong tâm nhất loạt chẳng cho khởi lên, sửa lỗi hướng thiện, và kiêng giết, ăn chay. Cần phải vĩnh viễn dứt bỏ chuyện ăn nằm; nếu chưa phải là khi bệnh tình đã bình phục hơn một năm, muôn vàn chẳng được gần gũi phụ nữ! Nếu không, muôn phần khó lành bệnh được! Lại nên dạy vợ con ông ta cũng nên niệm Phật và niệm Quán Âm cho ông ta. Nếu thật sự chí thành sẽ mau được lành bệnh. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Thoát, nghĩa là dùng trí huệ để thoát trừ những tập khí xấu trước kia, lại do niệm Phật cầu sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ sanh tử luân hồi, thường hưởng sự vui chân thường vô lậu, thì do cơn bệnh ngặt này mà được lợi ích lớn lao, vợ con người ấy cũng nhờ đây mà cùng được thoát khổ hưởng vui, may mắn lắm thay!

Ông ta đã không thể cử động được thì suốt ngày dùng tâm chí thành niệm Phật, hoặc niệm lớn tiếng, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm trong tâm đều được. Niệm ra tiếng thì có thể niệm sáu chữ, chứ niệm thầm trong tâm thì nhiều chữ quá sẽ khó niệm, nên niệm bốn chữ. Bất luận niệm lớn tiếng hay nhỏ tiếng, đều phải trong tâm niệm cho rõ ràng rành rẽ, miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng rành rẽ. Tuy chẳng thể lễ bái, trong tâm thường phải giữ lòng cung kính như đối trước Phật, như té vào lửa - nước cầu xin cứu giúp, trọn chẳng dám khởi một tâm niệm không chánh đáng. Từ sáng đến tối, ngủ thì để mặc đó, thức dậy lại niệm tiếp. Lấy niệm Phật làm bổn mạng nguyên thần của chính mình thì sẽ có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn, có thể hy vọng lành bệnh yên thân. Lành bệnh rồi vẫn chẳng được buông bỏ, [cứ tiếp tục niệm Phật] ngõ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vãng sanh Tây Phương.

Hiện thời là tình thế hoạn nạn, nếu chịu chí thành niệm Phật liền có thể gặp dữ hóa lành. Hàng nữ nhân trong nhà nếu chịu niệm Phật chắc chắn chẳng mắc họa sanh khó. Dẫu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật, đến khi sanh nở, sanh không được, chịu chí thành niệm "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" chắc chắn sẽ tức khắc an nhiên sanh nở. Chớ nên nói "lõa lồ bất tịnh, niệm sẽ mắc tội!" Trong lúc bình thường thì cần phải cung kính, sạch sẽ. Nếu mũ áo không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ, hoặc đang tắm rửa, tiêu tiểu, và khi ngủ nghỉ, đều nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Chỉ khi sanh nở, nên niệm ra tiếng, đừng nên niệm thầm. Những người săn sóc chung quanh cũng niệm giúp cho người ấy thì đôi bên đều có

công đức lợi ích. Nên đưa thư này cho ông ta xem và làm cho hết thảy mọi người đều biết thì mới có lợi ích cho ông ta được!

64. Thư trả lời sư Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, từng câu từng chữ trong tâm niệm cho rõ ràng, rành mạch, miệng niệm cho rõ ràng rành mạch. Nếu làm được như thế, dẫu chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có lắm kẻ chỉ mong lẹ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, cho nên không có hiệu quả! Nếu có thể nhiếp tâm thì mới gọi là người niệm Phật thật sự. Đại Thế Chí Bồ Tát đã ví dụ "như con nhớ mẹ", trong tâm con chỉ nghĩ đến mẹ, những cảnh khác đều chẳng phải là chuyện trong tâm chính mình. Vì thế có thể cảm ứng đạo giao. Lại nói: *"Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, đắc Tam Ma Địa[87], tư vi đệ nhất"* (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa (tức tam-muội), ấy là bậc nhất). Nói *"khiến cho tâm, miệng, tai đều được rõ ràng"* chính là pháp tắc nhiếp trọn sáu căn vậy (Tâm là Ý Căn, miệng là Thiệt Căn). Tâm và miệng niệm hợp cùng tai nghe thì mắt, mũi quyết định chẳng đến nỗi rong ruổi theo bên ngoài, thân cũng chẳng đến nỗi láo xược, phóng túng. Người đời nay niệm Phật phần nhiều đều chẳng chịu nỗ lực nên không có hiệu quả gì.

Lại nữa, khi không niệm Phật, vọng tưởng tuy nhiều nhưng không cách nào biết được, chứ không phải là lúc không niệm thì không có vọng tưởng! Ví như đối với hư không trong nhà, dẫu mắt cực tốt cũng không thể thấy được bụi bặm. Nếu từ khe cửa sổ soi vào một tia nắng, sẽ thấy bụi bặm trong tia nắng chao lên đảo xuống không khi nào ngừng, khi ánh sáng chưa chiếu đến nơi, vẫn chẳng thấy có bụi bặm! Vì thế, biết rằng: Khi niệm Phật mà nhận biết có vọng tưởng thì đấy vẫn là cái hay của việc niệm Phật. Lúc không niệm Phật, hoàn toàn bị vùi lấp trong vọng tưởng cho nên không biết!

Lại nữa, pháp Niệm Phật khẩn yếu nhất là có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Hễ có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt đến nhất tâm bất loạn vẫn có thể cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Nếu

---

[87] Tam Ma Địa (Samādhi), còn dịch là Tam Muội, Tam Ma Đề, Tam Ma Đế. Dịch ý là Đẳng Trì, Chánh Định, Định Ý, Điều Trực Định, hay Chánh Tâm Hạnh Xứ, có nghĩa là xa lìa hôn trầm, lao chao, chuyên tâm trụ vào một cảnh. Do quá nhiều ý nghĩa, chữ này thường được dùng dưới dạng dịch âm, chứ không dịch nghĩa. Thông thường, Tam Ma Địa được hiểu là quán tưởng ngưng lặng cho trí huệ rạng ngời, để đoạn trừ được hết thảy phiền hoặc, hòng chứng đắc chân lý.

không có tín - nguyện, dẫu tâm không có vọng niệm thì vẫn chỉ là phước báo nhân thiên vì chẳng tương ứng với Phật. Do vậy, đương nhiên phải chú trọng nơi tín - nguyện cầu sanh Tây Phương. Thật sự có tín - nguyện, vọng sẽ tự hết. Nếu lúc bình thường có vọng tưởng quá mức, muốn đắc thần thông, được danh dự, được duyên pháp, đắc đạo v.v… hoàn toàn lấy vọng tưởng làm bản tâm của chính mình như vậy thì càng tinh tấn, dũng mãnh, những thứ vọng tưởng ấy càng nhiều càng lớn! Nếu chẳng giác chiếu để dứt trừ vĩnh viễn những vọng tưởng ấy thì sau này vẫn bị ma dựa phát cuồng, há nào phải chỉ có vọng tưởng mà thôi ư? Vì thế, phải miệt mài đoạn dứt những thứ vọng tưởng quá mức ấy.

Thực hiện công khóa thì nên y theo chương trình của công khóa. Khi [đi kinh hành] niệm Phật xong trở về chỗ, niệm thêm [danh hiệu] hai vị Phật Thích Ca, Dược Sư cũng không ngại gì. Luận theo mặt lý thì lễ Phật trước khi chưa niệm chính là lễ Phật Thích Ca. Người đời phần nhiều xử sự theo tình cảm, không ai chẳng cầu tiêu tai, tăng tuổi thọ; vì thế, niệm thêm Phật Dược Sư. Thật ra, oai thần công đức của A Di Đà Phật bằng với oai thần công đức của mười phương ba đời hết thảy chư Phật, chứ không phải là niệm A Di Đà Phật chẳng thể tiêu tai, tăng tuổi thọ!

65. Thư trả lời cư sĩ Trần Kỳ Xương

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Xem bài văn phát nguyện đã tu chỉnh, có thể nói là "đại nguyện". Đối trước Phật phát nguyện hãy nên bày tỏ giản lược. Bài văn [phát nguyện] do các hạ đã soạn chính là lời phát biểu trước người khác và lời đề xướng, hướng dẫn, sao có thể gọi là bài văn sánh bằng bài văn [phát nguyện] của ngài Liên Trì, nào có hữu ích chi đâu? Hiện thời rõ ràng là một ông Tăng phàm phu đối trước Phật phát nguyện mà vẫn dùng hai chữ "thượng - hạ"[88] thì thật là thất lễ quá sức! Công khóa [do các hạ] đã lập ra nếu tuyệt đối không có chuyện gì thì còn có thể thực hiện được, chứ nếu có cha, mẹ, vợ, con, lại còn phải chữa trị khắp các chứng bệnh, không ai mời mà từ chối được; chỉ nội một chuyện này đã khó thể ứng phó được, huống gì là công khóa sớm, trưa, chiều ư? Các hạ và Quang hoàn toàn khác đường, Quang một bề giản lược, các hạ một mực phô trương, xin đừng lui tới tốt hơn!

---

[88] "Thượng - hạ" là cách tôn xưng danh hiệu một vị Tăng, chẳng hạn, thay vì nói sỗ sàng "kính bạch hòa thượng Trí Tịnh", ta thường nói "kính bạch Hòa Thượng thượng Trí hạ Tịnh" để tỏ lòng tôn kính. Ở đây, ông Tăng tự xưng pháp danh của mình mà cũng thêm vào hai chữ "thượng - hạ" nên bị Tổ chê là thất lễ.

Sách Long Thư [Tịnh Độ] Văn dạy niệm ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A Di Đà Phật, chuyện này nên luận trên phương diện dụng công, chớ nên luận theo phương diện nhiều hay ít! [Nếu đem so sánh] một câu này (tức câu niệm *"ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A Di Đà Phật*") với chuyện chỉ niệm sáu chữ Phật hiệu thì tuy mỗi ngày niệm được mười vạn câu, niệm suốt trăm năm, vẫn chẳng bằng được số lượng [đức Phật trong] một câu này. [Tức là số lượng đức Phật được niệm bởi] kẻ niệm sáu chữ niệm suốt một đời chẳng bằng [số lượng đức Phật được] niệm [bởi] một câu này. Nhưng kẻ niệm một câu này dẫu có tín nguyện vẫn chưa chắc có thể được vãng sanh[89], còn kẻ niệm [sáu chữ] suốt đời nhưng có tín nguyện thì chắc chắn có thể vãng sanh! Nên y theo quy định do chư Tổ đã thành lập mà niệm sáu chữ danh hiệu, đừng tính toán nhiều hay ít! Phải biết: A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, tức là một danh hiệu [A Di Đà Phật] này gồm trọn danh hiệu của mười phương tam thế hết thảy chư Phật, nào phải chỉ có ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm mà thôi ư? Ai nấy đều có tâm, có hạnh, có chí [khác biệt]. Đã hỏi đến bèn chẳng ngại gì nói thẳng. Đã khác đường lối, ắt chẳng nên gặp gỡ. Quang là kẻ vô tri vô thức, nào đáng gọi là bậc tông tượng[90] của Tịnh Độ! Há chẳng khiến cho người ta hổ thẹn không chốn dung thân ư?

66. Thư gởi cư sĩ Nguyễn Hòa Khanh

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Trước kia, ông Trần Dự Đường gởi thư đến cho biết có sáu người thiện nữ xin quy y, nhờ gởi thư về cho các hạ để chia ra giao [cho những người ấy]. Lại nói: bà Thích nhà họ Nguyễn quy y lần trước, pháp danh Đức Chánh chính là phu nhân của các hạ. Biết cư sĩ học Phật nhiều năm, người nhà đều được cảm hóa, thật đáng bội phục. Chẳng biết cư sĩ có tin tưởng chắc chắn nơi pháp Tịnh Độ hoành siêu hay chăng? Nay đã có nhân duyên này, chẳng ngại bày tỏ đại lược nỗi lòng. Suốt một đời đức Như Lai đã nói ra vô lượng

---

[89] Sở dĩ có tín nguyện mà vẫn chưa chắc được vãng sanh là vì tâm không chuyên nhất. Thêm nữa, ỷ vào số lượng đức Phật niệm trong mỗi câu rất nhiều sẽ rất dễ nẩy sanh giải đãi, không miên mật trì danh hiệu Phật nên vọng tưởng khó thể khuất phục được!

[90] Tông tượng: Tượng là người thợ. Bậc sư trưởng có thể đào tạo các đệ tử thành tựu Giới - Định - Huệ, phẩm đức kiêm ưu ví như người thợ khéo chế tạo vật dụng tinh vi nên được gọi là Sư Tượng. Vị thầy có thể hoằng dương mạnh mẽ một Tông cũng giống như vậy, nên được gọi là Tông Tượng.

vô biên pháp môn, tìm lấy pháp trực tiếp, nhanh chóng nhất thì không gì hơn được tham Thiền. Nếu là bậc thượng căn, nghe một ngộ được cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì[91], nhưng đấy vẫn còn là ngộ chứ chưa phải là chứng! Người có thể thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì trong đời Mạt quả thật chẳng thấy được mấy ai! Những kẻ khác phần nhiều đều là nhận lầm tin tức. Cái được gọi là Ngộ đó, phần nhiều đều là "thác ngộ" (lầm lẫn), ít có kẻ ngộ thật sự! Dẫu thật sự ngộ thì vẫn còn cách xa chuyện liễu sanh tử nhiều lắm! Vì tuy được khai ngộ, vẫn cần phải dùng đủ mọi phương tiện để đối trị phiền não tập khí từ bao kiếp đến nay khiến cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Nếu phiền não đã đoạn được chừng bao nhiêu đó, nhưng vẫn còn mảy may chưa đoạn hết thì vẫn cứ sanh tử y như cũ, không thoát ra được!

Nếu chỉ nghĩ "hiểu được tự tâm chính là đạo", ngoài ra không tu trì gì cả thì sự hiểu lầm ấy chẳng nhỏ đâu! Nếu hiểu biết, [nhưng không thấy] có phiền não nào để được cả, thì có thể gọi là "đắc đạo", người như vậy đã có thể chém đứt căn bản sanh tử cho nên có thể liễu sanh thoát tử. Nếu tuy hiểu biết, nhưng phiền não chưa đoạn thì làm sao có thể liễu sanh thoát tử cho được? So với kẻ chẳng nhận biết, tuy người ấy cao trỗi hơn nhiều lắm, nhưng sanh tử chẳng liễu thì lại phải thọ sanh, hoặc đâm ra mê muội, đáng sợ vô cùng! Đó là nói về người thật sự khai ngộ đấy nhé, còn những kẻ tưởng lầm là ngộ, càng khỏi cần phải nói đến nữa! Ấy là vì pháp Tham Thiền chính là pháp môn cậy vào Tự Lực, cho nên đem so với pháp môn Niệm Phật về mặt lợi ích thì thật chẳng khác nào một trời, một vực!

Pháp môn Niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong những pháp môn [đã được giảng] trong suốt một đời đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn,

---

[91] Tổng Trì (Dhāranī), còn dịch là Đà Ra Ni, Năng Trì, Năng Giá (có khả năng ngăn che), đều có nghĩa là huệ lực có khả năng gìn giữ, ghi nhớ hết thảy vô lượng Phật pháp chẳng quên mất. Hiểu theo nghĩa rộng, Tổng Trì có nghĩa là khả năng ghi nhớ không quên mất. Từ một nghĩa, một pháp có thể liên tưởng, nhớ được hết thảy pháp, hết thảy nghĩa, không quên mất, không sai sót. Theo Đại Trí Độ Luận, Tổng Trì gồm có bốn loại là Văn Trì Đà Ra Ni (năng lực nghe không quên mất), Phân Biệt Tri Đà Ra Ni (năng lực phân biệt biết hết thảy tà - chánh, tốt - xấu), Nhập Âm Thanh Đà Ra Ni (khả năng nghe hiểu hết thảy mọi ngôn ngữ âm thanh, nhưng không đắm trước, sân hận), Tự Nhập Môn Đà Ra Ni (nghe những chú ngữ bí mật liền có thể thông đạt Thật Tướng hết thảy các pháp). Du Già Sư Địa Luận lại nêu lên bốn loại khác là Nghĩa Đà Ra Ni, Chú Đà Ra Ni, Nhẫn Đà Ra Ni và Nghĩa Đà Ra Ni. Do có nhiều loại Tổng Trì nên kinh luận thường nói là "vô lượng tổng trì môn". Đại Tổng Trì là thông đạt bốn môn Tổng Trì nói trên.

gồm thâu lợi - độn. Bậc Thượng Thượng Căn như các vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, kẻ Hạ Hạ Căn như phường đại tội nhân Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể dự vào trong ấy. Chỉ cần có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì đều có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Nếu đã đắc tam-muội và đã đoạn dứt phiền não, hễ được vãng sanh sẽ liền dự vào địa vị đại Bồ Tát. Hết thảy pháp môn đều lưu xuất từ pháp môn này, hết thảy pháp môn đều quy hoàn pháp môn này (gọi là *"vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả"*). Dường như nông cạn nhưng sâu chẳng thể lường, tợ hồ nhỏ nhoi nhưng lớn lao không gì chẳng bao trùm. Mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng cậy vào đạo thành thủy thành chung này.

Sợ cư sĩ chưa gặp được người thật sự biết Tịnh Độ, chắc sẽ coi pháp này là thiển cận, bèn chuyên dốc sức nơi pháp Thiền minh tâm kiến tánh, cho rằng "hiểu biết được tự tâm là đã giải quyết xong rồi". Bởi thế, khôn ngăn dông dài một phen. Nếu lời Quang chẳng đáng tin, xin hãy đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và bộ Văn Sao của Quang sẽ chẳng nghĩ Quang sai lầm, bịa đặt. Nếu thật sự biết sự hơn - kém giữa Phật lực và tự lực, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn còn chấp vào chuyện chỉ suy xét tự tâm, cho rằng "hiểu được [cái tâm] chính là đạo, chẳng cần phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương". Cổ nhân như sư Viên Quán[92] biết được quá khứ - vị lai

---

[92] Viên Quán (còn có tên là Viên Trạch) là một vị cao tăng đời Đường, không rõ sanh năm nào, quê quán tại đâu. Sư sống tại thành Lạc Dương, bẩm tánh hoạt bát, chất phác, thích nghiên cứu Phật học, nhưng cũng rất ưa tạo tác tài sản thế gian. Sư mua được nhiều ruộng đất, vườn tược, nên người đương thời gọi Sư là Không Môn Nông Mục Phú Nhân (phú nông chăn nuôi giàu có trong cửa Thiền). Sư rất giỏi âm nhạc. Một người bạn tri giao của sư là Lý Nguyên, do cha là Lý Trừng bị giặc thảm sát, bèn cúng hết gia sản vào chùa Huệ Lâm. Mỗi bữa theo tăng chúng Huệ Lâm chỉ ăn một bữa. Lý Nguyên ham học tiên thuật luyện đan nên bèn khẩn khoản yêu cầu sư Viên Quán cùng sang Tứ Xuyên triều bái các núi Thanh Thành, Nga Mi v.v… để cầu tiên dược. Viên Quán muốn từ Trường An đi theo ngõ Tà Cốc, nhưng Lý Nguyên muốn từ Kinh Châu đi vào Tam Hiệp. Hai người cứ dùng dằng tranh chấp cả nửa năm không quyết định được. Đến khi Lý Nguyên cho biết ông ta không muốn theo đường Lạc Dương hay Trường An là vì không muốn chạm mặt những quan chức quen biết trong triều đình. Viên Quán bèn đồng ý đi theo lối Kinh Châu. Khi thuyền vừa đến Nam Phố, gặp nước ngược phải cắm thuyền, trông thấy một phụ nữ mặc áo gấm đội một cái vò nhỏ ra sông lấy nước, Viên Quán trông thấy bèn cúi đầu buồn khóc: "Sở dĩ ta không muốn đi con đường này là sợ gặp bà ta". Lý Nguyên hỏi: "Từ khi

vẫn chẳng thể liễu thoát. Sở ngộ về Thiền của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, người đời nay há có bén gót được chăng, nhưng họ vẫn phải thọ sanh trở lại! Do vậy, biết: Phàm phu quyết định phải tu pháp môn đặc biệt do đức Phật khai thị thì bất luận căn tánh như thế nào đều có thể liễu sanh thoát tử do cậy vào Phật lực vậy. Nếu cậy vào Tự Lực, sợ rằng có mộng cũng mộng không được! Chẳng biết cư sĩ có chịu tin lời này hay chăng?

67. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được thư ông từ ba hôm trước, biết lệnh lang[93] là Hà Sanh đã niệm Phật vãng sanh. Tuy về Thế Đế, tựa hồ [đó là] chuyện bất hạnh, nhưng vãng sanh là đã siêu phàm nhập thánh, quả thật là may mắn lớn lao. Nên luận theo Thật Tế, đừng chấp vào tướng thế gian rồi sanh bi cảm. Nay những kẻ mù quáng, khuấy rối đều do cha mẹ họ mong mỏi họ sẽ hưng gia lập nghiệp, vẻ vang tổ tông, nhưng chẳng biết cách nuôi dạy, nên đều trở thành những kẻ ác tự hại, hại người, hại đời. Do vậy, con người phải mở rộng tầm mắt để nhìn thì trong tâm sẽ thản nhiên, không lo lắng.

Chùa Báo Quốc có tất cả bốn mươi hai vị Tăng, ai nấy đều có chức trách, chẳng thể làm Phật sự. [Với số tiền] một trăm đồng ông đã gởi, tôi bảo chùa Linh Nham lập một bài vị trong Niệm Phật Đường. Chùa Linh Nham niệm Phật có thể coi là bậc nhất trong vùng Giang - Chiết, công khóa mỗi ngày chẳng khác gì khi đả Phật thất! Khi đả thất chỉ thêm ba lượt hồi hướng sáng, trưa, tối. Chùa này thuộc địa phương của Hòa Thượng Chân Đạt chùa Thái Bình, gần đây đã đổi thành [đạo tràng] thập phương, chuyên môn niệm Phật. Phàm những chuyện như niệm kinh, bái sám, Phóng Diệm Khẩu, làm đàn Thủy Lục, giảng kinh, truyền giới, thâu nhận đồ đệ, truyền pháp v.v… đều

---

vào đến Tam Hiệp, những phụ nữ ăn mặc như thế này cũng không hiếm. Sao với chỉ mình bà này, Sư lại khóc lóc?” Sư đáp: “Bà này họ Vương, sẽ là nơi ta thác sanh. Bà ta mang thai đã ba năm vẫn chưa sanh được, vì ta không chịu vào bụng mẹ. Nay đã trông thấy không thể trốn tránh được nữa! Đợi đến khi ta sanh xong, ba ngày sau đến thăm ta, ta sẽ cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Trung Thu lại hẹn gặp nhau ngoài chùa Thiên Trúc ở Tiền Đường, Hàng Châu”. Sư nói xong liền tịch. Sự việc sau này xảy ra đúng như lời Viên Quán đã nói. Khi trở về chùa Huệ Lâm, Lý Nguyên thấy Sư đã ghi chép sẵn việc này trong một trang giấy kẹp trong một cuốn kinh, mới biết Sư biết trước nhân quả nhưng vẫn không thể nào tránh né được.

[93] Danh xưng để gọi con trai người khác nhằm tỏ ý tôn trọng.

chẳng làm. Quanh năm niệm Phật, những tháng mùa Hạ nếu thuận tiện sẽ giảng pháp môn Tịnh Độ, chẳng chèo kéo người ngoài đến nghe.

Nhận được thư ông thì trong ngày hôm sau tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã đem những sách đã in trong một hai năm qua gởi đi mỗi loại một cuốn, chắc là ông đã nhận được rồi. Lại thêm do người ta thường nhân dịp nghỉ Tết đến thăm nhiều lắm, hiện thời không rảnh rang, đợi đến tháng Giêng năm sau sẽ vì Hà Sanh niệm Phật suốt ba ngày hầu thỏa tâm nguyện của ông. Mười đồng ông đã gởi sẽ dùng vào chi phí in sách.

68. Thư trả lời cư sĩ Lý Đức Minh (hai lá thư)

(năm Dân Quốc 24 - 1935, ông này vốn có tên là Bỉnh Nam[94])

1) Ngạn ngữ có câu: "*Thiên hạ bổn thái bình, duy nhân tự nhiễu chi*" (thiên hạ vốn thái bình, chỉ có con người tự khuấy rối). Người trí dùng trí để khuấy, kẻ ngu dùng dục để quậy. Mối họa do lòng dục khuấy nhiễu tuy khốc liệt, nhưng người ta còn biết được. Sự khuấy nhiễu của trí nếu chẳng phải là bậc tri kiến vượt trội sẽ chẳng thể biết được! Đã chẳng biết là khuấy nhiễu, lại ngược ngạo coi đó là đức. Đấy chính là cội nguồn gây nên đại loạn cho nước ta từ thuở mới có trời đất đến nay! Học thuyết gây lầm lạc cho con người thật đáng sợ sâu xa. Văn Vương ân trạch thấm đến xương khô không biết mấy trăm năm, nhưng phong tục giết người để tuẫn táng[95] phổ biến khắp thiên hạ, Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết một trăm bảy mươi bảy người để tuẫn táng. Ba vị họ Tử Xa[96] cũng chẳng vì là hiền thần của đất nước mà được miễn! Còn những kẻ chẳng hiền bèn giết chóc nhiều hơn nữa, sao nỡ nói đến!

Từ khi Phật pháp truyền qua phương Đông, nêu thật rành rẽ sự lý nhân quả luân hồi, những kẻ "ngoảnh mặt về phía Nam xưng Trẫm" thuộc những đời sau cũng chẳng dám làm. Dẫu ông vua bạo ác vẫn cứ muốn làm như vậy,

---

[94] Vị này chính là lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, thầy của hòa thượng Tịnh Không. Theo Tuyết Lư Lão Nhân Sự Lược trong Tuyết Lư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyển Tập, cụ Lý Bỉnh Nam tên thật là Lý Diễm, tự là Bỉnh Nam, hiệu Tuyết Lư, pháp hiệu Đức Minh, biệt hiệu là Tuyết Tăng, hay Tuyết Tẩu, quê ở huyện Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

[95] Tuẫn táng: Đây là một phong tục mê tín của cổ Trung Hoa, chôn người sống theo người chết để người chết có người hầu hạ, bảo vệ.

[96] Tử Xa là một họ rất cổ của đất Tần. Thời Tần Mục Công, có ba vị đại phu cùng được coi là hiền thần, cùng thuộc họ Tử Xa là Tử Xa Yểm Tức, Tử Xa Trọng Hành và Tử Xa Kiềm Hổ. Cả ba vị này đều bị vương thất nhà Tần hạ lệnh giết tuẫn táng theo Tần Mục Công.

quyết chẳng dám coi đó là vẻ vang cũng như cho là giết càng nhiều càng sang! Nếu như cõi đời không có Phật pháp, nhân dân ai được sống trọn hết tuổi thọ ư? Do vậy, tôi nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".* Ông Châu An Sĩ nói: *"Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã"* (Ai nấy biết nhân quả là đạo để thịnh trị vậy. Ai cũng chẳng biết nhân quả đấy chính là đường lối đại loạn). Họ Trình, họ Châu[97] thiên tư cao trỗi, ăn trộm nghĩa lý từ kinh Phật để giải thích kinh điển Nho giáo, lại sợ người ta học Phật, nên đặc biệt xướng lên dị nghĩa, cho là nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi do đức Phật đã nói đó thật ra đâu có chuyện ấy, chẳng qua Phật mượn những chuyện ấy để lừa dối ngu phu, ngu phụ tuân phụng Phật giáo đấy thôi! Hơn nữa, con người chết đi, thân xác đã hư mất, thần hồn cũng phiêu tán, dù có băm - vằm - xay - giã, còn có chỗ nào để làm? Hơn nữa, thần hồn đã phiêu tán, còn có người nào để thác sanh nữa đây?

Chuyện ấy là chuyện nông cạn nhất trong đạo Phật, nhưng lại là chuyện quan trọng nhất cho quốc gia xã hội. Họ đã đề xướng nhân quả luân hồi là hư vọng, sai lầm thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để răn, khư khư ôm xuông "chánh tâm thành ý" để làm cái gốc dạy dân, giữ yên đất nước, chẳng biết nếu không có nhân quả luân hồi thì chánh tâm thành ý và không chánh tâm thành ý có khác biệt chi đâu, bất quá chỉ là hư danh mà thôi! Nếu đã thật sự là không có thì còn ai bận tâm đến cái hư danh ấy? Trong giới Lý Học từ đấy trở đi, không kẻ nào chẳng lén lút xem kinh Phật, nhưng không một ai chẳng bài bác Phật pháp. Do chẳng đề xướng nhân quả nên ngược ngạo coi căn bản để trị quốc, trị dân, trị tâm là bàn xằng, thấy bậy!

Mấy trăm năm qua vẫn còn duy trì được, vẫn còn có lễ giáo trên hình thức. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang Đông, hoàn toàn ngả rạp theo gió Âu. Do không có căn bản nhân quả luân hồi nên mới thành phóng túng, quái quỷ, xa xỉ, tà vạy, không gì chẳng làm. Bản tâm của họ Trình, họ Châu thời ấy chính là [muốn] nhờ chuyện hủy Phật để bảo vệ đạo Nho, nhưng chẳng biết hủy Phật lại trở thành hủy Nho. Như hiện nay, Ngũ Kinh, Tứ Thư đã trở thành sách bị cấm đoán, trường học dù lớn hay nhỏ đều không cho học [những sách ấy]. Đấy là chứng cớ rõ ràng! Nho và Thích vốn cùng nguồn, [bọn Lý Học] cho là tâm tánh khác hẳn với thân hình, mưu tính diệt trừ tâm tánh nhưng thân hình bị diệt trước! Nếu hai ông ấy có thiêng, sẽ chẳng cho những gì chính mình đã nói là đúng, sẽ hối hận còn không kịp! Những lời lẽ ấy tợ hồ xa cách nhưng thật ra rất gần gũi, người đọc sách nếu không hiểu rõ

---

[97] Tức Trình Di và Châu Hy, những người sáng lập ra Tống Nho, chủ trương Lý Học.

ràng chỗ quan yếu này thì xem kinh Phật cũng sanh lòng tín ngưỡng, đọc những sách báng Phật bên Lý Học cũng sanh lòng tín ngưỡng, Lý và Dục đánh lộn trong cùng một tâm, tự lợi và lợi tha bị chướng ngại lớn lao! Do vậy, tôi nói đại lược mối tệ ấy, mong ông hãy suy xét thì những điều tương tự sẽ đều hiểu hết.

Trang Hậu Trạch tuổi đã sáu mươi lăm, muốn thờ ông Tăng chỉ biết cơm cháo làm thầy, nên đặt pháp danh [cho ông ta] là Đức Phù, nghĩa là: Dùng nhân quả báo ứng, tín nguyện niệm Phật để làm pháp tự giúp mình, giúp người, khiến cho hết thảy những người đồng hàng khi sống làm bậc thánh hiền, mất đi sanh về thế giới Cực Lạc. Ông Phương Trưởng Long, tên tự là Hàn Tuyền, dùng tấm lòng trong sạch không bon chen, cạnh tranh để nhuần thấm hết thảy nên có pháp danh là Đức Trạch.

Một chữ Chiến quan hệ rất sâu, ranh giới giữa lòng ham muốn của con người và thiên lý nếu chẳng tận lực chiến đấu thì lý bị lòng dục che lấp, khiến cho lý ắt bị ẩn, lòng ham muốn tỏ rõ vậy. Khổng Tử [nói] *"tứ thập [nhi] bất hoặc"* (bốn mươi tuổi không lầm lẫn) chính là [nói về] lúc lý thắng, dục bị khuất phục. *"Thất thập sở dục bất du củ"* (bảy mươi tuổi lòng ham muốn chẳng ra ngoài khuôn khổ) chính là thiên hạ thái bình, trọn không có chiến sự vậy! Khổng Tử nói: *"Ngã chiến tắc khắc"* (ta đánh trận ắt thắng). Khổng Tử suốt đời chưa hề nắm binh quyền, sao dám nói "ta đánh trận ắt thắng"? Đấy chính là ý chỉ nhỏ nhiệm của Khổng Tử nhằm dạy con người *"chế ngự ý niệm để thành thánh hiền"* vậy! Do vậy, đặt pháp danh là Đức Khắc. Thánh nhân rủ áo khoanh tay trị thiên hạ, điều cốt yếu chỉ là "vô dục". Vô dục thì không phải chiến đấu, có dục thì phải chiến đấu dài dài cho đến khi ta lẫn người đều chết hết, tấm lòng mới chịu nguội lạnh. Nếu không, ắt sẽ mong người khác chết để riêng ta còn sống, quyết chẳng nghĩ đến sự thảm khốc của chiến tranh để tạm ngừng. Vu Bái Lâm nếu biết "pháp môn Tịnh Độ của đức Như Lai là trận mưa dầm cam lộ cho chúng sanh trong chín giới", có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tự hành, dạy người thì một người xướng, trăm người hòa, nhìn nhau [bắt chước nhau] làm lành đông đảo lắm. Vì thế, đặt cho [ông ta] pháp danh là Đức Lâm.

Ông nói [bản thân] là người ở trọ, sợ không có người kế thừa. Nay bốn người này chính là những người có quê quán ở đấy, hãy nên bảo họ đem pháp môn này truyền bá vĩnh viễn. Quang giúp cho ông một tay, đem bốn mươi đồng tiền hương kính[98] của bọn họ hoàn toàn dùng làm chi phí gởi

---

[98] Theo thông lệ, người xin quy y dâng lên vị thầy truyền giới một món tiền cúng dường gọi là "tiền hương kính" với ý nghĩa cúng cho thầy có tiền mua nhang đèn thờ Phật.

sách khiến cho ông và bọn họ mỗi người có cái để bắt chước theo, chuyện tự hành, dạy người sẽ có căn cứ. Tôi sẽ liệt kê một danh sách [để gởi sách đi], phàm những bộ sách lớn và nghĩa lý sâu xa, hàm súc, bốn người [các ông] mỗi người giữ một phần; phàm những sách người thông thường cũng đọc được thì tùy tiện tặng cho người ta cũng như đem cho các tù nhân. Nhưng phải thiết tha dặn họ cung kính, chớ nên giống như người bình thường đọc các sách Nho trọn chẳng cung kính tí nào, ngõ hầu được lợi ích, chẳng đến nỗi chuốc lấy tội khinh nhờn, ô uế. Chuyện này hãy xem trong bài viết về "kính trọng sách, tiếc giấy chữ", ở đây không viết cặn kẽ.

2) Đã nhận được thư của ông và Huệ Tu v.v…từ trước, nhưng do Hoằng Hóa Xã nói: Có hai trăm cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy[99] (chỉ bảo đường rẽ) của ông Đức Khắc còn chưa gởi tới nên chưa viết thư trả lời. Ngày hôm qua, sách gởi ấy được gởi đến, Quang mục lực không đủ nên xem sơ qua hai ba bài, cảm thấy hay lắm bèn gắng sức xem ba bốn lần. Cả cuốn sách đều hay, nhưng có ba chỗ lầm lẫn, chẳng thể không nói rõ.

Trang năm mươi tám, dòng tám và chín, *"Sức Chung Tân Lương, Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu tặng đọc"*, đây là một cuốn sách nhỏ nên cũng không phiền cho lắm. Trang sáu mươi hai, hàng thứ hai: *"Các sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn, Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích, Sức Chung Tân Lương, Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao v.v… Hoằng Hóa Xã ở Tô Châu đều tặng đọc"*. Những sách này đều tặng đọc thì chi phí in sách lấy đâu ra? Hiện nay người học Phật thật đông, nếu đều là tặng miễn phí thì ai chẳng muốn thỉnh? Sao không coi kỹ mà lưu thông theo giá vốn, cần thỉnh bao nhiêu thì giao cho bấy nhiêu. Lưu thông nửa giá hoặc tặng không sẽ bị hạn chế. Nếu đều là sách tặng xem thì đừng nói không có nguồn tiền để in sách, ngay cả thợ in sách và đóng sách không biết phải dùng đến bao nhiêu người mới giải quyết được chuyện này. Chuyện này do thầy Minh Đạo lo toan, Quang hoàn toàn chẳng cho chuyện lưu thông nửa giá hay hoàn toàn biếu tặng là đúng! Có người có học vấn nhưng tương đối khá giả, yêu cầu bao nhiêu bộ sách lớn ấy thì cũng chỉ tính nửa giá. Quyền biếu tặng là tại nơi ta, chứ không phải nơi người, tùy theo ý ta mà tặng. Nếu công khai mà còn có hạn chế, người ta không đọc kỹ thì cũng khó ứng phó.

---

[99] Kỹ Lộ Chỉ Quy là tác phẩm của ông Chiến Đức Khắc, được tổ Ấn Quang và cư sĩ Lý Bỉnh Nam cùng giám định. Nội dung biện định nên theo tôn giáo nào, vì sao nên học Phật, ai là người có thể học Phật, rồi nêu bật phương pháp tu học Phật pháp thiết yếu nhất chính là pháp môn Niệm Phật. Đồng thời nêu rõ cách thức hành trì pháp môn Niệm Phật và chuẩn bị cho việc lâm chung như thế nào.

Nhưng đấy vẫn là chuyện thuộc về phương diện tiền bạc, nếu người ta trách móc, cũng có thể rút lại chương trình ấy, không đáng phải bận tâm! Chỉ có trang ba mươi hai, dòng tám và chín, *"từ Huệ Viễn Đại Sư đời Tấn cho đến gần đây nhất là Ấn Quang đại sư vẫn còn tại thế"*, mười hai chữ này tôi cảm thấy thật quá thất cách. Đức Khắc [viết như vậy] với dụng ý đề cao thầy, nhưng chẳng biết đã dựng [cái đích] cho mọi mũi tên cùng bắn vào. Mười hai chữ ấy nên đổi thành *"Từ Huệ Viễn đại sư đời Tấn cho đến Thiện Đạo, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Tỉnh Am, Triệt Ngộ* (Triệt Ngộ chính là ngài Mộng Đông, hiện thời ở An Huy có người tên Mộng Đông, cho nên chỉ dùng tên Triệt Ngộ) *đều là những vị có học vấn nhất"*. Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, dẫu biết lợi ích của pháp môn Tịnh Độ, sao lại có thể kể vào số những vị Tổ Sư trên đây! Vì chẳng biết do ông Đức Khắc tự viết, người hiện thời sẽ nói là ông ta làm theo ý Quang, người ta ắt sẽ cho Quang mạo nhận là bậc thông gia, muốn được kể ngang hàng với Sơ Tổ của Liên Tông thì Quang mắc tội lỗi về mặt nhân cách chẳng thể tưởng tượng được! May là nỗ lực xem hết cuốn sách, chứ nếu không, sẽ không có cách gì thâu thập được.

Nhất cử nhất động của chúng ta đều giữ bổn phận, người ta sẽ không để ý hủy báng. Nếu có chút khí phận khoe khoang, tiếm vị, vượt phận thì không những kẻ thổi lông tìm vết sẽ đều cất giọng công kích, phê bình, mà ngay cả bậc quân tử đức dầy cũng sẽ vì chuyện này mà coi thường. Xin hãy bảo với Đức Khắc sửa đổi ba chỗ ấy, mà cũng không phải thêm nhiều dòng, chỉ là thêm vài chữ nơi dòng tám và chín trong trang ba mươi hai, bởi hàng kế tiếp còn có mười một chỗ trống. Sách này được lưu thông, thật sự có lợi ích lớn lao. Quang cũng không phải là người khách trọ lâu ngày trong cõi thế. Khi tôi mất rồi, phàm là đệ tử của tôi chỉ nên y theo lời dạy tu trì, đừng liên miên lan man, đem tôi là một bức tượng đất đi thếp vàng ròng, đấy là đem phàm lạm thánh, chính mình và Quang đều mắc tội lỗi. Hãy đọc những bức thư gởi cho Phan Đối Phù và Mã Khế Tây trong bộ Văn Sao.

69. Thư trả lời tiên sinh Trịnh Quán Tịnh

(năm Dân Quốc 20 - 1931 – đính kèm nguyên văn thư hỏi)

Trước kia con đọc bài văn "kính tiếc giấy chữ" [của lão pháp sư], văn từ, nghĩa lý chánh xác, quả thật là phương thuốc mầu nhiệm để cứu chữa thói tệ đương thời. Theo như trong bài Công Quá Cách của Văn Đế (Văn Xương Đế Quân) có nói: "Dùng giấy có chữ bọc kinh, lót mõ, [phạm] năm mươi lỗi". Trước kia, con gởi thư hỏi tiên sinh Nhiếp Vân Đài: "Nếu dùng giấy báo để tập luyện thư pháp, viết xong đốt đi, có mắc tội khinh nhờn hay chăng? Có nên dùng để bọc kinh điển hay không?" Tiên sinh lại dạy rằng:

"Bỉ nhân cũng không tránh khỏi, nhưng cũng chẳng dám nói lời quyết đoán, xin hãy hỏi bậc cao tăng đại đức" v.v... Lại nữa, trước kia, cư sĩ Phạm Cổ Nông đã đáp lời hỏi của bỉ nhân như sau: "Kính tiếc giấy chữ thì dường như là đối với những văn tự trong báo chí, phải phân biệt xem có phải là kinh truyện của thánh hiền, có đáng để tôn trọng hay không v.v..." Những thứ giấy có chữ thông thường dùng để bao kinh sách, tập luyện thư pháp có được hay chăng? Kính xin lão pháp sư quyết đoán một lời.

Ngoài ra, trong bài Công Quá Cách của Văn Xương Đế Quân có nói: "Đưa con đi xuất gia phạm năm mươi lỗi", nhưng kinh Phật cực lực tán dương công đức xuất gia thù thắng. Do Văn Xương Đế Quân quy y, tin tưởng Tam Bảo, từng được Phật thọ ký, sao lại nói lời ấy rất mâu thuẫn với ý chỉ trong kinh như thế, cũng rất mong cầu lão pháp sư phán định.

Dùng giấy có chữ để bọc kinh hay lót mõ chẳng những là khinh nhờn giấy có chữ mà còn là khinh nhờn kinh điển, khinh nhờn đạo tràng! Ông là người đọc sách mà còn phải hỏi người khác chuyện này mấy lần ư? Dùng giấy báo để luyện viết chữ cũng không phải là không được, nhưng chớ nên viết bừa xóa loạn. Viết bừa xóa loạn sẽ trở thành thiếu ý thành kính. Ông Cổ Nông nói xét theo giá trị của chữ viết trên báo cũng gần hợp lẽ, nhưng ai dùng cái tâm ấy? Kinh truyện của thánh hiền đâu có chữ nào đặc biệt không dùng đến những chữ thông thường! Công Quá Cách nói *"đưa con em đi xuất gia mắc lỗi"* là nhằm ngăn ngừa thói tệ *"kẻ ác do ác tâm ruồng bỏ con em mà vẫn muốn được tiếng tốt"*, chứ không phải là chuyện cha - con, anh - em cùng phát Bồ Đề tâm đưa nhau đi xuất gia mà cũng bị tội. Tri kiến của ông hạn hẹp, chẳng hiểu biết viên dung, nên mỗi chuyện trong thế gian đều phải hỏi người khác nhiều lượt mà vẫn chẳng thể giải quyết được! Vì sao vậy? Do có Ngã Chấp. Tuy người khác đã giải mối nghi này cho ông, ông lại do lời giải thích mà sanh nghi, Ngã Chấp chẳng bỏ thì làm sao theo lời người ta cho được? Mấy câu nói ấy người hiểu rõ lý cố nhiên chẳng cần phải bận lòng suy tính, vì vốn đã tự hiểu rõ rồi. Nếu ông dùng tâm tư ấy để học Phật pháp thì suốt đời cũng chẳng thể vượt ra lối mòn tình tưởng phân biệt được!

70. Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Duy

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Đọc thư ông gởi đến, văn từ lẫn ý nghĩa đều hay, không thể thay đổi được, nên chẳng ghi lời phê. Ông hai mươi mốt tuổi, biết làm văn làm thơ, chính là đời trước có thiện căn, nhưng hãy nên khiêm tốn náu mình, đừng cậy thông minh khinh người, học vấn càng rộng rãi, càng cảm thấy không đủ thì sự thành tựu sau này sẽ khó thể suy lường được! Mười năm trước, pháp

sư Đế Nhàn có một đồ đệ tên Hiển Ấm là người cực thông minh, xuất gia năm mười bảy, mười tám tuổi, nhưng khí lượng quá nhỏ, không chịu thua kém một chút nào! Lần đầu tiên giảng Tiểu Tòa[100] xong, lễ sư phụ, sư phụ trọn chẳng chê ông ta giảng không hay, chỉ nói âm thanh quá nhỏ. Do một câu nói ấy liền ngã bệnh, mà ngài Đế Nhàn là người một mực làm cho ông ta thường sanh tâm hoan hỷ. Vì thế, [Hiển Ấm] tánh kiêu ngạo tăng trưởng hằng ngày, hằng tháng. Sau này, qua Nhật Bản học Mật Tông, những bài viết nhằm hoằng dương Mật Tông của ông đều gởi đăng trên tờ lâm san của Thượng Hải Cư Sĩ Lâm. Ông tự đặt mình vào vị trí cao cả, cho rằng chỉ có ta là cao. Sau đó về nước, đến chùa Quán Tông[101] thăm thầy. Ngài Đế Nhàn nói: "Ông thanh danh rất lớn, tiếc là chưa thật sự dụng công, hãy nên bế quan ba năm để dụng công thì mới nên". Ông ta vừa nghe câu nói ấy như dao cứa tim, ngay bữa ấy liền sanh bệnh. Ngày hôm sau ôm cơn bệnh đi qua Thượng Hải Cư Sĩ Lâm, được hơn một năm liền mất.

Ông ta mất không lâu, Quang đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải, một thành viên của Cư Sĩ Lâm là Châu Thạch Tăng đến thăm, hỏi tình hình lúc Hiển Ấm mất, [ông Châu] nói: "Hồ đồ! Phật chẳng niệm được, mà chú cũng chẳng niệm được". Đấy chính là hạng đại pháp sư hiển mật viên thông, tự cảm thấy trong đời không có ai sánh bằng, do không tự lượng, cậy vào huệ căn đời trước, thành ra mới hai mươi hai, hai mươi ba tuổi đã đoản mạng, chết thành con quỷ hồ đồ, chẳng đáng buồn quá đỗi ư? Nếu như Hiển Ấm chẳng tự cao, khiêm tốn náu mình thì những học giả Trung Quốc chưa chắc trỗi hơn ông ta được! Quang thương Hiển Ấm do đó mà chết nên lấy chuyện xe trước [bị đổ] để làm gương cho ông.

Hiện thời, Quang đã khổ không thể nói nổi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, hằng ngày đã có người đến [hỏi han], lại còn thư tín bốn phương, đừng nói chi chuyện trả lời, chỉ đọc [không thôi] cũng phải mất nhiều công sức. Quang ở Phổ Đà từ năm Quang Tự 19 (1893) cho đến năm Dân Quốc thứ năm (1916), hơn hai mươi năm khá yên vui, suốt năm không ai đến thăm, không một lá thư nào gởi đến. Từ năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ông Vương Ấu Nông đem một lá thư in ra mấy ngàn bản, ông Từ Úy Như đem

---

[100] Giảng Tiểu Tòa là một hình thức tập giảng. Trong một buổi giảng Tiểu Tòa chỉ có thầy và các đồng học tham dự hầu rút kinh nghiệm diễn giảng.

[101] Chùa Quán Tông thuộc thành phố Ninh Ba, vốn có tên là Thập Lục Quán Đường, được xây dựng vào thời Nguyên Phong (1078-1085) đời Bắc Tống, vốn là nơi tỳ-kheo Giới Nhiên tu quán tưởng Niệm Phật, quyên mộ dựng ra chùa này, gồm hơn mười sáu gian. Ngài Đế Nhàn trụ trì chùa này từ năm 1912, đổi tên chùa thành Quán Tông, biến thành một đạo tràng chuyên hoằng dương Thiên Thai Tông.

ba lá thư in ra mấy ngàn bản, rồi năm sau lại in Văn Sao. Từ đấy, một người truyền hư, vạn người truyền thật. Lại do chẳng tự lượng, khắc in các sách để mong lợi người. Hai mươi năm qua, đúng là chuyên bận bịu vì người khác, nay đã già rồi, mong bế quan làm kế lánh phiền. Đối với công khóa sớm tối, ngoài việc theo cả chùa thực hiện công khóa ra, mỗi tối niệm thêm chú Đại Bi năm mươi lượt, hoặc hai mươi lăm lượt. Ngoài ra, hễ lúc nào rảnh thì niệm Phật, chẳng nhớ số, bởi nhớ số tốn sức.

Ông có thời gian rộng rãi, sức lực mạnh mẽ, hãy nên nỗ lực nghiên cứu, tu trì pháp Tịnh Độ. Đây chính là đại pháp để phàm phu liễu sanh tử ngay trong đời này. Pháp này nếu không có túc căn thì đừng nói là người tầm thường không thể thấu hiểu triệt để, ngay cả bậc cao nhân lỗi lạc triệt ngộ tự tâm thâm nhập kinh tạng cũng quá nửa là không thể thấu hiểu triệt để được! Do họ chẳng biết đây là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, đều cứ chiếu theo nghĩa lý của các pháp môn thông thường nên chẳng chịu tin. Hoặc là có người tin, nhưng sợ chuyên hoằng dương Tịnh Độ, người ta sẽ coi thường mình, vì thế chẳng chịu đề xướng. Phải biết: Tu bất luận pháp môn nào, nếu Phiền Hoặc chưa đoạn, chắc chắn không liễu được sanh tử. Chỉ có một pháp này, chỉ cần đầy đủ tín nguyện liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Ông chớ nên coi qua loa, mà phải đọc kỹ nghĩ chín mới biết lời Quang không lầm!

Hiện nay, người giảng kinh cũng không ít, nhưng mỗi người tùy theo ý mình, ông nên tự tu trì ở chỗ [cư sĩ Giang] Dịch Viên, đến khi đã có chủ ý rồi, chẳng ngại gì tùy hỷ [tham dự] giảng tòa của các pháp sư. Ông phải tự thương mình, Quang mến ông, nên chỉ có lần này là viết hai trang, sau này cũng không rảnh rỗi để răn dạy nhiều lần được nữa đâu!

71. Thư trả lời Niệm Tây đại sư

(năm Dân Quốc 20 - 1931)

Nhận được thư, thấy một mực dùng những lời lẽ "đem phàm lạm thánh" để khen ngợi, khôn ngăn hổ thẹn, nên để đó không trả lời. Thêm vào đó, công việc bận bịu, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, nên dùng biện pháp [làm lơ] ấy. Tiếp đó, nghĩ tọa hạ thiên tư thông minh, mẫn tiệp, chẳng học Giáo mà chăm tu Tịnh nghiệp, ắt tương lai có thể kế thừa được các tổ sư Khuông Lô[102] để lợi ích khắp các chúng sanh, vì thế, viết thư trả lời. Những

---

[102] Khuông Lô, còn gọi là Khuông Sơn, hay Lô Sơn, ở thành phố Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Theo truyền thuyết, vào thời Châu có bảy anh em họ Khuông đến ẩn cư tại đây, rồi về sau cùng thành tiên bay đi. Chỗ ở của họ bèn biến thành ngọn núi cao, nên núi mang tên ấy. Núi dài đến 36 km, bề

câu hỏi trong thư nếu nói tường tận thì quá tốn bút mực. Do vậy, đối với lá thư gốc liền ghi vắn tắt vài chữ bên cạnh, nhưng mắt già lòa quáng, làm bẩn tờ hoa. Thứ nhất, Bảo Vương Luận[103] do pháp sư Phi Tích[104] đời Đường trước tác. Liên Tông Bảo Giám[105] ghi chép theo những lời ngoa truyền. Bảo

---

ngang gần 20 km, mặt Bắc nhìn xuống sông Dương Tử, mặt Nam nhìn xuống hồ Thẩm Dương, ngọn cao nhất là Hán Dương cao đến 1.417 m. Do chung quanh là nước nên núi lúc nào cũng mờ mờ ảo ảo trong sương mù nên Phật giáo Trung Hoa thường dùng từ ngữ *"Lô Sơn chân diện mục"* để ví cho bản lai diện mục của tự tâm. Sơ Tổ Huệ Viễn đã mở liên xã tu Tịnh Độ trên ngọn núi này.

[103] Bảo Vương Luận, gọi đủ là Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận, do Phi Tích đại sư soạn vào năm Thiên Bảo nguyên niên (742). Sư coi Niệm Phật tam-muội là vua của các tam-muội cho nên gọi Niệm Phật tam-muội là Bảo Vương tam-muội. Nội dung bộ luận này đề xướng vạn thiện đồng quy, ba đời đều cùng tu Niệm Phật. Luận này dẫn chứng rất nhiều kinh sách Tịnh Độ, dung thông những tư tưởng của Pháp Hoa, Bát Nhã, Đại Bảo Tích, Đại Tập, Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận v.v… Sách này được ngài Ngẫu Ích đưa vào trong Tịnh Độ Thập Yếu vào năm Vạn Lịch 36 (1608) đời Minh Thần Tông.

[104] Phi Tích (không rõ năm sanh, năm mất, nguyên quán): Là một vị cao tăng đời Đường, học vấn cao trỗi, kiến thức siêu việt, thông hiểu các học thuyết Nho Gia, Mặc Tử, tinh thông văn chương. Sư thường nghiên cứu Luật tông, sau tu Mật giáo, chứng ngộ khá nhiều. Vĩnh Thái nguyên niên (765) đời Đường Đại Tông, Sư phụng chiếu cùng mười sáu vị như Lương Phần v.v… tham dự đạo tràng dịch kinh của đại hành giả Mật Tông Bất Không, dịch được các kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã, Mật Nghiêm Kinh... Tuy thế, Sư đặc biệt chú trọng đề xướng Tịnh Độ nên đã soạn luận Bảo Vương Tam Muội. Ngoài ra còn soạn Thệ Vãng Sanh Tịnh Độ Văn.

[105] Liên Tông Bảo Giám, tác phẩm của ngài Ưu Đàm Phổ Độ chùa Đông Lâm soạn vào đời Nguyên. Tác phẩm này còn có tên là Lô Sơn Liên Tông Bảo Giám, Lô Sơn Ưu Đàm Bảo Giám, Lô Sơn Bảo Giám Niệm Phật Chánh Nhân, hay Niệm Phật Bảo Giám. Ngài Phổ Độ tự xưng là đồ tôn chánh truyền của Sơ Tổ Huệ Viễn, kế thừa tư tưởng Bạch Liên Tông của ngài Từ Chiếu Tử Nguyên đời Nam Tống. Sư thâu thập những kinh điển, sử truyện liên quan đến Niệm Phật tam-muội. Sư cảm thán trước hiện tượng quá nhiều người xưng là Liên Tông, nhưng chẳng hiểu được ý tổ Huệ Viễn cũng như lãnh hội ý chỉ của tổ Tử Nguyên, hiểu biết tà vạy, diễn dịch sai lạc pháp môn Tịnh Độ. Vì thế, qua tác phẩm này, Sư muốn hoằng dương giáo nghĩa Tịnh Độ chân chánh, đả phá những tà thuyết, nhất là trong lúc ấy, tà giáo Bạch Liên cố ý lập lờ với Liên Tông nên pháp môn Tịnh Độ bị triều Nguyên cấm

Vương Luận chia thành ba quyển, trong nguyên bản mỗi quyển gồm bảy môn. Hiện thời quyển trung chỉ có sáu môn là vì người mắt sáng đời sau đã lược bỏ môn *"niệm Phật ít được lợi ích như niệm Phật nhiều"* (Đây là tên gọi dựa theo ý tưởng[106]). Trộm nghĩ pháp sư Phi Tích thông hiểu rộng rãi kinh tạng và các sách vở. Thời ấy, chắc có kẻ ngụy tạo ra sách có thuyết ấy, pháp sư vì lòng đại bi chưa xét tường tận nên trích dẫn. Người lưu truyền [Bảo Vương Luận] sau này sợ kẻ vô tri đâm ra hiểu lầm, nên đặc biệt lược bỏ đi, thật là thích đáng đến cùng cực! Liên Trì đại sư cũng bác thuyết ấy. Có ai niệm [câu ấy] thì vẫn có công đức, nhưng chẳng được ngờ nghệch cho rằng niệm một câu Phật hiệu ấy vượt trỗi công đức của người khác niệm [sáu chữ danh hiệu Phật] suốt cả đời, như thế là lầm lẫn lớn, làm người khác bị lầm chẳng cạn! Nếu một người mỗi ngày niệm mười vạn câu, niệm trọn một trăm năm, cũng chẳng bằng số lượng [các vị Phật] trong một câu ấy. Kẻ ngu tưởng đấy là nghĩa lý chân thật, đâm ra khơi gợi cái tâm mong ngóng, lười nhác, biếng trễ của họ. Bỏ đoạn văn ấy đi có công đức lớn lao! Những nghĩa khác chẳng cần phải nói tường tận.

Bảo Vương Luận nằm trong sách Tịnh Độ Thập Yếu. Nay tôi đem bản được in trong năm ngoái gởi đi, chắc là được đại lợi ích vậy. Bản khắc gỗ từ trước đến nay đều là bản trích lược do môn nhân của ngài Ngẫu Ích đại sư là Thành Thời biên soạn. Do văn quá nhiều khó lưu thông, nên đặc biệt trích lược. Nhưng đại sư Thành Thời thông minh hơn người, quá tùy tiện, đọc đến đâu trích lược đến đó, cũng chẳng duyệt lại, nên đến nỗi trong bản ấy sai sót tầng tầng lớp lớp. Có chỗ từ ngữ chẳng diễn tả được ý, có chỗ khẩu khí sai lầm, tán loạn, có chỗ văn từ và ý nghĩa hoàn toàn mâu thuẫn (trong Tây Phương Hiệp Luận, trang bốn mươi, dòng thứ sáu, bỏ mất hai chữ Dụng thì văn và nghĩa hoàn toàn trái nghịch. Trong kinh (tức kinh Bát Châu Tam Muội) này, hễ dùng với nghĩa

---

đoán. Sách chia ra nhiều chương, mỗi chương gồm lời nhận định chung, dẫn những kinh luận trọng yếu và hành trạng, ngôn giáo của các vị cổ đức. Tác phẩm này khi được dâng lên Nguyên Thành Tông, nhà vua đã đích thân duyệt xét và cho phép ấn hành.

[106] Đây là dị thuyết cho rằng nếu niệm danh hiệu ba mươi sáu vạn ức mười một vạn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A Di Đà Phật thì dẫu niệm ít vẫn có công đức lớn lao không thua gì niệm liên tục sáu chữ hồng danh Di Đà. Thậm chí không cần liên tục niệm Phật, mỗi ngày chỉ niệm vài câu này là đủ rồi! Chư Tổ Sư Tịnh Độ như các vị Liên Trì, Ngẫu Ích đều bác thuyết này vì nếu cứ nghĩ như vậy sẽ sanh tâm phân biệt Phật nhiều, Phật ít, không thể nhất tâm, cũng như sẽ lười nhác không chịu niệm Phật liên tục chẳng gián đoạn!

là Dĩ thì đều viết thành Dụng. Sư Thành Thời không suy xét, bỏ chữ Dụng đi[107]). Nếu chịu đọc lại lần nữa, quyết chẳng đến nỗi để sai sót đáng tiếc như thế. Hơn nữa, lược bớt quá nhiều, chỉ còn được hơn hai phần năm [nguyên tác]. Vì thế, lúc đầu Quang bảo ông Từ Úy Như tìm kiếm để khắc in; sau này may mắn mười thứ[108] [kinh luận đã được chọn vào Tịnh Độ Thập Yếu] đều tìm được, nên đặc biệt đem in ra một vạn bộ. Xin hãy đọc lời Tựa của Quang sẽ tự biết.

---

[107] Để dễ hiểu ý Tổ, xin trích nguyên văn Tây Phương Hiệp Luận của ông Viên Hoằng Đạo đời Minh: *"Nhất Bát Châu Tam Muội kinh: Phật cáo Bạt Đà Hòa Bồ Tát: Nhược sa môn, bạch y, sở văn Tây Phương A Di Đà Phật sát, thường niệm bỉ phương Phật, bất đắc khuyết giới, nhất tâm niệm, nhược nhất nhật trú dạ, nhược thất nhật thất dạ, quá thất nhật dĩ hậu, kiến A Di Đà Phật, ư giác bất kiến, ư mộng trung kiến chi. Thí như mộng trung sở kiến, bất tri trú, bất tri dạ, diệc bất tri nội, diệc bất tri ngoại, bất* ***dụng*** *tại minh trung cố bất kiến, bất* ***dụng*** *hữu sở tế ngại cố bất kiến. Như thị Bạt Đà Hòa Bồ Tát, tâm đương tác thị niệm"* (một là như trong kinh Bát Châu Tam Muội có nói: Phật bảo Bạt Đà Hòa Bồ Tát: 'Nếu hàng sa môn hoặc kẻ bạch y nghe nói về cõi Tây Phương của Phật A Di Đà, thường niệm đến đức Phật ở phương ấy, giữ giới chẳng được thiếu sót, nhất tâm niệm, thì hoặc trong một ngày đêm hoặc trong bảy ngày bảy đêm, sau bảy ngày sẽ thấy Phật A Di Đà, nếu khi tỉnh không thấy thì sẽ được thấy trong mộng. Ví như những gì được thấy trong mộng chẳng biết là ngày, chẳng biết là đêm, cũng chẳng biết bên trong, cũng chẳng biết bên ngoài, chẳng vì ở trong tối tăm mà chẳng thấy, chẳng vì bị che lấp ngăn ngại mà chẳng thấy. Như thế đó Bạt Đà Hòa Bồ Tát, tâm nên niệm như thế'). Tổ Ấn Quang giải thích hai chữ "dụng" ở đây phải hiểu là chữ "dĩ". Do không chú ý nên sư Thành Thời đã lược bỏ hai chữ Dụng này đi.

[108] Tịnh Độ Thập Yếu gồm mười tác phẩm gộp lại: A Di Đà Kinh Yếu Giải (của ngài Ngẫu Ích soạn), Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nguyện Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyện Nhị Môn (hai cuốn này đều do ngài Tuân Thức đời Tống soạn), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sơ Tâm Tam Muội Môn (do ngài Thành Thời soạn), Thọ Trì Phật Thuyết A Di Đà Kinh Hạnh Nguyện Nghi (cũng do ngài Thành Thời soạn), Tịnh Độ Thập Nghi Luận (do ngài Trí Khải soạn vào đời Tùy), Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận (của ngài Phi Tích đời Đường soạn), Tịnh Độ Hoặc Vấn (do ngài Thiện Ngộ đời Nguyên soạn), Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trực Chỉ (do ngài Diệu Hiệp soạn vào đời Minh), Tây Trai Tịnh Độ Thi (do ngài Phạm Kỳ đời Nguyên trước tác), Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận (do ngài Truyền Đăng soạn vào đời Minh) và Tây Phương Hiệp Luận (do cư sĩ Viên Hoằng Đạo soạn vào đời Minh).

Thứ hai, nguyên văn ghi: *"Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ"*, cổ đức giải thích: *"Niệm lớn tiếng thì thấy được thân đức Phật lớn; niệm nhỏ tiếng thì thấy được thân đức Phật nhỏ"*, cũng có thể giải thích là: *"Niệm với cái tâm lớn thì thấy được thân đức Phật lớn; dùng đại Bồ Đề tâm niệm Phật thì sẽ thấy được Ứng Thân thắng diệu của Phật, hoặc Báo Thân"* (đây là thuyết của Quang). Lời này trích từ sách khác, chứ không sao lục trực tiếp từ kinh Đại Tập[109] ra. Quang sanh ra liền bị bệnh mắt, ngoài bốn mươi tuổi chẳng thể thường xem kinh. Vì thế, chưa thể đọc hết toàn bộ Đại Tạng. Kể từ năm Dân Quốc thứ bảy (1918) đến nay, suốt ngày bận bịu trả lời thư, đúng là không rảnh rỗi để xem kinh. Nay mục lực yếu đến tột cùng, có lúc

[109] Kinh Đại Tập (Mahā-Samnipāta-Sūtra), có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, chính là tổng tập của các kinh thuộc hệ thống Đại Tập Bộ. Vào năm thứ 16 sau khi thành đạo, đức Phật tập hợp tất cả các Bồ Tát và long thiên quỷ thần trong mười phương cõi nước, giảng cho họ nghe pháp tạng thậm thâm về mười sáu thứ đại bi, ba mươi hai thứ nghiệp v.v… chủ yếu tuyên giảng về Lục Ba La Mật của Đại Thừa và tánh Không của pháp, cũng như các giáo nghĩa, đà-la-ni trong Mật giáo và những chuyện hộ pháp của các vị Phạm Thiên, long chúng v.v… Ngoài phương diện xiển dương tánh Không ra, kinh này mang đậm sắc thái Mật giáo. Toàn kinh chia làm mười bảy phẩm, gồm sáu mươi quyển. Từ phẩm thứ nhất đến phẩm 11 do ngài Đàm Vô Sấm dịch vào đời Bắc Lương, phẩm 12 do ngài Trí Nghiêm và Bảo Vân cùng dịch vào đời Lưu Tống (phẩm Bảo Kế Bồ Tát này còn có bản dịch khác mang tên Vô Tận Ý Bồ Tát Kinh), phẩm 13 do ngài Đàm Vô Sấm dịch, phẩm 14, 15, 16 do ngài Na Liên Đề Da Xá dịch. Ba phẩm này còn được dịch với các tên khác là Đại Thừa Đại Phương Đẳng Đại Tập Nhật Tạng Kinh, Đại Thừa Đại Phương Đẳng Đại Tập Nguyệt Tạng Kinh, Đại Thừa Tu Di Tạng Kinh. Phẩm 17 tập hợp những kinh về Lục Độ do ngài An Thế Cao dịch. Ngoài ra, kinh này còn có nhiều bản dịch khác tương đồng như: Phẩm 1 và phẩm 2 tương ứng với Đại Ai Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn. Phẩm 3 tương ứng với Bảo Nữ Sở Vấn Kinh cũng do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Phẩm 5 tương ứng với Hải Ý Bồ Tát Sở Vấn Tịnh Ấn Pháp Môn Kinh do ngài Duy Tịnh dịch vào đời Bắc Tống. Phẩm 6 tương ứng với Vô Ngôn Đồng Tử Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Phẩm 8 tương ứng với Đại Tập Hư Không Tạng Bồ Tát Sở Vấn Kinh do ngài Bất Không dịch vào đời Đường. Phẩm 9 tương ứng với Bảo Tinh Đà La Ni Kinh do ngài Ba La Phả Mật Đa dịch vào đời Đường. Phẩm 10 tương ứng với Bảo Kế Bồ Tát Sở Vấn Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Phẩm 11 tương ứng với A Sai Mạt Bồ Tát Kinh cũng do ngài Trúc Pháp Hộ dịch.

còn phải thức đêm để lo tiếp chuyện bút mực ban ngày, khổ sở hết sức. Tính năm sau ẩn dật vĩnh viễn, chuyên trì Phật hiệu cho hết tuổi thừa!

Pháp Niệm Phật há nên chấp chặt vào lề lối nhất định, cổ nhân lập ra phương pháp giống như tiệm thuốc có đủ các loại thuốc. Cách dùng của chúng ta là phải phù hợp với tinh thần, khí lực và thiện căn xưa kia của chính mình. Niệm Phật lớn tiếng hoặc nhỏ tiếng, hoặc [niệm] Kim Cang, hoặc niệm thầm, không cách nào chẳng được. Hễ hôn trầm chẳng ngại gì niệm lớn tiếng để đẩy lùi cơn hôn trầm tán loạn thì cũng được. Nếu thường niệm lớn tiếng ắt sẽ đến nỗi bị bệnh. Đừng nói người thông thường chớ nên thường [niệm] như vậy, dẫu người hết sức khỏe mạnh cũng chớ nên thường như thế. Trong một ngày, hễ nóng thì bỏ bớt áo, lạnh thì mặc thêm áo, há nên đối với một pháp niệm Phật để liễu sanh tử lại chấp chết cứng [vào một pháp] nhất định, chẳng chọn lấy pháp thích nghi, há có còn được gọi là "biết pháp" hay chăng? Lại còn có người đề xướng lần chuỗi nhớ số, cách này vừa có lợi vừa có điều tệ. Lợi là mỗi một câu niệm, lần một hạt, chẳng dễ dãi lướt qua thì tâm dễ quy về một mối. Điều tệ là khi tịnh tọa mà lần chuỗi thì tâm ắt khó an định được, lâu ngày sẽ thành bệnh.

Hơn nữa, tinh thần con người mỗi người mỗi khác, há nên chấp vào một pháp, chẳng biết điều chỉnh theo mỗi việc ư? Phàm là mọi người cùng nhau tu trì nên căn cứ theo tinh thần của mọi người để liệu định riêng biệt. Cá nhân tu trì cũng phải chiếu theo tinh thần của chính mình mà định. Đâu có pháp chết cứng buộc mọi người đều phải tuân thủ ư? Sau khi dùng tinh thần đến tột cùng rồi, nếu không lui sụt, lười nhác, ắt sẽ đổ bệnh. Lượng theo sức mình mà làm sẽ có ích, không bị tổn hại.

Hoằng Hóa Xã ở tệ xứ mang tánh chất lo liệu thay cho người khác, những kinh sách đã in đều tính giá tiền theo giấy mực và công thợ in, những khoản chi phí ấn loát khác và các chi phí cần dùng đều chẳng tính vào [giá] sách, cũng có khi hoàn toàn biếu không hay tính tiền một nửa, nhưng chỉ là một số ít. Nay đem những sách quan trọng mới được in gần đây gởi cho tọa hạ mỗi thứ một phần. Sau này, nếu lại muốn thỉnh sẽ căn cứ theo danh mục mà tính toán giá cả để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã, cũng đừng có thuận tay gởi thư cho Quang nữa! Từ mùa Đông năm ngoái, phàm với những thư gởi đến, Quang đều nói: "Từ rày đừng nên gởi thư đến nữa. Gởi đến nhất định không trả lời, cũng chẳng chấp thuận việc giới thiệu người khác [xin] quy y [với Quang] để khỏi nhọc nhằn quá mức đến nỗi mù mắt và hao tổn tánh mạng". Xem những câu hỏi của tọa hạ, đa phần là do chẳng biết suy xét tường tận mà ra. Nếu suy xét kỹ càng hơn, ắt chẳng cần phải hỏi người khác! Những lời [tọa hạ] trước sau khen ngợi [Quang], đáng tiếc là văn chương tuy hay nhưng dùng lầm chỗ vậy!

72. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù

Nhận được thư từ hôm trước, nhưng gần đây công việc khá bận rộn, nên trả lời thư trễ nãi. May là cả nhà ông vẫn tu trì như cũ, thật là mừng rỡ, an ủi lắm. Mấy năm nay tai họa xảy ra quá thường xuyên, thật đáng nguội lạnh cõi lòng, nói chung là do lòng người ngày càng bại hoại mà ra! Những phương cách giúp cho nạn nhân có cái để gầy dựng lại cuộc sống về sau đều là các phương cách quan trọng để cứu giúp trong lúc ngặt nghèo, nhưng cách này không phải là thường có. Nay để làm chuyện thường có, đặc biệt lập ra một pháp, mong hãy thường truyền bá thì lợi ích vô cùng. Hiện thời là lúc tình thế đại hoạn nạn, bất luận phú quý hay nghèo hèn, già, trẻ, trai, gái đều nên niệm thánh hiệu "nam mô A Di Đà Phật" và niệm "nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" để làm căn cứ phòng ngừa tai họa. Phàm đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, hạn hán, lụt lội, thổ phỉ, cường đạo, và các tai họa ngoài ý muốn, bệnh tật do oán nghiệp, oan gia gặp gỡ v.v… nếu có thể chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành. Dẫu là do định nghiệp tạo thành, cũng có thể giảm nhẹ, chẳng đến nỗi khốc liệt quá mức. Những tai họa ấy chẳng phân biệt phú quý hay nghèo hèn. Nhưng người phú quý xem ra còn khó chịu đựng hơn kẻ nghèo hèn; do vậy, chớ nên vì ta phú quý rồi coi thường, [cũng như] vì ta nghèo hèn bèn mặc kệ, chẳng lập kế đề phòng sẵn.

Hơn nữa, pháp Niệm Phật đối với chuyện sống lẫn chết của con người đều có lợi ích. Thế gian chỉ biết đến lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung, chẳng biết cái lợi ích khuyên niệm khi sanh nở, đến nỗi rất nhiều mẹ con phải chịu vô lượng khổ, hoặc đến nỗi mất mạng, không cách gì cứu được! Nữ nhân nếu có thể thường niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm từ nhỏ thì về sau chắc chắn chẳng bị nỗi khổ gặp tai biến trong khi sanh nở. Hoặc vừa cấn thai liền niệm, hoặc ba bốn tháng trước khi sanh bèn niệm, hoặc đang sanh nở mới bắt đầu niệm, đều được an nhiên sanh nở. Nếu sanh khó đến cùng cực và sắp mất mạng, chịu niệm nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn lập tức được an nhiên sanh nở. Đừng nói lúc ấy lõa lồ bất tịnh, nếu niệm sợ mắc tội lỗi! Phải biết Quán Âm Bồ Tát đại từ đại bi tầm thanh cứu khổ. Ví như thấy con cái té vào lửa, nước, hầm xí, gọi cha mẹ để cầu cứu, cha mẹ quyết chẳng vì chúng nó y phục không chỉnh tề, thân thể chẳng sạch sẽ mà bỏ mặc không cứu.

Tâm cứu chúng sanh của Bồ Tát sâu xa thiết tha hơn lòng thương yêu con cái của cha mẹ trong cõi đời, đúng là gấp cả trăm ngàn vạn ức Hằng hà sa lần! Do vậy, phụ nữ khi sanh nở có thể niệm rõ ràng danh hiệu của Bồ Tát chính là diệu pháp tối thượng cực kỳ linh nghiệm, hữu hiệu vậy. Chẳng những không có tội lỗi mà còn khiến cho cả mẹ lẫn con đều được gieo đại

thiện căn. Nghĩa này do đức Phật Thích Ca đã dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải do Bất Huệ bịa đặt. Phàm những ai có niệm thì không một ai chẳng được an nhiên sanh nở. Gần đây người bị sanh khó quá nhiều, một phần là do nghiệp chướng đời trước, một phần là do đời này chẳng biết tiết dục mà ra. Bồ Tát cứu khổ cố nhiên chẳng tính đến người ấy [bị nạn] do nhân như thế nào, đều bình đẳng cứu giúp.

Lúc bình thường niệm Phật, tuy đi - đứng - nằm - ngồi đều có thể niệm, nhưng lúc ngủ chỉ nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu lúc tỉnh giấc, áo mũ hãy còn chưa chỉnh tề, tay lẫn mặt còn chưa rửa ráy, súc miệng, và khi tắm gội, tiêu tiểu, và đến những nơi ô uế chẳng sạch, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng niệm ra tiếng. Trong những lúc, những chỗ ấy, công đức niệm thầm giống với công đức niệm lúc bình thường. Niệm ra tiếng chẳng hợp nghi thức. Còn lúc sanh nở nhất định phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm sức cảm ứng nhỏ nhoi. Lại vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm trong tâm, do vì bế khí sẽ có thể thành bệnh! Không riêng gì sản phụ phải niệm rõ tiếng mà những người chăm sóc ở bên cạnh cũng đều phải niệm rõ tiếng. Dẫu cho người nhà ở chỗ khác cũng vẫn có thể niệm cho sản phụ ấy. Nếu pháp này được truyền bá, thế gian sẽ vĩnh viễn không có nỗi khổ vì sanh sản, và nỗi khổ cả mẹ lẫn con đều chết vì sanh nở.

[Phải] biết Phật pháp lợi khắp hết thảy, Phật là cha mẹ đại từ bi, là trời của các vị trời, là bậc thánh của chư thánh, do tâm đại Bồ Đề lợi khắp hết thảy chúng sanh nên được viên mãn thành tựu. Trong đời có kẻ nói giọng cao xa "chán nghe chuyện nhân quả báo ứng và pháp siêng gắng tu trì", chỉ lấy "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" làm bùa hộ thân, chẳng biết đã chấp "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" thì đã chẳng phải là ý nghĩa "hết thảy đều là không, hết thảy chẳng chấp" rồi! Huống chi kẻ ấy mượn cớ đó để lấp liếm dấu vết lười nhác, biếng trễ, chẳng chuyên chú thật tu, chỉ là "bàn xuông, tranh cao", đến khi nghiệp báo đã chín muồi, Diêm lão (vua Diêm La) sẽ dâng đồ cúng dường tối thượng cho kẻ "hết thảy chẳng chấp, hết thảy đều là không" ấy. Không biết trong lúc ấy, [kẻ đó] còn có thể "đều là không, đều chẳng chấp" được hay chăng? Chúng ta nên kính nhi viễn chi đối với những kẻ ấy, để khỏi phải nhận sự cung kính cúng dường tối thượng của Diêm lão vậy!

73. Thư trả lời cư sĩ Đường Năng Thành

Hôm qua nhận được thư, biết nỗi thảm do thổ phỉ gây ra tại Tứ Xuyên, khôn ngăn người ta phải than dài sườn sượt. Tôi thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh".* Từ

đời Tống, họ Trình, họ Châu do đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận bậc thiện tri thức Thiền Tông, biết đại khái nghĩa lý *"toàn sự chính là lý, hết thảy duy tâm"*, liền chấp bừa vào ý kiến của chính mình, chấp lý bỏ sự để làm ra vẻ chính mình kiến thức cao siêu, quá sợ người đời sau biết được [do đâu] họ có được [kiến giải ấy] nên đem lòng đen tối báng Phật, nói nhân quả báo ứng, lục đạo luân hồi do đức Phật đã dạy chính là căn cứ để lừa dối bọn ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra không có chuyện ấy. Con người chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán; dẫu có chém, chặt, xay, giã thì lấy gì để làm? Lại do thần hồn đã tiêu tan rồi, có ai để thác sanh nữa đây? Từ đấy trở đi, phàm là nhà Nho hễ kẻ nào hiểu biết cao xa thì ai nấy đều lén xem kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật; kẻ hiểu biết thấp kém bèn hùa theo người khác dấy lên kiến giải điên đảo, từ sống đến chết chẳng được lợi ích nơi Phật pháp, từ sống đến chết thường tạo nghiệp báng Phật.

Học thuyết của họ Trình, họ Châu vừa được lưu hành thì Nho gia vâng giữ như khuôn vàng thước ngọc, còn chuyện họ Trình, họ Châu trái nghịch tiên thánh (thánh nhân Nho giáo) thì cả cõi đời không ai chịu nói đến! Sau này, nhà Nho nào nói ngược với Trình, Châu sẽ không thể đứng vững được trong khoảng trời đất. Do vậy, nhà Nho chẳng dám nói nhân quả luân hồi, nói ra sẽ bị người ta công kích. Lại muốn sau này lỡ ra có thành tựu, muốn được dự vào Hương Hiền Từ (miếu thờ bậc hiền tài trong làng) hay trong Văn Miếu, nếu nói đến nhân quả luân hồi thì hai đằng đều tuyệt vọng! Từ đấy, hoàn toàn thủ tiêu căn bản trị quốc bình thiên hạ, cậy xuông vào "chánh tâm thành ý" để trị [thiên hạ]. Phải biết: Nếu có nhân quả luân hồi thì kẻ chưa thể chánh tâm thành ý vẫn gắng sức làm. Không có nhân quả luân hồi thì chỉ có bậc đại hiền mới có thể chánh tâm thành ý; còn những kẻ khác do không có gì để sợ hãi, không có gì để mong mỏi, lẽ đâu lại khăng khăng chánh tâm thành ý hay sao?

Trình - Châu đề xướng chánh tâm thành ý là do học được diệu nghĩa của Phật pháp, nhưng để phô tỏ cái trí của chính mình, bèn ngược ngạo cực lực chê trách Phật. Như vậy là họ đã chánh tâm thành ý nơi chỗ không quan trọng, khẩn yếu, hoàn toàn chẳng mảy may nào chánh tâm thành ý nơi chỗ quan trọng, khẩn yếu lớn lao! Dùng đây để tạo thành cái danh cho chính mình, di hại cho thiên hạ đời sau. Gần đây tai họa liên tục xảy ra, dân không lẽ sống, đều là do chất độc của học thuyết Tống Nho bạo phát, ông có biết hay chăng?

Niệm Phật, tụng kinh thì lấy sự chí thành làm gốc, có xướng tán hay không chẳng quan hệ gì! Còn với chuyện tụng một quyển kinh Pháp Hoa, rất tốt, nhưng đối với người bận bịu và già cả, hãy nên thường tụng Tịnh Độ Ngũ Kinh thì sẽ hiểu biết đại lược nguyên do của pháp môn Tịnh Độ. Niệm

Phật thì phải trong tâm niệm cho rành rẽ, miệng niệm cho rành rẽ, tai nghe cho rành rẽ, từ sáng đến tối niệm thì từ sáng đến tối nghe, so với những kẻ tham niệm nhiều, tham niệm nhanh nhưng hồ đồ không rõ ràng, công hiệu khác xa lắm! Nay gởi cho ông một gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, ai có lòng tin, có thể cung kính thì tặng cho họ những cuốn còn dư ra. Chớ dùng cách đọc sách Nho để xem kinh Phật thì mới được lợi ích, tránh khỏi tội khiên. Nếu không, cái tội khinh nhờn sẽ lớn hơn công đức đọc tụng đấy!

74. Thư trả lời cư sĩ Tịnh Chi
(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Buổi tối hôm trước nhận được thư, do mục lực không đủ nên chẳng xem được. Trong hai ngày nay lại do phải lo toan chuyện khác không rảnh rỗi nên quên mất. Buổi chiều, ngẫu nhiên kiếm thấy mới biết là muốn thỉnh sách và có gởi chi phí cho Quang, liền bảo Hoằng Hóa Xã gởi sách theo đúng số lượng. Ngoài ra còn [nhờ họ] gởi giùm cho Quang thêm bốn gói sách nữa. Quang già rồi, mục lực không đủ, một mực chẳng quan tâm đến chuyện bên ngoài, cũng chẳng có môn đình pháp phái, mặc ai nói hay kể dở, Quang cũng chẳng muốn quan tâm đến. Ông đã thờ Quang làm thầy, chẳng ngại gì nói cách điều hòa các pháp môn cho ông nghe. Hãy nên dùng cái tâm chí công chí chánh, dùng ngôn ngữ chí công chí chánh để khuyên dụ thì là phước cho pháp môn vậy. Nếu do sự kính yêu của chính mình [mà làm] thì hoàn toàn không có chút gì đáng bàn nữa! Khiến cho người khác bất mãn hoàn toàn hủy báng thiện tri thức, tạo nghiệp địa ngục thì vốn nhằm hòa hợp pháp môn lại đâm ra trở thành kéo bè kết lũ những người cùng ý kiến [với mình] để công kích những người khác ý kiến [với ta], đâm ra hộ pháp trở thành hoại pháp, tâm tốt chẳng đạt được quả báo tốt vậy! Nếu như vậy thì ông thấy người ta là kẻ đáng thương xót, người ta cũng thấy ông là kẻ đáng thương xót, ngay cả bậc cao tăng đáng tôn trọng chí cao vô thượng tuyệt đối chẳng thể dị nghị gì được cũng trở thành kẻ đáng thương luôn! Do vậy, Khổng Tử dạy kẻ chánh tâm thành ý thì phải trí tri (thấu hiểu cặn kẽ), [muốn] trí tri thì phải cách vật (trừ khử vật dục). Không "cách vật" thì giống như đeo kính màu xanh, đỏ v.v… phàm những màu được thấy đều chẳng phải là màu thật sự của nó. Do có tư dục làm chủ nên chết chìm vào một bên, chẳng thấy chân lý của sự việc, thấy điều đúng của người khác trở thành sai! Phàm đối với những chuyện trị thế tu đạo đều nên lấy lời này làm khuôn phép, đừng coi là hủ bại rồi xem thường!

75. Thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 22 - 1933)

1) Cầu cơ[110] chính là tác dụng của linh quỷ. Chúng xưng là vị Phật này, vị Bồ Tát nọ, vị tiên kia đều là giả mạo danh các ngài. Nếu chân tiên ngẫu nhiên giáng cơ thì sợ rằng trong trăm ngàn trường hợp chẳng được lấy một, huống gì là Phật, Bồ Tát! Dùng cầu cơ để đề xướng Phật pháp tuy có lợi ích nho nhỏ, nhưng về căn bản đã sai lầm! Người học Phật chân chánh quyết chẳng nhờ vào cách này để đề xướng Phật pháp, vì sao vậy? Vì đấy là tác dụng của quỷ thần. Nếu có linh quỷ thông minh thì họa may còn chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện, chứ nếu là một con quỷ hồ đồ giáng cơ, ắt sẽ làm hỏng chuyện lớn! Người ta do lời giáng cơ bị hỏng chuyện lớn liền nói Phật pháp sai lầm, thì đề xướng kiểu ấy chính là đầu mối để phá diệt Phật pháp! Ông cho là bị mất lợi ích, hỏi có tội hay không tội thì biết ông hoàn toàn chẳng biết chân nghĩa của Phật pháp, đáng than thở quá đỗi!

Trong thời Đạo Quang - Hàm Phong (1821-1861) nhà Thanh, tại phủ Quảng Tín, tỉnh Giang Tây có một viên Hàn Lâm[111] tên là Từ Khiêm, tự Bạch Phảng. Người ấy sống đến chín mươi sáu tuổi, lúc mất thiên nhạc vang lừng trên không, ấy là sanh lên trời vậy! Ông ta không biết đến pháp môn Tịnh Độ, đối với địa vị Phật, Bồ Tát, trời, hay tiên, ông ta đều chẳng phân biệt rõ ràng! Một vị lão tăng ở Phổ Đà là môn nhân nhỏ tuổi nhất của ông ta đã kể cho Quang nghe câu chuyện này thật tường tận. Ông ta có trước tác cuốn Hải Nam Nhất Chước (một giọt nước Hải Nam), [trong sách ấy] coi quyển trung, quyển hạ ngụy tạo của Tâm Kinh giống như Tâm Kinh, lại chép lời giáng cơ cầu mưa ở Tứ Xuyên, [trong ấy] nói Quán Âm quỳ trong

[110] Nguyên văn là “phù cơ” (thường bị đọc trại thành “phò cơ”), tức là hình thức “vịn cơ bút”. Cơ bút ở Trung Hoa thường được làm có hình dáng giống như cái giỏ, trang trí đẹp đẽ, trên thành giỏ có một cái mỏ nhọn khắc hình chim loan, nên đôi khi còn gọi là “phù loan”. Mỗi lần cầu cơ, hai người “phù cơ” (thường gọi là “đồng tử” hay “thanh đồng”) sẽ nâng hai bên cái giỏ, dịch chuyển cho mỏ chim loan viết chữ xuống mâm gạo hay mâm cát.

[111] Hàn Lâm Viện là một cơ cấu được thiết lập từ thời Đường, thoạt đầu chỉ nhằm tuyển chọn những người có tài văn chương, nghệ thuật, tri thức quảng bác làm cố vấn cho triều đình. Nhưng từ đời Đường Huyền Tông trở đi, Hàn Lâm Viện trở thành một cơ quan trọng yếu chuyên trách soạn thảo những chiếu chỉ, chế văn cơ mật cho hoàng đế. Những người làm việc trong cơ quan này được gọi chung là Hàn Lâm Học Sĩ, hay gọi tắt là Hàn Lâm. Thật ra, có hai loại: Hàn Lâm Học Sĩ chuyên soạn công văn, chế, chiếu. Còn Hàn Lâm Cung Phụng lo giữ sổ sách và công việc hành chánh trong cơ quan. Chữ Hàn Lâm Viện của cổ Trung Hoa có ý nghĩa hoàn toàn khác biệt với chữ Hàn Lâm Viện hiện thời.

điện Ngọc Đế[112] cầu mưa. Đủ biết lời cơ nói xằng tán nhảm và tri kiến của ông ta đều là tà - chánh chẳng phân!

Ông cho rằng "không cầu cơ sẽ đánh mất lợi ích", chẳng biết cái họa của việc ấy là có thể đến nỗi diệt pháp ư? Từ Khiêm là người chuộng điều thiện tin Phật, nhưng thật sự chẳng hiểu rõ Phật lý, chẳng thích làm quan, ở nhà dạy người làm lành, cũng tự cầu cơ, dạy đệ tử của chính mình cầu cơ. Mọi người đều chẳng biết cội nguồn của cầu cơ và cội nguồn của Phật. Đương thời, một vị Cử Nhân ở Nam Xương (tỉnh Giang Tây) cũng có hành vi giống như Từ Khiêm. Môn nhân của ông Cử Nhân này cầu cơ khám bệnh tại tỉnh thành rất linh. Mẹ quan Tuần Phủ mắc bệnh, thuốc men vô hiệu, có người thưa ông X… đó cầu cơ khám bệnh linh lắm; do vậy, bèn mời đến thăm bệnh. Kê toa, uống thuốc vào người bệnh chết ngay. Vội vàng đem toa thuốc cho thầy lang coi, thì ra trong ấy có vị thuốc công phạt. Do vậy, bắt ông ta đến hỏi. Ông ta thưa: "Đây chính là do thầy tôi là ông Y… dạy". Vì thế, quan Tuần Phủ bắt đền thầy ông ta, bảo: "Ngươi dối đời hại người", giết chết thầy ông ta. Từ Khiêm nghe chuyện ấy, răn dạy bọn môn đồ từ rày đừng cầu cơ nữa!

Ông cho "không cầu cơ thì pháp thiếu duyên", trong tâm chấn động sôi sục, chẳng biết cái họa của cầu cơ lớn tầy trời, công đức khuyên người của nó chẳng thể bù đắp được! Bậc chánh nhân quân tử quyết chẳng bước vào đàn tràng ấy. Cuối đời Minh, ở Tô Châu có một người cầu cơ, có bảy tám môn đồ. Một ngày nọ, cơ giáng nói Phật pháp, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, so với những gì cơ đã nói trước kia hoàn toàn khác hẳn. Sau đấy, lại giáng cơ giống như vậy hơn hai mươi lần nữa, sau cùng mới lại nói "cầu cơ chính là tác dụng của quỷ thần, ta là vị X… đó, sau này sẽ không

---

[112] Ngọc Đế, gọi đầy đủ là Ngọc Hoàng Thượng Đế, theo tín ngưỡng dân gian là một vị thần tối cao chưởng quản chư thiên và muôn loài trong toàn thể vũ trụ, thường được Nho Gia xưng tụng là Hạo Thiên Thượng Đế. Tuy thế, trong Đạo Giáo, Ngọc Đế vẫn thấp hơn Tam Thanh (Thái Thanh, Thượng Thanh, và Ngọc Thanh), vì được coi như một vị tôn thần được Tam Thanh sanh ra để thay các Ngài chưởng quản vũ trụ. Theo Ngọc Hoàng Bản Hạnh Tập, vương tử của Quang Minh Diệu Quốc bỏ ngôi vua, tu theo đạo của Tam Thanh trong núi Hương Nghiêm trở thành chân tiên. Đạo Giáo xưng tặng Ngọc Đế mỹ hiệu "Hạo Thiên Kim Khuyết Vô Thượng Chí Tôn Tự Nhiên Diệu Hữu Di La Chí Chân Ngọc Hoàng Thượng Đế". Trong Phật pháp, Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là Đế Thích trong Dục Giới. Như vậy, địa vị của Ngọc Hoàng Thượng Đế còn thấp hơn Đại Phạm Thiên Vương rất nhiều, có lẽ nào Quán Thế Âm Bồ Tát quỳ trong điện Linh Tiêu cầu Thượng Đế hạ chiếu làm mưa!

đến nữa, các ông chớ nên cầu cơ nữa!" Chuyện ấy được chép trong Tây Phương Xác Chỉ[113].

Năm đầu Dân Quốc (1911), ở Hương Cảng có người cầu cơ, nói là đại tiên Hoàng Xích Tùng [giáng cơ] xem bệnh cực linh. Có kẻ trọn chẳng còn lẽ sống, cầu vị tiên ấy dạy cho một phương thuốc. Thuốc ấy cũng là tùy tiện nói ra một loại nào chẳng quan trọng lắm, nhưng hễ uống vào liền lành bệnh. Hoàng Tiểu Vỹ hâm mộ đến học, học được cách [cầu cơ] nhưng hễ vịn cơ, cơ liền không chạy. Người khác hỏi thì cơ dạy niệm kinh Kim Cang bao nhiêu biến đó rồi lại vịn cơ, làm theo thì cũng rất linh. Nhân đó, thường khai thị pháp môn Niệm Phật. Bọn ông Vỹ liền muốn lập đạo tràng Niệm Phật, cơ dạy: "Nên để ba năm nữa rồi mới lập". Ba năm sau, bốn năm người bọn họ lên Thượng Hải thỉnh kinh sách, năm sau đến quy y, lập ra Đa Đa Phật Học Xã, đem chương trình niệm Phật gởi cho tôi: Niệm Phật xong, niệm Quán Âm, Thế Chí xong, lại niệm thêm một vị tên là Đa Đa Ha Bồ Tát. Quang hỏi: "Làm sao có được danh hiệu ấy?" Bọn họ bèn thuật lai lịch, nói là trước kia cơ xưng là đại tiên Hoàng Xích Tùng[114], sau dạy tu pháp môn

---

[113] Tây Phương Xác Chỉ là tập sách ghi chép những lời giáng cơ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, do Thường Nhiếp kết tập. Theo đó, vào cuối đời Minh, bọn ông Tưởng Vô Hủ gồm tám người thích tu Tiên thường tụ tập lại cùng nhau cầu cơ. Một ngày nọ, có một vị tiên giáng xuống, dạy họ niệm Nam Mô Phật, họ bèn xưng Nam Mô Phật, vị ấy bảo niệm Phật không phải chỉ niệm bằng miệng xuông như thế, rồi dần dần chỉ dạy họ tu pháp môn Tịnh Độ, trừ bỏ tâm ham muốn trường sanh bất tử, cũng như đả phá những thói hư tật xấu của họ. Tám người này về sau đều thành những hành nhân Tịnh Độ tinh tấn. Những lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát về Tịnh Độ hoàn toàn phù hợp với giáo huấn của chư Tổ Tịnh Độ, đả phá mạnh mẽ tệ nạn cầu cơ nên rất được Phật môn Trung Hoa coi trọng. Tây Phương Xác Chỉ cũng được đưa vào Tục Tạng Kinh.

[114] Đại tiên Hoàng Xích Tùng: Trong hệ thống thần thánh của Đạo Giáo không thấy liệt kê tên vị này. Theo truyền thuyết, năm Quang Tự 23 (1897), tại Hoa Nam, dân tình khốn khổ, bệnh dịch lan tràn, nên các đàn cầu cơ cầu tiên cho thuốc chữa bệnh rất thịnh hành. Có một vị giáng cơ tự xưng tên là đại tiên Hoàng Xích Tùng, thường cho thuốc rất linh nghiệm. Từ đó, hình thành tín ngưỡng thờ phụng Hoàng Đại Tiên. Do vị này tự xưng lúc sống là một thầy lang nên tranh thờ thường vẽ một vị trung niên mặc y phục theo kiểu thầy lang thời Mãn Thanh. Miếu thờ đầu tiên được thành lập ở thôn Nẫm Cương, thuộc huyện Nam Hải, tỉnh Quảng Đông, đặt tên là Phổ Độ Đàn, rồi dần dần phổ biến sang Hương Cảng và Đài Loan.

Tịnh Độ, đến cuối cùng mới cho biết rõ gốc gác là Đa Đa Ha Bồ Tát, lại răn vĩnh viễn không được cầu cơ nữa.

Hai chuyện này do một người đệ tử sưu tập những pháp ngữ Tịnh Độ, [soạn thành sách] đặt tên là Tịnh Độ Tập Yếu[115], Quang bảo đem hai chuyện ấy ghi kèm vào đằng sau. Nay gởi cho ông ba bản, đọc rồi sẽ tự biết (với Đa Đa Ha Bồ Tát, Quang bảo họ lập riêng một điện để thờ phụng, chớ nên kèm thêm vào nghi thức Niệm Phật để khỏi làm cho người khác nghe rồi dị nghị). Dự vào liên xã niệm Phật thì một là phải bôn ba, hai là phải bỏ công chuyện hiện thời. Ở nhà tùy phần tùy sức niệm Phật, lợi ích rất lớn. Mỗi tháng một lần hoặc hai lần, đề xướng diễn thuyết trong liên xã khiến cho mọi người biết được pháp tắc, lợi ích, còn lúc bình thường cần gì cứ phải hằng ngày đến liên xã niệm Phật? Đây chính là ý kiến chánh của Quang kể từ khi lập Niệm Phật Lâm Xã đến nay.

Đệ tử Phật há nên kỷ niệm những thánh đản của Đạo Giáo? Nếu nói là [thói quen] thế tục lưu truyền khó dứt thì vẫn nên lấy niệm Phật làm chánh. [Thần thánh trong] Đạo Giáo thuộc về thiên, tiên, quỷ thần, là một trong ba thứ đó. Vì họ niệm Phật chính là để tăng trưởng thiện căn xuất thế cho họ, tiêu diệt ác nghiệp đời trước cho họ. Ông chẳng thấy trong lời hồi hướng khóa sáng có câu: *"Hồi hướng hộ pháp chúng long thiên, thủ hộ già lam chư thánh chúng"* (hồi hướng cho các trời rồng hộ pháp, các vị thánh gìn giữ, bảo vệ nhà chùa) đó ư? Phương Nam thường đọc là Tam Bảo, còn phương Bắc thường đọc là "hộ pháp", hợp với ý nghĩa hơn. Thiên, tiên, quỷ thần đều xếp vào hàng hộ pháp. Vì hàng long thiên hộ pháp mà niệm Phật là đúng với chánh lý. Nếu niệm những kinh ngụy tạo như kinh Ngọc Hoàng[116] v.v… sẽ trở thành tà kiến.

Phật pháp suy vi đều là do tục tăng chẳng biết Phật pháp, dùng những kinh ngụy tạo như Huyết Bồn Kinh, Thọ Sanh Kinh để làm đạo trọng yếu nhằm cầu tiền tài. Từ đấy, những "Phật sự" như phá huyết hồ, phá địa ngục, hoàn tiền thọ sanh, gởi kho v.v… ngày thấy càng nhiều. Tuy lừa được tiền của kẻ ngu, nhưng lại khiến cho người có học vấn hiểu rõ lý lẽ thế gian

---

[115] Tịnh Độ Tập Yếu là một tác phẩm do cư sĩ Khổ Hạnh biên soạn, cư sĩ Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên tu đính, Ấn Quang đại sư giám định, được chia thành ba phần: Phần đầu giải thích, biện định pháp môn Tịnh Độ, phần thứ hai trích thuật những pháp ngữ Tịnh Độ của chư Tổ Sư đại đức, phần cuối cùng là nghi thức niệm Phật và trích lục một số kinh sách chủ yếu của Tịnh Độ.

[116] Kinh Ngọc Hoàng, còn gọi là Thánh Nguyên Giác Chân Kinh, hoặc chỉ gọi gọn là Hoàng Kinh, là một bộ kinh điển chủ yếu của Đạo Giáo, nội dung tán dương Ngọc Đế và thuật những sự tích xưa kia của ông ta.

nhưng chẳng biết chân lý Phật pháp hủy báng. Tục tăng chỉ cốt được tiền, chẳng đoái hoài cái họa hoại diệt Phật pháp sâu xa của những loại “Phật sự” ấy. Nếu gặp kẻ có chân tri chánh kiến đem chi phí làm những thứ “Phật sự” ấy để [dùng vào việc] niệm Phật thì lợi ích lớn lắm!

2) Thư chuẩn bị xong, pháp danh của hai mươi bốn người mỗi tên đều ghi ra giấy riêng. Quy y tuy dễ dàng, nhưng chớ nên vẫn giữ chương trình của ngoại đạo. Quang mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị nhiều. Nay gởi hai mươi bốn cuốn Gia Ngôn Lục, mỗi người một cuốn, ba mươi tờ “Một Bức Thư Gởi Khắp”, mỗi người một tờ, số còn dư tùy ý đem tặng, ba bản Tịnh Độ Tập Yếu, ba cuốn Sức Chung Tân Lương, hai loại này dùng để giúp cho việc đề xướng.

Hãy nên bảo với bọn họ: Đã quy y Phật pháp làm đệ tử Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tâm lành, nói lời lành, làm chuyện lành, hành như vậy mới là đệ tử Phật thật sự. Nếu miệng tuy niệm Phật, nhưng tấm lòng chẳng lành sẽ tương phản với khí phận của Phật, chẳng thể được lợi ích thật sự nơi niệm Phật! Hãy nên thường xem Gia Ngôn Lục thì tất cả lợi ích của pháp môn sẽ đều biết rõ từng điều. Thêm nữa, Một Lá Thư Gởi Khắp chính là nghi thức, quy cách giản tiện để tu trì hằng ngày. Bài văn ấy văn từ tuy thiển cận, nhưng lý thật thâm sâu, hãy nên dùng làm của báu gia truyền vĩnh viễn. Những điều khác đã nói tường tận trong Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ nữa.

76. Thư trả lời cư sĩ X…

Con người sống trong thế gian, quý ở chỗ giữ bổn phận. Phàm hết thảy những kẻ phát điên phát cuồng thậm chí thường hay sanh lòng bi quan, thường muốn tự sát, đều là do chẳng tu thật hạnh, muốn được đại hạnh phúc, mọi chuyện đều như ý, tài, sắc, danh vị đều hơn người. Nếu đời trước tu trì có si phước, được thỏa lòng mong mỏi ấy, bèn kiêu ngạo, xa xỉ, dâm dật, không gì chẳng làm. Cái họa như thế so với chuyện tự sát còn nặng gấp vạn lần! May là chưa đạt được, nên còn chưa đến nỗi khốc liệt như thế. Ông muốn tiêu phiền não ấy, hãy nên mọi chuyện đều giữ phận, chẳng nên dấy lên mảy may vọng niệm nào muốn vượt ngoài bổn phận!

Tùy duyên làm việc, nếu làm tôi tớ của người khác, ắt phải tận hết chức phận tôi tớ của ta, chẳng lấy đó làm thẹn, và ôm giữ tấm lòng “ta vốn chẳng có tư cách làm tôi tớ, nay được làm tôi tớ, ta phải tận hết chức phận làm tôi tớ của ta”, chẳng sanh tâm hợm mình khinh người. Chủ nhân biết đến ta, ta cũng chẳng vui. Chủ nhân không biết, ta cũng chẳng bực. Ta trọn hết phận ta, biết hay không mặc người! Tâm không so đo, lòng không uất ức. Làm tôi tớ

như thế, chủ sẽ tôn kính như thầy, chẳng dám coi như tôi tớ. Nếu vì ta khéo tận hết chức phận tôi tớ của ta, người khác chẳng dám coi ta là tôi tớ, kính trọng ta như thầy, ta vẫn chẳng khởi cái tâm tự cao tự đại, biết tớ hay thầy đều là giả danh, tận hết chức phận của ta mới là thật hạnh. Chỉ sợ hạnh chẳng xứng với danh, mặc kệ người ta đãi ngộ [như thế nào]. Bậc đại nhân thời cổ tuy gặp lúc cùng quẫn chẳng thể sống được, cũng chẳng có ý niệm lo buồn, uất hận, dẫu cho sang quý như bậc thiên tử, giàu trùm thiên hạ, vẫn giữ thái độ như kẻ nông phu nơi rẫy bái. Đấy gọi là *"phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất"* (phú quý chẳng phóng túng, nghèo hèn chẳng đổi dời [ý chí], oai vũ chẳng khuất phục), nên người quân tử vì vậy luôn thản nhiên, thảnh thơi! Nếu không, kẻ tiểu nhân cứ thường phải lo nghĩ!

Ông muốn cầu Quang trừ căn bệnh của ông, nhưng đối với những chữ [ông dùng] trong lá thư này, đúng là phải dần dần châm chước mà xem mới hiểu được đó là chữ gì, mới hiểu thư nói về ý gì. Do vậy, Quang biết ông chí lớn, ăn nói lớn lối, chứ tuyệt đối chẳng chú trọng tận lực làm. Nếu yên phận chẳng khoe khoang, nào chịu nêu ra yêu cầu lớn nhất, dùng những chữ hết sức khó nhận biết này, khiến cho người khác phải tốn khá nhiều tâm tư để đọc thư của mình, vì mình lập cách giải quyết nỗi sầu muộn cho mình! Nếu ông có địa vị lớn thì hết thảy những lời phê phán không biết sẽ choáng lộn, cầu kỳ đến đâu! Như chữ viết của ông Phùng Mộng Hoa, viết mười bức thư có đến chín bức người khác chẳng nhận biết được toàn bộ mặt chữ, đến nỗi con chết, cháu chết, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng chết, quá nửa là do chữ viết vậy. Ông đừng coi đó là điều lạ lùng, đặc biệt!

Phàm viết chữ phải sao cho người ta vừa nhìn liền hiểu ngay thì mới là cái tâm của vị đại quân tử vừa lợi người vừa tự lợi. Ông Phùng gởi thư cho Quang, Quang phí rất nhiều công phu chỉ nhận được [mặt chữ] tám phần. Quang viết lại cho ông ta, nói: "Thư của ông Quang chỉ đọc được tám phần, nhưng cũng hiểu ý. Nếu là người không thông thạo mặt chữ cho lắm thì sẽ bị hư chuyện không ít! Mong từ rày đừng dùng kiểu đó nữa để mong lợi khắp mọi người". Về sau, ông ta viết thư cho Quang, dùng lối chữ Khải, Quang cho rằng ông ta đã đổi thói quen. Hỏi tới người khác thì ra ông ta vẫn giữ nguyên thói cũ. Ông đã phẫn chí muốn tự sát, sợ rằng những gì Quang nói ông chẳng cho là đúng!

Trước kia một sĩ quan là người huyện Phiền Trĩ tỉnh Sơn Tây, họ Tục, do quốc gia chẳng được thái bình, đến lăng của Tôn Trung Sơn (Tôn Văn) mổ bụng, được người khác cứu nên chưa chết. Một đệ tử nghĩ là ông ta do đau lòng cho đất nước nên tự sát, liền đặc biệt khuyên ông ta đến Tô Châu quy y. Ông ta ở Tô Châu nhiều ngày, vợ con cũng đi theo. Một bữa nọ, dẫn con gái và đứa hầu đi theo, đứa con gái đã lên mười, đứa hầu đã gần ba

mươi. Ông ta trò chuyện với Quang, đứa con gái và đứa hầu chơi giỡn. Ông ta quở mắng, đứa con gái không nghe, liền nổi giận quát mắng. Chúng hơi yên lặng được một khắc, lại nghịch giỡn. Quang hiểu ông ta chỉ biết uất đời, chứ hoàn toàn chẳng có tài giữ yên cõi đời. Chỉ có một bé gái ở chỗ Quang mà còn không kiềm giữ được, huống chi là cầm quân! Chẳng thể dạy con cái làm sao huấn luyện binh sĩ được? Nói chuyện này, sợ ông chẳng cho lời Quang nói là đúng, nên mới nêu ra một chứng cớ.

Nay gởi cho ông một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn (văn chương lẫn nghĩa lý đều chu đáo đến cùng cực), một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Tọa Hoa Chí Quả[117], một cuốn Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, một bộ Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, hễ lắng lòng đọc ắt sẽ mong thật hành. Đừng đọc theo kiểu cưỡi ngựa vùn vụt xem đèn, thì mọi chuyện trước kia sẽ giống như đã chết từ hôm qua, mọi sự từ rày sẽ giống như được sanh trong hôm nay. Phàm những tập khí trước kia chẳng để chớm lên trong tâm nữa, ngõ hầu mong thành thánh thành hiền. Tiến thêm nữa là niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh, mãi mãi lìa các khổ, thường hưởng pháp lạc.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, bất luận ông nghĩ là đúng hay sai cũng đừng gởi thư đến nữa, cũng như chẳng chấp thuận ông giới thiệu người khác đến quy y. Nếu thỉnh kinh nơi Hoằng Hóa Xã cũng đừng gởi kèm thơ cho Quang. Gởi riêng hay gởi kèm đều chẳng trả lời vì chẳng có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Cổ nhân nói: *"Bậc quân tử tận lực thực hành thì được một câu nói tốt lành sẽ thọ dụng suốt đời không hết. Nếu chẳng chăm chú tận tụy thực hành, dẫu đọc hết sách vở thế gian, đối với chính mình vẫn vô ích!"* Như rồng thật hễ được một giọt nước liền có thể làm mưa khắp cả thế giới; rồng đất dẫu ngâm trong nước cũng chẳng khỏi cái họa táng thân!

77. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng

Bài Đại Học Tán (ca ngợi sách Đại Học) rất hay, nhưng Quang có mắt như mù, sư Đức Sâm suốt hai ba năm lo việc tài sản nhà chùa ở Giang Tây[118], mệt nhọc đã thành bệnh, chẳng dám dụng tâm. Người trong Hoằng

---

[117] Tọa Hoa Chí Quả là một tác phẩm tập hợp những chuyện về quả báo do Vương Đạo Đỉnh (Tọa Hoa chủ nhân) biên soạn vào thời Hàm Phong nhà Thanh.

[118] Do chánh quyền huyện Cám Châu (tỉnh Giang Tây) toan biến chùa Thọ Lượng thành khu chợ búa, rồi họ mượn tiếng xây dựng đường xá, toan phá ngôi chùa này thành bình địa, nhân sĩ địa phương cậy thầy Đức Sâm lập

Hóa Xã không có công phu học thức ấy, chẳng thể đứng in giùm những trước tác của cha ông được! Khi đã gom thành sách, hãy tự đứng ra in. Nay đem bài tán này và những bản thảo trước đây gởi lại để khỏi bị thất lạc. Hữu Trinh giữ lòng trinh, nhưng vẫn còn chú ý đến thuốc men, đáng gọi là kẻ si! Những hành động sợ hãi, băn khoăn cho sự đói lạnh ấy đều là do vọng tâm "đang hưởng phước mà không biết là có phước" gây nên. Nếu chịu nghĩ: Giả sử ta sanh vào nhà nghèo túng, suốt ngày quanh năm bận bịu cơm áo mà vẫn khó được thỏa nguyện thì chẳng muốn làm người nữa hay chăng?

Cổ nhân nói:

Tha kỵ tuấn mã, ngã kỵ lư.
Tồn tế tư lượng ngã bất như.
Hồi đầu hựu kiến thôi xa hán.
Tỷ thượng bất túc, hạ hữu dư

(Tạm dịch:
Người cưỡi ngựa, ta cưỡi lừa,
Xét soi cho kỹ, ta thua xa người
Ngoảnh đầu thấy gã đẩy xe,
Nhìn lên thua kém, dưới ai bằng mình?)

Đây lời đề thơ cho bức tranh Hành Lạc. Trong bức tranh ấy, phía trước là một người cưỡi ngựa, ở giữa là một người cưỡi lừa, phía sau là một người đẩy xe. Nếu Hữu Trinh hiểu được ý này, nhất tâm cầu sanh Tây Phương, sẽ lành bệnh si, chánh trí mở mang thì mới đáng gọi là Huệ Trinh. Nếu không, sẽ thành Si Trinh! Trinh đã kèm theo si thì sanh về Tây Phương cũng chẳng dễ dàng đâu! Chịu uống phương thuốc này thì may mắn lắm!

Về giấc mộng của ông thì chính là do tâm ông biến hiện, không dính dáng chi đến Quang! Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao hiện trong giấc mộng của người khác cho được? Nghi vấn của Du Hữu Phương và những gì nói trong mộng phù hợp với những gì đã được viết trong thư Quang, đấy là Bồ Tát chỉ dạy ông ta hòng sanh chánh kiến. Kinh dạy: *"Nên hiện thân nào để độ được, liền hiện thân ấy để thuyết pháp"*, núi, sông, cây, cỏ, cầu, bến, đường, nẻo, người, ngựa, binh, tướng, không gì chẳng tùy cơ mà hiện! Nếu nói đấy chẳng phải là Bồ Tát hiện mà chắc là do Quang hiện thì núi, sông, cây, cỏ, cầu, bến, đường, nẻo, người, ngựa, binh, tướng cũng có thể hiện mộng cho người, có lý ấy hay chăng? Ông đừng có si

---

cách cứu vãn, do thầy Đức Sâm đã từng trụ ở chùa Thọ Lượng một thời gian. Xin coi chi tiết nơi bài Sớ Thuật Duyên Khởi Trùng Hưng Chùa Thọ Lượng trong phần Tạp Trước và bài "So sánh sự tổn hại và lợi ích giữa được và không được trợ niệm" của thầy Đức Sâm trong phần Phục Lục, sách Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ.

dại tưởng là Quang. Nếu si dại cho là Quang sẽ thành ra "đem phàm lạm thánh", thì ông lẫn Quang đều mắc tội chẳng cạn đâu, nhớ kỹ nhé!

Căn bệnh lắc đầu của cha ông chính là dấu vết cho thấy chẳng thể lành bệnh, nhưng do niệm Phật sẽ có thể được lành bệnh. Ông muốn cụ được hết bệnh hoàn toàn thì cũng có cách. Ông cùng Huệ Trinh và vợ ông ba người chí thành niệm Quán Âm cầu gia bị. Nếu thật sự chí thành, chắc chắn cụ có thể lành bệnh vì cha con có sẵn mối liên quan bẩm sanh. Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), ông Hoàng Hàm Chi và vợ ăn chay trường, bà mẹ tám mươi mốt tuổi, khuyên cụ ăn chay, cụ không mở miệng. Dọn thức ăn chay, cụ không nuốt thức ăn, chỉ ăn cơm trắng. Quang dạy họ sám hối thay cho mẹ, chưa đầy một tháng, cụ liền ăn chay trường. Do mối liên quan bẩm sanh, hễ chí thành ắt sẽ cảm động được Phật, Bồ Tát!

78. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập

Con người và trời đất cùng xưng là Tam Tài, chẳng phải là chuyện xuông, mà ắt phải có công tham dự, giúp đỡ sự sanh trưởng, thì mới chẳng thẹn! Nếu không, thịt đi thây chạy, suốt đời ô uế trời đất, sao có thể gọi là Tam Tài cho được? Nếu lãnh hội được ý này, đem [áp dụng vào việc] dạy dỗ bọn trẻ, ắt sẽ có thể tận tâm kiệt lực, đem tài năng ra dạy dỗ, trước hết lấy đạo đức làm gốc, rồi mới đến văn chương là ngọn. Thường luôn giảng nói hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, khiến cho chúng nó biết đạo làm người, khởi tâm, động niệm, cư xử, nói năng đều thuần thiện, tạo thành cơ sở có thể dự vào bậc thánh. Kinh Dịch nói: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (dạy cho bọn trẻ nhỏ lẽ chánh, công lao [bằng với công lao] của bậc thánh nhân vậy) tức là nói về điều này. Nếu có thể dùng cái tâm này để dạy người thì học vấn lẫn phẩm đức của chính mình ngày càng tươi sáng, con người sẽ được cảm hóa, chẳng đợi phải đốc thúc, quở trách mong cho họ sẽ thuận theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Hiện thời nước loạn, dân khốn đốn, anh em cùng một nhà đánh nhau, tranh đua muốn tàn hại lẫn nhau, dân không lẽ sống đều do cha mẹ trong gia đình không khéo dạy, thầy giáo trong nhà trường không khéo dạy, đến nỗi kẻ có thiên tư quen thói làm xằng, đứa không có thiên tư cam lòng làm kẻ giặc bướng bỉnh.

Ông giữ được tấm lòng "gốc chánh, nguồn trong" để làm chuyện vun trồng nhân tài, tức là chẳng có địa vị mà nắm quyền cai trị, chẳng lên tòa mà thuyết pháp vậy, còn vui nào hơn? Đối với việc niệm Phật, nào có trở ngại chi? Sáng - chiều tùy sức xưng niệm. Ngoài ra, [những lúc] chẳng cần vận dụng tâm tư, hễ thuận tiện bèn niệm, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha sẽ tự được vãng sanh. Nếu cứ nói: "Bận rộn cày cấy sẽ dễ niệm Phật", chẳng biết lúc bận rộn cày cấy, do khổ sở nên chắc chắn chẳng

thể niệm được. Ông nghĩ như vậy đều là chẳng chú trọng tự phản tỉnh, là tình kiến "đứng núi này thấy núi nọ cao hơn", chứ không phải là chánh trí thấu hiểu sâu xa tự tâm, hiểu thấu triệt để nguyên nhân trong thế gian vậy. Ông chỉ nên "đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" kiêm dùng tín nguyện trì danh để cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, dẫu chẳng có thể thành tựu lớn lao, nhưng cũng có thể chẳng thẹn làm người, chẳng thẹn làm thầy, đội trời đạp đất vậy!

79. Thư gởi cho cư sĩ Lý Huệ Trừng bàn về chuyện [xử trí] tro thiêu hóa kinh và tiền vãng sanh

(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Chuyện đốt kinh [cũ rách] tuy có công đức, nhưng chúng tôi chẳng dám đề xướng, bởi kẻ thô tâm thì nhiều, họ thường đốt lẫn với tro giấy vàng mã. Tro giấy vàng mã đem bán cho người buôn tro, họ sẽ lược tro giấy để giữ lại những mảnh thiếc đem bán, chẳng khác gì vứt tro kinh ấy vào đống rác hay chăng? Ai chịu cẩn thận dùng riêng vật dụng khác để thiêu, rồi đem tro ấy bỏ trong sông cái, biển cả hay chăng? Quang lúc mới xuất gia thấy [khi nhà chùa làm lễ] phóng Mông Sơn[119], đốt ngân phiếu, trong ấy có kèm thêm tiền vãng sanh (in chú Vãng Sanh giống như đồng tiền nên gọi là Vãng Sanh Tiền). Lúc thiêu thì đốt rồi cầm trên tay, khi lửa cháy đến tay không cầm được nữa bèn vứt đi, thường là chưa cháy hết, mỗi tờ có nhiều chữ chưa cháy.

---

[119] Mông Sơn Thí Thực là một khoa nghi thí thực cho cô hồn. Mông Sơn nay thuộc huyện Danh Sơn, tỉnh Tứ Xuyên. Vào đời Tống, có Bất Động Thượng Sư sống trên núi này, được thế gian xưng tặng là Cam Lộ đại sư. Để phổ tế cô hồn, Sư tập hợp những điểm chánh yếu trong khoa nghi Du Già Diệm Khẩu và các kinh phổ thí cô hồn trong Mật Tạng soạn thành khoa Mông Sơn Thí Thực. Khoa nghi này thường được các chùa tụng niệm vào khóa chiều một cách đơn giản, phẩm vật cúng thí thường chỉ là gạo muối hay cháo. Cận đại, Hưng Từ pháp sư đề xướng thêm vào đấy sáu phen khai thị, nên khoa nghi mới này được gọi là Đại Mông Sơn Thí Thực để phân biệt với khoa nghi Mông Sơn thường dùng. Trong Đại Mông Sơn Thí Thực, phải lập pháp đàn, thờ tượng Phật, bày nhiều hương hoa, vật cúng, gạo trắng, nước trong, cung thỉnh vị Tăng có phẩm đức thuyết pháp khai thị. Trước đàn chánh bày đài cô hồn và thờ bài vị của các vong linh trong mười phương pháp giới. Sau khi dâng hương bèn dùng vải vàng bọc quanh đài cô hồn để quỷ thần tụ vào đó lễ bái, nghe pháp thọ thực, không bị chướng ngại. Giờ cử hành pháp sự thường vào hai giờ Tuất và Hợi.

Năm Quang Tự thứ mười sáu (1890), tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh, buổi sáng ra khỏi cửa chùa, thấy trong đống giấy đã đốt để tiễn cô hồn trong lễ Phóng Diệm Khẩu hồi đêm có xấp tiền Vãng Sanh dày độ hai tấc, chỉ cháy một nửa, Quang nhặt lấy bỏ trong sọt đựng giấy chữ. Nếu tro ấy bị kẻ hầu quét dọn thì có khác gì bị quăng trong đống rác hay chăng? Do vậy, biết rằng: Bất luận cách nào cũng đều cần phải có người cẩn thận để làm. Nếu người phô trương làm thì chưa được lợi ích mà đã bị họa trước! Mấy năm trước, chùa Thái Bình bán giùm kinh Kim Cang viết bằng chữ son[120] cho Tô Châu Ẩn Bần Hội thuộc chùa Linh Ẩn ở Tô Châu, hòa thượng Chân Đạt nghe Quang nói bèn thôi, chẳng bán nữa. Nếu có người tặng cho kinh Kim Cang viết bằng chữ son, bất tất phải đốt trong khi làm Phật sự, sợ rằng không có người chú tâm cẩn thận để lo toan thì sẽ mắc phải tội trên đây!

Hãy nên ở chỗ thanh tịnh trong nhà, dùng một cái nồi lớn hoặc một cái chậu sắt Tây to, phía dưới lót giấy thiếc, đặt kinh lên trên, phía trên lại phủ giấy thiếc để khỏi bị bay lung tung. Chờ khi lửa tắt, thu lấy tro ấy chứa trong đãy vải mới, bên trong lại bỏ thêm cát sạch, hoặc đá sạch, ngói sạch, bỏ nơi chỗ sâu trong sông hay biển, để khỏi mắc lỗi. Nếu chẳng bỏ thêm cát đá bên trong, [đãy tro] sẽ nổi lên không chìm, lại trôi tấp vào bờ, rốt cuộc bị ô uế. Đốt kinh mà dụng tâm như vậy ắt có công đức, ắt chẳng bị tội khiên. Nếu không, tôi chẳng dám nói!

Những kẻ đốt kinh kia, có ai không đốt lẫn với giấy vàng bạc? Ở phương Nam giấy vàng bạc tốt, người ta chẳng chịu đốt trên đất. Ở Bắc Kinh giấy vàng bạc xấu tệ, các chùa đều chẳng biết kính tiếc chữ. Hễ người ta làm Phật sự, thường hay đem sớ văn đốt trên đường trước cửa nhà, hoàn toàn chẳng dùng đồ chứa đựng. Người, thú giày xéo, lỗi ấy chẳng nhỏ! Tập quen thành thói, đáng đau xót thay! Đối với chuyện này, về phần chúng ta nên thầm lặng tự giữ.

Như khăn vuông lót tay để lễ Phật của nữ nhân ở phương Nam có in danh hiệu của Phật, Bồ Tát, trên đó có đóng dấu các chùa, trải lên đất để lễ Phật, hoặc dùng để lót ngồi. Phong tục xấu xa này lưu truyền khắp xa gần. Năm Quang Tự hai mươi mốt (1895), ở chùa A Dục Vương, Quang thấy một phụ nữ dùng miếng vải ấy để lót ngồi, do đấy, bèn nói với vị điện chủ điện Xá Lợi, điện chủ nói: "Đấy là phong tục của vùng này", có ý cho rằng Quang lắm chuyện! Vì thế, trong Phổ Đà Chí có nói đến tội lỗi ấy, không biết có ai chịu lưu tâm hay chăng?

---

[120] Đây là một tục lệ kỳ quặc của Phật môn Trung Hoa vùng Hoa Nam. Kinh Kim Cang viết bằng chữ son thường được đốt trong các pháp sự cầu siêu để thí cho quỷ thần. Ẩn Bần Hội (hội giúp đỡ người nghèo) gây quỹ bằng cách nhờ các chùa bán loại kinh Kim Cang viết bằng chữ son này.

Thế gian chẳng biết có bao chuyện chẳng thể suy xét đến tận cùng, do đã thành thói quen, ai cũng cho là có lý. Như người ăn mặn cho kẻ ăn chay là không tốt lành, bất lợi cho con cháu; nếu ăn chay trường sẽ làm cho con cháu đoạn tuyệt! Rốt cuộc có kẻ tin theo, chẳng bằng lòng cho cha mẹ ăn chay trường. Những lời ngoa truyền ấy trọn khắp các nơi. Lại nữa, hễ có người sanh nở thì có kẻ niệm Phật trọn chẳng dám gần. Lại có người chẳng nhìn người chết, chẳng nhìn cô dâu mới cưới, cũng như phá địa ngục, phá huyết hồ, trả tiền Thọ Sanh. Những chuyện vô lý ấy, những ông sư phàm tục vì cầu lợi bèn làm cho người ta, kẻ vô tri vì để tiêu tội bèn bỏ tiền mời người làm, còn đối với pháp môn Niệm Phật thật sự được lợi ích lại coi thường!

Vào năm Dân Quốc 18 (1929), Long Tử Tu, Bộc Thu Thừa tính dùng một ngàn sáu hay một ngàn bảy trăm đồng để làm một hội Thủy Lục[121] tại Bảo Hoa Sơn, nói với Quang. Quang bảo đem tiền ấy để tổ chức Niệm Phật Thất, bọn họ liền bỏ đi không làm, chỉ dùng mấy trăm đồng để niệm Phật. Nếu Quang tán thành họ làm đàn Thủy Lục thì hai người [mỗi người] đều phải tốn hơn tám trăm đồng, đủ thấy người thế gian phần nhiều thích chuyện náo nhiệt phô trương, chứ không phải là chân thật cầu siêu cho người đã khuất và phổ độ cô hồn! Giấy vàng bạc cũng chớ nên bỏ, mà cũng không nhất định phải thiêu bao nhiêu. Cần biết: Đây là thứ dùng để cứu giúp cô hồn, chứ Phật Bồ Tát và người vãng sanh trọn chẳng dùng đến. Cũng là nhờ Phật lực, pháp lực, tâm lực mà biến ít thành nhiều. Nếu mỗi người đều được một tờ thì dù số đến ngàn vạn vạn tờ cũng chẳng thể trọn khắp được vì cô hồn và quỷ thần trọn khắp hư không vậy! Nếu biết nghĩa "biến ít thành nhiều" thì cái tâm cứu tế cô hồn cũng trọn hết, mà cũng không mắc lỗi quá sức phung phí. Ấy là do lòng ai nấy chí thành làm thì tâm lực trọn khắp, của cải trong cõi âm cũng được trọn khắp theo!

---

[121] Thủy Lục là pháp hội thí thực cho ngạ quỷ cũng như hết thảy những sinh vật sống trên đất, dưới nước nhằm cứu bạt các loài quỷ. Theo Thích Môn Chánh Thống, quyển 4: *"Gọi tên là Thủy Lục là do ý nghĩa 'chư tiên đến ăn trong các dòng nước, quỷ đến ăn nơi đất sạch"*. Duyên khởi của pháp hội này là do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) mộng thấy thần tăng dạy lập trai hội nhằm phổ tế quần linh trong lục đạo tứ sanh. Vua bèn cầu cao tăng đọc khắp các kinh điển, y theo chuyện A Nan gặp quỷ Diện Nhiên, thiết lập pháp hội thí thực bình đẳng, soạn ra khoa nghi. Theo Phật Tổ Thống Ký, pháp hội Thủy Lục đầu tiên được cử hành tại chùa Kim Sơn vào năm Thiên Giám thứ tư (505) đời Hậu Lương. Về sau khoa nghi này thất truyền. Đến niên hiệu Hàm Thuần đời Đường, pháp sư Đạo Anh chùa Pháp Hải tại Trường An được dị nhân chỉ điểm, tìm lại được khoa nghi bèn tổ chức và lưu truyền pháp hội này.

80. Thư giới thiệu sử dụng xà-phòng Tam Tinh làm bằng chất béo thực vật

(năm Dân Quốc 18 - 1929)

Nỗi thảm sát kiếp trong cõi đời gần đây [đúng là] xưa nay chưa từng nghe đến; xét đến cội nguồn, phần nhiều là do sát sanh ăn thịt mà ra. Muốn cứu vãn, nếu không từ đề xướng nhân quả báo ứng khiến cho hết thảy mọi người cùng phát cái tâm "dân như người ruột thịt, vật giống hệt như ta", đều cùng kiêng giết ăn chay, sẽ không thể có cách nào đạt hiệu quả cho được! Ngoài chuyện ăn thịt ra, phàm với những chuyện gì có thể dấy động cơ duyên giết chóc đều phải lập cách sửa đổi. Như do từ chuyện [chế biến] xà-phòng mà sát sanh thì cũng không thể kể hết được số. Bởi lẽ, xà-phòng dùng mỡ [động vật] mới khử được hờm. Những thứ chất béo khác không có tánh ngưng kết, hoặc tuy có tánh ngưng kết nhưng đều mắc quá. Vì vậy, đều dùng mỡ bò để làm. Bò là loài gia súc có công lớn đối với con người; do điều này, chúng bị giết không thể tính toán được, thật là một chuyện đáng ngậm ngùi lắm!

Mấy năm trước, cư sĩ Châu Văn Minh và một vị Tăng ở Phổ Đà sáng chế một loại xà-phòng làm bằng dầu thực vật, Quang đã từng thuyết minh căn cội của nó, báo với tứ chúng, hầu như được hết thảy thiện tín tán thành, chấp thuận. Tiếc là nguồn vốn không bao nhiêu, chẳng đầy mấy tháng bèn lỗ vốn, phải đình chỉ. Sau này xưởng xà-phòng và nến Nam Dương làm kèm thêm xà-phòng bằng dầu thực vật, do giá thành cao nhưng lợi tức kém nên cũng lại đình chỉ. Ba bốn năm trước, thường có Phật giáo đồ từ phương xa gởi thư hỏi Quang chỗ bán, muốn mua về dùng. Cũng có người muốn đứng làm đại lý bán lại. Quang thường đem chuyện ấy ghim trong lòng, mong có người phát tâm "cứu sanh mạng, ngăn giết" lại làm xà-phòng bằng chất béo thực vật để cởi gỡ mối lo buồn kín đáo của tôi thì còn may mắn nào hơn!

Tháng Mười năm ngoái, Tổng Lý (giám đốc) của Trung Quốc Hóa Học Công Nghiệp Xã tại Thượng Hải là Phương Dịch Tiên cùng mẹ và vợ đến quy y. Quang hỏi: "Ông có làm xà-phòng hay không?" Thưa: "Có làm ạ!" Quang dặn nên làm xà-phòng bằng chất béo thực vật. Ông ta thưa: "Vâng", chỉ nói: "Xà-phòng bằng chất béo thực vật giá thành khá cao. Nếu để giá cao, người ta không chịu dùng. Do vậy, các xưởng chế tạo xà-phòng đều chẳng chịu làm. Đã vâng lời thầy dạy, sẽ thỏa nguyện thầy, nhưng nếu không nghiên cứu nhiều cách sẽ không thể được. Khoảng giữa Xuân và Hạ năm sau sẽ có thể làm ra được sản phẩm". Đến đầu tháng Ba năm nay, ông ta đến gặp Quang, nói: "Xà-phòng bằng chất béo thực vật thì khuôn và đồ đựng đều chế

tạo ổn thỏa rồi, nhưng phòng xưởng chưa đủ dùng, hiện đang xây cất, đến giữa tháng Tư sẽ có thể bán ra được”. Quang nghe xong, khôn ngăn mừng rỡ.

Mạnh Tử có nói: *“Thỉ nhân khủng duy bất thương nhân, hàm nhân duy khủng thương nhân”* (Người chế tạo mũi tên chỉ sợ chẳng làm người khác bị thương, người chế tạo áo giáp chỉ sợ người khác bị thương). Cùng là kiếm lời, nhưng từ bi hay tàn nhẫn, tội hay phước khác biệt lớn lắm! Chỉ một hành động này không biết đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng. Đúng là *“nghệ dã nhi tấn hồ đạo hỹ”* (nghề nghiệp là để tăng tấn đạo vậy). Mong sao hết thảy mọi người cùng hàng với tôi đều dùng loại xà-phòng bằng dầu thực vật này thì hết thảy những xưởng chế tạo xà-phòng bằng mỡ động vật phải đổi sang làm xà-phòng bằng dầu thực vật ngõ hầu được mọi người chiếu cố, quyết chẳng vì giá thành của xà-phòng bằng mỡ động vật rẻ hơn mà chẳng chịu thay đổi. Quang già rồi, tinh thần ngày càng giảm, việc thù tiếp ngày càng nhiều, sau Thu sẽ náu mình ẩn kín mãi mãi. Sợ rằng có lẽ các Phật giáo đồ đồng hàng với tôi tại các tỉnh không biết nên tôi bảo ông ta in ra bảng giá để mọi người đều biết.

81. Thư gởi cư sĩ Minh Quang

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn bình thường nhất nhưng cao sâu nhất trong Phật pháp. Nếu không phải đời trước sẵn đủ huệ căn, quả thật khó thể sanh chánh tín sâu xa. Đừng nói nhà Nho chẳng dễ sanh lòng tin, ngay cả bậc tri thức thông Tông thông Giáo cũng thường dựa theo ý nghĩa trong Tông - Giáo để luận định, phán đoán, đến nỗi đối với pháp “khiến cho hàng phàm phu sát đất chưa đoạn Phiền Hoặc mà được liễu sanh thoát tử siêu phàm nhập thánh ngay trong đời hiện tại” chẳng thể nghĩ bàn này họ chẳng những không chịu tự tu mà còn chẳng chịu dạy người khác tu, vì họ chẳng biết pháp này chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, cứ lấy giáo nghĩa của Tông - Giáo làm chuẩn, nên mới phạm những lỗi lầm ấy. Nếu thoạt đầu họ liền biết được nghĩa này thì lợi ích lớn lắm. Người thông minh phần nhiều chú trọng “hiểu lý để ngộ cái tâm”, chẳng biết niệm Phật chính là đường tắt để hiểu lý ngộ tâm.

Nếu có thể niệm niệm tương ứng thì sẽ tự hiểu được lý, ngộ được tâm. Dẫu chưa làm được, bèn cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, so với những kẻ “hiểu được lý, ngộ được tâm, nhưng chưa đoạn Phiền Hoặc, vẫn cứ luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra”, thì [sự khác biệt giữa] trời và đất đã chẳng đủ để sánh ví sự hay và dở. Huống chi đã vãng sanh liền thân cận Phật Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, há nào phải chỉ hiểu được lý, ngộ được tâm mà thôi ư! Pháp môn Tịnh Độ chỉ có bậc Thượng Thượng Căn và ngu phu ngu phụ mới được lợi ích

thật sự, còn kẻ thông minh thông Tông thông Giáo phần nhiều do chí lớn, ăn nói lớn lối, chẳng chịu cậy vào Phật từ lực, cứ dốc chí cậy vào đạo lực của chính mình, cam lòng nhường cho ngu phu ngu phụ sớm dự vào dòng thánh! Có lẽ trong quý ấp có kẻ mang kiến giải như vậy cho nên tôi mới nói sơ lược nguyên do.

Đã muốn quy y thì nay đặt cho ông pháp danh là Khế Quang. Tiếng Phạn "A Di Đà", cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, hay cũng dịch là Vô Lượng Quang. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật, thì chính là lấy Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm. Nếu có thể tâm tâm tương ứng thì nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân, cực bình thường nhưng cực huyền diệu. Nếu có thể tin nhận thì đáng gọi là bậc đại trượng phu lỗi lạc. Quang do túc nghiệp, sanh ra liền bị bệnh mắt, may còn được thấy bầu trời hơn bảy mươi năm. Nay thì mắt hết sức yếu lòa, cự tuyệt hết thảy những chuyện thù tiếp bút mực. Sợ ông bị dao động, bị thuyết phục bởi những kẻ đề xướng hướng dẫn thuộc những tông khác, nên đặc biệt nói đại lược hai nghĩa đặc biệt và thông thường, ngõ hầu chẳng đến nỗi biến khéo thành vụng, cầu thăng lên đâm ra đọa xuống!

Hãy nên thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn Tổng Trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu vẫn chưa bị thuyết phục, hãy nên thường xem Tịnh Độ Thập Yếu thì mọi thứ nghi ngờ sẽ tiêu tan, vầng trăng nhất tâm rạng ngời. Văn Sao tuy ngôn từ vụng về, chất phác, nhưng đã nêu tỏ đại lược về duyên do của Thiền và Tịnh, cũng như những điều có ích cho luân thường trong cuộc sống hằng ngày, cũng có thể giúp cho việc tự lợi, lợi tha.

82. Thư gởi cư sĩ Tự Giác

(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Chuyện trong thiên hạ có lý nhất định, chứ không có sự nhất định. Hãy nên dùng lý để định đoạt sự, dùng sự để luận lý, ngõ hầu phù hợp thiên lý, tình người thì mới nên. Mạnh Tử dạy: *"Nam nữ thọ thọ bất thân vi lễ"*[122] (Nam nữ trao và nhận [đồ vật], chẳng đụng chạm nhau, đó là lễ), [nhưng lại cũng] nói: *"Tẩu nịch bất viện vi sài lang"* (Chị dâu chết đuối không cứu thì

[122] Câu nói này xuất phát từ sách Mạnh Tử, thiên Ly Số: *"Nam nữ thọ thọ bất thân, lễ dã. Tẩu nịch viện chi dĩ thủ giả, quyền dã"*. Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích giảng: Nam nữ vâng giữ khuôn phép lễ kính, đạo đức, chẳng thể đích thân dùng tay chạm trực tiếp vào đồ vật, để da thịt khỏi bị đụng chạm nhau, đó là lễ. Nhưng nếu chị dâu chết đuối, em chồng cứu vớt bằng cách dùng tay kéo lên, đó là quyền biến.

là loài lang sói). Trong lúc ấy, cố nhiên chẳng thể tuân theo lễ nghi trong lúc bình thường để luận được! Đứa con hiếu thờ cha mẹ không hề trái nghịch. Nếu cha mẹ mọc nhọt độc, còn phải dùng kim, dùi, dao, kim nạo để khêu, cắt, lại còn phải dùng hết sức nặn mủ đến khi thấy ra máu mới thôi, đấy cũng là chỗ thể hiện lòng hiếu. Nếu sợ là mạo phạm, ngỗ nghịch thì mạng sống của cha mẹ xong luôn! Nhưng chớ nên thấy có những người làm như vậy được cho là hiếu, để rồi cha mẹ không bị nhọt độc mà vẫn cứ khêu, cứ cắt như vậy sẽ trở thành đại nghịch bất đạo, trời sẽ nổi sấm xử tử.

Kinh nguyệt của nữ nhân là cố tật của quá nửa đời người, xảy ra độ mấy ngày, sao lại vì thế liền ngưng niệm Phật? Lúc bình thường ắt phải hết sức sạch sẽ, chí thành, đến lúc ấy tuy thân thể chẳng thể hết sức sạch sẽ thì càng nên chí thành gấp bội. Trong đồ lót phải chêm thêm vải lót dầy, đừng để máu dơ chảy ra Phật đường. Hễ tay sờ vào phần dưới thân ắt phải rửa sạch. Nếu lễ bái không tiện thì ít lễ bái. Đối với việc niệm Phật, tụng kinh, cố nhiên dùng tâm hạnh chí thành cung kính thì công đức chẳng giảm bớt so với lúc bình thường. Do Phật là cha mẹ đại từ bi của hết thảy chúng sanh, trong lúc bệnh ấy phát ra, nếu chí thành niệm Phật thì Phật sẽ càng sanh lòng xót thương gấp bội!

Như kẻ ngu chấp trước "hễ thân có bệnh chẳng sạch như vậy thì chẳng thể niệm Phật", [vậy thì] nếu con cái té trong hầm xí cũng chẳng thể gọi cha mẹ cầu cứu, có lẽ ấy hay chăng? Người niệm Phật nên đi, đứng, nằm, ngồi, tâm thường nghĩ nhớ. Lúc bình thời ở nơi sạch sẽ, hoặc lúc áo mũ chỉnh tề thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Chỉ lúc ngủ, đại tiểu tiện, trần truồng tắm gội thì nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Nếu gặp tai nạn đao binh nước lửa thì ở bất cứ chỗ nào, trong bất cứ trạng thái nào đều nên niệm ra tiếng, vì niệm ra tiếng so với niệm thầm càng đắc lực hơn. Nếu khi nữ nhân sanh con, nên niệm ngay từ lúc chưa sanh và đến khi lâm bồn, tuy trần truồng chẳng sạch sẽ, vẫn nên niệm ra tiếng. Lúc ấy [là lúc] có liên quan đến tánh mạng, như té trong lửa nước cầu được cứu giúp, chẳng thể luận trên dáng vẻ chẳng đoan trang, ô uế, bất tịnh v.v…

Nữ nhân khó sanh chẳng phải là có oán thù với đứa con sắp sanh mà chính là oan gia đời trước, gây trở ngại hầu không sanh được, khiến cho bị đau khổ. [Sản phụ] niệm Phật và những người chăm sóc chung quanh đều cùng vì người ấy niệm Phật thì những kẻ oan gia kia nghe tiếng niệm Phật sẽ liền tháo lui, chẳng dám cản trở! Do vậy, càng phải nên dạy con gái niệm Phật từ nhỏ ngõ hầu diệt sẵn cái nạn này. Nếu là người lúc bình thường luôn niệm Phật chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi có sự nguy nan này. Dẫu là người lúc bình thường chẳng niệm Phật mà [lúc ấy] có thể chí tâm niệm thì chắc chắn cũng được dễ sanh! Kẻ ngu chấp lý hẹp hòi, cho là hễ đàn bà trong nhà sanh con thì cả nhà đều chẳng được cúng Phật, cũng chẳng được niệm Phật; nếu

không, sẽ mắc tội! Đấy là chấp chết cứng vào toa thuốc để trị biến chứng, chỉ biết lẽ thường, chẳng biết quyền biến, đáng thương vậy thay!

Ông nên đem nghĩa này nói với những phụ nữ thân cận, láng giềng, thì công đức ấy lớn lắm, lại chẳng tốn kém mảy may, có thể gọi là "cứu người từ lúc chưa nguy". Nhưng cần phải phân biệt cặn kẽ, chớ nên cho rằng nữ nhân sanh con trần truồng, ô uế không trở ngại gì, [do vậy] lúc bình thường cũng trọn không kính sợ chi, chẳng cần phải sạch sẽ, thì lại chuốc tội chẳng cạn! Lúc bình thường phải noi theo lẽ thường. Lúc có kinh nguyệt và lúc sanh con chính là lúc "biến lý" (lý thay đổi). Hãy xét kỹ thí dụ do Mạnh Tử và Quang đã nói sẽ tự biết rõ.

Nay gởi cho ông một bộ Văn Sao, một bộ An Sĩ Toàn Thư, một bộ Quán Âm Tụng, hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám, xin hãy đọc kỹ. Văn Sao thì chẳng những tu trì Tịnh nghiệp có chỗ làm căn cứ nương tựa, ngay cả những cách xử thế, giữ thân, tề gia, dạy con v.v… đều có nêu rõ. Trong đời hiện thời, ắt cần phải sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng. Dạy con cố nhiên là nhiệm vụ trọng yếu, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn dạy con trai, bởi lẽ con người lúc bé thường ở bên mẹ, nếu mẹ hiền thì con cái cũng tự nhiên sẽ hiền. Do thường được un đúc nuôi dạy đã tập quen thành thói, đến khi lớn lên được cha dạy dỗ sẽ thuận chiều chỉ dạy, thật là dễ dàng. Đời hiện tại loạn đến mức như thế này đều là vì không có hai thứ khéo dạy trên đây mà nên nỗi! Quang không có sức cứu vãn kiếp vận, nhưng có tâm cứu đời, cho nên ở đây mới dài dòng một phen. Nếu chẳng cho lời bàn của lão tăng là viễn vông, hủ bại thì may mắn lắm thay!

83. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nhân Hàng bàn về chuyện hoằng dương nhân quả

Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, sao lại khen ngợi quá mức khiến Quang hổ thẹn không chốn nương thân! Thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian dùng sự lý nhân quả để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Người đời nay đa phần chẳng cho như vậy là đúng, cứ làm riêng theo cách mới, đến nỗi chú trọng cạnh tranh, xâm đoạt để mong tăng lớn thế lực, mở rộng lãnh thổ của ta, tàn sát lẫn nhau, trọn không ngưng dứt. Nhân họa đã khốc liệt, thiên tai lại giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều vì chẳng coi nhân quả báo ứng là đúng mà ra! Cái gốc họa này vấn vít kết lại đã lâu, nay đã dần dần bộc phát. Nào phải do một hai người tuyên truyền mà có thể vãn hồi được ư?

Nguyện rộng sâu của các hạ Quang khâm phục cùng cực. Nhưng Quang đã trở thành phế nhân, chẳng những không thể tương trợ, mà cũng chẳng thể khuyên người khác tương trợ. Vì sao vậy? Do không có tinh thần ăn nói và

không có mục lực để viết chữ. Trộm cho rằng tuyên truyền trong lúc sắp đánh nhau hay lúc sắp đánh nhau, cái tâm quyết liệt của đôi bên hơi khó buông xuống ngay lập tức được! Vừa uổng tiền tàu xe, vừa bị nguy hiểm. Chẳng bằng dứt lo, quên duyên, nhất tâm lễ tụng, cầu Tam Bảo ngầm rủ lòng gia bị khiến cho những kẻ có quyền lực trong các nước diệt dứt ác niệm, phát khởi từ tâm. Nếu được cảm ứng, lợi ích ấy lớn lắm. Nếu chẳng thể cảm ứng nơi các nước thì cũng sẽ ngầm kết pháp duyên với người các nước, lợi ích ấy cũng chẳng nông cạn đâu!

84. Thư trả lời cư sĩ Dương Phật Điển

Nhận được thư, biết ông hằng ngày lễ tụng siêng năng, chuyên tinh, vui mừng, an ủi không chi sánh bằng! Bóng đen ông đã nói đó chẳng phải là bóng của Phật hay Bồ Tát mà cũng chẳng phải là bóng của oán gia đối đầu hiện ra. Vì Phật, Bồ Tát nếu đã hiện ắt sẽ sáng tỏ, thấy được mặt, mắt v.v… còn oan gia sẽ hiện tướng đáng sợ! Bóng ấy chính là cô hồn đã có duyên [với ông] trong đời trước mong nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Hãy nên sau khóa tụng vì họ hồi hướng, lại còn chuyên hồi hướng cho họ, khiến cho họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì có ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen họ khổ sở hiện bóng.

Lại nữa, phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới không tốt chẳng sanh sợ hãi. Được như thế thì các cảnh giới đã hiện đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành đều nên lấy chí thành cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi khiêm tốn. Lòng nghĩ, thân làm tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng cần phải nỗ lực gắng công ngõ hầu chẳng trái nghịch tâm hạnh của Phật, thì mới đáng gọi là người tu hành thật sự, là đệ tử Phật thật sự.

85. Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn (năm lá thư)
(năm Dân Quốc 21 - 1932)

1) Hết thảy chúng sanh đều sẵn có Tánh Đức, nhưng rất ít có Tu Đức. Nay đã phát tâm học Phật là do từ Tánh Đức khởi lên Tu Đức. Tuy có tâm ấy, nhưng nếu chẳng kiệt thành tận kính tu trì thì Tu Đức chẳng thể tăng trưởng, Tánh Đức vẫn bị phiền não ác nghiệp gây chướng ngại như cũ, chẳng thể hiển hiện được! Như mặt trời trong mây, trọn chẳng thấy được tướng sáng. Vì thế, phải phấn chấn tinh thần, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các

điều lành, làm các điều lành trong thế gian. Lại phải cạn lòng thành, tột lòng kính, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu pháp xuất thế gian. Trong thế gian, học một tài, một nghề đều phải dốc hết toàn bộ tinh thần thì mới có thể thành được.

Nay là phàm phu sát đất lại muốn ngay trong đời này siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử, há chẳng phát khởi mạnh mẽ chí hướng lớn lao nâng cao tinh thần mà thành được ư? Ý nghĩa của chữ Đức Chấn là như vậy đó. Nếu có thể mạnh mẽ dẹp dứt thì Danh tương ứng với Thật. Nếu không, chỉ là hữu danh vô thật! Đấy là do chính mình phạm lỗi không thể mạnh mẽ dứt dẹp, chứ không phải là Phật pháp chẳng thể lợi người vậy!

2) Bệnh đã sắp phát ra, do nhờ Đại Sĩ che chở nên được lành, lẽ ra nên sốt sắng coi trọng việc ấy, tu trì pháp môn Tịnh Độ trọng yếu bậc nhất này, sao lại ơ hờ đi hỏi chuyện chẳng cần kíp? Rốt cuộc, chẳng qua cũng là cùng một điệu bộ với kẻ đi đường hỏi lối, [do vậy tôi] biết lòng tin các hạ đã nói ấy chỉ là lòng tin hời hợt bên ngoài, cái hạnh các hạ đã nói đó chính là hạnh vui chơi. Nếu thật sự lấy chuyện này làm chuyện bậc nhất trong đời người thì những gì được ẩn chứa bên trong sẽ lộ tướng ra bên ngoài, thoạt nhìn là biết ngay! Các hạ có câu hỏi thì đã phúc đáp, có yêu cầu [kinh sách] cũng đã gởi qua bưu điện. Quang già rồi, tinh lực chẳng đủ, từ rày chớ nên gởi thư tới nữa! Gởi đến sẽ không trả lời, một là do không rảnh rỗi để thù tiếp, hai là do bận bịu quá nhiều chuyện.

Thứ nhất, Tâm Kinh[123] (bản dịch của ngài Huyền Trang) chính là bản dịch toát yếu, cho nên không có phần Chứng Tín Tự và phần kinh văn lưu thông. Nhưng bản dịch của ngài Bát Nhã[124] và Lợi Ngôn[125] đời Đường với bản dịch của ngài Thi Hộ đời Tống đều có cả.

---

[123] Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Prajñāpāramitā Hrdaya Sūtra), ngoài bản dịch của ngài Huyền Trang ra, còn có sáu bản dịch nữa với tên gọi khác biệt: Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Đại Minh Chú Kinh (Cưu Ma La Thập dịch), Bát Nhã Ba La Mật Đa Na Đề Kinh (Bồ Đề Lưu Chi dịch), Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Bát Nhã và Lợi Ngôn dịch), Phổ Biến Trí Tạng Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Pháp Nguyệt dịch), Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Trí Huệ Luân dịch), và Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh (Thi Hộ dịch).

[124] Bát Nhã (734-?), là một vị cao tăng dịch kinh đời Đường, đôi khi còn được phiên âm là Bát Lạt Nhã (Prajñā), người nước Kế Tân ở Bắc Ấn Độ, họ Kiều Đáp Ma (Gotama), xuất gia năm bảy tuổi, năm 20 tuổi thọ Cụ Túc, năm 23 tuổi đến chùa Na Lan Đà ở Trung Ấn theo học với các vị Trí Hộ, Tấn Hữu, Trí Hữu v.v… chuyên nghiên cứu Duy Thức, Du Già, Trung Biên, Kim Cang Kinh, Ngũ Minh v.v… Năm Kiến Trung thứ hai (781) đời Đường

Thứ hai, hết thảy kinh chú tuy có các loại do Phật nói hay Bồ Tát nói khác nhau, tuy do Bồ Tát nói nhưng cũng đã được Phật chứng minh thì đều có thể gọi là *"Phật thuyết"*. Ông cho đó là do đệ tử đức Phật trước thuật (người hỏi vốn dùng lầm chữ Trước thành chữ Bút), sao lại miệt thị kinh chú quá đáng vậy? Dùng cái tâm này để tụng kinh chú chắc chắn chẳng có sự cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!

Thứ ba, Tu La (Asura), cõi này dịch là Phi Thiên, nghĩa là có phước báo trời nhưng không có đức của chư thiên. Do họ có phước nên cũng được xếp

---

Đức Tông, Sư đến Trường An. Năm Trinh Nguyên thứ tư (788), Sư dịch bộ Đại Thừa Lý Thú Lục Ba La Mật Đa Kinh, năm sau lại dịch các ấn khế, chân ngôn, pháp môn từ trong Mật Tạng. Tháng bảy năm Trinh Nguyên thứ sáu (790), phụng chiếu đi sứ nước Ca Thấp Di La (Kashmir). Không lâu sau, Sư được sắc phong danh hiệu Bát Nhã Tam Tạng và được ban ca-sa tía. Sau đó, Sư dịch các bộ Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Tứ Thập Hoa Nghiêm, Đại Thừa Bản Tánh Tâm Địa Quán Kinh, Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni Kinh v.v… Sư mất tại Lạc Dương, di thể chôn ở Tây Cương, Long Môn, không rõ thọ được bao nhiêu tuổi.

[125] Lợi Ngôn, không rõ năm sanh, là một vị cao Tăng đời Đường, người xứ Cưu Ty (Kuche) ở Tây Vực. Tên ngài còn được phiên âm là Địa Chiến Thấp La (Chân Nguyệt). Khi sa-môn Pháp Nguyệt từ Đông Ấn Độ sang Cưu Ty, Sư được gặp gỡ, bèn theo ngài Pháp Nguyệt học tập nội ngoại điển, nghe giảng các bộ Đại Thừa Nguyệt Đăng Tam Ma Địa Kinh, Lịch Đế Kỷ, Du Già Chân Ngôn đều nhớ nằm lòng. Năm Khai Nguyên 14 (726), Sư được thọ Cụ Túc, chuyên nghiên cứu học hỏi các kinh Đại Tiểu Thừa, sách tiếng Hán, sách tiếng Phạn, cũng như các phương ngôn ở Tây Vực. Năm Khai Nguyên 18 (730), theo thầy qua phương Đông, đến năm Khai Nguyên 20 (732), thầy trò tới Trường An, Sư làm người phiên dịch cho thầy, thường vào cung, rất được Đường Huyền Tông kính nể. Năm Khai Nguyên 24 (736), Sư trở về Tây Vực. Lúc ấy nước Phùng Thức Nặc đang có quốc biến, đường đi bị nghẽn, Sư bèn sang Vu Điền. Sau khi ngài Pháp Nguyệt thị tịch, Sư bèn trở về chùa cũ. Năm Thiên Bảo 13 (754), Sư lại sang phương Đông, đến tháng Hai năm sau bèn tới ngụ tại các chùa Long Hưng và Báo Ân, giúp ngài Bất Không dịch kinh. Năm Trinh Nguyên thứ 4 (788), Sư chính thức giữ chức Dịch Ngữ trong đạo tràng phiên dịch. Năm sau, lại theo hầu Bát Nhã Tam Tạng, đảm nhiệm việc phiên dịch kinh Na La Diên Lực Kinh. Không rõ Sư mất khi nào. Còn để lại những trước tác như Phạm Ngữ Tạp Danh, Tây Minh Tự Viên Chiếu Thi Tập. Ngoài ra những di cảo của Sư cũng được môn nhân thâu thập thành Phiên Kinh Đại Đức Hàn Lâm Đãi Chiếu Quang Trạch Tự Lợi Ngôn Tập.

vào thiện đạo. Do họ sân hận, kiêu mạn, tranh đấu nên cũng bị xếp vào ác đạo, vì thiện - ác, tội - phước xen tạp vậy! Trong đời có kẻ tin Phật, nhưng thường lầm lạc tự nẩy sanh ý kiến, ôm lòng nghi báng. Nói về phần được của người ấy thì có gọi là bậc chánh tín, nhưng nói về chỗ mất của người ấy thì cũng gọi là kẻ tà mê.

Thứ tư, Sa Bà (Sahā) là tên chung của tam thiên đại thiên thế giới,

Thứ năm, "kết già phu tọa" (ngồi kết già): Trước hết dùng chân phải đè lên đùi trái, dùng chân trái đè lên đùi phải, gọi là "già phu". Chữ Già (跏) vốn viết là chữ Gia (加), có nghĩa là hai mu bàn chân đâu vào nhau. Phu (趺) là mu bàn chân. Nhưng ngồi lâu thì có thể thay đổi trái và phải cho nhau, đừng chấp chặt phải luôn luôn như vậy. Nếu chẳng thể xếp cả hai chân thì chỉ cần dùng chân trái đè lên chân phải là được rồi. Cách này còn gọi là "bán gia" (thường đọc trại thành "bán già").

Thứ sáu, "giường to cao rộng" [được nói đến trong Bát Quan Trai Giới] chính là giường dây của tăng nhân hành hạnh Đầu Đà ở Tây Vực. Nước ta không theo cách này, chỉ là chớ nên ngồi trên giường, sập quý trọng hiếm đẹp mà thôi. Loại giường dây này giống như bộ cương ngựa ngày nay, dùng dây bện thành, có thể mở ra hay xếp lại được. Cao chẳng quá một thước sáu tấc, rộng chẳng quá bốn thước. Thước ở đây là thước đời Châu[126], nhỏ hơn thước hiện thời hai tấc. Giường này không phải là giường để ngủ, mà là giường để tọa thiền.

Thứ bảy, "chỉ có đường tắt tu hành". Đây chính là giáo nghĩa, có thể chiếu theo văn tự để hiểu. "Y theo như cũ đi nhiễu", đây chính là ý nghĩa trong nhà Thiền, phải có chỗ ngộ thì mới biết triệt để được. Tào Lỗ Xuyên[127] tự cho là bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo còn hiểu lầm ý này. Các hạ muốn tôi giảng ý nghĩa này, đúng là lời hỏi giỡn chơi! Các hạ hãy buông xuống hết thảy tri kiến thừa thãi, nhất tâm niệm Phật, niệm cho đến khi tâm lẫn Phật đều mất cả rồi, sẽ tự phát ra một tràng cười to, hoàn toàn hiểu rõ. Khi chưa đạt đến, dẫu người khác có giảng cho vẫn chẳng biết được! Ví như

---

[126] Một thước (Xích) đời Châu bằng 23.1cm.

[127] Tào Lỗ Xuyên là một vị cư sĩ sống cùng thời tổ Liên Trì. Khi tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì được phổ biến trong cõi đời, Tào Lỗ Xuyên đôi ba phen cật vấn, cho là Tổ phế bỏ Tam Tạng kinh điển, coi căn khí của mọi người đều hèn kém như nhau, buộc tất cả mọi người đều phải tu pháp thiển cận, lên án Tổ coi thường kinh Hoa Nghiêm, đề cao kinh Di Đà quá đáng, toan dùng pháp môn Tịnh Độ chèn ép các tông khác, coi thường chư Phật, chỉ đề cao riêng mình Phật Di Đà v.v…

đã đến điện Hàm Nguyên[128], mọi thứ trong điện ấy đều biết hết. Nếu vì người chưa đến đấy [mà nói] thì dù có nói rõ ràng, vẫn mờ mịt không biết y như cũ

Những câu nói trong nhà Thiền đều nhằm dạy người khác tham cứu. Nếu hiểu theo ý nghĩa văn tự thì chẳng những không được lợi ích, mà còn có thể coi "hiểu lầm" là ngộ, tội ấy cực lớn. Dẫu ngộ thật sự nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn cách xa lắm! Do kẻ ấy chỉ cậy vào tự lực, phải là sau khi đại ngộ rồi, phiền não, Hoặc nghiệp đoạn sạch không còn sót gì thì mới liễu được. Nếu không, chẳng do đâu mà liễu được! Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cậy vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ cũng chỉ có thể học theo cách tu trì của hàng ngu phu ngu phụ. Nếu lầm lẫn bắt chước thân phận của Tào Lỗ Xuyên thì chẳng những liễu sanh tử trọn chẳng có phần mà còn thật sợ rằng đọa lạc ba ác đạo ắt đã sẵn phần! Vì sao vậy? Do "chưa được bảo là được, do chưa chứng nói là chứng"; do vậy, hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ.

Thứ tám, những sách như Văn Sao v.v… gởi đi một gói, nếu chẳng hiềm là hèn kém, dở tệ, xin hãy đọc kỹ, hành theo, ngõ hầu chẳng uổng cuộc đời này và sự gặp gỡ này. Nếu cho là chẳng đáng để vào mắt thì hãy đem cho người thiếu mắt. Từ rày, chỉ nên bàn bạc, trình bày với ông [Phí] Phạm Cửu, đừng gởi thư cho Bất Huệ nữa, do tôi không đủ tinh thần thù tiếp.

3) Chuyện trong thế gian, có chuyện nên dùng lý để luận, có chuyện nên dùng tình để luận. Ông nói về chuyện của vị tên X… nọ cố nhiên nên dùng tình để luận, chớ nên cố chấp vào lẽ thường để đoán định. Sự việc xảy ra đã năm năm rồi, cũng không sợ người ta thấy nghe. Người ấy đã cùng với người tên Y… sống yên, chỉ nên để mặc. Nếu thật sự có lòng hiếu thảo, ắt sẽ thay cho người ấy lễ Phật sám hối, cầu cho người ấy giác ngộ. Lúc đến thăm hỏi nên khuyên người ấy niệm Phật, đây là dùng tình cảm. Nếu người ấy gặp khốn khó thì chẳng ngại gì châu cấp. Buôn bán trái lẽ để sống, không thể khuyên can được thì chuyện này lấy tình mẹ con làm chuẩn, chẳng thể luận theo lẽ thường! Còn đối với ông Y… ấy cũng chẳng được coi như kẻ oán cừu, kính nhi viễn chi mới là hợp lẽ.

---

[128] Điện Hàm Nguyên là tiền điện của cung Đại Minh thuộc kinh đô Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) của nhà Đường. Căn cứ trên phế tích và những di vật được khai quật, người ta biết điện này hùng vĩ và tráng lệ hơn điện Thái Hòa thuộc Tử Cấm Thành Bắc Kinh đời Minh rất nhiều. Do được dùng chủ yếu để thiết đại triều, nên trong điện Hàm Nguyên tập trung mọi thứ quý báu, hoa mỹ nhất của đế quốc Đại Đường.

Nam nữ tuy khác, tâm niệm vốn đồng. Trong đời, có những gã đàn ông trong nhà đã có thê thiếp, vẫn còn lang chạ với phụ nữ của người khác ở bên ngoài, con cái người ấy chẳng thể vì chuyện đó mà không coi ông ta là cha. Đối với người được cha thương yêu, tuy chẳng thể coi như là mẹ, nhưng cũng chớ nên xem như kẻ oán cừu. Coi như kẻ oán cừu tức là oán cừu cha! Sau này có thể dẫn đến những cử chỉ báo oán, hành hung, vì thế hãy nên kính nhi viễn chi! Sách Lễ Ký nói: *"Phụ mẫu chi sở ái diệc ái chi. Phụ mẫu chi sở kính diệc kính chi"* (Cha mẹ yêu mến gì thì ta cũng yêu mến nấy. Cha mẹ kính trọng gì thì ta cũng kính trọng nấy). Đối với chó, ngựa mà còn như thế huống gì là con người? Chỉ cần chẳng sanh phân biệt, tận hết lòng hiếu thảo của chính mình thì đối với thiên lý, tình người, lẫn Phật pháp đều có thể chẳng trái nghịch. Mong hãy đem ý này nói với người ấy. Người ấy sẽ trọn được lòng hiếu đôi bề, có thể khiến cho cha mẹ sanh lòng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, lấy niệm Phật làm chuyện chánh. Chỉ nên quên đi chuyện cũ thì tình cảm mỗi ngày một thân thiết, lời nói sẽ nghe lọt tai.

Về phần cậu của ông, tôi đã bảo gởi Văn Sao, Gia Ngôn, Thống Kỷ, An Sĩ, Chánh Tín v.v… cùng một bưu kiện, nay sẽ gởi sách đi. Thư hôm trước của ông tôi cũng đã nhận được rồi. Cha mẹ ông đều một bề có tín tâm, nay hãy nên uyển chuyển khuyên dụ họ, khiến cho tín tâm của họ tăng trưởng, quả thật là ý nghĩa trọng yếu để người làm con, người làm Phật tử báo đền cội gốc vậy. Ông nói phần Biện Thể và Lợi Ích Về Mặt Pháp Do Nghe Chim Hót trong sách Di Đà Yếu Giải không rõ ràng, xin Quang giải thích; các giáo nghĩa thấu đạt lý rất sâu ấy há kẻ sơ tâm có thể hiểu rõ ngay được ư? [Nếu] giải thích, [người nghe] cũng phải đã có mấy phần hiểu rõ rồi thì mới được. Nếu không, phải tốn bao nhiêu bút mực mới có thể làm cho ông hiểu rõ ràng từng điều một? Ông hãy nên nhất tâm niệm Phật, sau hai ba năm, sẽ tự có cơ hội hiểu rõ ràng. Nếu muốn gấp hiểu rõ ràng ngay, hãy nên thỉnh một bộ Di Đà Yếu Giải Tiện Mông Sao[129], lắng lòng đọc, họa chăng biết ngay. Nếu vẫn chưa thể hiểu rõ ngay thì cần phải trui luyện từ từ mới biết được.

Vào năm ngoái, Quang đã nhận lời cư sĩ Lý Viên Tịnh tu chỉnh các bộ Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa Chí. Năm ngoái đã nhờ ông Hứa Chỉ Tịnh lo đại cương, còn phần tu chỉnh đều giao cho Quang. Hơn một năm qua, do thư từ và các việc bộn bề, một bộ cũng chưa thể sửa xong. Trước kia chưa sắp chữ ngay nên có chậm trễ cũng không sao, nay Thanh Lương Chí đã sắp chữ, mà mới chỉ sửa được một nửa, thường là mười mấy bữa chẳng rảnh rỗi được một ngày. Vì thế, nay quyết cự tuyệt hết thảy chuyện thù tiếp để làm

---

[129] Di Đà Yếu Giải Tiện Mông Sao là tác phẩm giải thích bộ Di Đà Kinh Yếu Giải, do sa-môn Đạt Mặc ở Hồng Loa viết lời sao, tỳ-kheo Đạt Lâm tu đính. Hai vị này cùng sống vào giữa đời Thanh.

việc này. Nếu không, hai đằng đều chẳng được lợi ích. Từ rày, bất luận chuyện nào, người nào, cũng đều đừng gởi thư đến. Gởi đến cũng không trả lời. Nếu không, do chuyện này thúc bách cùng cực, khó được như pháp. Lưu truyền những bộ danh sơn chí trong thế gian há nên làm cho xong chuyện hay sao? Mong hãy đem lời này nói với hết thảy người quen biết, và cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y!

4) Đứa con gái ấy sanh ra để đòi nợ, chết là xong nợ, không còn ngờ gì! Chỗ có người đã bị chết đuối ấy thường có người chết đuối, chính là chỗ được gọi là "quỷ kiếm người chết thay". Hãy nên ở nơi ấy lập một cái mốc gỗ, phía trên dùng một tấm sắt Tây trắng thật dày, khắc sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật. Chữ phải to để thấy được từ xa, phải tồn tại được lâu ngày thì sẽ dứt được cái họa ấy. Do lòng Từ của người khắc những chữ ấy sẽ cảm được từ quang của Phật gia bị. Từ rày bảo đảm chắc chắn không còn cái họa ấy nữa. Do đây có thể thấy được sức từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn.

Cách cầu siêu cho người đã khuất chỉ có niệm Phật thật là bậc nhất. Thí Thực trong đời nay đều là hình thức mà thôi; do vậy, chẳng bằng thỉnh Tăng niệm Phật, buổi tối phóng Mông Sơn sẽ có lợi ích thật sự. Kinh sám pháp sự của Đạo Gia thường là trộm lấy những danh nghĩa trong Phật pháp rồi bịa đặt ra! Tăng thí thực còn khó được lợi ích thật sự, thì đạo sĩ thí thực há độ được vong ư? Chẳng qua mượn chuyện này để dối người mà thôi! Bị oán quỷ dẫn đi, ước về sự thì tợ hồ chịu khuất, nhưng ước về nhân thì chẳng phải là khuất. Đối với những điều đã dạy trong quẻ xăm, há nên chấp chặt? Bởi sự có muôn vàn biến hóa, xăm chỉ có bấy nhiêu đó thôi! Ngay như lời giáng cơ còn có khi chẳng ứng nghiệm, huống chi là lời thơ trong quẻ xăm?

[Nếu] vợ chồng ông bỏ con gái bên sông rồi đi về, đứa con gái bị chết đuối thì [vợ chồng ông] có lỗi, chứ nó ở trong nhà, rốt cuộc tự đến chết nơi sông, ông tự bảo đó là lỗi mình thì thành nói xàm rồi! Thật vậy đó! Oán chớ nên kết. Đời trước đã kết, đời sau chịu quả báo. Con quỷ ấy há không có nhân gì lại có thể lôi được đứa con gái ấy xuống sông ư? Do vậy, có thể biết là nhân quả vĩnh viễn không bị mất vậy!

5) Phật pháp viên thông vô ngại, cố nhiên Mật Tông có chuyện "chẳng được A Xà Lê truyền dạy [mà cứ tu học Mật pháp] thì là trộm pháp" chính là nhằm thể hiện ý tôn trọng pháp đến tột cùng, chứ không phải nhằm vĩnh viễn đoạn trừ Mật Tông. Nếu theo như lời ông nói, chưa thọ Tam Muội Da Giới[130] chẳng thể niệm Mông Sơn Thí Thực, thì không riêng gì Mông Sơn

[130] Tam Muội Da Giới: Còn gọi là Tam Ma Da Giới, tức giới pháp bí mật trong Mật Tông. Theo giáo nghĩa Mật Tông, giới này lấy Bồ Đề Tâm làm giới thể, lấy pháp giới vô lượng đức viên mãn làm hành tướng cho Bí Mật Chân Ngôn Giới. Giới tướng của giới này là chẳng bỏ chánh pháp, chẳng lìa

Thí Thực, ngay cả hết thảy chú cũng đều chẳng được niệm, vì chưa được A Xà Lê truyền dạy! Nhưng từ xưa đến nay, người bình thường niệm các chú Đại Bi, Chuẩn Đề[131] có cảm ứng rất nhiều! Thậm chí nhà Nho từ bia, thiếp mà biết có Tâm Kinh, mắc bệnh sốt rét[132] bèn gượng bệnh niệm kinh thì con quỷ gây bệnh sốt rét bèn tháo lui. Nếu đúng như ông nói thì con quỷ gây bệnh sốt rét sẽ càng thêm đắc thế[133]!

---

bỏ tâm Bồ Đề, chẳng keo kiệt hết thảy pháp, chẳng hề không lợi lạc chúng sanh. Đấy chính là bốn điểm trọng yếu của giới này. Ngoài ra, còn có những điều phải tuân thủ riêng khi thọ trì một bộ chú pháp nào đó, chẳng hạn như không được ăn một số thực phẩm nào đó, phải tẩy tịnh trước khi vào đàn tràng theo một nghi thức chuyên biệt v.v… cũng như phát thệ không tự tiện nói cho người khác biết những gì mình đã được học, nhằm tránh tạo khẩu nghiệp báng pháp cho người thiếu căn duyên với Mật pháp khởi lòng nghi rồi hủy báng. Trước khi vào đàn thọ pháp Mật Tông phải thọ giới này. Nói chung, Tam Muội Da Giới vẫn lấy Ngũ Giới làm căn bản, những kẻ tự xưng là Mật Tông bí truyền không vâng giữ Ngũ Giới đều là tà sư hoại loạn Phật pháp!

[131] Chuẩn Đề (Cundī), còn được gọi là Chuẩn Chi, Chuẩn Nê, Chuẩn Đề Quán Âm, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Phật Mẫu Chuẩn Đề, dịch nghĩa là thanh tịnh. Đây là một hóa thân của đức Quán Thế Âm Bồ Tát, đặc biệt bảo hộ chúng sanh đoản mạng và chiết phục oán quỷ. Thiền Tông đặc biệt tôn sùng vị Bồ Tát này, hầu như các tự viện tùng lâm lớn của Trung Hoa đều thờ ngài. Thai Mật của Nhật Bản xếp ngài vào một trong các vị Phật Mẫu thuộc Phật Bộ, còn Đông Mật Nhật Bản xếp ngài vào một trong số sáu vị Quán Âm thuộc Liên Hoa Bộ (Thiên Thủ Quán Âm, Thánh Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Chuẩn Đề Quán Âm, Như Ý Luân Quán Âm). Đại Sĩ Quán Âm hiện thân này khi nói chú Chuẩn Đề. Ngài thường được tạc tượng có mười tám tay, mỗi tay cầm một món pháp khí, nhằm thể hiện ý nghĩa phân thân hóa độ khắp cả lục đạo ứng với mười tám giới.

[132] Ngược bệnh: Chữ Ngược ở đây không phải là bệnh sốt rét thông thường, mà là bệnh do oán đối quỷ mị dựa vào khiến cho bệnh nhân lên cơn sốt rét mỗi ngày, phải nhờ vào chú lực hoặc kinh lực để giải trừ oán kết thì mới hết bệnh được. Chúng tôi vẫn dùng chữ "bệnh sốt rét" cho dễ hiểu.

[133] Do cuối Tâm Kinh là một bài chú nên nếu hiểu như ông Thôi Đức Chấn "chưa được A Xà Lê truyền dạy sẽ không được niệm; nếu tự tiện niệm sẽ mắc tội vượt pháp" thì những Nho sĩ do không được truyền dạy mà khi bị bệnh Ngược cứ tự tiện niệm Tâm Kinh sẽ mắc tội vượt pháp, phước đức càng bị sút giảm, con quỷ gây bệnh Ngược do đó càng được tăng thêm thế lực.

Nay kể cùng ông một thí dụ. Ví như bậc quân tử đức dầy lấy thân làm gương để dìu dắt người khác, người trong một làng nghe theo sự chỉ huy, thảy đều an phận giữ mình. Người ấy do lấy thân làm gương để dìu dắt người khác, vượt hơn quan phủ phát ra hiệu lệnh buộc dân thi hành. Chớ nói sự cảm hóa bằng đức của người ấy trỗi hơn quan phủ! Nếu bắt chước quan phủ phát ra hiệu lệnh buộc người ta thi hành thì mọi người đều cho đó là phản nghịch. Chỉ [dùng tụng chú để] tự tu trì thì có ích, còn nếu tự tiếm mạo sẽ có tội. Như thế thì chẳng đến nỗi đoạn diệt Mật Tông, mà cũng chẳng đến nỗi phá hoại Mật Tông. Người thời nay phần nhiều dùng tình kiến phàm phu để nói Phật pháp. Vì thế, khắp mọi nơi đều trở thành gai góc, không chỗ nào để đặt chân bước đi được!

"Tiếm mạo"[134] là dối xưng A Xà Lê. Tác pháp[135] nào có trở ngại gì, vẽ chữ Phạn để quán tưởng đều có thể chiếu theo nghi quỹ, nhưng chớ nên tự xưng là đã được A Xà Lê quán đảnh. Ai biết được nghĩa này thì lời khuyên của Quang càng thêm rõ ràng. Người thời nay học Phật đều bằng cái tâm mù quáng khiến cho pháp nào cũng bị trở ngại, pháp nào cũng chẳng thành, đáng than cùng cực!

86. Thư trả lời cư sĩ Trầm Lai Vân

(năm Dân Quốc 21- 1932)

Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, điều đáng lo là trái giác hợp trần, chẳng chịu quay đầu thì Phật không làm thế nào được! Nếu chịu quay đầu thì kẻ trước kia trái giác hợp trần, mất niệm thành cuồng nay sẽ trái trần hợp giác, chế ngự được ý niệm, thành thánh vậy! Do tự tâm sẵn có Phật Tánh, lòng từ của Phật nhiều kiếp thường rủ, huống chi di phạm (khuôn mẫu để lại) của lệnh nghiêm, lệnh cô trượng[136] vẫn còn, thật đúng là "hễ cầu bèn được". Quang đã già rồi, tinh thần chẳng đủ; vì thế, trốn sang chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Chùa này đã không có bất động sản mà cũng

---

[134] "Tiếm mạo" là vượt phận và mạo nhận. Ý nói có những người tu Mật Tông biết được một vài nghi quỹ, được truyền thụ một vài Mật Pháp, nhưng chưa đủ tư cách, giới hạnh của một bậc đạo sư, chưa thấu hiểu Mật pháp, nhất là chưa đủ sự hành trì, đã tự tiện lập đàn truyền pháp, thâu nhận đệ tử, tự xưng là A Xà Lê, rồi lập tông, lập phái.

[135] Đây là một thuật ngữ Mật Tông, hành nhân vào đàn, quán tưởng, kết ấn, cúng dường, tụng niệm, hỏa cúng dường (hộ-ma) đều gọi chung là "tác pháp".

[136] Lệnh nghiêm: Tiếng gọi cha người khác một cách tôn kính.
Lệnh cô trượng: Dượng (chồng cô)

chẳng có chuyện thù tiếp, chỉ có mấy người kết lều tranh trú ngụ, suốt ngày đóng cửa sống qua ngày. Nay do lòng thành của ông muốn khai thị nhiều thì sẽ mệt nhọc khôn ngằn. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, mỗi thứ một bộ. Xin đọc kỹ rồi hành theo đó thì ông cũng sẽ đạt được những gì lệnh nghiêm, lệnh cô trượng đã đạt được.

Nhưng muốn sanh về Tịnh Độ, ắt cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới được! Nếu không, tâm trái nghịch với Phật, khó được lợi ích thật sự! "Giữ vẹn luân thường" vừa nói đó chính là tận lực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Cần phải thực hiện thật sự giữa cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn; nhưng bổn phận làm con còn dễ trọn, dễ biết, chứ bổn phận làm cha mẹ của người khác thì khó trọn, khó biết! Rất nhiều kẻ mù quáng quấy rối ngày nay tuy là tội của bọn họ, nhưng xét đến cội nguồn thì đều vì cha mẹ họ chưa hề đem đạo lý làm người và sự thật nhân quả bảo ban. Những gì họ được dạy dỗ đều là chú trọng suy nghĩ mưu mẹo, lường gạt, nên mới đến nỗi xấu hèn như thế! Do vậy, nói rằng: *"Nếu con người khéo dạy dỗ con cái thì gia đạo tự được hưng vượng, thiên hạ thái bình!"* Khi con cái vừa mới hiểu biết, xin hãy đem ngay những chuyện con người nên làm và những điều chứng nghiệm thật sự về thiện - ác, nhân - quả thường nói với chúng thì con cháu nhiều đời về sau đều trở thành hiền nhân, thiện nhân. Do vậy, đây là nguyên do tại sao bổn phận của người làm cha mẹ so với bổn phận của kẻ làm con cái khó thể trọn hết được vậy!

87. Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đỉnh ở Hải Môn (ba lá thư)

1) Điều ông chấp thuộc về Đoạn Kiến[137], chẳng biết một niệm tâm tánh của con người chúng ta chẳng phải thường, chẳng phải đoạn! Vì sao chẳng phải đoạn? Trước không có khởi đầu, sau không có kết thúc. Nếu có khởi đầu và kết thúc là rớt vào Đoạn Kiến! Vì sao chẳng phải thường? Bản tánh thường nhiên bất biến, nhưng lại có ý nghĩa tùy duyên. Hễ gặp duyên ngộ - tịnh, sẽ thành Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. Tuy viên thành Phật đạo nhưng [tâm tánh] trọn chẳng tăng, chỉ bỏ hết vọng tưởng, chấp trước,

---

[137] Đoạn Kiến (Uccheda-Drsti): Còn gọi là Đoạn Diệt Luận, phản nghĩa với Thường Kiến. Đây là tà kiến cho rằng rốt cuộc thế gian và ta đều mất hết, không còn nữa, hay nói đơn giản là chấp rằng "chết đi là hết"! Do vậy, kẻ chủ trương Đoạn Kiến không tin vào nhân quả, báo ứng. Quan điểm tà kiến có thể thấy rõ nhất qua cách nói của ngoại đạo Phú Lan Na Ca Diếp được ghi trong kinh Đại Bát Niết Bàn: *"Không thiện, không ác, cũng không có quả báo thiện - ác"*.

khôi phục tâm tánh sẵn có mà thôi! Nếu gặp duyên mê - nhiễm bèn thành trời, người, Tu La, quỷ, súc sanh, địa ngục. Tuy luân hồi trong sáu nẻo, [tâm tánh] trọn chẳng bị giảm, chỉ do vọng tưởng, chấp trước che lấp bản tánh như mây che mặt trời nhưng mặt trời vẫn y như cũ, không bị hao hụt! Thuở ban đầu ông học phép Châu Thiên Đại Đạo[138], đây chẳng những không phải là Phật pháp, mà cũng chẳng phải là phép của Lão Tử. Hãy thử xem Đạo Đức Kinh của Lão Tử có câu: *"Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân"* (ta có mối lo lớn là vì ta có thân).

Ngoại đạo đều chú trọng trường sanh bất lão và thành Đại La thần tiên. Nếu trở thành thần tiên nơi cung Đại La[139], xưng "thần" (bầy tôi) dưới tòa của Ngọc Đế, liền cho là vinh dự không chi hơn được! Chẳng biết Ngọc Đế vẫn còn thuộc trong lục đạo, huống gì những kẻ xưng thần dưới tòa Ngọc Đế! Hơn nữa, ông nói lúc trời đất mở mang, chúng sanh từ đâu đến ư? Chẳng biết trời đất giống như nhà cửa. Khi dựng xong cái nhà mới thì những người ở trong căn nhà cũ bị phá [trước kia] đã phải di cư sang nơi khác, nay theo như cũ trở về chốn xưa. Đến khi nhà cửa sắp hư, sẽ di chuyển [sang nơi khác] cũng giống như thế. Vì vậy, kẻ có tội nghiệp sẽ di cư sang ác đạo trong thế

---

[138] Châu Thiên là một thuật ngữ của Nội Đan trong Đạo Giáo. Trong ý nghĩa nguyên thủy, Châu Thiên là sự chuyển vận tuần hoàn của trời đất. Từ ý nghĩa này, các nhà Dịch học đã gán cho mỗi quẻ trong kinh Dịch một con số, gọi là Châu Thiên Số, chẳng hạn quẻ Khôn khởi từ số 6, 6 lần 6 là 36, đấy chính là số thành của Âm. Quẻ Càn khởi từ số 9, 6 lần 9 bằng 54, chính là số thành của Dương. Từ đó, các nhà Nội Đan đi xa hơn, cho rằng 9 và 6 cộng thành 15 là số của Nhất Khí (tức Âm Dương hợp nhất). Do vậy, họ cho rằng thân thể con người là một Tiểu Thiên Địa. Một hơi thở hít vào, thở ra chính là một vòng Tiểu Châu Thiên giống như sự tuần hoàn của Âm - Dương trong vòng trời đất. Thở ra hít vào đủ 360 lần là một Đại Châu Thiên. Tuy vậy, sau này, dưới ảnh hưởng của Khí Công, Đại Châu Thiên và Tiểu Châu Thiên được hiểu khác hẳn đi. Đại Châu Thiên và Tiểu Chân Thiên là cách vận công hít thở theo hai mạch Nhâm và Đốc, tùy theo đường vận chuyển của Khí mà gọi là Đại hay Tiểu Châu Thiên. Châu Thiên Đại Đạo là một phái luyện Nội Đan thịnh hành ở Trung Hoa thời đó, trá xưng là Phật giáo chánh truyền để thu hút tín đồ. Do phép vận khí này do các đạo sĩ đời sau chế ra, gán cho Lão Tử, nên Tổ Ấn Quang nói *"phép này cũng chẳng phải là của Lão Tử"*.

[139] Đại La Cung là chỗ ở của Ngọc Đế theo truyền thuyết Đạo Giáo. Câu nói quen thuộc của đạo sĩ là: *"Tam Thanh thượng, viết Đại La"* (phía trên Tam Thanh là Đại La). Theo các đạo sĩ, chỗ cư trú trên thiên giới có ba mươi sáu nơi, chỗ cao nhất gọi là trời Đại La. Cung Đại La nằm trên tầng trời Đại La.

giới phương khác. Người có công đức sanh vào Nhị Thiền Thiên[140]. Sơ Thiền[141] hoại bảy lần thì Nhị Thiền mới hoại một lần. Nhị Thiền hoại bảy lần thì Tam Thiền[142] mới hoại một lần. Đây gọi là Tam Tai. [Cõi trời] Tứ Thiền[143] vĩnh viễn không bị hư hoại. Khi Tam Thiền hoại, những chúng sanh có công đức đều sanh lên Tứ Thiền.

---

[140] Nhị Thiền là tầng trời thứ hai trong Sắc Giới, là chỗ ở của những người đã chứng Nhị Thiền. Tầng trời này thật ra gồm ba cõi: Thiểu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên và Quang Âm Thiên. Do chư thiên trong tầng trời không còn Tầm, Tư, nhưng vẫn còn ý niệm Hỷ - Lạc nên vẫn không tránh khỏi đại thủy tai.

[141] Sơ Thiền Thiên chính là tầng trời đầu tiên trong Sắc Giới. Đây chính là chỗ những người đã đắc Sơ Thiền sau khi mạng chung sanh về nên gọi là Sơ Thiền Thiên. Chư thiên trong tầng trời này đã viễn ly những ác pháp trong Dục Giới, sanh cảm thụ Hỷ và Lạc, nên tầng trời này còn gọi là Ly Sanh Hỷ Lạc Địa. Theo Câu Xá Luận, quyển 8, quyển 28 và Chánh Lý Luận quyển 21 thì chúng sanh trong tầng trời này lại chia thành ba loại:

1. Đại Phạm Thiên (Mahā-brahman): Nơi ở của Đại Phạm Thiên Vương (Mahā-brahmaraja), tức chúa tể thế giới Sa Bà này.
2. Phạm Chúng Thiên (Brahma-pārisadya): Nơi ở của tất cả những chúng sanh được thống lãnh, giáo hóa bởi Đại Phạm Thiên Vương.
3. Phạm Phụ Thiên (Brahma-purohita): Các đại thần, thị vệ của Đại Phạm Thiên Vương.

Theo kinh Trường A Hàm, quyển 20, ngoài ba loại thiên chúng kể trên còn có một loại nữa mệnh danh là Phạm Thân Thiên (Brahma-kāyika). Do đây là chỗ ở của những vị tu phạm hạnh thanh tịnh nên còn gọi là Phạm Giới (cõi thanh tịnh) hoặc Nhị Tịnh Xứ.

[142] Tam Thiền Thiên là tầng trời thứ ba trong Sắc Giới, còn gọi là Đệ Tam Tịnh Lự. Do chư thiên cõi này lìa được Hỷ trong Nhị Thiền nhưng lại sanh ý niệm Lạc tịnh diệu nên tầng trời này còn gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc Địa, tâm tư tương ứng với hai cảm thụ Lạc và Xả. Tầng trời này gồm ba tầng nhỏ là Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh.

[143] Tứ Thiền Thiên (Caturdhyānabhūmi) còn gọi là Đệ Tứ Tịnh Lự Thiên, Đệ Tứ Tịnh Lự Xứ, Tứ Sanh Tịnh Xứ, Sanh Tịnh Xứ, là tầng trời cuối cùng trong Sắc Giới, là nơi những người đắc Tứ Thiền sanh về sau khi mạng chung. Tầng trời này thật ra bao gồm tám tầng trời nhỏ: Vô Vân Thiên, Phước Sanh Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh Thiên. Ý thức của chư thiên cõi này chỉ tương ứng với hai cảm thụ Hữu và Xả.

Lại nữa, ông đã tin vào pháp môn Tịnh Độ sao không sốt sắng tu hành, lại cứ lầm lạc muốn trở thành bậc thông gia hỏi những chuyện chẳng liên quan đến phận mình như vậy? Ông vốn mang tánh chất ngoại đạo, coi ngoại đạo là Phật pháp, coi Phật pháp là ngoại đạo. Những niềm tin hồ đồ này lẽ ra chẳng nên trả lời, nhưng thật sợ biết đâu ông có duyên với Phật, nhờ đây có thể phản tà quy chánh cũng không chừng! Vì thế, khôn ngăn dài dòng một phen. Nếu tin được thì cứ chiếu theo Gia Ngôn Lục mà tu, ắt được lợi ích lớn lao. Nếu muốn phô phang sự biện luận mù quáng của chính mình, cứ gởi thư tới thư lui để hỏi han, chắc chắn tôi sẽ không trả lời. Vì sao vậy? Đã chẳng thể lãnh hội, vẫn chấp mê là đúng, ai rảnh rỗi tâm tư để biện luận cùng ông những chuyện chẳng liên quan đến thân tâm, tánh mạng của chính mình cơ chứ? Tôi vốn muốn phê đại lược vào thư ông, hiềm rằng ý nghĩa lời phê quá sơ sài thì lòng nghi của ông vẫn chẳng thể giải quyết được; vì thế mới tiếp tục viết hai trang.

2) Năm ngoái đã phải giảo duyệt sách không rảnh rỗi, sau đó lại bị bệnh không rảnh rang để sửa sách, cho nên chỉ bảo Lý Viên Tịnh[144] gởi pháp danh Đức Tịnh [cho ông] mà thôi! Những gì đã được nói trong Văn Sao đều là khai thị, nhưng Gia Ngôn Lục lại tom góp [những khai thị trọng yếu] vào một chỗ, khá dễ lãnh hội, cần gì cứ phải có một lá thư trả lời trong lúc trăm chuyện bận bịu? Những kẻ hoằng pháp hiện thời đa phần tự khoe thượng căn lợi khí, lại còn dùng [cung cách] thượng căn lợi khí để đối xử với người

[144] Lý Viên Tịnh (1894-1950) tên thật là Vinh Tường, Viên Tịnh là pháp danh. Ông là người huyện Tam Thủy, tỉnh Quảng Đông, từng tốt nghiệp về ngành văn chương tại đại học Phúc Đán ở Thượng Hải, quy y với ngài Đế Nhàn, chuyên tu Tịnh Độ. Thoạt đầu vốn ham học rộng nghe nhiều, thông thạo các bộ kinh lớn của Đại Thừa. Về sau bị bệnh phổi, phải sang Nhật chữa trị. Nhân đọc Văn Sao bèn lãnh ngộ, tự nguyện làm môn nhân của Tổ Ấn Quang, dốc chí xiển dương Tịnh Độ. Ông chính là tác giả biên soạn Gia Ngôn Lục. Ngoài ra, ông còn viết những tác phẩm khác như Phật Pháp Đạo Luận, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm Thích, Hoa Nghiêm Kinh Sớ Khoa Văn Biểu Giải, Hộ Sanh Thống Ngôn, Sức Chung Tân Lương, Đại Thừa Tông Yếu, Lăng Nghiêm Kinh Bạch Thoại Giảng Yếu, Phạm Võng Bồ Tát Giới Bổn Hội Thích v.v… Ông cùng các vị Tưởng Duy Kiều, Hoàng Hàm Chi v.v… tổ chức Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao Biên Ấn Hội để hiệu chỉnh, ấn tống bộ Hoa Nghiêm Đại Sao Nghĩa Sớ của ngài Thanh Lương Trừng Quán cũng như tham gia công tác vĩ đại là ấn tống bộ Phổ Huệ Đại Tạng Kinh (đây là Càn Long Đại Tạng Kinh đã được giảo duyệt cẩn thận và do cư sĩ Phổ Huệ bỏ tiền ấn tống nên được gọi là Phổ Huệ Đại Tạng Kinh).

khác nên chẳng chú trọng trì danh cầu vãng sanh, chỉ mong mỏi khai ngộ. Điều này phải do chính bản thân người tu hành tự lượng thì mới nên! Nếu người ấy có thể khai ngộ, hiểu giáo lý, lại có thể đoạn sạch được Kiến Hoặc và Tư Hoặc thì còn chi tốt bằng? Nếu chẳng thể, lẽ đương nhiên nên y theo tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, đấy là sách lược quyết định tốt đẹp có một không hai! Nếu không, về mặt gieo thiện căn quả thật là có, nhưng với chuyện liễu sanh tử sợ rằng khó thể dự đoán được số kiếp [nào sẽ có thể liễu thoát được]!

Ông ở trong hàng ngoại đạo đã lâu, ông đã sanh lòng chánh tín thì phàm lời ăn tiếng nói, xử sự chớ nên giống với bọn họ, có lẽ sẽ chuyển được tà chấp của họ. Điều cần thiết bậc nhất là phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Điều cần thiết thứ hai là phải có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, chẳng để cho tâm danh lợi, và [cầu mong] phước báo trời người chớm nẩy chút nào thì có thể gọi là Đức Tịnh. Tức là như kinh Duy Ma đã dạy: *"Dục sanh Tịnh Độ, đương tịnh kỳ tâm. Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh"* (Muốn sanh Tịnh Độ, nên tịnh cái tâm. Hễ cái tâm đã tịnh thì cõi Phật sẽ tịnh). Tâm có ô uế, làm sao sanh về Tịnh Độ cho được?

Nếu muốn hóa độ người khác, quả thật chẳng cần phải bày vẽ môn đình, chỉ nên bảo mọi người ai nấy ở trong nhà của chính họ tu trì những điều vừa nói trên đây là được rồi! Nếu muốn lập một tổ chức hẳn hòi thì chỉ cần mượn một chùa miếu nào đã có sẵn để làm chỗ đề xướng mỗi kỳ (Mỗi kỳ tùy theo nhân sự để hạn định, hoặc là mỗi tháng hai lần, hoặc là mỗi tuần một lần, chớ nên lãng phí tiền tài. Mọi chuyện phải lấy tiết kiệm làm điều chánh yếu). Nếu muốn xây cất ngay thì trong lúc này thời cuộc gian nan, không những khó thể thành tựu mà còn rất có thể chuốc lấy những họa hoạn khác! Suốt đời Quang chẳng ưa bày vẽ, cho nên suốt đời chẳng làm chủ nhân, chẳng thâu đồ đệ, chỉ làm một ông Tăng ăn nhờ ở đậu trong chùa người ta. Mười mấy năm gần đây, do bên ngoài đồn thổi, mọi người lầm nghe, tưởng Quang là thiện tri thức đến nỗi bận bịu khôn cùng! Nay đã bảy mươi rồi, làm sao có thể thường bận bịu cho được? Vì thế muốn gấp ẩn cư, cự tuyệt hết thảy chuyện tình nghĩa qua lại. Tôi sẽ qua Thượng Hải ẩn dật mãi mãi, từ rày đừng gởi thư tới nữa!

3) Đệ tử Phật cúng tổ tiên, lẽ đương nhiên nên lấy tụng kinh, trì chú, niệm Phật làm chánh. Đốt giấy vàng bạc cũng chẳng nên bỏ, bởi chẳng biết chắc [tổ tiên] đã được vãng sanh ngay [hay chưa?] Dẫu chắc chắn được vãng sanh ngay, cũng chẳng ngại gì giúp cho kẻ chưa được vãng sanh chi dùng.

Người thọ Ngũ Giới nên đắp mạn y[145] là [loại y] có năm điều thẳng, chứ không phải là [loại y] năm điều gồm một miếng dài, một miếng ngắn. Nay thì y năm điều một dài một ngắn, y bảy điều hai dài một ngắn, [hàng tại gia đệ tử] thường đắp loạn xạ, thật là "tiếm việt" (lạm danh, vượt phận). So với chuyện tiếm việt này, chẳng thà không đắp y còn tốt hơn! Nếu muốn đắp y thì chỉ nên trong lúc lễ bái mới đắp, chẳng nên thường đắp đến nỗi rối loạn nghi thức, quy củ. "Cụ" vốn có tên là "tọa cụ"[146] để dùng trong lúc ngồi,

---

[145] Mạn y (patta), dịch âm là Bát Tra, là một trong các loại y của Tăng chúng. "Mạn" nghĩa là y trơn, không có điều, tức là không gồm nhiều mảnh vải nhỏ may ghép lại. Thông thường Mạn Y được mặc bởi những vị Sa Di, Sa Di Ni, do họ chưa thọ Cụ Túc, chưa đủ tư cách làm bậc Ứng Cúng nên y để đắp không cắt thành hình thửa ruộng (phước điền y) như y của chư Tăng. Ở Trung Hoa, cư sĩ cũng đắp y, nhưng y không có điều. Lại nữa, loại mạn y này để nguyên cả khổ vải để may, chỉ viền mép y, còn y của Sa Di thì gồm hai mảnh vải may đâu lại, may thành sọc ở chính giữa để phân biệt với y của chư tỳ-kheo và cư sĩ. Khi xưa, do khổ vải hẹp, đôi khi mạn y cũng gồm nhiều mảnh vải nhỏ (mỗi miếng ấy được gọi là Điều) ghép lại, như trong lá thư trên, Tổ có nói đến loại Mạn Y gồm năm miếng dành cho cư sĩ, nhưng để phân biệt, năm miếng đó có chiều dài bằng nhau, chứ không cắt thành miếng dài, miếng ngắn may ghép lại như y của người xuất gia. Hiện thời, ngoại trừ trong một số đạo tràng như Phật Quang Sơn chẳng hạn, cư sĩ thọ Ngũ Giới thường đắp y khi tụng niệm, trong các đạo tràng khác, chỉ cư sĩ đã thọ Bồ Tát Giới mới đắp y trong khi làm lễ tụng giới, chứ không đắp y thường xuyên trong các buổi tụng kinh.

[146] Tọa cụ (Nisīdana), thường được phiên là Ni Sư Đàn, hoặc Ni Sư Đát Na, Nĩnh Sử Na Nẵng, dịch nghĩa là phu cụ, phố cụ, tọa cụ, tọa y, tùy tọa y v.v… đều có nghĩa là đồ trải ra trên mặt đất để ngồi hay nằm với mục đích tránh các loại côn trùng bò lên cắn chích thân thể, và giữ cho ba y khỏi bị lấm dơ. Giống như ba y, tọa cụ chỉ dùng hoại sắc, tức những màu úa. Tọa cụ thường may như một tấm chăn to, dùng vải cũ viền quanh mép, may thành hai ba lớp, hay được chế từ y cũ. Theo luật định, kích thước của tọa dài chừng 4 thước tám tấc, rộng ba thước sáu tấc (thước Tàu). Tuy thế, khi đạo Phật truyền xuống Nam Ấn, chư Tăng thường dùng ngọa cụ vắt vai, như khi đi khất thực hoặc bố-tát (tụng giới), chư Tăng sĩ Tích Lan, Thái Lan nay vẫn khoác chéo lên vai, rồi dùng đai lưng buộc lại. Đến khi truyền sang Trung Hoa, tọa cụ biến thành một dụng cụ để lễ bái, trước khi lễ, vị tăng cầm tọa cụ giơ lên trước Phật, xá một lần, rồi mở tọa cụ ra (gọi là "triển cụ"), đặt xuống bục quỳ, lễ xong, lại xếp tọa cụ, giơ lên xá, rồi vắt lên tay. Bách Trượng Thanh Quy đã quy định rất chặt chẽ về nghi thức "triển cụ" trong

nước ta lại thường dùng trong lúc lễ bái! Hễ theo đại chúng thì không thể chẳng dùng, còn tự hành thì dùng hay không tùy ý ta. Tăng còn như thế huống gì là cư sĩ ư?

88. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống
(năm Dân Quốc 21- 1932)

Quang già rồi, không có tinh thần để khai thị. Do ông đề xướng pháp môn Tịnh Độ nên nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên và bức thư dài (tức Một Lá Thư Gởi Khắp). Y theo đó tu trì sẽ tự được lợi ích thật sự. Nhưng đã đề xướng Phật học, ắt phải chú trọng đến pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu không, chỉ là gieo thiện căn, chẳng thể liễu sanh tử ngay trong đời này! Hơn nữa, tại quý địa, ngoại đạo rất đông, bất luận là loại ngoại đạo nào, đều chớ nên tu trì theo pháp của chúng. Nếu học Phật mà vẫn tu pháp ngoại đạo sẽ trở thành cái tội hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh. Đã học Phật pháp ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật, quyết định cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là gia đình, quyến thuộc, ngoài là hết thảy những ai hữu duyên đều cùng tu pháp này, cùng hưởng lợi ích này.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Đống, nghĩa là dùng trí huệ của Phật để làm rường cột cho cõi đời, ngõ hầu những người cô đơn không nơi nương tựa cùng được nương nhờ, che chở dưới mái nhà Phật pháp lớn lao này. Nếu chịu nhìn vào danh, nghĩ tới nghĩa sẽ chẳng bỏ uổng đời này và dịp gặp gỡ này. Hơn nữa, những điều nói trong bức thư dài đều là những chuyện thiết yếu. Khi sanh nở niệm thánh hiệu Quán Âm thật sự là chuyện quan trọng bậc nhất trong đời người, hãy nên bảo với hết thảy mọi người thì sau này chẳng những không phải chịu nỗi nguy hiểm đau khổ mà con cái sanh ra còn được yên vui, không có các tai ương. Tiếc rằng người đời không biết, nên đến nỗi thường chịu khổ sở chẳng kham, hoặc đến nỗi cả mẹ lẫn con đều chết, đáng buồn thay!

Tịnh Độ Thập Yếu là sách quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ. Bản ấn hành lần này lại thêm vào mấy cuốn sách quan trọng, mấy bài văn

---

khi lễ bái, nhất là khi cử hành các pháp sự lớn như Diệm Khẩu, Thủy Lục, Trai Tăng, Truyền Giới. Ở đây, Tổ có ý chê tọa cụ bị dùng sai mục đích, cũng như khuyên ông Thái Tích Đỉnh đừng chấp trước cứ nhất thiết phải đắp y, triển cụ trong khi lễ bái.

thiết yếu. Có được cuốn sách này y theo đó tu trì, ví như mặt trời rực rỡ giữa trời, đi trên đường lớn của vua, tiến thẳng về phía trước, trọn không lầm lẫn. Những kẻ đứng ngoài cửa thường chẳng cho những điều đã nói trong sách là đúng, liền cầu bí pháp "miệng truyền, tâm trao". Đây chính là quen thói nghe theo tà thuyết "phải là miệng truyền tâm trao thì mới có thể đắc đạo" của ngoại đạo, rồi tưởng lầm Phật pháp cũng giống như vậy, đáng buồn, đáng đau, chớ nhiễm tà kiến ấy!

89. Thư trả lời cư sĩ Vu Quy Tịnh
(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Muốn học Phật phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới được. Chẳng thể làm hiền nhân, thiện nhân trong thế gian, làm sao được lợi ích chân thật nơi Phật pháp? Mẹ ông đã ăn chay trường niệm Phật, hãy nên đem tông chỉ Tịnh Độ và những nghĩa lý tu trì quan trọng kể cho mẹ ông nghe, ngõ hầu mẹ lẫn con cùng sanh về Liên Bang. Lại phải đem pháp này nói với khắp hết thảy bạn bè hữu duyên, ngõ hầu mọi người cùng được gội ân giáo hóa của Phật, cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh về Tây Phương. Ông đã tốt nghiệp, trong cõi đời lúc này tuyệt đối chớ nên xuất gia, huống chi mẹ ông lại không bằng lòng! Ngay cả bế quan cũng không cần! [Nay tôi] vì ông tính kế, ông có thể làm thầy giáo trong trường tư thục, hoặc trông coi sổ sách cho công ty của người khác, đều có thể nhận được một ít lương bổng để sống qua ngày. Nhưng cần phải chuyên cần đọc sách sao cho văn tự thông suốt thì mới nên, chớ có biếng trễ, lười nhác đến nỗi chẳng có thành tựu gì!

Pháp danh [của ông] vốn sẵn có hai chữ Quy Tịnh thật hay. Cổ nhân nói: *"Túng nhiên sanh đáo Phi Phi Tưởng, bất như Tây Phương quy khứ lai"* (Phi Phi Tưởng dẫu được sanh, chớ hề bằng được trở về Tây Phương). Nếu có thể chất phác niệm Phật thì nương theo nguyện thuyền của đức Di Đà, trở về quê hương Cực Lạc Tịnh Độ là điều có thể đoán chắc. Đây chính là điều ngàn kinh muôn luận, đâu đâu cũng chỉ dẫn hướng về. Nếu chẳng trở về đây, chắc chắn sẽ như đứa con nghèo túng, chẳng biết quê cũ, chẳng nhớ cha lành, cam phận lênh đênh quê người, lê la khe rãnh. Nếu chẳng so đo, chẳng bàn đi tính lại, cứ nhất tâm quay về, mới biết tự tánh vốn sẵn thanh tịnh, còn có chỗ nào để cầu tướng quay về và tướng tịnh nữa ư? Cổ nhân lại nói: *"Tự thị bất quy, quy tiện đắc. Cố hương phong nguyệt hữu thùy tranh?"* (Tự mình chẳng về, về liền được. Gió trăng quê cũ há ai giành?) Quy Tịnh hãy trở về cõi tịnh, niệm tại đâu nghĩ tại đó nhé!

90. Thư trả lời cư sĩ Tông Thành

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Học đường hiện thời đúng là một cái bẫy hãm người, chẳng hãm trong đảng phái sẽ lại hãm trong tự do luyến ái, mặc tình chơi bời bừa bãi. Phải biết: Con người chỉ là một loài động vật cao năm sáu thước mà sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài thì danh xưng Con Người cao quý không chi bằng được! Danh đã tôn quý, ắt phải có thực chất đáng tôn quý thì mới có thể gọi là Người! Nếu không, chính là loài cầm thú mặc áo đội mũ, do chẳng có khí phận của con người vậy! Tài chính là khả năng. Trời có thể sanh ra muôn vật, đất có thể chở muôn vật, con người có thể kế thừa bậc thánh đời trước, giúp cho thế hệ tương lai học theo, giúp cho [những chỗ] mà sự sanh thành, dưỡng dục của trời đất chưa thấu tới, nên cùng với trời - đất xưng là Tam Tài. Nếu chỉ biết ăn uống, trai gái, chẳng biết hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ thì còn kém hèn hơn loài cầm thú, uổng một đời mang thân con người, trọn chẳng có khí phận của con người chút nào! Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa, sẽ đọa vào địa ngục trải trăm ngàn kiếp trọn chẳng có kỳ ra. Muốn được làm cầm thú còn chưa thể được, huống gì lại được làm người ư?

Do ông thuở đầu chẳng biết nghĩa này, nghe bạn ác dụ dỗ nên chơi bời bừa bãi, đến khi đã mắc bệnh phong tình, đau đớn không kham nổi. Lành bệnh rồi lại ăn chơi, lại phát bệnh, [lành bệnh xong] lại phạm, cũng là kẻ chẳng biết tốt - xấu quá đáng, quá thiếu chí hướng, khí tiết vậy! Phải biết đàn ông chơi bời bừa bãi và đàn bà lén lút [tằng tịu] với người khác trọn chẳng khác gì nhau! Người đời thường cho đàn bà lén lút [tằng tịu] với người khác là hèn hạ, nhưng đàn ông chơi bời bừa bãi lại chẳng bị chê trách. Đấy đều là vì chẳng biết ý nghĩa cái tên gọi Con Người nên mới có tri kiến hèn kém ấy! May là ông đã nhiều lần chịu khổ, mới biết quay đầu, cũng là do thiện căn đời trước xui khiến, nhưng Quang lại phải nói cặn kẽ nguyên do, vì sợ cái tâm ông chưa nguội lạnh, sau này có thể lại dẫm theo vết xe ấy. Do vậy, muốn làm cho ông biết danh hiệu Con Người tôn quý, chẳng đến nỗi tự ruồng rẫy, tự vứt bỏ bản thân, và đem điều này khuyên dụ hết thảy nam nữ thanh niên đều cùng bẩm thụ danh xưng Con Người tôn quý, thực hành những điều lành trong thế gian là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành.

Lại còn phát Bồ Đề tâm, lợi khắp mình lẫn người, đều cùng sanh lòng tin, phát nguyện, niệm thánh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, để tu điều lành xuất thế ngõ hầu đáng gọi là Người. Tuy chẳng thể kế tục người xưa, nêu gương cho đời sau, giúp vào quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất như bậc cổ thánh tiên hiền, cũng vẫn có chút công đức kế tục người xưa, nêu gương cho đời sau, giúp vào quyền sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất thì

danh xưng Con Người mới có thực chất, chẳng trở thành chuyện nói xuông! Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thành. Tông là chủ, là gốc, [Tông Thành] nghĩa là dùng lòng chân thật chí thành để tự hành, dạy người, chẳng có chút nào hư giả mảy may và ý niệm xấu hèn để đến nỗi cô phụ chữ Người. Ngũ Giới có thể tự trì trước. Khi đã trì thật sự lâu ngày rồi thì lại [chánh thức] thọ giới nào khó chi đâu? Nếu tâm vẫn còn do dự thì đáng gọi là trò trẻ con đùa bỡn, chẳng những chính ông mắc tội lỗi, mà Quang cũng có tội lỗi nữa đấy!

91. Thư trả lời cư sĩ Hứa Huệ Phảng

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Bệnh của ông là do trong đời trước hoặc trong đời này đã làm chuyện hại đến tánh mạng người ta. Nghiệp này chẳng tiêu, bệnh quyết khó lành. Hiện thời uống thuốc vô hiệu thì có thể chẳng uống, chỉ lắng lòng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để mong siêu độ oán gia. Niệm Phật tuy chẳng thấy hiệu quả nhưng vẫn có lợi ích, chẳng thể xem như có cùng một tác dụng với uống thuốc. Sinh kế trong nhà ông ra sao? Nếu không có tài lực thì tự mình hãy chí thành khẩn thiết niệm Phật. Hãy nên sanh lòng hổ thẹn, chớ nên sanh tâm phẫn hận. Sanh lòng hổ thẹn thì lòng oán hận của oán gia sẽ tháo gỡ được, nếu sanh tâm phẫn hận thì muốn tháo gỡ càng thêm kết chặt. Do người ta ôm lòng báo hận, ông lại ôm lòng hận báo thù người ta, nên càng kết sâu thêm, không cách nào [cởi gỡ] được! Đấy chính là cách cởi gỡ oán kết bậc nhất.

Nếu sinh kế trong gia đình dư dả thì có thể đến núi Linh Nham dự một Phật thất, hoặc thỉnh mười lăm, hai mươi, ba mươi người đều được. Linh Nham là chỗ sốt sắng tu hành bậc nhất trong vùng Giang - Chiết, niệm Phật quanh năm giống như lối đả Phật thất thông thường[147]. Có thí chủ mời bao

[147] Nguyên văn "phổ thông Phật thất": Gọi như vậy để phân biệt với Tinh Tấn Phật Thất. Tinh Tấn Phật Thất là niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ, ai mệt hoặc đuối sức cứ lui ra, khi nào khỏe sẽ lại theo đại chúng niệm Phật, nhưng không được viện cớ để trốn tránh, biếng nhác. Còn Phổ Thông Phật Thất chỉ chia một ngày thành sáu thời niệm Phật, có công khóa sáng tối, có định giờ cho đại chúng nghỉ ngơi. Khi đã nói đến Phật Thất là phải cử hành niệm Phật tối thiểu bảy ngày (Thất là bảy ngày, chứ không có nghĩa là cái nhà, cái thất như trong chữ Nhập Thất). Nếu chỉ niệm Phật một hai ngày, không thể gọi là Phật Thất được! Nếu như chỉ cử hành ba ngày hay một ngày, người Trung Hoa sẽ gọi là Phật tam, hoặc Phật nhất, hoặc chỉ gọi là Niệm Phật Cộng Tu.

nhiêu người đả thất thì vẫn niệm Phật theo lệ thường, chẳng qua là đối trước Phật, đối trước bài vị, hồi hướng thêm ba lần mà thôi. Bất luận đả thất hay không đả thất, đều niệm giống hệt như nhau, chẳng qua là thỉnh bao nhiêu đó người thì sẽ được công đức của bấy nhiêu đó người! Hiện thời, Niệm Phật Đường có hơn ba mươi người. Nếu đả thất sẽ lập một bài vị Cởi Gỡ Oán Kết[148] bằng giấy, ngày Phật thất viên mãn sẽ đốt đi. Nếu chính mình lập một bài vị "trường sanh lộc vị" thì làm một bài vị bằng gỗ, thờ vĩnh viễn trong Niệm Phật Đường thì thêm năm mươi đồng. Nếu không làm thì cứ tính mỗi người là mười đồng. Như mười lăm người thì là một trăm năm mươi đồng; ba mươi người là ba trăm đồng. Đây chẳng phải vì Linh Nham mà tổ chức Phật Thất; mà là do bệnh tình ông trầm trọng nên chẳng ngại gì mà nói đến biện pháp này. Ông hãy tự châm chước, nếu không có sức, chớ nên miễn cưỡng!

Nay tôi gởi cho ông hai cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, ông và vợ cùng được thọ trì, có thể dùng làm kinh thường tụng. Hơn nữa, năm ngoái Linh Nham đã trùng tu lớn. Hiện thời bia đã khắc xong, đã rập [bài văn bia ấy], nay gởi cho ông một tờ. Đọc rồi sẽ biết đại khái về tu trì. Đối với những điều Quang tùy tiện nói ra cần gì phải sao chép, thâu thập? Văn Sao, Gia Ngôn Lục đã đủ để làm khuôn mẫu rồi, sao lại phải cầu cho nhiều? Đối với những sách ngụy tạo của bọn ngoại đạo tên X… nọ, chúng ta chỉ nên mặc kệ chúng, mỗi người đi theo đường lối riêng. Nếu cùng với bọn mù quáng không mắt ấy biện định trắng - đen, chúng nó làm sao tự biết là sai, đâm ra lại chuốc lấy sự phỉ báng của chúng! Ví như con chó ăn phân, nó tự cho là thơm ngon. Nếu bảo với nó là tởm thối, chắc chắn nó chẳng chịu tin, chê ngược người vừa nói đó chẳng biết tốt - xấu! Trong đời hiện thời, mọi người hoàn toàn ở trong tăm tối, học vấn càng cao, càng hồ đồ. Xưa kia, ông Trình, ông Châu học vấn lẫn nhân phẩm có thể nói rất rộng, rất cao, nhưng lại cực lực bài xích nhân quả luân hồi, cho là đức Phật mượn những chuyện ấy để dối gạt bọn ngu phu ngu phụ! Lời lẽ ấy chính là căn cứ lớn lao để đề xướng phá hoại hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Biết điều này sẽ càng thêm nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kẻ có học vấn hiện thời còn đáng để nói nữa ư?

92. Thư trả lời cư sĩ Ân Đức Tăng

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

---

[148] Đây là một bài vị viết *"Phật Quang chú chiếu, phục vị tín chủ mỗ giải oán thích kết, hồi hướng siêu độ oán gia chi vị"* (Phật Quang tưới gội, bài vị kính vì thí chủ… cởi gỡ oán kết, hồi hướng siêu độ cho oán gia).

Muốn đọc tụng Đại Thừa để giúp cho Tịnh nghiệp mà không thật sự có chánh tri chánh kiến hiểu biết Tịnh Độ sâu xa sẽ không được. Nếu không, sẽ coi những pháp môn cao sâu huyền diệu trong kinh giáo là bậc thượng, hoàn toàn xem pháp môn Tịnh Độ là sự tu trì của ngu phu ngu phụ. Gần đây, những người giảng Hoa Nghiêm, giảng Pháp Tướng, phần nhiều đả phá Tịnh Độ. Ông X… ở Hồ Nam hiểu sâu Tịnh Độ và còn cực lực đề xướng, do học Pháp Tướng Tông, những gì ông ta nói về sau này đều là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Ông đã phát cái tâm lớn lao này, khá là khó có, nhưng chưa chắc đã không bị lay chuyển bởi những tri thức từ kinh giáo. Chẳng bị chuyển thì đáng gọi là chân Phật tử. Hễ bị chuyển thì sẽ trở thành bỏ dễ chọn khó, hoặc giống như ông X… ở Hồ Nam thì ô hô, ai tai rồi! Khi xưa, một vị pháp sư dùng niệm Phật để bán đậu Ngũ Hương[149], dùng giảng kinh để mở ngân hàng, niệm Phật lại biến thành cơm trộn lẫn cát, làm sao ăn được? Do vậy, biết rằng: Không có đại thiện căn sẽ chẳng thể tin tưởng sâu xa pháp này! Nói với ông điều này là nhằm làm cho trước khi ông cất bước đã nhận biết chắc chắn [hướng chỉ] của kim chỉ nam. Nếu không, có thể mạo xưng là bậc đại thông gia, sợ khó lòng đạt được liễu sanh tử. Niệm Di Đà cũng có thể làm chỗ nương cậy, niệm Quán Âm cũng có thể vãng sanh Tây Phương. Chỉ cần giữ lòng chí thành sẽ có cảm ứng, sao lại suy tính hạn hẹp như vậy? Quán Âm là Pháp Vương Tử của Phật Di Đà, phụ trợ Phật Di Đà độ thoát chúng sanh là chuyện trong cùng một nhà, chứ đâu phải là mỗi vị môn đình khác biệt!

93. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Huệ Hồng

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Hiện thời thế đạo suy vi, tu hành tại gia tốt hơn, xuất gia đâm ra bị nhiều chướng ngại, con cái đừng nẩy sanh ý tưởng xuất gia. Trong đời Kiếp Trược này, cha ông chẳng biết nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cứ si dại muốn tham Thiền để minh tâm kiến tánh. Nên biết: Những gì ông ta tham đó chẳng phải là Thiền mà chính là văn tự tri kiến, có tham đến già cũng chẳng ăn nhập gì tới Thiền! Dẫu có được lợi ích minh tâm kiến tánh thật sự nơi tham thiền thì vẫn cách liễu sanh thoát tử rất xa. Bởi lẽ, phiền não Hoặc nghiệp chưa đoạn, ngộ thì ngộ đấy, sanh tử vẫn sanh tử. Nếu nói minh tâm kiến tánh liền đạt được không sanh tử thì đấy là sự nhận lầm lạc của gã đứng

---

[149] Ngũ Hương Đậu là một món ăn vặt nổi tiếng của Hoa Nam, nổi tiếng nhất là Đậu Ngũ Hương ở miếu Thành Hoàng, Thượng Hải. Món này dùng đậu ván tẩm hồi hương, quế, muối, đường, và một số hương liệu nữa rồi chiên bằng bơ.

ngoài cửa và kẻ Cuồng Thiền! Nhưng trong hiện thời ai là người minh tâm kiến tánh đây?

Pháp môn Tịnh Độ hoàn toàn cậy vào Phật lực. Hãy xem kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao, y theo đó tu hành, sẽ chắc chắn có thể vãng sanh Tây Phương. Mùa Thu năm ngoái đã in xong bộ Tịnh Độ Thập Yếu; đây là bộ sách quan trọng nhất của pháp môn Tịnh Độ. Cuối năm, in xong cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, [nhà in] vẫn chưa gởi đến, đợi khi nào họ gởi đến sẽ gởi cho ông dăm ba gói. Y theo đó tu hành, so ra còn ổn thỏa thích đáng hơn thân cận thiện tri thức. Nếu chẳng tự lượng, đi tham phỏng khắp các bậc cao nhân trong vùng Giang - Chiết, rất có thể là cuối cùng cái tín tâm ấy bị cao nhân đả phá thì Thiền đã trở thành vô vọng,Tịnh lại chẳng tin, tiền đồ mờ mịt, biết hướng về đâu?

Những người muốn thân cận thiện tri thức hiện nay trước hết phải biết nguyên do của Thiền và Tịnh. Nếu không, mười người hết tám chín kẻ bị thiện tri thức phá hoại thiện căn Tịnh Độ mà vẫn cứ nhơn nhơn đắc ý, cho là đã được chánh pháp, thật đáng đau lòng than thở! Năm nay Quang nhất quyết chẳng xuất quan. Năm sau, nếu bốn bộ sơn chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa[150], Linh Nham đã tu chỉnh xong, sẽ tìm một nơi không ai hay biết để sống hết tuổi thừa. Xin hãy nói với cha ông những lời lẽ này, hơn nữa, hãy nên tích cực giáo huấn con thơ, đừng nuông chiều quá khiến cho chúng quen thói kiêu ngạo.

---

[150] Núi Cửu Hoa nằm ở phía Tây Nam huyện Thanh Dương, tỉnh An Huy, chiếm một diện tích rất lớn. Núi vốn có tên là Cửu Tử Sơn do rặng núi này gồm chín ngọn, trông xa giống như chín đứa trẻ xếp vòng tròn tựa lưng vào nhau chơi giỡn. Khi Lý Bạch lên chơi núi này, lại cảm nhận chín ngọn núi trông giống như chín đóa hoa sen lơ lửng giữa mây trời nên viết: *"Tích tại Cửu Giang thượng, dao vọng Cửu Hoa phong, thiên hà quải lục thủy, tú xuất cửu phù dung"* (Khi xưa lướt sóng Cửu Giang, ngước nhìn chín ngọn núi hoa xa vời, sông trời nước biếc chơi vơi, sen hồng chín đóa khoe tươi não nùng). Do đó, núi được gọi là Cửu Hoa từ đấy. Từ năm Long An thứ năm (401) đời Đông Tấn, hòa thượng Bôi Độ đã dựng ngôi chùa đầu tiên tại đây. Về sau, không rõ vào năm nào, vương tử Kim Kiều Giác xứ Tân La (một trong ba vương quốc cổ của Đại Hàn) là Kim Kiều Giác đến ẩn tu tại núi này. Vào đầu niên hiệu Chí Đức (756), Gia Cát Tiết đến đây, cảm mộ đức hạnh của ngài Kim Kiều Giác bèn dựng chùa cúng dường. Đến năm Trinh Nguyên thứ 19 (803) đời Đường, ngài Kim Kiều Giác thị tịch, thọ 99 tuổi, thổ lộ thân thế là Địa Tạng Bồ Tát hóa thân. Từ đấy, Cửu Hoa trở thành đạo tràng của ngài Địa Tạng Bồ Tát.

94. Thư gởi cư sĩ Triệu Phụng Chi

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Hôm qua nhận được thư ông Trương Văn Lý cho biết cư sĩ gần đây niệm Phật khá khẩn thiết, vẫn lấy chuyện không gặp được Bất Huệ làm điều tiếc nuối. Bất Huệ là nghiệp lực phàm phu, dù gặp cũng vô ích, chịu y theo Gia Ngôn Lục tu trì sẽ còn tốt hơn gặp mặt nhiều lắm. Nay gởi cho cư sĩ Văn Sao, [Tịnh Độ] Thập Yếu, Thánh Hiền Lục mỗi thứ một bộ, Sức Chung Tân Lương, Chánh Tín Lục, mỗi thứ một cuốn. Có được những sách này thì tự hành, dạy người dư sức! Người già sáu mươi bảy tuổi cũng chẳng cần phải nghiên cứu những thứ kinh điển khác, chỉ nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì tự có thể cậy vào Phật từ lực, đới nghiệp vãng sanh. Hết thảy các pháp môn khác đều cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân mới hòng liễu sanh thoát tử; pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ tín nguyện liền được vãng sanh Cực Lạc thế giới. Sự khó - dễ giữa chúng khác nào trời với vực!

Xin hãy sốt sắng tu hành, lại hãy nên làm cho quyến thuộc cùng niệm. Hãy dựa theo Sức Chung Tân Lương mà nói đến những lợi ích do trợ niệm khi lâm chung, nỗi họa hại do phá hoại [chánh niệm], khiến cho bọn họ đều niệm quen, nghe quen, đến khi ông lâm chung thì mọi người đều có thể tương trợ. Nếu không, chắc chắn mọi người sẽ cùng phá hoại [chánh niệm của ông]. Quang già rồi, mục lực quá suy; lại còn ba bộ Sơn Chí bức bách chẳng thể trì hoãn được. Từ đầu tháng tôi đã cự tuyệt hết thảy, từ rày đừng gởi thư đến nữa. Văn Sao là sách nhập môn Tịnh Độ, Thập Yếu là sách hết sức sâu xa, thiết thực, [Tịnh Độ] Thánh Hiền Lục là gương sáng của cổ nhân đã nêu. Có được những sách ấy thì còn thiếu thốn gì mà phải dùng một lá thư để hỏi pháp nữa đây?

95. Thư gởi cư sĩ Trần Huệ Cung

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Lòng thành đến cùng cực, đá vàng cũng phải nứt, huống gì [cậy vào] sức Tam Bảo ư? Nếu cư sĩ có thể thật sự đọc kỹ các sách, tương lai sẽ có thành tựu. Nếu không, sẽ trở thành một kẻ cuồng thiếu tấm lòng thường hằng[151].

---

[151] Nguyên văn *"vô hằng chi cuồng nhân"*: Chữ Vô Hằng xuất phát từ sách Luận Ngữ, Khổng Tử nói: *"Nhân nhi vô hằng, bất khả tác dĩ tác vu y"*. Sách Tập Giải Trịnh Chú giảng: *"Con người không có cái tâm thường hằng* (tức cái tâm kiên quyết không thay đổi chủ ý dễ dàng) *sẽ chẳng thể làm đồng cốt hay thầy thuốc được"*. Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích thêm: "Thầy thuốc

Kẻ tại gia niệm Mông Sơn có gì là không được? Đây là [nghi thức] để kết duyên với khắp các cô hồn. Nhỏ là Mông Sơn, trung là Diệm Khẩu, lớn là Thủy Lục, cùng là một chuyện cả. Thường kết duyên với cô hồn thì thường được sự tốt lành. Người ta chẳng dám niệm vì sợ sẽ vời quỷ đến, chẳng biết quỷ và người sống lẫn lộn, không chỗ nào không có quỷ! Dẫu không vời quỷ, nhà ai không có quỷ? Quỷ đông hơn người trăm ngàn lần! Nếu con người sợ quỷ, hãy nên tích đức làm lành thì quỷ liền kính trọng, bảo vệ. Nếu con người làm chuyện ám muội, quỷ sẽ tranh nhau quấy phá, cho nên khó thể tốt lành. Nếu con người biết điều này, dẫu ở trong nhà tối cũng chẳng dám khởi lên ý niệm xấu xa, huống chi là chuyện xấu? Loại quỷ này chính là thiện quỷ, người đến chúng bèn nhường, người đi chúng lại chiếm khắp chỗ đất ấy. Nếu quỷ dữ xuất hiện sẽ có chuyện chẳng tốt lành lớn.

Phóng Mông Sơn nếu chí thành, dẫu là loài quỷ dữ dằn cũng kính cẩn vâng lời Phật sắc truyền, chẳng còn dữ dằn nữa. Do vậy, phàm là các bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng thể chữa lành, chí thành niệm Phật, niệm Quán Âm sẽ liền được mau lành, do oán quỷ được nhờ ơn niệm Phật, được sanh vào thiện đạo. Có thể biết là trước mặt mỗi người thường có rất nhiều thiện quỷ hoặc ác quỷ. Người sợ quỷ thì nên giữ cái tâm tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành thì tất cả các quỷ đều trở thành kẻ hộ vệ. Loại quỷ ấy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt, đâu có sợ chi?

Vợ ông đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho bà ta là Huệ Nhã; Nhã là chánh. Có thể nhất tâm niệm Phật, chẳng sanh vọng tưởng phước báo nhân thiên đời sau thì mới là chánh huệ nương theo trí huệ của Phật, nên gọi là Huệ Nhã. Cô con gái thứ ba tên Phùng Xuân, pháp danh là Tông Trinh; Tông là chủ, Trinh là chánh. Mùa Xuân đứng đầu một năm, Trinh là kết thúc của Càn đức (phẩm đức của quẻ Càn). [Trong kinh Dịch, phần giảng về] quẻ Càn có ghi: *"Càn, nguyên, hanh, lợi, trinh"*. Khổng Tử giải thích: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (Trinh là cái cốt lõi của sự vật). Chữ Trinh này nghĩa lý rộng sâu, chứ không phải chỉ [có nghĩa] con gái giữ thân là Trinh đâu! Phàm hết thảy mọi người, nếu mọi hành vi đều phù hợp đại thể thì đều gọi là Trinh. Nếu Phùng Xuân có thể tận lực giữ tròn bổn phận, dùng tám chữ *"hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ"* để sau này giúp chồng dạy con ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện, thì mới đúng với ý nghĩa thật sự của chữ Tông Trinh, mới hợp với Xuân là mùa đứng đầu một năm, hợp với đức Trinh của quẻ Càn, trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới, là bậc mẫu nghi chốn

---

hay đồng cốt cần phải có sức chú ý, không dễ bị dao động, không dễ bị phân vân, bối rối thì mới hành nghề được!" Cổ nhân thường mượn chữ "vô hằng" để chỉ những người không có chủ ý nhất định, dễ bị chao đảo.

khuê khổn, vẻ vang sao diễn tả cho được? Mong hãy sáng suốt suy xét, bảo với cô ta vậy!

96. Thư trả lời cư sĩ Trương Thuần Nhất

Vợ chồng lệnh hữu[152] Trần Đôn Phục tận lực hành hiếu - hữu, lại có thể dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu ròng Tịnh nghiệp, đúng là những kẻ hiếm thấy trong đời nay. Nay họ muốn quy y và thọ Ngũ Giới, ắt phải hiểu rõ tông chỉ pháp môn Tịnh Độ, ngõ hầu có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm tông chỉ. Người đời thường nghĩ điều này là chuyện tầm thường, không có chi kỳ lạ, bèn coi pháp tham cứu trong nhà Thiền mới là thù thắng, chú trọng vào khai ngộ, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Đặt tên hoa mỹ là Thiền Tịnh Song Tu, nhưng xét tới thực chất thì hoàn toàn là không Thiền, không Tịnh Độ!

Vì sao nói vậy? Do chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ thì chẳng gọi là "có Thiền". Người tham Thiền bây giờ ai thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ? Do chú trọng vào tham cứu nên đem sự trang nghiêm của y báo, chánh báo Tây Phương quy hết vào tự tâm, chẳng có mảy may ý niệm tín nguyện cầu sanh. Tuy gọi là niệm Phật nhưng thực chất là trái nghịch đạo niệm Phật! Hoặc nói ra vẻ cao xa là "niệm Thật Tướng Phật". Tuy Thật Tướng là cái gốc của các pháp, nhưng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng làm sao đạt đến được? Ra vẻ "quy Tông" (quy kết mọi thứ về Thiền) nhưng Thiền cũng không nương tựa được, mà Tịnh cũng không nương tựa được luôn! Cậy vào tự lực, dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng vì chưa đoạn Hoặc nghiệp sẽ chẳng thể liễu sanh tử được! Chưa ngộ đến mức đại triệt [đại ngộ] thì khỏi cần phải bàn chi nữa! Cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới được. Do một mực đem Tây Phương Tịnh Độ, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mỗi thứ đều quy hết vào tự tâm, nhưng tự tâm chỉ là chấp xuông cái danh, chưa chứng được cái thật, [cho nên] đức Phật ở phương Tây do không cảm sẽ chẳng thể có ứng, đức Phật nơi tự tâm do còn đang ở trong nhân nên không có oai đức!

Những kẻ ham cao chuộng xa trong cõi đời thường đều hay trở thành biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa, nhưng kẻ tri thức muốn được người khác ca ngợi mình là viên dung, vẫn trọn chẳng chịu nói như vậy, đến nỗi đức Như Lai do tâm đại từ bi muốn làm cho hết thảy chúng sanh liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng họ vẫn cứ y như cũ chẳng thể liễu được! Đời này đã chẳng thể liễu, tương lai may ra có thể liễu, nhưng vẫn phải luân

[152] Tiếng gọi tỏ ý tôn trọng bạn người khác.

hồi trong lục đạo còn nhiều hơn số lượng từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác. Nếu thật sự hiểu được sự lợi - hại này, lại lắng lòng xem các kinh sách Tịnh Độ, mới biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương này không gì lớn lao ra ngoài được, mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng nhờ vào pháp này để thành tựu lúc khởi đầu, thành tựu khi kết thúc!

Nay đặt pháp danh cho Đôn Phục là Huệ Phục, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh Độ được nói từ trí huệ của Phật để tự hành, dạy người, ai nấy đều khôi phục được nguồn tâm sẵn có. Vợ ông ta là Trịnh Hàm Chương, có pháp danh là Huệ Chương, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói để tự hành, dạy người, lại còn dạy dỗ con cái và hết thảy các phụ nữ ngõ hầu đạo của hai bà Phi, ba bà Thái, Vy Đề Hy đều được sáng tỏ rực rỡ trong đời hiện tại. Vì vậy, có tên là Huệ Chương. Tôi thường nói: *"Quyền trị quốc, bình thiên hạ, hàng nữ nhân nắm quá nửa"*. Ấy là vì mẹ hiền thì con cái đều hiền, trong thai bẩm thụ khí chất của mẹ, lúc nhỏ thì nhìn vào hành vi của mẹ, nghe lời mẹ, đã được huân tập trước khi học hành, đến khi đi học sẽ tận lực ứng dụng mỗi điều ấy vào cư xử, cho nên là hiền nhân, thiện nhân. Lại nói: *"Dạy con là cái gốc để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái càng quan trọng hơn!"* Do không có hiền nữ sẽ không có hiền thê, hiền mẫu; do đó cũng chẳng có hiền nhân!

Nay tôi không chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ mà lại bàn tràn lan sang điều này, là vì mong ai nấy đều biết chăm chú nơi bổn phận. Cái gốc này đã được lập thì hết thảy đạo lý thế gian, xuất thế gian đều được khôi phục, hiển hiện rõ ràng. Nay tôi gởi cho họ hai bao kinh sách Tịnh Độ, hãy lắng lòng đọc. Sự lợi ích do tu pháp này cố nhiên Quang chẳng cần phải nói nhiều. Bất luận đã thọ Ngũ Giới hay chưa, đều phải nghiêm ngặt gìn giữ, do bốn điều đầu tức Sát, Đạo, Dâm, Vọng gọi là Tánh Giới, tức là người chẳng nghe đến tên của bốn giới này, hễ phạm thì vẫn bị tội lỗi, nhưng thọ giới rồi còn phạm thì thành ra [mắc tội] hai tầng. Ngoài cái tội vốn đã phạm ra, còn thêm tội lỗi phạm giới. Vì thế, nói: *"Hết thảy mọi người đều nên gìn giữ nghiêm ngặt"*. Uống rượu gọi là Giá Giới (giới có tác dụng ngăn che), chưa thọ giới mà uống thì không mắc tội, thọ rồi vẫn uống chỉ bị tội phạm giới. Mong hãy sáng suốt suy xét và đưa cho vợ chồng họ đọc thư này.

97. Thư trả lời tiên sinh Từ Vĩnh Nghiệp ở Doanh Khẩu

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đọc thư biết tiên sinh là người có tấm lòng lớn lao, tiếc là ngài chưa đọc kỹ lời tựa[153] của Quang nên đối với chuyện chẳng đáng nghi lại sanh nghi. Lại như lấy Phổ Đà làm lệ, cũng là chẳng đáng làm lệ mà lại lấy làm lệ. Đất Phổ Đà tuy chẳng phải thuộc Nam Hải nơi Thiên Trúc, nhưng Quán Âm cố nhiên là một đức Quán Âm! Tiền nhân đều dùng chuyện Thiện Tài đi về phương Nam tham học trong kinh Hoa Nghiêm để nêu tỏ [ý nghĩa tên gọi của Phổ Đà Sơn], há Quang lập dị cho như vậy là chẳng thể được ư? Nếu nói như các hạ, ở bất cứ chỗ nào có miếu thờ Quán Âm, nếu không phải là sự tích nơi chỗ ấy thì đều chẳng được dẫn chứng ư? Trong phẩm Bồ Tát Trụ Xứ[154] trước hết nói đến bốn phương, rồi nói đến bốn góc, ngay như phương Tây Nam [được nhắc đến trong kinh], chẳng thể lấy đó làm chứng cứ để bảo là phương Tây Nam của cõi Chấn Đán[155] (Trung Hoa)! [Đối với câu kinh]

---

[153] Đây là bài tựa của Tổ Ấn Quang cho bộ Phổ Đà Sơn Chí (Ấn Quang Văn Sao Chánh Biên, quyển 3, trang 826), trong ấy có câu: *"Đạo tràng ứng hóa của Ngài cố nhiên không phải chỉ một chỗ. Như Nam Ngũ Đài Sơn, Đại Hương Sơn ở Thiểm Tây, Thiên Trúc Sơn ở Chiết Giang v.v… là những nơi cảm ứng rõ ràng, hương đèn nhộn nhịp, nhưng chỉ có Nam Hải Phổ Đà Sơn thật là bậc nhất do tên chỗ này được ghi trong kinh Hoa Nghiêm, năm xưa Thiện Tài đích thân tham học [tại đây]"*. Ông Từ Vĩnh Nghiệp dựa vào đó, bắt bẻ Tổ viết sai, vì Phổ Đà Lạc Già (Potalaka) thật ra nằm trong Nam Hải của Ấn Độ.

[154] Đây là phẩm thứ 32 trong Bát Thập Hoa Nghiêm Kinh, giảng về những trụ xứ (chỗ ở) của các vị Bồ Tát. Xin trích một đoạn: *"Lúc bấy giờ Tâm Vương Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong chúng hội bảo các vị Bồ Tát rằng: - Phật Tử! Phương Đông có nơi tên là Tiên Nhân Sơn, từ xưa đến nay, các vị Bồ Tát sống ở trong ấy. Hiện đang có vị Bồ Tát tên là Kim Cang Thắng và các quyến thuộc là những vị Bồ Tát gồm ba trăm người thường sống trong ấy, diễn thuyết pháp. Phương Nam có nơi là Thắng Phong Sơn, từ xưa đến nay, các vị Bồ Tát sống ở trong ấy, hiện đang có Bồ Tát tên là Pháp Huệ cùng với quyến thuộc là những vị Bồ Tát thường sống trong ấy diễn thuyết pháp… Phương Đông Bắc có chỗ tên là Thanh Lương Sơn, từ xưa đến nay, các vị Bồ Tát sống ở trong ấy. Hiện đang có vị Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi và các quyến thuộc là những vị Bồ Tát gồm một vạn người thường sống trong ấy, diễn thuyết pháp… Phương Tây Nam có chỗ tên là Quang Minh Sơn, từ xưa đến nay, các vị Bồ Tát sống ở trong ấy. Hiện đang có vị Bồ Tát tên là Hiền Thắng và các quyến thuộc là những vị Bồ Tát gồm ba ngàn người thường sống trong ấy, diễn thuyết pháp"*.

[155] Ông Từ Vĩnh Nghiệp chấp phương Tây Nam được nói đến trong đoạn kinh văn trích dẫn ở trên đây là phương Tây Nam của Trung Hoa vì trong

“hiện thời có Bồ Tát tên là Hiền Thắng”, sao lại coi ngài Hiền Thắng là đức Phổ Hiền? Chẳng biết phẩm đức của Phổ Hiền, bất cứ chỗ nào cũng đều có thể là đạo tràng; do vậy, chẳng vì trong kinh có nói rõ hay không [mà bảo chỗ nào đó chẳng phải là đạo tràng của Bồ Tát]. Nếu cứ ương ngạnh trích dẫn sai ngoa, đâm ra sẽ trở thành vu báng kinh. Đây chẳng phải là khơi dậy chánh tín mà là khơi dậy tà kiến cho người khác, do đây họ sẽ nghi kinh, nghi thánh vậy!

Mong hãy lắng lòng đọc kỹ nguyên văn bài tựa, mọi mối nghi sẽ tự tháo gỡ. Nếu cho là không đúng thì tùy các hạ nghị luận ra sao, Quang chẳng hỏi đến nữa! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, đã từ tháng Mười Một mùa Đông năm ngoái, đối với những câu đối, những tin tức đăng tải, bản tin, bán nguyệt san, các báo đều cự tuyệt hết thảy những chuyện thư từ, nhờ cậy viết lách. Từ rày xin đừng gởi thư đến nữa, gởi đến nhất quyết không trả lời.

98. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Tục ngữ nói: *“Phú ông bất tri bần nhân chi khổ, tráng phu bất tri lão nhân chi khổ”* (Phú ông chẳng biết nỗi khổ kẻ nghèo, người khỏe mạnh chẳng biết nỗi khổ của người già). Ông cho rằng Quang cự tuyệt chẳng qua là để tịnh tu mà thôi ư? Ông chẳng biết thật ra là vì mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ. Chỉ nội chuyện đọc thư ông gởi đến và để viết thư trả lời thì kiếng đeo mắt lẫn kiếng cầm tay (kính lúp) đều phải dùng đến hết, mới xem, mới viết được! Giấy trắng ngần lóa mắt, không viết được chữ nào. Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được. Nếu chẳng tự lượng, rất có thể bị ma dựa. Phải biết: Vãng sanh Tịnh Độ hoàn toàn cậy vào tín - nguyện. Có tín - nguyện, dẫu chưa đắc tam-muội, chưa đắc nhất tâm bất loạn, vẫn có thể vãng sanh. Hãy đừng chỉ lấy nhất tâm bất loạn và đạt được Niệm Phật tam-muội làm chí hướng, sự nghiệp, rồi chẳng dốc chí vào tín nguyện và tịnh niệm (nhiếp trọn sáu căn mà niệm là “tịnh niệm”. Lúc niệm Phật, thường nghe âm thanh niệm Phật của chính mình, tức là chỗ để thực hiện việc “nhiếp trọn sáu căn”. Hãy nên chú ý). Sợ rằng chí lớn, ăn nói lớn lối, sẽ chẳng được lợi ích thật sự vì chẳng chú trọng tín nguyện, chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, vẫn làm một chúng sanh khổ sở trong đời ác Ngũ Trược này!

---

kinh đã nói ở phương Đông Bắc có đạo tràng Thanh Lương Sơn của ngài Văn Thù Sư Lợi (Núi Ngũ Đài nằm ở phương Đông Bắc Trung Hoa và cũng có tên là Thanh Lương). Do Nga Mi nằm ở phương Tây Nam Trung Hoa, ông Từ bèn chấp Hiền Thắng Bồ Tát chính là ngài Phổ Hiền!

Đối với bài Cảnh Sách của ngài Ngẫu Ích[156] như ông đã nói đó, hãy nên thỉnh người viết chữ đẹp viết bằng chữ to, ngay ngắn, cẩn thận, treo trên vách trong sân để khơi gợi tín tâm của hết thảy mọi người, đấy thật là ý nghĩa quan trọng. Còn chuyện ông xin soạn thêm bài Cảnh Sách khác thì những điều được nói trong Văn Sao đều chẳng đáng để dùng làm Cảnh Sách hay sao? Thời cuộc hiện tại nguy ngập đến cùng cực, hãy nên khuyên mọi người già trẻ trong nhà cùng niệm nam-mô A Di Đà Phật và niệm nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát để làm kế dự phòng. Nếu không, khi tai họa xảy đến, trốn lánh cũng không được, đề phòng cũng không xong, biết làm sao được? Hãy nên đem lời này nói với hết thảy những ai có sự hiểu biết, ngõ hầu những ai nghe đến được gieo thiện căn xuất thế. Sau này đừng gởi thư đến nữa, phàm những chuyện viết lời tựa, ghi lời bạt, giảo chánh đều nhất loạt chẳng thể thù tiếp!

99. Thư trả lời cư sĩ Tiêu Trường Hựu ở Côn Minh

Lời nói của nhà Phong Thủy[157] sao đáng lấy làm căn cứ? Nếu đúng như họ nói thì người phú quý sẽ vĩnh viễn phú quý, há có thường thấy con nhà cao sang bị chết đói nữa ư? Người có thế lực nhất trong cõi đời để chọn được cuộc đất tốt, nơi làm nhà tốt, có ai bằng hoàng đế? Cớ sao hoàng đế phần nhiều thường đoản thọ? Từ đời Hán đến nay, chưa có triều đại nào tồn tại hơn bốn trăm năm. Người nghèo các nỗi khổ dẫy đầy, lại muốn được chỗ ở tốt, huyệt mộ tốt nhưng chẳng được, đấy là muốn khỏi khổ lại tự lập ra cách để càng bị khổ sâu xa hơn! Ông chỉ giữ tấm lòng tốt lành, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, nhất tâm niệm Phật, lần lượt khuyên người, y theo Một Lá Thư Gởi Khắp để khuyến hóa thì nghiệp chướng ngầm tiêu, thiện căn tăng trưởng. Quang sám hối cho ông sao bằng chính ông cạn kiệt lòng thành kính tự sám hối có hay hơn không?

Người sắp chết rất cần trợ niệm; người sắp sanh cũng cần phải bảo sản phụ niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, những người săn sóc bên cạnh cũng lớn tiếng trợ niệm thì chắc chắn chẳng gặp chuyện khó sanh đau khổ. Dẫu khó sanh sắp chết, dạy sản phụ ấy tự niệm và cả nhà hoặc ở trong phòng

---

[156] Tức bài Bệnh Khởi Cảnh Sách Kệ của ngài Ngẫu Ích trong Linh Phong Tông Luận.

[157] Nguyên văn "Kham Dư", Kham có nghĩa là khám xét, quan sát, Dư có nghĩa là cỗ xe, hàm ý chuyên chở, đi khắp lãnh thổ. Hiểu theo ý nghĩa hẹp, chữ Dư chỉ la bàn dùng trong Phong Thủy. Do vậy, Kham Dư có nghĩa là quan sát tướng đất, dùng la bàn để trắc định hướng đất. Kham Dư Thuật là tên gọi khác của Phong Thủy.

sanh ở chỗ khác cùng niệm thì cũng chẳng bao lâu sẽ liền an nhiên sanh nở. Ông muốn chuyển họa thành phước, nên đem những chuyện trong Một Lá Thư Gởi Khắp này gặp ai cũng nói, so với chuyện sửa sang nhà cửa, di chuyển mộ phần tổ tiên sẽ có ích không tổn hại. Người đời chẳng cầu phước điền nơi tâm, cứ cầu phước điền nơi ngoại cảnh, thường chôn vùi thiên lương để mưu đoạt nhà cửa, đất đai tốt đẹp của người khác, đến nỗi nhà tan người chết, con cháu tuyệt diệt đều là vì bị lũ thầy Phong Thủy mê hoặc mà ra!

Nếu thầy Phong Thủy biết họa - phước đều do tâm tạo, mà cũng do tâm chuyển, [Phong Thủy] sẽ trở thành khuôn phép hữu ích cho cuộc đời. Hơn nữa, các nhà Phong Thủy mỗi người một ý kiến khác nhau, phàm với cách nhìn của người xưa, người đời nay chưa chắc đã hoàn toàn tán đồng, do muốn tỏ ra chính mình hiểu biết cao siêu, chứ thật ra quá nửa là dụng tâm của tiểu nhân, muốn nhờ vào đó để dối đời trộm danh vậy! Hãy thử nhìn vào những nhà Phong Thủy xem, có ai đại phát đạt hay không? Họ có thể mưu tính cho người khác, cớ sao chẳng mưu tính cho chính mình? Quang già rồi, mục lực suy yếu tột cùng, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến sẽ nhất quyết không trả lời!

100. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Tụng Bình ở Tương Âm

Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo mà thôi, một mực chất phác, trọn chẳng chịu khen xuông người khác, cũng trọn chẳng mong người khác khen xuông chính mình. Trang thứ nhất trong bài văn của các hạ tôi chẳng muốn nghe đâu, bởi tôi không có thân phận ấy, hóa ra còn gì nhục nhã lớn hơn? Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, hãy càng nên đau đáu sám hối để tiêu túc nghiệp. Lại phải tận lực kiêng chuyện ăn nằm để bệnh khỏi nặng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu chẳng kiêng ăn nằm, chắc chắn khó thể lành bệnh! Khổng Tử đã nói: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu giả"* (cha mẹ chỉ lo lắng về cái tật ấy[158]) là vì chuyện ăn nằm là căn bản của hết thảy bệnh vậy. Lúc thân thể đang bệnh tật, cớ gì phải tới Cư Sĩ Lâm để theo đại chúng niệm Phật? Chỉ nên ở nhà, lắng lòng tịnh niệm thì thật là tốt nhất!

Còn nói tới chuyện cùng với thiện tri thức nghiên cứu Phật lý thì trong lúc thân đang mang bệnh nặng, chỉ nên nỗ lực tu trì như chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm. Lúc này, chớ nên nghiên cứu, nếu nghiên cứu một kinh

---

[158] Thông thường chữ Tật ở đây thường được các nhà chú giải hiểu là những thói hư tật xấu như không giữ luân thường, lễ nghĩa; riêng Tổ giải thích chữ Tật ở đây phải hiểu là thói tham mê tình dục quá đáng. Tổ giảng rất rõ về ý nghĩa này trong lá thư 141, tức lá thư gởi cho cư sĩ Niệm Phật.

sẽ đâm ra trở thành lan man. Ví như mắc bệnh, được một viên linh đan liền chăm chú uống ngay, chớ có trước hết phải nghiên cứu xem viên linh đan này do những thuốc gì chế thành, thuốc nào chạy vào kinh mạch nào, trị bệnh gì, đều mong hiểu rành mạch từng điều rồi mới chịu uống thuốc ư? Ông trọn chẳng biết nguyên do của chuyện học Giải và học Hành nên chẳng được lợi ích chân thật!

Những danh mục của ngoại đạo kể ra cả trăm cả ngàn, nhưng nếu xét đến chuyện dụng công của họ, nói chung chẳng ngoài luyện đan, vận khí! Dẫu họ dạy người khác xem kinh niệm Phật, cũng đều là phô trương bề ngoài, lẽ đương nhiên họ chẳng coi đấy là đạo, muốn đắc cái đạo của họ thì phải khẩn thiết tột bậc, ban đêm một mình vào trong thất, đóng chặt cửa cái, cửa sổ, phía ngoài cắt người tuần phòng, chỉ cho một người vào thất. Trước tiên phải phát lời nguyền cực ác, cực thảm: Nếu gây nguy hại cho giáo phái của họ chắc chắn sẽ bị những báo ứng thê thảm như thế ấy. Thề độc xong, sẽ điểm khiếu chỉ huyệt cho người ấy, hoặc trên đầu, trên mặt, hoặc ở trong thân. Nếu là huyệt trong thân phải cởi bỏ áo ngoài, áo quần lót phải vén lên để chỉ. Thật ra, cách làm như vậy đều là bẫy rập mê hoặc con người, nhưng hết thảy ngoại đạo [đều tuyên bố] kẻ mới ban đầu [nhập đạo] hễ được truyền đạo rồi thì "chẳng tu vẫn được thành!" Nếu bỏ đi cách bí mật, dạy rõ cho người, chẳng phát lời nguyền, cho người khác mặc tình vào đạo, bỏ đạo, thì ngoại đạo sẽ không có căn cứ để tồn tại được!

Phật pháp không có chuyện bí mật truyền dạy riêng tư, cũng chẳng buộc người thề thốt. Tin thì y theo đó tu trì, không tin tưởng thì để mặc người ấy bỏ đi. Ông đã niệm Phật, còn tính muốn gia nhập ngoại đạo, tức là ông hoàn toàn chẳng biết Phật pháp và ngoại đạo chánh - tà [như thế nào], chỉ dựa theo người khác mà sanh lòng tin, quả thật chưa phải là lòng tin thật sự. Nếu sanh lòng tin chân thật, chỉ nên dốc sức tu trì, cần gì phải lo ngoại đạo đông đảo có thể bị sụp bẫy ư? Đã do túc nghiệp mắc bệnh ngặt nghèo thì hãy nên ăn chay niệm Phật, làm chuyện siêu độ cho oán gia đời trước. Nói đến siêu độ thì cũng chẳng cần phải mời Tăng làm Phật sự, chỉ là chính mình khẩn thiết chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm. Hơn nữa, đừng cật vấn: "Chỉ niệm một đức Phật, một vị Bồ Tát mà có thể lành bệnh hay sao?" Phải biết: Niệm Phật là pháp thẳng chóng, viên đốn nhất trong Phật pháp, lợi ích vượt trỗi hết thảy pháp môn! Chỉ do tâm chí thành hay không mà thành khác biệt, chứ không phải là Phật pháp có linh nghiệm hay không?

101. Thư gởi cư sĩ Trương Tịnh Giang

(năm Dân Quốc 24 - 1935)

Nghe cư sĩ niệm Phật đã lâu, chẳng biết có chú ý nơi tín nguyện cầu sanh Tây Phương hay chăng? Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, bất luận Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hết thảy pháp môn đều phải dùng Giới - Định - Huệ để đoạn tham - sân - si cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Điều này khó như lên trời, chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất đầy dẫy triền phược như chúng ta mà hòng mong mỏi được. Nếu dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cầu sanh Tây Phương thì bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Điều này giống như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, chỉ chịu lên tàu liền có thể đến được bờ kia, ấy là nhờ sức tàu chứ chẳng phải bản lãnh của chính mình. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương cũng giống như thế, hoàn toàn là Phật lực, chứ không phải đạo lực của chính mình.

Hễ đã sanh về Tây Phương thì sanh tử đã liễu, phiền não chẳng sanh, đã giống như người vận dụng công phu tại nơi ấy đã lâu, đã đoạn sạch phiền não liễu sanh tử. Vì thế, niệm Phật quyết định phải cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau, chớ nên nương theo những kẻ rời lìa tín nguyện, chỉ dẫn người khác niệm Phật cầu khai ngộ. Niệm Phật cốt yếu là nhiếp trọn sáu căn. Trong lúc niệm Phật, nhiếp tai lắng nghe kỹ, đấy chính là biện pháp để nhiếp sáu căn. Có thể chí tâm lắng nghe kỹ thì công đức so với việc "chẳng lắng nghe, niệm tán loạn" khác biệt rất lớn. Pháp này bất luận người thượng, trung, hạ căn đều dùng được, đều được lợi ích, chỉ có lợi, không điều tệ. Hãy nên bảo hết thảy mọi người tu đều tu theo đây. Tôi vốn muốn nói cặn kẽ, nhưng do không có thời giờ, sợ trễ tràng chuyến trở về của ông, nên chỉ viết đại lược những nghĩa lý trọng yếu. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục, đọc rồi sẽ tự biết hết.

102. Thư trả lời ông Lý Thính Đào ở Hải Môn (bảy lá thư)
(năm Dân Quốc 21 - 1932)

1) Qua bức thư do Trần Huệ Sưởng chuyển đến, biết ông tuổi chưa đến tráng niên, nhưng khá có tín tâm, hằng ngày tụng vài quyển kinh Kim Cang để mong sám hối túc nghiệp, quả thật là một đại sự trong đời người. Nhưng cần phải chí thành cung kính mới tốt. Nếu giống như cung cách ông viết chữ nguệch ngoạc thì lợi ích sẽ thuận theo cái tâm phù phiếm bị giảm đi rất nhiều. Ông lại muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Tài. Ông vốn tên là Thông Tài, vừa thông minh vừa có tài, sử dụng chánh đáng thì có thể mong thành thánh, thành hiền, tạo công lập nghiệp; nếu sử dụng không chánh đáng sẽ tự lầm, lầm người, đọa trong ba ác đạo! Thiên tai, nhân họa hiện thời đại đa số đều do những kẻ thông minh có tài tạo nên. Nếu do trí

huệ, phân biệt được tà - chánh, hiểu rõ nhân quả, xuôi theo điều lành, tránh điều dữ sẽ thành tài đạt đức. Có trí huệ thì tài năng sẽ giúp cho đạo, không có trí huệ thì tài năng sẽ trái đức. Vì thế, đặt tên cho ông là Huệ Tài.

Ông hãy nên nhìn vào cái tên nghĩ đến ý nghĩa, trong khi khởi tâm động niệm hãy thường suy xét xem có hợp trí huệ hay không. Nếu hợp thì mở rộng ra, chẳng hợp liền tiêu diệt ngay, chẳng cho nó chớm nẩy nữa! Lại phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người. Người làm được như vậy chính là đệ tử thật sự của Phật. Huống chi nay đang là lúc tình thế hoạn nạn, phàm trong là gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, và tôi tớ, ngoài là thân thích, bè bạn, và hết thảy những ai quen biết, đều nên khuyên họ thường niệm thánh hiệu A Di Đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm căn cứ "gặp nguy thành an, gặp dữ hóa lành" trong hiện tại, để làm phương cách sao cho trong tương lai khi hết tuổi thọ sẽ vĩnh viễn lìa khỏi biển khổ sanh tử. Phương pháp niệm và lợi ích chẳng dễ gì nói tường tận trong chốc lát được.

Tôi đã bảo Huệ Sưởng gởi cho ông Gia Ngôn Lục và những sách thích hợp, hãy đọc sẽ tự biết. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải thực hiện với mười phần thành tâm. Trì kinh và niệm Phật về mặt sự tuy giống nhau, nhưng lòng thành có sâu hay cạn, phù phiếm hay thiết tha khác biệt, cho nên lợi ích càng khác biệt lớn lao! Mọi chuyện trong thế gian đều phải do lòng thành để được thành tựu, huống gì trì kinh, niệm Phật, muốn dùng cái thân phàm phu để liễu sanh thoát tử, siêu lên cõi Phật, mà thiếu lòng thành há có được chăng?

2) Người tu hành chỉ trọng thật hành, cần gì phải bày vẽ phô trương, muốn chụp hình quá lố? Quang một mực không thích chụp hình, gần đây trong tờ Phật Hóa San của Hương Cảng Phật Học Hội có đăng hình Quang, một đệ tử gởi đến mười cuốn, nay gởi cho ông một cuốn. Hơn nữa, trước kia ông Trương Thụy Tăng khắc in kinh Dược Sư ở Dương Châu có gởi cho một gói, nay gởi cho ông năm cuốn, ngoại trừ một bản tự giữ, bốn bản kia đưa cho những người xin quy y. Tiền *"hương kính"* của bọn họ đã nhận đầy đủ.

Hãy nên nói với bọn họ: Đã quy y Phật pháp, hãy chiếu theo pháp môn Tịnh Độ trong Phật pháp để tu, đừng đèo thêm những pháp luyện đan, vận khí v.v… của ngoại đạo. Pháp này được ích lợi dễ dàng nhất do cậy vào Phật lực. Ngoài ra, [những pháp khác] đều cậy vào tự lực, cho nên khác với pháp này như trời với vực. Luyện đan là pháp để hộ thân, hộ khí, chẳng phải là pháp liễu sanh thoát tử! Ngay cả các pháp tham thiền, nghiên cứu giáo nghĩa, và Mật Tông cũng chẳng phải là pháp khế cơ. Pháp chẳng khế cơ giống như

thuốc không đúng bệnh. Chỉ có mỗi mình pháp Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn cơ thượng - trung - hạ, dù phàm hay thánh đều nên tu tập, chớ nên nghe Thiền Tông, Mật Tông cao siêu huyền diệu, rồi bỏ pháp này tu pháp kia, đến nỗi vĩnh viễn không có ngày liễu sanh thoát tử!

Hiện nay là tình thế hoạn nạn, bất luận là ai đều nên niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để dự phòng. Phàm những nguy hiểm như đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, bệnh ngặt, oán gia, đối đầu v.v… mà chí thành niệm thì chắc chắn chẳng đến nỗi không cởi gỡ được! Ngay cả nữ nhân sanh nở, càng phải nên chí thành niệm thánh hiệu Quán Thế Âm ra tiếng rõ ràng, chắc chắn không có các sự đau khổ. Lúc ấy chớ nên niệm thầm trong tâm vì đang dùng sức để đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm có thể bị bệnh, quan trọng lắm! Dẫu khó sanh đến cùng cực, đã sắp mất mạng mà niệm cũng lập tức được an nhiên sanh nở. Phải biết: Chịu niệm từ nhỏ sẽ chẳng có chuyện khó sanh. Dẫu không khó sanh, niệm vẫn có lợi ích lớn lao. Chớ vì lõa lồ bất tịnh mà chẳng dám niệm để đánh mất lợi ích hoặc bị đau khổ, hoặc đến nỗi cả mẹ lẫn con đều chết! Bản thân sản phụ ấy niệm, những người chăm sóc bên cạnh cũng niệm, người trong nhà ở chỗ khác cũng có thể niệm giúp cho sản phụ ấy. Nếu ai nấy đều biết điều này thì thế gian sẽ không có chuyện sanh khó và chết vì sanh nở.

Ông Lưu Ôn Phủ đã bảy mươi bốn tuổi, hãy nên toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu không, một phen lầm lỡ bỏ qua chẳng biết đến kiếp nào mới có thể gặp được pháp môn này? Những người khác tuy chưa đến nỗi quá già, nhưng nhân mạng vô thường, chẳng chắc gì sống đến già mới chết! Những điều khác hãy xem trong bức thư dài, ở đây không viết cặn kẽ. Mong ai nấy đều thật hành thì may mắn thay!

3) Người có lòng tin ở quý địa tuy nhiều, sợ rằng chưa chắc đã chân thật tu trì theo Phật pháp. Hãy nên nói với bọn họ Phật pháp và ngoại đạo khác nhau. Ngoại đạo chuyên chú trọng bí truyền, dùng công phu luyện đan, vận khí, tuyệt đối chẳng chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Lại còn có chuyện "phù cơ giáng loan" (cầu cơ), tuy cũng khuyên người làm lành, nhưng rốt cuộc là linh quỷ giả mạo danh nghĩa tiên, Phật. Nếu chẳng hiểu lý, tưởng lầm là chân tiên, chân Phật giáng đàn, ấy là sai lầm lớn. Chẳng phải là hoàn toàn không có một lần nào chân tiên giáng đàn, nhưng vẫn là trong ngàn lần cũng khó có được một dịp!

Cuối đời Minh, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dùng cơ bút để chỉ dạy Phật pháp, lúc bỏ đi, Ngài dạy [đại chúng] vĩnh viễn bỏ cầu cơ! Mười năm trước, tại Đa Đa Phật Học Xã ở Hương Cảng [Đa Đa Ha Bồ Tát giáng đàn] cũng giống như thế. Hai vị này đều là Bồ Tát thật sự, nhưng đều cấm chỉ cầu cơ, bởi những linh quỷ không có đạo lực cao lắm cứ nói bừa khiến cho người ta bị lầm lạc thật sâu. Vì thế, tuy Bồ Tát giáng cơ nhưng cấm tuyệt

cầu cơ! Trong bộ Văn Sao của tôi đã từng có nói qua. Nếu có ai chẳng chịu bỏ công phu ngoại đạo và sự nghiệp cầu cơ, chớ nên cho người ấy quy y để khỏi bị người đời nói "Phật pháp chẳng khác gì ngoại đạo!"

4) Thư trước đã bàn về cái tệ cầu cơ, người học Phật chẳng nên dự vào chuyện này. Chuyện ấy phần nhiều là do linh quỷ giả mạo, lâu ngày ắt đến nỗi bị hỏng việc. Dẫu chẳng hỏng việc, nhưng những điều chúng nó nói phần nhiều giống với tri kiến của người đời, thường hay mâu thuẫn đạo lý chân chánh. Danh sách kê khai [tên họ người xin quy y] đừng dùng giấy đỏ, mắt già nhìn không rõ, hết sức tốn công! Sau này có ai đến cầu quy y, hãy nên nói với họ: Nếu đã từng theo ngoại đạo và cầu cơ thì nên đem những đạo đã hành trước kia hoàn toàn vứt bỏ đi. Nếu không, chẳng nên giới thiệu, ngõ hầu chẳng đến nỗi coi ngoại đạo là Phật pháp khiến cho kẻ vô tri tà - chánh chẳng phân vẫn cứ xem tà là chánh. Nay đặt pháp danh cho mỗi người quy y, xin hãy sao ra gởi đến họ.

Thêm nữa, những kẻ yêu thương con cái trong cõi đời đều là hại con cái. Chẳng chịu giáo huấn chúng học hành chăm chỉ, một mực để mặc cho quen thói kiêu ngạo, khiến cho những đứa có thiên tư tốt đẹp đều trở thành phường ương bướng, tầm thường, bại hoại. Thiên hạ do đây mà loạn, đều là vì những kẻ không biết cách làm cha mẹ người khác nuôi dưỡng thành. Nay muốn cho con cái hiền thiện, nên vào lúc chúng nó mới hiểu biết liền dùng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ để giảng giải, bảo chúng nó thực hành, thì con cái chắc chắn sẽ là hiền nhân, thiện nhân. Sự vinh hiển ấy đời đời vô cùng.

5) [Khi] con trẻ chết yểu thì thói đời sẽ thường do tình cảnh ấy mà dấy lòng oán hờn, đâm ra biếng nhác. Phải biết đời người nhân quả phức tạp, hễ có nhân ắt phải có quả, có quả chắc chắn chẳng thể không có nhân. Biết "nhân trước, quả sau" sẽ chẳng sanh oán hận, biết "đức có thể cảm được trời", ắt chẳng đến nỗi gặp nghịch cảnh nhỏ nhoi bèn biếng trễ tu tâm. Ví như lúc trời vừa mới nóng, chợt rất mát, hoặc thoạt đầu trời đang mát, chợt nóng hừng hực, đấy là sự biến động tạm thời, chứ không phải luôn thường như vậy. Chỉ tận hết tấm lòng ta tu tập, chẳng cần biết tình cảnh hiện thời là thuận hay nghịch. Nếu ai thường làm được như thế ắt sẽ vĩnh viễn được nhiều phước. Nếu do chuyện nghịch ý nhỏ nhoi liền nói "tu trì vô ích" thì đấy chính là tri kiến của kẻ vô tri vô thức! Dẫu cho cả đời không chuyện gì chẳng như ý cũng khó đạt đến địa vị "vui theo mạng trời!"

Nếu có thể tu trì không lười biếng, ắt sẽ sanh được đứa con trường thọ, vẹn đức. Nếu chẳng luận tốt - xấu, chỉ cốt sao nó chẳng chết yểu, nó sẽ vét sạch mỡ màng của bá tánh, đem khoản tiền ấy gởi vào ngân hàng ngoại quốc, khi một hơi thở hắt ra không hít vào được, [tiền ấy] hoàn toàn về tay người ngoại quốc, [như vậy thì] đứa con yêu quý không bị chết yểu có may mắn

chi đâu! Đứa con chẳng ra gì ấy nếu bị chết yểu chính là do đức lớn cảm vời, vì nếu nó chẳng chết yểu sẽ khiến cho nhân dân cả nước lầm than! Nếu ngày nay những kẻ như vậy đều chết yểu hết sạch thì nước ta đâu đến nỗi không có thuốc chữa, chỉ đợi diệt vong mà thôi? Chỉ nên lắng lòng niệm Phật hầu tiêu tội nghiệp, chuốc lấy điều lành.

6) Ngữ Lục của lệnh tổ[159] không liên quan gì đến Sơn Chí. Nếu là bài minh đề trên tháp, hoặc truyện thì có lẽ sẽ có chỗ cần dùng đến. Đối với chuyện hình ảnh thì các vị cổ đức nhiều đời đều không có thờ ảnh, nếu gởi đến cũng chẳng tiện sắp xếp, vì Linh Nham ngày nay hoàn toàn chẳng thừa kế Linh Nham xưa kia, do sau khi bị đốt phá trong chiến tranh, chỉ còn sót lại một cái tháp đổ nát, những thứ khác đều bị đốt trụi. Huống chi nay chùa theo pháp môn Tịnh Độ, lệnh tổ chính là bậc tri thức trong Thiền Tông; luận trên phương diện chùa miếu thì không phải là kế thừa, luận trên pháp đạo thì chính là môn đình khác. Ví như thuyền dưới nước, xe trên bộ, đưa về đến nhà rồi thì hoàn toàn giống nhau, nhưng trên lộ trình thì mỗi thứ mỗi khác. Con người hiện thời chẳng phải là đại thông gia, trọn chẳng thể nói lời viên dung, chỉ ưa nghe nói ngọt đến nỗi không có lợi ích thật sự. Trữ Công[160] chính là đệ tử khá nhất của sư Hán Nguyệt Tạng[161]. Hán Nguyệt muốn làm

---

[159] Tiếng gọi ông nội của người khác một cách tôn trọng.

[160] Trữ Công ở đây chính là Hoằng Trữ (1605-1672). Sư thuộc tông Lâm Tế sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người Thông Châu, Giang Nam, pháp tự Kế Khởi, pháp hiệu Thoái Ông. Thuở nhỏ gia đình gặp cảnh tai biến, được bà nội đem về nuôi dưỡng. Sư tuy chăm học nhưng không ham công danh, chí mộ Phật pháp, thích đạo Thiền, lãnh hội Phật pháp. Năm 25 tuổi, Sư xuất gia với Hán Nguyệt Pháp Tạng, siêng tu nhọc nhằn, đắc ngộ tâm pháp. Sư thông hiểu học thuyết của bách gia chư tử, học vấn tinh thâm, tư cách đoan nghiêm, khiến đại chúng rất ngưỡng mộ. Sư tưởng nhớ nhà Minh, thường mong khôi phục. Khi quân phản Thanh phục Minh dấy lên ở vùng Ngô - Việt, Sư nhiều lần âm trợ, từng bị bắt giam, sau được nghĩa sĩ cứu ra. Mỗi năm vào ngày vua Sùng Trinh tuẫn tiết, Sư đều mặc tang phục, lễ bái, khóc lóc. Suốt hai mươi tám năm đều giữ đúng lệ như vậy. Đệ tử nổi tiếng dưới tòa có cả hằng trăm người. Sư thị tịch năm Khang Hy mười một, thọ sáu mươi tám tuổi. Sư còn để lại các trước tác như Ngữ Lục (100 quyển), Nam Nhạc Kế Khởi Hòa Thượng Ngữ Lục (10 quyển), Nam Nhạc Lặc Cổ, Linh Nham Ký Lược.

[161] Hán Nguyệt Pháp Tạng (1573-1635) là đệ tử của ngài Mật Vân Viên Ngộ, sống vào cuối đời Minh, xuất gia từ năm 15 tuổi. Năm Thiên Khải thứ tư (1624) đến chùa Kim Túc, yết kiến ngài Mật Vân, được ấn khả. Sư cực thông minh, rất có biện tài, nhưng lại lập ra dị thuyết, soạn ra bộ Ngũ Tông

cao nhân bậc nhất xưa nay, hết sức kình chống tổ Thiên Đồng Mật[162]. Bọn Hoằng Nhẫn, Cụ Đức v.v… đều là phường khinh miệt tổ, chỉ có Trữ Công là chẳng có thứ tập khí ấy, đáng là người khiến cho hậu thế khâm phục, kính ngưỡng vậy.

7) Nhiều lần gặp mộng lành chính là túc nhân được cảm vời bởi lòng khẩn thiết trong hiện tại. [Mộng thấy] đại tự viện chính là pháp hội Hoa Nghiêm, nhưng do chưa phá được Phiền Hoặc nên chỉ thấy tướng kém cỏi, chẳng thấy tướng thù thắng, nhưng cũng chẳng dễ gì thấy được cảnh giới ấy. Đối với chuyện trưởng giả lấy nước ban cho uống, ấy chính là Văn Thù Bồ Tát đem cam lộ[163] ban cho ông. Hãy nên thường gắng sức để chẳng phụ ân

---

Nguyên, chỉ trích mạt sát nặng nề tông Tào Động, coi bốn tông kia là đọa lạc, đều không hiểu tông chỉ nhà Thiền, chỉ mình tông Lâm Tế là nắm được yếu lãnh của Lục Tổ. Luận thuyết của Sư khiến cho thiền đức các tông thời ấy tranh luận ồn ào. Ngài Viên Ngộ nhiều lần gởi thư khuyên răn Sư hãy bỏ luận thuyết dị kỳ ấy, nhưng Sư không thèm nghe theo. Sư thị tịch năm Sùng Trinh thứ tám, thọ 62 tuổi. Tác phẩm Ngũ Tông Nguyên gây nên tranh luận kéo dài mãi đến đời Thanh, vua Ung Chánh phải viết Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục vạch ra những điểm sai lầm trong cuốn sách nói trên và hạ lệnh cấm tuyệt lưu hành Ngũ Tông Nguyên, nhưng do đồ đảng của Hán Nguyệt đến lúc ấy vẫn còn rất đông nên cuốn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục không được đưa vào Đại Tạng. Hoằng Nhẫn và Cụ Đức đều là đệ tử của Hán Nguyệt. Hoằng Nhẫn còn cực đoan, đả phá các tông phái Thiền khác gấp mấy lần Hán Nguyệt.

[162] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đời Minh, thụy hiệu là Huệ Định Thiền Sư. Ngài là con nhà nông, do tình cờ đọc Lục Tổ Đàn Kinh bèn ham chuộng pháp Thiền. Một ngày nọ đang chất củi bỗng tỉnh ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền tại chùa Long Trì. Năm Vạn Lịch 30 (1602), ngài Chánh Truyền lên kinh đô, giao cho Sư làm giám viện chùa Vũ Môn. Một hôm, trong khi đi ngang qua núi Động Quan, ngài chợt khai ngộ. Năm Vạn Lịch 39 (1611), được ngài Huyễn Hữu trao y bát. Ngài lần lượt làm trụ trì nhiều đạo tràng Thiền Tông nổi tiếng, do thời gian ngài làm trụ trì chùa Thiên Đồng lâu nhất nên thường được gọi là Thiên Đồng Mật. Ngài được coi là người có công trung hưng tông Lâm Tế, đệ tử đến hơn ba vạn người. Sư thị tịch năm Sùng Trinh 15 tại chùa Huyền Thông, thọ 70 tuổi.

[163] Cam Lộ (Amrta): Đôi khi còn được phiên âm là A Mật Lý Đa, A Mật Lật Đa, dịch nghĩa là Bất Tử, Bất Tử Dịch, Thiên Tửu, nghĩa đen là thuốc tiên bất tử, rượu thiêng của cõi trời. Theo kinh Vệ Đà, cõi trời có rượu thiêng Tô Ma (Soma) uống vào sẽ sống mãi chẳng già chẳng chết, vị ngọt như mật nên

đức một phen gia bị. Bởi lẽ phàm phu sát đất phần nhiều bị cảnh chuyển, nên Tăng Tử lúc sắp mất mới đọc thơ rằng: *"Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù"* (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện tại, mai sau, ta biết thoát rồi). Chưa đến lúc lâm chung còn sợ có thể bị sa xẩy, chẳng dám nói lời lớn lối ấy. Nay những người thích ăn nói lớn lối, đều là những kẻ cuồng trọn chẳng dụng công nơi cơ sở. Lệnh hữu miệng lưỡi không nhanh nhạy chính là do túc nghiệp. Tụng Pháp Hoa đương nhiên là tốt, niệm Phật, niệm Quán Âm cũng có thể tiêu nghiệp, tăng huệ. Chớ nên cố chấp cho rằng chỉ có tụng Pháp Hoa mới được! Niệm Phật nếu thật sự chí thành còn có thể siêu phàm nhập thánh, há lẽ chỉ có thiệt căn nhạy bén mà thôi ư?

103. Thư trả lời cư sĩ Trí Lạc

Vãng sanh chẳng ở chỗ biết chữ hay không biết chữ, mà chỉ tại nơi có tín nguyện hay không! Có tín nguyện chắc chắc vãng sanh; không tín nguyện chắc chắn chẳng được vãng sanh. Mẹ ông chẳng thể niệm kinh chú, hãy nên khuyên cụ nhất tâm niệm Phật. Hãy nên ăn chay trường, đừng nghĩ đem máu thịt dâng lên cha mẹ là thể hiện lòng hiếu. Đấy chính là thói mê tín của kẻ không biết Phật pháp. Chúng ta đã biết ăn thịt của chúng nó, tương lai cũng sẽ đem thân mạng đền trả, cho nên hiếu dưỡng kiểu đó chính là làm cho cha mẹ đời đời kiếp kiếp bị người khác mổ xẻ. Lòng hiếu ấy chính là lòng hiếu đời đời kiếp kiếp hại cha mẹ, chẳng đáng buồn ư?

Nếu muốn cho mẹ được vãng sanh, hãy nên thiết tha khuyên anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái đều cùng hằng ngày bầu bạn bên cha mẹ niệm Phật. Nếu chẳng quây quần, cũng nên bảo họ thường niệm. Nếu đã quen niệm, đến khi cha mẹ lâm chung sẽ tự nhiên biết niệm. Lại phải nói cặn kẽ lợi ích của việc trợ niệm, họa hại do phá hoại [chánh niệm] thì mới được lợi ích nơi trợ niệm, chẳng mắc cái hại bị phá hoại. Những điều khác đã nói cặn

---

gọi là Cam Lộ (sương ngọt). Phật Giáo dùng chữ "cam lộ" để ví cho pháp vị của Phật pháp có tác dụng mát lành nuôi dưỡng Pháp Thân huệ mạng vĩnh viễn cho chúng sanh. Chữ Cam Lộ ở đây là chỉ pháp thủy, trí huệ thủy khiến cho người uống vào phiền não tiêu diệt, trí huệ tăng trưởng chứ không phải là thuốc tiên của cõi trời. Ngoài ra, Cam Lộ chính là một trong ba tên của đức Phật A Di Đà (Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Cam Lộ) nên đôi khi Phật Di Đà còn được gọi bằng danh hiệu là Cam Lộ Vương Như Lai. Vì lẽ đó, chú Vãng Sanh đôi khi còn gọi là Thập Cam Lộ Chú vì có nhắc đến chữ Amrta mười lần.

kẽ trong Một Lá Thư Gởi Khắp và sách Sức Chung Tân Lương. Nếu không có, hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã.

104. Thư gởi cư sĩ Hồ Tác Sơ
(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Mấy hôm trước, lệnh điệt[164] Thôi Chú Bình gởi thư đến, và cũng gởi kèm theo thư của các hạ gởi cho anh ta, xin Quang gởi các loại sách cho các hạ. Quang đã bảo người gởi đi rồi. Các hạ một mực có tín tâm, nhưng chưa gặp được người thông suốt nên vẫn tu trì những pháp luyện đan, vận khí của ngoại đạo. Bọn họ tự khoe "tánh mạng song tu"[165], cho là đã đắc chân truyền của Lục Tổ, chứ thật ra chỉ là pháp gìn giữ cái thân, trọn chẳng có khí phận liễu sanh tử chi cả! Bọn họ nào biết ý nghĩa của tánh và mạng! Nhưng người đời không biết chánh pháp nên chẳng thể do đâu phân biệt, chọn lựa chân và ngụy, khó tránh khỏi mù quáng đi theo. Pháp luyện đan, vận khí của bọn họ dùng đúng cách thì huyết mạch châu lưu, thân thể khỏe mạnh. Dùng sai cách, Khí bị ngưng trệ, không thông suốt, tai hại chẳng nhỏ! Có khá nhiều người dự vào Đồng Thiện Xã để ngồi luyện công đến nỗi trở thành si ngốc, tê bại, thân thể mất cảm giác, đều là do pháp ấy chẳng lành, mong dưỡng thân đâm ra trở thành hại thân, chẳng đáng buồn ư?

Xét kỹ căn bệnh của các hạ là do một mực ham chuộng cao xa nên thường hay bị bệnh vì Khí, đây là một chuyện. Hơn nữa, do thiên tánh thông minh, vì vậy vướng lấy tập khí của người thông minh, đối với chuyện nữ sắc chẳng thể hạn chế, lại thêm lửa phẫn nộ thường nổi lên không đúng lúc. Ví như hai lưỡi rìu cùng đốn một cái cây lẻ loi, nguy hiểm tột cùng! Lại thêm do dùng cách tịnh tọa không tốt lành của Đồng Thiện Xã tạo thêm trợ duyên cho bệnh khổ, đến nỗi đủ mọi hiện tượng đều do đấy mà sanh. Nếu nay chịu hành theo pháp "thanh tâm quả dục" (giữ lòng thanh tịnh, giảm bớt ham muốn), nhiếp tâm niệm Phật thì lâu ngày chầy tháng túc nghiệp sẽ tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, hết thảy các chứng mất ngủ, nghẹt mũi, rung cơ v.v… sẽ đều dần dần tiêu diệt.

Trước hết, hãy nên xem phương pháp tu trì trong Gia Ngôn Lục, một câu "Nam-mô A Di Đà Phật" miên miên mật mật trì niệm lâu dài. Hễ mỗi khi những ý niệm phẫn nộ, dâm dục, háo thắng, bộp chộp v.v… ngẫu nhiên

---

[164] Tiếng gọi cháu trai của người khác. Điệt là con của anh hay em trai, nếu là con của chị hay em gái sẽ gọi là Sanh.

[165] Bọn luyện đan vận khí cho rằng họ tu tập để bảo tồn cái thân bất hoại, trường thọ, đó là tu Mạng. Đồng thời tu luyện để trở thành tiên, thành thánh, đó là tu Tánh. Vì thế, họ tự xưng là "tánh mạng song tu".

chớm sanh, bèn lập tức nghĩ rằng: "Ta là người niệm Phật, há nên dấy lên những tâm niệm này?" Niệm vừa dấy lên bèn dứt, lâu ngày, hết thảy những ý niệm hao tổn tinh thần, mệt nhọc thân xác đều không cách chi dấy lên được! Suốt ngày dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật để gia trì thân tâm, dám bảo đảm chẳng cần đến mười ngày sẽ liền thấy hiệu quả lớn lao. Nếu chỉ thỉnh thoảng niệm một hai câu liền muốn thấy hiệu quả thì là dối mình, lừa người, tuy vẫn có công đức, nhưng muốn nhờ vào đấy để lành bệnh thì chắc chắn chẳng thể được! Phàm mọi chuyện đều phải lấy lòng thành làm gốc, há có thể nào tu trì chẳng bằng lòng thành mà muốn hưởng lợi ích lành bệnh diệt khổ ư?

Lại nữa, nếu tập khí sâu dầy, tốt nhất là nên chuyên niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, do tâm Bồ Tát cứu khổ thiết tha. Nay gởi kèm theo Một Lá Thư Gởi Khắp, hãy đọc, sẽ tự biết. Hiện thời Quang có chuyện hết sức gấp rút, sau này chẳng cần phải gởi thư cho Quang nữa. Nếu có gì cần bàn định nên gởi thư cho Chú Bình, nhưng cũng đừng nên để Chú Bình gởi thư đến [cho Quang] nữa. Chẳng qua anh ta biết được đường nẻo, hiểu rõ ràng hơn các hạ đôi chút!

105. Thư gởi cư sĩ Trang Huệ Cự ở Tuyền Châu

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Hiện thời khắp cả thế gian đều có ngoại đạo. Do Phật pháp sâu xa, nhiệm mầu con người không thể nào biết được, bọn chúng bèn trộm danh Phật pháp, nhưng chẳng biết nghĩa lý, bèn coi pháp luyện đan, vận khí để giữ gìn cái thân là pháp liễu sanh thoát tử. Hơn nữa, bọn chúng chẳng biết sanh tử do đâu mà có, nên mù quáng bịa đặt đồn thổi, nói: *"Luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hoàn Hư, lại hợp nhất một chỗ là đắc đạo".* Thật ra, hoàn toàn là dùng thức thần để tu tập, tuyệt đối chưa thể mộng thấy được lý thể của Chân Như Thật Tế nơi tâm tánh mà vẫn tự phụ: *"Lục Tổ loạn truyền pháp, pháp quy tại gia nhân, Tăng gia vô hữu pháp"* (Lục Tổ truyền pháp loạn xạ, pháp trở về với kẻ tại gia, Tăng chúng chẳng có pháp). Lời lẽ này chẳng chỉ nói ra miệng mà còn viết thành sách, dùng giả để hủy chân, lấy tà làm chánh, kẻ vô tri vô thức bèn bị chúng mê hoặc.

Ngoại đạo có thể truyền khắp trong cõi đời là nhờ có hai pháp đắc lực:

1. Một là bí truyền, tức là bảo hễ được minh sư chân truyền, chẳng tu vẫn thành. Vì thế, bèn nói một cách thần thánh hóa rằng: "Chuột nghe thấy, chuột cũng đều thành đạo! Chim sẻ nghe thấy, chim sẻ đều thành đạo!" Vì thế, lúc truyền đạo phải ở trong mật thất, khẽ tiếng nói thì thầm, bên ngoài còn sai phái người tuần tra, sợ có kẻ nghe trộm!

2. Hai là bày ra lệnh cấm nghiêm ngặt, dẫu thân thiết như cha con, vợ chồng đều chẳng được nói cho nhau biết. Nói ra sẽ bị trời hành! Vì thế, trước khi được truyền đạo, trước hết buộc [kẻ ấy] thề thốt: "Nếu sau này phản đạo sẽ bị quả báo thê thảm như thế nào đó!" Thề thốt rồi mới được truyền đạo. Sau này, dẫu người nào biết là sai, nhưng vì sợ ông thần canh lời thề nên thà chết chẳng dám rời bỏ đạo ấy để học Phật pháp.

Giả sử ngoại đạo bỏ bí truyền để công khai, làm cho khắp mọi người cùng nghe, cũng chẳng buộc người khác thề thốt, thì người trong khắp cõi đời có mấy ai chịu vào đạo của chúng? Cố nhiên bọn chúng chẳng có đạo, trộm lấy cái danh liễu sanh tử của Phật pháp để thực hành chuyện luyện đan, vận khí, giữ gìn thân thể. Dẫu có khiến cho tâm hạnh thanh khiết thì cũng bất quá là thành tiên mà thôi! Địa vị của tiên còn kém xa trời, huống gì là [đem địa vị Tiên so với] các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát ư? Ông đã quy y Phật pháp, hãy nên triệt để vứt những pháp ngoại đạo đã tu trước kia ra ngoài biển cả Đông Dương, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng uổng cuộc sống này và dịp gặp gỡ này!

106. Thư gởi y sĩ Mã Tinh Tiều

Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dẫu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thần thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, trị bệnh cho người, thì trong lúc trị thân bệnh, hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phàm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn nằm mới chóng lành bệnh. Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay. Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này biết đâu do đây sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh thì đối với người ấy, đối với ông đều có ích lợi lớn lao.

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vàn chớ nên dính đến chuyện ăn nằm. Hễ nhiễm vào chuyện ăn nằm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng

thật khó khăn lắm! Dẫu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bấy bớt, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe. Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô "y sĩ chẳng có bản lãnh thật sự!" Bất luận nam hay nữ (đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi - hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đấy cái danh của ông cũng được rạng rỡ. Thường là y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đấy chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống hồ là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích "sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc" ư! Cổ nhân nói: *"Bất vi lương tướng, tất vi lương y"* (chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy, gọi vị y sĩ là *"đại quốc thủ"*. Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, thật là nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghiệp. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có chí mong lợi người, phát Bồ Đề tâm bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư?

Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán [bệnh nhân sẽ] tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ hám lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu lợi ích kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo. Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý vờ như vô ý nhàn đàm, khiến cho người nghe dần dần mở mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là "dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm!" Nay hiện đang là tình thế hoạn nạn, thiên tai, nhân họa thường xuyên giáng xuống. Bất luận gặp phải những tai ương, hoạn nạn như nước, lửa, đao binh, đói kém, ôn dịch, sâu rầy, châu chấu, hạn hán, lụt lội, oán gia đối đầu v.v… chỉ chịu chí thành khẩn thiết thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, chắc chắn có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành hên.

Hơn nữa, nữ nhân khi sanh nở niệm Quán Thế Âm chắc chắn sẽ an nhiên sanh nở, không bị đau khổ. Dù đã lâu chưa sanh được, sắp chết, nếu chịu niệm thì sẽ lập tức sanh được (phải niệm ra tiếng, chớ nên niệm thầm trong tâm. Do lúc ấy, cần phải dùng sức để tống đứa con ra. Nếu niệm thầm ắt sẽ bị tổn thương thành bệnh. Những người săn sóc chung quanh cũng niệm thay cho người ấy. Những người

trong nhà không ở trong phòng sanh cũng nên niệm giùm. Bất luận ở trong phòng sanh hay ở ngoài, hễ niệm đều có lợi ích. Lúc bình thường khi ngủ nghỉ, và khi áo mũ không chỉnh tề, và chưa rửa ráy, súc miệng, tắm gội, tiêu tiểu, đến chỗ không sạch sẽ, đều nên niệm thầm. Niệm thầm công đức vẫn giống hệt [như niệm ra tiếng]. Niệm ra tiếng [trong những lúc ấy, tại những nơi ấy] không hợp nghi thức, chứ hoàn toàn chẳng phải là không thể niệm!) Người đời vô tri coi chuyện này là chuyện đáng sợ, dẫu bình thường là người có tín tâm cũng chẳng dám dạy người khác niệm, cho là lõa lồ bất tịnh, hễ niệm sẽ bị tội. Chẳng biết lúc ấy liên quan đến tánh mạng của cả mẹ lẫn con, Bồ Tát chỉ chuyên chú độ sanh, lúc ấy chỉ dốc lòng thành, lõa lồ bất tịnh chính là chuyện bất đắc dĩ, không thể so với chuyện cố ý không cung kính làm ra như vậy! Chịu niệm thì đứa con liền sanh, chẳng những không có tội lỗi mà còn làm cho cả mẹ lẫn con cùng gieo thiện căn (điều này thấy từ kinh Dược Sư, chứ không phải là Quang bịa chuyện).

Nếu lúc bình thường cần phải hết sức kiền thành, thật sạch sẽ, chẳng thể dẫn lúc [sanh nở] ấy để làm lệ được, khinh mạn bất kính thì tội lỗi ngập trời! Phàm những ai là người niệm Phật đều không biết chuyện này; trước kia, Quang chẳng biết đến sự sai lầm trong tập tục, cho nên trong Văn Sao hoàn toàn chẳng nhắc tới. Về sau, do hiểu sâu xa, nên thường nói với hết thảy mọi người, những kẻ y theo không một ai chẳng được hiệu nghiệm ngay. Đây là một đầu mối để lợi người vậy.

107. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Hòa (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 18 - 1929)

1) Do Huệ Hồng chuyển thư đến, biết ông sẵn có túc nhân, vừa nghe Phật pháp liền sanh chánh tín. Nhưng người học Phật ắt phải dốc lòng giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục cái lễ, đừng làm các điều ác, vâng hành các điều lành, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người. Kẻ làm được như thế chắn chắn trong hiện đời có thể dự vào bậc thánh hiền, lâm chung lên thẳng cõi Cực Lạc. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hòa, nghĩa là dùng trí huệ để điều hòa thân tâm, chẳng cho chấp lệch lạc vào các thứ kiến chấp Không - Hữu, tham - sân - si v.v… Lại còn dùng Giới - Định - Huệ, từ bi, hỷ xả v.v… hòa hợp hòng làm căn cứ tự lợi, lợi tha, ngõ hầu chẳng dẫm theo vết bọn cuồng đồ tự phụ cao minh trong mấy lúc gần đây, mà cũng chẳng rớt vào bọn ngu phu kém hèn, tự yên phận.

2) Con người sống trong thế gian nguy hiểm muôn vẻ, một hơi thở ra không hít vào được, chẳng biết sẽ lại có hình dạng như thế nào. Ông đã đầu thai vào loài người, may là tâm địa sáng suốt, một niềm hiếu thuận, nhân từ, khôi phục được bản thể. Nếu như mê muội, sẽ khó quay về! Phải biết: Đây

vẫn còn là tin tức tốt lành nhất, nếu đầu thai vào dị loại thì càng nguy hiểm hơn. Do vậy, biết rằng: Chúng sanh trong lục đạo đều không có giống nhau hay khác biệt, đều theo nghiệp thọ báo, không sanh ở chỗ nào nhất định. Ông đã trải qua nạn ấy, tâm hãy nên quyết định cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu do cơn nguy hiểm này sẽ vĩnh viễn hưởng yên vui. Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngữ Lục đã thỉnh được. Lại còn các sách đã in gần đây đóng thành sáu gói gởi đi, mong hãy xem xét, thâu nhận. Chuyện ăn chay là do chẳng biết con người và súc vật luân hồi, sanh ra lẫn nhau, giết hại lẫn nhau, lầm lẫn cho rằng con người nên ăn chúng nó, chúng nó [sanh ra là] để cho con người ăn. Đến khi đầu thai vào loài ấy mới biết những suy tính trước kia là sai lầm.

Ông đã trải qua một phen nguy hiểm ấy, cố nhiên hãy nên gắng sức tu học, ăn chay. Nếu ở hàng quán, thật khó tự do [ăn chay theo ý muốn] thì cũng nên sanh tâm bất nhẫn, sanh tâm độ thoát, bớt ăn một chút thì tốt lắm. Nếu có thể tự do, hãy chớ nên ăn. Lại nữa, tu hành pháp môn Tịnh Độ đương nhiên chẳng phải ở chỗ xuất gia hay không! Ông trên có mẹ già, dưới có vợ con, nếu bỏ mặc không hỏi tới, tự cầu yên vui thì đối với Phật pháp lẫn thế pháp đều mắc tội lớn, vì chẳng thể tận hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận. Dù có tu trì, công khó địch lại tội, huống gì chẳng thể tu trì ư? Quán Kinh dạy rõ Tịnh nghiệp chánh nhân của tam thế chư Phật: Thứ nhất là "*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp".* Cách tu này được chư Phật khen ngợi. Người tại gia tu hành hiện thời so với bốn mươi năm trước kia đông đảo gấp mấy chục lần, đâu có bao giờ nghe nói người tại gia chẳng tu hành tốt đẹp đâu? Ông chỉ y theo những điều đã nói trong các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục của tôi mà tu, chắc chắn sẽ có thể cùng với cha mẹ, vợ con ông cùng được "sống thì làm bậc thánh hiền, mất đi dự vào Liên Trì Hải Hội", mới biết lời tôi quyết chẳng dối gạt ông!

108. Thư trả lời cư sĩ Trạch Phạm

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Những người đàn bà niệm Phật ở vùng Giang - Chiết, thảy đều là tin nhận lý lẽ vô lý của ngoại đạo, chỉ biết cung kính, khiết tịnh, chẳng biết luận định theo sự việc, cho nên mới có cái thuyết mù quáng ấy gây hại trong thế gian khiến cho người ta bị lầm lẫn chẳng cạn. Trước kia, Quang chẳng biết đến những thứ tà thuyết ấy nên trong Văn Sao tuyệt chẳng nhắc đến. Sau này mới biết rõ tệ nạn ấy, nên thường nói với hết thảy mọi người. Có ai khó sanh hãy y theo đó mà niệm thì không một ai chẳng lập tức được an nhiên sanh nở. Người niệm Phật đi, đứng, nằm, ngồi đều khéo niệm, nhưng lúc ngủ

nghỉ và khi mũ áo không chỉnh tề, tay chưa rửa, miệng chưa súc, cùng lúc tắm gội, tiêu tiểu cũng như khi đến chỗ ô uế, đều nên niệm thầm trong tâm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm công đức vẫn chẳng giảm bớt, chứ niệm ra tiếng thì không hợp nghi thức.

Nếu đàn bà gặp khi sanh nở, chỉ nên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát (do Quán Thế Âm Bồ Tát bi nguyện sâu nặng, chứ không phải là chẳng được niệm Phật chỉ được niệm Quán Âm, chớ có hiểu lầm) do đức Quán Âm tâm cứu khổ sâu nặng, nhưng phải niệm ra tiếng rõ ràng, trọn chớ nên niệm thầm trong tâm. Niệm thầm trong tâm thì so ra sức yếu hơn, hiệu quả cảm thông cũng nhỏ. Hơn nữa, lúc ấy phải dùng sức tống đứa con ra; nếu đang dùng sức tống đứa con ra lại niệm thầm sẽ bị tổn khí thành bệnh. Chính sản phụ tự niệm ra tiếng rõ ràng, những người trông nom trong phòng sanh cũng niệm ra tiếng rõ ràng, người nhà ở phòng khác cũng nên niệm cho sản phụ ấy. Chớ nên bảo "lõa lồ bất tịnh, nếu niệm sợ bị mắc tội lỗi!" Phải biết: Lý cố nhiên có nhất định, nhưng sự biến đổi, chứ không phải chỉ có một! Chỉ nên dựa theo sự để luận lý, đừng luận theo kiểu chấp lý hẹp hòi. Ví như con cái lỡ dại té vào hầm xí, nước, lửa, kêu cha mẹ để cầu cứu, cha mẹ nghe tiếng liền đến cứu ngay, trọn chẳng đến nỗi vì thân thể của chúng nó không sạch sẽ, áo mũ không chỉnh tề mà chẳng chịu cứu vớt, mặc kệ cho chúng nó chết! Phẩm đức của Bồ Tát sâu xa hơn cha mẹ vô lượng vạn vạn lần. Khi chúng sanh bị khổ cầu cứu Ngài, [Bồ Tát] chỉ có ý niệm cứu khổ, trọn chẳng có ý niệm so đo hình dạng!

Hơn nữa, lúc ấy là lúc không làm sao khác được, chẳng thể biểu thị sự cung kính, sạch sẽ, đành lõa lồ, bất tịnh! Nếu có thể [cung kính, sạch sẽ] mà không làm sẽ thành có tội. Nếu chẳng thể tỏ lộ vẻ cung kính thì chỉ nên luận theo lòng thành quy hướng trong tâm, đừng bàn đến chuyện lễ mạo, nghi thức nơi hình tướng. Bồ Tát không khổ nào chẳng cứu, không nạn nào chẳng cứu, lẽ đâu lại bỏ rơi sản phụ? Tuy trong kinh chưa nói đến rõ ràng, nhưng hãy nên suy tưởng cái tâm "cứu khổ mong dứt bặt nỗi khổ lớn lao trong đời người để thỏa từ tâm" của Bồ Tát! Huống chi trong kinh Dược Sư, đoạn kinh đức Phật dạy sản phụ niệm Phật Dược Sư như sau: *"Nếu có nữ nhân đang lúc sanh nở, chịu nỗi khổ cùng cực, nếu có thể chí tâm xưng danh, lễ bái, tán thán* (xưng danh thì sản phụ làm được, còn lễ bái, tán thán, cung kính, cúng dường chính là chuyện của người nhà, chứ sản phụ không thể làm được), *cung kính, cúng dường đức Như Lai ấy, mọi nỗi khổ đều trừ"* ("Mọi nỗi khổ đều trừ" thì chẳng bị khổ gì! Đứa con sanh ra được lợi ích lớn lao không thể diễn tả được! Sản phụ niệm thì được lợi ích lớn lao như thế, lẽ nào người niệm Phật vừa bước vào phòng bà đẻ thì công đức niệm Phật thường ngày liền hoàn toàn bị mất sạch hay sao? Kẻ vô tri tự lập hạn định, tự lầm, lầm người. Tội há thể cùng tận, đáng thương thay). Đứa con sanh ra thân thể trọn vẹn, hình sắc đoan chánh, ai thấy đều hoan hỷ, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh, không bị phi nhân đoạt mất tinh khí. Có thể biết rằng

lúc sanh nở chịu niệm thì chẳng những vô tội mà cả mẹ lẫn con đều an toàn, được lợi ích lớn lao, gieo đại thiện căn. Sản phụ còn như vậy thì những người khác [cứ suy ra] ắt biết được.

Ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam (trong Văn Sao có nhắc đến tên ông này) là người Hồi Hồi[166] (người Hồi Hồi quy y chỉ có một gia đình này), vợ chồng họ và năm đứa con đều gởi thư xin quy y. Mùa Thu năm Dân Quốc 18 (1929) gởi thư cho biết: Vợ ông ta sanh năm đứa con, hai lần đầu còn bình an, lần thứ ba liền băng huyết, lần thứ tư thứ năm càng nguy ngập hơn. Nay chẳng bao lâu nữa sẽ sanh, nếu bị băng huyết lần nữa, chắc sẽ mất mạng, xin chỉ cách cứu vớt. Quang bảo họ chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, lúc đang sanh nở tuy lõa lồ, bất tịnh, chớ nghĩ vì lẽ đó chẳng thể niệm được! Lại cần phải niệm ra tiếng, chớ nên niệm thầm. Ông ta lại xin đặt sẵn pháp danh cho thai nhi. Thư Quang gởi đến, vợ chồng ông ta cùng xem, vợ ông ta niệm liền. Ngày hôm sau liền sanh, trong lúc đang sanh vẫn niệm, được an nhiên không khổ sở! Ông ta liền viết thư phúc đáp cho biết chuyện vượt ngoài ý nghĩ, Bồ Tát thật có thể nói là đại từ đại bi vậy! Từ mùa Thu năm Dân Quốc 15 (1926) trở đi, Tăng Quảng Văn Sao in xong, bất luận văn tự nào đều nhất loạt chẳng giữ lại bản nháp để khỏi uổng tiền ấn loát. Do gần đây biết sâu xa thói tệ này, luôn thường nói chuyện lợi - hại với hết thảy mọi người, mong họ lan truyền điều này để cứu vớt sẵn nỗi hoạn nạn và tánh mạng của sản phụ cùng đứa con. Dẫu có ai không thông cảm, cho là Quang ưa nói chuyện bà đẻ cũng chẳng tiếc gì, chỉ mong cứu vãn thói ác này khiến cho mọi người cùng sanh chánh tín mà thôi!

109. Thư trả lời cư sĩ Châu Đức Đại

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Pháp môn Niệm Phật chú trọng tín nguyện, nhưng chưa được nhất tâm cũng có thể vãng sanh. Đắc nhất tâm nhưng không có tín nguyện, vẫn chẳng được vãng sanh! Người đời phần nhiều chú trọng nhất tâm, chẳng chú trọng tín nguyện, tức là đã đánh mất cái quan trọng cốt lõi nhất. Nếu lại còn sanh

---

[166] Hồi Hồi, còn gọi là Hồi tộc, Hồi Hột, là một danh từ chung để chỉ những người theo đạo Hồi ở Trung Hoa. Trước kia, danh từ này được dùng với nghĩa rộng hơn để chỉ chung tất cả giáo đồ Hồi giáo và các quốc gia theo đạo Hồi. Từ đời Thanh trở đi, chữ Hồi Hồi được dùng để chỉ riêng những dân tộc thiểu số theo đạo Hồi tại Trung Hoa, như dân Duy Ngô Nhĩ (Uigur) ở Tân Cương, dân Đông Hương Hồi ở Cam Túc, dân Tán Lạp ở Thanh Hải, dân Hồi Cương, Đột Quyết sống dưới chân Thiên Sơn chẳng hạn. Dân Hồi Hồi có nguồn gốc từ Trung Á như Ả Rập hoặc Iran v.v…

khởi mối nghi "chưa đắc nhất tâm, sợ rằng chẳng được vãng sanh" thì hoàn toàn trái nghịch với lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mất rồi! Kiểu suy nghĩ này tợ hồ là suy nghĩ tốt, nhưng thật ra, nếu do đây càng tăng thêm tín nguyện để đạt đến nhất tâm thì đó là cách suy nghĩ tốt; còn nếu do chưa được nhất tâm bèn thường nghĩ chẳng thể nào vãng sanh được thì sẽ trở thành cách suy nghĩ xấu, chẳng thể không biết! Muốn được nhiếp tâm quy nhất, điều quan trọng nhất là tâm thiết tha vì sanh tử, điều thứ hai là khẩn thiết chí thành, điều thứ ba là phải chân thật niệm từ trong tâm, miệng đừng lem lém đọc qua. Nếu vẫn chẳng thể quy nhất, hãy nên dựa theo cách Thập Niệm Ký Số trong Văn Sao, ắt sẽ dễ dàng tự đạt được quy nhất.

110. Thư trả lời cư sĩ Sa Dung Chi
(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Làm phận con, đạo làm vẻ vang cha mẹ là tận lực thực hành Tu Đức ngõ hầu hết thảy mọi người đều do kính trọng ta mà nghĩ đến đấng sanh ra ta, đấy mới là phương pháp thiết yếu nhất. Thường hay thấy người đời, sau khi cha mẹ khuất núi rồi bèn đi khắp nơi tìm những người có danh tiếng, có địa vị để nhờ viết lời tán tụng, chứ chẳng chú trọng tự mình gắng công tu đức, làm điều nhân nghĩa khiến cho cha mẹ được vang danh. Tôi thường nói: *"Người đời phần nhiều chuộng danh ghét thật, đặc biệt muốn phô trương một chốc, chẳng nghĩ tới chuyện kỷ niệm suốt đời!"* Ông đã tin nhận Phật pháp, cha ông cũng đã biết nghĩa lý *"tâm sẵn có đầy đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là"*. Phàm ma chay, chôn cất, kính thần, đãi khách, mọi chuyện đều nên y theo sự chế định của đức Phật, chẳng dùng rượu thịt, ngõ hầu xướng suất cả làng [noi theo gương tốt đẹp ấy].

Quang già rồi, tinh thần, công phu, mục lực đều chẳng đủ. Chỉ soạn mười sáu câu tụng[167], chẳng thể viết bài ký Sanh Tây. Ông hãy tự viết, hoặc xin bậc cao nhân khác viết. Gần đây, những chuyện bút mực do người khác nhờ vả Quang đều nhất loạt thoái thác, chẳng phải do không muốn nhọc công vì người khác, mà vì sức chẳng kham nổi! Trong thư ông hoàn toàn chẳng nhắc đến danh tự của cha ông, nên trong phần đầu chỉ đành để trống chỗ hai chữ, xin hãy đề thêm vào. May là cha ông đã được vãng sanh, mẹ ông vẫn còn, cố nhiên nên khuyên chỉ sẵn, ngõ hầu cụ chết sạch cái tâm [mong cầu] hết thảy phước báo nhân thiên vinh hiển hư huyễn trong thế gian, lấy quyết chí vãng sanh hòng siêu phàm nhập thánh làm chí hướng sự nghiệp thì lợi ích lớn lắm. Phàm làm những Phật sự trong khi tang lễ đều

---

[167] Xin xem bài "Ca tụng hạnh cao đẹp của ông Sa Tuyết Phảng" trong phần Tán Tụng của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ.

nên lấy niệm Phật làm chánh. Nếu niệm kinh, bái sám, làm đạo tràng Thủy Lục thì ít được lợi ích thật sự vậy!

111. Thư trả lời cư sĩ Trương Hải Kiều ở Nam Thông

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Trong lúc vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống này, gặp lúc chuyện tương lai chẳng thể suy tính được này, đã là hạng phàm phu sát đất, đầy đủ Hoặc nghiệp, chẳng thể chuyên tâm dốc chí học Phật, lại cứ muốn ngay trong đời này sẽ giải quyết được đại sự sanh tử vốn chẳng thể giải quyết xong trong trăm ngàn vạn ức kiếp, mà nếu chẳng lấy chuyện cầu sanh Tịnh Độ làm chí hướng, sự nghiệp thì sợ rằng chỉ có nhân, chứ không thể do đâu đạt được cái quả! Quang tự lượng là phận độn căn, lúc mới xuất gia liền quy y nơi Tịnh Độ. Lại do hơn năm mươi năm trải đời, tuy chẳng hiểu rành Phật pháp chi hết, nhưng đối với pháp Tịnh Độ cố nhiên do [đã sẵn] cái chí từ thuở ban đầu nên chưa hề lầm lẫn! Đối với hết thảy những ai hữu duyên đều dùng [pháp này] để kính khuyên.

Biển sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời, muốn trong đời này giải quyết xong đại sự này mà bỏ một pháp Tịnh Độ, đừng nói chi không thông suốt hết thảy pháp môn, dù có thông cũng chẳng thể rốt ráo được hưởng lợi ích thật sự! Vì sao vậy? Do hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử; còn pháp môn Tịnh Độ nếu đầy đủ tín nguyện, niệm danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương liền có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. So sánh hai pháp thì sự khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với vực! Huống chi đương lúc đại kiếp đón đầu này, vẫn cứ muốn nghiên cứu kinh luận sâu thẳm, chẳng lấy pháp "hễ siêu bèn vào thẳng địa vị Như Lai" này làm chí hướng, sự nghiệp thì sợ rằng khó thể mãn nguyện mà sẽ thành ra than dài sườn sượt *"mười người hết chín kẻ chần chừ"!*

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Độ, nghĩa là quy y pháp môn Tịnh Độ được nói ra bởi trí huệ của Phật để tự hành, dạy người, ngõ hầu nương theo Phật từ lực vượt thoát sanh tử, nên có tên là Huệ Độ. Ông biếu Quang tám đồng, Quang bèn gởi cho ông tám đồng kinh sách. Nếu chịu lắng lòng đọc tụng những kinh ấy, mở xem các thứ trước thuật, sẽ tự có thể biết cái nhìn của Quang không lầm! Lại cần phải biết nay đang là đời loạn đã đến mức tột cùng, không có thuốc chữa! Nguyên nhân đều là do học thuyết Tống Nho bài xích nhân quả, luân hồi ươm mầm từ tám chín trăm năm trước, đến nay liền bộc phát! Nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm, nếu chẳng nêu rõ cái gốc họa này, dù có muốn vãn hồi cũng khó thể được, vì nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ chúng sanh, là pháp để trị

bệnh cả gốc lẫn ngọn vậy. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ rày chỉ nên y theo những kinh sách đã gởi mà tu, chẳng cần gởi thư đến nữa để đôi bên khỏi mất công nhọc nhằn!

112. Thư trả lời cư sĩ Địch Trí Thuần

(năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn có tên là Văn Tuyển)

Thư của ông và thư của Liên Phương đã nhận đủ cả rồi. Ông có thể trì được kinh Lăng Già, có thể nói là xưa đã có thiện căn. Pháp ấn tâm chẳng phải chỉ hạn cuộc tại chỗ ấy. Nếu có thể tuân theo [lời dạy của Bồ Tát] Đại Huệ[168] trong phẩm Đoạn Nhục, phàm thấy hết thảy những sinh vật đều coi như cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, quyến thuộc thì môn ấy sẽ rộng mở, không pháp nào chẳng nhập được! Nếu thật sự nhập được môn này (tức "tưởng hết thảy sinh vật như ruột thịt, không ăn thịt chúng nó") dẫu chưa đạt được pháp ấn tâm, so với những kẻ đã đắc pháp ấn tâm kia nhưng chưa chịu nhập môn này thì công đức cách biệt như trời với vực! Bởi lẽ, một đằng là hiểu xuông nhưng chẳng có tâm đại Bồ Đề, một đằng là thật hành đạo Bồ Đề.

Vả nữa, đừng cho lời tôi là sai. Dẫu chưa đạt được tâm ấn của Phật, của Tổ, nhưng đem công đức này hồi hướng vãng sanh, hễ được vãng sanh liền lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, thân cận Di Đà và thánh chúng, sẽ đích thân chứng được tâm của Phật, của Tổ. Chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh tử, chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp, tuy sở ngộ giống như Ngũ Tổ Giới (Ngũ Tổ là tên chùa. Sư Giới thiền sư từng làm Trụ Trì chùa Ngũ Tổ ở Hoàng Mai nên cõi đời gọi ngài là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh cũng chỉ được kết quả [thân sau trở thành] Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công[169]. Đường sanh tử xa xôi, đời sau, đời sau nữa, chẳng biết kết

---

[168] Đại Huệ (Mahāmati) là vị Bồ Tát thượng thủ, đương cơ của kinh Lăng Già.

[169] Tăng Lượng (1019-1083), tự Tử Nhân, người xứ Kiến Xương, Nam Phong (nay là huyện Nam Phong, tỉnh Giang Tây), là một nhà văn nổi tiếng thời Bắc Tống, được xếp vào Đường Tống Bát Đại Gia (tám văn gia, thi sĩ nổi tiếng thời Đường Tống). Từ năm 18 tuổi, do theo cha du ngoạn, ông viết bài Du Tín Châu Ngọc Sơn Tiểu Nham Ký, rất được giới văn sĩ thời ấy tán thưởng. Năm 20 tuổi, ông ngao du khắp Trung Hoa, giao du rộng rãi với những danh nhân đương thời như Vương An Thạch và Âu Dương Tu. Ông đỗ Tiến Sĩ năm 1057, làm quan đến chức Trung Thư Xá Nhân, chuyên trách biên soạn sử liệu cho triều đình. Theo truyện ký, mẹ ông vốn là phu nhân của Tể Tướng Tăng Dịch Chiêm, là một tín đồ rất hâm mộ Phật pháp, thường cúng dường hòa thượng Thảo Đường Thanh rất trọng hậu. Khi Tể

quả lại như thế nào? Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, dưới là từ Ngũ Nghịch, Thập Ác, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát đều nên tu tập, đều có thể siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Tất cả hết thảy những pháp cao sâu huyền diệu khác phần nhiều khế lý, nhưng trọn chẳng thể khế hợp khắp cả ba căn cơ thượng, trung, hạ. Chúng ta từ vô thỉ cho đến tận đời này vẫn còn lưu chuyển trong luân hồi, đều là vì trong những đời trước do ngu muội nên chẳng dám gánh vác, hoặc do cuồng dại nên hoàn toàn chẳng tin nhận mà ra!

Quang nói điều này [vì] sợ ông vẫn để chí nơi kinh Lăng Già, lấy chuyện đắc tâm ấn của Phật làm chí hướng, sự nghiệp thì kết quả sẽ giống hệt như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh mà thôi! Ông đừng học theo bậc đại thông gia, hãy chết lòng trọn ý, tuân theo [lời dạy trong] phẩm Đoạn Nhục tu Tịnh nghiệp thì chắc chắc có thể sanh về Tây Phương được! Quang mục lực chẳng đủ, chẳng thể viết tường tận. Trong mùa Xuân, một đệ tử ở Vô Tích đã in cuốn Đồng Mông Tu Tri[170], một nửa phía sau in kèm theo Phật Pháp Cảm Ứng cũng như mấy bài văn của Quang, cũng có thể giúp cho việc tự lợi, lợi tha. Sách Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết trong ma chay, cúng tế) cũng là đạo trọng yếu để dứt tai, trừ họa, tôn trọng cha mẹ, mến yêu cha mẹ. Mỗi thứ gởi hai bản, một để tự giữ, một bản tặng cho người khác xem. Đấy cũng là những sách trọng yếu để người học Phật thay đổi phong tục vậy.

113. Thư trả lời cư sĩ Đậu Trí Duệ

(năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn có tên là Liên Phương)

Đức Phật dạy: *"Chư Phật dĩ bát khổ vi sư, cố đắc thành vô thượng giác đạo"* (Chư Phật lấy tám khổ làm thầy, cho nên được thành giác đạo vô thượng). Nếu ông không có bệnh, sợ rằng trong đời này chẳng có nhân duyên nghe đến Phật pháp. Cao Tử Khâm dùng Văn Sao để trị chứng bệnh của ông. Ông có thể y theo Văn Sao tu trì thì chắc chắn có thể vãng sanh Tây

---

Tướng Tăng Dịch Chiêm cáo lão hồi hưu rất vinh hiển, Thanh Thảo Đường sanh tâm hâm mộ, bèn nói: "Lão tăng nguyện làm con của phu nhân". Nói xong, không lâu sau bèn viên tịch năm 70 tuổi, liền đầu thai vào nhà họ Tăng. Khi đó, phu nhân nhớ lại lời Thanh Thảo Đường, cho người sang chùa hỏi thì quả nhiên hòa thượng mất đúng vào lúc Tăng Lượng được sanh ra.

[170] Đồng Mông Tu Tri (trẻ nít cần biết) là một cuốn sách dạy nhi đồng, do Lý Dục Tú biên soạn vào đời Thanh, nội dung dạy những điều cần thiết về phép ứng xử và bổn phận làm người của đứa con trong gia đình. Về sau, ông Giả Tồn Nhân cũng sống vào đời Thanh, tu chỉnh, nhuận sắc, đổi tên sách này thành Đệ Tử Quy.

Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. [Những lời lẽ trong bộ] Văn Sao của Quang đều là lấy những lời của Phật, của Tổ đã nói rồi tùy theo căn cơ mà nói cho dễ hiểu, chứ thật sự không có một câu nào nói mò. Ông có thể y theo đó tu hành sẽ tốt hơn gặp mặt Quang nhiều lắm. Hiện thời chẳng bằng được trước kia, nhất cử nhất động đều có chướng ngại. Huống chi tuổi già đường xa, gặp nhau ích gì? Không gặp nhau tổn hại gì? Dẫu có khai thị cũng chỉ là những lời lẽ trong Văn Sao, há có lý nào mới mẻ được nói riêng ư? Ngàn phần mong ông đừng tới, cứ lấy tâm khế hợp nhau coi như đã gặp gỡ là được rồi! Điều quan trọng thứ nhất là ăn chay, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao. Thư của Địch cư sĩ (tức ông Địch Trí Thuần) viết thẳng một lèo cũng là nhằm để khai thị cho ông. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Duệ, đọc Văn Sao sẽ biết chỗ quay về, nương tựa. Trí thức ấy có thể gọi là Trí Duệ (trí huệ thông minh, sáng suốt) vậy!

114. Thư chỉ dạy cư sĩ Sài Dã Ngu
(pháp danh là Trí Thao)

Ai cũng đều có thể làm Nghiêu, Thuấn, ai nấy đều có thể thành Phật. Chỉ là *"thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh. Hễ mê thì Phật là chúng sanh, hễ ngộ thì chúng sanh là Phật"*. Hãy cầu theo đó, mấu chốt tại ta. Do vậy, cố nhiên hãy nên trên kính mộ chư thánh, dưới coi trọng linh tánh của chính mình, dè dặt, kiêng sợ, gắng sức, phẫn chí tu trì. Sốt sắng vâng giữ luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sáng dậy tối ngủ chẳng khiến người sanh ra ta phải hổ thẹn. Người làm được như thế chính là hiền, là thiện, chẳng đến nỗi nhơ nhớp trời đất. Lại còn sanh tín phát nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong đích thân chứng được Phật Tánh sẵn có, viên thành vô thượng Bồ Đề mới thôi.

Đại trượng phu sanh trong thế gian, nếu chẳng biết đại thể, chỉ biết ham mê ăn uống, nam nữ, tham cầu thanh sắc, của cải, lợi lộc thì có khác gì các dị loại, nỡ để tư cách "có thể trở thành Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật" biến thành căn cứ để luân hồi kiếp số dài lâu trong lục đạo, chịu đủ mọi nỗi khổ, chẳng đáng buồn ư? Ông đã phát tâm quy y Tam Bảo, hãy nên lấy *"niệm niệm đối trị phiền não tập khí làm gốc, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục cái lễ, sửa ác tu thiện, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, tu ròng Tịnh nghiệp"* để tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là họ hàng, bè bạn, xóm giềng, làng nước đều cùng được tưới gội bởi sự giáo hóa của Phật, cùng trở thành người lành thì mới chẳng uổng cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Sách Trung Dung nói: *“Nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cổ, hoạch hãm tịnh chi trung, nhi mạc chi tri tỵ dã”* (Con người ai cũng tự cho là mình thông minh, nhưng nếu thân bị hãm vào lưới rập, sụp hầm bẫy, chẳng biết tránh né ra sao)[171]. Do chỉ biết hướng ra ngoài theo đuổi, chẳng biết hồi quang phản chiếu nên mới tai hại như thế. Nếu có thể phản chiếu tự tâm, ẩn giấu cái trí để mong tự chiếu thì sẽ có thể học thánh, học hiền, học Phật, học Tổ, ắt còn sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất sẽ lên cõi Cực Lạc. Đấy chính là đại ý của cái tên Quang đặt cho ông vậy. Lại chỉ vì *“thánh đánh mất ý niệm bèn thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh, mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật”*. Bốn câu này nếu chẳng khéo hiểu chắc sẽ đến nỗi nẩy sanh nghi ngờ, bàn luận sai lầm. Nay sẽ giải thích đại lược: Thoạt đầu nói đến thánh hay Phật đều là ước theo bản thể của tự tâm mà nói, chứ không phải là đã thành thánh hay thành Phật! Kế đó, nói đến “đánh mất ý niệm, khắc chế ý niệm, mê, ngộ” chính là luận trên sự tu trì, rèn luyện thuận hay nghịch. Cuối cùng, nói “thành cuồng, thành Phật, thành thánh, tức là chúng sanh, tức là Phật” chính là nói đến hiệu quả ước theo sự tu trì nghịch hay thuận. Nếu chẳng biết Phật và Thánh được nói trong phần đầu là nói theo bản thể của cái tâm, sẽ tưởng là đã thành thánh, thành Phật lại còn trở thành cuồng, thành chúng sanh thì tai hại lớn lắm! Do vậy, chẳng thể không giảng đại lược cho ông. Những điều khác hãy đọc kỹ trong Văn Sao, tự đọc sẽ biết hết!

115. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng

Chuyện phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm kiêng giết, bảo vệ sanh mạng của đồng nhân, thực hành ý niệm bất nhẫn trắc ẩn của chính mình mà thôi. Người đời đông đúc, tâm hạnh mỗi người mỗi khác. Tuy chẳng thể cảm động toàn bộ mọi người, dầu chỉ cảm động được một người thì suốt một đời kẻ ấy đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng, huống chi chẳng phải chỉ có một người [bị cảm động mà thôi]!

Nếu nói “cá nhỏ bị cá lớn ăn, dẫu có thả trong sông to cũng khó khỏi sa lưới rập” thì kiểu suy tính này tợ hồ có lý, nhưng thật ra đã ngăn trở thiện niệm của người khác, giúp người ta tạo sát nghiệp. Kẻ ấy may mắn được làm người, bản thân có lẽ chẳng đến nỗi bị giết chóc nên mới nêu ra lý lẽ vô lý đó để tỏ ra mình có trí hòng khuất phục kẻ phóng sanh. Nếu kẻ ấy là cá và là các sanh mạng lúc sắp bị giết, chắc chắn sẽ chẳng chịu khởi lên thứ ý tưởng

[171] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích. Theo sách ấy, chữ Chư (諸) ở đây chính là cách viết giả tá của chữ Ư (於).

ấy, chỉ mong có người cứu mạng cho mình, chẳng hề có ý tưởng "dù có được loài khác cứu, vẫn sợ sau này lại bị loài vật khác ăn thịt hay bị người khác bắt được", chỉ nguyện cam tâm bị giết để sau này khỏi gặp tai ương nữa! Nếu trong lúc ấy mà khởi lên được ý niệm ấy thì vẫn chưa đủ để tranh cãi! Huống chi muôn vàn phần là trong lúc ấy chẳng thể nào khởi lên được ý niệm ấy! Trong lúc không bị dính dáng đau đớn, lại thốt ra lời ấy ngăn trở thiện niệm của người ta, dấy động cơ duyên giết chóc của người ta! Nếu kẻ ấy trong đời sau chẳng tự thọ lấy quả báo ấy thì mặt trời, mặt trăng sẽ [từ phương Tây] xoay sang phương Đông, trời đất sẽ đổi ngôi vậy! Há nên thốt lời xằng bậy ư?

Cá lớn nuốt cá nhỏ cố nhiên có chuyện ấy, đã thả ra rồi bị bắt lại cũng chẳng thể không có chuyện ấy. Nếu nói cá nhỏ bị cá lớn ăn sạch không còn sót gì thì chẳng hề có sự lý ấy! Những con vật được thả đều bị người ta bắt lại hết cũng chẳng hề có sự lý ấy! Sao lại lo lắng quá đáng như thế? Ví như cứu giúp dân chúng bị nạn thì cho [người ta] một manh áo hoặc một bữa ăn, họ cũng chẳng đến nỗi phải bị chết ngay. Trong lúc ấy bèn nói: "Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể no ấm suốt đời được? Cho họ có ích lợi chi đâu, chẳng thà để họ chết rét, chết đói thì sẽ chẳng bị chết đói, chết rét lâu dài ư?" Lại như cường đạo cướp bóc người ta, [nếu được] kẻ có sức mạnh chống cự, kẻ ấy (tức nạn nhân) sẽ nói: "Nếu ông có thể chống cự suốt cả đời thì tốt lắm, chứ chỉ chống cự được một chốc, có ích gì đâu? Đâm ra chẳng bằng cứ mặc kệ cho nó cướp sạch hết đi, sau này sẽ chẳng lại bị cướp đoạt nữa thì hay hơn!" hay sao? Cha mẹ thường nuôi nấng vỗ về con cái, nhưng mẹ hiền chẳng thể nuôi nấng, vỗ về thân đời sau của đứa con, nó sẽ nói: "Chẳng thể nuôi nấng, vỗ về, chẳng thà giết đi thì hơn!" hay sao?

Quân tử tu đức, chẳng vì điều thiện nhỏ mà không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Những kẻ cứ mong muôn điều chẳng sót một điều nào rồi mới chịu thực hành phóng sanh sẽ làm cho người trong cả cõi đời dẫu sống hết tuổi thọ đều chẳng thực hiện chuyện kiêng giết, phóng sanh, trong tương lai ắt họ sẽ lâm vào cảnh "muôn người không một ai có thể cứu cho mình khỏi chết được!" Buồn thay, đau đớn thay, khôn ngăn dài dòng bày tỏ!

116. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên

Ngày hôm qua nhận được thư cho biết trong số những vị hương thân nơi chỗ ông có Phan Trọng Thanh ở Trương Gia Khẩu gởi thư đến muốn được quy y. Người này tánh chất chân thành, chất phác, về mặt học vấn cũng có nghiên cứu. Ông ta đã phát tâm, Quang chỉ nên tùy duyên. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Thuần, do hết thảy chúng sanh đều sẵn đủ Phật Tánh, tức là đều sẵn đủ Phật Huệ; nhưng do tham - sân - si v.v… xen tạp vào trong

nên Phật Huệ bèn trở thành tri kiến của chúng sanh. Nay đã biết Phật Huệ vốn sẵn có, bèn chú tâm kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng để cho tri kiến tham - sân - si v.v… phát sanh. Lại hãy nên dùng lòng tín nguyện sâu để trì danh hiệu Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp thì Huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được điều này chẳng để mất thì vãng sanh Tây Phương sẽ vừa thuần vừa dễ. Đến khi Phiền Hoặc hết sạch, phước trí viên mãn thì Huệ sẽ thuần đến tột bậc, viên thành Phật đạo. Người đời thường lầm lạc bảo mình có trí huệ, chẳng biết trí huệ là vàng còn trong quặng, hoàn toàn chưa sử dụng được, cần phải luyện ròng khiến cho những chất xỉ quặng (những tạp chất) hoàn toàn tiêu hết thì mới được lợi ích. Đại ý là như vậy, mong hãy chuyển [những ý nghĩa này] đến cho [ông ta]. Người học Phật chú trọng vào việc tận tụy thực hành. Con người hiện thời phần nhiều mong sao miệng lưỡi nhạy bén, [tức là] kể tên những món ăn thật hay, thật đẹp, nhưng vô ích cho cái bụng rỗng tuếch, đáng buồn thay!

117. Thư gởi cư sĩ Ngụy Mai Tôn[172] (mười sáu lá thư)
(năm Dân Quốc 11 - 1922. Ông này vốn tên là Gia Hoa, Mai Tôn đến năm Dân Quốc 18 (1929) mới quy y, lúc này còn coi như là bè bạn)

1) Mùa Đông năm ngoái, [Vương] Ấu Nông gởi thư đến nói các hạ tín tâm chân thật, thiết tha. Quang nói: Biết rõ hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật Tánh, nhưng chưa thôi ăn thịt được, tức là *"phú quý học đạo nan"* (giàu sang học đạo khó). Nào ngờ chưa đầy ba bốn tháng, các hạ liền thôi ăn thịt. Ấu Nông lại gởi thư tường thuật đầu đuôi, do lòng tinh thành cảm vời ra đó chăng? Hay chỉ là chuyện phù hợp ngẫu nhiên? Người học đạo muốn đoạn được tập khí cần phải có nghị lực, nếu chần chừ thoái thác sẽ tiếp tục lâu dài, trọn không khi nào dứt được! Các hạ đã trừ được tập khí phú quý, cố

---

[172] Ông Ngụy Mai Tôn (1862-1933), tên thật là Gia Hoa, tự là Mai Tôn, hiệu Trinh Sĩ, người xứ Giang Ninh, đỗ Tiến Sĩ thời Quang Tự, từng làm quan đến chức Hàn Lâm Biên Tu, rồi Tri Phủ Đông Xương tỉnh Sơn Đông, quan tước đến Tam Phẩm, rất nhiệt thành hộ vệ Phật pháp và làm chuyện từ thiện như mở viện mồ côi tại chùa Pháp Vân trên sông Tam Xoa, lập ao phóng sanh... Ông này được Tổ nhắc đến rất nhiều lần trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên. Trong lần khai thị tại pháp hội Hộ Quốc Tức Tai ở Thượng Hải, Tổ có nhắc đến chuyện ông Ngụy Mai Tôn hỏi Tổ xin dạy cách đoạn trừ thói quen ăn thịt, Tổ khuyên nên đọc kỹ bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh trong Văn Sao (tức bài Sớ Quyên Mộ Tu Bổ Ao Phóng Sanh ở Nam Tầm).

nhiên dễ dàng thành tựu Tịnh nghiệp! Mai sau cao đăng Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn, hầu đức Di Đà dài lâu, đích thân theo gót hải chúng, sẽ lại phân thân hiện bóng trở vào đời ác Ngũ Trược này độ thoát chúng sanh, đều do nghị lực ấy làm cơ sở, may mắn nào hơn?

Do một người bạn khuyến khích, Quang bèn in An Sĩ Toàn Thư dạng thâu nhỏ ngõ hầu phổ biến rộng khắp để mong vãn hồi thế đạo nhân tâm, nhưng người thưa đức bạc, người nghe theo [sự xướng suất này] ít ỏi, đến nay mới chỉ quyên mộ in được hai vạn hai ba ngàn bộ sách mà thôi. Năm ngoái đã muốn gởi thư các hạ mong giúp đỡ quyên mộ ấn hành; nhưng do bận bịu giảo chánh và các việc khác không rảnh rang nên để trễ nãi đến nay. Ông Trương Quý Trực ở Thông Châu buôn bán phát đạt, giàu có dư dả, nhiệt tâm làm chuyện công ích. Trộm nghĩ: Quang lưu hành An Sĩ Toàn Thư chính là mưu tính lợi lạc cho quốc dân, biện pháp làm chuyện này trọn chẳng tệ hại. Nếu ông ta biết được, cũng sẽ bỏ ra một khoản tiền lớn để mong làm chuyện cứu nước cứu dân không lưu lại dấu vết, nhưng Quang trọn chưa hề gặp gỡ, chẳng tiện gởi thơ khuyên. Nếu các hạ xót thương tấm lòng ngu thành của Quang hãy nên gởi thư kính khuyên. Nếu ông ta chịu phát đại tâm in mấy vạn bộ, hoặc mấy ngàn bộ thí cho quốc dân thì may mắn chi hơn? Dẫu cho ông ta chẳng phát tâm thì lòng nhiệt thành của các hạ đối với quốc dân cũng đã phát lộ, thành tựu Tịnh nghiệp cố nhiên là vừa sâu vừa rộng.

2) Các hạ túc căn sâu dầy, nên có thể từ lời dạy của Triệt Ngộ Lão Nhân liền sanh lòng cảnh tỉnh lớn lao, đấy chính là "thời tiết nhân duyên gặp đúng lúc, trọn chẳng phải là ngẫu nhiên!" Do kính trọng ngài Triệt Ngộ, bèn khen ngợi Quang quá mức khiến người ta thẹn thùng khôn ngằn! Sách An Sĩ [Toàn Thư] đã quyên mộ được hơn ba vạn bốn ngàn bộ, cũng tạm thỏa ý nguyện ngu muội [của Quang]. Tiên sinh Quý Trực hứa sau này sẽ theo đuổi chuyện ấy, thật là công đức không chi lớn hơn, sớm hay muộn cố nhiên chẳng khác gì nhau! Nay tai họa chiến tranh sắp xảy ra, bầu không khí chiến tranh tràn ngập. Cư sĩ Vưu Tích Âm đã đăng tải trong các báo ở Trực Lệ, Phụng Thiên, Bắc Kinh, Tân (Thiên Tân), Lỗ (Sơn Đông), Biện (Khai Phong) cho giới quân nhân biết để họ gởi thư thỉnh An Sĩ Toàn Thư hầu mong tiêu diệt kiếp họa. Trách nhiệm gởi sách đều giao cho những người tại các tỉnh ấy lo liệu chuyện gởi tặng. May là các cư sĩ ở những tỉnh [nhận trách nhiệm] biếu sách lo năm ngàn bộ, tự mình chỉ phải lo hơn một ngàn bộ, hơn bốn ngàn bộ kia để tùy tiện kết duyên.

Thoạt đầu, Quang muốn gởi cho Đốc Quân, Tỉnh Trưởng các tỉnh mỗi người một trăm bộ. Chỉ mình Tỉnh Trưởng Thiểm Tây là chịu trách nhiệm một ngàn bộ, Đốc Quân tỉnh Chiết Giang năm trăm bộ, Tỉnh Trưởng [tỉnh ấy] một trăm bộ, chẳng gởi nữa thì vẫn có dư sách. Do ông Tích Âm lo cái họa

chiến tranh sắp xảy ra nên càng gấp rút, phân tán hết số sách ấy trong giới quân nhân mấy nơi. Hơn nữa, ông Tích Âm có một trăm bộ, Quang có khoảng năm sáu trăm bộ, và ông Lưu một trăm bộ, ông Hoàng hai trăm bộ, và ba bốn người bạn nữa của Quang giữ tổng cộng hơn một ngàn bộ, gộp lại cũng được hơn hai ngàn bộ. Tính dùng hơn sáu ngàn bộ sách ấy làm công cụ tiêu diệt tai họa chiến tranh. Nếu Phật, trời gia bị, chắc sẽ chuyển biến ngấm ngầm. Dẫu như Quang chẳng có đức hạnh khó thể cảm thông thì cũng giảm bớt được sự khốc liệt! Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian dùng để bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".* Nay nước loạn, dân khốn cùng, tình hình sau này khó thể tưởng tượng được đều là do những người đang cầm quyền chẳng biết nhân quả mà ra! Kế sách trong hiện thời ngoại trừ việc đề xướng cho nhân quả được sáng tỏ thì dẫu là thánh nhân cũng chẳng biết [xoay sở ra] làm sao, huống gì bọn vô tri vô thức chúng ta? Vì thế, đem những lời khuôn phép của tiền nhân để làm hướng dẫn cho tương lai của cõi đời này, tuy chẳng thể khiến cho mọi người đều tuân theo, cũng chẳng đến nỗi không một ai chẳng chịu nương theo. Chỉ có cách này là có thể ngầm giúp cho quốc kế, dân sanh. Đây là chuyện ông Tích Âm và Quang miệt mài cầu viện các bậc quân tử, mong được tán thành, hỗ trợ để cuối cùng có hiệu quả thật sự.

Các hạ gương trí treo cao, chẳng tiếc hơi sức khuyên lơn, phát khởi, do công đức ấy sẽ vãng sanh Thượng Phẩm, hầu hạ đức Từ Phụ Di Đà, kề cận Quán Âm, Thế Chí, cùng vào Sa Bà tùy loại hiện thân để độ thoát hết thảy! Quang nói lời này chẳng phải là dối trá, các hạ chỉ nên giữ vững mười sáu chữ của ngài Triệt Ngộ *("thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật")* thì ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy!

3) Năm xưa, ông Tiền đến núi này, được một phen gặp gỡ. Mùa Xuân năm ngoái Văn Sao in xong, tôi gởi thơ nhờ Trương Vân Lôi tặng cho ông ta một bộ. Sau đấy, nhận được thư của Vân Lôi báo ông ta đã mất rồi, khôn ngăn than thở cảm khái! Mạng người vô thường, phải tính sẵn kế quay về chắc chắn! Ông ta đã phát tâm in tặng Nhất Hạnh Cư Tập[173], chắc là do thiện tâm ấy sẽ vãng sanh Cực Lạc. Nếu không, chủng tử Tịnh nghiệp đã gieo sâu rồi, khi tái sanh chắc chắn sẽ thâm nhập pháp môn này! Các hạ túc căn sâu dầy, có thể đem phú quý, học vấn, tập khí trên toàn thân bỏ hết xuống được,

---

[173] Nhất Hạnh Cư Tập: Tác phẩm của Bành Thiệu Thăng, nội dung bao gồm những nhận định, văn chương nhằm phát huy yếu chỉ Tịnh Độ Tông rất tinh diệu của ông Bành. Năm Càn Long 50 (1785), ông Bành ngụ tại Văn Tinh Các ở Tô Châu, tu Nhất Hạnh tam-muội, chuyên tâm niệm một đức Phật, do vậy gọi chỗ mình ở là Nhất Hạnh Cư. Vì thế, tổng tập những trước tác có liên quan đến Phật giáo của ông được đặt tên là Nhất Hạnh Cư Tập.

hằng ngày dùng sáu chữ hồng danh Di Đà để làm cảnh buộc tâm, lại dùng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, Phát Bồ Đề Tâm Luận của ngài Thiên Thân v.v… để phấn chấn tinh thần, mở rộng chí nguyện, trong hiện tại đã hiểu tâm đạt gốc, lâm chung mau chóng lên Thượng Phẩm là điều đương nhiên có thể đoán trước được! Vô thỉ luân hồi đến nay chấm dứt. Một đằng do vui, một đằng do sợ nên chẳng tiếc sức hiện thân thuyết pháp để phổ độ hết thảy những kẻ hữu duyên. Bộ An Sĩ Toàn Thư do ông Giang Khiêm đề xướng có thể được lưu truyền rộng khắp cũng là do lòng chân thành tán dương của các hạ cảm vời ra.

4) Hiện thời, Tăng phần nhiều ngu muội, tầm thường, chẳng thể hoằng dương, xiển phát sự nhiệm mầu của đạo khiến cho hết thảy kẻ gian muốn mượn công để lợi tư, mưu đoạt Tăng sản. Họ đặc biệt mượn cớ mở trường học hòng hủy chùa đuổi tăng, đến nỗi người suốt đời cẩn thận là ông Vương Thiết San[174] thuận theo lời cầu thỉnh của họ, thốt lời khen ngợi là [làm như vậy] chẳng hại gì đến pháp, lại hợp tình mọi lẽ, đã cẩn thận suy xét châu đáo, thỏa đáng, thật đáng khâm phục, ra lệnh cho các huyện trong cả tỉnh Giang Tô tuân hành xử lý. Chẳng ngờ ông Thiết San lại lầm lẫn, ngạo ngược đến tột cùng như thế! Nếu thi hành lệnh ấy, chắc chắn các tỉnh sẽ đua nhau bắt chước theo. Đốt cả rặng Côn Luân,[175] ngọc lẫn đá đều cháy, có khác gì đời Tam Vũ[176] diệt Phật đâu? Nhưng trong đời Tam Vũ, cao nhân như rừng, dẫu

---

[174] Vương Thiết San là tỉnh trưởng tỉnh Giang Tô thời ấy.

[175] Côn Luân là một rặng núi lớn ở phía Tây Trung Quốc, dài đến 2.500 km, chạy từ cao nguyên Pamir đến tận tỉnh Thanh Hải. Núi vừa cao vừa rộng, nên được người Trung Hoa thần thánh hóa, coi như là chỗ thần tiên ở, vương cung của Tây Vương Mẫu (bà chúa tiên) nằm trên ngọn núi này. Tương truyền, trên núi có rất nhiều ngọc quý ẩn ngầm trong đá.

[176] "Tam Vũ diệt Phật" là ba lần chánh quyền hủy diệt Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa do Bắc Ngụy Thái Vũ Đế (408-452), Châu Vũ Đế (543-578) và Đường Vũ Tông (840-846) chủ trương. Về sau này lại còn Châu Thế Tông (921-959) nhà Hậu Châu hủy diệt Phật pháp một lần nữa nên sử thường gọi là *"Tam Vũ Nhất Thế chi họa"*. Nghe lời Tư Đồ Thôi Hạo và đại sĩ Khấu Khiêm Chi, Ngụy Thái Vũ Đế đàn áp Phật giáo. Năm Thái Bình Chân Quân thứ bảy (446), vua hạ lệnh xử tử các sa-môn ở Trường An, phá hoại hết thảy kinh tượng. Không lâu sau vua bệnh chết, con là Văn Thành Đế lại phục hưng Phật giáo. Châu Vũ Đế nhà Bắc Châu tin lời sàm tấu của các đạo sĩ Trương Tân và Vệ Nguyên Tung, có ý phế Phật. Lúc ấy các vị Chân Loan, Đạo An, Tăng Miễn ra sức biện hộ nên chưa phế bỏ. Đến năm Kiến Đức thứ hai (573), vua hạ lệnh phế bỏ cả Đạo giáo lẫn Phật giáo, hủy hoại kinh tượng, buộc tăng sĩ, đạo sĩ hoàn tục, chỉ giữ lại hai trăm đạo sĩ có

gặp cảnh nguy ách tạm thời, rốt cuộc lại phục hưng lớn lao! Nếu nay thực hành theo lệnh ấy thì Phật pháp diệt vong chỉ còn là chuyện thời gian!

Cư sĩ túc nguyện rộng sâu, hạnh trong hiện đời thuần dốc, gặp phải chánh sách sai lầm này, dám mong chẳng tiếc hơi sức, nêu cặn kẽ lẽ lợi - hại với Đốc Quân, Tỉnh Trưởng và [chỉ ra] điều lệnh do Đại Tổng Thống đã ban hành năm ngoái. Nếu thủ tiêu được lệnh này thì may mắn chi bằng! Nếu họ không nghe, vẫn mong ông khẩn cầu lệnh sư là tiên sinh Phùng Hao Am[177] và tiên sinh Trương Quý Trực cùng ra tay cứu viện ngõ hầu [lệnh ấy] chẳng trở thành sự thật. Quang một là không có môn đình, hai là không quyến thuộc, lại do tuổi xế bóng rất gần, có gì mà phải lo lắng, nhưng vì trong lúc này lòng người chìm đắm đã đến cực điểm, đạo đức, nhân nghĩa xem nhẹ như mảy lông, pháp luật, hình phạt, chánh lệnh trọn chẳng kiêng nể! Nếu có

---

danh tiếng ở Trường An. Năm Kiến Đức thứ sáu (577) vua băng, Phật giáo mới lại phục hưng. Thời Đường Vũ Tông, bọn Tể Tướng Lý Đức Dụ v.v... chủ trương bài Phật. Nghe lời sàm tấu của bọn chúng, cũng như do tham lam, muốn chiếm đoạt Tăng sản, năm Hội Xương thứ năm (845), vua hạ chiếu chỉ giữ lại bao nhiêu đó chùa và chừng ba trăm Tăng, còn lại đều hủy bỏ, buộc Tăng ni hoàn tục, đem tượng Phật, chuông, khánh đúc thành tiền đồng, nông cụ… Sử gọi là Hội Xương Pháp Nạn. Năm sau, vua chết, Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo. Trong số những ông vua bạo ác này, Châu Thế Tông (Sài Vinh) nhà Hậu Châu là hung hăng nhất. Năm Hiển Đức thứ hai (955), vua thực hành chánh sách bài Phật để có tiền trang trải chiến tranh. Vua hạ chiếu phế bỏ tất cả tự viện (sử ghi là ba vạn ba trăm ba mươi sáu ngôi chùa), hủy hoại tượng Phật, tịch thâu chuông, khánh, bạt, linh để đúc tiền, sung công toàn bộ điền sản của nhà chùa. Lúc ấy, ở Trấn Châu có tượng Quán Âm bằng đồng rất linh thiêng, nên tuy chiếu chỉ ban xuống, không ai dám phá hủy. Vua nghe vậy, đích thân đến chùa, cầm búa đập vào ngực tượng Phật, mặc cho người xem run sợ. Năm Hiển Đức thứ sáu (959), vua lên miền Bắc đánh nhau, tự nhiên ngực mọc ra mụn nhọt độc rất to, đau đớn không chịu nổi, mất trên đường hành quân. Triệu Khuông Dẫn thừa cơ chiếm binh quyền lập ra nhà Tống, nhà Hậu Châu diệt vong.

[177] Phùng Hú (1843-1927), tự là Mộng Hoa, hiệu Hao Am, về già thường xưng là Hao Tẩu, hay Hao Ẩn, người huyện Kim Đàn, tỉnh Giang Tây, đỗ Tiến Sĩ năm 1886, làm quan đến chức Án Sát Sứ tỉnh Tứ Xuyên và Tuần Phủ tỉnh An Huy. Sau Cách Mạng Tân Hợi (1911), ông về sống tại Thượng Hải, chuyên tâm về văn chương, tham dự biên soạn bộ Giang Nam Thông Chí, trước tác nổi tiếng nhất là bộ Mông Hương Thất Từ. Do có danh phận và đạo đức, ông rất được những người có chức quyền tỉnh Giang Tô thời ấy coi trọng.

thể xương minh đạo nhân quả luân hồi báo ứng ba đời của đức Như Lai thì dù là kẻ đại gian cực ác cũng chẳng đến nỗi trọn chẳng có một niệm kiêng sợ quả báo đời sau, gột rửa cái tâm khi trước. Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh".*

Đời lắm kẻ có cái nhìn thiển cận, phải biết: Từ địa vị phàm phu cho đến khi thành Phật đều chẳng ra ngoài nhân quả. Nếu hiểu sâu nhân quả thì người bậc thượng liền minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân, kẻ bậc hạ cũng có thể sửa lỗi làm lành, mong thành thánh, thành hiền, có ích lớn lao cho thế đạo nhân tâm! Trong lúc chế độ quân chủ bị phế bỏ, Nho giáo suy vi này, chẳng dùng Phật pháp để giúp cho việc cai trị là đã đánh mất thời cơ, huống hồ lại miệt mài lấy chuyện hủy chùa đuổi Tăng làm nhiệm vụ cấp bách? Họ bèn nói: "Tăng đều tầm thường, ngu muội, hoàn toàn vô ích cho nước, cho dân", nào biết một khi lệnh ấy được thi hành, dù có vị Tăng chân tu thực sự tu tập cũng sẽ bị xếp vào loại đáng xua đuổi. Ấy là muốn giữ gìn mạng mạch của quốc gia, nhưng lại đoạn mạng căn trước! Cái tội của Vương Thiết San ngập tràn hư không mười phương. Kẻ do lệnh của Thiết San mà làm chuyện này thì tội cũng chẳng khác gì Thiết San! Một kẻ đui dẫn lũ mù kéo nhau vào hầm lửa, chính là nói về Thiết San đấy!

5) Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, an ủi. Lời các hạ nói hoàn toàn phù hợp lời của ông Ẩu Nông. Nghe nói đã phái hòa thượng Diệu Liên liên lạc các vị Tăng thủ lãnh các nơi để bẩm báo, trình bày. Nói lý hãy nên thấu triệt, giọng điệu đừng nóng nảy, kích động, quả thật là lời bàn định chí lý! Quang cũng đã trình bày đại lược ý này với ngài Diệu Liên. Phàm mọi chuyện đều nên ngăn ngừa thói tệ lưu hành trước khi nó được tiến hành. Các hạ nói mượn chùa làm trường học thì mỗi năm phải trả tiền thuê, cách ấy rất hay, nhưng chẳng biết cái tệ sẽ vô cùng! Đầu đời Nguyên, đạo sĩ ở nhờ chùa Tăng, phong trào ấy đã dấy lên thì gần như không sao cấm đoán được (vùng phụ cận kinh thành, đạo sĩ chiếm hơn ba trăm ngôi chùa, những nơi xa càng nhiều nữa). Về sau, do Tăng tâu lên phản bác, [Thanh] Thế Tổ (Thuận Trị) hạ lệnh bắt trả lại, chỉ trả được một nửa, nhưng sản nghiệp phần nhiều đã bị họ trộm sẵn mất rồi! Có thể lấy đó làm gương!

Nói chung, kẻ làm chuyện ấy, trước hết đã sẵn lòng mưu mô chiếm đoạt tài sản của Tăng, kết bè kéo đảng những kẻ đồng lòng để đánh phá người khác ý kiến, do muốn được lợi riêng nên thế lực mạnh mẽ khôn ngăn! Chữ Mượn và chữ Đổi, tuy danh khác nhưng quả thật là cùng nghĩa! Các hạ là bậc quân tử đức dầy, chưa xét kỹ người đời nay ngụy kế đa đoan. Nhưng pháp đạo hưng thịnh hay suy vong cố nhiên có số vận nhất định, đương nhiên Quang và các hạ phải tận hết phận sự của con người trước, rồi sau hãy nghe theo mạng trời!

6) Nhận được thư khôn ngăn cảm kích. Nếu thi hành chuyện ấy ắt pháp đạo bị diệt mau chóng. Nếu không do các hạ, Trúc Trang, Ấu Nông v.v… dốc hết sức chống đỡ sẽ không thể nào tưởng tượng được! Bọn Viên - Đường[178] chắc là bè lũ muốn diệt Phật pháp xưa kia, nhưng do cao nhân như rừng, không cách gì ra tay tàn độc hòng thỏa ác nguyện, do nguyện lực xưa kia nên mới có cử chỉ ấy. Nhưng Phật trí soi xét thời cơ, biết có kẻ muốn diệt Phật pháp, nên bèn sắp đặt sẵn khiến cho những vị phá hoại ma lực kia sanh nhằm thời này. Chẳng những pháp đạo không bị ngăn trở, lấn át, mà có thể còn chuyển được tâm ma của chúng, bèn tin tưởng hướng theo Phật pháp, hòng chúng tự biết Phật Tánh sẵn có, do vì trái trần hiệp giác khiến cho chính mình bị tổn hại. Nay đã biết rồi thì trái trần hiệp giác, chuyển lòng mong muốn tự hại trước kia thành tự vệ thì ở mức độ nông cạn sẽ là đổi ác tu lành, gieo phước nhân thiên, còn ở mức độ sâu xa thì sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, đích thân đạt được quả Niết Bàn. Như câu nói*: “Phật pháp như Chiên Đàn hương, hoặc phụng trì, hoặc tiễn đạp, giai đắc hương khí sở huân, nhi đồng nhất khí vị dã”* (Phật pháp như hương Chiên Đàn, dù nâng niu hay giày xéo đều được mùi thơm ướp đượm, có cùng một khí vị). Quang nguyện khi ba vị thành Phật, sẽ đích thân làm hàng đệ tử hộ pháp phụ chánh tồi tà[179] [cho ba vị] hòng báo đáp ân đức ngày nay. Ngay khi họ Viên, họ Đường thành Phật, [Quang cũng nguyện] giống như thế ngõ hầu toàn bộ ma giới biến thành Phật giới, cùng chứng Chân Như Pháp Tánh, cùng trọn vẹn Chủng Trí mới thôi!

7) Hôm qua nhận được thư của ngài Diệu Liên và lời phê của Tỉnh Trưởng, biết chuyện ấy bị tiêu diệt triệt để, cảm động, hổ thẹn khôn sánh. Trộm nghĩ chuyện này nếu không có các hạ và ông Trang (Tư Giam), Tưởng (Trúc Trang), Vương (Ấu Nông) ba vị dốc hết sức duy trì, sợ rằng chẳng triệt tiêu được! Hôm qua đã gởi thư cho Trang cư sĩ, gởi kèm theo lời phê, mong giao cho Bộ Trưởng Nội Vụ lưu hành. Sau này, nơi khác có sự tình như vậy trình lên bộ thì mong hãy căn cứ vào Điều Lệ Quản Lý Chùa Miếu để bác đi,

---

[178] Viên ở đây là Viên Thế Khải, Đường là Đường Thiệu Nghi. Họ Viên từng làm Tổng Lý Nội Các Đại Thần của nhà Thanh. Về sau, khi nhà Thanh bị lật đổ, nhờ mưu mẹo, ông ta nắm giữ quyền lực lớn, trở thành Đại Tổng Thống, rồi sau đó, tự xưng là hoàng đế, lấy niên hiệu là Hồng Hiến. Họ Đường là bạn thân của họ Viên, từng giữ chức Quốc Vụ Tổng Lý (gần như Thủ Tướng). Do ông ta được đào tạo từ trường đại học Tin Lành của Mỹ nên mang tư tưởng bài xích Phật giáo rất mạnh, còn họ Viên thì sẵn lòng gian manh, giảo hoạt, muốn thừa cơ chiếm đoạt tài sản của Phật giáo để thực hiện những mưu đồ đánh gục đối thủ chính trị, rốt cục, ông ta vẫn bị lật đổ.

[179] Phụ chánh tồi tà: Giúp cho điều chánh, đập tan điều tà.

không chấp thuận, ngõ hầu chẳng đến nỗi nếu không có người chống đối sẽ trở thành sự thật! Dẫu có người chống đối nhưng do vậy cũng phải uổng phí tâm lực. Pháp vận thông suốt hay bế tắc chắc chắn đã có số vận nhất định, nhưng chư Phật, Bồ Tát đã sớm biết sẵn. Vì thế, khiến cho các vị ở đúng vào địa phương này, gặp đúng dịp này dốc sức duy trì, ngõ hầu ngọn lửa đốt đồng liền bị dập tắt ngấm! Nguy hiểm cùng cực, may mắn cùng cực!

8) Vụ án của hội Giáo Dục đã giải quyết xong trọn vẹn toàn là nhờ các hạ và Trúc Trang, Ấu Nông ba vị ra sức xoay chuyển khiến cho Tỉnh Trưởng và bộ Nội Vụ đều tuân theo Điều Lệ Quản Lý Chùa Miếu để thực hiện sự bảo vệ. Lời phê của Tỉnh Trưởng đã xét đến cả hai mặt, trọn chẳng tổn thương đến phương diện tình cảm của hội Giáo Dục lại còn tận lực lập cách ngăn ngừa, đề phòng để họ khỏi vượt luật được! Có thể nói dốc trọn thâm tâm hộ pháp khiến cho người khác cảm kích, bội phục vô ngần!

9) Các hạ đặt tên chùa là Pháp Vân, dụng ý rất sâu. Trộm nghĩ Pháp Vân Tự đã trở thành đạo tràng từ thiện bậc nhất của Giang Nam, hãy nên hành riêng một pháp chẳng giống với các nơi. Một là chẳng thế độ, hai là chẳng truyền pháp[180]. Tất cả trụ trì chỉ chọn lấy người hiền, chẳng cần biết là Lâm Tế, Tào Động, Thiên Thai, hay Hiền Thủ! Chỉ cần dốc lòng tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, ngôn hạnh tương ứng là được rồi! Trụ Trì luận theo số thứ tự, chứ không tính theo thế hệ[181]. Ấy chính là đạo tràng đại công vô tư, chứ không như những nơi truyền cho [đệ tử] thế độ, truyền cho pháp đồ, dính vào phạm vi chuyên trọng riêng tư vậy!

10) Tiên sinh Trần Kiếm Đàm tin nhân quả, tính muốn nêu rõ [nhân quả], nhưng lại không chịu niệm Phật, ấy chính là tập khí của văn nhân! Thuở trước, tổ Huệ Viễn do thấy Đào Uyên Minh[182] bụng dạ trống rỗng, khoảng

---

[180] Thế Độ: Thế là cạo tóc, xuống tóc. Thế Độ tức là thâu nhận đệ tử xin xuống tóc, xuất gia làm tăng. Truyền pháp ở đây có nghĩa là thâu nhận môn đệ xuất gia tạo thành pháp phái, môn đình riêng.

[181] Ý nói: Chọn người có tuổi hạ (Tăng lạp) cao, đạo cao đức trọng làm Trụ Trì chứ không truyền theo thế hệ truyền thừa. Chẳng hạn, khi một vị Trụ Trì đã mất hoặc xin thoái hưu, sẽ chọn trong số những vị có tăng lạp cao, có đức hạnh làm vị Trụ Trì kế tiếp, chứ không chọn trong số những vị xuất gia tuổi tuy còn trẻ, nhưng do là đệ tử của sư phụ những vị trưởng lão trong chùa nên thuộc thế hệ trên, đứng vào hàng sư thúc, sư bá của những vị tôn túc lớn tuổi ấy.

[182] Đào Uyên Minh (365-427), tên thật là Đào Tiềm, Uyên Minh là tên tự. Có thuyết lại nói ông ta vốn tên thật là Uyên Minh, tên tự là Nguyên Lượng, sau sang đất Tống bèn đổi tên thành Đào Tiềm. Từ đời Đường, do kỵ húy Đường Cao Tổ (Lý Uyên, cha Đường Thái Tông) nên Đào Uyên Minh

khoát, có thể học đạo, liền mời dự vào Liên Xã. Nhưng ông ta lấy rượu làm tánh mạng, biết Phật môn cấm rượu, chẳng dám nhận lời mời, nên nói: "Cho tôi uống rượu thì tôi đến". Tổ Huệ Viễn tâm đại từ bi bèn chấp nhận. Ông ta đến niệm Phật được ba ngày, cau mày bỏ đi, do chỉ có thể buông xuống, chẳng thể đề khởi. Như bọn ông Kỷ Văn Đạt, Viên Tử Tài[183] đều cùng một bệnh. Họ Kỷ, họ Viên khá tin tưởng nhân quả, thường hay ghi chép sự thật cảm ứng trong Phật pháp, nhưng đều chưa từng lắng lòng nghiên cứu, nên những lời luận định phần nhiều đều là bàn về chuyện thực hành bề ngoài. Ông Viên thoạt đầu báng Phật, về sau lại tin Phật, tuy tin nhưng chẳng thể nghiên cứu, tu trì, đó gọi là "thông minh văn tự chướng". Ông Trần sẽ có ngày thiện căn phát hiện, chưa chắc đã suốt đời như thế.

Nay đã có lá thư gởi cho cư sĩ Cố Hiển Vi hồi năm ngoái (đã chép trong Văn Sao Chánh Biên, quyển hai), tòa soạn báo Chi Giang in ra, đem gởi đến, xin hãy xem để làm trò cười. [Sở dĩ có] lá thư ấy là vì bạn ông Cố là Phan Thừa Ngạc (hai vị đều là người Tô Châu, ông Cố là Tây Tân[184] của ông Hoàng Đạo Doãn ở

---

thường bị viết trại thành Đào Thâm Minh hoặc Đào Tuyền Minh. Ông Đào tự xưng hiệu là Ngũ Liễu Tiên Sinh, vốn là người xứ Tầm Dương (nay thuộc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây) là một nhà văn học lỗi lạc thời Tấn, có rất nhiều bài thơ được truyền tụng trong đời.

[183] Kỷ Văn Đạt (1724-1805), tên thật là Kỷ Quân, tự Hiểu Lam, thụy hiệu là Văn Đạt, người huyện Hiến, tỉnh Hà Bắc, rất thông minh, văn tài lỗi lạc, làm quan đến chức Lễ Bộ Thượng Thư Hiệp Biện Đại Học Sĩ thời Càn Long, rất được vua hâm mộ. Ông chính là người làm công tác Tổng Toản Tu (tổng biên tập) bộ Tứ Khố Toàn Thư Hội Yếu.

Viên Tử Tài (1716-1797), tên thật là Viên Mai, hiệu Tử Tài, bút hiệu Tùy Viên Lão Nhân, người Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Từng ra làm quan, nhưng do tính tình phóng khoáng bèn từ quan, trở về sống trong núi Tiểu Thương thuộc Nam Kinh, lập ra vườn cảnh, đặt tên là Tùy Viên để xướng họa, ăn nhậu, trước tác và nghiên cứu ẩm thực. Ông làm thơ rất hay, văn chương rất ưu nhã. Ông lại soạn riêng một cuốn sách ghi chép những món ăn ngon và cách nấu nướng chúng đặt tên là Tùy Viên Thực Đơn. Cuốn sách này cho đến tận giờ vẫn được coi là một trong những tác phẩm nổi tiếng về nghệ thuật ẩm thực cổ Trung Quốc. Thậm chí, người Nhật còn cho dịch ra Nhật ngữ và tái bản nhiều lần. Cũng giống như Kỷ Hiểu Lam, họ Viên rất thông hiểu và hâm mộ đạo Phật, nhưng do quen thói phóng túng, thích ngâm vịnh, ăn uống, xướng họa, thù tạc nên rốt cuộc cả hai ông đều không thể nào tu tập được

[184] Tây Tân (vị khách ngồi ở phía Tây), còn gọi là Tây Tịch, chính là tên gọi khác của vị giáo sư trong gia đình. Theo Lễ Ký, trong thời cổ, khi tiếp khách,

Ninh Ba, quy y với pháp sư Đế Nhàn), rất thân với ông Cố; ông Cố khuyên ông Phan niệm Phật, ông ta viết thư vặn ngược lại, bảo rằng chẳng thể sanh lòng tin, càng thêm ngờ vực! Ông Cố gởi thư ấy cho Quang, xin Quang hãy đả phá. Quang đem thư gởi lại, bảo đừng giao thư [cho ông Phan xem]. Ông Cố liền gởi thư [cho ông Phan]: *"Lời em chẳng thể khiến cho anh tin được, chẳng thể đoạn lòng nghi của anh; do vậy, đã xin được thư của vị pháp sư X... Thư ấy đã gởi tới, nhưng lời lẽ [trong thư] chẳng khiêm tốn mảy may, nói thẳng tuột không úp mở, chẳng hề kiêng kỵ, sợ sẽ gây đụng chạm, nên chẳng dám gởi"*. Ông ta nói: "Bệnh tôi đã sâu, chẳng phải là thuốc hung bạo như cọp sói sẽ chẳng trị được. Càng chẳng kiêng dè càng hay, hãy gởi gấp đi". Ông Cố liền gởi đi, tâm ông Phan bội phục, bèn quy y với pháp sư Đế Nhàn, nhưng sợ Quang ăn nói thẳng thừng nên trọn chẳng dám gởi thư thăm hỏi! Chuyện ông Trần nhập đạo hãy để từ từ chớ gấp. Ví như nhuộm vải, vải càng dày chắc, nhất định khó bén màu. Nếu bỏ trong vò thuốc nhuộm hơn mười ngày, dẫu chẳng muốn thành màu xanh đậm cũng không thể được!

11) Văn của Quản Đông Minh[185] quả thật là thuốc để trị đúng căn bệnh cho đời hiện tại. Người đọc bài văn ấy sẽ mửa ra chất độc bác nhân quả của bọn Trình - Châu, mà cũng có thể làm chứng cớ cho Ấn Quang đề xướng nhân quả. Cách nói của Trình - Châu là chỉ mong cho cao, chẳng tính đến lợi - hại. Chẳng hạn như làm lành thì coi chuyện "không làm gì mà làm" chính là làm lành, hễ có làm gì để làm lành thì chính là ác! Nếu "không làm gì mà làm" là thiện thì đấy chính là thân phận của bậc đại thánh nhân. Nếu không phải là thánh nhân, chỉ giữ lấy "không làm gì", còn "những gì có làm" sẽ đều chẳng chịu làm! Như vậy là đã mâu thuẫn với tông chỉ "*tự cường bất tức, triêu càn tịch dịch*"[186] vậy! Chịu hiểu rõ lời ông Quản rồi phá vòng vây

---

chủ nhà ngồi ở phía Đông, khách ngồi ở phía Tây. Để tỏ lòng trọng vọng thầy có công dạy dỗ cho con em mình, gia chủ thường dùng lễ đãi thầy như khách quý viếng thăm nên từ đó chữ Tây Tân hay Tây Tịch được dùng để chỉ vị giáo sư của gia đình.

[185] Quản Đông Minh (1537-1608), tên thật là Chí Đạo, tự Đăng Chi, người huyện Đại Thương, tỉnh Giang Tô, là một cư sĩ hữu danh cuối đời Minh, thâm hiểu sâu xa đạo Phật. Ông từng được Hám Sơn Đại Sư khen ngợi qua lá thư gởi cho Ngô Vận Sứ trong cuốn Mộng Du Tập. Ông viết nhiều về Phật giáo, thường khéo léo dẫn dụng những tư tưởng của Nho Gia để chứng minh Nho Học chỉ ngang với nhân thiên thừa trong Phật giáo, hướng dẫn giới Nho Sĩ hướng về Phật giáo. Bài văn được nói đến ở đây chính là Đa Tích Âm Đức (tích lũy nhiều âm đức).

[186] *"Tự cường bất tức"* là một thành ngữ, dựa theo câu giải thích về tánh chất của quẻ Càn trích từ kinh Dịch: *"Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường*

hãm[187] thì quân tử lẫn tiểu nhân đều được lợi ích lớn lao. Nếu các hạ không chép ra lời chân thật cứu đời ấy thì trong Phật pháp nhiều kẻ chẳng tin, trong đạo Nho nhiều kẻ chẳng suy xét, tiền đồ sẽ nguy hiểm. Vì thế, Quang đặc biệt chép thành phần phụ lục của Văn Sao để lợi chung cho người hữu duyên.

12) Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn kinh dị! Ông Phương Tuấn Sanh có thể gọi là người đã bỏ được điều khó bỏ, tuy nhiên, vẫn cần phải tính toán cho cuộc sống sau này của ông ta. Xin các hạ hãy mời ông ta đến Quán Âm Am, cùng các ngài Diệu Liên, Tâm Tịnh v.v… hỏi cặn kẽ xem ông ta còn bao nhiêu ruộng đất. Nếu [tất cả số ruộng đất còn lại ấy] có thể nuôi sống gia đình thì số ruộng nương do ông ta đã phát tâm cúng cho chùa Pháp Vân sẽ dùng để làm công đức cho ông ta. Nếu tất cả số ruộng [còn lại] ấy chẳng đủ để nuôi sống [gia đình] thì hãy nên coi số ruộng [đã cúng cho nhà chùa ấy] như ruộng cho chùa Pháp Vân thuê để cấy rẽ, mỗi năm trích ra tiền huê lợi ra bao nhiêu đó [cho nhà chùa], mặc lòng Pháp Vân trồng trúc, gỗ, ngũ cốc, hay rau dưa, coi như là cơ sở sản xuất của Viện Mồ Côi. Như vậy thì đôi bên mới đều trọn hết đạo, đôi bên đều được lợi ích. Nếu ông ta do bỏ ra những ruộng ấy mà không đủ sống thì quả thật trong tâm chúng ta hết sức chẳng thoải mái, vui sướng cho lắm!

Tuy khế ước [chủ quyền những thửa ruộng] ấy đã giao, phải nên thương nghị như vậy thì mới chẳng phụ họ Phương một phen thực hiện nghĩa cử tốt lành. Nếu ngoài số ruộng ấy, ông ta vẫn còn có đủ ruộng để chi dụng thì sẽ trở thành vị đại công đức chủ bậc nhất của chùa Pháp Vân. Cần phải thỉnh đôi ba vị có đức hạnh trọng vọng đến chứng minh. Người ta đã lo lắng cho mình sâu đậm, thiết tha, mình cũng chẳng thể không lo sâu đậm, thiết tha cho người ta!

---

bất tức”. Hán Điển Thành Ngữ giảng: *“Trời vận hành tự nhiên, có sức mạnh mẽ, quân tử phải nên bắt chước theo đạo trời, không ngừng cầu tiến, chẳng lười nhác trong bất cứ thời khắc nào”.*

“Triêu càn tịch dịch” cũng là một câu giải thích về tánh chất của quẻ Càn trích từ kinh Dịch: *“Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược lệ, vô cữu”.* Sách Hán Điển Thành Ngữ giảng: *“Càn càn là không ngừng gắng sức. Tịch dịch nhược lệ là trời đã tối rồi, người quân tử vẫn ôm lòng đau đáu kiêng dè, kinh sợ như luôn bận tâm vì còn có chuyện gì chưa xong. Cả câu có ý nói: Người quân tử luôn gắng sức hướng thượng, tâm luôn chú ý cẩn thận, tận lực tu tâm dưỡng tánh thì mới không phạm lầm lỗi”.*

[187] Nho gia tin tưởng mù quáng vào lời dạy của Trình - Châu phỉ báng Phật giáo, tuy chưa hề đọc kinh Phật, nên Tổ ví họ giống như bị Trình - Châu nhốt chặt, không cho thoát ra ngoài nhìn trời cao đất rộng.

13) Những chuyện báo ứng của việc sát sanh đã sao lục quả thật có thể khiến cho kẻ hiếu sát nguội lạnh cõi lòng, nhưng các tướng lãnh, sứ quân hiện thời chưa chắc đã chịu đọc! Nếu dự tính dành cho mai sau và những chỗ hiếu sanh, ghét giết chóc thì dường như lại quá hạn cuộc, bởi những chuyện ấy chuyên để nói với những hạng tướng lãnh, sứ quân, có lẽ hạng dân đen sẽ cho là chuyện chẳng liên quan gì tới chính mình. Hơn nữa, hàng tướng lãnh, sứ quân bạo tàn chắc sẽ nghĩ ta châm chích họ bèn căm ghét. Theo như ngu kiến của Quang, có lẽ nên dùng cuốn Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của ông Bành Lan Đài[188], in dưới dạng chữ nhỏ rút gọn, lại thêm

[188] Bành Lan Đài tên thật là Hy Tốc, Lan Đài là hiệu. Ông là cháu của Bành Thiệu Thăng, gọi Bành Thiệu Thăng bằng chú, cũng quê ở Tô Châu, thích ăn chay từ nhỏ, đến tuổi thiếu niên bèn ăn chay trường suốt năm năm. Về sau do bệnh nặng, y sĩ buộc ăn thịt. Do bệnh vẫn không thuyên giảm, ông bèn phát tâm nghiên cứu Phật pháp, giữ Lục Trai, tụng kinh Hoa Nghiêm, công khóa hằng ngày luôn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chưa hề thiếu khoát. Ông Bành Thiệu Thăng thấy tác phẩm Vãng Sanh Tập của Liên Trì Đại Sư quá giản lược nên muốn tiếp tục bổ sung những chuyện vãng sanh mới. Ông Bành Hy Tốc vui vẻ đảm nhiệm chuyện này, thường cùng vợ là Cố Thị khêu đèn biên chép, tạo thành chín quyển, đổi tên thành Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Ngày mồng Ba tháng Năm năm Càn Long 50 (1785), ông vừa bị sốt rét vừa bệnh lỵ, từ phòng ngủ đến thăm mẹ, hoàn toàn không đả động chuyện nhà, chỉ khuyên mẹ chăm chỉ niệm Phật, hẹn sẽ gặp lại mẹ nơi Tây Phương. Trước đó, ba ngày ông đã cho người thỉnh Trừng Cốc hòa thượng đến tận giường bịnh truyền Ngũ Giới, sám hối, phát nguyện. Sáng ngày 13, ông sai gia nhân treo tượng Phật, xoay giường về phía Tây, bảo Đăng Cốc: "Phiền thầy trợ niệm cho con". Đến chiều, ông lâm râm niệm Phật rồi nằm bên hông phải qua đời, mùi hương lạ ngập thất, thọ được 33 tuổi. Vợ ông là Cố Uẩn Ngọc, đã qua đời trước đó, thọ 29 tuổi, trong khi bị bệnh bà đã ngồi niệm Phật qua đời.

Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục là một tác phẩm trích lục từ hai mươi hai bộ sử trọng yếu của Trung Quốc nhằm thuyết minh chuyện nhân quả báo ứng. Nhị Thập Nhị Sử gồm Sử Ký Tư Mã Thiên, Hán Thư, Hậu Hán Thư, Tam Quốc Chí (xin đừng lầm với tiểu thuyết chương hồi Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa của La Quán Trung. Bộ Tam Quốc Chí được nhắc đến ở đây do Trần Đào biên soạn vào đời Tây Tấn), Tấn Sử, Tống Thư, Nam Tề Thư, Lương Thư, Trần Thư, Ngụy Thư, Bắc Tề Thư, Châu Thư, Tùy Thư, Nam Sử, Bắc Sử, Cựu Đường Thư, Tân Đường Thư, Cựu Ngũ Đại Sử, Tân Ngũ Đại Sử, Liêu Sử, Kim Sử. Bành Hy Tốc sống vào đời Thanh, nếu sử dụng những chuyện vào thời Minh và thời Nguyên sẽ dễ bị kết tội "yêu thư, yêu ngôn"

vào mấy bài văn đau lòng rơi lệ để lưu truyền khắp công lẫn tư thì lợi ích lớn lắm. Mấy đầu sách của ông Đinh Phước Bảo những loại nào có thể đưa vào phần Phụ Lục hãy nên in kèm vào đó thì quan chức, sứ quân, kẻ sĩ, dân chúng đều biết được những tấm gương tốt lành, mà không bị khuyết điểm bài xích rõ rệt kẻ đương quyền, ngầm khuất phục được cuồng tâm của con cái [của họ].

Những kẻ đang nắm đại quyền phần lớn đều là do lúc nhỏ chưa nghe thấy những chuyện nhân quả báo ứng, nên trong tâm họ chỉ biết có chính mình, chẳng biết có người khác, chỉ cầu lợi ích cho chính mình, chẳng sợ hại người. Nếu như họ từ lúc bé đã biết hại người còn tệ hại hơn hại chính mình, vì người khác rốt cục sẽ quy về chính mình, chắc chắn họ chẳng chịu do những chuyện nhỏ nhặt như ý kiến [khác biệt], danh lợi v.v.. mà làm cho vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ý của Quang là như thế đó, mong các hạ hãy châm chước. Cũng có thể ấn hành trước ba mươi bảy điều này để cứu vãn cái họa cháy mày. Để sau này đợi khi yên ổn rồi sẽ lại in Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục để làm sách khiến cho mọi người đều được lợi ích, khuyên khắp đồng nhân vậy.

14) Nếu chịu bổ sung, biên tập tường tận bộ Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục tạo thành một bộ toàn thư thì thật là may mắn cho quốc gia, nhân dân. Trước kia, ông Đinh Phước Bảo nói ở chỗ ông ta có sáu bảy loại Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục, hãy nên mượn về, phàm những chuyện không có trong cuốn sách này, đều nên sao lục bổ sung vào. Lại nữa, phần cuối cuốn Dục Hải Hồi Cuồng của bộ An Sĩ Toàn Thư có chép chuyện người biến thành súc vật và chuyện người sanh lên trời, trời trở thành người trích từ Nhị Thập Nhị Sử, cũng nên ghi vào thì những kẻ tri kiến hẹp hòi, câu nệ xem thấy ắt sẽ giật mình một phen, còn kẻ tin sâu nhân quả sẽ nhờ đây mà siêu thoát, bước thẳng vào Như Lai địa.

Khổng Tử soạn kinh Xuân Thu để khen - chê hòng khiến cho loạn thần, tặc tử sợ hãi. Nhưng loạn thần, tặc tử thật ra đâu có sợ lời khen chê, bởi chỉ là một lời gán cho cái danh xuông, rốt cuộc ta đâu có bị tổn thương gì? Nếu đem những chuyện nhân quả cảm ứng và sự tích người và súc vật chuyển biến lẫn nhau trong Nhị Thập Nhị Sử mỗi chuyện đều sao chép ra, kèm theo lời luận định thì kẻ sẵn tánh chất làm loạn, làm giặc xem thấy, há chẳng sợ hãi dựng cả lông tóc, buốt thấu cả xương, rồi từ đấy, xoay chuyển ý niệm mưu tính cho phước báo về sau ư? Như vậy thì chuyện các hạ tiếp nối tâm pháp khen - chê của Khổng Tử để giáo hóa thiên hạ hậu thế, có ai bảo là không đúng?

---

theo luật Đại Thanh nên ông chỉ sử dụng hai mươi hai bộ Sử nói trên để biên soạn tác phẩm này.

15) Trong niên hiệu Đồng Trị - Quang Tự, pháp sư Ngọc Phong hoằng dương Tịnh Độ, chẳng tiếc sức thừa, nhưng Ngài thường hay nói những lời cố chấp, ương bướng, khiến cho người đọc phải đau lòng. Trước kia, ông Tâm Bạch biên tập những câu nói trong Tịnh Tông (tức sách Tịnh Độ Lương Đạo) cũng có tuyển những lời của pháp sư, Quang hoàn toàn gạt bỏ [những câu ấy] đi, vì sợ người ta cho pháp sư Ngọc Phong là tay cự phách trong Tịnh Tông thì di hại chẳng nhỏ. Trong Văn Sao, nơi lá thư tính phúc đáp cho vị cư sĩ X…, người gởi thư dẫn lời của bốn vị Linh Phong, Thành Thời, Triệt Ngộ, Ngọc Phong, nhưng trong lời đáp, tôi chẳng đề cao Ngọc Phong mà cũng chẳng chê trách, cũng là vì ý này. Trong lúc Mạt Pháp này, muốn cực lực đề xướng Tịnh Độ thì hãy nên tỏ rõ tường tận về sự lớn - nhỏ, khó - dễ giữa Phật lực và tự lực, cũng như nêu rõ nguyên do "thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi độn" ngõ hầu chẳng đến nỗi toan khuyên người mà lại đâm ra làm cho người ta sanh hủy báng. Tiên sinh Cốc Nhân chuyên căn cứ theo Sự để hoằng dương, nhưng thường vướng khuyết điểm coi Sự là Lý, như giảng [câu kinh Vô Lượng Thọ] *"lưu kinh lại một trăm năm"* là người ta thọ một trăm tuổi, ấy là chỉ cho chúng sanh giới tận, kinh này mới diệt! [Giảng như vậy] tợ hồ cao thâm, nhưng thật ra làm cho người khác bị lầm lạc. Đấy gọi là "sự - lý rối loạn", chẳng những không thể phát khởi cái tâm "Phật pháp khó gặp gỡ" cho người ta, mà rất có thể còn dập tắt cái tâm dũng mãnh tinh tấn của người khác. Nếu muốn lợi người thì có thể nói sách Di Đà Yếu Giải mỗi một chữ là một hạt châu!

16) Gần đây cả nước như cuồng, bàn luận chuyện ly kỳ. May là các cư sĩ ở Thượng Hải nhiệt tâm hộ pháp tái lập duy trì. Chuyện ở Pháp Vân tôi đã biết đại khái, nhưng do thời cuộc bức bách, rốt cuộc chẳng biết kết quả ra sao? Hiện thời các cư sĩ, sa-môn, bàn bạc chỉ định mười bốn người lên Ninh Ba thỉnh nguyện. Do Hội Giáo Dục đề nghị "chú trọng phế bỏ tài sản của chùa miếu để mở trường học", sợ rằng mọi người đều muốn phát tài, chẳng chịu thỏa hiệp thì Phật pháp toàn quốc ắt sẽ bị tiêu diệt! Nếu pháp đạo chẳng đáng bị diệt ngay, ắt sẽ có Phật, Bồ Tát hiển hiện oai linh lớn lao để có thể duy trì mạng mạch nhà Phật. Nếu không, đối với Ngũ Luân của Khổng Tử họ còn chịu hoàn toàn gạt bỏ, huống chi là Phật giáo đồ hoàn toàn không có thế lực, há có thể chống đỡ chẳng bị diệt vong ư?

(Xét đến vụ án phế bỏ tài sản của chùa miếu để mở trường học là do Thai Sảng Thu thuộc giới giáo dục huyện Đan Đồ tỉnh Giang Tô đề nghị vào năm Dân Quốc 17 (1928) chuyện này đã do vì [tăng chúng, cư sĩ] thỉnh nguyện nên bị thủ tiêu. Năm Dân Quốc 27 (1938), người sao lục ghi chú).

118. Thư trả lời cư sĩ Chiến Đức Khắc (hai lá thư)
(năm Dân Quốc 26 - 1937)

1) Pháp danh của mười chín người quy y được viết trong một tờ giấy khác. Khoản tiền gởi đến bất luận là tiền hương kính hay tiền quyên mộ để in sách đều dùng làm chi phí ấn tống cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy. Hiện thời đã sắp chữ xong, nếu bản [sắp chữ] cuối cùng gởi đến, phải đợi sửa lỗi xong rồi mới in ra sách. In trước ba vạn cuốn để gởi cho những người có tín tâm xa gần. Lần này, tính dùng hết hơn hai trăm ba mươi đồng để gởi đến chỗ ông hơn hai trăm ba mươi đồng tiền sách cho mỗi người đóng góp ấn tống ấy, mỗi người bao nhiêu đó sách, còn dư thì tùy ý chia ra đem biếu.

Chuyện cầu cơ phần nhiều là linh quỷ giả mạo danh nghĩa tiên, Phật. Nếu người hầu cơ vốn sẵn có học vấn thì [lời giáng cơ] văn chương rộng lớn, dài lê thê, nói đến đạo lý thế gian còn thông suốt, chứ nếu luận về Phật pháp là điều chúng nó không biết, nên sẽ coi chuyện luyện đan, vận khí là Phật pháp, hoặc ăn trộm nghĩa lý kinh Kim Cang, nói nhăng, nói cuội, không thể chỉ ra con đường liễu sanh tử cho con người được. Lại hoặc là bịa đặt đồn thổi, dùng những lời lẽ loạn xạ thất điên bát đảo, khiến cho kẻ vô tri tưởng là bí quyết, há chẳng đáng buồn quá sức ư? Đối với chuyện khuyên lơn quyên góp làm những hành động tốt đẹp thì cầu cơ có ích, nhưng hỏi đến tu trì, nói đến Phật pháp thì lại có hại. Vì linh quỷ phần nhiều chẳng thông hiểu Phật pháp nên mù quáng bịa chuyện, hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ. Ông Tôn Thương ở Phụng Hóa, tự là Ngọc Tiên (tuổi chừng tám mươi), rất mê cầu cơ. Bảy năm trước, nói Ngọc Đế thoái vị, Quan Đế là Ngọc Đế mới, đã mở khoa thi. Trạng Nguyên là ông Châu X… ở Kim Hoa, Bảng Nhãn là Dương Chương Phủ ở Vô Tích, Thám Hoa là ông Hứa Chỉ Tịnh ở Bành Trạch. [Ông Tôn] gởi thư cho họ Châu, họ Châu mừng lắm, tuổi đã cao, tám mươi tuổi rồi vẫn tới Thượng Hải họp mặt. Ông Dương cũng rất tin cầu cơ, chẳng biết trả lời như thế nào, liền gởi thư cho ông Hứa Chỉ Tịnh, ông Hứa trọn chẳng trả lời một chữ nào. Ông ta nhiều lần gởi những bài giáng cơ [cho ông Hứa], nhưng [ông Hứa] trọn chẳng phúc đáp. Về sau, không làm cách nào được, lại gởi thư nói: "Tôi đã nhiều lần gởi sách, nhưng trọn chẳng trả lời, chắc là nghe lời pháp sư Ấn Quang không tin cầu cơ! Tôi từng hỏi Lã Tổ[189], Lã Tổ nói: 'Sắt ở đáy biển', sao ông lại tin lời

[189] Lã Tổ: Tên thật là Lã Nham, là một vị đạo sĩ nổi tiếng sống vào cuối đời Đường, đầu thời Ngũ Đại, được xếp vào Bát Tiên, hiệu là Thuần Dương Tử, tên tự là Động Tân. Tương truyền, ông sanh vào cuối đời Đường, từng đi thi nhiều lần, nhưng không đậu, trong quán trọ gặp được ẩn sĩ Chung Ly Quyền điểm hóa bằng cách cho một cái gối, bảo kê đầu nằm ngủ. Lã Nham nằm ngủ, mơ thấy mình đậu Trạng Nguyên, làm quan đến tột phẩm, nắm quyền Tể Tướng, rồi về sau bị gian thần gièm pha, bị lôi ra pháp trường chém đầu, sợ quá tỉnh dậy thì ra chủ quán đang nấu nồi cháo kê vàng vẫn chưa chín.

thầy ấy?" Ông Hứa vẫn không trả lời thư. *"Sắt ở đáy biển"* là vĩnh viễn chìm trong biển khổ, không có ngày ngoi lên được. Ông Tôn đỗ Tiến Sĩ, cũng là người ưa làm lành, tri kiến như thế đó, chẳng thể dùng lý để khuyên dụ được.

Thư gởi đến, đâu cần phải đặc biệt dùng giấy vàng, chỉ chớ nên dùng giấy trắng ngần để khỏi bị lóa mắt mà thôi! Nay đem hai danh sách người quy y và cúng tiền viết vào mặt sau lá thư gởi lại, mong rằng khi sách Kỹ Lộ Chỉ Quy gởi đến hãy khéo chiếu theo số tiền, dựa theo ý muốn của từng người để chia ra gởi tặng. Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên dạy hết thảy mọi người đều cùng niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để dự phòng. Nếu chịu chí thành thường niệm, ắt sẽ được gia bị. Dẫu đại kiếp khó tránh, mọi người đều chết sạch, người niệm Phật sẽ sanh về Tây Phương. Hoặc nếu như tín nguyện chưa đến mức chân thành, thiết tha, cũng phần nhiều sanh vào đường lành. Chớ nên nói: "Chẳng thể tránh khỏi số kiếp, niệm chỉ uổng công thôi!" Phải biết sự sướng hay khổ phải chịu trong đời này chính là do cái nhân thiện hay ác đã tạo trong đời trước chiêu cảm. Cái nhân đã gây trong đời này lại là cái nhân cho quả báo thiện hay ác sẽ phải hứng chịu trong đời sau! Lấy niệm Phật làm nhân thì sanh về Tây Phương; lấy giết, trộm, dâm làm nhân thì đọa trong tam đồ. Đấy chính là lý - sự nhất định.

Sách Vật Do Như Thử[190] (loài vật còn như thế) đã sửa đổi theo thứ tự khác, sắp xếp thành một quyển, mười bốn tấm gương [hiếu nghĩa của loài vật] được xếp nối tiếp nhau, đỡ tốn giấy rất nhiều. Sửa thành bản chữ lớn

---

Bao nhiêu chuyện xảy ra trong năm mươi năm, chỉ là một giấc mộng trong mấy phút (do truyền thuyết này nên có điển tích văn học *"hoàng lương mộng"*). Ông Lã tỉnh ngộ, theo Chung Ly Quyền tu tiên. Lã Đồng Tân đề xướng nhiều biện pháp tu Nội Đan quan trọng nên rất được Đạo gia đề cao. Đến đời Nguyên, năm 1269, Nguyên Thế Tổ sắc phong cho Lã Đồng Tân đạo hiệu Thuần Dương Diễn Chánh Cảnh Hóa Chân Quân, rồi Thuần Dương Diễn Chánh Phù Hựu Đế Quân. Do Vương Triết (tức Vương Trùng Dương), sáng tổ Toàn Chân Giáo, tự xưng ông ta đã được chính Lã Động Tân đích thân truyền đạo, xưng tụng họ Lã là Tổ Sư khai đạo, nên từ đó, Lã Động Tân thường được gọi bằng danh xưng Lã Tổ, hay Thuần Dương Tổ Sư. Tương truyền, sách Công Quá Cách cũng do Lã Tổ truyền dạy.

[190] Vật Do Như Thử là một tác phẩm tập hợp những chuyện tình nghĩa, nhân ái, đạo đức trong giới động vật như quạ biết tha mồi về phụng dưỡng mẹ già v.v.. Tác phẩm này do Từ Khiêm biên soạn vào đời Thanh.

"tam hiệu tự"[191], mỗi trang mười hai hàng, mỗi hàng ba mươi hai chữ, sẽ in ba vạn bản. Đợi đến khi in ra sẽ gởi đến bao nhiêu đó gói sách. Đây là do một đệ tử người huyện Vĩnh Xuân, tỉnh Phước Kiến, đang buôn bán tại Tân Gia Ba gởi về một ngàn sáu trăm đồng, phỏng chừng số tiền ấy đủ cho chi phí ấn tống, nhưng không đủ, phải bù thêm chút ít bao nhiêu đó tiền. Sách này không nói về kiêng giết, nhưng thật ra là sách trọng yếu về kiêng giết. Người có lòng lo cho người khác thấy loài vật hiếu hữu, trung nghĩa, trinh liệt, từ ái v.v… ắt sẽ bị cảm động, ai nấy trọn hết thiên chức của chính mình, lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" để mong sao chẳng bị loài vật xem thường. Loài vật còn như thế, há ta thua kém chúng? Phải gắng sức sốt sắng thực hiện ngõ hầu khỏi bị hổ thẹn! Đối với lý sâu trong Phật pháp, ông Từ Bạch Phảng[192] tà - chánh chẳng phân. Trong sách này chỉ chép những đức tốt hạnh đẹp của loài vật, có ích lớn lao cho đời. Quang có viết lời tựa, nếu chịu đọc kỹ sẽ không mong cầu [mà tự nhiên] học thánh, học hiền, học Phật, học Tổ vậy!

2) Thư hôm mồng Bảy cho đến chiều ngày hôm qua là Mười Sáu mới nhận được, do ở nơi có chiến tranh, giao thông bị gián đoạn mà ra. Pháp danh của mười tám người xin quy y được viết riêng trong tờ giấy khác, mong hãy chia ra gởi đi. Hãy nên bảo bọn họ ai ấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Chớ nên cầu phước báo nhân thiên, phàm phu có phước ắt tạo sát nghiệp! Đã tạo sát nghiệp, khó tránh khỏi sát báo (quả báo do giết hại), huống chi kẻ có phước chẳng phải chỉ tạo sát nghiệp ư? Do vậy, kẻ cầu phước chính là cầu họa cho cả mình lẫn người! Người học Phật không thể không biết nghĩa này!

Ông [Lý] Đức Minh xin mọi người niệm Quán Âm, mỗi người niệm mười vạn câu, phóng sanh một trăm vạn [sanh mạng] để mong tiêu diệt sát kiếp. Đây cũng là công đức không gì lớn hơn. Nhưng hãy nên thường niệm Quán Âm suốt đời. Phàm những người gia nhập hội ai nấy kiêng giết, ăn chay thì mới là biện pháp triệt để. Nếu không, bữa nay bỏ tiền ra mua một số con vật đem thả, nhưng hằng ngày lại mua sanh vật về tự giết, hoặc là mua từ chỗ người ta giết đem bán thì vẫn là một bữa nóng, trăm bữa lạnh, làm sao có thể tiêu trừ sát nghiệp đời trước đời này của mình lẫn người cho được?

---

[191] "Tam hiệu tự" là một lối in với kích cỡ chữ khá lớn, tương đương với font chữ size 32 trong bản in bằng máy vi tính hiện thời.

[192] Bạch Phảng là tên tự của Từ Khiêm. Ông này cũng là tác giả cuốn Hải Nam Nhất Chước, rất mê cầu cơ. Ông này đã được Tổ Ấn Quang nhắc đến trong thư số 75, tức thư trả lời cư sĩ Giang Cảnh Xuân

Phóng sanh là cách để đề xướng kiêng giết, ăn chay; nếu chẳng chú trọng kiêng giết, ăn chay thì số được thả có hạn, số bị giết vô cùng!

Ngày Hai Mươi Tám tháng Sáu, Quang gởi thơ cho các tờ báo, tạp chí tại Thượng Hải cậy đăng quảng cáo Khuyên Khắp Đồng Bào Toàn Cầu Cùng Niệm Thánh Hiệu Quán Âm, mỗi tờ đăng mười ngày. Bản sao quảng cáo ấy gởi kèm theo thư này, do chiến sự ngăn trở chẳng biết ông đã thấy trên báo rồi hay chưa? Lại bảo Tào Hà Kính in năm mươi vạn tờ truyền đơn rộng bảy tấc, phát cho những cơ quan Phật học các tỉnh, chiến sự đã nổ ra, cũng khó thực hiện được ngay! Bài văn ấy chẳng chỉ dùng riêng trong thời chiến mà trong hết thảy mọi lúc đều dùng được! Ông nói đến chuyện nêu rõ sự bắt nguồn của chiến sự và đạo trọng yếu để tiêu diệt [chiến sự] thì Châu An Sĩ nói: *"Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã"* (Người người biết nhân quả là đạo để đạt thái bình lớn lao. Người người chẳng biết nhân quả là đường lối đại loạn vậy). Bởi lẽ, biết nhân quả sẽ xử sự thuận theo thiên lý, ăn nói thuận theo lòng người, do đâu mà có chuyện chiến tranh cho được?

Nếu khinh rẻ các thứ hàng hóa của nước nhà, quý trọng các món hàng nhập cảng, tiền tài của cả nước đều bị chở hết ra ngoại quốc, đấy chính là "chẳng noi theo thiên lý, chẳng thuận theo lòng người" rất lớn, khiến cho kẻ khác dùng tiền tài của chính ta để chế tạo súng ống đánh ta! Do vậy, biết rằng: Những kẻ ưa dùng hàng hóa ngoại quốc đều chẳng thể không gánh lấy cái tội vời người khác đến đánh ta! Từ nay trở đi, hãy thống thiết sửa đổi lỗi trước, học theo Cam Địa[193] (Gandhi) chẳng dùng hàng ngoại quốc, thì tiền

[193] Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948) là một chính trị gia và lãnh đạo tinh thần của Ấn Độ, có công hướng dẫn dân Ấn đấu tranh bất bạo động giành độc lập cho Ấn Độ từ tay Anh quốc. Ông thường được gọi là Mahatma Gandhi. Từng tốt nghiệp Luật Sư, ông đã áp dụng sự đối kháng hòa bình vào cuộc đấu tranh tại Nam Phi. Trong vai trò lãnh đạo đảng Quốc Đại Ấn Độ (Indian National Congress), với chủ thuyết bất bạo động, ông đã liên kết được mọi phần tử khác biệt chính kiến, tôn giáo, giai cấp trong xã hội Ấn Độ để chung sức tranh đấu cho nền độc lập nước nhà. Tuy thế, khi Ấn Độ giành được độc lập, do sự bất đồng chính kiến và tranh giành quyền lực giữa những phe phái tín đồ Ấn giáo và Hồi giáo, Pakistan đòi tách khỏi Ấn Độ. Một tín đồ Ấn Giáo cuồng nhiệt thuộc nhóm quá khích Ấn giáo Mahsabha là Nathuram Godse đã ám sát Gandhi vì cho rằng chính ông ta đã nhu nhược nhượng bộ trước sự đòi hỏi phân ly của Pakistan. Gandhi từng chống đối hàng nhập cảng của Anh, nên đã hướng dẫn một đoàn người đi bộ ra tận biển khơi lấy nước biển làm muối khi thực dân Anh đánh thuế muối, cũng như tự quay xa, kéo sợi dệt vải lấy để khỏi phải dùng vải nhập từ Anh.

của ít bị thất thoát, đất nước giàu mạnh. Lời lẽ này tựa hồ viễn vông, nhưng thật ra quan trọng tột bậc!

Phải biết: Kẻ hiểu nhân quả khi khởi tâm làm việc chỉ sợ mắc phải tội khiên, ắt sẽ sốt sắng hành tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ", suy xét cùng tột tám việc "cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", dẫu là trùng, kiến cũng chẳng dám giết. Kẻ không biết nhân quả tự giết cha mẹ, còn tự khoe công, cực lực đề xướng chuyện biến con người thành loài thú, tính làm cho người trong cả thiên hạ trọn chẳng khác gì cầm thú thì tâm họ mới yên vui, sung sướng! Nhân quả chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh. Nếu bỏ nhân quả thì thánh nhân, Phật, Bồ Tát cũng không bày ra cách nào khác được! Hiện nay đã loạn đến cùng cực, mong tưởng cứu vãn thì phải chuyên chú nơi sự giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng. Lúc con cái mới vừa hiểu biết, mới bắt đầu học nói liền đem những sự lý nhân quả báo ứng v.v… khéo léo khuyên dụ dần dần để un đúc, ngõ hầu chúng sẽ tin sâu nhân quả báo ứng chẳng sai sót mảy may. Đấy chính là căn bản để đạt đến bình trị, dứt trừ tai nạn vậy. Đừng cho đó là chuyện viễn vông rồi coi thường thì may mắn lắm thay!

119. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên (bốn lá thư)

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

(Lúc ấy ông ta còn chưa mê tín chuyện cầu cơ. Đọc bốn lá thư này sẽ biết trình độ Phật pháp của ông Giang. Lão nhân (tức tổ Ấn Quang) đã khuyên lơn, chỉ dạy như thế mà vẫn chẳng thể lãnh hội đôi phần thì đủ thấy rõ ràng [trình độ Phật học của ông Giang như thế nào rồi]! Người sao lục ghi)

1) Những điều đã nói trong thư gởi đến thật là thiết yếu, nhưng điều cần phải chú ý từ đầu đến cuối là nhân quả, luân hồi và giáo dục trong gia đình. Giáo dục trong gia đình thì mẹ dạy con là quan trọng nhất. Nếu lúc con cái vừa mới hiểu biết, mẹ liền đem nhân quả báo ứng và sự lý làm người ra giáo huấn, khi lớn lên sẽ biết tốt - xấu, chẳng bị ác đảng, tà thuyết mê hoặc, sẽ trở thành hiền nhân, thiện nhân. Nếu lúc nhỏ mặc cho nó kiêu ngạo thành thói, lớn lên không tự chủ được, sẽ ngả theo tà thuyết, muốn quay lại đường chánh thì trăm kẻ khó thể được một! Trong lúc hiện nay, nếu chẳng lấy nhân quả báo ứng làm thuốc chuyên trị để cứu nước cứu dân, dù có làm gì đi nữa, vẫn chẳng có hiệu quả lớn lao cho được! Do bọn họ chẳng chú trọng thực hành, chỉ là dùng lời nói xuông bày vẽ cho xong chuyện. Nhân quả chính là cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Phàm phu sơ phát tâm, Như Lai thành Chánh Giác đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ cuồng coi nhân quả là Tiểu Thừa rồi khinh miệt, tự tiện buông lung, làm ác chẳng kiêng dè, và thơn thớt nói xuông những lời lẽ lớn lối!

2) Sách Các Xứ Giảng Diễn Lục[194] (Tập sách ghi chép những bài diễn giảng tại các nơi) nghe nói đã in rồi. Quang mục lực quá yếu, để viết gởi đi và trả lời hai lá thư này, phải dùng cả kiếng lão lẫn kiếng lúp mới thấy được lờ mờ; do vậy, chẳng thể can dự vào [việc giảo duyệt] tập sách Giảng Lục được! [Đối với danh vị] Xã Trưởng Phật Quang Xã của Trương Sư Từ, Quang chỉ mang tiếng xuông, chứ đối với việc giảng diễn, đề từ, ghi lời bạt, sức chẳng thể kham được! Bà tiết phụ họ Trương dùng Đại Tạng Kinh làm pháp bảo trấn môn để lợi sanh của Phật Quang Xã, công đức ấy khiến cho chính bà được tăng cao phẩm sen, cháu bà ta là Thận Tu liền được khỏi bệnh đờm.

Nay gởi cho Thận Tu và lệnh ái[195] Hữu Trinh mỗi người một bao tro hương Đại Bi. Tro này đã gia trì hơn ba tháng rồi. Mỗi ngày nếu ít thì tụng năm mươi biến, nhiều thì bảy mươi lăm biến. Đựng trong thùng bánh quy to, mỗi thùng khoảng hơn mười cân[196]. Phỏng tính đã trì tụng chú Đại Bi đến sáu bảy ngàn biến. Một bao tro này có thể dùng để pha nước được khoảng hai ba trăm lần. Pha lần đầu nên dùng một phần hai mươi [lượng tro ấy] bỏ trong chén lớn, dùng nước sôi để hòa, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống, đem nước ấy đổ vào trong bầu hay trong bình, mỗi ngày uống ba lần. Hãy nên ăn chay, thường niệm thánh hiệu "Nam-mô Quán Thế Âm" ắt sẽ có công hiệu thần diệu. Sau khi bệnh lành hẳn rồi, nên pha ít đi, không cần phải uống một phần hai mươi giống như trước nữa. Nếu không tin, không chí thành sẽ vô hiệu!

Người phú quý lắm bệnh, một là vì chẳng chịu cất tay nhấc chân làm chuyện gì, huyết mạch không thông suốt; hai là vì ăn nhiều các món huyết nhục, nếu gặp phải món có chất độc thì họa hoạn chẳng nhỏ, không chừng bị mất mạng! Dẫu là con vật không độc, nhưng do lúc nó bị giết, hận tâm kết lại, nên [thịt nó] có độc tánh. Tuy chẳng có tác dụng giết chết người ngay lập tức, nhưng chất độc tích lại lâu ngày, ắt sẽ phát ra thành ghẻ, thành bệnh. Bà Trầm nhà họ Trương chịu để cho Thận Tu kiêng giết, ăn chay thì bệnh đờm sẽ được lành ngay! Số tro còn dư nên để thờ ở phía dưới khám thờ Phật hoặc

---

[194] Đây là cuốn sách tập hợp những bài giảng về Phật pháp của Giang Dịch Viên, do cư sĩ Thôi Chú Bình ghi chép lại, Trần Thụ Đình giảo chánh và ấn hành.

[195] Lệnh ái: Tiếng gọi con gái người nhằm tỏ ý tôn trọng.

[196] Cân là một đơn vị đo lường trọng lượng đã có từ thời cổ, định lượng không đồng, mỗi đời mỗi khác. Thời Hán một cân chỉ là 200 gr. Qua mỗi đời, Cân nặng dần lên, đến đời Thanh, một cân khoảng 590 gr. Hiện thời, Đài Loan quy định một cân là 600 gr, tại Hoa Lục là 500 gr, riêng Hương Cảng là 604,79 gr.

treo nơi cao ráo, sạch sẽ, để phòng khi bất ngờ cần đến và tùy tiện dùng để cứu giúp những chứng bệnh nguy hiểm, chớ nên khinh lờn! Chất tro đã đem dùng để hòa nước xong, hãy nên trộn với nước trát lên nóc nhà để tỏ lòng kính trọng. Đây chính là "nước Đại Bi khô"[197] có thể gởi đi phương xa, có thể giữ lâu năm được. Ở chỗ ông, nếu không phải là chứng bệnh cực nguy hiểm, đừng đem cho!

Hàng tôi tớ phần nhiều không biết tốt - xấu, làm lụng trong nhà giàu có hay nhà người khác, chẳng biết quý tiếc gạo thóc, vật dụng, đấy chính là chuyện hao phước, tổn thọ, hằng ngày chẳng biết [làm như vậy] bao nhiêu lần! Gần đây, nghe ông Tào Tung Kiều nói: "Có một tiên nhân dựa vào thân người khác để chẩn bệnh, một bà vú thuộc một nhà giàu có nọ, gần như bán thân bất toại cũng đến xin xem bệnh. Bà ta chưa đến trước mặt, tiên nhân đã nói: 'Ngươi khỏi đến! Ngươi phung phí cơm gạo, thức ăn của chủ nhân quá nhiều, chẳng bao lâu nữa toàn thân sẽ điên cuồng, tê liệt mà chết!' Nên đem lời này kể với hai cô con gái [Hữu] Trinh và Chiêu Nga của ông để họ biết mến tiếc đồ vật của chủ nhân, vun bồi phước thọ của chính mình, cũng như có thể đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh.

Mấy hôm trước, ông Phí Phạm Cửu tới đây, cho biết Hiếu Nhược và con gái ông ta là Sán Vũ chết hết sức thê thảm. Cư sĩ Dịch Viên khuyên nhà họ làm công đức siêu độ, do đấy bèn bỏ ra bốn trăm đồng, đem hai trăm đồng giao cho Quang để in sách thí tặng giùm cho họ, hai trăm đồng nhờ Linh Nham đả Phật thất. Ngay khi ấy, liền bảo ông Trần Thụ Đình thuộc Hoằng Hóa Xã hãy gởi thư cho Dịch Viên nói Quang đã dùng hết số tiền hai trăm đồng để gởi sách cho họ Giang ngõ hầu ông ta tùy cơ thí tặng. Nên gởi loại sách nào nhiều, loại nào gởi ít, đợi khi Giang cư sĩ gởi thư đến sẽ gởi đi. Dùng tiền tài của nhà họ Trương để làm lợi người làng họ Trương, vô cùng ổn thỏa, chẳng biết thư đã gởi tới hay chưa?

Đến tối, Quang có ý lập cho Hiếu Nhược, Sán Vũ mỗi người một bài vị, hai người tổng cộng là một trăm đồng, dùng một trăm đồng để đả Phật thất. Tính sáng hôm sau khi ông Phí lên núi sẽ nói. Sau bữa điểm tâm sáng hôm sau, hỏi đến thì ông ta đã đi rồi, chẳng thể trở về trong một hai ngày được, chỉ đành để ông ta đi thôi. Bài vị ở Linh Nham đặt trong Niệm Phật Đường, suốt năm được Phật hiệu ngầm huân tập, so với những chỗ khác thờ trong căn phòng lạnh lẽo, hết sức khác biệt! Tất cả mỗi người cúng dường ba mươi lăm đồng, không cần gởi đến nữa, hãy dùng để chi tiêu cho Phật

---

[197] Tổ Ấn Quang thường trì chú Đại Bi vào nước, gọi là Đại Bi Thủy, hoặc trì chú vào gạo cho người bệnh nấu cơm ăn gọi là Đại Bi Phạn. Để tiện gởi đi xa, Tổ trì chú vào tro hương, để người nhận đem tro hòa nước uống, giống như uống Đại Bi Thủy vậy.

Quang Xã. Quang mang tiếng Xã Trưởng xuông, cũng chẳng thể không đem công đức của người khác để thay cho người khác làm chuyện công đức.

3) Thư lần trước và một gói sách nhỏ đã nhận được rồi. Ba mươi lăm đồng vốn tính gởi về cho Phật Quang Xã chi dụng, hôm qua nhận được thư và thông báo từ ngân hàng, mới biết [thư từ trao đổi giữa] đôi bên đều đến trễ quá! Tới chiều, ông Thành Dực Thanh đến, nói Giang Tô bị thủy tai nặng nhất trong cả nước. Ông này là môn sinh của Phùng Mộng Hoa, Vương Ấu Nông, nhiều năm lo liệu việc phát chẩn, khá có tiếng tăm. Quang bèn lấy ba mươi lăm đồng đó, lại thêm vào năm đồng, thành ra bốn mươi đồng, giao cho ông Thành. Ông ta hỏi biên nhận đề tên ai, Quang nói: "Giữa ông và tôi cần gì biên nhận?" Ông ta đáp: "Phải giao cho hội tính sổ". Quang nói: "Tùy ý ông đề tên Dịch Viên hay Ấn Quang đều được!" Thư trước cho biết Phí Phạm Cửu đã đi Linh Nham, chưa gặp mặt Quang, ba hôm sau trở về, ngủ lại một đêm, sáng sớm hôm sau hỏi đến, ông ta đã đi rồi! Phàm mọi chuyện đều có nhân duyên, chẳng thể miễn cưỡng. Hết thảy tùy duyên, chớ nên bận lòng vì đó, bận lòng sẽ đâm ra bị mệt mỏi, cho nên chẳng bằng tùy duyên sẽ giải thoát hơn!

4) Bài Đại Học Tụng giải thích về Quán, về Chỉ chẳng thích đáng lắm. Thầy Đức Sâm nói: "Đối với Tục Đế trong Tam Đế và Giả Quán trong Tam Quán dường như cư sĩ chưa hiểu sâu xa"; do vậy liền mở trang đầu của sách Giảng Diễn Lục đã in lần trước ra xem. Những điều được nói [trong trang sách ấy] tuy có đạo lý, cũng có thể dẫn dắt người khác tiến vào chỗ thù thắng, nhưng đối với thật nghĩa của Không và Giả, chưa hoàn toàn phù hợp khít khao!

Tam Quán, Tam Đế chính là cương yếu của Phật pháp. Nói theo lý tánh thì gọi là Đế, Đế tức là Lý. Nói theo mặt tu trì thì gọi là Tam Quán, Quán tức là Tu. Chân Đế: Một pháp chẳng lập, Tục Đế: Vạn pháp trọn đủ! Quán cái lý nơi Chân Đế thì gọi là Không Quán. Quán cái lý nơi Tục Đế thì gọi là Giả Quán. Không Quán chính là quán Chân Như Pháp Tánh "một pháp chẳng lập", điều này chính là cái Không "chẳng có cả Không lẫn Hữu". Đấy chính là tướng Không trong *"chư pháp Không tướng"* của Tâm Kinh. Chẳng những Sắc Không, Không Không, mà Bồ Đề, Niết Bàn cũng không, nếu có một pháp nào chẳng không sẽ chẳng thể gọi là Chân Không. Cái không này của Không Quán trong Tam Quán sao có thể hiểu là "muôn sự chẳng quan tâm, chẳng làm" cho được? Tục của Tục Đế chẳng phải là tục theo kiểu thô tục hay nhã tục, mà do vì tạo dựng, đặt bày nên gọi là Tục. Giả cũng chẳng phải là giả trong Chân - Giả (thật - giả), mà cũng là cái giả của sự tạo dựng, đặt bày. Phép quán nhằm quán lý của Tục Đế được gọi là Giả Quán vì tánh thể của Chân Đế là "chẳng lập một pháp" nhưng có công đức trọn đủ sáu độ, vạn hạnh, các pháp toàn vẹn. Đây chính là *"chư pháp"* trong câu *"chư pháp*

Không tướng" (tướng Không của các pháp) của Tâm Kinh, sao lại coi đó là phàm phu cho được? Phàm phu thuộc về hai đế Khổ và Tập, còn Không và Giả đây thuộc đạo lý viên diệu của Viên giáo, Nhị Thừa còn chẳng có phần, huống gì phàm phu?

Hơn nữa, trang ba mươi nói đến chuyện cậy vào tự lực, dùng tự lực để tu đạo, từ nhân gian sanh lên cõi trời cho đến Vô Sắc Giới Thiên, gọi đó là *"thụ xuất tam giới"* (vượt tam giới theo chiều dọc). Câu nói này cũng không trọn vẹn! Cậy vào tự lực thì phải đoạn hết sạch Kiến Tư phiền não trong tam giới, hàng lợi căn có thể đoạn được ngay trong đời này, còn độn căn thì trước hết phải đoạn phiền não trong Dục Giới, sanh lên Sắc Giới. Kế đó, đoạn phiền não trong Sắc Giới, sanh lên Vô Sắc Giới. Mãi cho đến khi đoạn hết sạch phiền não trong Vô Sắc Giới, chứng Chân Đế Niết Bàn, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh vậy! Chư thiên trong tam giới ngoại trừ các vị đại Bồ Tát thuộc Đâu Suất Nội Viện (sanh về Nội Viện[198] đều là Pháp Thân đại sĩ) và tam quả thánh nhân thuộc năm tầng trời Bất Hoàn (Ngũ Bất Hoàn Thiên) là Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh thì đều là người trong lục đạo luân hồi, chẳng thể coi sanh lên Vô Sắc Giới Thiên là đã thoát tam giới! Uất Đầu Lam Phất[199] tu Phi Phi Tưởng Định trong núi non, lũ chim làm ồn, chẳng thể đắc Định, dời sang bờ biển, cá lớn trong biển đánh nhau chẳng thể đắc Định; do vậy, sanh phẫn hận, có ý niệm giết sạch chim và cá. Về sau, [tu] Định thành tựu, sanh lên trời Phi Phi Tưởng, thọ tám vạn đại kiếp, sau khi hết phước trời, đọa làm con phi ly (chồn bay), vào rừng ăn chim, xuống nước ăn cá! Vì thế, phải phân biệt sự khác biệt giữa chuyện sanh lên trời do y theo Phật pháp tu trì đoạn Hoặc chứng Chân và chuyện sanh lên trời do tu phước thế gian hay tu Thiền Định thế gian để người đọc chẳng đến nỗi hiểu lầm! (Sách Giảng Diễn Lục hoàn toàn do Trần Thự Đình giảo chánh, đối chiếu, lo liệu lưu thông)

120. Thư trả lời Huệ Không đại sư

---

[198] Nội Viện chính là Thiện Pháp Đường của tầng trời Đâu Suất, do đại thần Lao Độ Bạt Đề kiến tạo, là trụ xứ của Bồ Tát Di Lặc. Tất cả các vị Phật thị hiện trong Sa Bà đều trụ tại Đâu Suất Nội Viện trước khi giáng sanh trong nhân gian. Các phàm thiên không thể nào thấy được Đâu Suất Nội Viện.

[199] Uất Đầu Lam Phất (Udraka Ramaputra), còn được phiên âm là Úc Đầu Lam Phất, hay Ưu Đà La Ca La Ma Tử, là một vị tiên nhân nổi tiếng, thành tựu Phi Phi Tưởng Định, đắc Ngũ Thông. Khi đức Phật vượt cung xuất gia từng đến tham học với ông này. Trong kinh Niết Bàn, đức Phật đã cho ông Tu Bạt Đà biết về kết cục của Uất Đầu Lam Phất: bị đọa làm con chồn bay sau khi hưởng hết phước trời.

(năm Dân Quốc 25 - 1936)

Chiều hôm qua nhận được thư Sư, đối với chuyện Sư đến chùa Báo Quốc, Quang hoàn toàn quên khuấy. Đọc thư Sư gởi đến, thấy vẫn còn lấy tri kiến Tông Môn làm chủ, đối với pháp môn Tịnh Độ vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng! Do vậy, chỉ cầu tương ứng đến nỗi ma cảnh dấy lên. Pháp môn Niệm Phật dùng tín nguyện làm tiên phong. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, đừng nói "không tương ứng chẳng thể vãng sanh", dù có tương ứng cũng chẳng thể quyết định vãng sanh được! Nhất tâm bất loạn và Niệm Phật tam-muội cũng chẳng dễ gì đạt được. Nếu có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa được tương ứng vẫn có thể vãng sanh, huống gì đã tương ứng! Sư chỉ biết cầu tương ứng, hơi có chút khí phận tương ứng, bèn sanh lòng hoan hỷ tán thán, đấy cũng là hiện tượng chẳng tương ứng, cho nên mới có tướng lạ lùng hiện ra! Người tu hành kỵ nhất là được chút ít đã cho là đủ. Được chút ít đã cho là đủ bèn sanh lòng thoái đọa, đấy là lý nhất định! Mong Sư chỉ nên nhất tâm niệm, đừng sanh nghi sợ "chẳng tương ứng sẽ không được vãng sanh!" Tất cả cảnh giới đều chẳng quan tâm đến, cũng chẳng cần biết người ta chết tốt đẹp hay khổ sở; ngoại trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng để cho niệm thứ hai nào dấy lên. Có như vậy thì mới có thể đạt được lợi ích quyết định vãng sanh.

Nếu quá sợ lúc chết gặp đủ mọi chướng ngại chẳng nên có; do vậy, bèn tính nhịn đói đả thất thì chuyện này nguy hiểm cùng cực. Ăn cơm no còn chưa thể tương ứng, đến lúc đói gần chết làm sao tương ứng cho được? Nếu cứ muốn nhịn đói đả thất, xin hãy xuống núi qua chỗ khác mà làm, Linh Nham nhất quyết chẳng chấp nhận biện pháp này. Sư hoàn toàn noi theo lối mòn vọng tưởng để cầu tương ứng. Nếu chịu buông toàn bộ hết thảy vọng tưởng xuống, ắt sẽ bệnh lành, thân yên. Dẫu tuổi thọ đã tận, cũng sẽ chánh niệm rõ ràng, theo Phật vãng sanh. Người niệm Phật chẳng được có ý niệm [mong mỏi] đời kế tiếp, đời sau. Tâm vãng sanh của Sư còn chưa chuyên nhất thì chắc chắn sẽ không thể không thọ sanh trong lục đạo nơi thế giới này!

121. Thư gởi cư sĩ Quách Phụ Đình

(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Hôm qua nhận được thư, biết lệnh nghiêm đã về Tây trong ngày Hai Mươi Tám tháng trước, khôn ngăn cảm khái, than thở. Cố nhiên trong đời trước lệnh nghiêm đã có vun bồi, nên trong đời này tay trắng làm nên sự nghiệp, giàu có cự vạn, thọ quá tuổi "cổ hy" (bảy mươi), con cháu đầy nhà, bình sinh ưa làm lành không mệt mỏi, hộ trì Tam Bảo. Nếu có tín nguyện sẽ

vãng sanh Tây Phương. Nếu không có tín nguyện, chắc sẽ sanh lên trời, hoặc sanh trong nhà đại phú quý cõi nhân gian để hưởng đại phước. Nhưng phước thế gian chẳng thường hằng, hãy nên bảo các hiếu quyến đều cùng nhau chí tâm niệm Phật, để mong cụ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị, đấy mới là lòng hiếu có ích. Ai nấy hãy nên bớt đau thương niệm Phật, đừng học theo người đời chỉ cốt sướng tai khoái mắt người khác, chẳng màng thần thức của cha mẹ có được lợi ích hay chăng?

Hơn nữa, lúc lệnh nghiêm còn sống đã tin vào Phật pháp, nay ma chay cho cụ, theo đúng lý, hãy nên thuận theo chí của cụ lúc sinh tiền, nhất loạt đừng dùng đồ mặn. Phàm tế thần, cúng linh, đãi khách đều dùng món chay, điều này đem so với phóng sanh, công đức càng lớn hơn. Nếu chẳng dùng đồ chay thì xong đám tang này, số lượng sanh mạng bị giết quá nhiều. Nỡ nào vì bọn ta thể hiện lòng hiếu mà khiến cho cha mẹ ta phải kết sát nghiệp với vô số sanh mạng ấy?

Năm Dân Quốc 13 (1924), tiên sinh Châu Ngọc Sơn mất (vị này từng làm Tổng Đốc Lưỡng Giang), con ông là Tập Chi quen biết với Quang, gởi cho Quang một tờ cáo phó. Quang khuyên đừng dùng đồ mặn. Do ông ta là quan chức có tiếng tăm rất lớn, nếu dùng đồ mặn sẽ chẳng tránh khỏi "làm cho cha nở mày nở mặt lại hóa thành gây lụy cho cha!" Thư Quang gởi đến, ông Tập Chi chẳng quyết đoán, bảo những người lo việc bàn bạc. Những kẻ lo việc toàn là bọn tham ăn tục uống, đều chẳng tán thành dùng món chay. Thiết lễ điếu tang tại Thiên Tân, [khách viếng tang] ngồi hơn bốn ngàn bàn. Năm sau, rước linh về đất Hoàn (An Huy): Đến Nam Kinh làm lễ điếu tang, tới Vu Hồ (thuộc tỉnh An Huy) lại làm lễ điếu tang, về đến nhà lại thiết lễ điếu tang. Con cháu dòng trưởng làm lễ điếu tang tại Dương Châu. Chỉ năm lần thiết lễ điếu tang này, những sanh mạng bị giết đã chẳng thể tính nổi số. Chôn cất xong, trở về Thiên Tân, có kẻ cầu cơ, tiên sinh Ngọc Sơn giáng đàn, đau đớn oán hận người nhà dùng đồ mặn, nói công đức thuở làm quan khi còn sống đã bị tiêu diệt hết mà vẫn chưa đủ [để bù đắp cái tội ấy]!

Tập Chi quá sức hối hận nhưng không làm sao được, muốn lập một đại tùng lâm tại Thiên Tân để chuộc lỗi. Đã chọn được cuộc đất thỏa đáng rồi, gặp phải cuộc chiến ở Phụng Thiên - Trực Lệ[200] nổ ra, vẫn chưa thực hiện

[200] Cuộc chiến Phụng Thiên Trực Lệ xảy ra hai lần, sử thường gọi là Phụng Trực Chiến Sự, hoặc Trực Phụng Chiến Tranh. Lần thứ nhất kéo dài từ ngày Hai Mươi Tám tháng Tư đến ngày Năm tháng Năm năm 1922. Phe Tôn Trung Sơn liên minh với các quân phiệt Đoàn Kỳ Thụy và Trương Tác Sâm tại Phụng Thiên để triệt hạ thế lực của phe quân phiệt Tào Côn, Ngô Bội Phu tại Trực Lệ. Cuộc chiến rất khốc liệt vì phe Tào Côn có đến bảy sư đoàn,

được, chỉ tìm cách kết những duyên nho nhỏ, ngõ hầu người lui tới có chỗ nghỉ ngơi mà thôi. Lệnh nghiêm khá có duyên với Quang, cư sĩ cũng có duyên với Quang. Trong lúc này, Quang chẳng vì cư sĩ nói chuyện lợi - hại này thì là thiếu sót tình bè bạn. Sợ cư sĩ có thể nghĩ là chuyện không quan trọng, khẩn yếu, nên dẫn đầy đủ chuyện của Châu Tập Chi để chứng minh. Đối với chuyện làm Phật sự, hãy nên coi niệm Phật là bậc nhất; những chuyện khác đều là bày vẽ bề ngoài cho dễ coi mà thôi. Trong khóa tụng sớm - tối, Quang đọc tên của lệnh nghiêm để hồi hướng trong hai mươi mốt ngày. Do đối với bạn thân thiết, Quang đều một mực chẳng làm theo lễ nghi thế tục, chỉ dùng niệm Phật để hồi hướng nhằm biểu lộ tình bạn mà thôi! (Cầu cơ là tác dụng của linh quỷ, trong ấy có khi là thật, nhưng Quang chẳng tán thành cầu cơ, xin đừng hiểu lầm)

122. Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân
(năm Dân Quốc 16 - 1927)

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Tự phản tỉnh được như thế thì trong đời này, thật hiếm mấy ai! Nếu có thể thẳng tiến chẳng lùi thì cái đạo của lệnh nghiêm, đạo của Khổng - Mạnh, đạo của Phật, của Tổ, đều có thể đích thân thật sự chứng được. Nhưng đối với đồ ngọt, giòn, béo, nồng vẫn chưa thể buông xuống được, nếu ước theo lý luận bên Nho, vẫn chưa là chuyện khẩn yếu lớn lao; nhưng nếu ước theo lý luận nhà Phật, đấy chính là làm ác, chứ chẳng phải chỉ là ý ác! Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), Quang đến Nam Kinh, ông Ngụy Mai Tôn (làm quan Hàn Lâm, lúc ấy đã sáu mươi tuổi) nói với Quang: "Đối với Phật pháp, tôi cũng tin tưởng, cũng chịu niệm Phật, sách Văn Sao của Sư tôi cũng đã đọc rồi, nhưng ăn chay chưa được!" Quang nói: "Người phú quý khó quên tập khí, ông muốn ăn chay xin hãy đọc kỹ bài Sớ Quyên Mộ Lập Ao Phóng Sanh tại Nam Tầm, hãy đọc nhiều lượt sẽ tự có thể không ăn thịt". Nói lời ấy vào ngày Mười Hai tháng Tám, đến tháng Mười là ngày sinh nhật sáu mươi tuổi của ông ta, sợ thương tổn tình cảm người khác, ông qua Kim Sơn dự sinh nhật, về nhà liền ăn chay trường.

Năm sau, lại đề xướng mở chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh, nay ông ta đã sáu mươi sáu tuổi rồi, nhưng đối với sự nghiệp từ

---

năm lữ đoàn. Hai bên đều bị thiệt hại nặng nề, phải nhờ các giáo sĩ Tây Phương làm trung gian điều đình ngưng chiến. Lần thứ hai xảy ra vào ngày Mười Lăm tháng Chín đến ngày mồng Ba tháng Mười Một năm 1924, Trương Tác Sâm đem năm mươi vạn quân từ Phụng Thiên kéo sang Trực Lệ rửa hận bại trận lần trước. Hai bên giao tranh khốc liệt tại Sơn Hải Quan. Tổn thất nhân mạng, tài lực trong lần thứ hai gần gấp đôi lần thứ nhất.

thiện chẳng hề tiếc tinh thần, cực lực đề xướng, như lập Viện Mồ Côi, như thí cháo mỗi năm, như trong hai năm gần đây, chiến sự phát sanh, ông đã thâu gom những người già cả, yếu đuối, phụ nữ về nuôi trong chùa Pháp Vân, dựng mấy chục gian chái cho họ ở, nấu cháo cho họ [ăn]. Chiến sự kết thúc, tùy theo họ ở xa hay gần mà cấp lộ phí để họ quay về. Lần đầu là hơn một ngàn người, lần sau là hơn hai ngàn người. Mỗi ngày ăn cháo xong, dạy họ ai nấy niệm Phật và niệm Quán Âm. Ba bốn lần giao tranh, trọn không có một ai bị thương, chẳng một ai đổ bệnh, cũng có thể gọi là khó có!

Các hạ đang độ tráng niên, lại có chí lớn, có thể tự phản tỉnh suy xét, tự trách lỗi. Nếu có thể tự cường chẳng ngơi thì sống sẽ dự vào bậc thánh, mất sẽ lên cõi Như Lai là điều chắc chắn! Đừng coi đạt được điều nhỏ là đủ, đừng nghĩ lỗi nhỏ không ăn nhằm gì! Đừng coi "tự tánh Di Đà" là rốt ráo, rồi chẳng niệm đức Phật Di Đà ở Tây Phương, đừng chỉ cầu đức Phật thầm gia hộ rồi đối với đức Phật do chính mình cảm được trong tâm chẳng sốt sắng tu hành, thì đối với chuyện đạt được ba mối đạo như Quang đã nói đó (tức đạo của cha, đạo của Khổng Mạnh và đạo của Phật, của Tổ), xin chúc mừng các hạ trước! Hơn nữa, thời thế hiện nay đã bại hoại đến cùng cực, nguyên do là vì chẳng biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình. Muốn vãn hồi thì hãy nên chú trọng hai pháp này, nhưng giáo dục trong gia đình cần phải chú trọng nhất vào nhân quả báo ứng, vì nhân quả báo ứng có thể chế ngự được lòng người. Ngoại trừ cách này ra, thực hiện bằng bất cứ cách nào đều là hết thuốc chữa, vì tâm chẳng thay đổi thành tốt lành thì một pháp vừa lập, trăm điều tệ chen chúc nhau nẩy sanh!

123. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân

(năm Dân Quốc 22 - 1933)

Công khóa tu trì hãy tùy cơ mà lập, càng đơn giản càng hay. Nếu đều là những người tu lâu thì chẳng ngại gì y theo Thiền Môn Nhật Tụng mà niệm. Nếu nhiều kẻ sơ tâm thì bất luận sáng hay tối đều có thể niệm kinh A Di Đà, chú Vãng Sanh, rồi niệm Phật. Sáng tối đều như vậy, trong ban ngày niệm như vậy cũng được. Nếu không niệm kinh chú thì có thể bắt đầu bằng kệ tán Phật cũng được. Phải biết: Tất cả công khóa đều lấy niệm Phật làm chủ, kinh chú là khách! Biết nghĩa này rồi, lại phải căn cứ theo khả năng của thành viên trong Cư Sĩ Lâm để lượng định sao cho thích nghi, chứ Quang làm sao có thể định riêng một chương trình để mọi người đều dựa theo được? Tùng lâm trong thiên hạ đều chiếu theo Thiền Môn Nhật Tụng, nhưng chùa Tây Phương thuộc xã Từ Khê, [thành phố] Văn Khê, sáng tối đều niệm kinh Di Đà; do vậy, chớ nên luận định một cách chấp trước!

Điều không thể chỉ có chút ít mà phải [hết sức] khuếch trương chính là tông chỉ gồm ba món Tín - Nguyện - Hạnh. Nếu dùng cách tham cứu của nhà Thiền *"người niệm Phật là ai?"* thì chính là tham Thiền cầu khai ngộ, hoàn toàn đánh mất tông chỉ Tịnh Tông. Điều này quan hệ lớn nhất, quan trọng nhất. Con người thường hay mạo danh Thiền Tịnh Song Tu, nhưng tận lực chú trọng tham cứu sẽ đạt được lợi ích hữu hạn (niệm đến chỗ cùng cực cũng sẽ khai ngộ), đánh mất lợi ích vô cùng, vì chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. Dẫu có đích thân thấy được "người niệm Phật là ai" cũng khó được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vì không có cái tâm tín nguyện cầu sanh! Lại chưa đoạn Phiền Hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Kẻ ưa ăn nói lớn lối đều do chẳng biết nghĩa này. Pháp môn Tịnh Độ vượt trỗi hết thảy các pháp môn ở chỗ cậy vào Phật lực; những pháp môn khác đều cậy vào tự lực. Tự lực há có thể sánh cùng Phật lực mà luận ư? Đấy chính là một mấu chốt quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ!

124. Thư trả lời cư sĩ Tống Đức Trung hỏi đốt kinh là công hay tội

(năm Dân Quốc 20 - 1932. Đính kèm nguyên thư)

Trong mục lục sách vở của Phật Kinh Lưu Thông Xứ của Thượng Hải Công Đức Lâm, nơi trang tám mươi ba có nói đến tám công dụng của việc thiêu kinh Kim Cang viết bằng chữ son. Đức Trung cho rằng những hành vi được nói trong hạng mục này trái nghịch ý chỉ đức Phật, công ít, tội nhiều, kính thỉnh đại sư giải thích.

Kinh Phật trọng nơi thọ trì, chưa từng nghe dạy đem đốt đi! Dù bảo là đốt đi sẽ có ích cho cô hồn và cho người đã khuất đang được cầu siêu, vẫn là chuyện công chẳng bù được lỗi, huống hồ là vô ích! Vì sao nói như vậy? Phàm những kẻ thiêu kinh phần nhiều đều thiêu trong dụng cụ để đốt giấy vàng mã, tro ấy lại đem bán lẫn với tro giấy vàng mã. Những kẻ mua tro đó đem về, gạt bỏ sạch hết tro giấy đi, chỉ giữ lại tro vàng mã. Như vậy thì tro kinh chẳng thể không bị quăng vào rác rưởi hay sao? Có ai chịu phí công lập riêng một đồ đựng, phía dưới lót giấy thiếc, đặt kinh vào giữa, phía trên lại bịt những tờ giấy thiếc. Đốt giấy thiếc, kinh sẽ cháy theo, do phía trên có bọc giấy thiếc nên tro kinh chẳng đến nỗi bay lung tung ra ngoài. Đợi đến khi cháy hết, đã nguội rồi, hốt tro ấy bỏ vào trong túi vải mới, bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch vào trong, may miệng túi lại. Nếu có thân hữu hết sức đáng tin cậy đem ra biển, hoặc đem ra sông lớn, tới chỗ sâu nhất gieo xuống thì chẳng mắc lỗi khinh nhờn. Nếu chiếu theo cách đốt vàng mã bình thường, rồi lại còn bán tro giấy, tôi sợ rằng mắc tội vô lượng, công chẳng được mấy!

Phàm làm các Phật sự đều phải làm bằng lòng thành kính thì mới có sự cảm thông. Những kẻ thiêu kinh kia chỉ biết thiêu mà thôi, có bao giờ nghĩ đến chuyện này? Các kinh Đại Thừa đều khen ngợi công đức biên chép, thọ trì, đọc tụng, chẳng hề nghe khen ngợi thiêu kinh có công đức! Nếu thật sự có công đức, vẫn chẳng nên duy trì phong tục này; vì rất có thể là kẻ vô tri hiểu lầm sẽ chú trọng thiêu kinh, chẳng chú trọng thọ trì! Kinh Kim Cang đã thiêu được, lẽ nào các kinh Đại Thừa khác chẳng thể thiêu được? Kẻ giàu có nhưng vô tri ắt sẽ tạo nghiệp thiêu kinh vô cùng vậy! Chuyện này Bất Huệ hoàn toàn chẳng tán thành, tuy nghe người ta nói có đại cảm ứng, vẫn chẳng thốt ra một tiếng nào tán dương, bởi sợ tạo thành mối tệ vô cùng!

Thế gian thường hay đem chú Vãng Sanh viết thành hình tròn, đem khắc rồi in ra, đặt tên là Vãng Sanh Tiền, lắm kẻ đem thiêu [tiền ấy] thí cho cô hồn. Năm Quang Tự mười sáu (1890), tại chùa Long Tuyền ở Bắc Kinh, vào buổi sáng sớm Quang ra ngoài cửa tam quan, thấy trong đống tro giấy và tro vàng bạc của lễ Phóng Diệm Khẩu hồi đêm có một xấp giấy Vãng Sanh Tiền dày hai tấc chỉ cháy một nửa. Nếu tôi không thấy thì người hầu quét dọn, sợ rằng cũng bị quét vào đống rác luôn! Do vậy, biết được rằng: Cái lỗi thiêu chú ấy không chỗ nào chẳng có! Có vị Tăng phóng Mông Sơn, dùng ngân phiếu và tiền giấy kẹp tiền Vãng Sanh vào trong, xếp thành hình một đầu to đầu nhỏ, đợi đến khi Xuất Sanh[201] sẽ đốt. [Khi lửa cháy] gần tới tay sẽ quăng xuống đất. Trong ấy thường có chữ chưa cháy hết. Dù cháy hết, tro ấy hoàn toàn bị quăng xuống đất, há không có lỗi hay sao? Đây chính là điều chính mắt Bất Huệ trông thấy.

Vì thế, biết rằng: *"Một pháp đã lập, trăm mối tệ chen chúc nẩy sanh"* chính là lời chân thật vậy! Phàm mọi chuyện phải lo sao cho lâu ngày về sau

---

[201] Xuất Sanh là một thuật ngữ thường dùng trong Thiền Lâm: Khi chúng tăng đến trai đường dùng bữa, vị Đường Chủ hoặc Trụ Trì sẽ lấy ra một ít cơm (gọi là "sanh phạn") từ chén của mình bỏ vào một đồ đựng riêng (gọi là Xuất Sanh Đài hay Sanh Đài) để thí cho Đại Bằng Kim Xí Điểu, chúng quỷ thần Khoáng Dã, Ha Lợi Đế Quỷ Tử Mẫu v.v… Chữ "sanh phạn" ngụ ý cơm này dùng để nuôi mạng sống của chúng quỷ thần; do vậy, mới có từ ngữ Xuất Sanh. Vị thị giả sẽ mang cơm ấy ra phía ngoài trai đường, đặt nơi đất sạch, trong bóng râm, đọc kệ Xuất Thực. Sở dĩ phải thí thực cho chúng quỷ thần vì khi đức Phật hàng phục quỷ Khoáng Dã, Quỷ Tử Mẫu, đã khuyên các loại quỷ thần ấy không nên ăn máu thịt chúng sanh nữa, và hứa khi nào Phật pháp còn tồn tại, Tăng chúng sẽ hằng ngày cúng dường thực phẩm cho họ được no đủ. Không hiểu vì lý do gì, Phật giáo Trung Hoa, nhất là tại Hoa Nam, lại thêm vào chuyện đốt giấy tiền vàng bạc mỗi khi Xuất Sanh.

chẳng có điều tệ thì mới tốt lành, thỏa đáng được. Thiêu kinh dẫu có công đức, chỉ sợ do kẻ chẳng cẩn thận lo liệu thì chuyện công đức đâm ra thành chuyện tội lỗi, huống chi chưa chắc đã thật sự có công đức ư? Bất Huệ hiểu biết như thế đó. Đối với bậc đại thông gia thì hết thảy vô ngại, pháp nào cũng viên thông, chứ đối với cái trí hèn kém, thấy biết nhỏ nhoi của Bất Huệ thì chẳng thể nào như vậy được. Những gì Bất Huệ nói chỉ là ước theo phân lượng của Bất Huệ để làm chuẩn mà thôi!

125. Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình (hai lá thư)

1) Muốn quy y Phật pháp, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cần phải nên gắng sức trọn hết đạo luân thường. Nếu chẳng thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì căn bản đã khiếm khuyết, chẳng tương ứng với Phật, làm sao có thể được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn hòng đới nghiệp vãng sanh? Vì vậy, phải nên hiếu với cha mẹ, kính bậc tôn trưởng, đối với anh em trai, chị em gái, vợ chồng, chủ tớ mỗi mỗi đều phải trọn hết chức trách, bổn phận của chính mình. Đối với những điều đã được đề cao đều trọn hết chức trách, bổn phận thì chính là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian. Người hiền thiện niệm Phật sẽ dễ cảm được Phật. Muốn liễu sanh tử, chẳng thể không chú ý đến luân thường!

Lại phải nên dựa theo những gì kinh điển Tịnh Độ đã dạy để sanh lòng tin, phát nguyện, chuyên tâm niệm Phật, quyết định sanh về Tây Phương ngay trong đời này, trọn chẳng khởi tâm cầu phước báo nhân thiên trong đời sau. Phật xem hết thảy chúng sanh như con một, hãy nên kiêng giết, ăn chay, yêu tiếc sanh mạng loài vật, dùng điều này để tự hành, lại còn dạy người. Phàm trong gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều nên nói cho họ biết về lợi ích niệm Phật: Đời này tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ, mạng chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Gần đây thế đạo loạn đến tột cùng, phàm những ai tin Phật, niệm Phật, thường gặp dữ hóa lành. Họa hoạn hiện thời có tránh cũng không thể tránh được, có ngừa cũng không thể ngừa! Nếu có thể chí thành niệm Phật, sẽ âm thầm chẳng gặp phải tai họa! Có lợi ích to lớn như vậy, nỡ nào chẳng cho cha mẹ, anh em v.v… của ta và hàng xóm, láng giềng v.v… biết đến ư? Nhưng muốn cảm hóa người khác thì chính mình phải thật hành mới được! Nếu chính mình tuy niệm Phật, nhưng đối với chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bổn phận, suy nghĩ, xử sự phần nhiều chẳng đến nơi đến chốn, sẽ khó thể cảm thông!

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thành. Tông là chủ, Thành là chân thật. Nếu đối với mỗi chuyện ông đều có thể lấy chân thành làm chủ thì lâu

ngày chầy tháng ai nấy đều nhìn theo [bắt chước] nhau làm lành, đấy gọi là *"thành chi sở chí, kim thạch vị khai"* (lòng thành đến cùng cực, đá vàng cũng nứt), huống gì là người đồng loại ư? Hãy nên thường xem Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải[202], Gia Ngôn Lục, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng. Từ nhỏ đã dạy cho con cái thường đọc Cảm Ứng Thiên. Bài văn ấy mỗi ngày đọc dăm ba lượt, tối thiểu phải đọc một lần. Đọc suốt cả một đời này, lại đọc sách Trực Giảng, hành theo đó sẽ tự có thể dự vào bậc chánh nhân quân tử.

Quang già rồi, chẳng nên thường gởi thư đến nữa. Muốn xem những sách nào, hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã, đừng thuận tiện gởi thư cho tôi. Ông chịu hành theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao v.v… thì cần gì một hai bức thư nữa? Mùa Đông năm ngoái đã in ba toa thuốc cai thuốc phiện, cực linh nghiệm, còn toa thuốc trị bệnh sốt rét chẳng tốn một phân tiền mà không ai chẳng trị được lành, nay gởi kèm ba trang theo thư, xin hãy bảo với hết thảy mọi người ngõ hầu con quỷ gây bệnh sốt rét chẳng làm khó người ta nữa thì lợi ích lớn lao thay!

2) Đã biết hổ thẹn sám hối, cớ sao vẫn hành động y như cũ, ác chẳng thấy giảm, thiện chẳng thấy tăng vậy? Không có chi khác cả! Vì tâm chẳng chí thành vậy! Nếu tâm lấy chí thành làm chủ, lẽ nào biết rồi mà vẫn cố phạm? Biết mà tâm vẫn cố phạm là vì tâm thật ra chẳng có lòng thành khẩn, quyết định đổi lỗi hướng thiện mà ra! Chính ông đã muốn làm hiền nhân, thiện nhân thì tự có thể xa lìa tập khí ác. Kẻ chẳng thể xa lìa là vì tâm chẳng quyết định; nếu hời hợt, chơi vơi, chần chừ, khinh mạn sẽ khó tránh khỏi quay về đường cũ!

Từ rày, đừng gởi thư đến nữa, ông chẳng chịu chân thật khắc phục, trừ khử lòng riêng tư của chính mình, dù tôi khai thị, rốt cuộc có ích lợi chi đâu? Nếu ông chịu sốt sắng tự suy xét tội lỗi của chính mình, cần chi tôi phải nói nhiều? Nội hai chữ Tông Thành đã bao quát sạch cả rồi! Con người nếu tâm không hư ngụy, chắc chắn chẳng đến nỗi không chịu sửa lỗi hướng lành. Ví như ta thật sự biết kẻ nào muốn hại ta, dù hắn có lắm lời ngon lẽ ngọt dụ dỗ, chắc chắn chẳng để hắn gạt rồi giao phó tánh mạng của ta. Chịu bị lừa chính là kẻ chẳng biết tốt - xấu! Đã có kẻ đối đầu lớn lao liên quan đến tánh mạng, sao còn chịu để cho hắn lừa? Đấy gọi là "cầu người khác nói ra phương cách

---

[202] A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích là tác phẩm của ông Hoàng Hàm Chi (tự Khánh Lan, pháp danh Trí Hải), nhằm chú thích những chữ khó trong kinh và dùng lối văn Bạch Thoại "diễn tả" ý nghĩa của những câu kinh vốn được viết bằng cổ văn để người ít thông hiểu cổ văn vẫn có thể hiểu được ý nghĩa của kinh văn. Cụ Hoàng Trí Hải viết rất nhiều cuốn Bạch Thoại Giải Thích cho các kinh Tịnh Độ.

mầu nhiệm để bảo vệ thân mạng cho ông" nào có ích gì đâu? Vì thế, chẳng muốn nhiều lượt nói dông dài với ông!

126. Thư trả lời ba vị cư sĩ Tống Lục Trạm, Trữ Liên Tịnh, và Trương Tử Tịnh

(năm Dân Quốc 17 - 1928)

Đời loạn tột bậc chẳng kham nói nổi! Xét đến nguồn cội, nguyên nhân gần là trong vòng một trăm mười năm gần đây, hết thảy những kẻ đọc sách làm quan chỉ biết tập luyện cử nghiệp[203], cầu công danh, chẳng biết đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình. Nếu luận đến cái nhân xa thì quả thật là do họ Trình, họ Châu đả phá, bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi mà ra! Do trọn chẳng được gia đình khéo dạy, lại chẳng biết con người vì sao làm người, lại quen nghe nói "chết là diệt mất, trọn chẳng có đời trước, đời sau!" nên vừa gặp gió Âu thổi tới, cảm thấy thuyết "phế bỏ lòng hiếu, phế trừ luân thường, không hổ thẹn" ấy tự tại vô ngại lắm, bèn nhất trí tiến hành. [Tạo ra] căn bản gây lầm lạc cho con người không thể không quy tội về các vị bên Lý Học. Quang nói lời này đích xác tột bậc, biện định tột cùng, chứ chẳng phải nói bừa đâu!

Phương kế lúc này là phải sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng đến nhân quả báo ứng! Hai pháp này duy trì lẫn nhau, mới có thể làm cho con cháu sau này chẳng đến nỗi mấy chốc sống như loài thú! Nếu không, dù có giáo dục cũng khó thể giữ cho chúng nó chẳng bị xoay chuyển bởi thói tà! Nói đến các phương pháp tu trì niệm Phật thì trong Văn Sao đã có nêu đủ. Nếu nói rõ sẽ rất tốn bút mực. Dù [trong thư này] có giảng cặn kẽ thì cũng vẫn là những điều như trong Văn Sao đã nói.

Nay tôi gởi cho các ông Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn Lục, Di Đà Bạch Thoại Giải, Quán Âm Bổn Tích Tụng, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, Thọ Khang Bảo Giám, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Khuê Phạm[204] v.v… mỗi thứ một phần. Nếu tôi có nhiều sách sẽ kết duyên, nhưng vì Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư đã gởi đi hết, còn chưa in ra [sách mới]. Gia Ngôn Lục một

---

[203] Cái học chỉ nhằm mục đích thi đậu ra làm quan, chú trọng luyện tập văn chương sao cho phù hợp với yêu cầu làm bài thi như văn sách, chiếu, biểu, thơ, phú v.v…, chứ không chú trọng hiểu ý nghĩa giáo dục của thánh hiền để tu dưỡng bản thân.

[204] Khuê Phạm là một tác phẩm do Lã Khôn biên soạn dưới thời Vạn Lịch nhà Minh, có nội dung hướng dẫn giáo dục phụ nữ bồi dưỡng đức hạnh, nêu gương hiền hiếu, giúp chồng dạy con, trọn hết bổn phận.

vạn cuốn đã gởi đi hết rồi, hai ba vạn cuốn đều chưa in thành sách, chẳng thể gởi nhiều. Do trong Gia Ngôn Lục đã chia thành từng đề tài khác biệt, [nên đọc] khá đỡ tốn tâm lực. Mong dùng đây để tự hành, dùng đây để dạy người thì chắc chắn sẽ đích thân được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử!

Nếu muốn tu trì Tịnh nghiệp, phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, ăn chay, bảo vệ, quý tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, ngoài là thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều dùng điều này để kính khuyên. Bất luận họ có tin nhận hay không, chớ nên chẳng làm cho họ được một phen nghe biết!

Các ông đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho mỗi người các ông: Tống Lục Trạm pháp danh là Huệ Trạm, Trữ Liên Tịnh pháp danh Huệ Tịnh, Trương Tử Tịnh pháp danh là Huệ Trừng. Nếu có thể đoạn trừ vọng tưởng, nhất tâm chánh niệm thì gọi là Trạm (trong lặng), là Tịnh, là Trừng (lắng trong), đấy đều là những đức sẵn có trong tâm, chứ không phải từ bên ngoài mà có. Nếu tâm niệm trần lao thì những đức Trạm, Tịnh, Trừng sẵn có sẽ bị vọng tưởng khuấy động, biến thành những tướng đục ngầu, bẩn thỉu, ô uế. Đầu tháng Ba năm sau, Quang sẽ lại sang Thượng Hải để hoàn tất chuyện in sách. Sau mùa Thu năm tới sẽ rời khỏi Phổ Đà, đi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc để trốn nỗi cực nhọc thù tiếp thư từ! Ngàn phần xin đừng tới Phổ Đà, chỉ đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục còn hơn đích thân đến gặp mặt Quang nhiều lắm!

127. Thư trả lời Thiếu Niên Phật Học Xã thuộc Phật Học Hội Vô Tích
(năm Dân Quốc 23 - 1934)

Hôm qua nhận được thư và phương án nghiên cứu của quý xã, khôn ngăn hổ thẹn. Quang là một ông Tăng tầm thường, chẳng có mảy may tri thức gì, chỉ biết học đòi ngu phu ngu phụ lễ bái, trì tụng để cầu đới nghiệp vãng sanh, sao có thể làm vị thầy chỉ đạo cho quý xã được? Còn về chương trình đơn giản, duyên khởi đã gởi lần trước, quả thật không biết đến chuyện ấy, chắc là do người trong chùa thấy Quang cự tuyệt hết thảy, hơn nữa cũng chẳng phải là chuyện khẩn yếu nên đã giao cho Bính Đinh Đồng Tử[205] thâu nhận rồi cũng không chừng! Quang tuổi đã bảy mươi, tâm như trẻ nít vô tri, chỉ đợi kỳ hạn chết; ngoại trừ niệm Phật ra, không làm chi khác, huống là

---

[205] Theo Dịch Học, hai can Bính Đinh trong Thiên Can thuộc về hành Hỏa. Do vậy, người ta thường gọi thần lửa là thần Bính Đinh hay Bính Đinh Đồng Tử.

dám nhận lãnh chức vị cao cả trong quý xã để điều trần ý nghĩa, tông chỉ kinh sách nghiên cứu hòng [mọi người] nương theo tu trì ư?

Tuy nhiên, [quý xã] đã tưởng lầm gởi thư tới, tôi cũng chẳng thể không thưa trình sự hiểu biết của chính mình. Thiếu niên học Phật thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận (tức là thật hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v…), dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tin sâu nhân quả và luân hồi, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác. Hễ hành rồi mà vẫn còn thừa sức, sẽ nghiên cứu hết thảy kinh luận Đại Thừa và những trước thuật của các bậc cổ đức Nho - Thích xưa nay. Lại phải hiểu biết, nắm được cương tông, dùng điều đó để hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, tiếp nối đạo của Phật, Tổ, thánh hiền. Đấy gọi là *"do thực hành nên học rộng, do học rộng nên hiểu được điều cốt lõi"*. Như thế thì chắc chắn sẽ được dự vào bậc thánh hiền trong đời này, lâm chung liền sanh vào cõi Cực Lạc.

Nếu chẳng chú trọng tận lực thực hành, chỉ mong biết nhiều, thấy lắm, ắt sẽ đến nỗi kiêu căng, khinh thường mọi thứ, bài bác nhân quả. Người như thế thiên tư quả thật đủ để kế thừa người trước, mở đường cho người sau học theo, nhưng do bước đầu tiên chưa từng kiểm điểm thân tâm của chính mình, từ đấy càng đi càng xa, sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, rốt cuộc thành kẻ phá hoại đạo của Phật, Tổ, thánh hiền! Đấy chính là chuyện đáng thương xót nhất của những kẻ thông minh xưa nay! Chuyện này trong trăm người hết tám chín mươi kẻ mắc phải, khiến cho người khác phải đau lòng tuôn lệ! Quang học vấn quẩn quanh, nhưng nếu chẳng đem sự từng trải bảy mươi năm dâng lên quý xã, một mai chết đi sẽ giống như sống uổng chết phí. Dùng một mảnh giấy này giãi tỏ tấm lòng thành, may ra có thể giúp cho quý xã trong chuyện "kế thừa người xưa, mở mang đường lối cho người sau". Cũng nhờ vào công mọn này, Quang được sanh về Tây Phương thì cũng là được thành tựu bởi quý xã, cảm kích biết dường nào? Trân trọng trao lại lời phó thác, nếu gởi thư đến nữa, quyết chẳng trả lời.

128. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (bốn lá thư)
(năm Dân Quốc 22 - 1933 và năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn tên là Lệ Đình)

1) Trước kia, ông do mê muội tạo nghiệp, may là xưa đã có thiện căn, nên do nhân duyên ác bèn được vào trong Phật pháp. Đấy là sự may mắn không gì lớn bằng! Nay hãy nên tận lực làm chuyện lành, từ tâm địa thấu hiểu, chẳng để cho những ác niệm trước kia nảy sanh nữa! Hãy nên giữ cho cái tâm niệm Phật và tâm tự lợi lợi tha chẳng hề bị gián đoạn thì sống sẽ là

bậc thánh bậc hiền, mất đi trở về Cực Lạc Phật quốc. Đã đọc Văn Sao, hãy nên hành theo Văn Sao, cần gì cứ phải hành cho giống với người khác?

Còn như Đồng Thiện Xã, đàn cầu cơ, tuy cũng mang tiếng là tu thiện, nhưng người học Phật chớ nên dính vào! Vì sao vậy? Sợ sẽ bị hiểu lầm, tưởng những gì do bọn chúng nói là Phật pháp chân truyền. Ví như mua đồ vật, chớ nên cứ dựa xuông theo quảng cáo, cho đó là đúng, phải xét kỹ hàng hóa coi xem thật - giả ra sao! Quang già rồi, tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ. Lại còn bị chuyện tu chỉnh ba bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa bức bách khôn cùng, Hãy nên đọc Văn Sao, đừng đến đất Tô, hễ tới chắc chắn sẽ phải than thở "gặp mặt chẳng bằng nghe tên vậy!"

2) Cơm Đại Bi chớ nên chắt nước. Nếu không quen nấu cơm ráo không chắt nước, hãy nên lấy nước cơm ấy để luộc rau, hoặc dùng làm nước uống. Phàm những ai nấu cơm chắt nước thì phải dùng nhiều nước, tốn nhiều củi. Chất cốt của gạo đều nằm trong nước cơm, lại ngược ngạo vất đi, chỉ giữ lại xác gạo, bỏ đi chất bổ! Vừa tổn phước, vừa phí tiền, mà sức bồi dưỡng con người cũng ít. Đối với bệnh của mẹ và người em họ thứ hai của ông, đều nên dùng tâm đại Bồ Đề để cung cấp cho họ cơm rau Đại Bi suốt một tháng. Nếu bệnh họ thật sự lành sẽ gieo được đại thiện căn. Người em họ thứ hai của ông nếu hồi tâm chuyển niệm sẽ có thái độ khác hẳn.

Con người ai nấy đều có thiên lương, nhưng khởi tâm, động niệm, cư xử hoàn toàn chẳng thuận theo đạo lý. Ông ta vẫn chê người khác chẳng tuân theo đạo lý, còn ông ta thì có đạo lý. Chỉ nội một niệm này đã là chỗ thiên lương phát hiện đấy! Đáng tiếc là không ai chỉ điểm, lại chẳng phản tỉnh tự trách nên trở thành hạng cuồng ngu. Nếu chịu hồi tâm tự vấn, ắt sẽ hổ thẹn muốn chết, cảm thấy trong trời đất không có chỗ nào cho ta dung thân! Từ đấy hằng ngày biết là sai trái, hằng ngày sửa lỗi, sẽ thành bậc thánh, bậc hiền. Nếu lành được thân bệnh thì tâm bệnh sẽ dần dần lành. Hằng ngày ông hãy nên hồi hướng cho ông ta, cầu Tam Bảo gia bị. Lại nương vào từ lực của đức Quán Âm và diệu nghĩa của thần chú, ăn [cơm Đại Bi] suốt một tháng ắt sẽ có hiệu nghiệm dị kỳ. Nếu bệnh của mẹ và bệnh của người em họ của ông được lành, sẽ làm rạng rỡ tổ tông nhiều lắm. So với những kẻ được lên chức, được một tước quan, nhưng chẳng thể vì nước vì dân thì khác hẳn một trời một vực!

Tuy chẳng quen nấu cơm ráo không chắt nước, nhưng lưu tâm làm thử sẽ tự biết cách. Đấy cũng là tiếc phước, sống hợp dinh dưỡng nhiều lắm! Tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà, vào năm Quang Tự mười mấy, một vị sư Phạn Đầu[206] dù nấu cơm cho một hai trăm người [ăn], vẫn nấu cơm không chắt

---

206 Phạn Đầu là một vị chức vị thuộc về Thập Vụ trong tùng lâm, dưới quyền quản trị của vị Điển Tọa. Vị Phạn Đầu chuyên lo cơm cháo cho Tăng chúng,

nước. Trong mấy năm, vị ấy đã tiết kiệm củi lửa, mỗi ngày chỉ cần một hai gánh củi, lại nấu được nhiều cơm, cơm còn bồi bổ con người. Vị Phạn Đầu kế tiếp thường hay chắt cả mấy thùng nước cơm, nước gần đầy thùng bèn đổ xuống cống ngầm. Nhà kho, khách đường, chấp sự đều chẳng hỏi đến. Đủ biết vị Phạn Đầu ấy mỗi năm đã phí phạm củi lửa, nước cơm của Thường Trụ, tội ấy lớn lắm! Mong hãy đem nghĩa này nói với hết thảy mọi người, đây cũng là chuyện quý tiếc củi lửa, ngũ cốc lớn lao vậy!

3) Mẹ ông ăn cơm Đại Bi đã có hiệu nghiệm, nhưng chưa đủ để lành bệnh thì hãy ăn thêm một tháng nữa, chuyện này hoàn toàn chẳng khó thực hiện. Nếu gạo ít thì chẳng ngại gì gởi ít, hễ thuận tiện lại gởi tiếp. Còn thái độ của người em thứ hai của ông đã trở thành lương thiện, quả thật là do lòng thành của ông cảm được Tam Bảo gia bị! Cổ nhân đã nói: *"Chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã. Bất thành vị hữu năng động giả "* (Chí thành mà chẳng cảm động được thì là chuyện chưa hề có. Chẳng chí thành thì chưa hề có chuyện cảm động được). Ngày hôm nay vị Đương Gia mới trở về, đã đưa thư cho thầy ấy coi, ngày hôm sau nữa sẽ niệm Phật cho ông. Người già bảy mươi tuổi mắc bệnh nơi chân đã lâu, chẳng thể gấp gáp mong cho lành ngay được! Nếu ăn thêm một tháng nữa chắc có thể khỏi bệnh hoàn toàn. Dẫu cho chẳng lành, cũng chớ nên nói "lòng thành chẳng có cảm ứng gì, Phật pháp chẳng linh!"

Đối với người em thứ hai của ông, càng phải nên dùng lòng thành để cảm, ngõ hầu tổ tông có được đứa con cháu tốt lành, vinh diệu chi bằng? Lời lẽ trong báo ở Vô Tích quá sức phô trương sáo rỗng, người quy y gần một vạn, há nên nói là mấy chục vạn? Dẫu thật sự là mấy chục vạn cũng nên nói là mấy vạn thôi để khỏi mắc họa bị tiểu nhân nghi kỵ. Cổ nhân có sự hàm dưỡng "tuy có mà như không, có thật mà như dối", sao [nhà báo] lại quên tuốt, ngược ngạo phô phang thanh thế trống rỗng vậy? Từ rày đừng nên làm như thế nữa! Quang còn chưa lên đến huyện (huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây) làm sao nhập học ở trường huyện cho được?

Vào trường học ở huyện hay không, nói chung chẳng khác gì nhau! Nhưng một đằng thật, một đằng giả, chỉ khiến cho người ta hổ thẹn không nơi lánh mình, có ích chi chăng? Quang làm người trong cõi thế không lâu nữa đâu, một mai chết đi, muôn vàn chớ nên truyền bậy điều ấy khiến cho người khác nghi ngờ, cười chê! Đối với cha mẹ, sư trưởng, Quang chẳng ghi chép một chữ, vì sợ bị hãm trong vực xoáy tiếng tăm hư vọng của con người hiện thời, chuốc lấy tiếng dị nghị của người khác. Chỉ mong chẳng nhục lây cha mẹ, coi đó là chuyện rạng danh cha mẹ. Huống chi người học Phật há có

---

cũng như chịu trách nhiệm đảm bảo cơm nước, củi lửa đầy đủ, nồi niêu sạch sẽ, bát đũa tinh sạch.

nên giống như trẻ nít ngoài đường ngoài chợ cầu xin khắp những người có danh vị tán tụng mới coi đó là hiếu hạnh ư?

4) Soạn bài kệ Hồi Hướng hay lắm, kẻ đứng bên ngoài ắt sẽ chê là viễn vông, nhưng thật ra nó tương ứng với tâm của bậc Đại Sĩ, dễ được cảm thông. Ấy là vì người ta dùng sự hung ác, ta dùng lòng từ thiện, như nước diệt lửa, nhưng mặt trời làm tan băng. Nếu dùng tình kiến của chúng sanh để cầu đảo sẽ trái nghịch tâm của Đại Sĩ, dẫu có cảm thông nhưng nhỏ nhoi thôi! Bài kệ như sau: *"Nguyện thử tụng trì thắng công đức, tức mông Đại Sĩ thùy gia bị. Tiêu trừ tự tha túc hiện nghiệp. Tăng trưởng ngã nhân thắng thiện căn. Vĩnh kiếp hằng tồn Đại Sĩ tâm, biến giới thường hành Đại Sĩ sự. Tận vị lai tế tác nhiêu ích, phổ linh hữu tình vô họa hại!"* (nguyện do công đức trì tụng thù thắng này liền được Đại Sĩ rủ lòng gia bị, tiêu trừ nghiệp trong hiện tại hay đời trước của ta và người, tăng trưởng thiện căn thù thắng cho ta và người. Bao kiếp luôn giữ tấm lòng Đại Sĩ, khắp mọi cõi thường làm chuyện của bậc Đại Sĩ, đến cùng tột đời vị lai tạo sự lợi ích, khiến cho khắp mọi hữu tình chẳng bị họa hại).

129. Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu

Mấy hôm trước, thư ông được chuyển từ núi đến, biết tâm ông mộ đạo tha thiết, tu trì cẩn thận, khôn ngăn mừng rỡ, hâm mộ, nhưng do bận bịu công chuyện nơi đất Hỗ (Thượng Hải), chưa thể trả lời ngay! Ngày hôm qua do có việc sang đất Hàng tạm được thong dong, liền viết đại khái. *"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp"* là chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Ông đã hiếu thảo với cha mẹ, tiết kiệm, chất phác, ắt chẳng đến nỗi nhận tiền tài phi nghĩa, hạnh ấy, tâm ấy khá hợp với Phật. Nếu lại còn dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ắt sẽ được như nguyện. Đã làm con người ta, làm cha người khác, hãy nên suy nghĩ ngọn nguồn rốt ráo tới đường lối khiến cho cha mẹ ta, con cái ta rốt ráo được an ổn, há chẳng tận lực khuyên lơn cha mẹ và con cái ta cùng tu Tịnh nghiệp hay sao? Đây là luận theo phía người thân, nhưng hết thảy chúng sanh đều là Phật tử, ta đã biết rồi, nỡ nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, xóm giềng, hết thảy những người tiếp xúc ai nấy đều được biết ư? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, há chẳng phát ra hoằng thệ để hành sẵn cái đạo tùy phận tùy lực độ người hay sao?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng đại trí huệ để hành đạo tự lợi lợi người. Cái đạo tự lợi lợi người vừa nói đó chính là bảo hết thảy mọi người đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn của chính mình để khôi

phục cái lễ, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong Văn Sao đã nói nhiều lần, nay lại nói nữa, vì sợ có thể là chẳng chú ý, đến nỗi lầm lỡ bỏ qua. Do vậy, chẳng ngại gì lại nói nữa! Hơn nữa, thế đạo hiện thời rối loạn, bày ra những chuyện chưa từng có. Xét đến cội nguồn, nói chung là do trong gia đình không khéo dạy và chẳng giảng nhân quả báo ứng mà ra! Thiên hạ chẳng yên, thất phu, thất phụ cùng có trách nhiệm! Chú trọng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng thì hiền tài tự nhiên sẽ khởi lên đông đảo, thiên hạ sẽ dần dần thái bình. Mong ông đối với hết thảy mọi người đều dùng lời lẽ này khẩn thiết bảo ban, đấy cũng chính là đại sự "sống trong cõi trần học đạo (cư trần học đạo), tuy mình chưa đắc độ liền có thể độ được người" quan trọng nhất! Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi chi tiết!

130. Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo
(tức Dương Hán Công)

Thư ông đã nhận đủ cả, những chỗ ông trải qua đều được người tốt lành chiếu cố, chính là do Tam Bảo gia bị mà ra. Những đạo lý được nói ở cuối thư rất hay. Bí quyết "dùng sự khiêm tốn để thực hiện thành ý" nếu luận trên hạng thượng căn thì được, còn đối với hết thảy những người thượng, trung, hạ căn mà luận, hãy nên dùng trí tri, cách vật mới là lời luận định khế lý, khế cơ tột cùng. Trí tri và cách vật theo kiểu họ Trình, họ Châu đã nói muôn vàn chẳng thể nương theo được! Cần phải biết: Trí tri và cách vật chính là căn bản để mong thành thánh thành hiền, bởi tri kiến đã thiên lệch sẽ chẳng thể thành ý được. Tri kiến bị thiên lệnh là do trong tâm có nhân dục (lòng ham muốn của con người) riêng tư, lệch lạc! Trừ khử được lòng nhân dục riêng tư, lệch lạc ấy thì tri kiến sẽ tự chánh. Tri kiến đã chánh thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh, tu được thân. Học vấn thật sự chẳng cần phải tỏ lộ nơi huyền diệu, chỉ cần làm cho hết thảy mọi người biết phải thực hiện nơi đâu, họ sẽ vui vẻ thuận theo (phần sau lược đi).

131. Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ (hai lá thư)
(vốn tên là Triệu Kỳ)

1) Đã nhận được thư đủ cả. Chất độc của họ Âu, họ Hàn còn nhỏ, chất độc của họ Châu, họ Trình mới lớn, vì những nhà Lý Học sau thời Trình - Châu, không một ai chẳng xem trộm kinh Phật, nhưng không một ai chẳng cực lực báng bổ Phật pháp đến nỗi biến thành mối đại loạn này, đều là vì cái nhìn hạn cuộc nơi môn hộ của các vị tiên sinh ấy mà ra! Quang già rồi,

chẳng thể viết khai thị cặn kẽ được. Nay gởi cho ông hai gói sách, nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, sẽ không có mối nghi nào chẳng cởi gỡ được, có nguyện gì đều đạt được.

Điểm quan trọng trong việc học Phật là quý ở chỗ trọn hết luân lý, học Phật như thế sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu chẳng trọn hết luân lý thì chính là tội nhân trong Phật giáo. Đức Phật gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, thiện pháp thế gian đều chẳng bỏ sót chi, chỉ không chấp thuận cho con người luyện đan vận khí. Ngoại đạo trong thế gian ăn trộm kinh Phật để tự tạo kinh điển, ngược ngạo báng bổ Phật pháp, cho là pháp của chúng mới chính là pháp được truyền bởi Lục Tổ, từ đấy các hòa thượng đều chẳng có pháp nữa, pháp trở về tay người tại gia bọn chúng. Dối đời lừa dân, không chi hơn thế! Những điều khác đã được nói tường tận trong mỗi kinh sách, ở đây không viết cặn kẽ. [Ý nghĩa của] pháp danh là Trí Kỳ được viết riêng trong tờ giấy khác. Từ rày chỉ nên dựa theo kinh để tu trì, đừng gởi thư đến nữa vì tôi không có sức để thù tiếp vậy!

2) Thư và bài viết tường thuật hành trạng đều nhận được đủ cả. Nay đặt pháp danh cho Tịnh Nhàn là Trí Nghi, nghĩa là trước đã niệm Phật, nay vãng sanh thảy đều hợp thời nghi. Bài tường thuật hành trạng nếu không phải là nói thêm thắt, Quang một mực chẳng ưa khen ngợi xằng bậy người khác, huống chi là đệ tử càng chẳng nên khen ngợi! Nay soạn một bài tụng để ca ngợi sự lợi ích cao siêu, thù thắng của pháp môn Tịnh Độ[207] ngõ hầu người thấy nghe cùng sanh tịnh tín, cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh Độ. Dùng công đức này bồi đắp thêm cho Trí Nghi, ngõ hầu bà ta được cao thăng Thượng Phẩm, mau chứng Vô Sanh, xin hãy sáng suốt suy xét. Cõi đời lại thường hay đem hình ảnh của người đã mất, cậy danh nhân viết bài ca tụng rồi in ra tặng cho người khác, người ta hoặc xem qua một lần hoặc chẳng đọc kỹ, liền quăng vào trong đống giấy vụn, [người mất] bị khinh lờn như thế, chẳng có ích gì cho ai! Chi bằng đem gởi cho Thượng Hải Phật Học Bán Nguyệt San để hết thảy mọi người đều được xem thì chẳng tốt hơn ư? Mong hãy châm chước lượng định rồi thực hiện.

132. Thư trả lời cư sĩ Huệ Long
(năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đã nhận được thư đầy đủ. Chuyện lánh nạn sang đất khác là hành vi của đại phú ông, tôi chỉ là một hòa thượng nghèo khó, làm sao có thể hễ dự tính liền tránh né được ngay? Nếu như chiến tranh thật sự lan đến đất Tô, cũng

---

[207] Xin xem bài Ca tụng pháp môn Tịnh Độ thù thắng trong phần Tán Tụng của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển hạ

không phải là nhất định không tránh né, tránh né cũng dễ thôi! Sao lại coi chuyện này quá trọng đại như thế? Nếu có thể đình chiến thì nhà in sách sẽ hoạt động, còn làm chuyện lớn được. Nếu lìa bỏ đất Tô đi xa, các sự hoạn nạn sẽ ứng vào ngay. Con em của kẻ phú quý phần nhiều chẳng làm chuyện gì, một mai gặp họa loạn ắt sẽ đến nỗi không sao tự lập được! Nay hãy hoàn toàn đừng sai bảo đầy tớ, hãy đích thân nhấc chân động tay, một là tập làm lụng cực nhọc cho huyết mạch điều hòa, hai là do ít nhàn rỗi sẽ tiêu được các vọng niệm, đây thật sự là biện pháp căn bản để yêu thương con cái, còn gì tốt lành hơn?

Đạo Nho bị suy, nguyên do là vì bọn Lý Học bài xích, đả phá nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, khiến cho thiện chẳng có gì để khuyến khích, ác không có gì để trừng phạt, những hiện tượng diễn ra trước mắt quả thật là do học thuyết của bọn Lý Học đã dẫn dắt ra. Muốn chấn hưng Nho Tông thì phải tận lực chăm chú hành từ, hiếu, hòa thuận, cung kính (thiên hạ loạn lạc đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng biết dạy dỗ con cái mà ra. Vì thế, một chữ Từ cả cõi đời chẳng biết được ý nghĩa thật sự. Nếu thật sự biết thì cả cõi đời sẽ tự thái bình).

Lệnh nghiêm chẳng sanh lòng tin cũng là vì bị học thuyết Lý Học sai khiến, nhưng trong những năm gần đây, chiến tranh xảy ra tại đất Hỗ (Thượng Hải), sự tích của những người do niệm Phật mà được những thứ cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn rất nhiều; sao không uyển chuyển kể lể tường tận khiến cho cụ sẽ do đó mà nẩy sanh lòng tin? Nếu cụ đã biết rõ chuyện này mà vẫn chẳng sanh lòng tin thì chỉ nên hướng về Phật sám hối túc nghiệp thay cho cụ, lại đem công đức niệm Phật của chính mình đều hồi hướng cho cụ, chắc sẽ có ngày sanh lòng tin phát nguyện. Nếu có thể sanh lòng tin tu trì Tịnh nghiệp để được vãng sanh Tịnh Độ thì có thể gọi là "thờ cha mẹ đại hiếu". Cả nhà đều ăn chay, cố nhiên chẳng cần phải lo riêng đồ mặn, chỉ cần nấu đồ chay sao cho có mùi vị dễ ăn thì cũng không phải là không được. Nếu giết chúng sanh hòng thỏa thích miệng bụng của cha mẹ sẽ khiến cho cha mẹ thật sự phải hứng chịu quả báo giết hại trong đời sau! Lòng hiếu ấy, nếu hoàn toàn là vì chẳng biết đến Phật pháp thì còn chấp nhận được! Nhưng đã chẳng có ý sống đơn giản, chất phác thì cần gì tâm phải tự bất an như vậy? Nếu lũ con cái vẫn ăn mặn như cũ, chứ không phải là cả nhà đều ăn chay hết thì cũng chẳng nên buộc một mình cụ già phải ăn chay; nhưng cũng chớ nên mặc sức ăn để khỏi chồng chất sát nghiệp cho cha mẹ ta vậy!

133. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phỉ Kham

(năm Dân Quốc 26 - 1937)

Thời cuộc nguy hiểm vạn phần! Trước hết, hãy nên làm cho Trần Trọng Mỹ chú trọng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong thời kỳ này, chỉ nên sốt sắng tu trì, chớ nên nghiên cứu tràn lan bởi "sống - chết, còn - mất" đã ở ngay trước mắt! Nếu chỉ nghiên cứu tràn lan, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi liễu sanh tử thì không. Ngoài niệm Phật ra, hãy niệm kèm thêm thánh hiệu Quán Âm để cầu ngừng chiến, khỏi nạn. Ắt cần phải có lòng thành như cứu đầu cháy thì mới có cảm ứng được. Dẫu vận nước chẳng thể xoay chuyển được ngay, nhưng chính mình chắc chắc được Tam Bảo gia bị, gặp nguy hiểm vẫn bình yên.

Ngoài những sách đã nêu [trong danh mục xin thỉnh sách của ông], còn thêm Văn Sao, Tức Tai Hội Khai Thị, Chân An Bút Ký, Khuyến Niệm Quán Âm Văn, chắc là Trương Công Quán đã sớm gởi rồi. Nay phụ thêm mấy trương, mong hãy nói với những người tri giao: Tuy Tô Châu bị ném bom nhiều lần, có người khuyên Quang đi chỗ khác, nhưng Quang nghĩ sống chết có mạng, so với chuyện bị kinh sợ trên đường đi, sao bằng ở yên bất động, bị trúng bom chết yên vui? Vì thế, nhất loạt dùng lý do này để từ khước, hằng ngày chỉ niệm Phật, niệm Quán Âm, niệm chú Đại Bi để làm căn cứ hộ quốc, hộ dân, bảo vệ chính mình. Nếu như định nghiệp khó thể trốn tránh, bị trúng bom chết sẽ liền vãng sanh, đấy cũng là điều mong mỏi vậy! Chỉ chán nghe lời khuyên bỏ sang nơi khác, bởi đấy là đã khổ còn chồng thêm khổ!

134. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo

Con người sống trong thế gian điều quan trọng nhất là thân cận thầy lành bạn tốt. Có thầy lành bạn tốt thì sẽ có thể trở về chánh đạo. Nếu không, bạn bè nhậu nhẹt tụ họp, hằng ngày xen lộn với phường hạ lưu, bệnh tật cũng do đó thường chẳng lành được! Pháp môn Tịnh Độ không gì lớn lao ra ngoài được, nhưng kẻ thiếu hiểu biết thường coi nhẹ. Ông đã trì danh, nhưng tâm chưa quy nhất là vì nghiệp chướng sâu đậm vậy! Lúc niệm phải giữ tấm lòng kính sợ, niệm khởi từ nơi tâm, tiếng phát ra từ miệng, âm thanh lọt vào tai, phải sao cho nghe từng câu rõ ràng, từ sáng đến tối [lúc nào] không phải dùng tâm để làm việc thì thường niệm. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm thầm trong tâm đều phải nghe, bởi tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình là chuyện hết sức rõ ràng. Sáng tối lập một công khóa, hoặc tụng một biến kinh Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh, rồi niệm kệ Tán Phật, niệm Phật, hoặc một ngàn hay tám trăm câu, hay năm trăm câu, tùy theo mỗi người mà lập ra công phu. Nếu quá bận thì dùng cách sáng tối Thập Niệm.

Ngoại trừ lúc thực hiện công khóa sáng tối ra, đi, đứng, nằm, ngồi đều phải niệm. Chỉ cầu tâm quy nhất, chẳng nhất định phải cầu tướng lành. Vì

nếu tâm đã quy nhất sẽ khác với lúc tâm phập phều, tán loạn. Nếu chẳng chú trọng tâm quy nhất, thường mong thấy được tướng lành, rất có thể ma sự khởi lên, chẳng thể không biết! Chí thành khẩn thiết lắng nghe, chắc chắc chẳng đến nỗi ma sự dấy lên! *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* chính là cách niệm Phật mầu nhiệm nhất. Phải thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh, cần phải cung kính, chớ nên khinh nhờn! Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết đại nguyện của đức Di Đà, sự trang nghiêm của cõi Tịnh Độ, và sự thích hợp trọn khắp của pháp môn.

Những kẻ nói pháp môn Tịnh Độ là Tiểu Thừa, là pháp tu của ngu phu ngu phụ, thì biết là họ trong đời trước chưa từng gieo thiện căn Tịnh Độ, nên mới nói nhăng nói càn như vậy. Trước hết hãy nên đọc Gia Ngôn Lục, rồi xem Văn Sao, rồi xem Tịnh Độ Thập Yếu, sẽ biết rõ đại nghĩa Tịnh Độ. Nhưng cần phải tự lợi, lợi tha, nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái, thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều cùng ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông tu trì được như thế thì bảo đảm thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm thần ngày càng định, chuyện tiền đồ đều thuận lợi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ. Gởi cho ông hai gói kinh sách đủ loại, đấy chính là vô lượng vô biên thầy lành bạn tốt. Từ rày chẳng nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, vì không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Thời cuộc hiện thời nguy hiểm muôn vàn, nếu chẳng dùng niệm Phật để dự phòng, lỡ như chiến sự phát sanh, lấy gì để nương cậy? Chiến sự hiện thời có trốn cũng không được, đề phòng cũng không được. Nếu siêng năng niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, mong hãy sáng suốt soi xét, pháp danh quy y gởi kèm theo thư.

135. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương (ba lá thư)
(vốn có tên là Tự Xương)

1) Lệnh nghiêm lâm chung thần thức sáng suốt, niệm Phật qua đời, chắc là sanh về Tây Phương; nhưng bất luận đã sanh về hay chưa, phận làm con cố nhiên nên thường lễ bái, trì tụng để mong cụ chưa được sanh sẽ sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Hơn nữa, sự lễ tụng này không chỉ hữu ích riêng cho người đã khuất, mà thật ra có lợi lớn lao cho người còn sống. Do dùng cái tâm hiếu kính với cha mẹ để lễ tụng, so với những kẻ chuyên vì chính mình lễ tụng, công đức lớn hơn, bởi hiếu tâm chính là Bồ Đề tâm vậy! Cha ông đời trước đã có vun bồi rất nhiều, nên đời này ưa làm lành, chuộng điều nghĩa, tin sâu Phật pháp, tu trì Tịnh nghiệp. Trong một đời cụ bị lắm bệnh ngặt nghèo, ấy là do nghiệp đời trước; vì chuộng làm lành, tin Phật nên chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong. Ông đã muốn kế thừa chí cha, lại muốn cha mẹ ông đều cùng được cao đăng

phẩm sen, tâm ấy tốt lành lắm, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Xương, nghĩa là dùng trí huệ để thừa kế chí cha, ắt sẽ quyết chí xương minh pháp môn Tịnh Độ và khiến cho con cháu được hưng thịnh.

Phàm là người quy y Phật pháp, đối với luân thường đạo lý đều phải tích cực phi thường để trọn hết tình nghĩa và bổn phận, có vậy mới đáng gọi là đệ tử thật sự của Phật. Nếu luân thường bị khiếm khuyết, sẽ khó thể cảm hóa những người cùng hàng. Nay cha mẹ ông đã không còn, thì càng phải chú trọng đến bổn phận đối với anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái. Đời bây giờ đã loạn đến cùng cực, cội nguồn là do những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời chẳng biết cách dạy con, chẳng biết dùng đạo đức, nhân nghĩa, nhân quả báo ứng để dạy con cái, chỉ nuông chiều, nuôi dưỡng thói kiêu ngạo, đem mưu mẹo, mánh khóe dạy con. Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư quen nết ương bướng, ngu độn, đến nỗi có chuyện vượt lễ, trái phận thường thấy xảy ra. Nếu người làm cha mẹ ai nấy trọn hết đạo dạy con thì thế đạo đâu đến nỗi như thế này!

Trước kia nếu không dạy dỗ con cái đàng hoàng thì vẫn chưa khẩn yếu lắm, bất quá chúng nó không hiếu thuận, không ra giống gì mà thôi. Hiện thời, nếu không dạy con cho đàng hoàng, mối họa quả thật chẳng thể nào tưởng tượng được! Hãy nên đem lời này nói với hết thảy mọi người. Về chuyện đọc sách, do chính ông đã mang chức vụ, chẳng được rảnh rỗi nhiều, chỉ nên bắt đầu xem trước các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục, rồi đến Tịnh Độ Tam Kinh, Vãng Sanh Luận Chú, Triệt Ngộ Ngữ Lục, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Tịnh Độ Chỉ Quy Tập[208], Long Thư Tịnh Độ Văn,

---

[208] Tịnh Độ Chỉ Quy Tập do ngài Đại Hựu ở chùa Bắc Thiền thuộc Ngô Quận soạn. Nội dung được chia thành mười môn, nêu rõ sự thù thắng của Tịnh Độ, nhân duyên, quả đức, thệ nguyện của Phật Di Đà, các giáo nghĩa trọng yếu của Tịnh Độ như tướng quang minh, thọ mạng, bốn cõi Tịnh Độ, phương tiện thắng diệu, cũng như biện định sự khó dễ, lục tức thành Phật, nhất tâm tam quán, cách thức tu hành, những chứng nghiệm vãng sanh, cũng như nêu rất nhiều kinh luận, điển tịch dẫn chứng pháp môn Tịnh Độ là "ngàn kinh muôn luận chỉ quy". Nội dung rất phong phú và hữu ích cho những ai muốn chuyên tâm nghiên cứu giáo nghĩa Tịnh Độ.
Ngài Đại Hựu (1334-1407), sống vào đời Minh, là cao tăng thuộc tông Thiên Thai, quê ở Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô. Ngài còn có hiệu là Cừ Am, xuất gia năm 20 tuổi, thông thạo giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Thiên Thai. Tuy vậy, ngài chuyên tu Niệm Phật tam-muội, từng giữ chức Tăng Lục Ty trong niên hiệu Hồng Vũ. Sư từng vâng chiếu biên tập kinh điển, trước tác khá nhiều bản chú giải như Bát Nhã Yếu Nghĩa, Di Đà Kinh Lược Giải, Kim Cang Kinh Lược Giải v.v…

hãy nên đọc kỹ! Những thứ khác như Thiền Tông hoặc bên Giáo như Thiên Thai Tông, Hiền Thủ Tông, Từ Ân Tông và Mật Tông hãy nên gác lại vì không dư thời gian để xem đến. Tu Tịnh nghiệp mà trước hết chẳng nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ cho rõ ràng thì [giống như] muốn về nhà nhưng chẳng biết đường lối, những gì biết được tuy vẫn có thể [dùng để] trở về nhà được, nhưng quanh co, xa xôi lắm, thật giống như một trời, một vực. Xin hãy sáng suốt suy xét!

2) Thư của ông và của các vị Vương, Lý, Uông, Châu đều nhận đủ cả. Pháp danh của ba người ấy được viết trong tờ giấy khác, mong hãy chuyển giao. Tuy đại nguyện của ông Vương rất cao đẹp, nhưng trong lúc thời cuộc nguy hiểm này, chẳng biết quyết chí cầu sanh Tây Phương, vẫn muốn đợi sau khi xuất gia sẽ tụng kinh chú bao nhiêu đó để thỏa đại nguyện. Lại mong tuổi thọ bằng với lời nguyện: Nếu nguyện chưa xong, tuổi thọ cũng chưa chấm dứt. Đúng là kẻ si nói chuyện mộng! Ông ta đọc sách Tịnh Độ hoàn toàn chẳng nương theo ý sách, tự lập chương trình. Nếu chẳng kịp thời tùy phận tùy lực tu trì, chẳng những sở nguyện đều trở thành bánh vẽ hết, mà còn có thể mắc bệnh rối loạn thần kinh! Bệnh ấy rất dễ bị, nhưng rất khó lành! Quang già rồi, một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, trọn chẳng dám thuận theo ý người khác để vui dạ người ta. Vì thế, nói huỵch toẹt ra để [ông ta] khỏi bị mắc bệnh.

Hai ông Uông và Lý chất trực, không giả dối, khá tốt đẹp hơn. Nay với mỗi người trong ba vị ấy đều gởi cho một bộ Văn Sao, một cuốn Gia Ngôn Lục và những tập sách nhỏ, tổng cộng là hai gói. Xin hãy chia ra đưa tặng. Ông Châu Thái Nhiên trong thư chỉ viết *"hợp thập"* (chắp mười ngón tay), tôi chẳng dám chấp nhận cho ông ta quy y, trân trọng trả lại bốn đồng tiền hương kính cho ông ta. Tuy Quang chẳng thể hoằng dương Phật pháp, quyết chẳng dám tự mình khinh mạn Phật pháp, cũng như chẳng để cho người khác khinh mạn Phật pháp! Hãy nói với ba người ấy, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến nhất quyết không trả lời do mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ vậy!

3) Thư ông và thư của Châu Thái Nhiên đã nhận được cả rồi. Phải biết: Trong Phật pháp có trụ trì thế gian pháp và có duy luận lý tánh pháp. Trụ Trì thế gian pháp là nếu người khác chẳng hết sức chí thành, sẽ chẳng vì kẻ đó thuyết pháp. Nay thế đạo suy vi, chẳng thể hoàn toàn hành đúng như vậy. Vì thế, đối với những thư hỏi pháp, mặc lòng người ta [viết] như thế nào, Quang cũng đều trả lời. Nếu quá ngạo mạn, vẫn chỉ bày, trách móc lỗi ấy để khỏi phụ lòng kẻ đó gởi thư đến. Chỉ có kẻ xin quy y, nếu chẳng dùng những chữ [tỏ ý] tự nhún mình, chắc chắc chẳng dám chấp thuận. Vì chấp thuận như vậy tức là tự khinh Phật pháp, mà cũng khiến cho kẻ ấy khinh thường Phật pháp. Có thể là vì kẻ ấy chẳng biết lễ nghi, hoặc là do ngã mạn tự đại.

Người tự đại thì làm sao dám nói với họ? Kẻ chẳng biết lễ nghi thì ắt sẽ làm cho họ biết, chứ không phải mong được người khác cung kính, ấy chính là chẳng khinh pháp và khinh người vậy! Nếu chẳng duy trì như thế, Phật pháp sẽ chẳng thể lưu truyền.

"Duy luận lý tánh pháp" (pháp chỉ xét trên mặt tánh, trên lý, không luận trên hình tướng, trên mặt sự) thì phàm Tăng chẳng thể làm được, chỉ có đại Bồ Tát và người không có trách nhiệm duy trì pháp đạo làm như vậy sẽ có lợi ích sâu xa. Phàm phu làm theo sẽ phá hoại chánh pháp của Như Lai, tai hại chẳng cạn! Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát hễ thấy tứ chúng đều lễ bái, thưa: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!"* Tứ chúng có kẻ dùng roi gậy, ngói, đá đánh ném, bèn chạy ra xa đứng, rồi làm lễ, tán thán rằng: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!"* Sợ ông chẳng biết nghĩa này rồi lầm lạc sanh ra nghi ngờ, bàn bạc, nên mới nói đại lược. Nếu là phàm phu Tăng, trọn chẳng thể nương theo cách hành động ấy! Bậc đại Bồ Tát trụ trì pháp đạo cũng phải y theo cách hành động của phàm tăng. Như sư Tế Điên chính là bậc cao nhân vượt ngoài khuôn khổ, nhưng vẫn hành động trong chừng mực[209], ngài Tế Điên chẳng giữ Thanh Quy, nhằm hiển lộ đại thần thông. Nếu giữ Thanh Quy cẩn thận mà hiển lộ thần thông thì chẳng thể sống trong thế gian được! Chỉ có mượn cách điên điên khùng khùng làm cho người ta tin tưởng, nghi ngờ lẫn lộn, hòng ngầm giáo hóa khiến cho người ta biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn hầu sanh tâm chánh tín. Những kẻ vô tri không biết xấu hổ trong cõi đời học đòi theo đó, sao chẳng học "ăn thứ chết vào, ói ra thứ sống"? Sao chẳng học "uống rượu say ngủ vùi mấy ngày, nhưng trăm ngàn cội gỗ to từ dưới giếng trồi lên", và "uống rượu say bét nhè, ói ra vàng để thếp vàng tượng Phật trong cả điện"? Thứ chuyện chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ có hạng người ấy thực hiện thì không trở ngại chi, chứ nếu người giữ Thanh Quy cẩn thận mà làm, chắc chắn sẽ phải qua đời ngay! Nếu không, ai nấy đều đến tìm vị ấy, chẳng thể làm hết thảy mọi chuyện được! Hãy chuyển thư cho Châu cư sĩ và đem những lời này đưa cho ông ta xem, Quang mục lực chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Pháp môn Tịnh Độ và pháp tắc tu trì đã có các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v… nhắc đến rồi, nên cũng không nói tường tận [trong thư này]!

136. Thư trả lời cư sĩ X…

[209] Nguyên văn *"thằng xu xích bộ"*. Đây là một thành ngữ hàm nghĩa cử chỉ, hành động tuân theo mực thước, khuôn khổ. Thằng tức là dây làm mực, Xích là thước đo, tức hai dụng cụ chánh yếu của thợ mộc. *"Thằng xu xích bộ"* hiểu theo nghĩa đen là noi theo dấu dây mực, bước theo thước đã vạch.

Đọc thư gởi đến, biết ông thông minh nhưng chưa triệt để! Vì thế mới coi nhân quả của Nho - Phật giống như cách thưởng phạt trong phép vua trong thế gian, tợ hồ có lý, nhưng thật ra vô lý! Sự thưởng phạt trong thế gian ước theo tình người mà định, còn nhân quả chính là do tâm thức chiêu cảm. Nho và Thích không hai đạo! Ông cho rằng đạo Nho có những điều chưa nêu tỏ tức là [đạo Nho] chỉ dừng lại ở đó, đấy cũng là một chứng cớ cho thấy ông thông minh nhưng chưa triệt để. Phàm nhân quả thiện hay ác đều do tự tâm chiêu cảm, người đời không biết, đức Phật giảng cặn kẽ, ông cho là đức Phật bày đặt ra, há có phải là thông minh thật sự hay chăng?

Quả báo xảy đến có khi là tức khắc, ngay trong đời này, có khi là trong đời kế tiếp, đời sau, và nhiều đời, nhiều kiếp. Ông hiềm quả báo xa xôi, muốn quả báo xảy đến cho nhanh, là đã trở thành tà kiến rồi! Phải biết: Quả báo siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử cho đến thành Phật đều phải là nhiều kiếp. Tuy nói: *"Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật"* (buông dao đồ tể xuống, thành Phật ngay nơi đó), nhưng thật sự chứng Phật Quả cũng phải mất nhiều kiếp! Đừng cho rằng "hễ ngộ được Phật Tánh liền thật sự chứng được Phật Quả!" Nếu nói như ông, trong cõi đời không một ai có thể liễu sanh thoát tử, huống chi là thành Phật ư? Nếu ông biết điều này, sẽ chẳng đến nỗi trách Phật tàn ác, sẽ cảm được lòng từ bi của đức Phật, đau lòng tuôn lệ bảo với những kẻ cùng hàng.

Ông hiềm rằng chẳng được quả báo nhanh chóng, nhưng chẳng biết đến cái lợi lớn lao của việc không nhanh chóng, chính là loài trùng mùa Hạ chẳng biết có băng, con phù du[210] chẳng thấy được ngày hôm sau, chẳng đáng thương ư? Quả báo chậm hay mau đều do nghiệp thức của chính mình cảm nên, há nên đùn đẩy cho đức Phật? Do ông thông minh, nên trong ý ông vẫn mắc lỗi "có biết nhưng vẫn cố phạm". Đủ thấy, chuyện "giảm bớt lỗi" dẫu là thánh nhân vẫn phải nỗ lực! Do vậy, Khổng Tử tuổi đã bảy mươi, vẫn muốn trời cho sống thêm năm hay mười năm nữa để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Nhà Nho thấy biết nông cạn, cho là thánh nhân quá khiêm tốn, chẳng biết thánh đạo sâu xa, chẳng phải là "hễ ngộ liền có thể thấu hiểu tột cùng được"!

---

[210] Phù du (đôi khi còn được gọi là "con vờ") là tên gọi chung của hơn hai trăm loài côn trùng nhỏ thuộc họ Ephemeroptera, chuồn chuồn cũng thuộc họ này, nhưng tuổi thọ không quá ngắn ngủi như những con phù du. Đa phần những con phù du khá giống chuồn chuồn, nhưng nhỏ hơn. Loài ấu trùng của chúng (naiad) sống trong những vũng nước ngọt cả năm trời, đến khi lột xác bay lên thành phù du chỉ sống được vài giờ. Có loài như chuồn chuồn thì sống được vài ngày.

Những chuyện khác khoan nói tới, chỉ lấy Viên Giáo để luận, thì: Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Thập Tín hậu tâm[211] lại phá một phần vô minh liền chứng Sơ Trụ, trở thành Pháp Thân đại sĩ. Từ Sơ Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, trải qua bốn mươi mốt địa vị vẫn chưa đạt đến địa vị "hết sạch vô minh". Đẳng Giác lại phá một phần vô minh, tức là "Chân cùng, Hoặc tận", thành Phật quả viên mãn Bồ Đề. Sự xa xôi của thiện báo và ác báo cũng gần ngang nhau, huống hồ tu nhân chứng quả cho đến lúc thành Phật ư? Nếu mọi chuyện đều xong ngay trong một chốc thì sẽ trở thành hầm sâu đoạn diệt "không nhân không quả".

Chẳng thấy đạo trời vận hành hay sao? Tiết Hạ Chí, Nhất Âm sanh bèn nắng gắt, tiết Đông Chí, Nhất Dương sanh bèn lạnh buốt[212]. Lập Xuân có khi trước Tết, có khi sau Tết[213], mỗi mỗi đều chẳng thể cùng xong hết trong một lúc được, nên mới thành năm tháng. Nếu cùng một lúc xong hết thì chẳng trở thành vận hành, mà thành đoạn diệt! Đối với việc thưởng phạt tội - phước, trong cõi Âm quả thật có người chủ trì, nhưng chẳng phức tạp như trong Dương gian, bởi án từ, sổ sách đều tự hiện, tự tiêu, và cũng không có người ghi chép, khóa sổ. Vì thế, cõi Âm không sai lầm. Có chuyện người tên X… ở tỉnh kia bị bắt vì lầm với người cùng tên X… ở tỉnh này; ấy chính là mượn chuyện người không đáng chết này để tỏ rõ thật sự có những chuyện địa ngục, hình phạt trong cõi Âm v.v… ngõ hầu người đời sanh lòng tin. Do vậy, thường có chuyện bậc sĩ phu chánh trực trong thế gian tạm thời xử đoán chuyện của vua Diêm La, người bình thường trong thế gian làm sai nha cho cõi Âm, do bắt lộn người nên bị đánh đòn, cách chức, đều là *"nhân cùng thố*

---

[211] Thập Tín hậu tâm: Sau khi đã chứng nhập viên mãn mười địa vị thuộc Thập Tín.

[212] Hạ Chí là một trong hai mươi bốn tiết khí của Âm lịch. Nhằm ngày đó, ngày dài nhất, đêm ngắn nhất tại Bắc Bán Cầu. Ngày này được coi như ngày mở đầu cho mùa Hạ. Hạ Chí thường rơi vào ngày 21 hoặc 22 tháng Sáu Dương lịch. Theo cách giải thích trong Dịch Học, Chí là cực điểm, Nhất Âm khởi đầu từ mùa Hạ *("Hạ chí, nhất âm sanh; Đông chí, nhất dương sanh")*, hàm nghĩa: "Đến lúc này, khí Dương đã đạt đến cực điểm, bắt đầu suy vi, nên khí Âm lấn lên, Âm trưởng, Dương hao vậy!" Tương tự, Đông Chí bắt đầu vào ngày 21, 22 tháng 12, tượng trưng cho khí Âm đã đến cực điểm, bắt đầu suy vi, Âm hao, Dương trưởng!

[213] Tiết Lập Xuân dao động từ mồng Ba đến mồng Năm tháng Hai Dương lịch, ngày Tết thường rơi vào từ cuối tháng Giêng cho đến cuối tháng Hai Tây, tùy theo cách tính năm nhuận.

đại" (do [nhờ vào] hoàn cảnh ép ngặt để thực hiện sự giáo hóa vậy - "thố đại" là "thực hiện đại sự tu tề trị bình"), bởi lẽ mắt chẳng thấy sẽ không tin, lại còn mượn cớ báng Phật, cho nên đặc biệt hiện ra chuyện ấy để tỏ bày đại sự hòng mở rộng tầm mắt.

Chuyện như vậy rất nhiều, nêu lên một chuyện để hòng biết trọn. Trong Kiến Văn Lục của Ngẫu Ích đại sư có chép chuyện một Sinh Viên[214] ở Hồ Bắc nắm quyền xử lý dưới tay Ngũ Điện Diêm La Vương[215]. Một đêm đến cõi Âm, thấy một cuốn sổ chép vợ mình giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng một cân mười hai lượng, nhân đó bèn xé một góc trang sổ để đánh dấu. Tỉnh dậy, ông ta hỏi vợ sao lại giết trộm gà hàng xóm, bà vợ chẳng thừa nhận, ông ta nói: "Bà vẫn cứ lừa dối tôi. Sổ sách trong cõi Âm đã chép bà giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng một cân mười hai lạng". Bà vợ kể: "Phơi thóc gạo trong sân, gà hàng xóm đến ăn, dùng đồ vật quăng nó, nó chết lăn quay, còn chưa động đến!" Bảo đem gà cân lên, quả thật nặng một cân mười hai lạng. Ông sai vợ đem gà và một số tiền bằng giá một con gà đem trả, thưa rõ đầu đuôi với người ta, xin đừng quở trách. Đêm ấy, ông ta lại vào cõi Âm xem sổ, góc trang sổ bị xé vẫn còn đó, nhưng không thấy một chữ nào cả! Ông cho rằng hình phạt trong cõi Âm là do đức Phật đặt chuyện, có thể nói là đã cô phụ ơn Phật quá lắm!

Ông viết chữ nhỏ xíu, mắt Quang quá mờ, lược nêu những điều quan trọng để giải lòng nghi của ông. Nếu ông biết điều này sẽ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hãy nên biết rằng: Lợi ích do ông đạt được bất

---

[214] Vào thời Minh - Thanh, Sinh Viên chính là người đỗ cuộc thi khảo hạch tại phủ huyện, tức tương ứng với danh hiệu Tú Tài trong các đời trước.

[215] Diêm La Vương (Yama-rāja) chính là vị chủ tể cõi Âm. Theo Du Già Sư Địa Luận, Diêm La Vương do những vị Bồ Tát hóa hiện để giáo huấn tội nhân. Theo Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, Đại Phương Quảng Thập Luân Kinh, Địa Tạng Bồ Tát cũng hóa hiện thân Diêm Vương để độ chúng sanh. Người Trung Quốc tin rằng: Diêm Vương giữ sổ sanh tử, người chết sẽ đến trước mặt Diêm Vương để bị xét xử tội lỗi. Có mười vị Diêm Vương cai quản địa ngục, tức Tần Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quan Vương, Diêm La Vương, Biện Thành Vương, Thái Sơn Vương, Đô Thị Vương, Bình Đẳng Vương và Chuyển Luân Vương. Phật môn Trung Hoa cho rằng Đệ Ngũ Điện Diêm La Vương chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Theo đó, người chết đến ngày thứ ba mươi lăm sẽ đến Ngũ Điện thuộc Khiếu Hoán địa ngục. Khi vong hồn những kẻ tích cóp tài sản, tham lam, bạc ác đến trước Ngũ Điện Diêm La Vương, sẽ được đưa lên Nghiệt Kính Đài (Vọng Hương Đài) cho thấy rõ tình hình của người thân còn sống đang phung phí, phá tán tài sản của người đã mất.

đầu từ nơi con cái của ông, huống gì lợi ích sau khi sanh về Tây cho đến khi viên mãn Phật quả mới thôi. Nếu chẳng tự lượng, từ đây nghiên cứu các tông Tánh, Tướng, Thiền, Mật, chẳng chú trọng niệm Phật thì có thể trở thành một bậc thông gia nửa vời, nhưng liễu sanh thoát tử sẽ thành chuyện năm nảo năm nao! Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, dù có cậy thầy Diệu hỏi giùm cũng chẳng trả lời. Vì sao vậy? Do ông chẳng phải là người hễ nêu ra một điều bèn hiểu rõ ba điều, dù có dạy từng điều một thì một vẫn là một, nên chẳng thể viên thông được!

137. Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh (hai lá thư)
(ngày 30 Tết năm Mậu Dần, đính kèm nguyên thư)

Sư tôn từ bi soi xét, con chẳng được nghe lời giáo huấn từ bi đã hơn một năm rồi. Nỗi niềm mong ngóng ngày càng chất chứa. Tháng Mười mùa Đông năm ngoái đệ tử tỵ loạn tại núi Mạc Can, được đại thiện sĩ che chở, bình an không bịnh tật. Trên núi hoàn cảnh thanh tịnh, niệm Phật rất đắc lực. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, nhắm mắt, mở mắt, đều có thể tưởng thấy từ dung của Tam Thánh. Tháng trước do thổ phỉ rình rập nên chẳng thể không xuống núi sang đất Hàng, ở tạm nhà người bạn. Muốn trở về nhà thì giao thông tắc nghẽn. Muốn đến đất Thân (Thượng Hải) thì tiền tiêu dùng chẳng đủ. Lẩn quẩn trong ngõ rẽ, không biết theo ngõ nào. Mùa Đông năm ngoái, ông Dượng cũng lên núi, tháng Ba mùa Xuân năm nay đã sang đất Thân, ở nhà con rể, mọi chuyện bình yên, tốt đẹp, rất yên dạ. Đệ tử ở đây, tuy cũng xếp đặt tịnh thất, khóa tụng sáng tối, nhưng do hoàn cảnh trần tục, con cái nặng nề, lúc niệm Phật chẳng khỏi có tạp niệm!

Chỉ có mấy chuyện đáng kể, có người bạn trong cảnh hoạn nạn là ông Hà, vốn là sinh viên du học ở ngoại quốc, sùng tín khoa học vạn năng. Năm ngoái, do bị bệnh mù mắt, khoa học chẳng thể trị được. Đệ tử khuyên ông ta nên tin Phật niệm Phật, và dùng bài thuốc rửa mắt của sư tôn đã ấn tống để điều trị, đã thấy được một tia ánh nắng. Vì thế, gần đây ông ta yêu cầu đệ tử mỗi ngày giảng giải kinh A Di Đà. Lại có một con hồng tước do ông Hà nuôi, nó nói được, cười được. Dạy nó niệm Phật thì thoạt đầu mười phần rất chán ngán, nó không nói "không biết" thì cũng nói "cái gì?" Thấy đệ tử lễ Phật nó liền cười điên cuồng không ngừng. Đệ tử vẫn nhẫn nại, mỗi ngày dạy nó bốn chữ chân ngôn, nay đã chịu niệm rồi. Có lúc nó niệm "A Di Đà Phật" bốn chữ, có khi niệm "A Di Đà Phật A Di Đà" bảy chữ, nhưng không chịu niệm nhiều.

Thêm nữa, đệ tử có hai đứa tớ gái cùng lên núi tỵ nạn, đều bị bệnh nặng. Đệ tử và con cái đích thân chăm sóc thuốc men, chăm nom ăn uống. Sau khi chúng nó lành bệnh đều cảm ngộ, ăn chay trường, tin Phật, niệm Phật. Mai

này sau khi giao thông được khôi phục, tính đưa chúng nó đến quy y thọ giới, chẳng biết có được hay không? Khi đệ tử ở núi Mạc Can, từng cậy người gởi thư đến chùa Báo Quốc xin bài thuốc trị bệnh khí thống[216]. Về sau mới biết sư tôn hiện thời chẳng đọc thư từ đến đi, nên họ đưa trả lại. Hiện đệ tử đang bị khí thống, đã được chữa lành bởi bài thuốc này. Do vậy, kính dâng mười lăm đồng để làm chuyện liên quan đến Phật pháp: Kính dâng mười bốn đồng hương kính, một đồng để giúp cho việc in bài thuốc khí thống, cầu mong thầy hãy rộng lòng thu nhận.

1) Hôm qua nhận được thư biết cả nhà ông tỵ nạn trên núi Mạc Can, đều yên vui vô sự, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Tai kiếp này do đồng phận ác nghiệp của mọi người chiêu cảm. Ai có lòng tin niệm thánh hiệu Phật đều được gặp dữ hóa lành, ấy là vì biệt nghiệp của cá nhân do được Phật gia bị nên [từ nặng] chuyển thành nhẹ. Đang trong lúc đại kiếp phá tan hoang trời đất từ xưa đến nay chưa từng có này, kẻ nào chẳng sanh tín tâm, chẳng chịu niệm Phật cầu Phật rủ lòng gia bị thì kẻ ấy đáng xót thương thay. Ông Hà tinh tường khoa học, biết khoa học vạn năng, nhưng chẳng biết các nước tàn sát lẫn nhau chính là hiệu quả của sự vạn năng ấy. Đến khi do bị bệnh không thấy được ánh sáng, vạn năng vô hiệu, mới do một pháp niệm Phật [trước kia] trọn chẳng thèm chú ý đến và cách rửa mắt đã được truyền thụ mà lại được thấy ánh mặt trời. Do đấy, sanh lòng chánh tín, xin ông giảng kinh Di Đà, sẽ do nhân duyên này tu ròng Tịnh nghiệp, để mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Gần là liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, xa là dần dần tấn tu, cho đến viên mãn Bồ Đề, thành vô thượng đạo!

Hết thảy chúng sanh từ vô thỉ đến nay, đủ mọi tịnh nhân, đủ mọi ác nhân, gặp phải ác tri thức thì ác nhân phát hiện, nhẹ là hủy báng, nặng là diệt pháp. Gặp được thiện tri thức thì tịnh nhân phát hiện, thoạt đầu là tin nhận, đến cuối cùng là vãng sanh. Ông Trịnh Tuấn ở Bình Lương, tỉnh Cam Túc, tự là Triết Hầu, đỗ Cử Nhân đời Thanh trước kia, trúng phải chất độc của Âu, Hàn, Châu, Trình rất sâu, trước khi tròn sáu mươi tuổi, thù nghịch Phật pháp. Năm sáu mươi tuổi, đọc Văn Sao của Quang, mới thẹn cho sự sai lầm trước kia, liền ăn chay trường, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, gởi thư xin quy y. Về sau (năm Dân Quốc 24 - 1935), cùng với em trai đích thân đến đất Tô và triều bái Phổ Đà, tính thỉnh mấy vị Tăng niệm Phật đến khai hóa ở quê mình. Người phương Nam không ai muốn đi, ông đến chùa Ngọa Long ở Thiểm Tây thỉnh được mấy vị niệm Phật quanh năm.

---

[216] Khí Thống là một chứng bệnh thuộc về tiêu hóa, hơi sanh ra trong bao tử hay ruột quá nhiều khiến người bệnh cảm thấy đau nhói trong ngực, bụng.

Người đã như thế thì vật cũng như thế! Con hồng tước khuyên nó niệm Phật, nói "không biết", nói "cái gì?" thấy ông niệm Phật liền cười điên cuồng. Đấy chính là ác tập khí hủy báng Phật pháp. Đến khi hằng ngày dạy nó thì nó chịu niệm. Nếu có người thường niệm Phật, hằng ngày thường niệm Phật theo nó, biết đâu nó sẽ giống như con nhồng đời Tống, đứng niệm Phật qua đời. Đem chôn, hoa sen mọc trên mộ. Đào lên xem thấy gốc hoa sen mọc từ chót lưỡi chim. Hai đứa tớ gái của ông bệnh nặng, ông chăm sóc thuốc men, chữa trị. Ông cùng con cái chăm nom miếng ăn thức uống, lành bệnh, do cảm động chúng bèn ăn chay trường, đấy gọi là "dùng đức khuất phục người" vậy. Cổ nhân nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng. Quân tử cư hương, dĩ thân suất vật, linh đức phục nhân, tương quán nhi thiện"* (dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người khác thuận theo. Quân tử sống trong làng, dùng thân để làm gương lôi kéo mọi người, dùng đức khiến người khác khâm phục rồi nhìn theo bắt chước làm lành) chính là nghĩa này vậy.

Tiếc rằng người tin Phật trong cõi đời thì ít, kẻ báng Phật lại nhiều, cho nên rất nhiều kẻ đời trước có thiện căn nhưng chẳng thể phát khởi tịnh nhân đời trước, gội ân Phật sâu xa, để được là kẻ phàm phu triền phược đầy dẫy mà ngay trong đời này nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh để dần dần đạt đến viên thành Phật đạo! Quang già rồi, ngày mai tròn bảy mươi chín tuổi, sáng chiều sẽ mất, từ rày không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư đến bởi chẳng có mục lực, tinh thần thù tiếp!

2) Trước sau hai lá thư đã nhận đủ. Con người ông Hà có hào khí sâu đậm, nhưng chưa từng nghe pháp của thánh nhân Nho - Thích tu thân trị tâm, nên gặp phải cảnh ngộ ấy. Tình cảnh đó khá giống với tình cảnh của ông Du Tịnh Ý[217], nhưng họ Du vẫn chưa biết sâu xa về pháp môn Tịnh Độ. Sao

[217] Du Tịnh Ý tên thật là Du Đô, tự Lương Thần, sống vào thời Gia Tĩnh nhà Minh, học rộng tài cao, đỗ Tú Tài năm 18 tuổi. Đến tuổi trưởng thành, ông ta cùng mấy người bạn học lập ra Văn Xương Xã, tận lực thực hiện những thiện sự được dạy trong bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân. Thế nhưng thi cử lận đận, mãi không đậu được Cử Nhân, Tiến Sĩ, sanh được năm đứa con trai, bốn đứa chết yểu, đứa con thứ ba năm tám tuổi chạy chơi trong làng, bị lạc mất. Sanh năm đứa con gái, chỉ còn sống được một. Vợ khóc con đến nỗi mù cả hai mắt. Mỗi đêm cuối năm, cảnh nhà nghèo túng, quạnh quẽ thê lương, ông than thở mình không có tội lỗi chi lớn, than là bị trời phạt bèn viết sớ tâu lên Táo Thần, cầu chuyển lên Thiên Đình. Làm như vậy mấy năm, không thấy cảm ứng gì. Đến năm bốn mươi bảy tuổi, tối Giao Thừa, vợ chồng và con gái đang ngồi trong nhà, thấy một ông lão đến xưng là họ

bằng chịu nghĩ “đã chết đi sống lại”, đem hào khí trước đây sửa đổi thành khiêm nhường, tự kiềm chế, thì sự thành tựu sau này còn cao siêu hơn ông Du! Ông ta do thoạt đầu thấy Tăng phần nhiều hủ bại, nên chẳng chịu quy y. Nay Quang cũng là ông Tăng hủ bại, mà vẫn muốn quy y, quả thật chẳng biết Tăng là người như thế nào?

So với hạng Tăng ăn thịt uống rượu, Quang còn có chút điểm tốt. Các vị đại Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v.. và những Quyền Vị Bồ Tát chưa chứng Pháp Thân, đã đoạn Hoặc nghiệp trong tam giới và Nhị Thừa thánh nhân đã chứng quả Duyên Giác, chứng quả A La Hán đều thuộc về Tăng. Như Quang đây, kém xa các vị tăng A La Hán khác nào sự cách biệt vời vợi giữa trời với đất, huống gì là [sánh với] các Quyền Vị Bồ Tát chưa chứng Pháp Thân! Huống hồ lại [đem sánh với] các vị Tăng như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ư? Ông ta chỉ biết các ông Tăng uống rượu ăn thịt trong nhân gian thì ngay cả những vị Tăng giữ Thanh Quy cẩn thận (do chẳng chú ý nên cũng sanh ý tưởng kém hèn không kham nổi này) trong nhân gian cũng chưa được thấy nghe, huống gì là các vị Tăng đại thánh nhân khác!

Quang là ông Tăng hèn kém đến cùng cực mà ông ta vẫn muốn quy y thì suy ra đương nhiên cũng sẽ quy y với các bậc thánh tăng khác. Do vậy, nói: Kết quả thù thắng hơn ông Du, do biết được pháp môn Tịnh Độ, được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này để dần dần tấn tu viên thành Phật đạo. Đối với bệnh phổi của vợ ông ta hãy nên kiền thành niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ tự lành. Mắt lắm khi tỏ, lắm khi mờ, gốc bệnh là vì gấp gáp, bộp chộp. Nếu có hàm dưỡng, lại kiền thành niệm Phật và niệm Quán Âm thì một khi lành bệnh sẽ vĩnh viễn lành bệnh. Xin hãy nói với ông ta!

138. Thư gởi phu nhân X…. (hai lá thư)

(đính kèm lá thư thứ hai của bà ta)

Trương, đến hỏi chuyện, an ủi. Họ Du nhân đó kể lể nỗi niềm, ông Trương bèn cặn kẽ chỉ ra những khuyết điểm của họ Du: “Tuy làm lành, phóng sanh, nhưng chuộng hư danh, không thực chất, chỉ làm qua loa cho xong chuyện, cốt làm cho nhiều mà thôi, ăn nói bóng bẩy nhưng khắc bạc, gây thương tổn tình cảm người khác” v.v… rồi chỉ dạy cách ăn ở sao cho trọn vẹn tình nghĩa. Giảng giải xong, ông lão đi ra sau bếp, họ Du chạy theo thì ông lão đã biến mất, do vậy mới biết là Táo Quân hiện thân chỉ điểm. Câu chuyện này được ghi lại thành Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký.

1) Nhận được thư khôn ngăn than thở cảm khái. Cớ sao bà mù quáng đơm đặt, nói Nhiên Đăng Cổ Phật[218] giáng sanh trong nhà bà, chưa đầy năm đã chết non? Chư Phật sanh tử đã xong, quyết chẳng có lẽ nào thị hiện giáng sanh rồi lại chết yểu! Nếu vì độ chúng sanh, đức Phật bèn thừa nguyện thị hiện giáng sanh, quả thật có chuyện ấy, nhưng đã thị hiện giáng sanh, cũng chắc chắn chẳng nói ta là vị Phật nào đó, đến khi độ sanh xong xuôi, sắp thị hiện Niết Bàn, mới tỏ rõ gốc tích. Chắc chắn không có chuyện thị hiện giáng sanh, rồi chẳng làm Phật sự lớn lao đã chết yểu ngay! Thanh Văn Sơ Quả đã đoạn Kiến Hoặc, vẫn còn Tư Hoặc chưa đoạn nên phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian mới đoạn được Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Nhị Quả thì một lần sanh lên trời, một lần sanh trở lại trong nhân gian rồi chứng Tứ Quả. (Bậc Sơ Quả, Nhị Quả sanh trong nhân gian tuổi thọ đều dài, ngắn bất định, hoặc mấy tháng, mấy năm, mấy chục năm, chính là theo nghiệp thọ sanh vậy). Tam Quả do đã đoạn sạch Tư Hoặc trong Dục Giới, vẫn phải ở trong Ngũ Bất Hoàn Thiên của Sắc Giới trải qua nhiều kiếp mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc, chứng Tứ Quả. Tứ Quả đoạn sạch Kiến Hoặc và Tư Hoặc, trọn chẳng còn sanh duyên trong tam giới. Nếu phát hoằng thệ nguyện thị hiện giáng sanh thì có thể [giáng sanh trong tam giới], kẻ theo nghiệp thọ sanh chẳng thể sánh bằng [những vị này]!

Bà là nghiệp lực phàm phu bịa chuyện đồn đại này, vu báng cổ Phật, muốn được những kẻ mù mắt trong thế gian cho rằng bà là cha mẹ của Phật. Nếu nói với kẻ thông hiểu Phật pháp, nhất định họ sẽ quở bà là dùng lời lẽ tà quái lừa dối mọi người! Dẫu cho người trong cuộc không rảnh rang hỏi đến, há cũng chẳng sợ thiên lôi giết bà hay sao? Bà còn đến các nơi tìm người họa thơ của bà. Nếu chẳng phải là ngoại đạo không phân biệt được tà hay chánh và là kẻ si chẳng biết thơm hay thối, ai chịu chấp nhận lời nói ấy của bà là đúng? Bà hãy nên thống thiết sửa đổi lỗi trước, phàm đã gởi thư cho những ai đều hãy nên gởi thư cho họ bày tỏ thẳng thắn cái tội ấy, buồn đau cầu sám hối, ngõ hầu chẳng đến nỗi đem phàm lạm thánh, vĩnh viễn đọa vào

---

[218] Nhiên Đăng Phật (Dīpamkara): Đôi khi còn được dịch âm là Đề Hòa Kiệt La, hoặc Đề Hoàn Kiệt. Danh hiệu đức Phật này còn được dịch nghĩa thành Phổ Quang Phật, Định Quang Phật. Ngài là vị Phật trong quá khứ từng thọ ký cho đức Phật Thích Ca. Theo Tu Hành Bản Khởi Kinh, quyển thượng, thánh vương nước Đề Hòa Vệ (Dīpavatī) tên là Đăng Thạnh, lúc lâm chung truyền ngôi cho thái tử Định Quang. Thái Tử biết cõi đời vô thường bèn truyền ngôi cho em trai rồi xuất gia làm sa-môn, sau thành Phật Quả. Lúc ấy, có đứa hầu trai của một vị Phạm Chí gặp được đức Phật Nhiên Đăng đang đi du hóa, bèn mua hoa cúng Phật, Phật thọ ký cho đứa hầu trai sẽ thành Phật trong tương lai, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật.

địa ngục A Tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, vĩnh viễn không có ngày ra! Nếu chẳng coi lời Quang là đúng thì bà là quyến thuộc của ma, chứ không phải là đệ tử của tôi! Sao bà lại khổ sở mù quáng bịa chuyện, bị người sáng mắt thóa mạ, bị thiên địa quỷ thần tru diệt vậy? Do mong mỏi bà biết lỗi liền sửa đổi, hối lỗi; nếu không, khi khổ báo xảy đến, có hối cũng chẳng kịp; vì thế, tôi không thể trọn hết bổn phận, nói thẳng, quở trách gay gắt. Nếu bà chẳng nghe, chẳng liên can gì đến tôi nữa!

Kính vâng lời dạy từ bi, được nhận lời quở trách nghiêm khắc, cung kính đọc đi đọc lại, cảm kích lẫn hổ thẹn chen lẫn. Đứa con yêu quý bị chết yểu, tâm chua xót muôn phần, nghiệp chướng sâu nặng, làm thơ nói động đến cổ Phật, khơi ra tội lỗi thật nhiều! Kiền thành sám hối, thống thiết sửa đổi lỗi trước. Phàm phu tục tử bẩm tánh ngu độn, lỗ mãng, hoàn toàn cậy vào ân sư khai thị, sáng tối suy nghĩ cặn kẽ, tiền trình nguy hiểm, thật đáng sợ quá! Do nghĩ đến điều này, kính dâng thư bày tỏ, cảm tạ, cúi mong ân sư rủ lòng xót thương như biển rộng. Nghiệp căn đã gieo từ trước, pháp duyên thiếu sót đã lâu, dốc lòng cầu xin thầy thường ban pháp hối (sự dạy dỗ về mặt pháp), ngõ hầu trong chốn lưới trần âm u, được nhờ đuốc huệ soi sáng thông suốt; trong biển khổ mịt mù, được nhờ thuyền từ phổ độ.

2) Hôm trước nhận được thư biết bà đã nhận lỗi, xót xa xin sám hối, vốn muốn trả lời ngay, nhưng không rảnh rỗi, nên chần chừ đến nay. Con người sống trong thế gian, phải giữ bổn phận. Y phục, đồ vật, danh xưng đều chẳng nên quá tôn quý, chớ vì [muốn] đẹp mặt mà xưng hô bừa bãi. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc, chẳng đáng sợ ư? Bà đem đứa con chưa đầy năm bị chết yểu, xưng bừa là Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện, muốn được cái mỹ danh là cha mẹ của Phật, chẳng biết cái tội khinh nhờn, miệt thị cổ Phật cho đến hết đời vị lai cũng chẳng có ngày thoát khỏi A Tỳ địa ngục!

Nếu Quang không nói toạc ra, bà vẫn cứ muốn đem bài thơ đã soạn gởi cho khắp mọi người trong nước, ngõ hầu kẻ vô tri cũng bắt chước dẫm theo vết chân của bà thì những kẻ gian tà "ngư ông đắc lợi" đều coi đứa con chết yểu là Cổ Phật Thị Hiện. Thoạt đầu chỉ mong được kẻ vô tri khen ngợi, kế đến là dựng tháp, xây miếu, tom góp của cải để làm giàu. Kế đến là những kẻ gian tà cùng nhau tụ tập, bèn lập giáo môn, lừa dối, gạt gẫm kẻ ngu tục. Lâu ngày dấu vết xấu xa lộ ra khiến cho mọi người cùng chịu phép nước [trừng phạt], nhưng trong số những kẻ gian tà đương thời, có những kẻ ẩn nấp giấu mình chưa bị tru diệt, lâu ngày lại dấy lên, giống như bọn Bạch

Liên Giáo[219] cứ lây nhây không ngừng, là mối hại cho thế gian. Kể từ sau đó, bọn giáo đồ chỉ đổi danh xưng, chẳng đổi bản chất. Lũ ngoại đạo ấy đều chuộng bí mật, dẫu là cha con, chồng vợ vẫn đều chẳng bảo cho biết. Do

---

[219] Bạch Liên Giáo là một tà phái mạo danh Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa. Vào năm Thiệu Hưng thứ ba (1133) đời Tống Cao Tông, Từ Chiếu Tử Nguyên (tức Mao Tử Nguyên) hâm mộ di phong của Sơ Tổ Huệ Viễn Tịnh Độ Tông bèn xướng suất dân chúng kết xã niệm Phật, tự xưng là Bạch Liên Tông. Nhưng rồi bị môn nhân là Tiểu Mao Xà Lê bóp méo giáo nghĩa, pha trộn các giáo thuyết của Minh Giáo (Bái Hỏa Giáo, tức Ma Ni Giáo, thường bị gọi miệt thị là Ma Giáo) và Di Lặc Giáo (thoạt đầu đây là một đoàn thể sùng bái Di Lặc Bồ Tát, nguyện vãng sanh Đâu Suất, nhưng rồi bị các phần tử có dã tâm lợi dụng, tạo thành một thứ hội kín nhằm tạo phản). Họ có tổ chức khá quy mô, dự trữ vũ khí, chiêu mộ vũ sĩ. Vào thời Nguyên, giáo phái này tuyên bố Minh Vương Xuất Thế, Di Lặc Phật Hạ Sanh, rất có thế lực tại Hà Nam, Giang Hoài, và các nơi khác thuộc lưu vực Trường Giang. Năm Chí Đại nguyên niên (1308), do bị Nguyên Vũ Tông hạ chiếu truy nã, Bạch Liên Giáo rút vào hoạt động bí mật. Đến năm Chí Chánh 11 (1351), dưới danh xưng Hồng Cân Quân (quân khăn hồng), Bạch Liên Giáo dấy loạn nhiều nơi. Ngay cả Châu Nguyên Chương cũng phải dựa dẫm vào thế lực của Bạch Liên Giáo, nhất là phe Hàn Sơn Đồng, để khởi nghĩa chống Mông Cổ. Do vậy, sau khi đánh đuổi xong quân Mông, Minh Thái Tổ (Châu Nguyên Chương) bèn lập kế hoạch truy diệt Bạch Liên Giáo, quy định "thủ lãnh bị xử giảo, tín đồ bị đánh một trăm trượng, đày đi ba ngàn dặm". Tuy thế, Bạch Liên Giáo vẫn tồn tại trong vòng bí mật, đội lốt dưới các tên khác như Niết Bàn Giáo, Hồng Dương Giáo, Hồng Phong Giáo, Lão Tử Giáo, La Tổ Giáo, Nam Mô Giáo, Tịnh Không Giáo, Ngộ Minh Giáo, Đại Oai Vô Vi Giáo, Thiên Lý Giáo, Nhất Quán Đạo, Hồng Thương Hội… Đến đời Thanh, Bạch Liên Giáo vẫn còn tồn tại và chia thành nhiều phái nhỏ như Lão Quan Trai, Bát Quái Giáo, Đại Thừa Giáo, Cửu Tiên Hội, Đại Đao Hội, Tiểu Đao Hội, Thiên Môn Hội, Vô Cực Hội, Kim Đan Đạo, Khoái Đạo, Phiến Tử Hội, Thiên Hoàng Hội, Báo Đức Môn, Vô Cực Lão Mẫu Hội, Thập Tổ Môn, Kim Đan Hội, Tọa Công Hội, Hiền Thánh Giáo… Họ lại đề xướng phản Thanh phục Minh, nhằm lôi cuốn những người chống đối Thanh triều. Hai đợt bạo loạn lớn nhất của Bạch Liên Giáo là vào năm Càn Long 39 (1774) và cuộc biến loạn tôn giáo vùng Xuyên Sở (sử gọi là Xuyên Sở giáo loạn) thời Gia Khánh. Theo Lao Nãi Huyên, tác giả cuốn Nghĩa Hòa Quyền Giáo Môn Nguyên Lưu Khảo, đến cuối đời Thanh, Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ) chính là hậu thân của Bạch Liên Giáo, nhưng thuyết này bị nhiều học giả nghi ngờ, phản bác.

điều bí mật ấy cố kết trong tâm kẻ ngu nên bất cứ vị thiện tri thức nào khai thị, chỉ dạy, họ đều chẳng chịu tin theo, như con chó coi phẩn là thơm, không ăn không được! Thường nói với người khác: Thầy ta là vị Phật nọ, vị Tổ Sư kia xuất thế, ta là vị Phật nọ, vị Tổ Sư kia xuất thế, mù quáng bịa chuyện để mong được danh văn, lợi dưỡng, chẳng tính đến chuyện Phật pháp bị hoại loạn, khiến cho chúng sanh bị nghi ngờ, lầm lạc, sống chịu phép nước, chết đọa ác đạo từ kiếp này sang kiếp khác, không có lúc thoát ra! Mối tệ ấy lưu truyền chẳng thể kể xiết được!

Hành vi của bà nếu chẳng thống thiết sửa đổi ắt sẽ giống như bọn chúng, chẳng đáng sợ ư? Hãy nên in một tờ thư sửa lỗi sám hối, phàm trước kia đã gởi bài thơ đó cho những ai, nay đều gởi [tờ thư ấy] ngõ hầu họ biết tường tận. Cái huy hiệu có ba chữ Niết Bàn Thất hãy đốt đi, những chuyện đã lầm lạc tính làm trước kia thảy đều dẹp hết. Dựa theo những điều đã nói trong Một Bức Thư Gởi Khắp, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu thật sự chịu thật tâm bày tỏ sám hối, chắc chắn sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước tăng, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, lợi ích ấy há diễn tả được chăng? Quang đã vì bà có thể nói là tột bực không gì hơn được nữa, tôi đã trọn hết trách nhiệm, bổn phận của tôi. Nếu bà đọc kỹ, nghĩ chín, ắt sẽ lâm vào tình cảnh lệ ứa đầm đìa không thể cầm được!

139. Thư gởi nữ sĩ Ngô Huệ Đức

(năm Dân Quốc 28 - 1939)
(Đính kèm lá thư của Tông Xước gởi đến)

Sư tôn từ bi soi xét! Nữ sĩ Ngô Huệ Đức ở bến Á Sa Hán (Sungai Asahan) thuộc đảo Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) tại Nam Dương (Indonesia) trước kia gặp chuyện khốn khó, tai ách, phát tâm thờ Phật đã được tám năm. Trước kia, đệ tử là một trong năm người đầu tiên phát tâm thờ Phật tại thành phố Miên Lan (Medan), vốn nằm trong thuộc địa Tô Môn Đáp Lạp của Hà Lan. Mẹ bà ta là cụ Ngô Trần Thị, người huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, đồng thời được nghe pháp, không lâu sau cũng phát tâm thờ Phật, pháp danh là Hiền Hạnh. Mười năm gần đây, từ thành phố Dân Lễ (Kota Binjai) ở Tô Đảo (đảo Sumatra) chuyển sang sống ở Tân Gia Ba là thuộc địa của Anh, qua đời vào ngày mồng Ba tháng Mười Một năm nay. Những nét chánh trong cuộc đời cụ đã được con gái cụ là Huệ Đức ghi chép tường tận, xin sao lại trong tờ giấy khác, đính kèm. Nữ sĩ Huệ Đức thường từ Á Sa Hán đến tỉnh Tân Gia Ba thăm viếng song thân. Mỗi lần lui tới đều đến chỗ ở của đệ tử tại đảo Tân Lang (Penang) để hàn huyên.

Trước kia, đệ tử đã về nước, lên núi triều bái, đến chùa Báo Quốc ở thành Tô Châu lễ bái, thân cận sư tôn và có lần cùng với mấy vị cư sĩ nam nữ từ Vô Tích đến Tô Châu khấu kiến, được nghe lời dạy, tán thán tịnh nghiệp đạo tràng Linh Nham, được trọng vọng ở vùng Đông Nam. Có người phát tâm làm lễ cầu siêu cho tiên linh, được tăng chúng chùa Linh Nham rủ lòng Từ thành tựu pháp sự cầu siêu, được thọ ân lớn lao khó thể nghĩ bàn! Sau khi trở về Nam, cũng đã từng tán dương, kể lể với mấy vị tịnh lữ[220]*. Nữ sĩ Huệ Đức vốn hướng lòng về thầy đã lâu. Lần này, sau khi mẹ bà ta qua đời, tuy do thân hữu kiều bào đất Mân (Phước Kiến) chủ trương đã cử hành pháp sự cầu siêu tại chùa Long Sơn thuộc Tân Gia Ba là chỗ trụ của Tăng chúng quê ở đất Mân, Huệ Đức đã bao lần hướng về cha và quyến thuộc xưng tụng chùa Linh Nham là đạo tràng hy hữu. Nếu có thể thỉnh cầu chùa làm pháp sự siêu độ thì có phước lớn lao chẳng thể sánh ví được! Đã được người nhà đồng ý, bà ta liền đến chỗ đệ tử, giao cho hai trăm đồng tiền của nước nhà, dặn trình đầy đủ mọi lẽ với sư tôn, cầu xin rủ lòng Từ phương tiện, chuyển đạt lời thỉnh hòng thành toàn chuyện này, khôn ngăn ghi khắc cảm kích đến cùng cực! Đệ tử Tông Xước kính cẩn khấu đầu.*

Nhận được thư của nữ sĩ Tông Xước giới thiệu bà xin cầu siêu cho mẹ, biết mẹ con bà đã sớm được gội ân Phật giáo hóa, tin sâu Tịnh Độ. Mẹ bà yêu tiếc đồ vật, biến những thứ bị người ta bỏ đi thành những món được người ta quý trọng, tâm nhạy bén, bàn tay khéo léo ấy cũng do nhiều đời vun bồi thành. Đến khi lâm chung, bà lại có thể bảo cả nhà trợ niệm và thỉnh tịnh lữ trợ niệm, nên cụ buông xuống được hết thảy, chỉ nghĩ đến Phật, qua đời rồi đỉnh đầu vẫn còn nóng bừng, vẻ mặt tươi nhuận, có thể là tướng lành [chứng tỏ cụ] đã vãng sanh. Nay bà lại xin Linh Nham cầu siêu thì phẩm sen chắc sẽ tăng cao. Có thể nói là bà là người đã báo được ân mẹ. So với những kẻ bày vẽ mù quáng, coi giết hại mạng sống loài vật, tụ họp bạn bè tiệc tùng là sang, [chẳng biết đấy] chính là hành vi của những kẻ đại bất hiếu "[cha mẹ] đã té xuống giếng còn bị quăng đá" thì khác biệt như một trời, một vực vậy!

140. Thư trả lời đại sư Tế Thiện

Nhận được thư hôm trước, do chữ nhỏ, mắt lòa, trời lại âm u, nên chẳng trả lời ngay được. Hôm nay trời quang mây tạnh, bèn dùng kiếng lão lẫn kiếng lúp hỗ trợ để đọc và trả lời đại lược. Những tướng trong mấy năm qua như thầy đã kể thật nguy hiểm quá. May là chưa gặp được đại thiện tri thức

---

[220] Tịnh lữ: Bạn thanh tịnh, tức bạn cùng tu Tịnh Độ.

có cùng chí hướng, nên biết đấy là cuồng vọng, chẳng đến nỗi do hoằng pháp lại biến thành nghiệp diệt pháp! Nếu không, nguy hiểm lắm thay! Đối với pháp tắc tu Tịnh đã nói thì đều vốn là lời thành thật của chư Tổ, cố nhiên không có gì chẳng thích đáng! Nhưng người căn tánh viên đốn thọ pháp không pháp nào chẳng viên.

Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Kinh, A Di Đà Kinh tuy sai khác về mặt văn tự, nhưng ý nghĩa dung thông lẫn nhau. Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra, chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trượng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. Vì kẻ Hạ Phẩm trước khi đọa địa ngục rộng mở pháp Trì Danh, đấy chính là Quán Kinh vẫn coi Trì Danh là hạnh thiết yếu nhất. Vô Lượng Thọ Kinh nói cặn kẽ thệ nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đấy chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bổn (kinh A Di Đà). Do hai kinh này sẽ biết văn tự của kinh Tiểu Bổn chỉ là toát yếu. Do vậy, biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bổn, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lạy, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được! Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đấy vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhặt được vàng bèn mừng vui quá mức như điên như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa! Xưa kia, đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa, đến chỗ *"thị danh chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai"* (đấy gọi là chân tinh tấn, đấy gọi là chân pháp cúng dường Như Lai) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan. Nếu có tướng trạng mừng rỡ điên cuồng không kiềm chế được thì làm sao nhập định cho được? Suy nghĩ điều này sẽ biết: Thánh cảnh hiện bèn mừng rỡ như điên thì đều là phàm tình, rất trái nghịch thánh trí. Nếu chẳng tự lượng, cũng nguy hiểm lắm thay! Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn Tổng Trì thành thủy thành chung để mười phương tam thế hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lắm kẻ muốn làm bậc cao nhân đệ nhất xưa nay bèn coi thường, hủy báng [pháp này]. Chúng ta nên lấy chư Phật, chư Tổ làm thầy, chớ nên lấy những hạng cao nhân ấy làm căn cứ, sẽ được nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu không, liễu sanh thoát tử sẽ là chuyện lâu xa lắm!

141. Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp

Nhận được thư khôn ngăn mừng rỡ, an ủi, Quang do năm mươi tám năm trải đời, biết một pháp Tịnh Độ là pháp môn Tổng Trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Những pháp môn khác tuy cao sâu huyền diệu, nhưng phàm phu sát đất ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này để được lợi ích thật sự? Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là có thể cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Kẻ thấp nhất đã bằng với Tứ Quả A La Hán trong Tiểu Thừa và bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín trong Viên giáo. Do vậy, biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong các pháp môn do đức Phật đã nói ra trong cả một đời Ngài, chớ nên dùng sự tu chứng của hết thảy các pháp môn để so sánh, bàn định [pháp này].

Hiện thời có rất nhiều kẻ đại thông minh, coi Tịnh Độ là Tiểu Thừa, chẳng những chính mình không tu trì, mà còn lắm cách chê bai, bài bác, phá hoại sự tu trì của người khác. Chẳng biết pháp này chính là pháp để phàm lẫn thánh cùng tu: Kẻ phàm phu do nghiệp lực sắp đọa địa ngục mà niệm được danh hiệu Phật liền có thể lập tức vãng sanh. Bậc Đẳng Giác Bồ Tát sắp thành Phật đạo vẫn phải dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật quả.

Pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! Đáng thương thay, những kẻ đại thông minh chẳng những không tu trì lại còn chê bai, bài bác! May mắn thay, ngu phu ngu phụ tín nguyện trì danh được cùng với Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải chúng làm bạn lữ. Những kẻ đại thông minh kia dẫu có túc phước chẳng bị đọa tam đồ ngay lập tức, nhưng mong được kề vai sát cánh với ngu phu ngu phụ vẫn chẳng được! Huống hồ đã báng pháp này, khó khỏi bị đọa lạc! Những kẻ ấy mắc bệnh ham cao chuộng xa, thật sự chẳng biết cội nguồn của sự cao xa, nếu họ thấy chư vị trong Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương sẽ hổ thẹn muốn chết, đâu dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa chẳng đáng để tu trì ư?

142. Trả lời thư cư sĩ Niệm Phật

(tức là cư sĩ X… ở Vĩnh Gia được nhắc đến trong Văn Sao Chánh Biên, [những lá thư này] được viết bắt đầu từ năm Dân Quốc 16 - 1927 đến năm Dân Quốc 26 - 1937. Sao lục đầy đủ)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, than thở. Đã biết căn bệnh, lại biết thuốc chữa, chẳng chịu uống ngay, lại còn hỏi han thuốc men, há chẳng phải là vô sự sanh sự? Còn như niệm Phật cũng được, niệm Quán Âm cũng được, cần gì phải lắm phen so đo thừa thãi như vậy? Do nỗi khổ trong Mạt kiếp nặng nề, đức Quán Âm lòng bi sâu xa, nên Quang thường

khuyên người khác niệm kèm thêm [danh hiệu Ngài] để mong mau được Ngài từ bi che chở. Niệm Phật cũng chẳng phải là không được cảm thông, mà niệm Phật cũng không phải là chẳng thể niệm kèm [danh hiệu] Quán Âm! Chuyên niệm hay kiêm niệm đều được, đức Phật cũng từng dạy con người niệm [danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát]. Vì thế, biết là hoàn toàn chẳng trở ngại gì! Nếu niệm Di Đà cầu sanh Tây Phương, lại niệm Dược Sư cầu sanh Đông phương thì không được; còn Di Đà và Quán Âm là cùng một sự, nhưng đức Quán Âm bi sâu nguyện nặng nên thường kiêm niệm để mong mau được cảm thông. Tất cả những thứ nghị luận thừa thãi đều là chẳng cần thiết! Cổ nhân nói: *"Tuân kỳ sở văn, hành kỳ sở tri"* (Tuân theo điều đã nghe, hành điều đã biết). Hai câu ấy chính là khuôn phép để tu trì chân thật vậy!

Quán Âm chính là quá khứ Cổ Phật, làm bậc phù tá đức Di Đà. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương vẫn có thể được như nguyện, có gì là không được! So sánh những công đức niệm Quán Âm, Địa Tạng, Di Đà v.v… chính là nhằm khiến cho người ta phát tâm quyết định niệm Phật, chẳng có ý niệm đổi dời mà thôi! Nếu chấp chết cứng vào lời ấy, chẳng hiểu được ý, sẽ trở thành oan uổng cho đức Phật. Hiện thời, mọi người đều đang trong cảnh hoạn nạn, hãy nên nói với hết thảy mọi người "để giải trừ hoạn nạn chỉ có một cách là sửa lỗi hướng thiện, đôn đốc luân thường, chí thành, khẩn thiết, xưng niệm danh hiệu Quán Âm", ấy là diệu pháp độc nhất vô nhị! Bất luận các sự nguy hiểm như nước, lửa, đao, binh v.v… và bệnh tật do oán nghiệp, thuốc men chẳng thể trị được, nếu chịu tuân theo những điều vừa nói trên đây, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành, gặp nguy thành an, và oán nghiệp tiêu diệt, không uống thuốc mà lành bệnh. Nhìn vào thời cuộc hiện tại, nguy hiểm muôn phần, nếu chiến sự xảy ra, cả nước không một chỗ nào yên vui cả! Dẫu là chỗ chưa bị chiến tranh lan đến thì cái họa thổ phỉ so với chiến tranh còn khốc liệt hơn nữa! Hãy nên bảo hết thảy già trẻ, trai gái đồng niệm "Nam-mô A Di Đà Phật" và "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát". Ngoại trừ cách này ra, không có cách tốt lành nào khác! Đối với tai nạn nhỏ thì sẽ gặp dữ hóa lành. Dẫu cho mọi người đều cùng chết sạch, người niệm Phật sẽ nương theo Phật lực, hoặc sanh về Tây Phương, hoặc sanh vào đường lành. Chớ nên nói "đã không thể nào tránh khỏi cái chết thì niệm Phật vô ích!" Chẳng biết: Con người được thọ sanh làm người đều do nhân duyên tội phước đã gây trong đời trước tạo thành cái gốc [để quyết định] sanh vào nhà phú quý hay bần tiện. Người niệm Phật có tín nguyện sẽ được vãng sanh; dẫu không có tín nguyện cũng chẳng đến nỗi đọa vào ác đạo, há có nên chẳng niệm để tự mình lầm, lầm người ư?

Mọi chuyện phải khéo suy nghĩ, chớ nên mặc tình làm bừa. Ngay như hành vi bố thí thường là chuyện lành, nhưng đối với kẻ chẳng biết hổ thẹn

lại biến thành chướng ngại, cố nhiên hãy từ chối, không chấp nhận! Nếu kẻ [như vậy] đến xin, chỉ cho một chút, hắn sẽ tự chẳng đến nữa, cũng chẳng đến nỗi nổi nóng phát cáu, chỉ có cách mặc kệ hắn là hay nhất. Gia Ngôn (lời dạy trong gia đình) của ông [Nhiếp] Vân Đài khá hay, muốn giúp cho [tác phẩm ấy được] lưu truyền, có lẽ hãy nên giúp tiền cho ông ấy để tùy ông ta làm sao cho đôi bên đều không bị ngăn ngại!

Mua con vật đem phóng sanh cũng giống như bố thí: Đều cần phải khéo lập cách, đừng định kỳ hạn nhất định, đừng bắt buộc ở một nơi cố định, đừng bàn bạc phải thả một loài vật nhất định, hãy tùy duyên mua rồi đem phóng sanh thì sẽ được lợi ích thật sự. Nếu lập kỳ hạn nhất định, chọn nơi nhất định, thả một loài vật nhất định, sẽ thúc đẩy người khác săn bắt nhiều [loại đó]. Mua trâu, dê, lợn đều phải có khoản tiền cỏ, tiền thức ăn quanh năm; đấy là một khoản tiền lớn. Nhưng mỗi lần có người thả, nếu họ chẳng đóng khoản tiền ấy thì người lo liệu phải mua giùm. Có lẽ nên đem tiền giao cho người trông nom để họ tùy ý: Hoặc mua sinh vật, hoặc mua cỏ, thức ăn cho thích hợp! Bài văn khuyên người khác phóng sanh của Sư Thọ rất hay, nhưng nên chú trọng khuyên người ta kiêng giết, ăn chay, che chở, yêu tiếc sanh mạng loài vật thì chẳng tốn tiền tài, chẳng tạo thành chuyện đánh bắt nhiều, công đức ấy rất lớn!

Trước tượng Tây Phương Tam Thánh không cần phải đắp tượng Phật Thích Ca. Phàm những thứ đeo giắt trên thân như chú Lăng Nghiêm v.v… khi nằm nghỉ, lúc đại tiểu tiện nên cởi ra. Chỉ khi gặp cảnh nguy hiểm cùng cực là có thể không cần tháo ra. Nếu lúc bình thường không nguy hiểm vẫn không bỏ ra, sẽ thành cái tội khinh nhờn không thể kể xiết được! [Nếu] trong phòng có kinh tượng thì hãy nên hết sức kính trọng! Hàn Sơn và Thập Đắc[221] là do Văn Thù và Phổ Hiền hiện ra, vì thế phải thường giữ lòng kiêng sợ, chẳng dám phóng túng mới nên!

Đồ chay nơi những quán cơm không sạch sẽ, người ăn chay nên vĩnh viễn đoạn trừ những thứ ăn uống giao tế ấy. Nếu người ta mời, bèn viện cớ chẳng thanh khiết để từ chối, vừa khỏi bị người ta mời vừa chẳng bị phí tiền oan uổng mời lại người ta! Người ta dùng cái lễ vô lý để mời, không đi đâu có sao!

Dạy trẻ nhỏ nên dạy cặn kẽ làm người phải tự lập chí hướng, đừng nên quở trách nghiêm khắc ! Bởi lẽ, những học thuyết hiện thời thường đả phá quy củ cũ, nếu quở trách nghiêm ngặt, [con cái] sẽ có thể bị kẻ vô tri dụ dỗ,

---

[221] Thời ấy, người Trung Hoa thường hay tạo hình tượng Hàn Sơn và Thập Đắc gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh trưng bày trong nhà hay trong tiệm như một loại bùa cầu may, nên ở đây Tổ dạy không được khinh nhờn tượng hai vị này.

mê hoặc, sẽ từ ân biến thành oán. Tuổi nó đã mười lăm, nếu có thể đem lẽ lợi - hại nói với nó, ắt sẽ chẳng đến nỗi nó không cảm động mảy may nào! [Làm] như thế mà chẳng cảm động tức là giống như gỗ, đá vô tri; nếu nghiêm khắc, đâm ra càng biến thành phản đối. Những kẻ giết cha tự khoe công để được khen thưởng đều là do từng bị trói buộc, muốn phát tiết nỗi hận một phen, chẳng biết sẽ vĩnh viễn bị hãm trong súc sanh, địa ngục chẳng thể thoát ra!

Hãy nên đọc toàn bộ Tứ Thư. Kinh Thư văn lẫn lý rất hay, cũng nên đọc toàn bộ. Đại đạo nơi kinh Dịch có thể để thong thả! Muốn thành học vấn càng phải dốc sức vào nguyên lý *"từ hiện tượng biết được pháp tắc"*. Phần Đại Tượng[222] thuộc sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch có thể gom thành một thiên, khắc thành bài minh đặt bên chỗ ngồi, [nội dung bài minh ấy] cực rõ ràng, rộng lớn, cực thân thiết. Chẳng biết tri kiến lãnh hội của những kẻ phế kinh như thế nào? Kinh Thi có thể để từ từ, bởi nếu không phải là người có tư cách đại thông minh sẽ chẳng thể khéo hiểu được ý nghĩa! Lễ Ký[223] và Tả Truyện[224] nên chọn đọc những phần có ích cho thân tâm và quan hệ lớn lao đến sự giáo hóa trong cõi đời.

---

[222] Trong kinh Dịch, phần giải thích ý nghĩa của sáu mươi bốn quẻ được gọi là Tượng Truyện. Tượng Truyện được chia thành hai phần: Đại Tượng giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi quẻ, Tiểu Tượng giải thích mỗi hào trong một quẻ.

[223] Lễ Ký là một bộ kinh điển trọng yếu của Nho Giáo, Khổng Tử tự nhận mình chỉ biên tập, chỉnh lý chứ không phải là tác giả. Vào thời Tần Thủy Hoàng, bộ sách này chịu chung số phận bị hủy diệt với những kinh điển khác. Đến thời Hán, dựa theo 130 thiên do Lưu Hướng thâu thập được, Đới Đức liền rút gọn lại thành 85 thiên, và tác phẩm này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký thành 46 thiên, thêm vào các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 thiên. Bộ này chính là Lễ Ký được lưu truyền đến hiện thời. Nội dung Lễ Ký rất phong phú bao gồm các quy chế, điển chương, lễ nghi cũng như những quan điểm đạo đức, phạm trù triết học. Hai chương nổi tiếng nhất là Đại Học và Trung Dung được tách riêng ra, xếp vào Tứ Thư. Khái niệm "thế giới đại đồng" cũng phát xuất từ Lễ Ký.

[224] Tả Truyện, gọi đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Tả Thị Xuân Thu, là một bộ biên niên sử nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung ghi chép những sự kiện lịch sử của nước Lỗ trải qua 12 đời vua từ Lỗ Ẩn Công (722-712 trước Công Nguyên) cho đến Lỗ Ai Công (494-468 trước Công Nguyên). Nho Gia xếp bộ sách này vào mười ba kinh (Thập Tam Kinh) bắt buộc phải học của Nho Sĩ.

Trẻ nhỏ thích ăn cắp đồ vật của người khác thì hãy nên hằng ngày bảo nó: "Con người chẳng thể làm chuyện gì khiến lòng áy náy! Nếu làm chuyện khiến lòng phải áy náy, dẫu cho người khác từ đầu đến cuối chẳng hay biết, nhưng trong tâm chính mình luôn ôm nỗi thẹn thùng. Huống chi thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát, không một vị nào chẳng biết ư? Sao ngươi chẳng biết tự gắng sức, làm chuyện hạ lưu như vậy? Từ rày, nếu vẫn còn ăn trộm đồ của người ta, chắc chắn ta sẽ dẫn ngươi đến trước người ta rập đầu thú tội, trả lại đồ cho người ta. Ngay cả vật chẳng đáng một đồng cũng phải làm như vậy! Lại còn yêu cầu người ta nếu có chuyện [ngươi] lấy trộm đồ thì phải tận lực đánh đòn, đe nẹt, chớ nên vì thể diện của ta mà chẳng chịu nói, đến nỗi ngươi ngày càng cảm thấy ăn trộm đồ vật chẳng quan trọng, khẩn yếu chi, thường mong tưởng ăn trộm!

Ngươi hãy suy nghĩ xem: Ví như con người làm việc gì, nếu có ai khen người đó giỏi, hắn sẽ vui vẻ; chê hắn dở, hắn không vui. Sao ngươi lại làm ra sự thể khiến cho người ta phải thóa mạ, khinh bỉ? Nếu ta giấu diếm, che chở cho ngươi, tức là ta dạy ngươi làm giặc. Sau này, chắc chắn ngươi hoàn toàn chẳng thể thành người được! Vì vậy, ta bảo với ngươi, từ rày trở đi, nếu ngươi ăn trộm đồ của ta, ta nhất định phải đánh ngươi! Nếu ăn trộm đồ của người khác, ta nhất định đem ngươi tới chỗ người ấy rập đầu thú tội và đem đồ vật trả lại cho người ta. Chẳng những ngươi mất mặt mà thật ra ta còn khó chịu hơn ngươi nữa! Do mong ngươi thành người, bất đắc dĩ ta phải kiềm chế ngươi như vậy. Ngươi biết lỗi phải sửa đi, gắng sức học cho giỏi để ai nấy đều kính trọng ngươi; do vậy sẽ kính trọng tổ tông, cha mẹ ngươi! Nếu ngươi vẫn không chịu sửa đổi thì cũng giống như ngươi hằng ngày tự chửi bới tổ tông, cha mẹ vậy! Sấm sẽ đánh ngươi! Đây là chỗ ta đại từ đại bi yêu thương ngươi, nếu ngươi biết tốt - xấu như vậy thì may ra có hiệu quả".

Đối với chuyện của đứa con gái lớn, chỉ nên khuyên nó sốt sắng niệm Phật, những điều khác chẳng đáng bận tâm đến. *"Thiên định giả thắng nhân, nhân định giả thắng thiên"*. Thật ra, khổ - vui, hên - xui mà người đời gặp phải, quá nửa là do người ấy đã tạo! Có mấy ai một bề giữ nguyên số mạng? Nói chung, người làm ác [cuộc đời] chẳng thể [tốt đẹp] đúng như số mạng thì nhiều, người tu thiện biến đổi số mạng [xấu hèn] thành tốt đẹp thì ít! Hai loại người này đều là *"nhân định thắng thiên"*. Người đời mỗi khi có ý niệm thiện liền có thể chuyển được họa thành phước, chuyển dữ thành lành; huống gì suốt đời ăn chay, niệm hồng danh vạn đức của Như Lai mà chẳng thể xoay chuyển tạo hóa ư? Chỉ cần dạy họ thường giữ lòng kính sợ, phát tâm Bồ Đề thì những điều ấy còn có thể làm [phương tiện] dẫn đường để siêu phàm nhập thánh, huống hồ những chuyện phước nhỏ nhặt khác mà chẳng thể đạt được ư? Phước và họa dựa dẫm lẫn nhau, muốn thuần được phước chẳng mắc họa thì cũng chỉ do chính mình nỗ lực tu trì! Hôn sự của

con gái ông, người nhà đã không bằng lòng, hãy nên châm chước, và hỏi con gái ông có ý kiến quyết định hay không? Nếu con gái ông có ý kiến quyết định thì chẳng trở ngại gì. Còn như con gái ông không có ý kiến quyết định, sau này có thể vì chán ghét nghèo cùng, ghét bị trói buộc, lại bị những kẻ ghét nghèo chê bai, oán thán, chắc sẽ chẳng tốt lành gì! Chẳng thể không tính sẵn điều này! Trước hết, hãy nên hỏi con gái ông rồi hỏi Phật để quyết định.

Người thế gian tính toán cho con cái phần nhiều đều mưu tính trên gia tài, chứ không tính trên nhân phẩm. Con em nhà giàu chẳng được mấy năm liền bị đói lạnh chết đi, nào có hạn lượng? Kẻ nghèo trắng tay nhẵn nhụi, thành gia lập nghiệp được cả nước tôn sùng, há lại có hạn lượng ư? (Đây là nói theo giới thương nghiệp, bọn quân phiệt không tính vào đây). Do ông đã nhắc đến, nên chẳng thể không bảo cùng ông biện pháp thận trọng. Con gái ông gặp được người thuộc gia đình tốt đẹp như vậy thật là may mắn lớn lao! Gặp năm tháng chẳng vừa ý là tại trời, nhưng tu trì là tại ta, mạng tự ta lập! Nếu có thể thường giữ lòng kính sợ, nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm thì không nghiệp nào chẳng tiêu, không phước nào chẳng đưa tới, đây chính là ý nghĩa lớn lao *"nhân định thắng thiên"* vậy! Nếu cô ta lười nhác, biếng trễ, trong tâm không đặt nặng chuyện năm tháng không vừa ý, sẽ thành ra *"thiên định thắng nhân*". Xin hãy đem ý nghĩa "lập mạng tu thân" lớn lao này nói với cô ta, ắt cô ta sẽ rửa lòng gột ý, dè dặt, chăm chú tu trì, siêu phàm nhập thánh hãy còn dư, huống hồ khuyết điểm năm tháng nhỏ nhặt ư?

Cô con gái thứ hai nếu chưa hứa gả cho ai, hãy nên chọn một gia đình tin Phật để cho cô ta được xuất giá sớm hòng nhẹ trách nhiệm, khỏi phải lo lắng. Hãy nên bảo cô ta: Hiện thời lòng người chẳng được như xưa, người ta càng phú quý càng nguy hiểm, chớ nên không hiểu việc, cứ muốn chọn gia đình [giàu có] để mong hưởng phú quý dài lâu! [Tuy] nhà [người ta] nghèo, chỉ cốt sao giữ bổn phận là được rồi; nếu thời cuộc biến động, cũng chẳng đến nỗi quá thê thảm! Nếu là nhà phú quý, rất có thể cả thân lẫn mạng đều chẳng giữ được! Ai nấy đều có điều ưa thích, kẻ chuộng danh xuông ắt sẽ chẳng chú trọng lợi ích thật sự.

Bà nội kế của ông tuy có mấy chục năm tu trì nhưng vẫn là một kẻ phàm tục, đối với việc vãng sanh sợ rằng càng khó khăn hơn nữa. Nhưng cũng có thể coi điều này như một mũi kim đâm vào đỉnh đầu người niệm Phật: Cần phải buông xuống hoàn toàn sự ham chuộng thể diện tốt đẹp thì mới là người thật sự niệm Phật. Quang cũng chẳng phải là bậc thánh nhân [có đủ] thần thông, chỉ có thể chí thành hồi hướng cho cụ, chẳng thể làm cho cụ quyết định được vãng sanh! Bà nội kế của ông hành trì đã quy về thuần nhất, nhưng trong lúc ấy, nói đến sự lợi ích cầu sanh Tây Phương [thì cụ] vẫn hơi hàm hồ, càng khó vãng sanh. Do có chút phước tu hành, chắc chắn đời sau

bị phước làm mê, sẽ rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn bị đọa mãi trong tam đồ ác đạo. Biết sự lợi - hại này rồi, hãy chớ si tâm vọng tưởng, luyến tiếc trần cảnh thế gian, chẳng nguyện vãng sanh. Cụ thành tựu được sự vãng sanh sẽ có lợi ích rất lớn cho ông và quyến thuộc.

Cư sĩ Chí Liên đã ngoài bảy mươi tuổi, tháng ngày không còn mấy; hãy nên khuyên cụ chuyên tâm dốc chí cầu được vãng sanh; muôn phần chẳng được có chút ý niệm cầu phước báo nhân thiên trong đời sau, ngõ hầu cụ quyết định được vãng sanh. Thêm nữa, lúc cụ lâm chung, càng phải khéo giúp đỡ, giữ gìn, đừng để vì không khéo lo liệu mà cụ bị phá hoại tịnh niệm, sự mất mát sẽ chẳng nhỏ nhoi đâu! Thành tựu một người vãng sanh Tây Phương chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật. Vốn có thể vãng sanh, nhưng vì chẳng khéo lo liệu, đến nỗi do bị đau đớn, sân tâm nổi lên, hoặc vì đau thương mà dấy tâm yêu mến. Tâm sân hay tâm ái vừa khởi lên, tịnh niệm liền bị vẩn đục, dao động, chuyện mong cầu vãng sanh kể như khỏi tính nữa! Từ công đức thành tựu [một người vãng sanh] mà nghĩ đến lỗi phá hoại [sự vãng sanh của người khác], thật đáng sợ hãi lớn lao thay! Mạng sống của con người trong thế gian chớp mắt đã qua, một hơi thở ra không hít vào được nữa, chẳng biết lại đi về đâu! Nếu chẳng biết chắc chắn một pháp Tịnh Độ, thật đáng sợ hãi đến cùng cực!

Ông Tào Tung Kiều kể: Khi cha ông ta đi học, một bạn học là con nhà phú ông, hết sức đần độn. Thầy giáo dạy cho hắn, hắn còn chưa hiểu, cha ông Tào vừa nghe liền thuộc được ngay. Gã con phú ông ấy chết sớm, về sau thấy hắn đến [nhà ông Tào], rồi chợt chẳng thấy nữa; Tào Tung Kiều bèn sanh được một gái, nay đã ba mươi mốt tuổi, cực thông minh, học hành hoàn toàn chẳng phải tốn công. Thoạt đầu là con trai phú ông, [đời] sau làm cháu nội gái của người bạn học. Con người luân hồi, thật đáng sợ thay! Đây chỉ là thay đổi hình tướng nam - nữ, chứ kẻ biến đổi toàn thể thì trong mười người đã hết tám, chín. Buồn thay!

Tu hành chẳng si ngốc[225], quyết khó thể thành tựu! Nhất tâm niệm Phật chính là chánh niệm Chân Như lớn lao. Khi chuyện chẳng ngờ trước xảy đến, dẫu là chuyện chẳng thể thoái thác được, hãy nên bình tâm hòa khí, suy xét cẩn thận, đấy chính là "xét lời nói, xem vẻ mặt" hết sức kỹ càng. Tâm gấp rút chính là chướng ngại lớn cho người tu hành. Buông được cái tâm này xuống thì đương thể sẽ thanh lương. Trong lúc cõi đời rối loạn này, tuổi ông

[225] Ở đây không có nghĩa là người ngu si, đần độn mới tu hành được, mà có nghĩa là hành nhân phải hiểu mình là phàm phu độn căn, không tự kiêu, ngạo nghễ, không cậy mình thông minh, mà thật thà, chất phác tu hành, không mong ngóng trở thành bậc thông gia diễn giảng Phật pháp hoạt bát hòng phô tài thế trí biện thông, đến nỗi không có sự tu tập thật hạnh.

đã gần năm mươi rồi, nếu chẳng chịu chết lòng niệm Phật, do đọc sách có chỗ không biết bèn muốn học Giáo. Suy tính kiểu ấy, nếu đem hỏi vị pháp sư khác, chắc [vị ấy sẽ bảo là] rất tốt. Nếu đem hỏi Quang, [Quang sẽ bảo] đấy chính là suy tính chẳng tuân giữ bổn phận! Kẻ ngu một chữ không biết kia còn được vãng sanh Tây Phương, nhưng bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo sâu xa vẫn không được hưởng lợi ích ấy! Sao ông lại xem đó là điều tiếc nuối? Những cảnh tượng ông đã thấy trong mộng rất tốt, hãy nên nỗ lực. Lâu dần sẽ tự được không chướng ngại. Loại hiện tượng ấy cố nhiên chẳng dễ dàng đạt được, nhưng chớ nên vạch đất [tự giới hạn] không tiến nữa; nếu không do những chuyện ấy mà kiêu căng, khoe khoang, ắt sẽ có lợi ích thật sự.

Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc. Nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết cặn kẽ nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là "tự lợi, lợi tha", không chi tốt lành bằng! Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc A Già Đà[226] đã được [đức Phật] thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thảy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, dược tánh, mạch lý! Đoạn trừ dâm niệm, sân niệm thật chẳng dễ dàng gì. Nếu chẳng có sở chứng, quyết chẳng thể rốt ráo thanh tịnh! Như mười hai câu trong sách Cảm Ứng Thiên, *"kiến nhân chi đắc, như kỷ chi đắc"* (thấy người khác đạt được điều gì, giống như chính mình đạt được) v.v… nếu có thể đối với mỗi chuyện đều có thể xét soi tự tâm, dẫu [tâm] chưa thể thuần ngay, vẫn có thể thường được như vậy. Nhan Tử (Nhan Uyên) ba tháng chẳng trái nghịch điều nhân, nhưng vẫn hơi bị gián đoạn, chưa thể hoàn toàn hòa lẫn thành một khối với lòng nhân được. Mong thành thánh thành hiền là do con người tự gắng sức. Nếu phóng túng thì sẽ chẳng thể nào diễn tả được, giống như những kẻ "vì nước vì dân" hiện thời vậy! Chẳng đáng buồn ư?

Người tu hành tâm chớ nên lệch lạc. Nếu lệch lạc chắc sẽ mắc bệnh. Thân thể yếu đuối hãy nên lắng lòng chánh niệm để tâm thần chẳng rong ruổi theo bên ngoài, tâm tự quy nhất thì thân cũng dần dần được yên ổn, khỏe mạnh. Nếu muốn được vãng sanh mà tâm này kết chặt chẳng cởi gỡ được, chắc sẽ dấy lên ma sự. Mặc cho nghiệp đến - đi, chính mình tự trấn định. Nếu muốn được [thành tựu] ngay, sẽ như dưa chưa chín đã hái trước, há còn dùng được nữa hay chăng? Ông bạn X… nọ thần kinh suy nhược,

---

[226] A Già Đà (Agada), còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiệt Đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

một là do tham sắc, hai là do quá mức vọng tưởng muốn làm chuyện sức mình không thể làm được mà ra. Nếu cởi gỡ được hai điều này, bệnh sẽ tự lành. Nếu không, sau này bị mất trí phát cuồng cũng chẳng biết chừng!

Căn bệnh của Huệ Tịnh càng sâu nặng hơn, đáng than hết sức! Người xưa nói: *"Ninh khả thiên sanh bất ngộ, vật giao nhất thời trước ma"* (Thà cho ngàn đời chẳng ngộ, chẳng để ma dựa một lúc). Người thông minh tự kiêu, đa phần phạm phải căn bệnh này. Do trước đó tự tâm đã chứa sẵn chí khí phô trương, sai trái, hung hăng này, ma bèn thừa cơ xen vào. Nếu chẳng nông nổi, bộp chộp, tự kiêu, ma sẽ lánh xa! Ông ta còn biết cầu Quán Âm, cầu cứu Quang. Đức Quán Âm đại từ đại bi, ông ta sẽ được Ngài từ bi che chở, Quang là nghiệp lực phàm phu chỉ có thể khấn nguyện, hồi hướng cho ông ta, đâu có thể như bậc thánh nhân thần thông chữa cho ông ta lành bệnh từ xa được? Nay tính kế cho ông ta, đem năm mươi đồng [ông ta đã cúng] gởi sang Linh Nham Sơn Tự để họ lập một bài vị Trường Sanh Liên Vị[227] cho ông ta (sanh tử đều vô ngại, Trường Sanh Lộc Vị chỉ thích hợp cho người sống), thờ trong Niệm Phật Đường. Lại vì ông ta trì chú Đại Bi hai ngày, mong cậy vào Phật lực, Pháp lực, chúng Tăng lực, ắt sẽ được lành bệnh.

Linh Nham cách thành Tô Châu hơn hai mươi dặm, là một đạo tràng cổ; hai mươi năm trước, giao về tay hòa thượng Chân Đạt, gần đây đổi thành [đạo tràng] thập phương, ba mươi vị sống ở đó chuyên tâm tu tập, niệm Phật suốt năm. Cũng không có chuyện [khách thập phương lui tới] cúng bái, cũng chẳng làm Phật sự, cũng không truyền giới, công khóa rất nghiêm mật, cả tỉnh Giang Tô không có đạo tràng nào như vậy! Huê lợi mỗi năm chẳng quá một ngàn đồng, lập chương trình: [Nếu chi dụng] cho hai mươi người sống ở đó không đủ, hòa thượng Chân Đạt sẽ bù thêm. Hai năm gần đây, do có người đả Phật thất, nên số người cũng đông hơn, nhưng vẫn vừa đủ chi dụng.

---

[227] Trường Sanh Liên Vị, hơi khác với Trường Sanh Lộc Vị, là một bài vị màu vàng, ghi tên những người còn sống hay đã chết trong một khung hình hoa sen, thường được bày trong Niệm Phật Đường ở phía sau bàn Quán Âm (nếu có thêm bàn thờ riêng Quán Âm ngoài bàn thờ chính thờ tượng Tam Thánh), hoặc gắn lên vách tường bên trái bàn thờ chánh (đối với người còn sống), hoặc thờ sau bàn Địa Tạng (nếu người ấy đã mất) nhằm đem công đức niệm Phật hồi hướng cho những người ấy hễ còn sống sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, nhất tâm tu trì, khi lâm chung sẽ nhờ phước lực niệm Phật của mọi người và sức tu trì của chính mình được vãng sanh Cực Lạc. Trường Sanh Lộc Vị thường có màu đỏ và không có hình hoa sen, chỉ ghi tên người sống. Mục đích của cả hai loại bài vị này là dùng công đức niệm Phật huân tập tâm thức, hồi hướng, gieo thiện duyên cho người được ghi danh.

Phật thất vừa nói đó [mỗi lần cử hành] đều viết thư thông báo, nhưng số người trong vùng đến dự mười phần chưa được một! [Chùa Linh Nham] chỉ niệm Phật, ngay cả Diệm Khẩu cũng không thực hiện.

Đu đủ trừ được phong thấp. Nếu muốn cho ấm, chẳng ngại gì mua đu đủ tươi, rồi tạo cách giữ cho nóng bằng cách buộc trên đùi, loại tươi có tác dụng mạnh nhất. Quang do sợ lạnh, nên dùng loại đu đủ khô cắt thành miếng. Cháu ngoại gái của ông thiếu sữa hãy nên dùng sữa bò. Con dâu trưởng của ông Vương Ấu Nông mất, cháu nội là Tích Quan chưa đầy năm, liền cho bú bằng sữa bò, chưa hề phải mướn nhũ mẫu. Phàm mọi chuyện nên định lượng lợi - hại, được - mất từ trên căn bản, hãy cân nhắc nặng - nhẹ để chọn cách thực hiện.

Bệnh lác[228] thật khó trị nhất, dễ truyền nhiễm nhất. Thuốc cao Thương Nhĩ[229] hiện thời quả thật trừ khử được họa hại, tăng phước lợi lớn nhất cho xã hội. Tuy chẳng thể tránh khỏi tổn thương đến sanh mạng loài trùng, nhưng [thuốc ấy có] lợi ích lớn lao. Huống chi Quang còn bảo kẻ chế thuốc cao và người uống đều niệm Quán Âm nữa ư? Nếu theo như ý ông, cứ dẫn lời ông Đào Ẩn Cư (viết sai là Quân) để rồi kiêng kỵ, sẽ làm hại người bị bệnh lác, mặc cho người ấy cứ mắc bệnh mãi để rồi thường truyền nhiễm ư? Mong hãy dứt khoát bỏ đi ý nghĩ ấy!

Nói đến căn bệnh của người bạn tên X… nọ, chẳng biết ông ta có cho [những lời Quang nhận định] như vậy là đúng hay không? Lúc này đúng nhằm lúc thời cuộc từ ngàn xưa chưa hề có, nhưng ngay trong lúc này, ông ta vẫn cứ buồn vì đã năm mươi tuổi mà chưa có con, chẳng biết đoạn nghiệp

---

[228] Nguyên văn là Đại Ma Phong (bệnh cùi). Theo mạch văn ở đây, có lẽ là một loại bệnh gây lở loét ngoài da, chứ bệnh cùi đến nay vẫn chưa có thuốc trị, và không phải là căn bệnh ai cũng bị lây. Hơn nữa, trong phần dược tánh của lá Thương Nhĩ không thấy nói chữa được bệnh cùi. Do vậy, chúng tôi tạm dịch là "bệnh lác".

[229] Thương Nhĩ (tên khoa học là Xanthi Sibiricum), còn được gọi là Quyển Nhĩ, Tước Nhĩ, Địa Quỳ, Dương Phụ Lai, Đạo Nhân Đầu, Tiến Hiền Thái, Dã Gia v.v… là một loại thảo mộc thuộc họ Cúc, thường mọc hoang, trổ hoa vào khoảng giữa Hạ sang Thu, có trái hình trứng, khắp thân cây mọc đầy gai rất cứng. Loại thực vật này có chất độc, đôi khi có thể gây ra tử vong. Theo Đông Y, Thương Nhĩ tánh ôn, vị cay và đắng, có tác dụng đi vào kinh Phế, thường dùng để chữa phong thấp, đau đầu do cảm mạo, trừ các chứng ghẻ lở, ngứa ngáy, mụn nhọt, ù tai… Tuy thế, liều lượng sử dụng phải hết sức cẩn thận. Trong khoảng 1960-1962, tại Trung Quốc đã có 30.119 trường hợp bị ngộ độc, trong số đó có 405 người chết vì dùng Thương Nhĩ.

chủng ấy để mai sau chẳng đến nỗi rộng tạo ác nghiệp, di hại cho xã hội, con cháu, điếm nhục tổ tông, cha mẹ thì may mắn chi hơn?

Về sách Nhân Phổ, trước kia ông Minh Đạo chỉ đem đến một cuốn Nhân Phổ Loại Ký[230], nói ông Đậu Tồn Ngã muốn ấn hành, lưu thông, xin tôi khuyên, điểm câu văn[231] cho dễ đọc. Đến cuối tháng, Minh Đạo và Tồn Ngã đến cầm theo hai bộ sách trọn vẹn, một bộ in theo lối chữ to, một bộ in thạch bản chữ nhỏ. Như vậy là Nhân Phổ Chánh Biên một quyển, chỉ gồm hơn một trang, và Nhân Phổ Tục Biên quyển một và quyển hai, tổng cộng là mười tám, mười chín trang[232]. Lời tựa mở đầu sách ấy đúng là đả phá bài xích nhân quả báo ứng đến tột cùng. Văn tự của họ Hàn, họ Âu dẫu nhiều đến đâu đi nữa cũng chẳng quyết liệt bằng bài tựa gần được bốn trăm chữ này! Độc tánh của bài tựa ấy ắt sẽ khiến cho kẻ khác giết cha hại mẹ chẳng hề do dự, run sợ mảy may nào, xui khiến cho con người trong cả đời đều biến thành cầm thú hết mới thôi!

Cung cách giảng về chánh tâm thành ý của những tiên sinh bên Lý Học như thế chính là đả phá, bài xích cội nguồn của chánh tâm thành ý chẳng tiếc sức chút nào. Họ chỉ muốn làm cho con người tận nghĩa, tận phận, nhưng chẳng biết: Đã phá bỏ nhân quả thì thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt, phóng túng không kiêng dè, không điều ác nào chẳng làm, chẳng đáng buồn ư? Chất độc khiến cho đất nước thoi thóp, dân không lẽ sống hiện thời đều là do những vị tiên sinh Lý Học này đã hạ độc từ trước, đến nay mới bắt đầu phát tác mạnh mẽ. Do vậy, tôi bèn bảo ông Tồn Ngã: *"Muôn vàn chớ nên lưu thông sách này. Chỗ tốt của nó thì các thiện thư đều*

---

[230] Nhân Phổ và Nhân Phổ Loại Ký là hai cuốn sách do Lưu Tông Châu soạn vào đời Minh. Nhân Phổ gồm những phương châm nói về quan điểm làm người, nêu rõ lỗi lầm và phương cách sửa đổi lỗi lầm theo quan điểm Nho Gia. Bộ Nhân Phổ Loại Ký tập hợp những giáo huấn của thánh hiền bên Nho Học, chia thành từng loại với mục đích giáo huấn hàng sơ học theo quan điểm của Tống Nho. Cả hai bộ này đều được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư.

[231] Trước kia, người Trung Hoa viết văn không chấm câu, nên có những tác phẩm khi tái bản phải nhờ người học rộng cân nhắc kỹ lưỡng rồi mới chấm câu để người đọc khỏi tự chấm câu bừa bãi, hiểu sai ý tác giả.

[232] Ở đây chúng tôi dịch theo đúng nguyên văn, nhưng vẫn sợ rằng nguyên bản chép lầm, vì cả một bộ sách được chia thành ba quyển mà tổng cộng chỉ gồm 20, 21 trang (Chánh Biên gồm hai trang, Tục Biên 2 quyển gồm 18, 19 trang) thì quá ít! Với số lượng trang quá ít như thế, không ai chia thành ba quyển làm gì! Chúng tôi đoán có lẽ là 189 trang, nhưng vẫn tôn trọng nguyên bản nên không dám sửa theo ý kiến riêng, chỉ xin ghi lại như một điều tồn nghi!

có, còn chỗ sai lầm của nó đúng là móc bỏ chánh nhãn của người đời sau trong thiên hạ. Vì thế, hãy nên bỏ đi ý định ấn hành. Những sách chú thích Công Quá Cách cũng chẳng phải là sách thích hợp căn cơ, vì con người hiện thời phần nhiều chán nghe những chuyện nhân quả, luân thường, chỉ có người chân tâm tu trì mới chịu đọc mà thôi! Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. Dẫu kẻ coi nhân quả là hư vọng, phô phang trống rỗng, ưa tỏ vẻ là bậc đại thông gia trước mặt người khác, nếu đọc sách này, chẳng khỏi bị cảm hóa! So với hết thảy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự". Tiếc cho con người chẳng để ý. Nếu để ý, kẻ ngu liền thành trí, kẻ cuồng bèn thành thánh vậy.

Họ Trầm tâm cực thành khẩn, nhưng lời lẽ phần nhiều thiên chấp, tri thức cũng khó ngửi giống như Ngọc Phong; trước đây, tôi đã nói với ông Úy Như [như thế]. Còn như lưu thông hay không, cứ mặc cho người ta làm, không đả phá mà cũng chẳng tán thành, tôi cũng chẳng dính vào hai chuyện ấy. Ông Hứa Chỉ Tịnh lại còn sửa chữa, bổ sung đại lược sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, những điều được [ông ta] thêm vào tuy đại lược nhưng có tầm quan hệ lớn lao, nói chung [thêm vào] hơn một vạn chữ. Cư sĩ Lý Kỳ Khanh tính bỏ ra hai ngàn đồng để khắc in mộc bản, phỏng chừng phải mất hai năm mới in thành sách hoàn chỉnh. Thượng Hải lại cho tái bản, hiện đã giao cho Quốc Quang Thư Cục đúc bản kẽm mới, sẽ giao cho nhà in trong khoảng tháng Tám, chắc có thể in thành sách trong năm nay. Hiện thời pháp diệt, Nho và Thích đều như nhau; không có loại sách này thì chẳng có gì để uốn nắn lòng người cho ngay thẳng, duy trì thế đạo được. Vì thế, Quang vẫn còn phải lo toan đôi chút. Đối với việc giảo chánh, đối chiếu v.v... ở Giang Tây có một vị Tăng tên là Đức Sâm tánh khá tỉ mỉ, chịu khó, hiện đang trụ tại chùa Báo Quốc, giảo chánh kỹ càng.

Muốn tụng Quán Âm Viên Thông Chương[233], hãy nên niệm trọn bài văn tiếp theo đó. Tuy [phần kinh văn ấy] chẳng chuyên nói về phép Viên Thông của đức Quán Âm, nhưng văn lẫn nghĩa thấu lý tột cùng, viên diệu không gì bằng được! Nếu lược bỏ đi không đọc cũng chẳng có tội lỗi gì, nhưng đầu đuôi không được toàn vẹn, trở thành cái bệnh chọn lựa! Nên tụng cho đến hết phần sau bài kệ Chọn Lựa Pháp Viên Thông của ngài Văn Thù, [tức là phần kinh văn trường hàng] từ *"Lúc bấy giờ, A Nan và các đại chúng..."* cho đến *"vô lượng chúng sanh đều phát Vô Đẳng Đẳng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm"*, [tụng như vậy] thì một đại sự nhân duyên viên

---

[233] Quán Âm Viên Thông Chương tức là đoạn kinh Lăng Nghiêm nói về pháp tu Viên Thông "phản văn tự tánh" (xoay trở lại nghe nơi tánh) của ngài Quán Âm.

thông của đức Quán Âm mới được [trình bày] trọn vẹn; hoặc chuyên niệm phẩm Phổ Môn cũng được. Nếu tụng phép Viên Thông của ngài Quán Âm thì phải tụng đúng như sách Quán Thế Âm Bổn Tích Cảm Ứng Tụng đã sao lục. Trước kia, ông Hứa Chỉ Tịnh cũng đem phần kinh văn [trường hàng] sau [bài kệ] ấy trích lược đôi chỗ, Quang cho sao lục toàn bộ để đại sự ấy hoàn toàn không bị khiếm khuyết thì mới nên!

Kinh Kim Cang được rất nhiều người chú giải, [muốn tìm một bản] gọn ghẽ, thoáng đạt, dễ đọc thì hãy nên thỉnh bản chú giải của Tông Lặc[234] để xem. Ý nghĩa kinh văn của phẩm Tịnh Hạnh[235] pháp nào cũng viên thông, chớ nên chấp chết cứng vào từng chữ, từng câu. Những đoạn như *"được*

---

[234] Tông Lặc (1318-1391) là một vị Tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đầu đời Minh, người Thai Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), có hiệu là Toàn Thất. Năm tám tuổi, Sư đã đến xin học với ngài Tiếu Ẩn tại chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, 14 tuổi được xuống tóc, 20 tuổi thọ Cụ Túc. Do sở học tinh thâm, Sư cùng với sư Như Phi soạn Lăng Già Kinh Chú Giải, Bát Nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú Giải. Sư còn soạn ra Tán Phật Nhạc Chương. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), Sư qua Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và kinh Văn Thù v.v… Khi về nước, Sư từng giữ chức Hữu Thiện Thế quản nhiệm Tăng Lục Ty, tức cơ quan quản lý Tăng sĩ cả nước thời ấy. Do triều thần ghen ghét, Sư bèn lui về ẩn cư tại Viên Thông Am cho đến khi mất. Bản chú giải được Tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là Kim Cang Bát Nhã Kinh Chú Giải.

[235] Tịnh Hạnh Phẩm là phẩm thứ bảy trong bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật Xoa Nan Đà dịch vào đời Đường. Trong phẩm này, Trí Thủ Bồ Tát hỏi Văn Thù Bồ Tát về phương pháp giữ cho thân - ngữ - ý đều thanh tịnh, thù thắng, không bị hủy hoại, không bị thoái chuyển, cũng như đắc các môn giải thoát tam-muội nhiễm tịnh trí lực, túc trụ niệm trí lực v.v… Nhân đó, Văn Thù Bồ Tát liền dạy phương pháp quán niệm trong mỗi hành động, chẳng hạn như: *"Bồ Tát ở tại gia, nên nguyện chúng sanh, biết tánh của nhà là không, thoát khỏi bức bách, hiếu thuận cha mẹ, nên nguyện chúng sanh, khéo thờ đức Phật, bảo vệ, nuôi nấng hết thảy. Vợ con tụ tập, nên nguyện chúng sanh, oán thân bình đẳng, vĩnh viễn lìa khỏi tham đắm…"* Thậm chí trong những hành động nhỏ nhặt như xỉa răng, súc miệng, tắm rửa, đi vệ sinh, đều luôn quán tưởng. Những bài kệ trong Tỳ Ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm Tịnh Hạnh. Ba câu Tự Quy Y trong kinh Nhật Tụng cũng trích từ phẩm Tịnh Hạnh này. Câu *"được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn"* được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là một phép quán niệm trích từ phẩm Tịnh Hạnh.

thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn” đều bao gồm ý nghĩa đoạn Hoặc chứng Chân trong ấy. Nếu chỉ hiểu là chuyện ăn uống thì hoàn toàn trái nghịch ý nghĩa của kinh mất rồi. Còn như [bài kệ] *“Sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp”* (việc làm đã xong, đầy đủ Phật pháp), há chẳng bao gồm ý nghĩa vãng sanh Cực Lạc trong ấy hay sao? Vì thế, đương nhiên phải tụng đúng theo kinh. Nếu như ông nói, người niệm Phật đối với mỗi bài kệ trong phẩm Tịnh Hạnh đều nên sửa đổi, [làm như vậy] sẽ trở thành làm chuyện sai quấy, trái nghịch kinh mất rồi. Quang chưa rảnh rỗi để giải thích Triệt Ngộ Ngữ Lục .

Nhất Sanh Bổ Xứ là danh xưng chung để gọi những vị phá vô minh, chứng pháp tánh, há có nên giải thích là số lần sanh vào trong nhân gian? Các vị Bồ Tát ấy chứng Vô Sanh sâu xa, trong khoảng một niệm cũng có thể thị hiện sanh trong khắp các cõi. Tuy bao lượt thị hiện giáng sanh, nhưng thật sự chẳng có tướng sanh nào để đạt được cả; do vậy gọi là Vô Sanh. Nếu chỉ hiểu “chẳng sanh” là Vô Sanh thì có khác gì hành tướng “khôi thân mẫn trí”[236] của Tiểu Thừa đâu? [Các vị Nhất Sanh Bổ Xứ] biến dịch sanh tử[237], chứ không thật sự sanh tử. Vì tuy đã liễu sanh tử nhưng vẫn còn Vô Minh Hoặc chưa thể nhanh chóng đoạn sạch được, nên phải nhiều lần đoạn Hoặc, nhiều lượt chứng Chân. Ước theo ý nghĩa Sở Đoạn nên gọi là Tử, ước theo ý

---

[236] “Khôi thân mẫn trí” (nói phổ biến hơn là “khôi thân diệt trí”) là một từ ngữ diễn tả cảnh giới tịch diệt vắng lặng của thánh nhân Nhị Thừa, thân không còn bị ngũ dục lay chuyển, vắng lặng, không còn phiền não, dục vọng, giống như tro nguội, trí không còn vọng tưởng lăng xăng, chìm lặng trong cảnh tịch định. Gọi là “mẫn trí” hay “diệt trí” vì trí của các vị thánh nhân Tiểu Thừa vắng lặng, nhưng không có công năng “quán chiếu, thấu hiểu mọi cảnh nhưng không chấp trước vào cảnh” như các vị đại Bồ Tát, tức là “tịch nhưng không chiếu”.

[237] Biến dịch sanh tử, còn gọi là “vô vi sanh tử”, là sự sanh tử của hàng A La Hán, Bích Chi Phật cho đến Đại Lực Bồ Tát. Do dùng nghiệp phân biệt vô lậu làm nhân, dùng vô minh trụ địa làm nhân để chiêu cảm báo thân thù thắng, vi tế, mầu nhiệm. Do dùng đại nguyện đại bi vô lậu để chuyển biến cái thân sanh tử có hạn lượng (phần đoạn sanh tử) thành cái thân vi diệu thù thắng, thân ấy do nguyện lực cảm thành nên gọi là Biến Dịch (thay đổi). Do thân này vì nguyện lực cảm thành nên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn, vì thế còn gọi là “bất tư nghị thân”. Do nguyện lực cảm thành nên khi thệ nguyện đã mãn, hoặc cơ duyên hóa độ đã hết bèn xả thân, chứ không phải vì nghiệp lực quyết định thọ mạng; vì thế, gọi là “biến dịch”, tức thay đổi theo hoàn cảnh và căn cơ của người được hóa độ.

nghĩa Sở Chứng nên gọi là Sanh. "Địa vị Bổ Xứ Phật" và "đạt đến địa vị Bổ Xứ" ý nghĩa chẳng hai.

Ông cho rằng "thành Phật chính là đạt đến địa vị Bổ Xứ", nhưng mỗi vị Phật thành Phật có cơ duyên riêng, há nên chấp chết cứng? Chỉ cần phá vô minh, chứng pháp tánh thì hoặc là thành Phật ngay, hoặc phải trải qua nhiều kiếp dài lâu mới thành Phật, đều tùy thuộc cơ duyên của mỗi vị như thế nào mà thôi! *"Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí"* (Chúng sanh vãng sanh [cõi Cực Lạc] đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí và Nhất Sanh Bổ Xứ cũng đều thuộc trong số ấy; nhưng để chỉ rõ những vị thuộc vào địa vị sâu xa [số lượng] rất nhiều nên [kinh Di Đà] lại nói: *"Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bổ Xứ"* (trong số ấy có nhiều vị Nhất Sanh Bổ Xứ). Đừng luận định các vị thượng thiện nhân cõi Cực Lạc bằng cách chấp chết cứng vào giáo lý! Há nên dùng câu nói trên đây để kết thúc phần nói về Tam Bất Thoái? Địa vị [Bất Thoái] thứ ba là Niệm Bất Thoái, chính là những vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác trong Viên Giáo, chớ nên giới hạn, đặt Tam Bất Thoái nằm ngoài số những vị Nhất Sanh Bổ Xứ. Hãy nên nghiền ngẫm kỹ chữ *"giai"* (đều) và chữ *"kỳ trung"* sẽ chẳng tự lầm lẫn tách rời [Tam Bất Thoái khỏi Nhất Sanh Bổ Xứ].

Kinh A Di Đà nói giản lược, nhưng công phu, công đức của mỗi người vãng sanh đều sai khác vô lượng, vô biên; phẩm vị vãng sanh cũng khác nhau vô lượng, vô biên! Nói "chín phẩm" bất quá là nêu sơ lược đại cương mà thôi. Nếu đạt đến nhất tâm bất loạn thì giống với [những người vãng sanh thuộc địa vị] Thượng Phẩm Thượng Sanh như trong Quán Kinh đã nói. Người chưa đạt nhất tâm và kẻ ác nghiệp nặng nề sắp bị đọa [địa ngục] cố nhiên giống hệt như [những vị vãng sanh thuộc] các phẩm Trung và Hạ trong Quán Kinh, chứ không phải là kinh này chuyên tiếp dẫn người nhất tâm bất loạn, những kẻ khác đều chẳng phải là căn cơ được nhiếp thọ bởi kinh này! [Hiểu] như vậy thì cố nhiên ba kinh là một kinh! Nếu không, chính là chấp văn trái ý, lỗi chẳng phải nhỏ! Tịnh Độ hoành siêu có người viên chứng, có kẻ chưa thể viên chứng ngay. Dù chưa thể viên chứng nhưng đã liễu sanh tử, không còn có chuyện luân hồi sanh tử nữa, vẫn ngay trong một đời này được dự vào hàng Bổ Xứ, được thành Bồ Đề. So với những kẻ cậy vào tự lực nhưng chưa viên chứng thì khác nào một trời, một vực! Do vậy, cũng có thể gọi là "viên chứng".

Ông cho rằng: "Nếu sanh vào cõi ấy, chứng Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang có nhanh hay chậm sai khác; vì thế, không một ai hễ sanh bèn chứng ngay". Đọc phần kinh văn trong Quán Kinh dạy về chín phẩm vãng sanh ắt biết liền! Đối với những điều khác được nêu bày trong phần kinh văn tiếp theo đó, ông hiểu quá sai ý nghĩa! *"Đoạn sạch Kiến - Tư, ra khỏi Đồng Cư, vào cõi Phương Tiện, đoạn sạch Trần Sa và phá một phần vô minh bèn*

ra khỏi Phương Tiện, vào Thật Báo. Đoạn sạch vô minh, ra khỏi Thật Báo, chứng cõi Tịch Quang": Đây chính là ước theo sở chứng sâu hay cạn, ước theo điều đã đạt được là thô hay diệu mà nói; đọc kỹ phần luận về Bốn Cõi [Tịnh Độ] trong Di Đà Yếu Giải sẽ tự biết. Hơn nữa, trong Văn Sao từng nói Thật Báo và Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo lý tánh bèn gọi là Tịch Quang, ước theo quả báo gọi là Thật Báo. Cõi Tịch Quang không có tướng, cõi Thật Báo có đủ các tướng thù thắng trang nghiêm [với số lượng] nhiều như số vi trần trong một cõi Phật. Phá một phần vô minh bèn phần chứng Thật Báo, mà cũng chứng một phần Tịch Quang. Vô minh phá sạch bèn rốt ráo Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Để dễ hiểu, những người giảng giải quy kết Phần Chứng vào Thật Báo, quy kết "rốt ráo" vào Tịch Quang. Cần biết rằng: Thật Báo và Tịch Quang đều có Phần Chứng, đều có Cứu Cánh (rốt ráo). Ông muốn tỏ rõ lý viên mãn của Tịnh Độ, nhưng đối với ý nghĩa "viên chứng bốn cõi Tịnh Độ" lại nêu lên ý nghĩa *"viên xuất cõi này"* (thoát khỏi trọn vẹn cõi này - tức cõi Phàm Thánh Đồng Cư) thì đâm ra ăn nói sai quấy mất rồi. Đoạn hết Kiến Tư xong là ra khỏi Đồng Cư. Đoạn Trần Sa, phá vô minh xong, chẳng còn phải đèo bồng Đồng Cư nữa[238], huống hồ là đã đoạn sạch vô minh, cần chi phải thoát khỏi hai cõi Đồng Cư, Phương Tiện nữa ư? Chẳng biết: Do phàm phu được dự vào Bổ Xứ nên tại Đồng Cư đã thấy trọn vẹn cả ba cõi trên! Đây là đã chứng nhập địa vị sâu, há còn nói là "thoát khỏi Đồng Cư, Phương Tiện v.v…" nữa ư?

"Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc" là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của Sắc chẳng thể đạt được, há Không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự, ngay cả Không lẫn Sắc đều chẳng thể đạt được, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như thế; đấy chính là *"chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không"*. Ngũ Uẩn đều chẳng

---

[238] Do người đã đoạn Trần Sa xong bèn chứng cõi Phương Tiện, đã đạt đến cảnh giới ấy, sẽ không còn thấy có cảnh giới Đồng Cư (sách Di Đà Yếu Giải gọi là *"thoát khỏi Đồng Cư"*), tức là không còn phân biệt nhân - ngã, thánh - phàm, nên gọi là *"thoát khỏi Đồng Cư"*; vì thế, Tổ mới nói *"chẳng cần phải đèo bồng Đồng Cư nữa"* (vì không chấp vào cảnh Đồng Cư nữa). Cư sĩ Niệm Phật lại tưởng lầm bốn cõi tách biệt nhau, có cảnh giới để lần lượt vượt thoát, nên mới lập luận rằng những vị đã đoạn Trần Sa sẽ thoát khỏi cõi Đồng Cư trọn vẹn. Do người đã vãng sanh, liền dự vào địa vị Bất Thoái nên thấy được cả ba cõi trên, tức là lãnh ngộ, phần chứng được cảnh giới thù thắng của ba cõi trên, nhưng chưa hoàn toàn thụ dụng được, mới chỉ Ngộ, nhưng chưa chứng, nên gọi là "thấy", chứ chưa gọi là "nhập".

thể đạt được, ấy chính là Thật Tướng của Chân Không. Vì thế, gọi là *"chư pháp Không tướng"* (tướng Không của các pháp). Do *"chư pháp Không tướng"* này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và Ngũ Ấm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ và Trí Huệ cùng với Niết Bàn! (Niết Bàn là thật tế của chữ Đắc). Chỉ vì trong Thật Tướng, chẳng có các pháp: thánh, phàm v.v… ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phàm đến thánh. Ví như nhà trống, người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trống, làm sao con người ở được? Do Không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, coi Lý là Sự, đấy gọi là "tà kiến", chẳng gọi là "biết pháp", hãy nên suy nghĩ cặn kẽ! Thuyết này của Quang có chỗ chẳng phù hợp ý kiến của cổ đức, nhưng ý nghĩa tổng quát chẳng đến nỗi vô cùng trái nghịch kinh Phật, cũng có thể xem như một thứ kiến giải *"thấy ngọn, thấy rặng"*[239] vậy!

Trong thư trả lời cư sĩ Hương Nghiêm, Triệt Ngộ đại sư [có viết] bốn câu: *"Tâm ngoại vô Phật, Phật ngoại vô tâm, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức tâm"* (ngoài tâm không có Phật, Phật chẳng ở ngoài tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm). Phía trên lại có câu "*hãy nên tin sâu, hiểu chắc chắn ngay vào đó"*, đấy chính là nói về lý. Ông bỏ không sao lục câu *"hãy nên tin sâu hiểu chắc chắn ngay vào đó"*, nên mới suy lường loạn xạ công phu "đã thành thục" hay "chưa thành thục". Bốn câu trước nói về lý, bốn câu sau nói về công phu ấy: Hoặc là công phu trong một niệm hoặc niệm niệm tương ứng với hiện tiền. *"Tương ứng với hiện tiền"* là nói đến ý nghĩa của *"tin sâu, hiểu chắc chắn vào ý nghĩa của bốn câu ngoài tâm không có Phật"*. Người tu hành tâm mong mỏi, hy vọng quá thiết tha, ắt sẽ gặp ma sự! Đoạn trước của bức thư ấy nhằm dạy khắp các hành nhân về một quy tắc chung để hết thảy kẻ tu trì thật sự vâng giữ như khuôn phép, ngõ hầu chẳng đến nỗi cầu lợi ích lớn lao, lại đâm ra bị tổn hại lớn lao!

Đối với lớp hậu sinh trong hiện thời, khi chúng nó vừa hiểu chuyện đời, liền dạy chúng nó về đạo giữ tinh, hộ thân. Nếu chúng nó biết tốt - xấu, sẽ chẳng đến nỗi tự xem thủ dâm là vui, để rồi mắc các nỗi họa như bị mất tánh mạng, hoặc trở thành tàn phế, hoặc vĩnh viễn truyền lại nòi giống yếu ớt v.v… Với đứa chưa hiểu chuyện đời, chớ nên nói. Còn đứa đã hiểu chuyện đời nếu chẳng nói thì trong mười đứa hết chín đứa phạm phải tật này, đáng

---

[239] Đây là một thành ngữ dựa theo câu nói "*Trắc kiến thành phong, hoành kiến thành lãnh, túng giai bất tận Lô Sơn chân cảnh"* (Nhìn phía bên thấy đỉnh, nhìn ngang thấy thành rặng, vẫn chẳng thể trọn hết cảnh Lô sơn thật sự). *"Thấy đỉnh, thấy rặng"* hàm nghĩa là do nhìn từ những góc độ khác nhau, sẽ hiểu vấn đề khác nhau, nhưng vẫn không xa bản chất của sự vật.

sợ vô cùng! Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu, Khổng Tử dạy: *"Phụ mẫu duy kỳ tật nhi ưu"* (Cha mẹ chỉ lo về tật ấy). Những tật khác đều không quan hệ lắm. Chơi bời bừa bãi, thủ dâm, tham ân ái, quả thật là chuyện khẩn yếu, quan trọng nhất! Vì thế, Khổng Tử mới nói đến điều này, nhưng người chú giải chẳng chịu nói rõ chỗ tai hại nhất, khiến cho lời của Khổng Tử cũng chẳng có hiệu quả thật sự, đáng than thay!

Hiện thời Phật giáo bị tai ách đến cùng cực, đúng là tới mức không làm sao được nữa! Những vị đại hòa thượng mơ màng chỉ biết tham danh lợi, ham quyến thuộc, chẳng nói đến chuyện chân tu thực hành, chỉ mong thâu nhận đồ đệ tràn lan, truyền giới tràn lan, cho tăng chúng cư ngụ tràn lan thật đông, mong nhờ vào đó để phô trương thanh thế đạo khí của chính mình, đến nỗi có hiện tượng như ngày nay! Em trai ông có gởi thư đến kể về hiện tượng Lạc Thanh. Ở vùng ông cũng nguy ngập hết sức, nếu chẳng quan tâm đến thì dường như thiếu sót trách nhiệm hộ pháp! Nếu quan tâm thì đúng là chẳng có biện pháp gì! Vì thế, hãy nên xét kỹ tình thế, làm được thì làm, nếu không làm được mà vẫn cứ làm thì cũng vô ích! Kẻ đáng ngại nhất thì một là người hoằng pháp, hai là kẻ trà trộn để kiếm cơm đã ươm sẵn thành mối họa này. Cho đến khi tai họa ụp xuống vẫn chẳng biết hối cải, chỉ biết cầu người khác, chẳng biết cầu Phật và cầu nơi chính mình, cũng đáng buồn thay! Do vậy, Quang giữ chặt chủ nghĩa "chẳng lập đồ chúng" vì quá chán ngán những hành vi ấy, chẳng muốn giúp họ tạo sóng gió để rồi cùng đi đến chỗ bại hoại!

Nghe nói ở Nam Kinh đã có [Tăng sĩ] cưới vợ, ở Bắc Kinh đã tiến hành cướp đoạt tài sản. Những kẻ đoạt tài sản vẫn không cấm người khác tu trì. Sở dĩ như vậy là vì họ muốn mượn danh nghĩa khuếch trương giáo dục để mong lèn đầy túi riêng. Chẳng hiểu nhân quả, chẳng biết đạo làm người, chỉ lăm lăm cậy mạnh nuốt yếu; đã thế, Tăng không có thật đức, nên mới thành ra ác quả này, buồn thay! Hiện thời, quân đội thường đóng quân trong nhà người ta, huống chi là chùa miếu! Ông và vị Đầu Đà tăng đều chẳng biết sự thể hiện tại, cứ cầu cạnh người khác, đâm ra chuốc lấy sự hủy nhục, phỉ báng. Chỉ có cực lực tu trì, cầu Tam Bảo gia bị là thượng sách! Bốn mươi, năm mươi năm trước đây, Đại Bi Viện ở Thiên Tân hoàn toàn lọt vào giữa trại lính, hồ tiên[240] quậy phá, sĩ quan trong trại lính chẳng thể ở được, thỉnh lão Hòa Thượng của Đại Bi Viện đến liền lặng yên vô sự. Sĩ quan rất tôn trọng, những chuyện quét dọn hằng ngày trong Đại Bi Viện đều do các binh lính thuộc doanh trại làm. Buổi tối, [Tăng chúng] ra ngoài phóng Diệm Khẩu, trở về, kêu cửa, họ liền mở cửa trại. Lại có vị đáp thuyền, thuyền cập bến trong đêm cũng không bị ngăn cấm. Thị trấn Mộc Độc (thuộc tỉnh Giang Tô)

---

[240] Hồ tiên: Hồ ly tinh

có đến một ngàn lính đều đóng trong nhà dân. Nghe nói binh lính gần đây vẫn còn hiền lành, chẳng ngang ngược tàn bạo.

Trong lúc này, một là dùng tu trì để cầu Tam Bảo gia bị, hai là dùng tu trì khiến cho quan lẫn lính đều kính trọng. Hạ viện chùa Linh Nham ở ngoài cửa Tây thành Tô Châu cũng có bốn mươi, năm mươi tên lính ở, chúng còn hiền lành, chẳng nấu đồ mặn trong chùa, đây cũng là chuyện rất khó có vậy! Mong ông hãy nói với vị Đầu Đà Tăng, từ rày chỉ nên cầu Tam Bảo, đừng cầu cạnh người khác. Cầu cạnh người khác chẳng những vô ích, ngược lại còn bị mang tiếng nhục là bản thân thiếu đạo đức! Kẻ quấy rối thần sẽ gặp tai ương, chắc [điều ấy] cũng khiến cho cái tâm của kẻ tàn bạo bị nguội lạnh, cũng có thể dùng [điều này] để hướng dẫn sự "dứt ác, bỏ bạo" vậy! Thân thích của ông khoe khoang giàu có, chẳng mấy chốc sẽ tan cửa nát nhà. Đang trong đời loạn này, vẫn chẳng biết náu mình, đúng là nằm yên trên đống củi chất cao, phía dưới đã đốt lửa, vẫn cứ lầm tưởng đang nhởn nhơ, cứ muốn được trường thọ, an lạc, buồn thay!

Hiện thời các xứ đói kém, há nên biếu tặng Ngân Nhĩ? Một hộp Ngân Nhĩ[241] ấy bằng tiền ăn trong một tháng của mấy gia đình, chúng ta ăn xong, rốt cuộc có ích chi đâu? Danh tiếng của Lô Sơn Học Đường, Quang đã nghe ông [Vương] Ấu Nông nói đến từ lâu, cho rằng đây là do một bậc đại thông gia thành lập. Nhưng trong thời thế này, muốn thành tựu nhân tài thật sự mà mỗi chuyện học sinh đều phải tự làm thì thời gian học hành sẽ ít, thời gian làm lụng lại nhiều; đối với kẻ thượng căn thì được, đối với kẻ trung - hạ không khỏi khó thể thành tựu! Đang trong thời thế này, học sinh chẳng làm văn, mà muốn học thành tài xong, sẽ tự biết khế lý, thích nghi, sợ rằng kẻ bình thường chẳng thể mong chi thành công được. Lại nghe Tích Quan[242] kể nhiều lần [nhà trường] sai [học sinh] xuống núi gánh vải (vải do nữ sinh dệt, gởi xuống tiệm nhuộm ở dưới núi nhuộm cho đẹp, rồi đem về cắt quần áo), đi về hơn trăm dặm, chẳng cho tiền chi dụng. Lời này dường như chẳng thật, nhưng qua điều này cũng có thể thấy được tình trạng chẳng thông cảm [cho nỗi vất vả] khi học sinh đi ra ngoài. Tích Quan từng đưa một học sinh bị bệnh trở về

---

[241] Ngân Nhĩ (Tremella Fuciformis Berk) là một loại nấm màu trắng bạc, hơi trong, có độ nhớt. Nấm mọc thành hình nhiều cánh trông từa tựa như hoa cúc. Mỗi tai nấm to từ 3 đến 15cm, thường mọc trên gỗ mục vào cuối Thu. Dân gian Trung Quốc coi Ngân Nhĩ là một thứ hết sức bổ dưỡng, có tác dụng kéo dài tuổi thọ, cường thân kiện thể, trường sanh bất lão, nên rất mắc tiền. Thật ra, đây cũng chỉ là ngoa truyền, chứ theo dược điển nó chỉ có tác dụng chống bệnh thũng, nhuận gan, ích khí, an thần, dễ tiêu.

[242] Tích Quan là cháu nội của Vương Ấu Nông.

Nam Kinh, mà Tích Quan cũng đang bệnh rất nặng. Do vậy, Thứ Bân[243] giữ lại chẳng cho quay về trường nữa. Dẫu có đến trường cũng chỉ học thành lão nông, lão ngư phủ, còn chuyện đọc sách làm văn muốn đào luyện cho thích hợp lại càng là điều khó nhất trong những điều khó!

Vị hiệu trưởng ấy vì muốn uốn nắn thói tệ đương thời, nhưng chấp nệ quy cách thời cổ, chẳng biết xử sự linh động để trí óc, thân thể và quốc gia đều được lợi ích! Nhưng các trường học khác thường dạy [học sinh] học theo nhân cách bại hoại, còn trong nhà trường này chỉ có mỗi một việc ấy (tức vừa học vừa làm) là còn đáng an ủi. Cổ nhân vừa cày vừa học, người hiện thời lìa nhà theo thầy, há nên dùng cách vừa học vừa cày để vun quén nhân tài hay chăng? Những chuyện nấu cơm, trồng rau, đẵn củi, hãy nên để cho những kẻ hầu làm, còn những chuyện khác học sinh tự làm thì chẳng phí thời gian mà cũng chẳng mệt nhọc quá mức, miễn sao chẳng sanh kiêu căng phóng dật là được rồi! Tiếc cho vị hiệu trưởng ấy chưa thấy được điều đó, đến nỗi một phen mang tâm sự tốt lành, hóa ra chẳng có thành tựu gì! Đấy cũng là một tình trạng đáng thương xót nhất trong đời Mạt!

Trong thư gởi lại lần trước, ông nói ngày tháng Dương Lịch khác với Âm Lịch, nên theo loại nào? Chưa chắc Âm Lịch đã hoàn toàn biến mất. Dẫu hoàn toàn biến mất nhưng trong Dương Lịch còn có ghi ngày Sóc, Vọng[244] của Âm Lịch thì vẫn có thể suy ra biết ngày tháng được. Nếu hoàn toàn chẳng biết thì chỉ dùng cái tâm tiết dục, căn cứ theo Dương Lịch mà thực hành[245], cũng vẫn được lợi ích do bảo vệ thân thể; bất quá ngày tốt - xấu, can chi của mỗi ngày chẳng thể dễ gì biết được! Trong thư trước, tôi quên mất không nhắc đến chuyện này.

Ông gởi thư cho thầy Đức Sâm, cho biết sau một năm rưỡi nữa sẽ giao việc nhà cho vợ, sang đất Tô chuyên tâm tu trì Tịnh nghiệp, Quang tuyệt đối chẳng cho như vậy là đúng. Nếu vợ ông là người hiểu rõ lý, khéo chăm sóc gia đình, dạy con thì cố nhiên chẳng có gì là không được. Nhưng bà ta là hạng người chẳng hiểu biết gì, ông lại đem hai đứa con chưa được nuôi dạy nên người giao cho bà ta trông nom, [tức là] ông đã đẩy hai đứa con vào phường hạ lưu rồi đấy, thiếu sót thiên chức của người làm cha quá lớn! Đối với hai đứa con, ông thiếu lòng từ; đối với tổ tiên, cha mẹ, ông bất hiếu; đối

---

[243] Thứ Bân là con trai cả của Vương Ấu Nông, cha của Tích Quan.

[244] Sóc: Mồng Một, Vọng: ngày Rằm.

[245] Đây là phương tiện tiết dục được nói trong sách Thọ Khang Bảo Giám. Theo đó, mỗi tháng có những ngày kỵ, vợ chồng không được ăn nằm trong những ngày ấy để khỏi bị đoản mạng, tổn phước, sanh ra con cái si ngốc. Những ngày ấy nhằm thánh đản của các vị Phật, Bồ Tát, thánh nhân trong Tam Giáo, hoặc Lục Trai, Thập Trai.

với Phật pháp ông trái nghịch Tam Quy, Ngũ Giới. Lục Độ vạn hạnh trong Phật pháp và luân thường xử thế cũng thuộc trong ấy. Ông ở nhà có thể dẫn chúng nó trở về đường chánh, lắm người trong làng lấy ông làm chuẩn mực. Tuy ông chẳng thi thố lớn lao gì, vẫn có thể là bậc khuôn mẫu cho cả làng. Có lẽ những vị pháp sư khác sẽ ra sức tán thành cách ông làm như thế, chứ Quang chẳng phải là loại nhân vật ấy, ông chớ có hiểu lầm!

Nếu ông quyết định chẳng nghe theo lời tôi, tôi cũng không có cách gì buộc ông phải nghe theo, nhưng chắc chắn chẳng chấp nhận cho ông sống trong chùa Báo Quốc! Có lẽ tôi có thể làm được chuyện này. Nếu không phải như vậy, tôi trở về đất Thiểm (Thiểm Tây) cũng chẳng ngại gì, chứ không nhất định phải sống tại chùa Báo Quốc cho hết kiếp thừa này! Mỗi người đều có thiên chức, Quang chẳng trụ tại chỗ nào khác mà an trụ tại Báo Quốc cũng là thiên chức vậy. Nếu Quang là kẻ vọng động, vô tri, ắt sẽ sanh lòng kinh sợ lớn lao, khó thể nào an trụ được, người hiểu lý ắt sẽ miệt thị Quang và khinh mạn Phật pháp. Tuy tôi không có sức ngăn kẻ ác, tôi vẫn còn có sức giữ yên người lành. Tôi đi hay ở có quan hệ lớn với người ở Tô Châu. Ông đi hay ở sẽ có quan hệ lớn đối với hai đứa con. Tôi vốn chẳng muốn nói lời này, vì lo ông đánh mất thiên chức của người cha nên mới nói đến chuyện hoàn toàn chẳng liên quan đến thiên chức của tôi.

Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chẳng lạy Phật, lại lạy Ngọc Đế, thật là điên đảo quá! Phật cao siêu hơn Ngọc Đế, nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Người kém hiểu biết thường cảm thấy Ngọc Đế cao quý cùng cực khôn sánh, đấy là căn bệnh chung của phường ngu phu ngu phụ chẳng hiểu Phật pháp. Con người có thể tự kiềm chế mình, thường giữ lòng kiêng sợ, và nghĩ mình chẳng bằng người sẽ chẳng khởi lên ý niệm tranh chấp với người khác. Vì thế, Phóng Ông[246] do giữ tấm lòng kiềm chế, kiêng sợ và nghĩ mình chẳng bằng người nên thành bậc thánh triết vậy!

---

[246] Lục Du (1125-1210), tự Vụ Quán, hiệu Phóng Ông, là một thi nhân trứ danh đời Tống. Sống vào thời Nam Tống đang bị quân Kim xâm lăng, ông mang tấm lòng ái quốc nồng nàn, tuy rất giỏi văn chương, vẫn chú trọng học binh thư. Trong khóa thi do Lễ Bộ tổ chức, do đạt điểm cao hơn cháu Tần Cối, lại do viết bài thi nhắc đến mối nhục đất nước yếu hèn, chủ trương làm cho dân giàu nước mạnh, giảm thuế, phát triển thương nghiệp, ông bị Tần Cối đánh hỏng. Khi Tần Cối chết, ông mới được triều đình vời ra làm quan. Do theo phái chủ chiến, ông bị phái chủ hòa trong triều đình ghép tội "cấu kết bè lũ, khuấy động thị phi, hùa theo Trương Tuấn dụng binh" nên bị miễn chức, rồi lại phục chức. Đường hoạn lộ của ông chìm nổi tùy theo phe chủ chiến hay chủ hòa thắng thế. Cho đến tận khi chết, ông vẫn đau đáu ôm ước vọng khôi phục đất nước, đuổi sạch quân Kim ra khỏi bờ cõi.

143. Thư gởi nữ sĩ Hoàng Châu Phước Thuần

Thời cuộc chẳng yên, cha bà trở lại, liền nhanh chóng đưa bà về nhà. Chớ học theo kẻ si cho là cha bà chẳng có lòng yêu thương bà. Phải biết: Đấy là lòng yêu thương bà thật sự, hơn nữa là do tôi dạy ông ta làm như thế. Bà phải khéo hiểu ý tôi! Bà là một phụ nữ, do muốn học theo một trường phái văn chương nào đó, bèn muốn bái một đại văn gia làm thầy ư? Tôi dạy bà một cách giản tiện nhất: Mỗi ngày bà chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm, cầu Phật, Bồ Tát gia bị cho bà nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Nếu được như thế thì vừa đọc sách của cổ nhân liền hiểu đạo lý, hiểu cách viết văn, do vậy chẳng cần phải bái sư học văn nữa! Hết thảy kinh, hết thảy sách đều là văn chương. Nếu tâm địa mở mang, lo chi chẳng biết cách viết văn! Tâm địa chẳng mở mang, dù có học cũng chẳng có thành tựu lớn lao! Bà chí thành thì chẳng những thông thạo văn chương mà còn có thể sanh con. Vì sao vậy? Nữ nhân xem có con là điều vinh hạnh. Tuy chồng bà ăn ở có tình có nghĩa, không để ý [đến chuyện có con hay không], rốt cuộc vẫn chẳng bằng có con hòng thỏa mãn ý nguyện cưới vợ! Phẩm Phổ Môn nói: "*Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam*" (Nếu có người nữ, ví như muốn cầu con trai, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát bèn sanh con trai phước đức, trí huệ). Không bao lâu nữa tôi sẽ chết, do bà vừa là đồ đệ vừa là đồ tôn của tôi, nên tính toán cho bà tôi đều tính trên đại thể. Bà phải khéo hiểu ý tôi, tự nhiên bà sẽ dùng được cả đời vẫn chẳng hết!

144. Thư gởi nữ sĩ Châu Phước Uyên

Con người sống trong thế gian, cha mẹ, thọ mạng, tướng mạo, học vấn, chồng vợ, con cái đều do nghiệp đã tạo trong đời trước chiêu cảm. Nếu có đại công đức, [đời này] sẽ hơn gấp bội so với đời trước. Nếu có tội lỗi lớn, sẽ kém hơn đời trước bội phần. Do vậy, phải sốt sắng tu trì để bù đắp nghiệp trước. Bà muốn có một người chồng tốt có học vấn, có tài năng, có phong thái đạo đức thì sợ rằng đời trước bà chưa vun bồi được phước ấy nên tấm lòng si dại của bà chưa thể thỏa mãn được đâu! Kinh Lăng Nghiêm nói kẻ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì cầu vợ được vợ, cầu con được con. Cầu vợ nơi Bồ Tát nghĩa là cầu Bồ Tát gia bị để được vợ hiền, có trí huệ, phước đức, bà cầu chồng cũng vậy thôi. Dốc hết sức niệm Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ được mãn nguyện. Nếu không, dù lấy được người chồng tốt, có thể ông ta lại đoản mạng, lắm bệnh, gặp họa hoạn v.v… Huống chi chưa chắc đã lấy được người chồng tốt đó ư? Bà chớ nên cậy xinh đẹp rồi khởi tâm kiêu ngạo.

Chẳng dứt được cái tâm ấy sẽ khó thể được phước. Bà nghe kỹ lời tôi sẽ được thọ dụng vượt xa hơn phước đã vun bồi trong đời trước nhiều lần lắm!

145. Thư gởi cư sĩ Châu Pháp Lợi (ba lá thư)

1) Xem thư ông, những gì ông nói đều chỉ là do bày trò đùa bỡn, hoàn toàn chẳng phải do từng trải thật hành mà có! Thời cuộc hiện tại không tốt, thương nghiệp suy kém, do chẳng thể kiếm tiền nhiều, ông bèn chẳng muốn buôn bán, lại muốn theo đuổi nghề Nho, nhưng trong thương trường bẩn thỉu, bừa bãi, chẳng nên dấn mình vào sóng gió để bị chìm đắm. Nho và thương nghiệp xét chung giống như nhau. Con buôn keo bẩn, bừa bãi, người ta dễ biết, chứ nhà Nho xấu xa, bừa bãi, vẫn được người khác ngưỡng mộ! Nếu ông không có tri kiến lỗi lạc, ắt sẽ bị hãm vào chỗ nước xoáy ấy. Ông chỉ học được thói ăn nói lớn lối, chẳng biết *"đạo Nghiêu - Thuấn là hiếu để mà thôi!"* Đạo của quân tử nằm trong vòng con cái, bầy tôi, em, bè bạn.

Thấu hiểu cùng tận lý của sự vật trong thiên hạ thì tuy là bậc thánh nhân vẫn chưa chắc đã làm được! Nhưng trừ khử được món vật tư dục trong tâm của chính mình thì sự lý của mọi sự vật trong thiên hạ sẽ đều thấu hiểu cùng tận (Tư dục trong tâm, nêu lên những thứ nặng nề nhất thì chính là tham, sân, si, tài, sắc, của cải, thanh danh, quyền thế, địa vị. Hễ có điều gì ham muốn đều là tư dục cả. Ngay như bọn Lý Học nói lý trái lẽ là vì tư dục quá lớn vậy. Lúc này đất nước lắm tai nạn, nhân dân thống khổ đều là vì bọn Lý Học phá nhân quả rồi thai nghén thành hình, chẳng thể không biết). Thánh nhân dạy người phương pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" chính là dạy con người [tu dưỡng] từ gần đến xa, từ thân đến sơ, sao cho tư dục trong lòng người bị trừ khử thì lương tri sẵn có sẽ tự phát hiện. Từ đấy, ý thành, tâm chánh, thân tu, gia tề, nước trị, thiên hạ bình! Há có phải thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ rồi mới có thể thành ý chánh tâm ư? Nếu nói như vậy thì kẻ chẳng đọc trọn khắp hết thảy các sách thế gian và xuất thế gian, chẳng đi khắp các nước sẽ chẳng có hy vọng "thành ý, chánh tâm" hay sao?

Phải biết: Trừ khử tư dục để thấu tỏ lương tri hòng thành ý chánh tâm thì người tuy chẳng biết một chữ vẫn có thể làm được! Nếu do thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để cầu đạt đến tột cùng, dù có là thánh nhân vẫn chẳng thể làm được! Ông chẳng biết họ Châu (tức Châu Hy) hiểu sai chữ "vật" và chữ "cách" nên báng Phật, phá nhân quả, luân hồi; lại còn ăn trộm cách tham cứu của Thiền Tông để tự khoe tài, vì thế nói: "Một mai bừng tỏ liền thông suốt". Nếu ông nghĩ giải thích chữ "cách vật" theo kiểu của họ Châu là đúng thì dẫu ông "cách" suốt cả đời vẫn chẳng đạt đến chỗ cùng tận, nói gì đến chuyện "bừng tỏ, thông suốt"! Lời bàn luận dài dòng lần này quan hệ rất lớn; do vậy, tôi khuyên ông cũng nên đưa cho cha ông đọc

[thư này]. Còn chuyện ông theo đuổi nghề buôn bán hay nghề Nho, ông hãy tự suy xét. Nếu đọc đến phần nói về căn bệnh của ông trong đoạn thư trước chẳng sanh lòng cảm kích, trái lại sanh ra phiền não thì ông làm thương nhân cũng sẽ là ngụy thương, làm nhà Nho cũng là ngụy Nho! Theo đuổi việc dạy dỗ người khác mà lìa khỏi luân thường, nhân quả thì cũng chỉ rớt vào tình cảnh thật sự là "tự lầm, lầm người" mà thôi! Sợ ông còn mơ màng chẳng thấy được điều này, nên phải nói sẵn! Nếu không tin tưởng, chẳng ngại gì giữ lại [thư này] để sau này làm gương [nhằm biện định] thành hay bại do tuân theo hay chống trái.

Quốc Học Chuyên Tu Quán ở Vô Tích do quan Hàn Lâm đời Thanh trước kia là Đường Văn Trị sáng lập. Ông này hai mắt không thấy đường. Bộ Thập Tam Kinh Độc Bản do ông ta chú giải, ông Thi Tỉnh Chi bỏ ra mấy vạn đồng khắc ván, in được hai trăm bộ, cậy Quang viết lời tựa; nhân đó, Quang xin gởi cho một bộ. Một bộ gồm hơn tám mươi cuốn, không gắn dây đánh dấu, không in phần thư căn[247], hơn tám mươi cuốn sách ấy làm sao có thể kiểm nghiệm cho được? Do vậy, biết họ chỉ tuân theo lối cổ, chẳng biết làm lợi cho người khác. Quang bận bịu lắm việc, chẳng thể nào đọc hết được. Giở xem đại lược, thấy ông ta chỉ ra những thiên Thuấn Điển, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng v.v… trong kinh Thư đều là ngụy tạo; đối với thiên Hàm Hữu Nhất Đức đều lấy những "sách" đã dẫn [trên đây] để làm chứng, chẳng nghĩ kẻ ngụy tạo có thể dẫn những đoạn kinh văn thuộc phần sau thiên Hàm Hữu Nhất Đức! Há những người viết ra những sách[248]

---

[247] Dây đánh dấu (thư thiêm - bookmark): Cái thẻ để cài vào sách nhằm đánh dấu phần đã đọc, hoặc sợi dây dẹp để đánh dấu phần sách đã đọc đều gọi là "thư thiêm".

Thư căn: Vì không tìm được từ tương ứng để diễn tả chữ này, chúng tôi đành để nguyên không dịch. Trong cách in sách chữ Hán, mỗi trang thường chừa một khoản trống bên trái trang sách (tức phần "giáp lai") để ghi tên sách, số trang, số quyển cho tiện; nói cách khác, nó tương ứng với phần header hay footer trong Microsoft Word.

[248] Kinh Thư, gọi đầy đủ là Thượng Thư, là một trong năm kinh của Nho Gia. Theo Hán Thư, thiên Văn Nghệ Chí, sách này do Khổng Tử chỉnh lý, biên tập, gồm một trăm thiên. Đến thời Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, quan Bác Sĩ Phục Sanh (có thuyết nói là Phục Thắng) lén đem giấu trong vách, khi Lưu Bang lật đổ nhà Tần, lập ra nhà Hán, Phục Sanh tìm lại thấy sách đã bị hư mất mấy chục thiên, chỉ còn sót lại 29 thiên. Sau đấy, triều đình nhà Hán sai Tiều Thố đến nghe Phục Sanh giảng sách, ghi chép lại thành bộ Thượng Thư hiện thời (mệnh danh là Kim Văn Thượng Thư để phân biệt với Cổ Thượng Thư do những người khác sưu tập được, chẳng hạn

ấy chẳng được trích dẫn phần trước của thiên Hàm Hữu Nhất Đức ư? Do vậy, Quang sợ quá; sau này gặp ông Thi Tỉnh Chi cho biết: Ông Đường muốn làm bậc cao nhân đệ nhất từ ngàn xưa tới nay, bèn làm ra vẻ lập dị hòng lưu danh cho đời sau, đến nỗi mắt của chính mình không thấy được ánh sáng mặt trời nữa, chẳng đáng buồn ư?

2) Hôm trước đã nhận được thư của ông đủ cả. Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: *"Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả đam. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa"* (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn sắt, đàn cầm[249]. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ con vui vầy). Khổng Tử nói: *"Phụ mẫu kỳ thuận hỹ hồ!"* chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng vậy! Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu! Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt, từng giọt, giống hệt

---

như bản của Khổng An Quốc – cháu đời thứ 11 của Khổng Tử). Nội dung của sách Thượng Thư được chia thành bốn phần chánh, mỗi phần gọi là Thư (sách), tức Ngu Thư, Hạ Thư, Thương Thư và Châu Thư, chép các điển chế từ thời Nghiêu Thuấn đến đời Tần Mục Công thời Xuân Thu. Thuấn Điển, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng đều là những thiên sách trong Thượng Thư. Đôi khi, người ta cũng gọi mỗi thiên của Thượng Thư là sách (điển hay thư). Ông Đường Văn Trị cho những thiên vừa được nói trên đây đều là ngụy tạo vì thiên Hàm Hữu Nhất Đức trích dẫn những câu trong những thiên trước. Tổ Ấn Quang chỉ ra chỗ mâu thuẫn, khiên cưỡng trong lập luận này: Kẻ ngụy tạo có thể dẫn cả những phần nằm trước Hàm Hữu Nhất Đức hay sau thiên đó, đâu có gì buộc họ chỉ được quyền trích dẫn những phần nằm trước mà thôi! Hơn nữa, khi viết sách, có ai cấm tác giả không được trích dẫn những sách khác hoặc những điều đã được nói trong những chương trước!

[249] Sắt là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn Tranh, thân đàn làm bằng gỗ Tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhạn) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng nữa! Cầm tức là cổ cầm (còn gọi là Dao Cầm, hoặc Thất Huyền Cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ Ngô Đồng, âm thanh trầm ấm, lan xa, chứ không lảnh lót, réo rắt như đàn sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh, bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đấy chính là pháp lợi ông sẽ đạt được! Vợ ông có pháp danh là Pháp Ích, chịu hành theo pháp sẽ đạt được lợi ích chân thật.

Bệnh cùi[250] là căn bệnh chẳng dễ gì trị được. Năm ngoái do ông Bàng Tánh Tồn đi phát chẩn, tìm ra được cách trị, nay gởi cho ông phương thuốc ấy (tức là bài thuốc trị bệnh cùi ở sau cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn cho người sơ cơ)), mong hãy lưu hành rộng khắp. Nếu quý địa cũng có căn bệnh này thì chẳng ngại gì đề xướng loại ngao cao[251] này cho mọi người.

3) Ở ngân hàng, trong hết thảy mọi lúc, ông phải chú tâm cẩn thận, đừng học thói ăn nói lớn lối, chẳng tích cực dốc lòng vào mọi chuyện nhỏ nhặt. Phải biết thái độ ấy là thái độ của kẻ bại hoại, bởi chưa làm chuyện lớn đã coi thường chuyện nhỏ, tưởng mình tài năng lớn lao, cớ gì phải ràng buộc bởi chuyện này? Phải biết đấy là mầm mống của phường hạ lưu dối mình, lừa người. Phàm người làm việc lớn, quyết chẳng chịu khinh thường chuyện nhỏ. Phàm ai khinh thường chuyện nhỏ, chắc chắn chẳng thể đảm nhiệm chuyện lớn. Vì sao biết vậy? Do quân tử hành xử đúng với địa vị. Ông thuộc địa vị làm chuyện nhỏ, nhưng chẳng chịu trọn hết chức trách và bổn phận, cho rằng ta cần gì phải dụng tâm nơi chuyện này thì khi được làm chuyện lớn, kiêu căng, phóng túng, buông lung sẽ dấy lên, ấy là vì cội rễ chưa lập, do đâu mà cành nhánh tươi tốt, tỏa rộng cho được?

Ví như một người có chút tài mọn, cũng có đôi chút tu trì, trong tâm bèn cảm thấy ta rất cao minh, tu trì dữ lắm. Do đó, cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn sẽ chiêu khởi những oán gia đối đầu từng bị ta hãm hại trong đời trước nhập vào thân tâm hiện thời, đến nỗi tài chẳng thành gì, tu chẳng ra chi! Nếu kẻ ấy khiêm cung hiếu thuận, do sức tu trì ấy sẽ tiêu diệt được túc nghiệp, tăng trưởng thiện căn, mai sau lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương, được lợi ích thật sự là siêu phàm nhập thánh. So với những kẻ tự lầm lạc ngạo nghễ, lợi - hại nào phải chỉ khác biệt như trời với vực! Chuyện này đương nhiên ông phải biết, ngõ hầu dùng điều này làm hướng dẫn cho tương lai của ông vậy!

---

[250] Nguyên văn "ma phong": Chúng tôi vẫn băn khoăn không biết đây có phải thật sự là bệnh cùi hay không, hay chỉ là một loại bệnh lở loét ngoài da. Vì cho đến tận giờ, vẫn chưa nghe thấy Trung Quốc đã tìm ra được thuốc trị bệnh cùi. Xin ghi lại như một điều tồn nghi.

[251] Ngao cao: Đây là một cách chế thuốc cao trong y học cổ truyền Trung Quốc, dùng nước hoặc rượu làm dung môi (chất hòa tan) để ngâm dược liệu vào, đun nóng từ từ cho chất thuốc ngấm ra, rồi cô đặc lại. Một cách khác là ép dược liệu lấy nước, rồi cô đặc.

146. Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi

Đọc những gì ông Diêu Hà Sanh kể về mọi chuyện trong lúc cha ông ta là Tiết Khanh lâm chung, [biết] đó là vì lúc bình thường quả thật cụ ấy chưa nhất quyết muốn vãng sanh. Nếu nhất quyết muốn vãng sanh, há lẽ nào bảo người nhà niệm Quán Âm để cầu lành bệnh, đợi khi tắt thở rồi mới niệm Phật ư? Người niệm Phật bị bệnh liền nghĩ là sắp chết, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ đâm ra chóng lành. Nếu chỉ mong lành bệnh tức là sợ chết. Có cái tâm sợ chết, sẽ khó cảm được Phật! May là Tiết Khanh lâm chung có người trợ niệm, Hà Sanh chẳng tiếc nuối vì chưa kiệt lực trợ niệm, lại ngược ngạo buồn tiếc rằng thuốc thang chưa tinh tường đến tột cùng, đúng là vô vị đến cùng cực! Cha sắp chết, há còn cần phải mời thầy thuốc khám bệnh (do chẩn trị càng thêm mù quáng), há có nên sau đó lại nói những lời lẽ tệ hại vô vị ấy hay chăng?

Dựa theo tình hình lúc Tiết Khanh lâm chung, phần nhiều là do sức người khác trợ niệm. Người trợ niệm nên hướng dẫn quyến thuộc cả nhà đều cùng niệm Phật. Trương cư sĩ há nên sợ phiền rồi chẳng hỏi đến con cái ông cụ? Những chuyện này cũng đều là vì chẳng biết sự thể của việc trợ niệm, sau này phải chú ý, phải cực lực khuyên cả nhà hãy chuyên tâm niệm Phật. Nhờ sức trợ niệm nên Tiết Khanh lâm chung có tướng lành; thiêu xong, xương trắng sạch, lại có miếng xương đỏ như hoa sen. Ấy đều là do nhân duyên Phật pháp và thiện hạnh cảm thành. Còn như nói xương Quán Âm đều là màu hoa sen đỏ, lời lẽ ấy phát xuất từ sách vở do ngoại đạo ngụy tạo, chẳng đáng tin cậy (Quán Âm chính là vị Cổ Phật trong quá khứ, ai thấy màu xương của Ngài như thế nào, quả thật kinh Phật chẳng hề nói đến).

Hà Sanh nói "do phạm lỗi kê toa thuốc không khéo, và sau này, cha nhiều lần bị bệnh trầm kha, không thể tiêu tan được mối tiếc hận ấy" v.v… đều là nói nhảm nhí! Sao không suất lãnh người nhà ông ta bỏ ngủ quên ăn chí tâm niệm Phật để nếu như cha chưa được vãng sanh bèn vãng sanh ngay, nếu đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm sen? Quang mục lực, tinh thần đều chẳng đủ, nhưng do [thấy] những điều sai lầm của cha con Hà Sanh và Trương cư sĩ, không thể không chỉ ra từng điều một, ngõ hầu sau này ai nấy đều được vãng sanh Tây Phương!

147. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương
(ngày 18 tháng 10 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán, may là bưu phiếu bị sai; nếu không, các ông sẽ tưởng chuyện sai lầm là trợ niệm đắc lực (khoảng giữa Hạ sang Thu năm nay, ôn dịch xảy ra dữ dội tại huyện Độc Sơn, Quý Châu, có hai đệ tử nhiễm bệnh

dịch qua đời). Trần Tông Từ sau cơn thổ tả nằm trên giường niệm Phật, nhẹ nhàng qua đời, hoàn toàn không có hiện tượng rên rỉ, khổ sở. Do tâm chính mình chẳng điên đảo, mọi người trợ niệm, ắt được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Tông Tịnh sau cơn thổ tả, thần thức rất thanh tịnh, vẫn muốn được lành bệnh bèn niệm Quán Âm. Đây cũng là sự sai lầm do ít đọc những sách Tịnh Độ và Văn Sao! Hễ có bệnh liền nghĩ sắp vãng sanh, niệm Phật cầu vãng sanh, nếu tuổi thọ trong cõi đời chưa hết chắc sẽ mau được lành. Nếu tuổi thọ trong cõi đời đã hết, chẳng đến nỗi vì cầu lành bệnh mà chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật! May là ông ta tự biết chẳng thể vãn hồi được nữa, bèn ngồi xếp bằng niệm Phật, dặn dò người nhà. Câu đầu tiên bèn nói: "Ta chết rồi đừng động đến di thể"; ấy là vì muốn ngồi qua đời để làm gương cho những người cùng chí hướng. Tiếp đó, dặn đừng sát sanh, chẳng dùng đồ mặn để cúng bái v.v…và bảo báo cho ông biết để chuyển tin cho Quang, rồi nhất tâm niệm Phật và dặn người nhà trợ niệm.

Tông Khiết hoàn toàn chẳng biết sự quan trọng của việc trợ niệm: "Không động đến thân thể thì tâm chẳng vì bị động mà không thể quy nhất. Hoặc nếu do thân không có sức, lại do bị dời động sanh đau đớn, tâm sân hận sẽ khởi lên". [Tông Khiết] lầm lạc đặt thân thể [của Tông Tịnh] nằm xuống, ngay lập tức [Tông Tịnh] sân tâm bùng lên, cho nên sắc mặt đỏ bừng. May là mọi người tưởng lầm đã đến lúc vãng sanh bèn lớn tiếng niệm Phật, ông ta còn có thể mấp máy môi niệm theo, vẫn chưa đến nỗi hỏng chuyện! Đến khi tắt hơi rồi, một chân còn chưa duỗi ra là vì [Tông Tịnh] muốn nhỏm dậy nhưng lực bất tùng tâm. Do vậy, Tông Khiết nói: "Cụ co được một chân, bèn nhỏm dậy muốn ngồi, nhưng không còn sức nữa, bèn nằm thẳng đờ qua đời!" Nếu không bị Tông Khiết mù quáng quấy rối, cảnh tượng lúc [Tông Tịnh] mất sẽ là chuyện lạ được đồn đại cả một vùng. Nhưng tắt hơi rồi, vẫn còn có những chuyện như co chân, nhỏm dậy v.v… cũng là rất không bình thường, chắc là ông ta cũng được vãng sanh.

Hiện thời, gởi sách đến nơi xa rất khó khăn, trước đây, tôi vốn muốn gởi sách, cho người hỏi bưu cục, họ nói "không thể gởi được". Đợi đến lúc gởi được sẽ gởi cho những sách thiết yếu. Công phu của Tông Tịnh đủ để chứng tỏ ông ta vượt trội bọn ta, trải qua một phen bị phá hoại như vậy, sau khi tắt hơi vẫn còn hiện tướng co chân, nhỏm dậy, cũng là chuyện trong trăm ngàn vạn người hiếm có được một hai kẻ! Đủ biết rằng: Người trợ niệm phải theo chương trình. Tuy Tông Khiết chẳng biết chương trình, há có nên chẳng y theo lời ông ta dặn dò "mất rồi không động đến thân thể" ư? Vẫn cứ tưởng mình trợ đạo, chẳng biết mình đã phá hoại. Nhưng người sở đắc sâu xa thì vẫn chẳng đến nỗi chẳng được hưởng lợi ích vãng sanh vậy!

Hơn mười năm trước, Trịnh Huệ Hồng ở huyện thành Bảo Sơn tỉnh Vân Nam gởi thư xin quy y, rồi khuyên cha mẹ niệm Phật. Năm Dân Quốc 22

(1933), Huệ Hồng mất. Bà mẹ tình thương con quá đậm bèn uống thuốc độc, ngồi xếp bằng, chắp tay niệm Phật qua đời, vẻ mặt tươi nhuận, so ra còn đẹp đẽ hơn lúc sống. Người trong cả một vùng nghe chuyện, từ đấy niệm Phật quá nửa! Cha Huệ Hồng tên là Bá Thuần, pháp danh Đức Thuần, là kẻ sĩ học rộng nhưng chẳng muốn ra làm quan, trước đấy đã nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, rồi nghiên cứu kinh điển của thuật luyện đan, sau đó nghiên cứu Thiền Tông. Huệ Hồng buôn bán ở bên ngoài, gởi cho cha rất nhiều sách Tịnh Độ khuyên tu Tịnh nghiệp, ông ta bèn chuyên tu Tịnh nghiệp, đồng thời làm người hướng dẫn cho cả vùng, nhưng người tin theo rất ít. Do bà vợ ông ta uống thuốc độc, ngồi xếp bằng, chắp tay niệm Phật qua đời, kẻ không tin đều sanh lòng tin. Người phụ nữ đó chưa từng học hành, uống thuốc độc xong có thể hiện tướng chẳng thể nghĩ bàn ấy, đủ biết được lợi ích của pháp môn này là rất khó có, hy hữu vậy!

Do loại tiền năm cắc[252] (số tiền gởi bằng mỗi tờ năm cắc tính gộp lại là hai mươi hai đồng), [là loại] chẳng thể dùng được, ông bèn gởi bù, đây cũng là do sự mất mát nhỏ nhoi mà được sự lợi ích lớn lao, sao lại nói là “sự mất mát nhỏ nhoi”? Ông hoàn toàn chẳng biết Quang là người như thế nào, trong lòng cứ áy náy vì bưu phiếu hai mươi hai đồng vô dụng, mong [Quang] gởi trả lại để điều đình [với bưu cục] đổi cho [bưu phiếu khác]. Chẳng biết Quang suốt đời chẳng dùng tiền sai quấy! Hễ có tiền, nếu không dùng để in sách, tặng sách, cũng dùng tiền đó để cứu trợ tai nạn, giúp kẻ ngặt nghèo, chẳng thâu đồ đệ, chẳng làm Trụ Trì chùa miếu, chẳng để lại gì hòng kỷ niệm sau khi mất, trừ quần áo bản thân đang mặc ra, đều dùng làm chuyện công ích. Hai mươi hai đồng dẫu vô dụng cũng giống như đem cho nhà nước. Ông làm cách đó chính là dùng thói trẻ nít đầu đường xó chợ để xét Quang vậy. Nhưng nếu chẳng do chuyện này, chưa chắc đã đặc biệt nói đến chuyện của Tông Từ, Tông Tịnh. Do những chuyện này, mong mọi người niệm Phật đều được nhờ sức trợ niệm vãng sanh, đấy là lợi ích không chi lớn lao hơn được!

148. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân (năm lá thư)

(Ông này pháp danh là Đức Huệ. [Những lá thư này được viết trong khoảng thời gian] từ năm Dân Quốc 21 - 1932 đến năm Dân Quốc 28 -1939. Tập hợp những sao lục trích yếu)

1) Dùng “chắp mười ngón tay” để xin quy y, há cõi đời có lẽ ấy hay chăng? Kẻ [muốn học nghề] cạo đầu, chữa chân, khi bái sư cũng phải ba lần

---

[252] Thời ấy, chính quyền Dân Quốc đột nhiên đổi loại tiền năm cắc thành một đồng, tăng lệ phí tem thư từ hai cắc lên bốn cắc. Điều này khiến cho những đồng năm cắc cũng như bưu phiếu năm cắc đang lưu hành không dùng được nữa!

quỳ, chín lần dập đầu, huống chi quy y Tam Bảo, muốn nhờ đó để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử ư? Khinh mạn như thế, sao dám chấp nhận để tự khinh ư? Vì thế đem nguyên thư gởi lại, mong hãy kiếm vị minh sư khác!

2) Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp. Lúc niệm Phật cần phải thâu nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, thân tâm sẽ quy nhất. Một pháp Lắng Nghe đúng là pháp quan trọng trong [pháp môn] Niệm Phật; bất luận là ai đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v… người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. Vì thế, chẳng thể dạy kẻ chẳng hiểu giáo lý, chẳng thông Tánh Thể tu tập những pháp quán tưởng v.v… Ông muốn quy y, bèn đặt pháp danh là Đức Huệ. Dùng pháp tín nguyện niệm Phật để tự lợi mình, lợi người, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

3) Hôm trước nhận được khoản tiền mười đồng do ông gởi, nay đã đem một trăm đồng để phụ giúp hành động tốt lành của một đệ tử thuộc thành phố này, mười đồng của ông cũng nằm trong số đó. Quang hễ có tiền bèn dùng ngay, hoặc là dùng để in kinh sách, hoặc để cứu trợ tai nạn, ngõ hầu những ai gởi biếu Quang đều được quy công vào Thật Tế! Cho đến lúc chết, Quang chỉ mang theo y phục tùy thân mà thôi để khỏi bị sau khi chết đi, kẻ được hưởng tài vật rủa xả là con quỷ tham lam.

4) Bệnh của con gái lệnh hữu đã lành, cũng là do lòng thành của bà nội cảm nên. Phàm uống nước đã được gia trì bằng chú Đại Bi, kẻ chí thành sẽ thấy linh nghiệm, kẻ chẳng chí thành khó thấy được hiệu quả. Sách do lệnh sư soạn đã được tiên sinh Đinh Trọng Hựu[253] khen thì được rồi! Quang mắt đã gần lòa, ngay khi viết thư này phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp, miễn cưỡng gò gẫm. Cái thói sáo rỗng chưa thấy cuốn sách ấy mà đã viết lời bàn luận, khen ngợi, Quang tuyệt đối chẳng có gan viết! Nay mục lực ngày càng suy, trí nhớ ngày càng kém, sách đã không thể đọc được thì lời tựa cũng chẳng thể nào viết được! Hai thứ [sách] đề nghị, yêu cầu [viết lời tựa, lời bình] đều gởi lại bằng thư bảo đảm, từ rày đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y do không đủ sức để thù tiếp!

5) Ông là người đề xướng thì phải nên ăn chay trường để làm gương. Quán Âm Điện nên đợi thái bình rồi hãy xây cất để khỏi bị kẻ khác nghĩ ông có tiền rồi nảy sanh ý xấu! Mẹ ông đã ngoài sáu mươi, hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ có tâm cầu phước báo nhân thiên đời

---

[253] Trọng Hựu chính là tên tự của ông Đinh Phước Bảo, tác giả bộ Phật Học Đại Từ Điển.

sau. Tâm hễ có một niệm cầu phước báo nhân thiên đời sau sẽ chẳng thể vãng sanh Tây Phương được! Bốn pháp danh viết trong tờ giấy khác, gởi kèm theo thư. Tiền hương kính không cần phải gởi thêm. Hiện thời Quang chẳng có chuyện gì cần dùng đến tiền, chỉ mong mọi người ai nấy ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương; ngoài ra chẳng mong cầu chi hết! Pháp sư Đức Sâm hiện đang ở chùa Thái Bình tại Thượng Hải đợi giảo chánh các sách. Hiện tại bưu điện chẳng thể gởi các bưu kiện theo đúng thời hạn được, sợ bị lạc mất. Vì thế, thầy ấy ở luôn tại đất Thân (Thượng Hải) để giảo chánh cho ổn thỏa. Hoằng Hóa Xã do giao thông hiện thời chẳng tiện, chuyện gì cũng gian nan, phạm vi bị thu hẹp lại, ba người tại gia đều từ biệt ra đi. Do thầy Đức Sâm vẫn còn ở đất Thân, Quang phái một vị Tăng tạm thời thay thế lo liệu. Phương pháp "chiếu theo giá vốn, và nhận tiền xong mới giao sách" do vấn đề thời cuộc, [sách gởi] bị lạc mất giữa đường, nên không đủ sức và [có sách] để gởi tiếp tục được. Không phải chúng tôi khắc nghiệt mà do thời thế xui khiến cho chẳng không làm như vậy được.

149. Thư trả lời đại sư Thiện Giác

(Tháng Hai năm Dân Quốc 29 - 1940, đính kèm thư gởi đến)

Ấn Công lão pháp sư từ bi soi xét, ngưỡng mộ bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu đã lâu, hận chưa thể đích thân hầu hạ. Đệ tử từ khi xuất gia đến nay đối với pháp môn Tịnh Độ sanh lòng tín nguyện sâu xa, hành trì theo pháp này kể ra cũng đã lâu rồi. Gần đây, do đọc cuốn Nghiên Cứu So Sánh Giữa Khoa Học Và Phật Pháp, [thấy trong tác phẩm ấy] nữ sĩ Lã Bích Thành gởi thư cho cư sĩ Vương Quý Đồng[254]*, nói: Trong bốn mươi tám nguyện có câu "chỉ*

---

[254] Vương Quý Đồng (1875-1948) tự Tiểu Từ, là một cư sĩ kiêm khoa học gia, nguyên quán tại Vu Hồ, tỉnh An Huy, nhưng sống tại Tô Châu, được dạy dỗ theo truyền thống Nho Học, tốt nghiệp trường Đồng Văn Quán ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 28 (1903), ông hợp tác với Thái Nguyên Bồi và Uông Doãn Tông sáng lập tạp chí Nga Sự Cảnh Văn nhằm nêu rõ dã tâm xâm chiếm Trung Hoa của đế quốc Nga La Tư khi ấy. Cuối thời Quang Tự, ông Quý Đồng sang châu Âu du học, tốt nghiệp về ngành điện cơ tại Anh, từng học việc tại Đức, tham gia sáng chế máy biến áp đổi dòng điện xoay chiều thành một chiều, viết luận văn về đề tài tính toán thiết kế mạng lưới phân bố điện bằng tiếng Anh rất được giới khoa học châu Âu khen ngợi. Đầu thời Dân Quốc, ông về nước, làm việc trong viện khoa học Trung Quốc, từng dạy học tại đại học Bắc Kinh, là đồng sự của những người nổi danh thời ấy như Hồ Thích, Cổ Hồng Minh v.v… Sau đó, ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong giới khoa học gia. Từ thời trẻ, ông Vương cho hết thảy tôn

trừ Ngũ Nghịch", nhưng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh lại chấp nhận cho kẻ Ngũ Nghịch được vãng sanh, [cho là hai kinh] mâu thuẫn lẫn nhau, lòng tin bèn lui sụt, ông Vương Quý Đồng trả lời chẳng thật tường tận. Đệ tử chướng nặng si nhiều, đối với điều này cũng sanh nghi hoặc sâu đậm, lại sợ người khác cũng sanh mối nghi này; vì thế, riêng dâng thư này, rạp mình khẩn cầu thầy từ bi thương xót, khai thị tường tận để đệ tử và hết thảy chúng sanh trong hiện tại, vị lai đều được trừ nghi sanh tín, cảm tạ khôn cùng. Thêm nữa, trong bốn mươi tám nguyện, phía sau câu "chỉ trừ Ngũ Nghịch" còn có bốn chữ "phỉ báng chánh pháp", còn Quán Kinh không có, chẳng biết có phải là do bốn chữ này nên [hai kinh] chẳng mâu thuẫn lẫn nhau hay không?

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, lợi ích khác biệt với những pháp môn thông thường rất lớn. Xưa nay có nhiều người cứ dựa theo những pháp môn phổ thông để luận định pháp môn Tịnh Độ; do vậy, tự lầm, lầm người, vẫn tự cho là mình đã hoằng pháp lợi sanh, nhiều không biết bao nhiêu mà kể! Điều lầm lẫn trước nhất là do chẳng suy xét sự lớn - nhỏ, khó - dễ giữa Phật lực và tự lực. Đối với pháp môn cậy vào Phật lực lại ương ngạnh muốn viện dẫn pháp môn cậy vào tự lực để biện luận nên mới bị lầm lạc như vậy. Nếu biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng sức tu trì của kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược để bình luận thì hết thảy những tâm nghi hoặc, chẳng tin đều tiêu tan hết.

Những câu *"nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp thọ, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp"* (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội Ngũ Nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp "siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, và niệm Phật vãng sanh" do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ

---

giáo đều là mê tín, mãi cho đến khoảng 30 tuổi, do nghe cư sĩ Dương Nhân Sơn giảng thuyết Phật pháp, mới chú tâm nghiên cứu Phật pháp, rồi đặc biệt ham thích Duy Thức và Nhân Minh Học. Đến tuổi trung niên, ông chuyên tâm khán thoại đầu của nhà Thiền, lập Phật đường trong nhà, mỗi ngày tọa thiền hết một cây hương. Ông cũng từng viết lời tựa cho các sách Duy Thức Nghiên Cứu của Châu Thúc Ca, Phật Pháp Đích Khoa Học Quan (Phật Pháp dưới cái nhìn khoa học) của Uông Trí Biểu và nhiều bài nghiên cứu về Phật pháp, chủ trương dùng những danh từ khoa học để diễn giảng Phật pháp, hòng chứng tỏ Phật pháp là một thứ siêu khoa học. Trước tác nổi tiếng nhất của ông chính là cuốn Nghiên Cứu So Sánh Giữa Khoa Học Và Phật Pháp.

vâng thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dẫu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hổ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được! Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán Kinh nói về những kẻ lúc sắp lâm chung, tướng địa ngục A Tỳ hiện, tuy [Quán kinh] chẳng nói [kẻ ấy] phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp! Nếu hoàn toàn không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu được?

Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán Kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh pháp, [thoạt nghe qua] cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp, sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được? Do vậy, biết rằng: Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm! Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã *"toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm",* cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh! Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh nói về lúc lâm chung. Do thời gian, sự việc khác biệt nên có sự nhiếp thọ hay không [nhiếp thọ] sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc[255] vậy!

150. Thư trả lời cư sĩ Tống Huệ Trạm

(năm Dân Quốc 27 - 1938. Hoằng Hóa Xã tăng giá sách ba phần, đây là so sánh giá sách của năm 27 với năm 26 mà nói. Đến mùa Thu năm Dân Quốc 28 - 1939 trở đi, lại tăng giá gấp đôi, nhưng vẫn chưa tái bản sách được)

Quang thật bội phục tâm nguyện của ông, nhưng Quang chẳng nghĩ cách hành động của ông là đúng. Trong lúc đại kiếp này, chỉ chú trọng khuyên

---

[255] Nguyên văn *"tạc tử mão tử hán"*, là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào gốc cây bị chết, bèn khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào dại dột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi!

người niệm Phật và niệm Quán Âm, cần gì phải có cho nhiều thứ sách khiến cho người đọc hoang mang, không biết quay về đâu! Huống chi chiến sự vẫn ngày càng thêm dữ dội, há có bảo đảm được sau này không có chuyện gì phải trốn tránh nữa hay chăng? Chuyện của Hoằng Hóa Xã là vì nhân dân hiện thời khốn khổ gian nan, những người giúp đỡ tiền in trước kia hoặc phải lánh đi xa, hoặc đã nghèo cùng, Quang vừa già vừa lòa mắt, chẳng hỏi đến được, [Hoằng Hóa Xã] do thầy Đức Sâm đảm nhiệm. Quang bảo thu hẹp phạm vi [hoạt động] lại, chỉ tuân theo biện pháp lưu thông theo giá vốn. Hiện thời giấy mắc thêm gấp ba, hễ thư gởi xuống liền không trả lời, thư có kèm theo tiền thỉnh sách bèn chiếu theo khoản tiền ấy giao sách, ắt chẳng đến nỗi khó nghĩ cho đôi bên! Ông chỉ biết đến biện pháp làm ra vẻ kẻ cả, ắt sẽ tốn tiền nhiều, nhưng thâu được hiệu quả ít ỏi. Nếu chuyên đề xướng niệm Phật thì hãy chuẩn bị đại lược các kinh sách Tịnh Độ để cực lực đề xướng sẽ ít tốn kém mà hiệu quả lại lớn.

Hơn nữa, đề xướng cần phải có nơi chốn, tu trì vẫn nên ai [tu] trong nhà nấy, cốt sao chẳng lỡ việc mà cũng chẳng tốn sức, [đấy mới] thật là một biện pháp hữu ích nhất. Bộ Văn Sao của Quang kể từ năm Dân Quốc 15 (1926), Trung Hoa Thư Cục ấn hành hoàn chỉnh bộ Tăng Quảng Văn Sao xong, bất luận bản nháp nào cũng đều không giữ lại, nhưng vì thầy Minh Đạo tự lén sai người sao chép lại rất nhiều, rồi sau đó Đương Gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân sai người chép lại cho rõ ràng, cho sắp chữ, Quang mới biết, bèn giảo duyệt từng bài một. Sắp chữ xong, riêng phần thư tín cũng dày tới một cuốn, những bài văn khác như Tự, Ký v.v… cũng được một cuốn dày. Hai cuốn sách lần này, số trang bằng khoảng ba phần năm bộ Văn Sao bốn cuốn [đã in] lần trước. Cách sắp xếp căn cứ theo y như bộ Văn Sao đã in lần trước. Ông không cần phải băn khoăn, nếu là những lá thư bình thường, phần nhiều sẽ đâm ra chuốc lấy sự chán ghét của người khác; nếu là lá thư thật sự hữu ích, có thể sao ra gởi sang chùa Thái Bình ở đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải, giao cho pháp sư Đức Sâm. Sau này thỉnh kinh sách cũng nên tiếp xúc với thầy ấy.

Ông nên buông bỏ biện pháp lớn lao, chỉ nên tu trì thiết thực, lấy thân làm gương, sốt sắng đề xướng, [dùng lòng] chí thành cảm người, người ta sẽ vui vẻ thuận theo. Quan giám ngục Cử Huyện là Lý Bính Nam đề xướng chưa đầy hai ba năm, người quy y tại Cử Huyện đã hơn một trăm người, đều là những nam tử trong giới sĩ, nông, công, thương, hay chánh trị gia. Ông muốn Quang đại diện đề xướng quyên góp, ông chẳng biết Quang chưa hề mở miệng kêu gọi chuyện ấy. Hễ có ai tặng tiền cho Quang, liền dùng tiền ấy làm công đức: Hoặc tặng kinh sách, hoặc cứu trợ tai nạn hay giúp kẻ nghèo khó. Nếu có kẻ chuộng thể diện đưa sổ vàng quyên góp bảo Quang đứng ra quyên mộ, Quang cũng gởi trả lại sổ vàng, chỉ tùy sức tôi giúp được

bao nhiêu thì giúp, cũng chẳng viết tên vào sổ vàng ấy, lại còn nói rõ nguyên do: Khi Quang xuất gia liền phát nguyện chẳng làm chủ nhân chùa miếu, chẳng thế độ đồ đệ, chẳng mộ duyên. Nay đã bảy mươi tám tuổi rồi, luôn giữ được như vậy. Sau hai ngày nữa là tròn bảy mươi chín tuổi rồi, trong sáng tối sẽ chết, cớ gì lại trái nghịch lòng ngay thực ban đầu? Đại họa lần này xưa nay chưa hề nghe đến, quả thật là do họ Châu, họ Trình bài xích nhân quả ươm thành. Pháp thế gian hay xuất thế gian đều dùng nhân quả để duy trì, họ bảo "thật ra chẳng hề có chuyện ấy", nên khiến cho những kẻ tâm tàn độc nhất càng thêm rất độc. Thật vậy, quân tử chẳng thốt ra những lời nói chơi!

151. Thư trả lời cư sĩ Tào Bội Linh

(Vợ chồng cư sĩ Bội Linh sanh liên tiếp năm đứa con gái. Sau khi quy y Phật pháp, tận lực làm chuyện lành, ăn chay niệm Phật, và cực lực đề xướng khuyến hóa, tự lợi, lợi người. Đến năm Dân Quốc 25 - 1936, ông cùng với các vị cư sĩ như Viên Lệ Đình v.v… sáng lập Vô Tích Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã, hướng dẫn nhiều cách, chẳng tiếc sức thừa. Mùa Đông năm ấy, sanh được một trai. Đến mùa Thu năm Dân Quốc 28 (1939), lại sanh được Đức Trừng. Do cảm kích ân Phật bèn đem một trăm đồng cúng dường cụ Ấn Quang. Lúc ấy, nhằm đúng lúc cư sĩ Đậu Tồn Ngô vì hai đứa trẻ nghèo cậy Sâm thỉnh lão nhân (tổ Ấn Quang) viết thư cho cư sĩ Hoàng Hàm Chi giới thiệu chúng được vào học miễn phí tại trung học Tam Dục. Lão nhân bèn bảo đem một trăm đồng ấy giao cho Hoàng cư sĩ, thay vì đóng góp để cứu chẩn, liền dùng [món tiền ấy] làm điều kiện giới thiệu cho hai đứa trẻ nghèo, cũng như để khỏi nhờ người khác nói giúp. Hoàng cư sĩ cũng nghĩ đến lòng từ bi của lão nhân mà lo liệu. Cư sĩ Bội Linh cảm kích trước hành động này của lão nhân, [hành động ấy] chẳng chỉ hữu ích riêng cho pháp môn, vì nếu ai nấy đều dụng tâm như vậy, hiền tài của đất nước sẽ dấy lên đông đảo là chuyện chính mắt sẽ thấy. Ông ta bèn đem thư này gởi cho Sâm, bảo đưa vào sách và lược thuật nguyên do đầu đuôi. Đức Sâm kính ghi)

Trước kia, ông nhiều lần sanh con gái, nay đã nhiều lượt sanh con trai. Có thể thấy là Phật, trời gia bị người làm lành, khiến cho mọi việc như ý. Pháp danh của lệnh lang là Phước Vĩnh, nhũ danh là Đức Trừng. Chẳng biết Phước Vĩnh có nặng hơn chị và anh hay không. Nặng hơn thì đặt pháp danh là Đức Trừng. Phật, trời gia bị ông, ông hãy nên tích cực dạy dỗ để nó trở thành chánh khí. Trong thế gian chẳng biết bao nhiêu đứa con có thiên tư tốt đẹp, đều bị những kẻ làm cha mẹ không biết dạy dỗ nuôi thành phường bại hoại, khiến chúng vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đấy là một đại bất hạnh cho nước ta. Ông hãy nên biến lòng yêu thương thành khéo dạy thì phước thọ đều được dài lâu để làm bằng chứng cho thấy tổ tông và ông đã tích đức. Một trăm đồng [ông gởi biếu Quang] sẽ dùng làm tiền phòng hờ[256]

---

[256] Nguyên văn "lộng dẫn" (quà biếu). Do tiếp đó có câu "nếu chẳng thể miễn phí được" nên chúng tôi dịch theo ngữ cảnh là "tiền phòng hờ".

để giới thiệu hai đứa trẻ nghèo được nhập học. Nếu chẳng thể [xin nhập học] miễn phí được [sẽ dùng món tiền ấy để đóng học phí], tôi sẽ làm công đức khác, chắc là ông chẳng đến nỗi thất vọng. Trong thời cuộc lúc này, chớ nên bày tiệc đãi khách và dùng rượu thịt, hãy nên nghĩ đến nỗi đói lạnh của những kẻ đói cơm, thiếu áo, đừng dùng tiền hữu dụng để làm chuyện tổn phước! Những kẻ si trong thế gian phần nhiều như thế đó! Mong rằng ông chẳng đến nỗi như vậy! Thà bị coi như thốt lời bậy bạ, nhưng chẳng thể không nói. Nếu vẫn thuận theo thói tục mà làm thì sai lầm quá rồi!

152. Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ
(tháng Giêng năm Dân Quốc 29 - 1940)

Bốn năm năm qua, chưa được gặp gỡ, khôn ngăn nghĩ nhớ. Mùa Thu năm ngoái, thầy Giám Viện là Pháp Độ đến núi, cho biết thầy ấy tính qua Nam Dương, Tân Gia Ba, xin Quang viết một bức thư cho một hai người quen biết, để người Nam Dương không sanh nghi ngờ. Sau khi chiến sự nổ ra vào năm Dân Quốc 26 (1937), Quang trọn chẳng biết đến tình hình trên núi, được thầy Pháp Độ tận mặt tường thuật, khôn ngăn hoan hỷ. Nhân đó, giao cho thầy Pháp Độ ba trăm đồng, nhờ thầy Pháp Độ bẩm lại với tọa hạ, không biết thầy Pháp Độ đã thưa lại hay chưa? Ngũ Đài là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn Thù, xưa kia bậc cao nhân ở lại đấy nhiều khôn kể xiết! Từ cuối đời Thanh trở đi, quốc gia chẳng rảnh rỗi để đề xướng, đến nỗi mang tiếng là đạo tràng mà chỉ còn chùa miếu, muốn tìm một vị Tăng giữ giới thanh tịnh cũng khó tìm được!

Từ năm Quang Tự 33 (1907), hai vị Hằng Tu và Thừa Tham phát tâm Bồ Đề, dựng thảo am Quảng Tế ở ngọn Bắc Đài, Quang nghe tiếng, tâm cực khâm phục, nhưng chưa thể tận mặt gặp gỡ chuyện trò. Hai vị ấy mất đi, Quả Định Thượng Nhân[257] kế tục chí hướng trụ trì, từng gặp gỡ bốn năm lần,

---

[257] Tại Trung Hoa, Thượng Nhân (Purusarsabha) là danh xưng nhằm tôn xưng bậc cao tăng trí lẫn đức đều trọn vẹn, đầy đủ tư cách làm thầy của chư tăng lẫn mọi người. Sách Thích Thị Yếu Lãm, quyển thượng, giảng: *"Trong có trí đức, ngoài có hạnh thù thắng, cao trỗi mọi người thì gọi là Thượng Nhân"*. Theo phẩm Kiên Cố Tâm trong quyển 17 kinh Đại Phẩm Bát Nhã, tiêu chuẩn Thượng Nhân lại cao hơn nữa: "*Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát có thể nhất tâm hành Vô Thượng Vô Đẳng Chánh Giác, hộ trì tâm chẳng tán loạn, thì gọi là Thượng Nhân".* Tại Nhật Bản, Tịnh Độ Chân Tông cho rằng danh hiệu Thượng Nhân kém hơn Thánh Nhân, nên họ gọi sáng tổ Pháp Nhiên và sơ tổ Thân Loan của Tịnh Độ Chân Tông là Thánh Nhân, chư tổ kế thừa là

nhưng chưa chuyện trò cặn kẽ. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), tọa hạ và Hồ cư sĩ đến Tô Châu thăm viếng, lúc ấy nhằm đúng khi mưa sa gió táp, mất - còn chưa định, đúng là cứu vãn sự mất mát còn không xuể, sao có thể bàn đến chuyện gì khác được[258]! May là đại sĩ Văn Thù gia bị khiến được trở thành cơ nghiệp vĩnh viễn, kiên cố, các cư sĩ nghe vậy, đều tính toán phương châm hoằng pháp cho tương lai. Thầy Pháp Độ đem chương trình do ông Nhiếp Vân Đài tu chỉnh, trong ấy có điều khoản gây quỹ chi dụng cho tăng chúng muôn năm, Quang đọc xong khôn ngăn vui vẻ, an ủi, bởi muốn chuyển pháp luân phải nhờ vào thực luân. Nếu không có thực luân, nhờ vào đâu để tu đạo cho được? Vì thế, đấy là chuyện cấp bách.

Hiện thời Phật pháp tại các tỉnh thuộc vùng Giang - Chiết tuy suy, do thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, hàng cư sĩ tại gia đua nhau đề xướng niệm Phật. Tuy dường như xâm phạm đến tài lợi [nhờ làm] Phật sự của Tăng chúng, thật ra đấy là phên giậu cho Phật pháp chẳng nhỏ nhoi đâu! Vào đầu đời Quang Tự, các báo ở Thượng Hải hằng ngày đăng tải những chuyện xấu của Tăng sĩ. Tuy cũng có chuyện là sự thật, nhưng quá nửa là bịa đặt, dựng chuyện. Từ thời Dân Quốc đến nay, những tổ chức tu trì của cư sĩ đâu đâu cũng có, các tòa báo chẳng dám hằng ngày đăng tải những lời đồn đại bịa đặt để vu báng, miệt thị Phật pháp nữa! Phật pháp trong thời gần đây, luận trên phía cư sĩ thì tợ hồ hưng thạnh lớn lao, nhìn về phía Tăng chúng trọn chẳng có tướng hưng thạnh! Vì sao vậy? Cư sĩ phần nhiều lấy niệm Phật làm chánh, Tăng chúng thì những kẻ phải ứng phó kinh sám hằng ngày chỉ coi chuyện niệm kinh bái sám cho người ta là chuyện chánh, gác bỏ chuyện tu trì ra ngoài, những vị có chánh niệm thì quy về Tông môn. Chuyện tham thiền chẳng phải là chuyện hành nhân căn cơ nhỏ nhoi có thể làm được! Dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ nhưng chưa thể đoạn hết sạch phiền não thì vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi sanh tử!

Đừng nói chi con người hiện thời, ngay như Ngũ Tổ Giới đời Tống (Ngũ Tổ là tên chùa, Sư Giới Thiền Sư trụ tại chùa Ngũ Tổ nên gọi là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, sở ngộ của họ tiếng rền cả nước, nhưng Ngũ Tổ Giới thân sau thành Tô Đông Pha. Tô Đông Pha thông minh tuyệt đỉnh trong cõi đời, chẳng câu nệ tiểu tiết, vẫn thường ra vào chốn ăn chơi, nhà thổ. Đủ biết sở ngộ của Ngũ Tổ Giới tuy cao, nhưng vẫn chưa chứng được đạo Sơ Quả, bởi Sơ Quả đã đắc giới tương ứng với đạo, tùy ý chẳng phạm giới

---

Thượng Nhân. Vào thời xưa, triều đình Nhật Bản còn coi đây là một tước vị dành riêng để phong tặng cho những vị sư.

[258] Trong năm ấy, theo đề nghị của Thai Sảng Thu, tỉnh trưởng Giang Tô là Vương Tiền San ban hành quyết định trưng thu, sung công chùa miếu để biến thành trường học.

("tùy ý" là tự nhiên) [nghĩa là] kẻ chưa chứng Sơ Quả thường phải giác chiếu mới có thể chẳng phạm, còn Sơ Quả thì tự nhiên chẳng đến nỗi phạm giới, như khi họ cày ruộng, hễ họ cày chỗ nào, trùng bọ rời khỏi [chỗ đó] bốn tấc, đạo lực khiến cho tự nhiên [được như vậy]. Nếu không xuất gia, họ cũng cưới vợ, nhưng dù có dùng oai lực đe dọa tánh mạng để uy hiếp họ, buộc họ làm chuyện tà dâm, họ thà mất mạng chứ trọn chẳng thuận theo! Đông Pha đã từng ra vào nhà thổ, cho thấy Ngũ Tổ Giới còn chưa đắc đạo lực của bậc Sơ Quả, nói gì đến chuyện liễu sanh tử nữa ư!

Hậu thân của Chân Như Triết sanh vào chỗ đại phú quý, một đời chịu nhiều ưu khổ, đã biết ông ta sanh vào nhà phú quý, lại chẳng chỉ rõ ông ta là ai, há chẳng phải là Tống Khâm Tông[259] ư? Bị quân Kim lấn hiếp, Huy Tông "thiện vị" (truyền ngôi - chữ Thiền 禪 đọc như chữ Thiện 繕, có nghĩa là truyền) cho Thái Tử (tức Khâm Tông), từ đầu đến cuối [chỉ được] hai năm, cả hai vua Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim bắt đi, đều phải hướng về [triều đình nhà] Kim xưng thần (bầy tôi), chết tại thành Ngũ Quốc. Do chỗ sở ngộ,

---

[259] Tống Khâm Tông (1100-1156), tên thật là Triệu Hằng, là con trai của Triệu Cát (Tống Huy Tông). Huy Tông chỉ ham mê thư pháp, tranh vẽ, thi phú, và tu hành theo pháp luyện đan trường sanh bất tử của Đạo Giáo, tự xưng là Đạo Quân Hoàng Đế, việc triều chánh phó mặc cho gian thần Thái Kinh, Đồng Quán lộng hành. Khi chánh sự nát bét, quân Kim hai lượt uy hiếp Đông Kinh (Khai Phong), để trốn tránh trách nhiệm, Huy Tông bèn nhường ngôi cho con, trở thành Thái Thượng Hoàng. Khâm Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Tĩnh Khang, bèn lập tức biếm truất Thái Kinh, trọng dụng Lý Cương làm tể tướng. Tuy vậy, Khâm Tông là con người hồ đồ, vô tài, nghe lời gian thần sàm tấu, chẳng bao lâu sau liền cách chức Lý Cương, cầu hòa với quân Kim. Năm 1127, nhằm đúng năm Tĩnh Khang thứ hai, quân Kim đại phá Đông Kinh, bắt giải cha con Huy Tông và Khâm Tông về đất Kim. Sử gọi sự kiện này là Tĩnh Khang Chi Biến, hoặc Tĩnh Khang Chi Nhục. Ngay trong năm ấy, Kim Thái Tông hạ lệnh giáng Huy Tông và Khâm Tông làm thường dân. Đến năm Tĩnh Khang thứ ba (1128), bị giải về Thượng Kinh của đất Kim, hai vua bị buộc mặc thường phục, đến trước miếu Kim Thái Tổ, quỳ lạy, cử hành lễ Khiên Dương (lễ dắt dê, một hình thức rất sỉ nhục, vì những con dê để tế vốn chỉ do bọn tiểu thái giám dắt đến chỗ tế), rồi sang điện Càn Nguyên bái lạy Kim Thái Tông, xưng thần. Huy Tông được phong là Hôn Đức Công, Khâm Tông được phong là Trùng Hôn Hầu. Đến tháng Mười, hai vua bị đày đi Hàn Châu (nay là huyện Lê Thọ thuộc tỉnh Cát Lâm), rồi đến tháng Bảy năm Thiên Hội thứ tám (1130) bị đưa sang giam lỏng ở thành Ngũ Quốc (nay là huyện Y Lan tỉnh Hắc Long Giang) cho đến khi chết.

Chân Như Triết sanh vào nơi đại phú quý là hoàng cung, nhưng sự phú quý ấy cũng chỉ là hư danh, cả đời chịu nhiều ưu khổ vẫn là sự thật! Là hoàng đế một nước lớn, bị người Kim bắt làm bầy tôi nhà Kim, đáng thương muôn phần!

Hậu thân của Thảo Đường Thanh là Tăng Lượng, năm mươi tuổi làm Tể Tướng, được phong là Lỗ Quốc Công, nhưng đối với Phật pháp hết sức lợt lạt, chưa được thông suốt như Đông Pha. Hải Ấn Tín[260] cũng là một vị đại lão trong Tông môn đời Tống, thường được gia đình Châu Phòng Ngự cúng dường (Phòng Ngự là tên một chức quan võ). Một ngày nọ, nhà họ Châu thấy Tín lão nhân vào nhà, liền sanh được một gái, sai người sang chùa Hải Ấn hỏi thăm thì Sư viên tịch đúng vào lúc đứa con gái được sanh ra. Chuyện này cả thành Hàng Châu đều biết. Đến ngày đầy tháng, thiền sư Viên Chiếu Bổn[261] đến nhà Châu Phòng Ngự, bảo ẵm đứa bé gái ra. Đứa bé gái vừa thấy Viên Chiếu liền cười, Viên Chiếu gọi: “Tín trưởng lão! Lầm mất rồi!” Đứa bé gái liền khóc thét lên rồi chết. Tuy là đã chết, vẫn phải thọ sanh, nhưng chẳng biết lại sanh về nơi đâu.

---

[260] Theo Tông Môn Vũ Khố, Hải Ấn Siêu Tín là một vị Tăng đời Tống, nối pháp ngài Lang Nha Huệ Giác, trụ trì chùa Định Huệ ở Tô Châu. Hành trạng của vị này không được biết đến nhiều, ngoại trừ câu chuyện được nhắc đến trên đây, cũng như một vài câu Thiền ngữ được ghi lại trong bộ Thiền Tông Tụng Cổ Liên Châu Tập (sách số 1295, quyển 65, Tục Tạng Kinh) và Thiền Lâm Loại Tụ.

[261] Viên Chiếu Tông Bổn (1020-1099), quê ở huyện Vô Tích, Thường Châu (nay là huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô), có pháp tự là Vô Triết, năm mười chín tuổi xin xuất gia với ngài Đạo Thăng chùa Vĩnh An ở Tô Châu, khổ tu mười năm mới được thầy cho chánh thức xuống tóc, thọ Cụ Túc Giới. Sau đó, Sư đến học với Thiên Y Hoài Nhượng, được khai ngộ. Về sau, Sư trụ tại chùa Tịnh Từ, được tăng tục vùng Tô Châu thỉnh hoằng pháp tại hai chùa Vạn Thọ và Long Hoa, cả ngàn người nghênh tiếp Sư về chùa giảng pháp. Năm Nguyên Phong thứ năm (1082), Sư được Tống Thần Tông vời vào điện Diên Hòa hỏi đạo. Tống Triết Tông phong tặng Sư danh hiệu Viên Chiếu thiền sư. Nguyên Hựu nguyên niên (1086), Sư viện cớ già lão, xin quy ẩn, những người theo đưa tiễn nghe Sư giáo huấn lệ tuôn như suối. Về già, Sư bế môn tại chùa Linh Quang chuyên tu Thiền và Tịnh nghiệp. Sư thích diễn giảng Hoa Nghiêm, được người đương thời khen là đã thấu đạt sâu xa chỗ huyền áo của kinh Hoa Nghiêm. Sư còn để lại những trước tác như Quy Nguyên Trực Chỉ (2 quyển), Huệ Biện Lục (1 quyển) v.v…

Tần Cối[262] đời trước là một vị Tăng ở núi Nhạn Đãng, do sự tu trì đời trước trở thành Tể Tướng triều Tống, bị người Kim hối lộ, mọi chuyện đều mưu tính cho quân Kim, giết Nhạc Phi là người đã khiến cho quân Kim sợ hãi. Phàm những ai không đồng mưu với gã thì hoặc là biếm trích (giáng chức đày đi xa), hoặc là tru lục. Rốt cuộc chết đi vĩnh viễn đọa trong địa ngục, nhưng mối hận của trăm họ không cách nào tiêu được; vì thế, người ta dùng bột mì làm thành hai miếng (tượng trưng cho Tần Cối và vợ) cùng chiên lên ăn, đặt tên là *"du tạc cối"*[263] (Tần Cối chiên dầu). Lại đúc tượng sắt quỳ trước mộ Nhạc Phi, phàm những ai đến lễ Nhạc Phi đều cầm thước gỗ đập [tượng vợ chồng Tần Cối] tơi tả, lại đái lên đầu, lên thân tượng cho vơi hận. Sau này có kẻ mang họ Tần làm Tuần Phủ tỉnh Chiết Giang, nói tượng người sắt ở trước mộ Nhạc Phi bị người ta đái vào khiến mộ Nhạc Phi bị ô uế, sai quăng xuống Tây Hồ để mộ Nhạc Phi thường được thanh tịnh. Từ đó, nước Tây Hồ hôi thối, chẳng thể dùng để nấu ăn hay uống được, thường thấy trong hồ lềnh bềnh mấy xác chết, đến khi toan vớt lại chìm xuống. Do đấy, quan bèn ra cáo thị, sai dùng nhiều thuyền bè vây quanh để vớt, thì ra đó là tượng Tần Cối, vợ hắn và tướng Ngột Truật[264] nhà Kim đúc bằng sắt. Biết

---

[262] Tần Cối (1094-1155), tự Hội Chi, quê ở Giang Ninh (nay là thành phố Nam Kinh), đậu Tiến Sĩ năm Chánh Hòa thứ năm (1115) đời Tống Huy Tông. Do cưới cháu ngoại của Tể Tướng Vương Khuê, nên hoạn lộ thăng tiến rất nhanh. Khi Tống Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim bắt về Bắc, Tần Cối cũng bị bắt theo. Sau khi được thả trở về Nam, Tống Cao Tông rất tin cậy Tần Cối. Do đó, y ngoi dần lên, từ Tham Tri Chánh Sự, tăng chức rất nhanh, trở thành Tể Tướng. Tống Cao Tông sợ phe chủ chiến là Nhạc Phi và Hàn Thế Trung đánh thắng quân Kim sẽ đem hai vua Huy Tông và Khâm Tông về Nam, nên Cao Tông làm ngơ cho Tần Cối dùng đủ mọi cách triệt hạ, hãm hại Nhạc Phi. Tần Cối trong một ngày phát ra mười hai đạo kim bài, buộc Nhạc Phi phải triệt thoái về triều chịu tội. Vụ hãm hại này nổi tiếng với câu nói *"mạc tu hữu"* (không cần có) khi có một số quan lại can đảm chất vấn Tần Cối: "Nhạc Phi đã phạm tội gì?" Điều đáng nực cười là khi Tần Cối chết, Tống Cao Tông phong cho tên mãi quốc cầu vinh ấy thụy hiệu là Trung Hiến!

[263] Nguyên thủy từ ngữ này là "du tạc cối" (Tần Cối chiên dầu, âm Quảng Đông là Dầu Chá Quẩy), nhưng do vùng Quảng Đông đọc chữ Quỷ cùng âm với chữ Cối nên dần dần bị viết trại thành Du Điều Quỷ (âm Quảng Đông là Dầu Cháo Quẩy), rồi thành Du Xao Quỷ.

[264] Ngột Truật (?-1148) họ Hoàn Nhan. Do lấy theo tên họ người Hán là Vương Tông Bật, nên đôi khi sử còn gọi là Hoàn Nhan Tông Bật, dân gian thường gọi là Kim Ngột Truật. Ngột Truật là con thứ tư của Kim Thái Tổ

tội chướng của chúng sâu nặng, bèn ra lệnh đem đặt trước mộ để bị người ta đánh, đái. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang đến viếng mộ Nhạc Phi, [tượng của bọn Tần Cối] vẫn bị đái y như cũ, hôi thối không sao chịu đựng được nổi!

Ôi! Đạo đức như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết mà còn chẳng thể liễu sanh thoát tử, nhưng làm bậc văn học lỗi lạc, làm Tể Tướng đã kém xa đời trước. Đến như cụ Triết làm hoàng đế, phải xưng thần với triều đình giặc, đáng thương đến cùng cực! Kết quả của Tần Cối khiến cho tâm can người khác phải nguội lạnh, đau đớn. Do công phu Thiền Định nhiều năm, đời sau làm Tể Tướng, vừa bị người Kim hối lộ liền mê hoặc, trở thành gã si ngốc chẳng biết thơm - thối, tốt - xấu, trung - gian, đến nỗi tượng hắn bị đánh đập, đái lên, thân bị chiên lên ăn, một ngàn trăm năm qua vẫn chẳng thay đổi! Người tham Thiền dùng Tông để tự hùng, chẳng chịu cậy vào Phật lực để liễu sanh tử, nếu vừa nghĩ đến kết quả này, há chẳng nói ngược lại: "Cậy vào tự lực và cậy vào Phật lực sai khác quá xa, sao bằng chuyên tu Tịnh nghiệp để mong được liễu thoát ngay trong đời này há chẳng tốt hơn ư?" Bậc tông tượng đại danh vòi vọi đời Tống thân sau còn phải kém hơn đời trước, chẳng biết thân đời sau nữa hành trạng sẽ lại ra sao?

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh ra mới sáu tháng liền bị bệnh mắt, suốt một trăm tám mươi ngày chưa hề mở mắt được. Ngoại trừ lúc ăn, ngủ, cứ khóc suốt đêm ngày, người già cho rằng chẳng thể thấy mặt trời được, nhưng nhờ thiện căn đời trước, may còn thấy được ánh mặt trời, thật may mắn muôn phần! Đến tuổi đi học, lại trúng phải chất độc báng Phật của Châu - Trình, may là chẳng có học vấn như Châu - Trình. Nếu không, đã sớm đọa vào trong địa ngục A Tỳ ngay trong khi còn sống rồi! Do vậy, bệnh tật triền miên, sống uổng mấy năm. Do nghĩ đến Phật pháp truyền sang phương Đông đã được bao nhiêu vua thánh tôi hiền hộ trì, lưu thông; lời lẽ của Châu - Trình chẳng đáng làm căn cứ. Do vậy, bèn xuất gia làm Tăng chuyên tu Tịnh nghiệp. Tiên sư dạy tham cứu, liền thưa: "Đệ tử không có

(Hoàn Nhan A Cốt Đả). Ngột Truật rất giỏi dùng quân nên được phong chức Đô Nguyên Soái, lãnh Hành Đài Thượng Thư Sự, chủ trì xâm lăng tiêu diệt nhà Nam Tống. Ngột Truật từng đại bại thê thảm dưới tay Nhạc Phi và Hàn Thế Trung. Năm 1130, Nhạc Phi đại phá quân Ngột Truật tại núi Ngưu Đầu khiến cho Ngột Truật phải tháo chạy, lui về giữ Khai Phong, tính bỏ luôn cuộc Nam xâm, phải chấp nhận ký hòa ước với Nam Tống. Do mua chuộc được Tần Cối, bày mưu cho Tần Cối hãm hại Nhạc Phi và Hàn Thế Trung, Ngột Truật đã dễ dàng đập tan sự kháng cự của Nam Tống, biến Nam Tống thành chư hầu nhược tiểu của nước Kim. Bởi vậy, Ngột Truật bị người Hoa căm ghét không thua gì Tần Cối!

được thiện căn ấy, nguyện chuyên niệm Phật để mong đới nghiệp vãng sanh”. Sáu mươi năm qua, sống ơ hờ phí uổng, nay đã tám mươi, tâm còn chưa tương ứng với Phật. Nếu chuyên cậy vào tự lực thì sự tự lầm ấy chẳng thể tưởng tượng được đâu! Nhưng do sáu mươi năm trải đời, lại xét kỹ thiện căn của mình lẫn người, kẻ cậy vào Phật lực còn chẳng dễ gì chứng ngay được tam-muội; người cậy vào tự lực ai cao siêu hơn được Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết?

Từ thời Dân Quốc đến nay, đường lối cũ bị thay đổi rất lớn: Phế bỏ kinh điển, gạt bỏ luân thường, bỏ lòng hiếu cho khỏi hổ thẹn, thực hành chuyện biến con người thành loài thú, cả nước như cuồng, tàn sát lẫn nhau, hằng ngày theo đuổi chiến tranh. Kẻ có tri thức sợ nhân đạo gần như dứt mất, cho nên ai nấy lập phương cách cứu vãn, nêu tỏ nhân quả ba đời, xiển dương luân hồi lục đạo, làm cho khắp già trẻ nam nữ đều cùng niệm vạn đức hồng danh. Trong số ấy, tuy không thiếu kẻ hùa theo sự náo nhiệt, nhưng quả thật có những ngu phu ngu phụ đạt được đại cảm ứng. Nay nêu lên hai [trường hợp] để tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Một là ông Trịnh Huệ Hồng (đây chính là pháp danh quy y, tục danh không nhớ) ở thành Bảo Sơn tỉnh Vân Nam, buôn bán phát đạt. Năm Dân Quốc 11 (1922), gởi thư xin quy y; do vậy, bèn đem những sách đã in gởi cho. Ông ta liền khuyên cha mẹ ăn chay niệm Phật. Cha ông ta (tên là Bá Thuần) là một vị ẩn sĩ học rộng, thoạt đầu chuyên nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, tiếp đó nghiên cứu kinh sách của thuật luyện đan. Do con là Huệ Hồng khuyên cha học Phật, cụ bèn nghiên cứu Thiền Tông, sau đấy chuyên tu Tịnh nghiệp, cùng với vợ xin quy y. Bá Thuần pháp danh là Đức Thuần, bà vợ pháp danh là Đức Ý. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng từ đất Xuyên (Tứ Xuyên) trở về Điền (Vân Nam), đi ngang Tô Châu, ở lại chùa Báo Quốc mấy ngày. Mùa Xuân năm sau, Huệ Hồng chết. Bà mẹ lòng quá yêu thương con, liền uống thuốc độc, ngồi kiết già, chắp tay niệm Phật qua đời. Mất rồi sắc mặt tươi sáng vui vẻ, phàm những ai thấy nghe, không ai chẳng tán thán. Bảo Sơn là chốn biên địa của tỉnh Vân Nam, trọn chẳng biết đến Phật. Bá Thuần tuy học rộng, vốn sẵn đức hạnh, đề xướng Tịnh Độ, người có trí huệ ít có kẻ tin theo. Vợ cụ uống thuốc độc, ngồi kiết già, niệm Phật qua đời, người cả một vùng mười phần hết tám chín đều tin lời Bá Thuần niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Như vị thiện tri thức lâm chung, ngồi kết già, chắp tay niệm Phật đã là chẳng tầm thường, huống chi một bà lão không có học vấn gì, uống thuốc độc lại được như thế, nếu chẳng phải là Phật lực gia bị, há được như thế ư? Do vậy, biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn! Chúng sanh tuy sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chẳng được Phật lực, pháp lực gia trì, vẫn chẳng

thể thọ dụng được! Do được Phật lực, pháp lực gia trì khiến cho tâm lực của chúng sanh hoàn toàn hiển hiện. Vì thế, chất độc chẳng đầu độc được, hiện tướng lạ lùng, đặc biệt, nhằm hướng dẫn cả một vùng. Với tư cách ngu phụ, bà ta còn có thể hiện được tướng lạ lùng, đặc biệt như thế thì vị tỳ-kheo tu mi trượng phu đường đường cũng sẽ có thể tự phấn chấn, quyết chí dốc sức tu tập.

Trường hợp thứ hai là Lục Tử Khanh (pháp danh là Đức Siêu) ở Quật Cảng, Như Cao, tỉnh Giang Tô, là một nông phu chỉ hơi thông chữ nghĩa, vợ chồng con cái đều quy y. Con gái ông ta xuất gia, nhưng vẫn ở nhà. Con ông ta xuất gia, chưa được bao lâu đã chết. Quần áo xuất gia, phí tổn thọ giới và tiền tống táng đều do ông ta lo liệu. Ông ta tính bán sạch hết điền sản để làm công đức hòng khỏi phải bận tâm. Ruộng đã bán rồi, anh ông ta biết, liền bắt chuộc lại. Người anh thấy em không con trai bèn cho con trai mình làm người thừa kế, mưu tính đoạt gia sản với khí thế thật dữ dội. Bất đắc dĩ, ông ta phải tìm trưởng làng thưa trình chuyện ấy. Ruộng đã bán đi với giá quá hời, trưởng làng không chịu cho chuộc lại. Người ấy tiến thoái lưỡng nan, ra khỏi nhà trưởng làng bèn nhảy xuống sông tự tử. Xác ông ta đứng thẳng trong nước, ngoảnh mặt về Tây chắp tay. Người nhà biết tin, ra vớt xác về. Nhân đấy, gởi thư cho Đương Gia chùa Linh Nham, xin lập một bài vị trong Niệm Phật Đường, nên mới biết chuyện ấy. Đấy là chuyện xảy ra vào mồng Tám tháng Chạp năm ngoái. Trong đời, người đứng mất cũng không nhiều, Đức Siêu gieo mình xuống sông lại đứng thẳng trong sông, so với người đứng thẳng trên đất bằng thật là lạ lùng, đặc biệt! Nếu không phải là toàn thân đã buông xuống hết, quyết mong vãng sanh, há có thể làm được như vậy ư?

Ôi! Sở ngộ của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết tiếng tăm chấn động cả nước, chết đi làm Tể Tướng, làm hoàng đế, đạo lực đã thụt lùi, huống chi là liễu sanh tử ư? Hai người trên đây dùng tư cách ngu phu ngu phụ, lâm chung chết ngang, so với vị thiện tri thức đắc đạo chẳng thua kém tí nào! Đủ biết tự lực chẳng đủ để trông cậy, Phật lực khó thể nghĩ bàn! Những người làm Tăng trong cõi đời gần đây, đều coi tham thiền là vô thượng thừa, niệm Phật là cách tu trì của bọn ngu phu ngu phụ. Nay nói: Thuở xưa, bậc tham thiền đại ngộ đã chứng thì thần thông đạo lực của các ngài, cố nhiên phàm tình chẳng thể suy lường được! Những vị đại ngộ nhưng chưa chứng như Ngũ Tổ Giới v.v… có đạt được cảnh tượng như hai người ấy (tức mẹ ông Trịnh Huệ Hồng và Lục Tử Khanh) hay không? Một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ Phật lực. Do vậy, bậc thượng trí chẳng bằng được kẻ hạ ngu, khéo quá hóa vụng! Vì thế, kinh Đại Tập dạy: *"Mạt Pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử"* (Đời Mạt Pháp ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc

đạo. Chỉ có nương vào niệm Phật để vượt thoát sanh tử). Bởi đó, từ thời Nguyên - Minh trở đi, phàm là bậc tri thức nhà Thiền, phần nhiều đều đề xướng niệm Phật, như Trung Phong Bổn, Sở Thạch Kỳ v.v… Ngài Liên Trì sau khi ngộ đạo bèn chủ trương Tịnh Độ, ngài Triệt Ngộ ngộ đạo rồi bèn bỏ tham cứu, chuyên niệm Phật. Do xét đến căn cơ đương thời, không thể nào làm khác được! Như mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể chấp chết cứng một pháp! Hành theo pháp thích đáng sẽ được lợi lớn, không chút điều tệ nhỏ!

Hơn nữa, pháp Tịnh Độ lợi khắp mọi căn cơ, quả thật là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Như Lai, lợi ích vượt trỗi những giáo lý thông thường trong cả một đời [giáo hóa của đức Phật]. Câu nói của cổ đức: *"Dĩ Quả Địa Giác vi Nhân Địa Tâm, cố đắc nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên"* (do dùng sự giác ngộ nơi quả vị để làm cái tâm trong khi tu nhân nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tột nguồn nhân), có thể nói là khéo hình dung nhất, không còn gì hay tuyệt hơn được nữa! Huống chi Liên Tông Tứ Tổ là đại sư Pháp Chiếu đích thân gặp đức Văn Thù dạy niệm Phật. Há có nên chẳng ngửa tuân theo thánh ý chuyên chú niệm Phật, vẫn cứ muốn cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực, chỉ mong chống đỡ môn đình cho lớn lao, chẳng tính đến chuyện có được lợi ích hay không? Hâm mộ hư danh, khinh rẻ lợi ích thật sự, sao lại mất trí điên cuồng quá mức như thế vậy?

Theo tập ba của Cao Tăng Truyện, trong truyện của Pháp Chiếu đại sư có nói: Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), Sư trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị Tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo đấy ắt phải là Ngũ Đài. Về sau, Sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), Sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng đường, thấy đức Văn Thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu. Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi: "Phàm phu đời Mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cấu chướng thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được! Phật pháp mênh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con". Đức Văn Thù bảo: *"Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất. Các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, phước huệ song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường, nên nay đắc Nhất Thiết Chủng Trí. Do vậy biết Niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Vô Thượng Pháp Vương chớ để dừng nghỉ"*. Sư lại hỏi: "Nên niệm ra sao?" Ngài Văn Thù nói: *"Phía Tây thế giới này có A Di Đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián*

đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển". Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Sư thọ ký: *"Do ông niệm Phật chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề"*. Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-đà (kệ). Sư nghe xong, hoan hỷ hớn hở, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Trong Thanh Lương Chí bản cũ, [chuyện này] bị một Thiền tăng vô tri sửa đổi lời khai thị, biến thành thiền ngữ, thật đáng thống hận! Bộ Sơn Chí được tu chỉnh gần đây đã sao chép theo đúng truyện Pháp Chiếu Đại Sư trong tập ba của bộ Cao Tăng Truyện. Tôi chẳng dẫn Thanh Lương Chí vì sợ người ta không biết, cứ đọc theo bộ Sơn Chí cũ, sẽ đâm ra nghi báng. Làm mù con mắt chánh pháp, đoạn thiện căn của người khác, tội chẳng gì lớn hơn được! Phần trước và phần sau đoạn trích dẫn này đều lược đi, [sao lục] chỗ khai thị chẳng sót một chữ nào, chỉ có với chữ "Chiếu" là vì thuận theo cách nói bèn viết là chữ Sư cho rõ. Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn Thù. Văn Thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: *"Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc Nhất Thiết Chủng Trí"*. Do vậy, hết thảy các pháp, Bát Nhã Ba La Mật, thiền định rất sâu, thậm chí chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đời Mạt Pháp nghiệp nặng, phước nhẹ, chướng sâu, huệ cạn, miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng [dù có muốn] nối gót hít bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư?

Thiền Tông bắt nguồn từ đời Lương, pháp ngữ nhằm dạy người đích thân thấy tự tánh của họ tuy cao siêu huyền diệu, nhưng mỗi câu còn ý nghĩa. Sau thời Lục Tổ, hai vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên liền dùng cơ phong chuyển ngữ, chỉ sợ người ta tưởng hiểu nghĩa là ngộ, chẳng thể thật chứng, nên dùng pháp này hòng dứt bặt cái tệ tưởng lầm là đã ngộ đạo. Nhưng công phu tham cứu ấy chẳng dễ gì đạt được, có nhiều kẻ mấy chục năm vẫn chưa thể nào thấu hiểu triệt để được! Ngài Triệu Châu tám mươi tuổi còn tham khấu[265] khắp Bắc - Nam, nên có câu nói: *"Triệu Châu bát thập do hành cước, chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên"* (Triệu Châu tám chục còn hành cước, chỉ bởi trong lòng chửa rỗng rang). Đủ biết là bậc hành nhân đại căn còn phải siêng nhọc như thế, huống gì kẻ căn tánh hèn kém ư?

Đến đời Tống, đạo Thiền vẫn hưng thịnh lớn lao, kẻ thật chứng đã ít ỏi hẳn đi. Ngay như Ngũ Tổ Giới vẫn chẳng phải là kẻ tầm thường, Sư thuộc

[265] Tham khấu: Đến tham học với các bậc tôn túc đã ngộ đạo.

pháp hệ của ngài Vân Môn Yển[266], là pháp tổ của quốc sư Đại Giác Liên đời Tống, môn đình cao ngất như long môn[267], kẻ học thường dõi nhìn vách đá [chót vót] mà chùn bước, thuở đương thời danh vọng hiển hách chi bằng! Nhưng một thứ Kiến Hoặc còn chưa đoạn được, nói gì đến liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh nữa ư? Thân sau của Giới công là Tô Đông Pha, Tăng - tục đều biết. Lúc [họ Tô] giữ đất Hàng, vẫn chẳng cự tuyệt kỹ nữ lui tới; đủ biết vẫn là phàm phu đầy dẫy triền phược, ngay cả Sơ Quả Tu Đà Hoàn vẫn chưa hề chứng được. Người bây giờ ai có được đạo lực như Ngũ Tổ Giới mà vẫn muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, lại còn đề cao Thiền Tông, miệt thị Tịnh Độ, là do cớ gì vậy?

Một là do ít đọc kinh điển và kinh Hoa Nghiêm, hoặc từng đọc qua nhưng hoàn toàn chẳng chú ý. Hai là do chẳng biết tông chỉ của Thiền Tông, bất luận hỏi đến Phật, hỏi đến pháp, dù hỏi đến tất cả những thứ gì trong thế gian, khi đáp đều chỉ về bổn phận, chứ tuyệt đối chẳng luận trên Phật, trên pháp, và trên mặt sự để đáp. Đó gọi là *"hỏi tại nơi đáp, đáp tại nơi hỏi",* nếu hiểu là nói về mặt sự thì hoàn toàn hiểu lầm mất rồi, nhưng người đời nay nghiệp sâu huệ cạn, thường đem những lời trực chỉ bổn phận giải nghĩa theo mặt văn tự. Như ngài Triệu Châu nói: *"Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba bữa*" và *"một chữ Phật, ta chẳng thích nghe"*, ai nấy đều lầm tưởng là lời nói thật, bèn coi niệm Phật là không ra gì, rồi miệt thị! Chẳng biết sau câu *"một chữ Phật ta chẳng thích nghe"* của ngài Triệu Châu, có kẻ hỏi: "Hòa thượng có còn vì người khác hay không?" Triệu Châu nói: "Phật, Phật" đó ư? Có kẻ hỏi: "Hòa Thượng được đại vương cúng dường như thế (cha con vua nước Triệu và Yên Vương đều cung kính cúng dường), báo đáp như thế nào?" Triệu Châu nói: "Niệm Phật!" đó ư? Lại có ông Tăng hỏi: "Mười phương chư Phật còn có thầy hay không?" Triệu Châu nói: "Có!" Hỏi: "Thế nào là thầy của chư Phật?" Triệu Châu nói: "A Di Đà Phật, A Di Đà Phật!" đó ư? Phàm *"niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"* và *"một chữ Phật ta*

---

[266] Vân Môn Văn Yển (864-949) là sơ tổ tông Vân Môn, quê ở huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang. Sư mang chí hướng xuất gia từ nhỏ, xin thế độ với ngài Chí Trừng tại chùa Không Vương ở Gia Hưng. Không lâu sau, được thọ Cụ Túc, học rộng khắp các kinh điển, đặc biệt nghiên cứu tinh tường Tứ Phần Luật. Sau đó sang Mục Châu tham học với ngài Đạo Minh, thấu hiểu Thiền chỉ. Rồi Sư tham học với Tuyết Phong Nghĩa Tồn, được ấn khả. Năm Càn Hóa nguyên niên (911), đến Tào Khê lễ tháp Lục Tổ, tham học với ngài Linh Thọ Như Mẫn, được nối pháp vị này. Do Sư trụ tại chùa Quang Thái núi Vân Môn nên tông phong của Ngài được gọi là Vân Môn.

[267] Long Môn còn gọi là Vũ Môn, là nơi theo truyền thuyết con cá chép nào vượt ngược sóng, nhảy qua được ba bậc của thác Vũ Môn sẽ biến thành rồng.

chẳng thích nghe" và *"dùng Phật Phật để vì người khác", "dùng niệm Phật để báo ân", "lấy A Di Đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật"* đều là chuyển ngữ chỉ về bổn phận.

Nếu hiểu hai câu trước là lời thật bèn thật hành theo (tức *"niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày"* và *"một chữ Phật ta chẳng thích nghe"*), ắt sẽ đến nỗi báng Phật, báng pháp, báng tăng, vĩnh viễn đọa trong ác đạo! Nếu coi ba câu sau (*"dùng Phật Phật để vì người khác", "dùng niệm Phật để báo ân", "lấy A Di Đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật"*) là lời thật rồi thật hành, ắt sẽ được nghiệp tận tình không, đời này chứng thánh, vãng sanh Thượng Phẩm, dần dần đạt đến thành Phật. Hai cách nói này các sách Thiền đều cùng sao lục. Hai câu nói trước ấy, hết thảy mọi người đều thường đề xướng, ba câu nói sau, mấy chục năm qua, tôi chưa hề thấy có một ai nhắc đến một câu nào! Những câu nói trước và sau đều quy về bổn phận. Đối với ba câu sau, dẫu chẳng hiểu ý của ngài Triệu Châu, đem so với chuyện hiểu được ý ngài Triệu Châu, lợi ích vẫn lớn hơn! Bởi lẽ, không hiểu được ý của tổ Triệu Châu, nhưng vẫn là tuân theo lời Phật dạy chân thật phát xuất từ kim khẩu của đức Như Lai. Đối với hai câu trước, dẫu có hiểu ý của ngài Triệu Châu cũng chẳng qua là khai ngộ mà thôi, còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm! Cớ sao đối với lời nói của cùng một người, nếu không hiểu, coi [hai câu trước] là lời đúng thật thì họa hại khôn lường, nhưng ai nấy đều đề xướng; còn [ba câu sau] nếu không hiểu, coi là lời nói đúng thật lại lợi ích vô cùng, nhưng cả cõi đời chẳng ai thèm nghe?

Ấy là vì thuở ban đầu chưa hề gặp được thiện tri thức thật sự, do bản thân chẳng ra sức nghiên cứu, vừa nghe lời bài bác tưởng như hy hữu, lạ lùng, trong tâm bèn vui sướng, thường xuyên đề xướng. Chẳng biết đấy là lời nói thẳng chóng nhằm dạy người khác đích thân thấy được bản lai của cổ nhân, cứ hiểu thành lời báng pháp dè bỉu, chê bỏ niệm Phật. Trong đời Mạt, loại người như vậy nhiều lắm! Trừ kẻ biết tự lượng, có hàm dưỡng, quyết chẳng chịu coi cách suy lường mặt chữ là tham cứu pháp Thiền thì chẳng mắc phải bệnh ấy. Nếu không, ắt sẽ là kẻ tưởng "ngộ" (誤: hiểu lầm) là "ngộ" (悟: ngộ đạo), vẫn cứ noi theo lề lối ấy mà tu hành, chẳng nghĩ đến sửa đổi chi cả!

Huống chi cư sĩ các nơi, tâm hộ trì [chùa] Quảng Tế hết sức sôi nổi. Nếu vẫn dùng cái danh Tham Thiền để tự đề cao thì còn được, chứ nếu do cậy vào tự lực mà chẳng thể được đại lợi ích thì làm sao báo đáp nhiệt tâm của các cư sĩ đây? Lại làm sao có thể thúc đẩy mạnh mẽ đạo niệm của các cư sĩ đây? Quang thẹn mình hủ bại, không có tài đức, nhưng do [kinh nghiệm] xuất gia từng trải sáu chục năm, vốn chẳng dám đối trước hết thảy mọi người mà nói, nhưng vì Quả Định Thượng Nhân và Hòa Thượng đều để mắt xanh đoái tưởng, lại thêm vì tuổi đã tám mươi, sống buổi sáng chẳng đảm

bảo được buổi tối, nếu chẳng đem điều Quang hiểu biết dâng lên thường trụ chùa Bích Sơn thì thật chịu lỗi đến cùng cực.

Pháp môn Niệm Phật chính là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là đường tắt thành Phật của trời, người, thánh, phàm. Hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thảy các pháp môn không pháp nào chẳng trở về pháp này. Kẻ tri kiến nhỏ nhoi cho [Niệm Phật] là pháp môn của ngu phu, ngu phụ; nào biết trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài sau khi [chứng được] Thập Tín Hậu Tâm, vâng lời ngài Văn Thù dạy, đi tham học với khắp các thiện tri thức, hễ nghe dạy liền chứng. Cuối cùng, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát, được Ngài gia bị, khai thị, sở chứng ngang với Phổ Hiền và chư Phật. Đức Phổ Hiền bèn vì Thiện Tài xưng tán công đức thù thắng, mầu nhiệm của Như Lai, dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương, dùng công đức này hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả, và khuyến tấn trọn hết các Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương. Hoa Tạng hải chúng không một ai là phàm phu, Nhị Thừa hay Quyền Vị Bồ Tát chưa phá vô minh; [vị nào chứng ngộ] thấp nhất đã là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vị ấy đã có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, và tùy theo mỗi loài hiện đủ mọi thân để độ thoát chúng sanh. Sau đó, từ Nhị Trụ cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, mỗi địa vị càng thù thắng hơn. Các vị Bồ Tát ấy đều dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương, những kẻ kia (tức kẻ phỉ báng Niệm Phật) là hạng người nào mà dám chống đối các Ngài ấy?

Do vậy, biết pháp môn Niệm Phật quả thật là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy, thành chung. Vì thế, [pháp này] được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do pháp này dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, nên liền được *"nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân"*. Cúi xin Hòa Thượng thương xót lòng ngu thành của Quang, quán sát thời cơ, bỏ tham thiền để niệm Phật, tuân theo thánh huấn của các vị Văn Thù, Phổ Hiền, noi theo dấu thơm của các vị Triệt Ngộ, Liên Trì, ngõ hầu người theo học đều được lợi ích liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, khiến những vị [cư sĩ] hộ pháp đều được dự vào hội thượng thiện nhân ở Liên Trì, bi tâm của tam thế chư Phật được xoa dịu lớn lao nơi cõi Tịch Quang, chư tổ của năm tông đều mỉm cười rạng rỡ nơi Chân Tế. Ngũ Đài vòi vọi, đã có bậc hoằng dương đạo thành thủy thành chung, Phật tử đông đảo sẽ đều tu đạo *"tâm làm, tâm là"*. Chẳng biết Hòa Thượng có chịu rủ lòng nghe theo hay không? Nếu nói: "Ai có chí nấy, sao lại cưỡng bức, ông giữ pháp của ông, tôi hành đạo của tôi", Quang cũng chỉ tự thẹn cuồng vọng, chẳng dám khinh nhờn nữa! Mong hãy đem

thư này trả về Linh Nham để đốt trước tượng Văn Thù Bồ Tát trong đại điện hòng tỏ lộ tấm lòng khăng khăng ngu thành của Quang đối với Ngũ Đài mà thôi!

153. Thư gởi cư sĩ Hồ Tử Hốt
(năm Dân Quốc 29 - 1940)

Từ khi gặp gỡ đến nay, trước sau đã bảy năm, thế giới tang thương, khôn ngăn cảm thán! Thư của các hạ, mùa Thu năm ngoái do thầy Pháp Độ đến núi, mới được chiêm ngưỡng, do những năm trước thầy Pháp Độ đến đất Hỗ (Thượng Hải) liền đi ngay. Mùa Thu năm ngoái thầy Pháp Độ đến đây, hỏi thăm các hạ và thường trụ Bích Sơn, may là không mắc tai nạn lớn lao, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Quang nghĩ đạo tràng Bích Sơn sẽ khôi phục được quang cảnh cũ, pháp môn tu hành nên tùy thời nghi, đã đại lược tỏ ý của Quang với thầy Pháp Độ. Lại bỏ ra ba trăm đồng để làm khoản chi tiêu trước. Tiếp đó, nghĩ Quang là loại Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, dù nói có ai chịu nghe theo, bèn thôi, không bàn đến nữa!

Nửa sau tháng Chạp, pháp sư Đức Sâm gởi thư về hỏi: "Sao vẫn chưa dâng thư lên hòa thượng Quảng Huệ?" Quang bảo: "Vì phận hèn, lời nhẹ, ắt khó được nghe theo, vì thế không bàn đến nữa!" Thầy Đức Sâm bảo: "Chúng ta làm việc chỉ mong trọn hết lòng thành của chính mình, cớ sao lại sợ người khác chẳng thấy nghe, để rồi rốt cuộc đạo tràng của đức Văn Thù không được một phen nghị luận như thế này ư?" Do vậy, tôi bèn quên mình hèn kém, thô lậu, miễn cưỡng viết hơn mười trang, trình bày đại lược chuyện "áo mỏng, áo cừu, ăn uống cần phải thích nghi, sự tu trì thời Mạt Pháp cũng phải giống như vậy". Vẫn mong các hạ thương cho lòng ngu thành của Quang, ở trước mặt Hòa Thượng nhiều cách khen ngợi, nói vun vào, may ra chẳng đến nỗi Quang bị sa chân chuốc nhục, hoàn toàn chẳng có ích gì!

154. Thư trả lời cư sĩ Dương Vĩ Chương

Hôm nay đặt pháp danh, dùng Một Lá Thư Gởi Khắp để khai thị. Gởi thư xong, đọc lại thư ông, biết ông chưa biết tông chỉ Tịnh Độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gởi Khắp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, niệm danh hiệu Phật. Đừng dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất"*. Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi

tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng, rành rẽ. Ý, thiệt, nhĩ ba căn mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trễ, biếng nhác, đó gọi là "nhiếp trọn sáu căn". Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp [sáu căn để niệm] thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là "tịnh niệm".

Nếu thường giữ được tịnh niệm cho liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đắc nhất tâm, mức sâu là đắc tam-muội. Tam Ma Địa cũng là tên gọi khác của Tam Muội, ở đây (Trung Hoa) dịch là Chánh Định, hay còn dịch là Chánh Thọ. Chánh Định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh Thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thâu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thảy cảnh duyên đều chẳng thể được! Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh, sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, lầm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu Quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm với người niệm Phật! Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thảy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh.

Nên biết *"nhiếp trọn"* chú trọng tại Nghe. Dẫu niệm thầm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu, từng chữ rõ ràng thì sáu căn đều quy về một, so với tu những pháp Quán khác là ổn thỏa, thích đáng nhất, ít tốn sức nhất, khế lý, khế cơ nhất. Đã phát tâm niệm Phật, ắt cần phải kiêng giết, ăn chay, đoạn cả hút sách lẫn uống rượu. Thanh tâm quả dục (tấm lòng trong sạch, ít ham muốn), cưới vợ chủ yếu để sanh con. Người đời thường thường coi chuyện ân ái như chuyện ăn cơm, uống trà thường ngày trong nhà mà mong tưởng sanh được đứa con tốt đẹp sẽ là chuyện khó nhất trong các sự khó. Ông đã lầm lẫn, khiến cho [tánh mạng] nguy ngập mấy lần, hãy nên đoạn dục một hai năm để sanh được con. Đợi cho thiên quý (kinh nguyệt) của vợ sạch rồi, lại cần chọn ngày tháng tốt đẹp để ăn nằm, ắt nhất định thọ thai. Từ đấy, vĩnh viễn đoạn dục. Đứa con sanh ra chắc chắn hiền thiện, khỏe mạnh. Lại cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trong là gia đình, ngoài là những người cùng hàng, đều nên dùng điều này để kính khuyên thì sẽ là Phật tử thật sự vậy. Nếu không, vẫn là kẻ tội nhân nơi danh giáo, huống hồ còn muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà được hay sao?

155. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh

Năm Dân Quốc 16 (1927), tôi vốn muốn nhận lời thỉnh của đệ tử ở Hương Cảng, nên trong tháng Bảy năm Dân Quốc 17 (1928) liền rời Phổ Đà. Năm sau, do ông Hứa Chỉ Tịnh vừa hoàn tất bản thảo bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, nên phải lo liệu [giảo duyệt] cho đến khoảng cuối Thu đầu Đông. Trong tháng Ba [năm sau] cho sắp chữ theo kiểu Tam Hiệu Tự, được một bộ gồm bốn cuốn. Do học sinh thích đọc chữ nhỏ, ông Nhiếp Vân Đài lại cho in theo lối Tứ Hiệu Tự thành một bộ hai cuốn. Trong tháng Ba, cho sắp chữ hai bộ sách này. Pháp sư Đức Sâm chịu trách nhiệm giảo chánh lần đầu, Quang chịu trách nhiệm giảo chánh lần thứ hai. Hết đêm tới ngày, khá cực nhọc. Lo xong việc, một đệ tử mời đến nhà ông ta ăn cơm, do chẳng quen ngồi xe hơi, toát mồ hôi bị trúng gió. Ra về, bảo họ gọi xe kéo, họ không chịu, bèn bảo lái chậm một chút, đang chảy mồ hôi mà lại ra gió, bị bệnh hơn mười ngày.

Năm sau, Thái Bình Chân lão (tức hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình) khuyên đừng về Nam, sợ đường biển sóng gió rất có thể bị bệnh. Năm Dân Quốc 19 (1930) đến Tô Châu, bế quan tại chùa Báo Quốc. Mồng Mười tháng Mười năm Dân Quốc 26 (1937), tỵ nạn sang Linh Nham. Hiện nay đã tám mươi tuổi rồi, buổi sáng chẳng bảo đảm được buổi tối. Ở quý địa, người có lòng tin khá đông, hãy nên bảo họ quy y với chư Tăng nơi ấy, chớ nên thay mặt Quang thâu nhận. Vì sao vậy? Lòng người biến đổi, trong khoảnh khắc khác hẳn. Quang là kẻ sắp chết, há có nên giữ quy củ này, để về sau nếu có kẻ chẳng giữ như pháp, Quang bỗng dưng mắc phải họa hại ấy! Gần đây, Quang thường thấy kẻ vốn là người cực tốt liền biến thành kẻ cực xấu! Ngay khi Quang vẫn còn sống mà còn như thế thì khi Quang chết rồi, ai có thể lại biến họ thành người tốt cho được? Chuyện này Quang tuyệt đối chẳng chấp nhận.

Cư sĩ diễn giảng, chỉ nên chuyên chú nơi một pháp Tịnh Độ, chớ nên giảng tràn lan. Giảng tràn lan là chuyện của pháp sư giảng kinh, cư sĩ há nên khơi ra đầu mối ấy! Do pháp môn Niệm Phật thích hợp khắp ba căn, bởi mọi người chẳng biết pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, hãy vì họ nói Tín - Nguyện - Hạnh khiến cho kẻ có trí huệ nhưng không hiểu biết ai nấy đều chú trọng pháp này. Há nên chỉ mong khuếch trương môn đình, chẳng xét đến có khế cơ hành nhân hay không. Thiền sư Đạo Xước đời Đường cả đời giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt, vị này vẫn là người thân cận hòa thượng Thiện Đạo. Sư thọ ngoài tám mươi, tính trên những khóa giảng thì mỗi năm Sư giảng ba bốn lượt. Hiện thời trong Phật Thất đang đề xướng giảng các kinh thuộc những tông khác, nếu đại chúng trong pháp hội đối với Tịnh tông đều hiểu biết sâu xa thì còn được, chỉ sợ kẻ thông suốt chưa được dăm ba người trong trăm kẻ, người không

thông suốt mười phần hết tám chín. Những vị pháp sư giảng kinh tràn lan kia còn có rất nhiều vị chẳng coi Niệm Phật là đúng. Nay chẳng chú trọng pháp môn cậy vào Phật lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu giảng Bát Nhã cho kẻ chẳng hiểu Tịnh Tông tức là dạy họ chuyên tâm dốc chí nơi phương diện khai ngộ, đâm ra làm cho đại pháp "muốn cho phàm phu sát đất được liễu sanh thoát tử" phát xuất từ lòng đại từ bi của đức Di Đà bị coi rẻ.

Người xin nghe giảng đã không hay biết, sao người nhận lời giảng không nói rõ nguyên do cho họ? Nếu họ không nghe, hãy nói: "Tôi không phải là người giảng kinh, xin hãy mời vị chuyên chú trọng giảng kinh đến giảng". Cư Sĩ Lâm tại thị trấn Đường Áp thuộc thành phố Nam Thông (tỉnh Giang Tô) rất tích cực, năm ngoái một thành viên của Cư Sĩ Lâm rất thông minh, giảng kinh Địa Tạng một lần, từ đấy những kẻ chẳng biết "pháp môn Niệm Phật là pháp môn để phàm phu cậy vào Phật lực hòng liễu sanh tử trong đời này" quá nửa đều chẳng niệm Phật, chuyên chú trọng nghe kinh. Lâm trưởng thỉnh Quang nói với người giảng kinh. Do vậy, bèn dạy vị ấy: *"Phật pháp như biển cả, một giọt có đủ vị của muôn sông. Phật pháp như lưới kết bằng những hạt châu của Thiên Đế, mỗi hạt châu có đủ ánh sáng của ngàn hạt châu. Luận về phía bậc đại thông gia thì lời thô lẽ tế đều là Nhất Chân. Luận về phía kẻ chưa về đến nhà, hãy nên chỉ đường về nhà cho đỡ tốn sức. Huống chi bậc đã chứng Đẳng Giác muốn viên mãn Phật Quả vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương; kẻ sắp đọa A Tỳ, mười niệm thành công, có thể cao dự hải hội. Như thuốc A Già Đà trị chung vạn bệnh; như ánh nắng Xuân vừa chiếu đến, trăm loài cây cỏ sum xuê. Lợi ích mầu nhiệm ấy ngoại trừ đức Phật ra chẳng ai có thể biết được! Sao chẳng từ những chỗ ấy phát khởi lòng tín nguyện cho bọn họ, ngõ hầu ai nấy đều được vãng sanh. So với những kẻ giải thích từng chữ, từng câu để tạo thành thiện căn đắc độ trong tương lai, khác biệt như thể một trời, một vực! Hãy theo quy củ thường lệ, đừng tạo ra hai đường lối hành trì trong cùng một lâm!"*

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nếu nhóm họp mọi người niệm Phật nhưng chẳng đem nguyên do và phương pháp, lợi ích do tu trì pháp môn này diễn thuyết cho đại chúng thì vì chẳng biết tông chỉ, sẽ chỉ được phước báo trời người, cô phụ ơn Phật rất sâu. Tăng hay tục đều [diễn giảng] được, chứ không riêng gì cư sĩ. Đây là luận trên phương tiện diễn thuyết, chớ nên lấy lề lối giảng kinh làm chuẩn mực. Nếu thỉnh người chuyên giảng một thất, lần đầu nên đảnh lễ Hòa Thượng hoặc Lâm Trưởng, Xã Trưởng và thành viên trong cư sĩ lâm, lạy khắp mọi người một lạy. Sau đấy, đối trước pháp tòa, lễ Phật ba lạy, rồi lên tòa giảng. Hoặc giảng trích lược kinh văn, hoặc giảng chung chung về pháp tắc niệm Phật và

tâm hạnh suy nghĩ, xử sự phải hợp với Phật. Giảng xong, nói đại lược lời tạ lỗi, xin chư vị rộng lượng dung thứ, liền xuống tòa, lễ Phật ba lạy là xong. Phía trên pháp tòa nên thờ tượng Phật. Hiện thời mọi thứ quá mắc mỏ, chỉ nên đốt một cây hương, chẳng cần phải thắp nến, đốt Đàn hương[268]. Lên tòa rồi, chẳng cho người khác lễ bái để khỏi lâm vào tình cảnh khó xử cho cả đôi bên. Nếu ngẫu nhiên được thỉnh giảng một lần, liền lễ Phật ba lạy, lên tòa diễn thuyết, giảng xong, xuống tòa lễ Phật ba lạy là được rồi. Mở đầu [buổi giảng] chẳng cần phải niệm kinh, xướng kệ, đấy là phong cách của kẻ diễn thuyết. Nếu cứ theo đúng như lề lối giảng pháp, sẽ trở thành tiếm phận! (Hiện thời đang là Mạt Pháp, tại gia cư sĩ nghiên cứu diễn thuyết cùng đồng đạo, cố nhiên không có gì là chẳng được. Nếu cứ chiếu theo nghi thức giảng kinh, đấy chính là chuyện của pháp sư xuất gia, cư sĩ làm theo đó chính là "tiếm việt"). Đứng diễn thuyết cũng không thích hợp, rất mất ý nghĩa kính trọng pháp (trên đây là lời đáp cho điều thứ nhất).

Phật gia hộ cho kẻ nào đáng nên gia hộ; nếu là kẻ chẳng nên gia hộ mà cứ gia hộ ắt kẻ ấy sẽ bị tổn hại[269]. Nay chẳng luận trên sự việc là giả hay thật, chỉ luận về chuyện "do sự gia hộ sẽ bị tổn hại hay hữu ích". Phàm là người có sự hàm dưỡng sâu xa, hễ tâm quang vừa phát ra, nhất định càng thêm khiêm tốn tự náu mình, nhất định sẽ từ ngay nơi sự hiểu được lý. Người như

---

[268] Đàn Hương (Sandalwood), tức Chiên Đàn, là một loại thuộc gỗ thơm, còn có tên là Bạch Đàn, vốn phát xuất từ Ấn Độ. Gỗ có sắc vàng, có mùi thơm ngát, dịu dàng nên thường được dùng để chế hương. Các loại Đàn Hương của Trung Quốc đôi khi chế bằng Giáng Đàn Hương, tức là một loài cây khác thuộc họ Đậu, sớ gỗ hơi hồng, có mùi thơm nhẹ hơn.

[269] Sự gia hộ được nói đến ở đây bắt nguồn từ nghi vấn được nhắc đến trong Giáo Quán Toát Yếu Luận: *"Hàng Sơ Tâm thuộc Viên Giáo và Biệt Giáo có được Phật gia hộ để thấy được lý tánh hay không?"* Theo luận ấy, hàng Sơ Cơ Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, nếu chỉ dựa trên tự lực sẽ chẳng thấy được lý tánh, do Phật lực gia hộ nên mới thấy được tánh, mới hiểu được những giáo nghĩa được giảng trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tổ nhấn mạnh người tham cứu tự tánh sẽ được Phật lực gia hộ hay không tùy theo sự hàm dưỡng của người ấy, nhắc lại ý kiến chính của Giáo Quán Toát Yếu Luận là Phật chỉ gia hộ cho những ai do thấy được tánh rồi sẽ càng thêm khiêm nhượng, tấn tu, do tấn tu sẽ ngày càng tăng tấn, do tâm càng thêm thanh tịnh nên càng dễ cảm được Phật gia hộ. Tổ dùng những ý này để đả phá kiến chấp của ông Chương Duyên Tịnh cho rằng Niệm Phật phải kèm thêm tham cứu cái tâm để được tăng thêm phần gia hộ của Phật lực, chứ không lo thật hành "tịnh niệm tiếp nối" hòng giữ cho cái tâm được thanh tịnh thì tự nhiên cảm được Phật gia hộ!

thế được gia hộ sẽ hữu ích. Nếu [là kẻ] thiếu hàm dưỡng, chẳng chú trọng sự tu, chuyên chú trọng nghiên cứu lý tánh, sẽ trở thành kẻ cuồng huệ tự cao tự đại, tuy tợ hồ có ích nhưng thật ra đối với hậu học và pháp đạo ắt tổn hại lớn lao. Vì thế, hễ được gia hộ bèn thâu liễm thì sẽ lại được gia hộ. Nếu sau này vẫn cứ thường như thế, thì hễ một phen được gia hộ bèn được gia hộ mãi mãi. Nếu khi ấy đúng là như thế, sau đấy lại y như cũ thì để phòng ngừa hậu hoạn[270], hãy bỏ [sự tham cứu] đi sẽ càng thêm ích lợi. Chỉ sợ ông chưa có sự hàm dưỡng thuần túy thâm trầm, có lẽ sau này sẽ coi niệm Phật chẳng cao siêu, mầu nhiệm bằng tham cứu cái tâm. Vì thế, hãy bỏ ngay [sự tham cứu] đi thì còn có thể giữ nguyên được thiện căn vãng sanh của mình lẫn người. Bởi vậy, chẳng nên thêm [sự tham cứu vào pháp Niệm Phật] (từ trên đến đây là lời đáp cho điều thứ hai). Hiểu rõ lý tánh để liễu sanh tử, phải là địa vị Thất Tín trong Viên Giáo mới làm được, đủ biết rằng chẳng chú trọng niệm Phật sẽ bị mất mát lớn lao không gì có thể ví dụ được!

156. Thư trả lời thầy Tu Tịnh

Hết thảy pháp môn đều cậy vào tự lực để liễu sanh tử; pháp môn Niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử chẳng phải là chuyện có thể thực hiện xong trong một hai đời. Bậc chứng Sơ Quả còn phải bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian, mới chứng Tứ Quả. Tứ Quả là liễu sanh tử! Người chưa chứng Sơ Quả thăng trầm bất định. Kẻ đời này tu hành rất khá, đời sau tạo nghiệp lớn lao, trong trăm kẻ có đến hơn chín mươi người. Bậc chứng Sơ Quả, dẫu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v… Nếu không xuất gia, cũng sẽ cưới vợ. Nếu buộc họ tà dâm, họ thà chết chẳng làm! Vị ấy tuy chưa liễu sanh tử, quyết định chẳng bị đọa xuống, còn kẻ chưa chứng Sơ Quả thì không chắc! Dẫu một đời, hai đời chẳng tạo nghiệp, chắc chắn khó thể vĩnh viễn không tạo nghiệp. Vì thế biết: Cậy vào tự lực đoạn Hoặc chứng Chân khó khăn như lên trời vậy!

Người niệm Phật ắt phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, quyết định cầu Phật gia bị trong đời hiện tại, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Lúc bình thường niệm Phật, phải [thành khẩn] như làm đám tang cho cha mẹ, [phải tích cực] như cứu đầu cháy; lại phải đem pháp môn này tùy phần tùy sức nói với hết thảy mọi người; lại còn

---

[270] Ý nói: Trong lúc tham cứu, được Phật lực gia hộ nên thấy được tánh (tức ngộ, nhưng chưa chứng), nhưng rồi không chịu khiêm nhượng, tấn tu, vẫn giữ nguyên tập khí cũ, sẽ dễ bị ma chướng, nên chẳng thà không tham cứu, cứ chăm chú giữ cho tịnh niệm tiếp nối mà niệm Phật sẽ được lợi lạc hơn.

đối với mọi chuyện đều phải trọn hết bổn phận của chính mình để được mãn nguyện.

Muốn xem kinh, trước hết hãy nên đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Muốn đọc những sách nông cạn, gần gũi thì hãy đọc Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Gia Ngôn Lục. Lại muốn đọc những sách thiết yếu, hết sức thâm diệu, vừa dễ lãnh hội thì hãy nên đọc Tịnh Độ Thập Yếu. Muốn biết sự tích vãng sanh xưa nay, hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Hiện thời chẳng thể gởi sách, hãy nên mượn xem từ chỗ của cư sĩ Tạ Huệ Lâm ở số ba mươi hai phố Đông Châu cửa Bắc [thành phố] Thành Đô, các kinh sách ấy ông ta đều có, nhưng không thể tặng cho người khác. Hơn mười năm trước đây, Quang gởi mấy chục gói kinh sách các thứ cho Trùng Khánh Phật Học Xã, chắc họ hãy còn. Hãy hỏi các ông Vương Hiểu Tây, Thư Thứ Phạm, Vương Thích Quân v.v… thuộc Phật Học Xã, có lẽ họ sẽ có sách để tặng cho ông; nếu không, thì mượn xem. Ở chỗ ông Tưởng Đặc Sanh tại ngõ Tam Nguyên Cung ở huyện Tam Đài chắc cũng còn, nếu còn, sẽ gởi cho ông. Gởi sách cho Tứ Xuyên, chỉ có Trùng Khánh Phật Học Xã là được gởi nhiều nhất, kế đó là ông Tưởng Đặc Sanh. Ở chỗ ông Tạ Huệ Lâm bất quá [chỉ có thể] cho ông mượn đọc, chứ chẳng thể tặng cho người khác được!

Pháp môn Niệm Phật thực hiện dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng; đi, đứng, nằm, ngồi, trong hết thảy mọi lúc, hết thảy chỗ, đều có thể niệm. Nếu áo mũ tề chỉnh, tay và mặt sạch sẽ, niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu ngủ nghỉ và áo mũ chẳng chỉnh tề, còn chưa rửa ráy, súc miệng, hay đến chỗ bất tịnh, hoặc lúc đại tiểu tiện, đều phải niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Dù ngủ cũng chẳng nên lõa lồ, hãy nên mặc quần áo, trong tâm thường giữ lòng kính sợ, chớ nên phóng túng.

Muốn thâu nhiếp vọng niệm thì điều thiết yếu bậc nhất là phải giữ lòng cung kính, thường [nghĩ] như thân đang đối trước đức Phật, chẳng dám dấy lên những thứ suy tưởng khác. Điều thiết yếu thứ hai là từng câu, từng chữ trong tâm phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi miệng niệm cho rõ ràng, rành rẽ thì vọng tưởng sẽ dần dần tiêu diệt. Dẫu niệm thầm cũng phải nghe, bởi tâm vừa dấy niệm liền có tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, đương nhiên rõ ràng, rành rẽ.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, đấy là bậc nhất”*, chú trọng ở nơi nghe. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Tâm là ý căn, miệng là thiệt căn, nghe chính là nhĩ căn. Tâm niệm, miệng niệm, tai nghe. Hễ ba căn này được nhiếp rồi thì mắt cũng chẳng thể ngó Đông ngóng Tây, mũi cũng chẳng thể ngửi khí vị khác, thân cũng chẳng dám buông lung, giải đãi, vì thế gọi là *“nhiếp trọn sáu căn”*. Nhiếp trọn sáu căn để niệm sẽ tự không có vọng niệm ô tạp, nên gọi là *“tịnh niệm”*. Tịnh niệm ắt phải thường thường tiếp nối

chẳng đoạn, vì thế gọi là *"tịnh niệm tiếp nối"*. Nếu tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng sẽ đắc Niệm Phật tam-muội. Cách *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* này là diệu pháp bậc nhất để đắc tam-muội. Vì thế nói: *"Đắc Tam Ma Địa, đấy là bậc nhất"*. Tam Ma Địa chính là tên khác của tam-muội. Niệm như thế, chắc chắn sẽ có ngày được "tịnh niệm thường tồn tại, vọng niệm hoàn toàn không còn!"

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, đã từng cự tuyệt hết thảy thư từ. Thương lòng thành của ông nên giảng cho ông về cách nhiếp tâm và biện pháp thỉnh kinh sách, nhưng kinh sách đã lâu sợ rằng chẳng còn nữa, dẫu mượn chẳng được cũng có lợi ích. Nếu mượn được, hãy hành theo đó thì vãng sanh sẽ là điều chắc chắn đạt được!

Phụ Lục

1. Bài ca tụng nêu tỏ những ý nghĩa ẩn kín của việc Tiền Vũ Túc Vương[271] Giương Nỏ Bắn Sóng Biển

(khi bản văn này gởi đến, bản in đã gần như sắp xếp xong, không xếp vào đâu được, liền chèn vào đây, cũng gọi là Phụ Lục)

Kính lễ Vũ Túc Vương, từ trời thẳm giáng thần, nhóm dân lập quân nghĩa dũng, diệt [Hoàng] Sào, giết [Đổng] Xương[272], công lao đại nghiệp

---

[271] Tiền Vũ Túc Vương tức Ngô Việt Thái Tổ, tên thật là Tiền Liêu (852-932), tự Cụ Mỹ (có sách ghi là Cự Mỹ), người huyện Lâm An, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, người sáng lập ra nước Ngô Việt vào thời Ngũ Đại. Vào cuối đời Đường, do theo tướng quân Đổng Xương dẹp yên loạn Hoàng Sào, Tiền Liêu lãnh chức Trấn Hải Tiết Độ Sứ. Sau đó, Tiền Liêu đánh bại Đổng Xương, chiếm cứ mười ba châu huyện thuộc vùng Lưỡng Chiết (nay là toàn bộ tỉnh Chiết Giang, phần Đông Nam của tỉnh Giang Tô và phần Đông Bắc tỉnh Phước Kiến. Những vùng đất này thuộc lãnh thổ nước Ngô và Việt thời Xuân Thu Chiến Quốc, nên khu vực này được gọi chung là Ngô Việt), được phong làm Ngô Việt Vương. Tiền Liêu chú trọng phát triển nông nghiệp vùng Ngô Việt, cho đắp đê trên sông Tiền Đường từ năm 907 đến 932 để ngừa nạn lụt cũng như thiết kế mạng lưới thủy lợi nhằm điều hòa mực sông. Chuyện bắn sóng để buộc thủy triều rút ra xa được tiến hành trong khoảng thời gian này. Nước Ngô Việt tồn tại từ năm 907 đến 978.

[272] Đổng Xương (?-896) là người huyện Lâm An, tỉnh Chiết Giang. Năm Càn Phù thứ hai (875) đời Đường Hy Tông, Vương Trình dấy loạn tại Giang Tây, Đổng Xương tự chiêu mộ nghĩa quân chống lại. Sau khi đánh bại Vương Trình, Đổng Xương được phong là Cảnh Trấn tướng quân. Năm Càn

lớn lao, cổ kim ít sánh bằng. Được phong tại Ngô Việt, giúp nước chẳng tai ương. Tính đắp đê ngăn biển, phát triển nghề nông tang. Sóng to, nền khó vững, tế thần cầu giáng phước, lại sai các tinh binh giương nỏ bắn vệt sóng. Sóng rút, nền đê vững; [ruộng nương] chẳng bị [sóng biển làm] hại, nên lợi nhiều. Hễ lòng thành ắt có cảm ứng. Bắn sóng chỉ nhằm hư trương thanh thế, vì sợ tâm quần hùng vẫn muốn đến xâm lăng. Bắn sóng, sóng rút đi, nhờ đấy, bọn cọp sói khiếp sợ. Đời loạn mấy chục năm, [riêng cõi] Ngô Việt ca tụng thái bình, yên ổn. Lo tính cho mọi người, ý niệm thật sâu dài. Vào thời Ngũ Đại[273] cuối đời Đường, không xứ nào yên ổn. Nho và Phật giáo ở Ngô Việt được xiển dương từ đời Thịnh Đường. Lúc ấy, nếu không có xứ Ngô Việt, cương thường đều diệt mất. Bậc trung nghĩa xưa nay, không một ai chẳng tỏ lộ, ban đức sâu xa đầy tràn cho dân, dân cả nước ngưỡng vọng. Gã Vĩnh

---

Phù thứ sáu (879), Đổng Xương được sự phù tá của Tiền Liêu, đánh bại loạn quân Hoàng Sào, giữ yên được Hàng Châu, được thăng làm Thứ Sử. Năm 883, Đổng Xương thừa cơ đoạt binh quyền của Tiết Độ Sứ Châu Bảo, trở thành một tay quân phiệt đáng gờm ở vùng Chiết Giang. Năm 886, Đổng Xương đem quân vượt sông Tiền Đường, đánh bại Quan Sát Sứ vùng Chiết Đông là Lưu Hán Hoằng, chiếm trọn Việt Châu. Do đút lót với triều đình, họ Đổng được phong làm Thái Úy, Đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, tước Lũng Tây Quận Vương. Năm Càn Ninh thứ hai (895) đời Đường Chiêu Tông, do triều đình không phong cho họ Đổng làm vua vùng Ngô Việt, y bèn làm phản, tự xưng là hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Việt La Bình Quốc, lấy niên hiệu là Thuận Thiên. Đổng Xương phong Tiền Liêu làm Chỉ Huy Sứ, không ngờ Tiền Liêu khuyên họ Đổng nên bỏ đế hiệu. Đổng Xương không nghe liền bị Tiền Liêu trở giáo làm phản đánh bại, rồi trúng kế giả chiêu hàng của Tiền Liêu, bị giết chết tại đô thành Việt Châu.

[273] Cuối đời Đường, chính quyền trung ương suy vong, các tướng lãnh quân phiệt nổi lên cát cứ, tự lập quốc xưng vương. Năm vương triều kế tục nhà Đường trong thời gian trước khi Triệu Khuông Dẫn thống nhất Trung Hoa lập ra nhà Tống, được gọi chung là Ngũ Đại, gồm: Hậu Lương (907-923), Hậu Đường (923-936) Hậu Tấn (936-947), Hậu Hán (947-951) và Hậu Châu (951-960). Thịnh Đường là thời gian Đường thi được sáng tác phong phú, tuyệt diệu nhất trong đời Đường, tức khoảng từ niên hiệu Khai Nguyên cho đến hết niên hiệu Đại Lịch (713-779), chứ không phải là thời gian nhà Đường hưng thịnh nhất. Trong thời Thịnh Đường, tuy văn chương thi phú rất hưng thịnh, chính sự lại rất rối ren, điển hình là loạn An Lộc Sơn xảy ra vào cuối niên hiệu Khai Nguyên của Đường Huyền Tông (Đường Minh Hoàng).

Thục[274] tánh quái quỷ, báng Phật, giữ môn tường [đạo Nho], dốc chí tu chỉnh hai bộ sử, tính làm kế ngăn ngừa muôn đời. Gạt bỏ hết những lời đệ tử Phật, vu báng, miệt thị vua Ngô Việt, đến nỗi kẻ trung nghĩa ai nấy đều ôm lòng cảm thương. Xem bài biểu Lang Cương[275] của ông ta, đức của cha mẹ thật huy hoàng. Mặc tình riêng tư sửa sử, thật chẳng hổ thẹn quá sức. Cương lãnh của sách Đại Học là *"minh Minh Đức, cách vật trí tri"*, trong lòng ôm tư dục, khó được kết quả tốt. Kính khuyên các văn sĩ, khiêm tốn, kiềm chế, tự suy lường, chớ kiêu căng, lập dị, phải thuận theo lẽ trời. Khắc niệm cuồng thành thánh, mất niệm thánh thành cuồng. Thông minh khắc chế được ý niệm, lưu tiếng thơm muôn đời.

2. Lời Bạt

(một ngày mùa Thu năm Canh Thìn, Quảng Đức Tiền Văn Tuyển, Sĩ Thanh Phủ soạn tại chỗ cư ngụ ở Thượng Hải, lúc ấy tuổi đã sáu mươi bảy).

Ấn Quang pháp sư soạn bài tụng nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc Vũ Túc Vương bắn sóng, chỉ bày nguyên do thuở trước: Do Vũ Túc Vương bắn sóng mà sóng lùi ra xa, ấy là vì Thủy Thần cảm mộ đức hạnh bảo vệ dân chúng của Vương, chứ hoàn toàn chẳng phải vì sợ oai thế giương nỏ của Vương! Đời sau không có đức như Vương, toan bắt chước Vương giương oai, chưa thể nào đạt được như vậy. Trong tương lai in lại Văn Tập, hãy nên đem ý này nêu cho rõ ràng mọi lẽ. Pháp sư xiển minh những chân lý này, muôn đời chẳng mòn. Lại đọc ba điều quan trọng để cầu con do pháp sư dạy, chỗ nào cũng là lập luận từ trên căn bản, thật là lời văn có công đối với thế đạo. Thế nào là ba điều trọng yếu? Một là tiết dục để làm căn cơ cho nòi giống mạnh mẽ. Hai, tích đức là đạo trọng yếu để phát khởi phước. Ba là khéo dạy loài người tiến hóa. Nếu như người trong nước thiết thực phụng hành, dù đạt đến thái bình thịnh trị cũng chẳng khó! Có kẻ cho rằng Phật giáo phần nhiều chỉ cốt tốt đẹp cho riêng thân mình, lấy vãng sanh Tây Phương về Tịnh Độ làm điều gắng sức, dường như tiêu cực, hoàn toàn chẳng phải là tích cực. Nếu

---

[274] Vĩnh Thục là tên tự của Âu Dương Tu. Ông này rất nổi tiếng về những bài văn đả kích, xuyên tạc Phật giáo. Hai bộ Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử của ông ta có rất nhiều câu miệt thị những vua chúa tôn sùng Phật giáo là mê tín, hủ bại, giả nhân giả nghĩa, cũng như thẳng tay gạt bỏ những nhân vật và sự kiện thuộc giới Phật giáo đã chép trong hai bộ Cựu Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử.

[275] Bài Lang Cương Biểu do Âu Dương Tu viết vào năm sáu mươi bốn tuổi để truy điệu cha, lời lẽ rất cảm động, hết lời đề cao cha mẹ như những con người con người nhân đức, ưa làm lành.

nhìn từ bài văn này và bộ Văn Sao của pháp sư, quả thật [Phật giáo] là tích cực, chẳng phải là tiêu cực. Người đời nay chẳng suy xét, thường cho Phật giáo là trống rỗng, hư dối, đến nỗi Phật học chưa thể xiển dương rộng lớn, rạng rỡ. Do vậy, thế đạo suy vi, giang sơn mỗi ngày một đi xuống, thật đáng cảm khái! Thử nhìn thuở Phật học được xương minh, chính là lúc nhân loại thái bình. Nhìn ngược lại thời Ngũ Đại, thiên hạ đại loạn, kẻ giết người [nhiều] như mè, nhưng xứ Ngô Việt trong cả trăm năm nhân dân sống tới già chẳng biết đến chiến tranh, quả thật là do đạo nào mà đạt được như vậy?

Nếu nói "bởi Tiền Vũ Túc Vương đắp đê ngăn biển, phát triển nghề nông tang, khơi sông ngòi, mở mang thủy lợi khiến cho nhân dân giàu có, cho nên được như vậy"; cố nhiên là như thế, nhưng đạo căn bản vẫn chẳng nằm ở đó! Đương thời, nhân dân chẳng biết đến chiến tranh, quả thật là do công bảo vệ bờ cõi, giữ yên dân chúng của Vũ Túc Vương. Bảo vệ bờ cõi, giữ yên nhân dân chính là chẳng muốn so gươm chọi giáo, rộng mở sự kiêng giết. Muốn giảm thiểu sự tàn sát nhân loại, thì phải tôn sùng nguyên lý Phật giáo. Do một niệm chân thành ấy nên chẳng có cái tâm tự đại của Tử Dương[276], mà có điều răn tri túc của nhà Phật. Vũ Túc Vương được nguyên lý Phật giáo un đúc, nên có thiện niệm bảo vệ bờ cõi, giữ yên dân chúng ấy. Đấy là do tinh thần thường ngày hoằng dương, tuyên thuyết sự giáo hóa của Phật mà ra. Do vậy, La Ẩn khuyên vua đánh nước Lương (tức [nước Hậu Lương của] Châu Ôn), nói: "Nếu không thành công, vẫn có thể lui về giữ được Hàng Việt, tự xưng Đông Đế Vương", Vương vẫn chẳng nghe theo lời đó. Ấy là vì sợ một mai dấy binh chinh phạt phương Bắc, dân chúng sẽ gặp cảnh lầm than. Để một nhà, một họ được vinh hiển, cao sang, khiến cho người trong cả thiên hạ đều chịu thảm họa nước sâu lửa bỏng, lẽ nào đành nỡ? Tâm nào đành yên?

---

[276] Tử Dương là tên tự của Công Tôn Thuật (?-36), người xứ Mậu Lăng (nay là huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây) là một chính trị gia thời Hán. Thoạt đầu được phong làm Huyện Trưởng huyện Thanh Thủy (tỉnh Cam Túc), giữ yên một phương thái bình, nên Công Tôn Thuật rất kiêu ngạo, cho là mình tài năng không ai hơn. Đến khi Vương Mãng soán đoạt ngôi vua từ tay nhà Tây Hán, Công Tôn Thuật quy phục, được phong làm châu mục Ích Châu. Khi Quang Vũ trùng hưng nhà Hán vào năm 25, Công Tôn Thuật bèn tự xưng đế, đặt quốc hiệu là Thành Gia, niên hiệu là Long Hưng. Năm Kiến Vũ 12 (36 Tây Lịch), Đại Tư Mã Ngô Hán tấn công Thành Đô, giết sạch cả nhà họ Công Tôn, nước Thành Gia diệt vong. Trong Hán Thư quyển 5, truyện Mã Viện, có chép Mã Viện từng chê: *"Tử Dương (Công Tôn Thuật) là hạng ếch ngồi đáy giếng mà vẫn lầm lạc tự tôn, tự đại"*; do đó mới có điển tích *"Tử Dương tự đại chi tâm"*.

Đến khi Tống Thái Tổ thống nhất cả nước, Trung Ý Vương[277] liền vâng theo di huấn của Vũ Túc Vương nạp đất cho triều đình, xem bỏ nước như nhường lại nhà, trọn chẳng khiến dân vùng Ngô Việt phải chịu họa can qua. Đức của Vũ Túc Vương chẳng thấm nhuần riêng gì dân Ngô Việt thời ấy, mà phong thái tiếng vang truyền mãi hơn ngàn năm. Đến nay Hàng Châu vẫn còn mang danh xưng là Phật Quốc, phong tục thuần hậu, con người lắm thiện căn, vốn do lẽ này. Vũ Túc Vương tin Phật, nhất tâm làm lành, nên tích đức cho con cháu, liên tục dằng dặc, quấn quít chẳng suy, bao đời tế lễ trọng thể, được thờ phụng ngàn thu. Đây thật là quả báo do tin Phật. Càng vào đời loạn, càng phải đề cao Phật học khiến cho nhân loại đều có mỹ đức nhường nhịn lẫn nhau, không có dã tâm tranh đoạt, để tránh khỏi cái họa sát nhân, còn mong có ngày thái bình. Nay lúc khí phận trời Âu đang hừng hực, mưa Mỹ sắp ào tới, tương lai chết vì đại bác, phi cơ, chẳng biết mấy ngàn trăm vạn người! Nếu nhân sĩ Âu Mỹ triệt ngộ được Phật lý Trung Hoa, buông dao đồ tể, há chẳng thể thành Phật ư? Kiếp vận này toàn do con người tạo ra. Nếu có thể như Vũ Túc Vương tin Phật kiêng giết, một dạ vì dân dụng tâm, thì đại chiến bên Âu Mỹ sẽ ngừng, cái họa giết chóc sẽ tiêu. Chớ nói Phật giáo thuộc về tiêu cực, chưa thể cứu đời! Chuyện cũ của Vũ Túc Vương có thể lấy làm chứng cớ rành rành; do nhìn từ chỗ này, Phật học quả thật là mấu chốt để nhân loại hướng lành đổi lỗi. Nói: "Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành", nào phải cốt riêng tốt đẹp cho thân mình, mà là thật sự làm cho khắp thiên hạ đều cùng được tốt lành. Công lao của Phật lý, há có thể nói sơ sài mà tường tận được hết ư?

3. Nhất Thừa Quyết Nghi Luận Thuyết của Triệt Ngộ thiền sư

Muốn chẳng chuốc lấy nghiệp Vô Gián, đừng báng chánh pháp luân của Như Lai. Đấy là lời ứa lệ, đau buốt ruột gan thốt từ lòng đại từ bi của cổ đức. Bởi lẽ, đức Thích Ca Như Lai ta vì chúng sanh mà tu chứng pháp này trong vô ương số kiếp, hành hết thảy pháp khó hành, bỏ quốc thành, vợ con yêu thương, đầu mắt, tủy não, chẳng biết mấy ngàn vạn ức. Đến khi thành đạo,

---

[277] Trung Ý Vương (929-988) tên thật là Tiền Thục, cháu gọi Vũ Túc Vương Tiền Liêu bằng ông, là vua thứ năm của nước Ngô Việt. Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ hai (978) đời Tống, khi Tống Thái Tông thôn tính các nước chư hầu, Tiền Thục yếu thế, phải đến Biện Kinh. Để tránh cảnh tàn sát vô ích, Tiền Thục bằng lòng quy thuộc nhà Tống. Trung Ý Vương là thụy hiệu được Tống Thái Tông phong tặng sau khi ông mất.

vẫn dùng bình đẳng đại bi, thuận theo nghĩa lý Tất Đàn[278] để phô diễn. Vì thế, phàm mỗi câu, mỗi chữ đều là đuốc báu trong đêm dài vô minh, là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử. Phàm là hữu tình không ai chẳng được lợi ích! Nhưng các ông vẫn nhìn theo lẽ thông thường, mặc sức chê trách, chướng chánh pháp minh, làm mù con mắt của [người học trong đời] tương lai, gây nghi lầm cho chúng sanh, thật chẳng phải là chuyện nhỏ nhoi đâu! Bảo là vô tội, há có lẽ ấy hay chăng? Nay đem lý Nhất Thừa xẻo gọn mọi mối nghi, đại pháp quang minh cắt thật nhanh ngay, quét cho hết sạch mây mê, Phật nhật lại sáng tỏ rạng ngời, quả thật là đại kim thang[279] cho pháp môn vậy. Ngay trong lúc này, đối với thiên nhãn, pháp chấp, nếu các ông đã thông, đã quên, sẽ tự sanh được lòng tùy hỷ sâu xa. Nếu như chưa quên, chưa thông, nhất định sẽ mau chóng đạt được lợi ích thù thắng. Vì thế, biết: Soạn bài luận này, chẳng những chỉ hữu ích cho pháp môn, mà thật ra còn hữu ích cho các ông. Chẳng những chỉ có ích cho các ông mà còn hữu ích sâu xa cho những người học đời sau trong thiên hạ. Xin hãy lưu thông để rộng hành pháp thí.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên Quyển Thượng hết

---

[278] Tất Đàn (Siddhānta), dịch nghĩa là Tác Thành Tựu, Tông, Lý v.v… nghĩa là sự giáo hóa của đức Phật có thể chia thành bốn loại tổng quát, tức "thế giới, mỗi chuyện đều vì người khác, đối trị và đệ nhất nghĩa". Theo Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển một, chữ Tất Đàn là hợp dịch của tiếng Phạn và tiếng Hán, Tất là trọn khắp, Đàn là Đàn Na (dāna), tức bố thí. Đại Trí Độ Luận quyển một, giải thích chi tiết hơn về Tứ Tất Đàn như sau:

1. Thế Giới Tất Đàn: Tùy thuận pháp thế gian, nói ý nghĩa nhân duyên hòa hợp. Nói cách khác là dùng những tư tưởng, ngôn ngữ của thế gian để thuyết minh chân lý duyên khởi.

2. Các Các Vi Nhân Tất Đàn (gọi tắt là Nhân Tất Đàn): Ứng theo căn cơ, năng lực sai biệt của từng chúng sanh mà nói ra những pháp thực tiễn để chúng sanh sanh khởi thiện căn. Vì thế, Tất Đàn này còn gọi là Sanh Thiện Tất Đàn.

3. Đối Trị Tất Đàn: Ứng theo từng phiền não, từng chứng bệnh tham - sân - si của chúng sanh mà nói pháp đối trị. Do Tất Đàn này có tác dụng diệt trừ hết thảy phiền não ác nghiệp, nên còn gọi là Đoạn Ác Tất Đàn.

4. Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn: Phá trừ hết thảy luận nghị, ngôn ngữ, trực tiếp thuyết minh lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế, khiến cho chúng sanh thật sự khế nhập giáo pháp. Do vậy, Tất Đàn này còn gọi là Nhập Lý Tất Đàn.

[279] Kim thang là nói gọn của *"kim thành thang trì"*, tức thành dày vững như sắt, hào sâu thăm thẳm như ao nước sôi, không dễ gì vượt qua được.